

CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT
Thực hiện và giới thiệu dự án xuất bản



**UỐNG NƯỚC
NHỚ NGUỒN**

Huyền thoại CÔN ĐẢO



Cuốn sách này được xuất bản trong chương trình truyền thông
UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN do **CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT** thực hiện.
Đây là công trình xuất bản đền ơn đáp nghĩa, trao tặng Đảng bộ và Chính quyền,
nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI
2008

CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Thực hiện và giới thiệu dự án xuất bản



**UỐNG NƯỚC
NHỚ NGUỒN**

Huyền thoại CÔN ĐẢO

Công trình xuất bản đền ơn đáp nghĩa trong
Chương trình truyền thông và xuất bản mang tên
UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

SÁCH KHÔNG KINH DOANH

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI
2008

Chỉ đạo thực hiện nội dung và liên kết xuất bản
Nhà thơ ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG
Giám đốc Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt
Chủ nhiệm dự án xuất bản UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Chủ biên

Thạc sĩ BÙI VĂN TOẢN
Cựu tù chính trị Côn Đảo (1969-1975)

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN
Phó Giám đốc Công ty Văn hóa Trí Tuệ Việt
Trưởng ban biên tập

Biên tập và thực hiện nội dung

TRẦN MIÊU - TRẦN ANH TUẤN - TRẦN VĂN TRƯỜNG
HOÀNG VIỆT HÙNG - PHẠM LONG GIANG - ĐOÀN TUYẾT NHUNG
CAO NGỌC HÀ - PHẠM NGỌC ANH - TRUNG TRỰC

Với sự cộng tác và giúp đỡ đặc biệt của
BAN QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG CÔN ĐẢO

Trong sách có tham khảo và sử dụng tư liệu từ các nguồn ấn bản
do Ban Tuyên giáo Huyện ủy; Văn phòng HĐND - UBND huyện;
Phòng Văn hóa Thông tin; Ban liên lạc cựu tù Côn Đảo;
Ban Quản lý Di tích Lịch sử cách mạng Côn Đảo cung cấp.

Do nhiều yếu tố khách quan - chúng tôi không có điều kiện để liên hệ được hết với các tác giả có bài và ảnh đăng trong cuốn sách này, rất mong được các tác giả thông cảm và liên hệ với chúng tôi để nhận sách biếu. Mong các tác giả nhận từ chúng tôi lời cảm ơn chân thành nhất vì đã cùng chúng tôi tạo nên một công trình xuất bản Đền ơn đáp nghĩa với tất cả những ý nghĩa thiêng liêng và cao đẹp nhất.



Không có gì quý hơn độc lập tự do

Hồ Chí Minh



“Côn Đảo cũng như nhiều nhà tù nổi tiếng khác trong nước, là nơi tượng trưng cho khí phách anh hùng, tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam, cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam”.

*Trích lời Tổng Bí thư LÊ DUẨN
trong chuyến về thăm và làm việc
tại Côn Đảo năm 1976*



... “Cuộc chiến đấu bất khuất đầy dũng cảm và thông minh của các chiến sĩ Côn Đảo là những trang chói lọi của lịch sử cách mạng, được nối tiếp và nhân lên trong chủ nghĩa anh hùng cách mạng rực rỡ của nhân dân ta qua kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Sự hy sinh cao cả của biết bao liệt sĩ trong cuộc chiến đấu ấy đã và đang tiếp tục khai hoa kết trái trong những thắng lợi và thành tựu của dân tộc Việt Nam”.

Trích lời Thủ tướng PHẠM VĂN ĐỒNG

Trong lời tựa tập sách *Nhà tù Côn Đảo 1945-1954*,
NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.



...“Côn Đảo không những là tượng trưng cho quá khứ anh hùng, là niềm tự hào của dân tộc ta mà còn là nơi gieo cho mọi người niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc”.

Trích lời Tổng Bí thư NGUYỄN VĂN LINH

***Trong lời nói đầu tập sách *Côn Đảo ký sự và tài liệu*,
NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1998, tr.5-6***

Lời giới thiệu

Trong lịch sử đấu tranh đầy gian khổ hy sinh của dân tộc ta chống lại ách đô hộ của bọn thực dân, đế quốc, cái tên Côn Đảo như một vết tím thâm sâu khi phải nhắc đến sự tàn bạo, dã man của kẻ thù; nhưng cũng đồng thời là một dấu son đỏ chói về ý chí bất khuất, lòng yêu nước nồng nàn và những chiến tích anh hùng của những người cộng sản Việt Nam trong cuộc chiến đấu trực diện đầy cam go với giặc ở một nhà tù khét tiếng về sự độc ác.

Hơn một thế kỷ tồn tại qua hai chế độ thực dân, đế quốc, Côn Đảo nói chung và nhà tù Côn Đảo nói riêng đã trở thành một chứng nhân lịch sử về cuộc đấu tranh của nhân dân ta; đặc biệt là của những chiến sỹ cách mạng, chống kẻ thù xâm lược. Hàng vạn người đã bị địch giam cầm, hành hạ, tra tấn, đọa đày dã man trong nhà tù man rợ này. Hàng nghìn người đã hy sinh, bị kẻ thù giết hại; biết bao người khác bị kẻ thù tra tấn đến tàn tật suốt đời... Nhưng cũng từ nhà tù này, rất nhiều chiến sỹ cách mạng sau khi ra tù, đã trở thành những cán bộ kiên trung, những người lãnh đạo xuất sắc của Đảng và của Nhà nước ta...

Côn Đảo - không gì sâu đậm hơn trong ký ức và cảm nhận của bao thế hệ người Việt Nam trong những năm tháng đất nước còn chiến tranh, là ký ức về một nơi tù ngục, một “địa ngục trần gian” không đâu bằng! Nói đến Côn Đảo là nói về cái “địa ngục” ghê tởm đó. Thời Pháp, rồi thời Mỹ, trải qua 113 năm đằng đẳng, Côn Đảo như chìm trong nỗi đau bất tận của hàng vạn người tù mà hầu hết là những người con kiên trung của cách mạng, những người cộng sản ngoan cường, vì lý tưởng giải phóng dân tộc mà sẵn sàng chấp nhận gian khổ, hy sinh... Nhưng cũng không đâu hơn ở đó sự hiện thân chói ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của ý chí bất khuất của người cộng sản. Giữa cái chết và sự sống, ranh giới thật mỏng manh. Và, họ luôn sẵn sàng thà chết vinh còn hơn sống nhục! Cuộc chiến thầm lặng mà khốc liệt ấy luôn đòi hỏi một tinh thần sắt đá, một lòng trung thành vô hạn và một niềm tin tuyệt đối vào thành công của cách mạng. Cho nên, nhà tù Côn Đảo được xem là một trường học lớn của người chiến sỹ cách mạng mà

bài học lớn nhất là sự thử thách tình yêu Tổ quốc và khí tiết cách mạng. Cũng từ đó, Côn Đảo thật sự mang ý nghĩa thiêng liêng của một vùng “đất Thánh”...

Năm tháng qua đi, lịch sử không lặp lại. Nhưng lịch sử đau thương và ý chí bất khuất ở Côn Đảo của bao thế hệ chiến sỹ bị tù đày ở đây thì không bao giờ phai mờ. Bởi máu xương của họ, nỗi đau và niềm kiêu hãnh của họ đã hòa vào màu đỏ của lá cờ chiến thắng, của nền tự do độc lập cho Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO không chỉ là một cuốn sách nói về sự hy sinh lớn lao ấy, về ý chí kiên cường của những người chiến sỹ cách mạng nơi đảo xa trong cái địa ngục mà bọn thực dân đế quốc dựng nên; mà hơn thế nữa, còn là những tấm lòng, sự tri ân, những tình cảm sâu nặng và lòng biết ơn sâu sắc của những người đang sống và lao động trên đất nước thanh bình hôm nay đối với lớp lớp anh hùng, liệt sỹ và những người có công với nước, những người từng phải tù đày ở Côn Đảo và ở bao nhà tù khác dưới chế độ thực dân xâm lược.

Để cuốn sách có ý nghĩa này được ra mắt bạn đọc cũng như là món quà tinh thần có ý nghĩa cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ban biên tập Dự án xuất bản Uống nước nhớ nguồn đã nhận được sự giúp đỡ quý báu của các doanh nghiệp, doanh nhân trong cả nước; đặc biệt là Anh hùng Lao động Lê Văn Kiểm - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP ĐT & KD Golf Long Thành. Đây không phải lần đầu tiên mà đã nhiều lần ông đã dành những tình cảm cho đất và người Côn Đảo. Với ông - Tinh thần Côn Đảo sống mãi trong sự nghiệp của mỗi chúng ta.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO vì thế, là một biểu hiện sinh động và thiêng liêng từ đạo lý truyền thống “Uống nước nhớ nguồn - Đền ơn đáp nghĩa”.

**BAN BIÊN TẬP DỰ ÁN XUẤT BẢN “UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN”
CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT**

Hà Nội, ngày 2 tháng 9 năm 2008



Tùng là một tù nhân tại Côn Đảo, tôi không chỉ hiểu mà còn trực tiếp cảm nhận từng ngày về một chiến trường không ranh giới, trong đó, người chiến sỹ cách mạng - không vũ khí, không một tác sắt, một cây gậy trong tay - chỉ bằng sức mạnh tinh thần có cội nguồn là chủ nghĩa anh hùng cách mạng và lòng yêu nước, đã không hề run sợ khi đối mặt với kẻ thù tàn bạo, đã chiến đấu và chiến thắng như những huyền thoại. Đối với lịch sử nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng, nhà tù Côn Đảo cần phải được các sử gia của thời đại nhắc đến và ghi lại bằng những dòng chữ lửa không thể phai mờ được, bởi đó là một địa danh của lương tri con người.

Tôi vô cùng xúc động khi đọc những bài viết trong cuốn **Huyền thoại Côn Đảo**. Những tình cảm đã từng lắng đọng, từ trong những tháng ngày cam go nhất của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, ở nơi gian khổ khó khăn và nhiều thử thách nhất để bảo vệ lương tri và phẩm giá Việt Nam, có dịp trở lại làm lay động lòng người. Những tình cảm, suy nghĩ, sự đáp ứng chân thành của các tác giả trong cuốn sách làm trào dâng trong mỗi chúng ta khát vọng vươn tới cái cao cả, thiêng liêng và niềm tin vững chắc về ngày mai của dân tộc. Mỗi người Việt Nam yêu nước chắc chắn sẽ cảm thấy tự hào nếu được chứng kiến sự tiếp nhận trân trọng, sâu lắng, rộng rãi và phổ biến của lớp trẻ hôm nay với chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là phẩm chất cao đẹp của thế hệ cha anh mình.

Cùng với nhiều cuốn sách quý khác nói về cuộc chiến đấu bất khuất giải phóng dân tộc, cuốn **Huyền thoại Côn Đảo** do Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt chủ trì trong khuôn khổ Dự án xuất bản Uống nước nhớ nguồn với sự tài trợ của các doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam, sẽ góp phần bổ sung thêm những cứ liệu và sự kiện để chúng ta kiểm kê, đánh giá trữ lượng tinh thần cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, trở thành tài sản quý giá truyền lại cho các thế hệ mai sau.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

A handwritten signature in black ink, consisting of a stylized 'Z' followed by a long horizontal line that tapers to the right.

Trương Mỹ Hoa
Nguyên Phó Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam

CÔN ĐẢO - HÀO KHÍ THIÊNNG GIỮA BIỂN KHƠI TỔ QUỐC

TRẦN MINH SANH

Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu



Nằm ở phía Đông Nam nước ta, cách thành phố Vũng Tàu 97 hải lý và cách cửa sông Hậu 43,5 hải lý, Côn Đảo là một quần đảo có vị trí quan trọng về địa lý, lịch sử, kinh tế và quân sự. Trong tổng số 16 đảo của quần đảo thì đảo Côn Lôn lớn (mà ta vẫn quen gọi là Côn Đảo) có diện tích lớn nhất, rộng 51,52km²/77,28km² của toàn quần đảo.

Nhưng Côn Đảo được biết đến không chỉ có như vậy mà người ta nhắc tới Côn Đảo chính là nói tới một nhà tù tàn bạo vào bậc nhất của bọn thực dân, đế quốc đã tồn tại suốt 113 năm để giam cầm, tra tấn, hành hạ những người yêu nước, những chiến sĩ cách mạng Việt Nam.

Lịch sử của Côn Đảo có thể nói thấm đẫm máu và nước mắt; là lịch sử của nơi “địa ngục trần gian” mà tội ác và sự tàn bạo của kẻ thù mãi mãi không nguôi trong ký ức của bao thế hệ người Việt Nam ta. Nhưng trên hết ở Côn Đảo là những sự tích, là lịch sử đấu tranh anh hùng, bất khuất của lớp lớp các chiến sĩ cộng sản, của những người yêu nước chống lại những mưu ma chước quỷ thâm độc của giặc giữa nơi ngục tù khốc liệt. Lịch sử và bao sự tích hào hùng ấy tưởng như chỉ có trong huyền thoại để cho đến hôm nay và mãi về sau, dù trải bao năm tháng, vẫn tồn tại mãi theo thời gian và không gian như để cho hậu thế chiêm ngưỡng, kính trọng về lòng dũng cảm và ý chí cách mạng kiên cường - Đó là Di tích nhà tù Côn Đảo.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Hơn một thế kỷ trước, chỉ 4 năm sau khi đặt chân xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã cho xây dựng ở Côn Đảo một nhà tù để giam giữ những người yêu nước. Không chỉ là nơi giam giữ đơn thuần, kẻ địch còn coi đó là nơi để chúng thực thi và thử nghiệm những chính sách thâm độc nhằm thủ tiêu ý chí đấu tranh, tiêu diệt lòng yêu nước của người cách mạng Việt Nam. 93 năm sau, nằm trong mưu đồ xâm lược và biến miền Nam nước ta thành căn cứ quân sự, đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp, lại tiếp tục duy trì và xây dựng lớn hơn nhà tù Côn Đảo với những thủ đoạn thâm độc hơn và những hành động dã man tàn bạo hơn.

Hàng vạn chiến sĩ cách mạng đã bị địch giam cầm ở “Địa ngục trần gian” Côn Đảo. Từ nơi đây, hàng nghìn người đã hy sinh và biết bao người phải mang thương tật suốt đời... Chính ở nhà tù Côn Đảo, bọn tay sai ác ôn đã dùng đủ mọi cực hình tàn nhẫn, dã man hơn cả thời trung cổ để tra tấn, để hành hạ người tù. Cũng không chỉ là những đòn tra tấn trên thể xác mà chúng còn muốn hủy hoại tinh thần, ý chí của các chiến sĩ cộng sản trong tù. Hàng trăm năm tồn tại của nhà tù, không thể giấy mực nào kể hết những tội ác ghê tởm ấy của giặc; Cũng không thể nào kể hết được những sự tích anh hùng, những tấm gương oanh liệt, bất chấp nỗi đau đớn về thể xác và cả cái chết luôn cận kề, quyết giữ tròn khí tiết cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, với nhân dân. Giữa biển khơi xa tít tắp, trong mỗi phòng giam u ám, oi nồng và mặc cho cái đói, cái rét, vết thương và bệnh tật hành hạ, những chiến sĩ cộng sản vẫn ngoan cường tranh đấu, vẫn cùng nhau học tập, rèn luyện ý chí và giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Chính vì vậy, nhà tù Côn Đảo cũng là trường tranh đấu, tôi luyện con người. Rất nhiều đồng chí của chúng ta từ nhà tù Côn Đảo ra đã trở thành những cán bộ nòng cốt của phong trào cách mạng, trở thành những



Biển Côn Đảo

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta... Kẻ thù muốn gieo đau thương chết chóc nơi tù ngục Côn Đảo, nhưng chúng không thể ngờ rằng chính “mảnh đất” thương đau ấy lại là nơi trui rèn của người chiến sĩ cộng sản, những con người luôn coi lý tưởng vì dân vì nước là lẽ sống, là mục đích cố gắng của mình.

Cho nên cùng với nỗi đau luôn canh cánh bên lòng về những hy sinh mất mát mà kẻ thù gây ra cho hàng nghìn, hàng vạn đồng chí chúng ta nơi đây thì mỗi người Việt Nam qua các thế hệ luôn tự hào về dũng khí kiên cường, bất khuất của cha ông mình trong cuộc chiến đấu đầy khốc liệt ở nhà tù Côn Đảo. Chính họ đã góp phần làm nên ý chí và truyền thống quật cường của dân tộc Việt Nam. Xương máu và những hy sinh của họ đã tô thắm thêm lá cờ Tổ quốc trong cuộc đấu tranh vì nền độc lập tự do của dân tộc.

Chiến tranh đã lùi xa hơn ba mươi năm, những chứng tích của nơi “địa ngục” ở Côn Đảo có thể không còn nhiều, nhưng cuộc chiến đấu và những hy sinh của hàng vạn chiến sĩ cách mạng thì còn in đậm trong tâm trí của chúng ta. Cuộc sống hòa bình, độc lập hôm nay được xây dựng từ những hy sinh lớn lao ấy. Vì vậy, chúng ta luôn trân trọng quá khứ, biết ơn công lao của các anh hùng liệt sĩ, của những người có công với nước, của bao chiến sĩ đã đổ máu trong nhà tù thực dân, đế quốc. Hãy sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh lớn lao đó, xứng đáng với vùng đất Côn Đảo anh hùng!

Ngày nay, Côn Đảo đang không ngừng đổi mới và phát triển để trở thành một mảnh đất đẹp giàu giữa vùng biển Đông Nam Tổ quốc.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh sáng kiến xuất bản của Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt và sự chung tay góp sức của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành cùng anh hùng Lao động - Cựu chiến binh Lê Văn Kiểm; các doanh nhân, doanh nghiệp trong cả nước đã tạo nên công trình xuất bản *Huyền thoại Côn Đảo* giàu ý nghĩa. Đây là một tài liệu quý, không chỉ góp phần gìn giữ những hình ảnh, những chứng tích về một trong những địa danh và di tích lịch sử nổi tiếng mà còn góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ về những đóng góp và sự hy sinh to lớn của các thế hệ cha ông.

Cuốn sách còn là sự ghi nhớ công lao của biết bao chiến sĩ cộng sản đã ngã xuống trong nhà tù của giặc; là nén tâm nhang tưởng nhớ anh linh của các liệt sĩ đã hy sinh trên mảnh đất Côn Đảo. Từ ý nghĩa cao đẹp ấy, việc xuất bản cuốn sách *Huyền thoại Côn Đảo* là một nghĩa cử rất đáng trân trọng; Một lần nữa xin cảm ơn nhiệt tâm và những cố gắng của Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành cùng Hội đồng biên soạn cuốn sách và trân trọng giới thiệu với bạn đọc gần xa tập sách đầy ý nghĩa này.

CÔN ĐẢO VÀ NHỮNG TRUYỀN THUYẾT



Hòn Trác Hòn Tài

Giữa đại dương mênh mông, những ngọn núi sừng sững mọc lên, trầm lặng và thanh thản... Côn Đảo là kết quả của cuộc thách đố giữa núi và biển. Và còn nữa, đó là cuộc thách đố bất tận cả trong truyền thuyết dân gian và trong lịch sử cách mạng hào hùng; tạo nên những câu chuyện, những sắc màu văn hóa riêng và hấp dẫn. Côn Đảo, vì thế càng thiêng liêng hơn.

CÔN ĐẢO TRÊN BẢN ĐỒ TỔ QUỐC

Côn Đảo là một quần đảo gồm 16 hòn đảo lớn nhỏ nằm ở Đông Nam nước ta; Cách Vũng Tàu 97 hải lý và cách sông Hậu 45 hải lý. Côn Đảo có cùng một kinh độ với thành phố Hồ Chí Minh (106°36' Kinh Đông) và cùng vĩ độ với tỉnh Cà Mau (8°36' Vĩ độ Bắc).

Sử sách nước ta xưa nay gọi hòn đảo lớn nhất của quần đảo là Côn Lôn (gọi tắt là Côn Đảo), cả quần đảo này cũng gọi chung bằng địa danh ấy. Người ta cũng thường gặp những cách gọi khác gần gũi như: Côn Lôn, Côn Nôn, Côn Sơn. Năm 1977, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định tên gọi chính thức là Côn Đảo.

Tổng diện tích của quần đảo là 76km². Trong đó:

Côn Lôn tức Côn Đảo (còn gọi là PHÚ HẢI) là đảo lớn nhất có hình dạng như một con Gấu lớn quay lưng về đất liền, chân hướng ra biển Đông, chiều dài khoảng 9km, chỗ hẹp nhất khoảng 1km; diện tích 51,520km², chiếm gần 2/3 tổng diện tích của quần đảo.

Hòn Côn Lôn nhỏ - tức Hòn Bà (còn gọi là Phú Sơn); diện tích 5,450km², chỉ cách hòn Côn Lôn về phía Tây Nam bởi một khe nước khoảng 20m còn được gọi là Họng Đầm (hay Cửa Tử). Giữa 2 đảo là vịnh Tây Nam. Nơi đây mực nước sâu và khuất gió rất thuận lợi cho tàu thuyền tránh sóng. Một cảng biển đã được xây dựng, gọi là Cảng Bến Đầm.

Theo truyền thuyết, vào thế kỷ 18 (1784) Nguyễn Ánh đã bỏ người vợ thứ của

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

mình là Lê Thị Răm (tức Thứ phi Phi Yến) nơi hòn đảo này để đi theo Bá Đa Lộc xin cầu viện nước Pháp. Kể từ đó hòn Côn Lôn nhỏ được gọi là Hòn Bà.

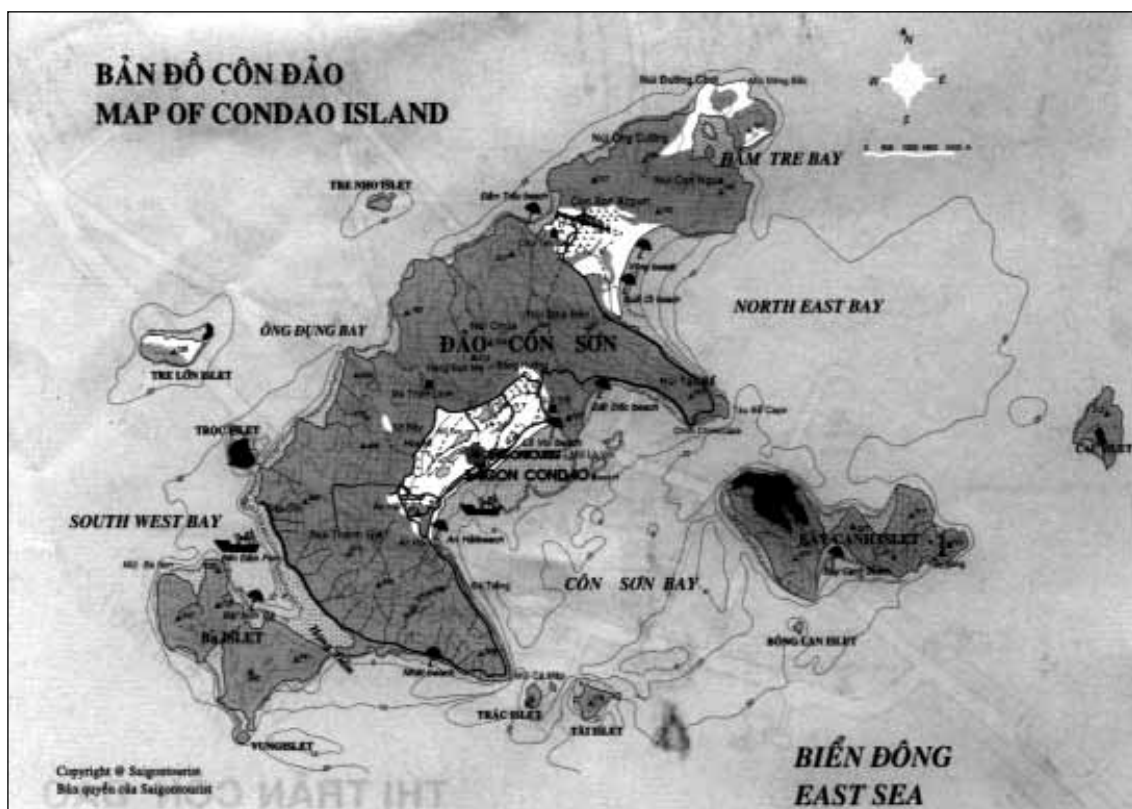
Hòn Bảy Cạnh (hay Phú Cường) cách Côn Lôn 7km về phía Đông Nam, diện tích 5,500km². Ở đây có ngọn hải đăng xây dựng từ năm 1883. Hiện nay ngọn hải đăng này vẫn đang hoạt động với tầm bán kính 72km để hướng dẫn tàu thuyền đi lại gần vùng biển Côn Đảo.

Hòn Cau (hay Phú Lệ) diện tích 1,800km² nằm cách Côn Lôn 12km về phía Đông. Nơi đây có một trại giam tù lao động khổ sai. Những năm đầu thập niên 1930, thực dân Pháp đã chuyển toàn bộ tù nhân về đảo chính và đưa toàn bộ bệnh nhân phong hơn 120 người ở Nhà thương cùi ra cách ly nơi đây. Đến 1945, toàn bộ bệnh nhân phong đã chết hết.

Hòn Bông Lan (hay Phú Phong), có diện tích 0,200km², với hình dạng như miếng bánh Bông Lan, nằm kề bên hòn Bảy Cạnh.

Hòn Vung (hay Phú Vinh), diện tích 0,150km² có hình dạng như chiếc vung nồi úp chụm lên mặt biển xanh, nằm kề bên Hòn Bà.

Hòn Trọc (hay Phú Nghĩa), có diện tích 0,400km², nằm về phía Tây Nam của hòn Côn Lôn. Đây cũng là nơi khai thác nguồn ngọc trai quý giá nên còn gọi là Hòn Trai.



HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Hòn Trứng (hay Phú Thọ) có diện tích 0,100km² với hình dạng như một quả trứng khổng lồ, nằm ở hướng Đông Bắc của hòn Côn Lôn. Đây là nơi xây tổ, đẻ trứng các loài chim biển.

Hòn Tài Lớn (hay Phú Bình), diện tích 0,380km².

Hòn Tài Nhỏ (hay Phú An), diện tích 0,100km².

Hòn Trác Nhỏ (hay Phú Thịnh), diện tích 0,100km².

Hòn Trác Lớn (hay Phú Hưng), diện tích 0,250km².

Bốn hòn đảo này là một chuỗi đảo liên tiếp nối với hòn Bông Lan trải dài từ Đông Bắc xuống Tây Nam che chắn bên ngoài hòn Côn Lôn.

Hòn Tre Lớn (hay Phú Hòa), diện tích 0,750km².

Hòn Tre Nhỏ (hay Phú Hội), diện tích 0,250km².

Hai hòn đảo này nằm về phía Tây và Tây Bắc của hòn Côn Lôn, ở đây có tre mọc thành rừng dày đặc. Năm 1930 - 1931 thực dân Pháp đã dùng hòn Tre Lớn làm nơi lưu đày tù chính trị như ở Hòn Cau. Nơi đây đồng chí Lê Duẩn bị thực dân Pháp đày ải làm khổ sai một thời gian.

Hòn Anh (hay Hòn Trứng Lớn)

Hòn Em (hay Hòn Trứng Nhỏ)

Hai hòn đảo này nằm về phía Tây Nam của hòn Côn Lôn, khoảng cách gần 25 hải lý.

Do vị trí địa lý quan trọng trên đường hàng hải Âu - Á, Côn Đảo đã được Người phương Tây biết đến rất sớm.

Từ thế kỷ XIII (1294) đoàn thuyền của nhà thám hiểm người Ý tên Marco Polo, gồm 14 chiếc trên đường từ Trung Hoa về nước bị một cơn bão nhấn chìm mất 8 chiếc, số còn lại đã dạt vào trú tại Côn Đảo.

Thế kỷ XV - XVI có rất nhiều đoàn du hành của Châu Âu ghé vào Côn Đảo.

Cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII tư bản Anh, Pháp đã bắt đầu nhòm ngó các nước phương Đông. Nhiều lần các công ty Đông - Ấn của Anh, Pháp cho người tới Côn Đảo điều tra, dò xét tình hình.

Năm 1702, năm thứ 12 đời chúa Nguyễn Phúc Chu, công ty Đông - Ấn của Anh ngang nhiên đổ quân lên Côn đảo xây dựng pháo đài, cột cờ.

Sau 3 năm (ngày 3 - 2 - 1705) cuộc nổi dậy của người Mã Lai MACASSAR (lính đánh thuê của chính quyền Anh) do chính quyền chúa Nguyễn chủ trương. Đoàn quân Anh phải rời bỏ Côn Đảo.

Ngày 28 - 11 - 1783, Pigneau de Bohaine (Bá Đa Lộc) trong chuyến đưa Hoàng

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

tử Cảnh và vương ấn của chúa Nguyễn Ánh về Pháp, tự đứng ra đại diện cho Nguyễn Ánh ký với Bá tước De Montmarin đại diện cho vua Louis 16 hiệp ước Versailles. Đó là văn kiện bán nước đầu tiên của Nhà Nguyễn nhường cho Pháp chủ quyền cửa biển Đà Nẵng và quần đảo Côn Lôn. Để đổi lại Pháp giúp Nguyễn Ánh 4 tàu chiến, 1200 lính, 200 pháo thủ, 250 người lính Phi để chống trả lại Tây Sơn. Nhưng nội tình nước Pháp lúc bấy giờ đang bị khủng hoảng rất nghiêm trọng nên triều đình Pháp không thể thực hiện được những cam kết, hiệp ước Versailles về mặt pháp lý cũng như trên thực tế không có giá trị gì.

Ngày 1- 9 - 1858 Pháp tấn công Đà Nẵng chiếm đóng bán đảo Sơn Trà, chuẩn bị đánh Huế.

Tháng 2 - 1859 sau những trận đẫm máu ở Vũng Tàu (10 - 2 - 1859), Cần Giuộc (11 - 2 - 1859) giặc Pháp hạ thành Gia Định (17 - 2 - 1859).

Tháng 4 - 1861, Pháp đánh chiếm Định Tường. Chính trong thời gian này, Pháp khẩn cấp đặt vấn đề chiếm đóng Côn Đảo và sợ Anh nhảy vào hốt tay trên vị trí chiến lược quan trọng này.

Theo lệnh của Thủy sư đô đốc Bonard, thông báo hạm Norzagaray đã tiến chiếm Côn Đảo. Lúc 10 giờ sáng ngày 28-11-1861, Trung úy hải quân Lespès Sébatian Nicolas Joachim ngang nhiên lập biên bản chiếm hữu Côn Đảo nhân danh Hoàng đế nước Pháp.

Ngày 14 - 1 - 1862 chiếc tàu chở hàng (Nievre) chở một số nhân viên ra đảo, họ có nhiệm vụ tìm vị trí thuận lợi dựng tạm hải đăng Côn Đảo, nhằm chống chế nếu có nước nào phản kháng hành động xâm lược.



Côn Đảo
nhìn từ Vệ tinh

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Nhà tù Côn Đảo - nhà tù đầu tiên thực hân Pháp thiết lập trong quá trình xâm lược Việt Nam.

Ngày 1 - 2 - 1862 Bonard ký quyết định thành lập nhà tù Côn Đảo, và từ đó biến Côn Lôn núi non hùng vĩ, biển trời trong lành thành “Địa Ngục Trần Gian”.

Tháng 3-1955, Thiếu tá Aloise Alanck, đại diện Chính phủ Pháp ký biên bản bàn giao quần đảo và đề lao Côn Lôn cho Thiếu tá Bạch Văn Bốn đại diện Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Sau đó Bạch Văn Bốn bàn giao cho Trần Văn Thiệu quản lý. Danh xưng quần đảo và đề lao vẫn được duy trì như dưới chế độ thực dân Pháp.

Ngày 22 - 10 - 1956, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh số 143/NV đổi Quần đảo Côn Nôn thành tỉnh Côn Sơn, một tỉnh không có dân cư, chỉ có người tù và bộ máy trị tù.

Ngày 21-4-1965, Phan Huy Quát ký sắc lệnh số 75/NV bãi bỏ tỉnh Côn Sơn, thiết lập nơi đây là một cơ sở hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương (thấp hơn cấp tỉnh nhưng cao hơn quận huyện). Đứng đầu là một Đặc phái viên hành chính.

Ngày 17-11-1974, Chính quyền Sài Gòn quyết định đổi Côn Đảo thành Thị trấn Phú Hải trực thuộc tỉnh Gia Định về mặt hành chính. Riêng an ninh, quân sự và nhà tù vẫn thuộc chính quyền Trung ương quản lý. Tên gọi các trại tù và các hòn đảo đều bắt đầu bằng chữ Phú.

Ngày 1 - 5 - 1975, Côn Đảo hoàn toàn được giải phóng trở thành tỉnh Côn Sơn.

Tháng 1 - 1977, Côn Đảo được đổi là huyện Côn Đảo thuộc tỉnh Hậu Giang sau thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 5 - 1979, Côn Đảo là quận thuộc Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo

Tháng 10 - 1991 đến nay là huyện Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Hiện nay Côn Đảo là một huyện có chính quyền 1 cấp, thông qua các cơ quan chức năng huyện, trực tiếp đến địa bàn dân cư. Dân số khoảng hơn 6.000 người, thuộc 9 khu dân cư.

Thị trấn Côn Đảo nằm trên một thung lũng hình bán nguyệt ở tọa độ 106⁰36'10" kinh độ Đông và 8^o40'57" vĩ độ Bắc. Cao độ trung bình khoảng 3m so với mặt nước biển. Chiều dài từ 8 đến 10km và chiều rộng từ 2 đến 3km. Một mặt trông ra Vịnh Đông Nam. Ba mặt còn lại vây quanh là núi, chính nơi đây tập trung toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của cả quần đảo.

TRUYỀN THUYẾT VỀ BÀ CẬU CÔN LÔN

Bà là ai? và Cậu là ai?

Bà tức là bà Phi Yến không rõ là vợ thứ mấy của chúa Nguyễn Phúc Ánh (Nguyễn Ánh) tục gọi là bà Lê Thị Răm...

Cậu là Hoàng tử Hội An con của đức bà Phi Yến và Nguyễn Ánh tục gọi là Hoàng tử Cải.

Tục truyền rằng vào khoảng cuối thu năm 1783 Nguyễn Ánh bôn đảo ra Côn Đảo để tránh sự truy đuổi của lực lượng Tây Sơn. Vì thất bại liên tục nên ông ta có ý định đưa Hoàng tử tháp tùng cùng linh mục Bá Đa Lộc sang Pháp làm con tin để cầu viện. Bà Phi Yến rất không bằng lòng về điểm này, và đây là những lời khuyên của bà:

- “Việc đánh nhau với Tây Sơn ta có thể coi như việc trong nhà, Chúa công nên dùng nghĩa binh trong xứ thì hơn. Chúa công mà nhờ sức mạnh của người ngoài về giải quyết vấn đề nội bộ dù ta có thắng Tây Sơn chăng nữa, cái thắng ấy cũng chẳng vẻ vang, thiếp e còn có lắm điều rắc rối tai tiếng về sau...”

Chỉ mấy lời khuyên can ấy mà Nguyễn Ánh nổi trận lôi đình, nghi bà Phi Yến có ẩn ý thông đồng với Tây Sơn. Trước cảnh búa rìu sấm sét của một vị chúa độc tài, bà Phi Yến vẫn giữ lập trường nhất định không cho Hoàng tử Hội An đi làm tội con cho giặc, muôn năm sau lịch sử sẽ bia truyền cái tội cũng răn cản gà nhà, rước voi về dầy mả tổ.

Nếu không có các quan cận thân ngăn cản ắt bà Phi Yến không thoát khỏi tội chém đầu. Tuy nhiên, Nguyễn Ánh vẫn còn ác ý làm khổ người vợ trẻ bằng cách sai giam cầm bà vào một động đá trên một hòn đảo hoang vắng. Địa danh Hòn Bà được bắt đầu từ đó.

Trước hang đá có nhiều tảng đá lớn chắn ngang để bà không ra được, trong hang chỉ có ít bánh nếp và một chum nước lã vừa đủ sống chừng nửa tháng trở lại.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Tại đó chỉ có con vượn bạch, một con vật hết sức khôn ngoan và rất trung thành vì bà nuôi nó từ nhỏ luôn luôn ở bên cạnh để hầu hạ bà.

Vừa nhốt xong bà Phi Yến bỗng nghe tin có quân Tây Sơn sắp tràn ra đảo. Nguyễn Ánh bèn cùng cung quyến và đám tùy tùng xuống mấy chiếc thuyền chạy ra Phú Quốc. Theo với đám người chạy loạn có con hắc hổ của Hoàng tử Cải, nó rất mến Hoàng tử, đi đâu nó cũng đi theo, nửa bước cũng chẳng chịu rời.

Khi thuyền sắp nhỏ neo, Hoàng tử thấy sao không có mẹ mình bèn hỏi thăm người kia, người nọ, có người trung nghĩa tiết lộ, mẹ của Hoàng tử đang bị giam cầm. Khi đó cậu bé mới khóc rống lên kêu gào thảm thiết để yêu cầu với cha là cho mẹ cùng theo, hoặc là được về với mẹ. Nguyễn Ánh không bằng lòng, bảo với các quan:



Đền thờ
bà Phi Yến

Thằng nhãi con này rất có thể một lòng với người mẹ phản trắc của nó. Ngay bây giờ nếu ta không trừ trước, biết đâu nó chẳng là một kẻ loạn thần, tặc tử sau này?

Nói đoạn chính tay ông vừa xách đầu thằng bé con vô tội ném xuống biển, vừa nói:

- Đấy mi muốn thế ta cho phép mi ở lại để được trọn niềm hiếu thảo với mẹ mi.

Khi thấy Hoàng tử lao đầu xuống biển, hắc hổ vội vàng phóng theo. Nhưng con hắc hổ có thể vào bãi cạn dễ dàng, còn thảm thương thay cho Hoàng tử Hội An mới có 5 tuổi nên phải chết chìm.

Hắc hổ sau khi lội được vào bờ không thấy Hoàng tử cùng lên, nó cứ đứng nhìn mãi ra biển cho đến khi thủy triều rút cạn nhìn thấy thi hài Hoàng tử nằm yên nơi bãi san hô. Nó bèn kéo thi hài của hoàng tử lên móc lỗ chôn tại giữa khu rừng gần bãi Đầm Trầu.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Dân làng Cỏ Ống thấy con vật mà ăn ở có nghĩa như vậy nên ai cũng động lòng bèn xúm nhau vun đất đắp đá cho nắm mộ được cao, rồi lập miếu phía trước mộ để thờ Hoàng tử. Miếu ấy được mệnh danh là Miếu Cậu.

Nói về con hắc hổ sau khi chôn cất Hoàng tử xong, tuy chỉ là con vật không hơn không kém song nó rất có nghĩa với Hoàng tử Hội An. Đêm lên rừng rậm non cao kiếm ăn, ngày về nằm bên mộ Hoàng tử kêu gào thảm thiết.

Một đêm kia, không rõ tình cờ hay do một lý do huyền bí nào chợt đen lại gặp vượn trắng. Tuy không biết nói nhưng vượn bạch đã tỏ dấu thế nào mà nó hướng dẫn con hắc hổ qua tận bên kia hòn đảo (tức Hòn Bà ngày nay) để được gặp đức bà Phi Yến đang bị giam cầm trong động đá. Sau mấy chập mừng mừng, tủi tủi hắc hổ và vượn bạch ra dấu hiệu như bảo bà cùng đi theo. Bà gượng sức leo lên lưng cọp cho nó cõng đi.

Hơn nửa ngày vượt suối qua đèo vất vả lắm mới được qua tới ven rừng Cỏ Ống.

Khi tới trước mộ Hoàng tử, hai con vật dừng chân lại, dân làng Cỏ Ống hay tin kéo đến rất đông và kể cho bà biết đây là nắm mộ của Hoàng tử.

Đau xót trước cảnh tình ấy dân làng bèn xúm nhau làm một ngôi nhà khá đẹp gần mộ Hoàng tử để bà được sớm hôm chăm sóc ngôi mộ đứa con vô phúc của mình.

Bởi bà Phi Yến có tên riêng là Rằm và Hoàng tử Hội An có tên riêng là Hoàng tử Cải nên người trong thời bấy giờ đặt ra câu hát:

*“Gió đưa cây Cải về trời
Rau Rằm ở lại chịu đời đắng cay”*

Trong thời gian này Bà Phi Yến có sáng tác nên bài thơ và truyền miệng cho đến ngày hôm nay:

*“Đốt nén hương thể tạ chúa công
Can vua nên nỗi tội thông đồng
Ngai vàng một thuở ngôi chưa vững
Bia đá ngàn năm vết vẫn còn
Máu chảy ruột mềm đau phận thiếp
Nồi da xáo thịt thỏa tình ông
Sông sâu, núi thẳm hoa mờ lệ
Đã khóc cho con lại khóc chồng”.*

Một hôm, làng An Hải có cuộc Đền chay khá lớn. Muốn cho cuộc lễ phước thiện ấy thêm phân long trọng, ban hội tề làng An Hải cử một bô lão làm đại diện và bốn dân phu qua tận làng Cỏ Ống để thỉnh Đức bà Phi Yến, khi đến nơi người ta dọn sẵn cho bà một gian phòng đặc biệt để bà có chỗ nghỉ ngơi.

Thuở ấy (1785) Đức bà Phi Yến mới 25 tuổi xuân, nhan sắc đang thời tươi thắm,

lộng lẫy như một bà tiên nên tên đô tể của làng An Hải là Biện Thi không ngăn nổi lửa lòng tà dục và hấn đã đi đến nước liễu. Đêm đó hấn giả say rồi lén chui vào phòng giữa lúc Đức bà đang ngon giấc, với sự quyết tâm hái mận bẻ đào. Khi hấn vừa mới động đến cánh tay thì Đức bà giật mình thức dậy và tri hô lên, tức thì tên Biện Thi bị dân làng tóm cổ đem đi đóng trần để chờ sự quyết định số phận.

Theo luân lý xưa không đợi khi có bị cưỡng bức mới gọi là thất tiết, chỉ cần nắm tay, động đến tà áo coi như bị xâm phạm tiết hạnh rồi. Đức bà Phi Yến bấy lâu nay tuy đã dứt tình, song vẫn giữ vẹn mình trong sạch, bởi thế đức bà đã tự mình chặt đứt cánh tay dơ dáy ấy và nhờ một bà lão đem chôn ở một nơi riêng biệt. Nhưng vẫn chưa thấy hết tội nhục trong lòng ngay đêm đó thừa lúc mọi người không để ý, Bà đã liều mình tự tử để được vẹn toàn danh tiết.

Khi tin chẳng lành này được bán ra, toàn thể dân làng Cỏ Ống phần uất chẳng khác nào lửa đổ thêm dầu với đủ thứ gây gộc, giáo mác kéo sang làng An Hải buộc dân làng An Hải phải làm thế nào cho Đức bà sống lại, bằng không họ sẽ tiêu diệt cả làng.

Do sự khôn ngoan dàn xếp của quan Hải trấn, dân làng Cỏ Ống dần dần bớt cơn thịnh nộ. Khi đó ông ta đưa ra giải pháp dung hòa như sau:

Làng An Hải làm heo tạ lỗi và giải nộp tên Biện Thi cho làng Cỏ Ống được toàn quyền định đoạt.

Số phận đã an bài cho Đức bà nằm xuống tại làng An Hải cũng nên theo ý trời để thi hài Đức bà lại cho dân làng An Hải lo việc tống táng và lập miếu thờ, hàng năm cúng bái có sự tham gia của giới chức và dân làng Cỏ Ống. Sau cuộc an táng thi hài của Đức bà, một cuộc hành quyết diễn ra tại làng Cỏ Ống, tên Biện Thi phải đền tội bằng cách xử bá đao, mỗi người dân làng Cỏ Ống đều cầm đao xẻo một miếng thịt của tên tội phạm.

Sau đó người ta truyền rằng Đức bà Phi Yến và Hoàng tử Hội An đã hiển thánh, thường hiện về mách bảo cho dân chúng biết điềm lành hay chuyện dữ sắp xảy ra.

Đức bà Phi Yến đã nêu cao tấm gương ái quốc, sáng suốt nhận định được quốc vận hậu lai, trước cảnh búa rìu sấm sét của một vị chúa độc đoán, bà vẫn một lòng cương quyết không đồng lõa với những hành động có tội với lịch sử.

Đến như Hoàng tử Hội An tuy mới lên 5 tuổi đã tỏ ra là đứa con chí hiếu, thà chịu chết với mẹ hiền còn hơn là tham sống với một người cha thô bạo.

Người xưa đã có 4 câu thơ đề tặng:

*“Lòng đất chôn sâu niềm uất hận
Lưng trời đeo mãi vết tang thương
Thương người cương trực liễu thân thể
Trách kẻ tà dâm dạ khó lường”*

Từ đó đến nay bà con, nhân dân Côn Đảo hàng năm đều tổ chức lễ giỗ Bà vào ngày 18 tháng 10 âm lịch.

Ban Quản lý Di tích Lịch sử Côn Đảo

DI TÍCH LỊCH SỬ CÔN ĐẢO



Nhà tù Côn Đảo

Côn Đảo nổi tiếng với những nhà tù được xây dựng từ hàng trăm năm qua để đày ải những chiến sĩ cách mạng Việt Nam; tàn bạo và dã man không thể kể xiết... Giờ đây, đó cũng chính là quần thể Di tích lịch sử nổi tiếng trên đảo. Di tích nhằm gìn giữ, bảo tồn những chứng tích lịch sử của một thời đau thương và anh dũng; đồng thời giúp các thế hệ sau ghi tạc ý chí bất khuất, công lao to lớn của các thế hệ cách mạng đã bị giam cầm ở đây, chiến đấu và hy sinh vì nền tự do độc lập của Tổ quốc. Cho nên Di tích lịch sử Côn Đảo là một dấu son trong trang sử truyền thống hào hùng của dân tộc chống lại kẻ xâm lăng, giành lại quyền sống và nền độc lập cho đất nước.

“HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO” LÒNG TRI ÂN ĐỐI VỚI CÁC THẾ HỆ TÙ NHÂN YÊU NƯỚC CÔN ĐẢO



Nhà tù Côn Đảo mãi mãi là biểu tượng của tinh thần đấu tranh bất khuất, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do cho tổ quốc Việt Nam của nhiều thế hệ nối tiếp. Những tấm gương, những sự tích anh hùng như huyền thoại hòa quyện vào tro xương của bao kiếp người không muốn mang nỗi nhục người dân nô lệ đang trộn lẫn trong cát bụi nơi đây.

33 năm sau ngày chấm dứt cảnh địa ngục trần gian Côn Đảo, đã có khá nhiều sách, báo và một số công trình nghiên cứu về nhà tù này.

Hiệu đính (và tuyển chọn thêm) về đề tài nhà tù Côn Đảo từ những bài viết của nhiều tác giả, với yêu cầu giới thiệu được những nét chủ yếu của 113 năm lịch sử nhà tù Côn Đảo trong bối cảnh hội nhập, quả thật là điều khó khăn bởi phải đối mặt với cả một quá trình lịch sử vô cùng sôi động, trong khi nguồn tư liệu vẫn còn hạn chế. Nhưng hai tiếng “Côn Đảo” như tiếng gọi thôi thúc trong lòng. Góp thêm một chút công sức, một chút tâm trí cho Côn Đảo, dù chưa thật trọn vẹn và chuẩn xác, thiết nghĩ cũng là một việc đáng làm.

Tập sách Huyền thoại Côn Đảo ra mắt như chút lòng tri ân đối với các thế hệ tù nhân yêu nước Côn Đảo.

Rất mong được tiếp nhận những ý kiến đóng góp, bổ sung của các nhà nghiên cứu và người đọc để tập sách được hoàn chỉnh thêm trong lần ra mắt sau.

Thạc sĩ BÙI VĂN TOÀN
Cựu tù Chính trị Côn Đảo (1969-1975)
Đồng chủ biên cuốn sách
“Huyền thoại Côn Đảo”

TINH THẦN CÔN ĐẢO SỐNG MÃI TRONG MỖI CHÚNG TA



Mỗi người Việt Nam chúng ta, mỗi khi nhắc tới địa danh Côn Đảo là trân trọng hướng tới nơi đã thấp lên chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong nhà tù của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc.

Giá trị của độc lập tự do cho Tổ quốc được tính bằng xương, bằng máu, bằng sự hy sinh anh dũng quật cường của các chiến sỹ cách mạng trên mặt trận cũng như trong chốn lao tù mà mỗi khi đặt chân đến nơi đây thăm từng tấc đất thấm đẫm máu xương của những người đi trước, chúng ta không thể cầm được nước mắt.

Thấp những nén nhang tâm linh hướng về những người đã khuất và những hoạt động đền ơn đáp nghĩa là một việc làm đầy ý nghĩa, là trách nhiệm, là tình cảm thiêng liêng trân trọng của mỗi chúng ta.

Khát vọng hòa bình với một cuộc sống tươi đẹp của các liệt sỹ năm xưa đang là hiện thực và hòa nhịp trong mỗi ngày chúng ta đang sống. Tôi rất vui mừng và trân trọng việc xuất bản cuốn sách Huyền thoại Côn Đảo, bởi những trang sách không những thể hiện lòng tri ân đối với thế hệ đi trước, mà còn là lời nhắc nhở tới thế hệ trẻ hôm nay đừng lãng quên quá khứ, hãy tiếp bước truyền thống đáng tự hào của cha anh để viết tiếp những trang sử mới của nước nhà trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Với tất cả ý nghĩa cao đẹp ấy, với tất cả sự trân trọng ấy - chúng tôi rất vinh dự cùng chung tay góp sức để cuốn sách Huyền thoại Côn Đảo được ra mắt bạn đọc cũng như là một quà tặng tinh thần có ý nghĩa kính tặng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Côn Đảo và Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Tôi tin tưởng rằng: Tinh thần Côn Đảo sống mãi trong mỗi chúng ta, trong mọi thế hệ người Việt Nam yêu nước.

**Anh hùng Lao động - Cựu chiến binh LÊ VĂN KIỂM
Chủ tịch HĐQT - TGD
Công ty CP ĐT & KD Golf Long Thành**

DI TÍCH LỊCH SỬ CÔN ĐẢO

HỆ THỐNG NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

Thời kỳ Pháp thuộc, nhà tù Côn Đảo được gọi là Đê lao Côn Nôn (hoặc Ngục Côn Nôn, Côn Lôn - Pétenier des Poulo-Condore) hoạt động theo quy chế đê lao; gồm có 3 bagné (tù nhân gọi theo Việt hóa là Banh) mang số 1, 2, 3. Ngoài ra còn có một số trại giam nhỏ ở các Sở lao động khổ sai. Nhà tù Côn Đảo chịu sự quản lý trực tiếp của Thống đốc Nam kỳ.

Sang thời kỳ Côn Đảo thuộc Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa lệ thuộc Mỹ, hệ thống nhà tù Côn Đảo có một số thay đổi về quy chế, tên gọi và số lượng trại giam.

(Giai đoạn từ khi tiếp nhận bàn giao của Pháp đến hết năm 1956, nhà tù Côn Đảo vẫn thực hiện quy chế Đê lao).

(Từ đầu năm 1957, Đê lao Côn Nôn được chia làm hai bộ phận:

- Trung tâm Huấn chính Côn Sơn gồm Trại Cải huấn 1 (Trại an trí Việt cộng ngoan cố), Trại Cải huấn 2, 3 (Trại giác ngộ và Trại ưu tú).

- Trại Cải huấn thuộc Sở Đê lao (tên gọi chung, nơi giam số tù án. Lúc đầu chỉ có tù án tư pháp - thường án - ở các sở ngoài. Về sau có thêm tù án chính trị).

(Ngày 19-11-1958, bằng Thông tri số 135-CS/VP do Phó Tỉnh trưởng Côn Sơn, Đại úy Nguyễn Văn Giới ký, quy định không gọi Trại Cải huấn 1, 2 mà gọi chung là Trung tâm Huấn chính. Riêng tên gọi Trại Cải huấn vẫn dùng đối với nơi giam giữ tù án.

(Tháng 4-1960, dịch xóa bỏ hai danh xưng nói trên, thống nhất lại tên gọi là Trung tâm Cải huấn Côn Sơn. Trong đó:

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Trung tâm Cải huấn 1 và Chi nhánh TTCH 1 quản lý tù câu lưu.

Trung tâm Cải huấn 2 quản lý các loại tù có án.

Tháng 5-1960, các TTCH được tổ chức lại như sau:

- TTCH 1 gồm Trại Nhân vị.
- Chi nhánh TTCH 1 gồm Trại Bác Ái và Trại Cỏ Ống.
- TTCH 2 gồm Trại Cộng Hòa và các sở ngoài.

(Tên gọi Trung tâm Cải huấn Côn Sơn tồn tại đến tháng 11-1974 thì thay đổi thành Trung tâm Cải huấn Phú Hải thuộc tỉnh Gia Định).

CÁC TRẠI GIAM Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

Bagne I (Banh 1).

Được tiến hành xây dựng đầu tiên ngay sau khi Côn Đảo biến thành nhà tù. Lúc đầu, việc xây dựng chỉ bằng tranh tre đơn giản. Đến năm 1874, Banh 1 gồm hai dãy nhà giam song song và một dãy xà lim nằm ngang ở cuối khu vực. Tuy nhiên, hiện trạng nhà giam bị hư đột nặng, năm 1876 nhà giam đã được sửa chữa, xây dựng kiên cố và đã hoàn thành hầu hết các chi tiết như sau này.



Banh 1

Banh 1 gồm 12 phòng giam, (trong đó có Hầm xay lúa gồm 2 phòng làm nơi ở và nơi lao động), 20 xà lim, nhà bếp, nhà ăn.

Thời kỳ Ngô Đình Diệm, bên trong Trại giam có xây một Nhà thờ, sửa lại khu vực Hầm xay lúa thành bệnh xá, một làm giảng đường, nơi bắt tù nhân học tập Tố Cộng, sau làm căng tin.

Tổng diện tích Bagne I là 12.015 m², trong đó diện tích phòng giam là 2.915 m².

Năm 1956 Bagne I đổi tên là Trại 1. Tháng 4-1960 đổi tên thành Trại Cộng Hòa. Ngày 7-11-1963 có tên Trại 2 và đến ngày 17-11-1974 có tên là Trại Phú Hải, cho đến ngày giải phóng.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Bagne II (Banh 2).

Khởi công xây dựng từ năm 1916, sát bên Banh 1 với tổng diện tích 13.2282m², trong đó diện tích phòng giam là 2.414 m².

Banh 2 gồm 14 phòng giam, gồm 13 phòng giam tập thể và khu biệt lập với 14 xà lim nằm bên ngoài tường rào, được ăn thông với trại giam bằng một cửa nhỏ gần cổng ra vào và các công trình phụ.

Năm 1956 có tên Trại 2. Đến tháng 4-1960 đổi lại thành Trại Nhân Vị. Ngày 7-11-1963 đổi lại thành Trại 3 và ngày 17-11-1974 đổi thành Trại Phú Sơn.

Bagne III (Banh 3).

Được khởi công xây dựng từ năm 1928.

Theo thiết kế ban đầu, Banh 3 là trại giam lớn nhất Côn Đảo, dự kiến làm nơi giam giữ 5.000 tù nhân, gồm hai khu vực trước và sau kéo dài từ ranh nghĩa địa Hàng Keo (anciene cimetièrre) đến ngã ba đường Quai Andouard (đọc bờ biển) và đường Massari (từ sân vận động chạy ra), bao luôn khu vực Nhà thương cù.

Khu vực phía trước gồm 11 dãy khám giam, nhà bếp và các công trình phụ.

Khu vực phía sau gồm 7 dãy khám giam (có hai dãy ngắn hơn), 2 dãy Chuồng Cọp, 4 dãy hầm lộ thiên, 7 khối nhà nhỏ (chưa rõ công năng, có một khối nhà, sau này là 2 phòng giam). Theo bản đồ thiết lập năm 1943, việc xây dựng mới hoàn tất một số hạng mục sau:

* Ở khu vực phía trước giáp nghĩa địa Hàng Keo: Xây xong nhà bếp, 3 dãy khám giam, mỗi dãy 4 phòng.

* Ở khu vực phía sau.

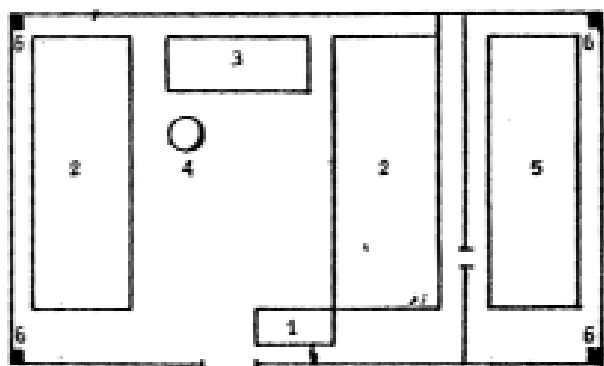
- Một khối nhà nhỏ, gồm 2 phòng giam gần ranh nghĩa địa Hàng Keo.

- Hai dãy Chuồng Cọp, 120 xà lim.

- Bốn dãy hầm lộ thiên.

- Hai khối nhà nhỏ phía sau nhà thương cù.(2)

Tuy nhiên trước đó, theo báo cáo của Giám Đốc Trung ương Khám đường Victor Castuer ngày 30/10/1942 (3), trong chuyến thị sát Côn Đảo từ 13 đến 23-10-1942,



SƠ ĐỒ BANH III (Xây từ năm 1928)

1. Văn phòng Xếp banh.
2. Các khám giam.
3. Khu nhà bếp.
4. Giếng nước.
5. Khu biệt giam (xà lim).
6. Các vọng gác (■).

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO



Trại giam Phú Sơn



Bên trong cửa Chuồng Gà (biệt lập trại I)



Trại giam Phú Hải



Trại giam Phú Tường



Biệt lập chuồng bò

thì thời điểm này đã có một số hạng mục đã xây dựng khác với thiết kế trong bản đồ năm 1943 như sau: 2 phòng giam và 2 xà lim phía sau 3 dãy phòng giam và phía phải khu Chuồng Cọp, gần nghĩa địa; 4 dãy hầm lộ thiên dùng làm nơi lao động khổ sai; 2 dãy gồm 8 phòng giam kế bên trái Khu Chuồng Cọp (thay đổi thiết kế ban đầu), trong đó có một dãy phòng giam được dùng làm bệnh xá phụ.

Các báo cáo tháng trong năm 1944 đều có nhắc đến việc xây dựng trại giam này. Khi hoàn chỉnh, ngoài 8 phòng giam nêu trên còn có 1 dãy nhà ngang: bếp, kho, bệnh xá.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, tù nhân nổi dậy đập phá hoàn toàn hai khu Chuồng Cọp.

Năm 1954, sau khi có Hiệp định Genève, anh em tù binh đã đập phá hoàn toàn ba dãy khám giam Pháp xây dựng từ năm 1928.

Khi bàn giao lại cho chính quyền Sài Gòn tháng 3-1955, Banh 3 chỉ còn hai dãy khám giam kế bên hông khu Chuồng Cọp. Định gọi đây là Trại 3. Ngày 23-2-1957, địch dời Lao Y xá về Trại 3 (2 phòng) làm bệnh xá cho những tù nhân bị bệnh lao.

Năm 1957, địch bắt đầu sửa lại Banh 3 và khu Chuồng Cọp. Đến giữa năm 1959, việc tu sửa đã hoàn tất các phần việc sau đây: Hai dãy khám giam kiên cố, 2 phòng giam riêng và nhà bếp; Một dãy nhà lợp tôle, không xây tường (trên nền khám giam cũ) dùng làm nơi tập trung tù nhân bắt học tập chính trị, chỗ sinh hoạt của trật tự...; Một dãy Chuồng Cọp (Chuồng Cọp 1). Năm 1960 mới sửa chữa xong khu Chuồng Cọp 2.

Từ năm 1959, Trại 3 là tên gọi chung của hai khu khám giam, được đánh số phòng từ 1-8 đối với khu vực kế bên Chuồng Cọp và từ phòng 9-16 đối với khu vực được sửa lại từ năm 1957. Chuồng Cọp được gọi là khu kỷ luật của Trại 3.

Tháng 7-1970, để đối phó với sự tố cáo của dư luận trong và ngoài nước, địch phải phá bỏ khu Chuồng Cọp, không còn dùng nơi này giam giữ tù nhân nữa, mà xây dựng “khu kỷ luật” khác. Sau này có tên Chuồng Cọp 7 hay Chuồng Cọp Mỹ.

Tháng 4-1960, cả khu vực này được gọi là Trại Bác Ái, gồm Trại Bác Ái chính và Trại Bác Ái phụ.

Ngày 7-11-1963, địch đổi tên thành Trại 1 và số thứ tự phòng giam được đánh số ngược lại. Khu vực sửa chữa lại năm 1957 có số phòng từ 1 đến 8 (Sau này, địch sử dụng thêm hai phòng biệt lập ở gần khu xà lim đánh số là phòng 9 và 10. Bên trong phòng 10 còn có một số xà lim). Khu kế bên Chuồng Cọp có số phòng từ 9 đến 16. Từ tháng 3-1965, khu vực kế bên Chuồng Cọp được gọi là Trại phụ của Trại 1, do một phó trại trực tiếp phụ trách.

Sau đợt đánh phá tháng 5-1967, đưa tất cả anh em tù câu lưu chống chào cờ xuống Chuồng Cọp, nơi đây được đổi lại thành Trại 4. Đến 17-11-1974 được đổi tên lần nữa thành Trại Phú Tường.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Mười phòng giam của Trại 1 (còn có tên là Trại chính, anh em tù còn gọi là “Trại 4 hoặc Lao 4”, khi chuyển từ Trại 1 xuống năm 1959), dịch đổi tên thành Trại Phú Thọ.

Trại 5.

Được khởi công xây dựng từ năm 1962, gồm 3 dãy khám giam với 12 phòng theo như thiết kế cũ của Ban 3. Ngày 17-11-1974 được đổi tên thành Trại Phú Phong. Tổng diện tích 3.594 m², trong đó diện tích phòng giam là 1.400 m².

Trại 6, 7, 8, 9.

Từ năm 1968, Mỹ trực tiếp chi tiền và giám sát việc xây dựng thêm một hệ thống gồm 4 trại giam mới là Trại 6, 7, 8, 9.

Trại 6. Gồm 4 dãy, 20 phòng giam, mái đúc bê tông, chia thành 2 khu A,B cách ngăn bằng một tường rào, xung quanh được rào bằng kẽm gai, có một khu biệt lập 4 xà lim, xây dựng xong năm 1970. Khu A từ phòng 1 đến phòng 10. Khu B là phần còn lại. Cuối năm 1972, dịch đổi cách gọi ngược lại. Khu A từ phòng 11 đến phòng 20 và Khu B từ phòng 1 đến phòng 10. Ngày 17-11-1974 đổi tên thành Trại Phú An. Tổng diện tích 42.140 m², trong đó diện tích phòng giam là 2.556 m².

Trại 7. Gồm 384 xà lim, chia thành 8 khu AB, CD, EF, GH. Mỗi khu 48 xà lim, bao bọc và cách ngăn với nhau bằng một bức tường cao, phía trên kéo dây kẽm gai. Bên ngoài có trạm xá, bếp, kho, khu nhà ở của trật tự và văn phòng Trưởng trại. Toàn bộ bên trên xà lim có chấn song sắt hàn dính vào nhau và được chôn hẳn vào tường. Mái xà lim lợp tôle xi măng. Trại 7 xây dựng xong cuối năm 1971 và đưa vào sử dụng ngay. Ngày 17-11-1974 dịch đổi tên gọi là Trại Phú Bình. Anh em tù cứ gọi là Chuồng Cọp Mỹ hay trong hồ sơ xây dựng của Mỹ gọi đây là Chuồng Cọp mới (New Tiger Cage). Tổng diện tích 25.768 m², trong đó diện tích phòng giam là 2.562 m².



Trại giam
Phú Bình



Chuồng cọp
kiểu Mỹ

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Trại 8. Xây dựng giống như ở Trại 6. Riêng Khu B lợp bằng tôle xi măng, không đổ bê tông. Từ 17-11-1974, đổi tên gọi là Trại Phú Hưng.

Trại 9. Mới vừa đổ móng, đúc cột thì bị dư luận báo chí và Quốc hội Mỹ phản đối và Hiệp định Paris được ký kết. Dự định phải bỏ dở kế hoạch thi công.

Ngoài những trại giam chính kể trên, tù nhân Côn Đảo còn bị giam giữ ở những trại khổ sai khác như:

Trại giam Hòn Cau. Trại giam này giam tù nhân lao động khổ sai ở Hòn Cau. Đến năm 1930, được đưa hết về đảo chính để lấy chỗ cho toàn bộ hơn một trăm bệnh nhân phong ở Nhà thương cùi chuyển ra cách ly nơi đây.

Trại giam Cỏ Ống, Bến Đầm. Hai trại giam tạm bợ, cát bằng tranh tre để giam giữ tù nhân khổ sai xây dựng sân bay và đốn củi.

Trại Lò Vôi, Chuồng Bò, Lò Gạch... Dùng giam giữ tù nhân khổ sai thường trực làm các việc sản xuất vôi, chăn nuôi, làm gạch... Riêng khu Chuồng bò, thời gian đầu vốn là Khu Hướng nghiệp (chủ yếu là chăn nuôi), giam số tù địch xếp vào loại có “hạnh kiểm tốt”, đến năm 1965 giao cho Ban An Ninh quản lý và đến đầu năm 1970, địch xây dựng thêm một khu trại giam lợp tôle phía gần đường. Hai khu biệt giam Chuồng Bò có tên A,B dùng giam giữ số tù nhân có vấn đề cần khai thác và số tù án chính trị chống chào cờ. Ngoài ra ở gần khu biệt giam này còn có một trại giam để giam số anh em khổ sai tại sở Rẫy Điền Viên.

Trại Sở Muối. Trước kia dùng giam giữ tù sản xuất muối, nằm sát biển, trên đường hướng về phía mũi Cá Mập đi Bến Đầm. Từ tháng 8-1963, địch dùng làm nơi giam giữ số anh em tù chính trị người Hoa được “trả tự do tại chỗ”. Sau này được dùng làm nơi giam giữ số tù nhân bị lao phổi và số tù bại xuội.

CÁC SỞ TÙ

Các sở này lần lượt xuất hiện trước sau không đồng loạt, nhằm 2 mục đích:

- Phục vụ toàn diện các mặt đời sống cho bộ máy hành chính của địch và cho đời sống của người tù trên đảo.
- Cải tạo người tù bằng lao động khổ sai.

Dựa theo các tài liệu, tính đến khoảng năm 1930 có ít nhất 18 sở tù sau đây đã đi vào hoạt động.

● **Sở Lưới:** Chuyên đánh bắt hải sản quản lý ghe xuồng, khi cần thì truy bắt tù vượt ngục trên biển.

● **Sở Ruộng:** Chuyên đóng cày bừa, sản xuất dụng cụ canh tác và làm ruộng.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

• **Sở Làm Đá:** Ở dưới chân núi Chúa. Chuyên khai thác đá bằng cốt mìn với các dụng cụ thủ công, đập thành đá học, đá dăm để làm đường.

• **Sở Kéo Cây:** Sở này còn gọi là sở Ông Cầu, chuyên khai thác gỗ lớn thả theo sườn núi cho lăn xuống biển rồi kết thành bè chờ xà lúp kéo về.

• **Sở Chuồng Bò:** Có hai công việc:

- Chăn nuôi bò, heo

- Kiểm 4 loại củi khác nhau: Củi dùng cho nhà máy nhiệt điện, củi đốt than, củi nung vôi và củi nấu bếp ở các Ban, đây là một trong những sở phải làm việc nặng nề, lao lực đáng sợ nhất.

• **Sở Lò Gạch:** Sản xuất gạch xây dựng các nhà ở và trại giam.

• **Sở Lò Vôi:** Sở này do kíp tù ở khám chỉ tồn phụ trách hai khâu: đi lấy san hô ngoài biển đem về nung san hô thành vôi bột.

• **Sở Muối:** Làm ruộng muối ở làng An Hội.

• **Sở Bản Chế:** Là xưởng tiểu thủ công nghiệp, khai thác tay nghề của tù để làm các nghề mây, cần ọc, đôi môi, mộc, cơ khí.

• **Sở Tiêu:** Là một nông trường rộng lớn, đây lam sơn chương khí, người Pháp cho trồng cây mít rồi sau đó cho trồng tiêu, cho tiêu leo lên cây mít.

• **Sở Rẫy An Hải:** Là nông trường lớn ở làng An Hải. Trồng nhiều loại cây ăn trái và cung cấp giống cây trồng cho toàn Đảo.

• **Sở Cỏ Ống:** Nông trường lớn hơn ở An Hải, thuộc làng Cỏ Ống, cây trồng cũng phong phú và đa dạng hơn nhưng chủ yếu là lúa. Sở này cách trung tâm 12km nên việc chuyên chở đi lại rất khó khăn và vất vả.

• **Sở hòa Ni:** (Vanilliers) trồng cây Va-ni để đưa về Sài Gòn bán. Về sau ở Hòa Ni còn là sở trồng trọt hoa màu.

• **Sở Bông Hồng:** Lúc đầu trồng bông hồng, sau chuyển thành rau quả (còn gọi là sở Bông Hường).

• **Sở Rẫy Ông Lớn:** Là khu vườn rộng lớn của viên quản đốc nhà tù, trồng cây ăn trái và nuôi Vích, Đồi môi.

• **Sở Ông Dụng:** Trồng cây màu như khoai, sắn, bầu, bí, sở này ở xa nhất, bên sườn phía Tây núi Chúa.

• **Sở Vệ Sinh:** Trung dụng tù ở các trại để lo việc quét đường, hốt rác, đổ phân, đúng ra đây chỉ là khâu tạp dịch hàng ngày.

• **Sở Đất Đốc:** Trồng cây ăn trái và chăn nuôi gia cầm, gia súc.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO



Sở Tiêu



Sở lò vôi



Sở Muối



Sở Đá



Sở Lưới



Sở Bàn chế

CÁC ĐỊA DANH NỔI TIẾNG Ở CÔN ĐẢO

Khu nhà Chúa Đảo: Tổng diện tích 18.600m² trong đó nhà chính và phụ 1.250m², sân vườn 17.000m².

Đây là nơi ở và làm việc của 53 tên chúa Đảo trải qua 113 năm (1862-1975).

Từ sau ngày giải phóng đến nay, nhà chúa Đảo được dùng làm nơi trưng bày lưu niệm về khu di tích Côn Đảo.



Khu nhà Chúa Đảo

Cầu Ma Thiên Lãnh: Dưới chân núi Chúa, con đường từ thị trấn chạy tới đó chia làm 3 nhánh:

- Nhánh thứ nhất chạy vào Nghĩa Trang Hàng Dương.
- Nhánh thứ nhì chạy qua khu Sở Tiêu.
- Nhánh thứ ba (ở giữa hai nhánh kia) chạy thẳng lên đèo Ông Đụng qua rừng núi tới bãi Ông Cầu bên bờ Tây của Đảo.

Từ năm 1930- 1945 thực dân Pháp mở nhánh này đến bãi bằng ở lưng chừng núi Chúa và sang phía Tây đảo phục vụ yêu cầu phòng thủ và kiểm soát Vịnh Đông Nam cũng như toàn đảo.

Khi mở đường bọn chúa ngục bắt tù nhân khiêng đá xây trên đèo Ông Đụng một cây cầu. Do địa thế núi cheo leo, hiểm trở, cầu mới xây được 2 mố, mỗi mố cao khoảng 8m thì Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, công trình này phải bỏ dở.



Di tích cầu Ma Thiên Lãnh

Tên Ma Thiên Lãnh do tù nhân lấy tên ngọn núi Ma Thiên Lãnh ở Triều Tiên đặt cho Truyền thuyết 356 người tù đã chết khi xây dựng cầu này.

Cầu tàu lịch sử 914: Cầu tàu nằm tại khu trung tâm bãi biển chính của thị trấn Côn Đảo (phía trước nhà Chúa Đảo).



Cầu tàu lịch sử 914

Cầu tàu được khởi sự xây dựng từ năm 1873. Lúc đầu cầu tàu được làm bằng gỗ. Sau năm 1930, được xây bằng đá từ chân núi Chúa chuyển xuống. Đây là nơi chứng kiến nỗi cực nhục đầu tiên của những người bị đưa ra Đảo tù đầy, nhiều người chỉ qua cầu có một lần rồi vĩnh viễn yên nghỉ tại Côn Đảo. Nhưng cầu tàu cũng là nơi chứng kiến những giờ phút vinh quang xúc động mỗi dịp Đảo được giải phóng.

Con số 914 được đặt tên cho cầu từ truyền thuyết đã có 914 người tù hy sinh trong quá trình xây dựng chốc Cầu Tàu này.

Công Quán: Phía trong của cầu tàu, bên trái (cách bờ biển khoảng 20m) có một nhà Công Quán được xây dựng cùng thời điểm với cầu tàu, trên tường có tấm biển đồng ghi bằng chữ Pháp: “Dans cette maison, vécut le grand compositeur Camille Saint- Saens du 20 Mars au 19 Avril 1895. Il acheva l’ope’ra BRUNEHILDA”.



Công Quán

Có nghĩa là: tại ngôi nhà này, nhà soạn nhạc vĩ đại Camille Saint Saens đã từng sống từ ngày 20- 3 đến 19- 4 - 1895. Tại đây ông đã hoàn thành vở nhạc kịch BRUNEHILDA.

Đó là dấu tích của một nhà soạn nhạc lớn của nước Pháp có chân trong Viện Hàn Lâm ở Pa-ri đã đến Côn Đảo.

Nghĩa trang Hàng Dương có diện tích khoảng 20ha, là nơi yên nghỉ của hàng vạn chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước Việt Nam qua nhiều thế hệ bị tù đầy kéo dài 113 năm đã lần lượt hy sinh dưới ách tàn bạo của thực dân và đế quốc.

Nghĩa trang Hàng Dương Côn Đảo là một di tích căm thù, có giá trị tố cáo chế

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

độ thực dân đế quốc đồng thời giáo dục truyền thống cho các thế hệ. Do đó Nghĩa trang Hàng Dương Côn Đảo khác hẳn với các nghĩa trang liệt sĩ có trong nước ta, không phô trương khác với thực tế lịch sử mà hài hòa hợp với cảnh trí thiên nhiên, gây ấn tượng tưởng niệm sâu lắng.

Một nắm đất ở Nghĩa trang Hàng Dương Côn Đảo là một dấu tích của bao sự kiện đấu tranh cách mạng đối với mỗi liệt sĩ, mỗi thời kỳ đấu tranh.

*“Núi Côn Lôn được pha bằng máu
Đất Côn Lôn năm, sáu lớp xương người
Mỗi bước chân che lấp một cuộc đời
Mỗi tảng đá là một trời đau khổ”*
*“Nghĩa địa Hàng Dương vùi chôn bao số phận
Hết lớp này, lớp khác dậm lên trên
Mặt phẳng lì không mô đất nhô lên
Không bia mộ, không tên và không tuổi”*

Nghĩa trang Hàng Dương Côn Đảo được khởi công xây dựng và tôn tạo vào ngày 19/12/1992, chia làm 4 khu:

Khu A: Gồm 688 ngôi mộ (có 7 mộ tập thể) trong đó có 86 mộ có tên và 602 mộ khuyết danh. Đa số các phần mộ từ năm 1945 về trước. Nơi đây có ngôi mộ của liệt sĩ cách mạng **LÊ HỒNG PHONG** và nhà yêu nước **NGUYỄN AN NINH**.

Khu B: Gồm 695 ngôi mộ (có 17 mộ tập thể) trong đó 275 mộ có tên và 420 mộ khuyết danh. Đa số các phần mộ từ năm 1945 đến 1960. Nơi đây có mộ của nữ anh hùng **VÕ THỊ SÁU** và anh hùng **CAO VĂN NGỌC**.

Khu C: Gồm 372 ngôi mộ (có 1 mộ tập thể) trong đó 329 mộ có tên và 43 mộ khuyết danh. Đa số các phần mộ từ năm 1960 đến 1975. Nơi đây có ngôi mộ của anh hùng **LÊ VĂN VIỆT**.

Khu D: Gồm 148 ngôi mộ, trong đó 11 mộ có tên và 137 mộ khuyết danh. Đặc biệt khu D là khu mộ qui tập những nắm mộ từ Hòn Cau và Hàng Keo về.



Nghĩa trang Hàng Dương

Ban Quản lý Di tích Lịch sử Côn Đảo

HỆ THỐNG TÒA ÁN, NHÀ TÙ, CÁC LOẠI ÁN TÙ DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC VÀ DƯỚI CHẾ ĐỘ MỸ - NGỤY

(Bài viết này nhằm cung cấp những thông tin cần thiết để làm cơ sở cho việc nghiên cứu chế độ cai trị, đàn áp của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trong thời gian xâm lược Việt Nam từ năm 1862 đến ngày giải phóng đất nước 30-4-1975)

DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

** Về hệ thống tòa án.*

Văn bản liên quan đến hệ thống tư pháp dưới thời Pháp thuộc sớm nhất được tìm thấy cho đến nay là Sắc lệnh ngày 25-7-1864 “**Tổ chức nền tư pháp trên những vùng đất của Pháp tại Nam kỳ**” **gồm 38 điều(1)**. Theo Sắc lệnh này, có hai hệ thống tòa án cùng tồn tại và hoạt động song hành là Tòa án Pháp xét xử theo luật của nước Pháp và Tòa án bản xứ, xét xử theo luật của bản xứ. Hệ thống tòa án này hoạt động cho mãi đến sau này. Riêng Tòa án bản xứ chỉ hoạt động ở Trung kỳ và Bắc kỳ.

Từ khi xâm chiếm nước ta đến cuối những năm 1930, Pháp chưa tổ chức những tòa án riêng để xét xử những vụ án chính trị. Hệ thống tòa án chuyên xét xử các vụ án chính trị chỉ được bắt đầu vào thời kỳ Nam kỳ khởi nghĩa trở đi mà thôi.

Trong hệ thống tòa án Pháp gồm:

Ở địa phương (tỉnh, thành phố, kể cả Sài Gòn và Hà Nội) có: Tòa địa phương hay Tòa tiểu hình (Tribunal - Tribunal corectionnel - corectionnel province). Một số tài liệu được viết tắt (Tal. ...); *Tòa hòa giải rộng quyền (Tribunal de la paix à compétence*

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

étendue); Tòa án hỗn hợp (Tribunal Mixte) xử cả dân sự và quân sự; Tòa hình sự (Cour Criminel - province); Tòa Đại hình (Cour d'Assise - province); Tòa Phúc thẩm (Cour d'Appel - province); Tòa án quân sự địa phương (Tribunal militaire và Cour militaire); Riêng tại Côn Lôn (Côn Đảo hiện nay) có Tòa án Tribunal de Poulo Condore xét xử các vụ vượt ngục, giết người, dả thương, gây rối an ninh trật tự trong nhà lao.

Ở Trung ương và khu vực: Tòa án tối cao thành lập theo Nghị định ngày 6-10-1879 (9 điều)(2); Tòa Thượng thẩm hay Phúc thẩm (Cour d'Appel de Hanoi - Saigon) vừa đảm trách việc xét xử phúc thẩm các vụ án đã xử sơ thẩm tại Hà Nội, Sài Gòn, đồng thời, xét xử chung thẩm các vụ án liên quan đến khu vực; Tòa Phá án (Cour de Cassation); Tòa Thượng thẩm Bắc kỳ (Cour d'Appel de Tonkin); Tòa Thượng thẩm Nam kỳ (Cour d'Appel de Cochinchine); Tòa Thượng thẩm Đông Dương (Cour d'Appel de l'Indochine); Từ cuối những năm 1930, Pháp đã thành lập các Tòa án quân sự (Cour Militaire) ở Sài Gòn, Hà Nội, Pnom Penh, Vientian và một số nơi khác để xử các vụ án chính trị và quân nhân phạm tội (cả chính trị và thường tội). Theo đạo luật ngày 31.10.1941 của tổng thống Pháp, ngày 20.11.1941 ở Đông Dương đã thiết lập một bộ phận đặc biệt thuộc Tòa án binh hoặc Tòa án hải quân. Những bản án của Bộ phận đặc biệt này và của tòa án Hình sự đặc biệt là án chung thẩm, thi hành án ngay sau khi xử.

Ngoài hệ thống tòa án nêu trên, thực dân Pháp còn tổ chức một số Hội đồng có quyền hạn quyết định các mức hình phạt, giam giữ tù nhân là: Hội đồng chiến tranh số 1 Sài Gòn (1er Conseil de Geurre de Saigon); Hội đồng chiến tranh số 2 Sài Gòn (2è Conseil de Geurre de Saigon); Hội đồng chiến tranh số 1 Hà Nội (1er Conseil de Geurre de Hanoi); Hội đồng chiến tranh số 2 Hà Nội (2è Conseil de Geurre de Hanoi).(3); Hội đồng đề hình (Commission criminelle) ở cấp tỉnh; Quyết định của Thống đốc Nam kỳ



Chuồng Cọp

hoặc Thống sứ Bắc kỳ từ đề nghị của Hội đồng chuyên trách do Thống đốc hoặc Thống sứ thành lập(4).

Hệ thống Tòa án bản xứ (Tribunal indigène de - province) hầu hết ở các tỉnh Trung kỳ và Bắc kỳ.

*** Các loại hình phạt theo phán quyết của tòa án và ký hiệu của tù nhân.**

Thời Pháp thuộc, các tòa án và Hội đồng chiến tranh thường áp dụng những hình phạt (mức án) cho cả những người hoạt động chính trị lẫn thường tội với những ký hiệu như sau:

- **A... Tù ở.**

- **B... Cấm cố (Récluse hoặc Recusion) Loại xử Recusion bị bắt làm khổ sai.**

- **C... Khổ sai (TF - travaux forcés): gồm có khổ sai chung thân và khổ sai có thời hạn, thường từ 5 năm trở lên. Một số ít trường hợp 3 hoặc 4 năm khổ sai.**

- **D... Lưu đày (có thời hạn hoặc không thời hạn): Déportation. Loại án này chỉ áp dụng đối với tù hoạt động chính trị.**

- **E... Phát lưu. Rélégation hoặc Exil. Loại này chịu án phạt vĩnh viễn không được trở về nguyên quán.**

- **G... Tử hình.**

Một số tù nhân ngoài án phạt chính còn bị các hình thức xử phạt đi kèm như: quản thúc, cấm cư trú (biệt xứ có thời hạn) hoặc bị phát lưu.

Đối với những người bị câu lưu, an trí do Thống đốc Nam kỳ hoặc Thống sứ Bắc kỳ quyết định thời hạn, còn phân ra hai loại trong hồ sơ số tù là: IAP... (Internés Administrative Politique - câu lưu vì chính trị) và IAM... (Internés Administrative Malandrine - câu lưu vì tư pháp).

Mặc dù có những quy định rõ ràng như thế nhưng trong thực tế hoàn toàn khác hẳn. Tất cả những tù nhân đều có thể bị lưu đày đến các nhà lao tỉnh ở những vùng miền xa xôi khác hoặc các nhà lao do Trung ương quản lý và đều bắt đi làm khổ sai.

Riêng tại Côn Đảo, còn có loại hình phạt do Tòa án quyết định (đối với các vụ xảy ra tại đảo) là nhốt hầm (Récel cell).

*** Hệ thống nhà tù.**

Thời Pháp thuộc, ở Đông Dương, các nhà tù nằm trong một hệ thống tổ chức được chia ra như sau:

Các nhà lao giam tù thành án (khám đường, đê lao).

Các trại tạm giam để khai thác và chờ đợi xét xử (bót giam).

Các trại an trí (câu lưu).

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Hai loại trại giam đầu được phân ra phạm vi trách nhiệm quản lý thuộc trung ương (khu vực) và địa phương. Riêng trại an trí do trung ương quản lý.

Các nhà tù.

Các nhà tù trung ương.

- Trung ương khám đường (Khám lớn Sài Gòn - Centrale maison) - sau chuyển sang nhà lao Chí Hòa, Nhà tù Hỏa Lò - Hà Nội, Nhà tù Phnom Penh, nhà tù Phú Mỹ (giam Phụ nữ), Trại giam Ông Yêm (giam thiếu niên).

- Các nhà tù dùng làm nơi lưu đày tù nhân ở trong nước: nhà tù Sơn La, nhà tù Lao Bảo, nhà tù Côn Đảo, nhà lao Cap. St. Jacques. Ngoài ra, một số nhà tù địa phương cũng được dùng để giam giữ những người ở các nơi khác chuyển đến để tăng cường tính chất cách ly.

- Các nhà tù hải ngoại của Pháp: nhà tù Guyane, Nouvelle Calédonie (Tân thế giới), Réunion, Madagasca, Congo Francais, (5) Tabe (?) ... Tuy nhiên đã có trường hợp như nhà tù Phnom Penh cũng được sử dụng làm nơi lưu đày 600 tù nhân miền Bắc được chuyển đến ngày 10.3.1942(6).

- Các trại tù binh (giai đoạn 1945-1954) gồm Trại tù binh Hạnh Thông Tây - Gò Vấp, Phú Quốc, Cần Thơ, Côn Lôn. Trước giai đoạn này có một số người bị Pháp ghép vào diện tù binh gốc An Nam nhưng được chuyển đến ở chung trong nhà lao tù chính trị.

- Trại an trí hay còn gọi Trại lao động cưỡng bức đặc biệt Bà Rá (FST - Forcé Spécial Travaux hay CFST - Central Forcé Spécial Travaux - từ khoảng năm 1940 đến 1944).

- Ba khu vực dùng lưu đày những người bị kết án Phát vãng (lưu) ở Côn Đảo, Cao Bằng, Hà Giang.(7)

Các nhà tù địa phương.

Mỗi tỉnh đều có nhà lao giam tù thành án hoặc tù câu lưu thời gian ngắn. Riêng nhà lao Khám Lớn - sau chuyển Chí Hòa và Hỏa Lò, ngoài tính chất là nhà lao trung ương còn là nhà lao của thành phố.

Các trại tạm giam.

Các trại tạm giam thời Pháp (dân gian thường gọi là bót) gồm hai loại.

Loại thứ nhất là nơi giam giữ để tiến hành khai thác đối với những người mới bị bắt có liên quan trực tiếp đối với địa bàn quản lý của cơ quan chức năng. Đó là các trại tạm giam ở các quận huyện.

Loại thứ hai là các trại tạm giam sau khi hoàn tất bản cung chờ xử lý của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền do cấp tỉnh hoặc thành phố trực tiếp quản lý. Ở loại này, đối với những vụ việc có phạm vi liên quan rộng hoặc tính chất nghiêm trọng, những người bị bắt vẫn tiếp tục bị khai thác ở các cơ quan cấp tỉnh, thành hoặc Trung ương.

Mật thám (Phòng nhì) cấp tỉnh và các Sở Mật thám ở Thành phố có các trại giam riêng, phân nhiều đặt trong cơ quan.



Một phần hệ thống
nhà tù Côn Đảo

Các trại tạm giam Trung ương và Thành phố thường chỉ là một. Bót Catinat được xem là điển hình vừa là trại tạm giam của Sài Gòn vừa là trại tạm giam của cả khu vực Nam kỳ.

Ở MIỀN NAM GIAI ĐOẠN LỆ THUỘC MỸ

Giai đoạn 1954-1975, Mỹ không trực tiếp ra mặt công khai tác động vào hệ thống tư pháp của chính quyền Sài Gòn. Nhưng trong thực tế, Mỹ trực tiếp chỉ đạo và kiểm soát toàn bộ hoạt động kể cả kinh phí nuôi tù và trợ cấp cho bộ máy quản lý tù nhân ở miền Nam.

** Hệ thống tòa án.*

Được phân thành ba hệ thống tòa án để xét xử riêng.

- Các vụ án dân sự được xét xử ở Tòa án hòa giải rộng quyền cấp tỉnh và tòa Thượng thẩm (xử phúc thẩm, chung thẩm) cấp Trung ương.

- Các vụ án hình sự được xét xử ở Tòa Hình sự tỉnh thành và Tòa Thượng thẩm (xử phúc thẩm, chung thẩm) cấp Trung ương.

- Các vụ án chính trị xét xử ở Tòa án quân sự (vùng chiến thuật và Biệt khu Thủ đô) và Tòa án quân sự đặc biệt, Tòa án quân sự mặt trận lưu động. Ba loại tòa án quân sự này cũng xét xử quân nhân (cả chính trị, hình sự, dân sự).

Ngoài ra, Hội đồng an ninh quốc gia cấp tỉnh và trung ương quyết định mức an trí (câu lưu) đối với những người bị bắt giam nhưng không đủ cơ sở pháp lý để đưa ra xét

xử ở tòa án. Thời hạn tùy từng đối tượng mà áp dụng các mức giam giữ: 3, 6, 9, 12, 18 và 24 tháng. Hết thời hạn sẽ xem xét lại và có thể gia hạn nhiều lần không hạn định. Những người tù chính trị mãn án, tùy thái độ trong thời gian ở tù và tùy tình hình an ninh đất nước có thể bị chuyển qua tiếp tục bị câu lưu theo những hạn thời gian như trên.

*** Các loại hình phạt theo phán quyết của tòa án và kỷ hiệu của tù nhân.**

Thời Mỹ, không áp dụng hai loại hình phạt lưu đầy và phát lưu. Các mức hình phạt cho cả chính trị và thường án gồm: TH... Tử hình; CT... Chung thân khổ sai; C... Khổ sai có thời hạn; B... Cấm cố; A... Tù ở; HC..., AT... Câu lưu, an trí.

Tù treo(8). Chỉ áp dụng đối với án tư pháp (thường tội).

Mặc dù có những quy định nêu trên nhưng trong thực tế, chính quyền Sài Gòn thường căn cứ vào tầm quan trọng và thái độ chính trị của người tù mà quyết định lưu đầy và bắt buộc phải làm khổ sai.

*** Hệ thống nhà tù.**

Về cơ bản, hệ thống tổ chức nhà tù thời Mỹ không khác với thời Pháp thuộc, chỉ tăng thêm số lượng trong hệ thống trại tạm giam.

Các nhà lao giam tù thành án.

Các nhà lao giam tù thành án trung ương và khu vực.

Nhà lao Chí Hòa giam tù thành án cả miền Nam nhưng chủ yếu giam tù nam của Sài Gòn, Gia Định và các tỉnh lân cận thuộc quân khu 3. (Nó còn có tính chất là trại tạm giam Trung ương đối với những người đã hoàn tất bản cung chờ đưa ra tòa xét xử); Nhà lao Thủ Đức giam tù nữ (mang tính chất như Chí Hòa); Nhà lao Phú Lợi giam tù câu lưu (nam lẫn nữ) từ 1956-1965; Nhà lao Tân Hiệp giam tù câu lưu nam. Từng thời kỳ vẫn có giam tù nữ (cả câu lưu và thành án); Quân lao Gò Vấp; Trại tù binh Phú Quốc; Trại nữ tù binh Phú Tài.

Các nhà lao tỉnh kiêm nhà lao khu vực: Nhà lao Thừa Phủ ở Huế là nhà lao tỉnh Thừa Thiên và Quân khu 1; Nhà lao Nha Trang là nhà lao tỉnh Khánh Hòa và Quân khu 2, có Quân lao Nha Trang; Nhà lao Cần Thơ là nhà lao tỉnh Phong Dinh và Quân khu 4.

Các nhà lao dùng để lưu đầy tù nhân.

Nhà lao Côn Đảo (Trung tâm huấn chính Côn Sơn 1957-1960, Trung tâm Cải huấn Côn Sơn 1960-1974. Trung tâm Cải huấn Phú Hải 1974-1975); Nhà lao Cây Dừa Phú Quốc (Trung tâm huấn chính Dương Đông 1956-1957); Nhà lao Thanh Tân (Thừa Thiên) 1959-1964; Hai trại giam dã chiến dùng đưa tù đi lao động phục vụ quân sự: Kom Tum - đầy số tù thuộc tỉnh Bến Tre (1958-1960) và Năm Căn - Cà Mau đầy tiếp 200 tù từ Côn Đảo về ngày 30.8.1962. (1962-1963).

Mỗi tỉnh đều có nhà lao giam tù thành án với mức án nhẹ và tù câu lưu.

Các trại tạm giam.

Ngoài các trại tạm giam như thời Pháp rải đều từ tỉnh xuống quận huyện, mỗi tỉnh và các quận thuộc thành phố Sài Gòn còn có các trại tạm giam kiêm Trung tâm thẩm vấn thuộc Ty Cảnh sát đặc biệt chuyên khai thác những người bị bắt vì lý do chính trị. Ty Cảnh sát quốc gia tạm giam và khai thác những người bị bắt vì lý do thường tội. Liên phường hoặc từng khu vực đặc biệt ở Sài Gòn còn có các bót giam để khai thác sơ bộ số người mới bị bắt.

Các trại tạm giam do Trung ương, thành phố Sài Gòn hoặc do ngành quản lý đóng trên địa bàn Sài Gòn gồm:

Nha đô thành do Sở Cảnh sát đô thành quản lý.

Trại tạm giam Tổng Nha Cảnh sát do chính Tổng Nha cảnh sát quản lý ngoài việc khai thác những vụ liên quan cả Thành phố Sài Gòn còn là nơi lục hình (kiểm tra nhân thân những người bị bắt ở miền Nam).

Các trại tạm giam thuộc An ninh quân đội (cả tình báo và phản tình báo quân đội) có tên Biệt kích 1 (Bót Ngô Quyền), 4, 5, Bót Lê Văn Duyệt.

Trại tạm giam thuộc Cục Tình báo (số 3 Nguyễn Bình Khiêm), Phòng phản tình báo (ở Quận 5).

Trại tạm giam của cơ quan tình báo hỗn hợp Việt Mỹ.

Hai trại tạm giam của Ty Cảnh sát đặc biệt miền Đông (Bót Hàng Keo) và Ty Cảnh sát đặc biệt Chợ Lớn (Bót Hòa Hòa). Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Bót Hàng Keo chuyển sang trực thuộc Ty Cảnh sát đặc biệt Gia Định. Trực thuộc Bót Hàng Keo có Bót Hàng Xanh (đường Bạch Đằng) và Trung tâm thẩm vấn Băng Ky.

Các trại tạm giam bí mật trực thuộc Đoàn công tác đặc biệt miền Trung của Ngô Đình Cần trong giai đoạn Ngô Đình Diệm nắm quyền (ở Quận 4).

Mặc dù có phân định chức năng và nhiệm vụ tương đối rõ ràng trong hệ thống trại giam cũng như các mức hình phạt đối với tù nhân nhưng trong thực tế luôn có sự luân chuyển ngoại lệ. Những người tù mới bị bắt, chưa ra tòa hoặc Hội đồng an ninh chưa có quyết định xử lý vẫn bị lưu đày đi nhiều nơi. Đối với nữ tù, không chỉ bị giam ở Thủ Đức mà còn bị luân chuyển, lưu đày đi Chí Hòa, Côn Đảo, Tân Hiệp để đối phó với phong trào đấu tranh trong tù. Đặc biệt, sau khi có Hiệp định Paris, Chính quyền Sài Gòn đã phân tán tù nhân đi rất nhiều nơi nhằm ém dấu, trốn tránh việc trao trả nhân viên dân sự theo Hiệp định và “vô hiệu hóa” ít nhất trong giai đoạn đầu, vai trò của những người tù khi buộc phải trả tự do cho họ vì họ không thể trở về địa bàn thông thuộc được ngay.

Nhóm nghiên cứu “Sử liệu Côn Đảo”.

CÔN ĐẢO TRƯỜNG TRANH ĐẤU, BIỂU TƯỢNG CỦA Ý CHÍ VÀ LÒNG YÊU NƯỚC



Hơn ở đâu hết, cuộc chiến đấu trong nhà tù Côn Đảo thực sự quyết liệt, sự sống kề bên cái chết. Kẻ thù không từ một thủ đoạn và hành động tàn bạo nào nhằm tiêu diệt ý chí người chiến sỹ cách mạng. Còn họ, những con người sẵn sàng chấp nhận hy sinh cốt sao bảo toàn khí tiết, luôn kiên cường đấu tranh và chịu đựng, quyết không khuất phục... Cho nên nhà tù Côn Đảo cũng chính là nơi mà biểu tượng của ý chí và lòng yêu nước thật sôi động và cao đẹp biết bao.

TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO THỜI PHÁP THUỘC

Trước năm 1861, quần đảo Côn Lôn thuộc quản hạt tỉnh Vĩnh Long (thời Tự Đức, tỉnh Vĩnh Long gồm cả Trà Vinh).

Giai đoạn 10 năm đầu của thời Pháp thuộc (1862-1872) có đến 6 sĩ quan hải quân làm quản đốc nên thời kỳ này thường được gọi là “*giai đoạn đề đốc*” (Périodes des Amiraux). Các sĩ quan hải quân này được giao toàn quyền chỉ huy quân sự và hành chính.

Những mô hình thiết kế nhà tù, những nguyên tắc tổ chức kỷ luật, bộ máy quản lý đầu tiên do Thủy sư đô đốc Bonard qui định. Nhiều luật lệ thời kỳ này còn áp dụng cho đến thời Mỹ. Trước năm 1945, người cầm đầu các cơ quan hành chính, các ngục thất tại đảo gọi là giám đốc hoặc quản đốc. Người tù thường gọi họ là Ông Lớn. Đơn giản và chính xác hơn, có thể gọi là CHÚA ĐẢO.

Dưới quyền chúa đảo có:

1. Một y hoặc bác sĩ người Pháp phụ trách y tế.
2. Một đại úy lục quân, chỉ huy trung đội bảo vệ gồm toàn lính Pháp và lê dương.
3. Một chủ sự văn phòng người Việt, ngạch tham biện. Viên chủ sự này có 3 thư ký thuộc ngạch Nam kỳ soái phủ giúp việc.
4. Một giám lại ngục (gardien-chef) còn gọi là *giám thị trưởng*. Viên chức này điều khiển khoảng 40 lại ngục (giám thị) (gardien de prison) người Pháp và 80 giám thị (surveillants) người Việt, thường gọi là thầy chú.



Quang cảnh banh 1

Mỗi lại ngục là một ông trời con ở khu vực họ phụ trách. Họ được quyền điều động một số thầy chú và hàng trăm tù nhân. Họ có quyền sanh sát tù nhân và tù nhân có bốn phận phải phục tùng, phục dịch họ.

5. Một kế toán viên (Agent de comtable)

Xưa gọi là cối kê viên, người Pháp, chủ sự kho bạc. Đây là nhân vật quan trọng thứ hai sau chúa đảo, có thể xử lý thường vụ khi chúa đảo vắng mặt.

6. Một viên sen đầm (gendarme) (người Pháp) dưới tay có một số lính. Mỗi khi có tòa án mở tại Côn Đảo thì chúa đảo ngồi ghế chánh án, sen đầm ngồi ghế biện lý.

7. Một kỹ sư (người Pháp), chủ sự nhà đèn.

8. Một kỹ sư (người Pháp) chỉ huy đài vô tuyến.

9. Một giám thị coi sở lục lộ (công chánh).

10. Một chủ sự Sở Bưu điện (người Việt).

11. Một đốc công (người Việt) trông coi sở xà lúp và các ca nô.

12. Một bà đầm (Pháp) chủ sự hợp tác xã mua bán.

18. Một nữ giáo viên người Pháp làm hiệu trưởng một trường tiểu học Pháp.

14. Một nữ giáo viên người Việt, làm hiệu trưởng trường tiểu học Việt Nam.

15. Một lại ngục người Pháp chỉ huy sở truy nã (Service de Recherche) chuyên truy tìm tù nhân trốn trại. Họ thường chọn một số thường phạm mà họ tin cậy để phục vụ công việc này.

ĐỜI SỐNG CỦA CHÚA ĐẢO VÀ THUỘC CẤP

Qui chế ngày 11-12-1889 qui định mức lương của chúa đảo và thuộc cấp như sau:

- Quản đốc (chúa đảo) 6000 francs/năm.
- Giám thị trưởng (giám lại ngục) 2500fr.
- Giám thị 2000fr.
- Kế toán (cối kê viên) 1500fr...

Mức lương ấy thay đổi theo từng thời kỳ. Trong quyển *Tổ chức Lao tù Poulo Condore thời Pháp thuộc* (luận án cao học sử học của Nguyễn Minh Nhật - Đại học Văn khoa Sài Gòn), tác giả đã tra cứu ra bảng lương của các viên chức ấy qua nhiều thời kỳ. Việc sưu tầm này e rằng phí thì giờ vô ích. Bởi vì những bảng lương ấy cũng như những bản qui định chế độ dinh dưỡng dành cho tù mà tác giả luận án sưu tầm được khác xa với thực tế một trời một vực.

Thực tế, bọn chúa đảo và thuộc cấp không chỉ sống bằng đồng lương phân cấp theo qui định mà còn sống, chủ yếu bằng thu nhập phần mềm do bóc lột sức lao động của hàng ngàn hàng vạn tù nhân, khai thác tài nguyên thiên nhiên phong phú của hải đảo. Trong khi đó người tù thời Pháp cũng như thời Mỹ, không bao giờ được hưởng đầy đủ khẩu phần dinh dưỡng được ghi trên giấy tờ sổ sách. Bọn chúa đảo và thuộc cấp luôn luôn tìm cách bớt xén, bòn rút một phần không nhỏ để hưởng thụ.

Để hình dung phần nào đời sống của bọn chúa đảo và thuộc cấp, có thể tham khảo một đoạn sau đây, trích trong tập *Côn Lôn Quần Đảo* của Trần Văn Quế.

ĐỜI SỐNG CÔNG CHỨC TẠI CÔN ĐẢO

Vị giám đốc:

Đời sống của vị “chúa đảo” rất là đầy đủ. Về phương diện vật chất vị quan cao cấp ấy không thiếu món gì: những cá ngon, sò lạ, ốc tươi, rau thơm, cải đẹp đều được các nơi đem dâng.

Về phương diện tinh thần vị này có toàn quyền trên quần đảo đối với các công chức cũng như đối với 6.000 phạm nhân.

Vị giám lại ngục (xếp chánh):

Tức là nhân vật thứ hai trên quần đảo. Đời sống vật chất của vị này rất đầy đủ không kém vị Giám đốc nói trên.

Các chủ sở lớn (các ông Xếp):

Các vị này phần nhiều là người Pháp hoặc người Ấn hay Việt có Pháp tịch, được liệt vào hạng ba ở Côn Đảo. Lương bổng của họ rất hậu và đời sống vật chất cũng rất đầy đủ.

Các chủ sự các cơ quan hành chánh:

Các viên chức này cũng được liệt vào hạng được ưu đãi. Tuy rằng có “học lực” văn bằng cao nhưng họ không có thực quyền trong tay như các chủ sở lớn.

Ở Côn Đảo các viên chức ấy được ở nhưng công thự rất đường hoàng. Họ được lãnh gạo, nước mắm, thịt rau, cải tươi, cá tươi nếu có. Mỗi ngày và mỗi tháng về mỗi thứ họ chỉ trả một số tiền rất nhỏ. Thí dụ: về mỗi suất rau cải thì mỗi tháng họ phải trả từ một đồng rưỡi đến hai đồng hoặc ba đồng là cùng. Nếu có cá tươi thì họ được lãnh mỗi suất cá giá đáng năm hoặc mười lần số tiền ấy. Về các món thực phẩm khác như rượu, trà, đường, cà phê, đồ hộp và vải xô thì họ mua ở Hợp tác xã Côn Đảo. Tại Côn Đảo vào năm 1945 không có chợ bán hàng hóa thực phẩm. Trước năm 1944 có một vài tiệm bán tạp hóa của người Huế kiều. Nhưng vì xảy ra lắm chuyện lời thối giữa các tiệm ấy và các phạm nhân nên nhà cầm quyền phải hạ lệnh đóng cửa các tiệm ấy và thay thế vào đây bằng Cơ quan Hợp tác xã do chính phủ chủ trương một cách gián tiếp. Các chủ tiệm Huế kiều nói trên đều bị bắt buộc phải rời khỏi đảo.

Mỗi viên chức nói trên có quyền chọn một người bồi, một người bếp và vài ba người cu-li trong hàng thường phạm có tánh hạnh tốt.

Những người tù có “tánh hạnh tốt” ấy được gọi là “đây tớ” theo đúng nghĩa đen của nó. Quy chế nhà tù năm 1903 cho phép những viên chức như: giám thị trưởng, y sĩ chỉ huy trưởng quân đội - mỗi người được chọn cho mình ít nhất là 2 đây tớ để phục dịch hằng ngày.

TRANG NGỌC

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (1862 - 1930)

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (1862 - 1930) (*)

(TRÍCH)

Hơn 80 năm xâm lược và thống trị Việt Nam (1858 - 1945), chủ nghĩa thực dân Pháp đã để lại trên đất nước ta những dấu ấn khó phai mờ trên nhiều phương diện. Sẽ thiếu khách quan và phiến diện nếu phủ nhận hoàn toàn những đóng góp nhất định đối với tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc ở một số lĩnh vực kinh tế văn hoá mà công cuộc “khai thác thuộc địa” mang lại, nếu tạm đặt ra ngoài động cơ và mục đích của nó. Cũng sẽ là cố chấp và cực đoan nếu cho rằng toàn thể công chức, sĩ quan, binh lính của đội quân viễn chinh Pháp đều là những kẻ gây tội ác đối với đồng bào ta, bởi không ít người Pháp cho đến hôm nay vẫn được người dân Việt Nam dành cho những vị trí trân trọng và thoả đáng như bác sĩ Yersin, như giáo sĩ Alexandre de Rhodes v.v...

Thế nhưng, bao trùm lên toàn bộ quá trình đô hộ mà Pháp thực hiện ở Việt Nam vẫn chính là chính sách và thiết chế cai trị bạo tàn, thâm độc nhằm dập tắt phong trào yêu nước của nhân dân ta từ Nam chí Bắc để nhanh chóng “ổn định tình hình”, hướng tới mục tiêu tối thượng của chủ nghĩa thực dân là vơ vét tối đa lợi nhuận ở thuộc địa, đồng thời giam hãm đại bộ phận nhân dân ta trong vòng tối tăm ngu dốt hòng dễ bề cai trị và bóc lột. Từ đó, lịch sử Việt Nam thời kỳ cận đại, đã ghi đậm những chứng tích về sự tàn bạo và khắc nghiệt của ách thống trị thực dân, trong đó có hệ thống ngục tù và chế độ lao tù thuộc địa mà nhà tù Côn Đảo là điển hình thuộc loại tiêu biểu nhất.

Trên toàn Liên bang Đông Dương ngày ấy (bao gồm 5 xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên và Lào), không kể các nhà ngục đã có dưới thời Nguyễn mà thực dân Pháp tiếp tục duy trì sử dụng, Côn Đảo chính là nhà tù được xây dựng sớm nhất.

(*) Lê Hữu Phước (2006), Nhà tù Côn Đảo 1869 - 1930, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Phần kết luận, tr. 215 - 229

Và kể từ khi thành lập (01 - 2 - 1862) đến đầu năm 1930, nhà tù Côn Đảo đã trải qua một quá trình hoàn chỉnh từng bước trong cơ cấu và quy mô xây dựng hệ thống nhà tù, quy chế trại giam, tổ chức bộ máy điều hành, thực hiện chế độ lao tù để ngày càng đảm nhận trọn vẹn hơn chức năng quan trọng của một đề lao điển hình. Các bản “quy chế đặc biệt” của nhà tù Côn Đảo ban hành qua các thời điểm khác nhau minh chứng rõ ràng điều đó.

Đáng nói hơn, Côn Đảo là nhà tù được thiết lập ở một địa thế hết sức hiểm nghèo, trợ trợ, tận “hòn đảo mồ côi giữa cõi cùng” (Nguyễn Đình Kiên). Hoả Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn) cũng là những nhà tù quy mô lớn và thuộc loại tiêu biểu, nhưng dù sao đó cũng là nơi giam giữ ở các điểm dân cư đông đảo trong đất liền, ở các trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá. Vẫn biết “nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”, nhưng người tù ở những nơi này còn cảm thấy được mối liên hệ với đồng bào với xã hội trong chừng mực nào đó. Trong khi ấy, ở nhà tù Côn Đảo tù nhân bị cách ly hầu như hoàn toàn với cuộc sống bình thường, bị đẩy đến đối diện với sự cô độc, với cái chết. Trong hoàn cảnh đó thật khó lòng đòi hỏi người tù giữ trọng bầu khí huyết với giang sơn, quyết tâm chiến đấu vì Tổ quốc. Âm mưu thâm độc của thực dân Pháp cũng chính là ở đó và do vậy, có thể nói là một trong những đặc điểm nổi bật tạo nên tính chất điển hình, tiêu biểu của nhà tù Côn Đảo chính là địa thế “ở thủy tận sơn cùng” hết sức biệt lập và đầy thử thách gian truân của nó. Các nhà tù mà Pháp thiết lập sau này ở các vùng rừng núi hoang vu, sơn lam chướng khí như Sơn La, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột... vẫn không thể so sánh được với Côn Đảo ở phương diện này. Nếu có chăng, đó chỉ là một vài hòn đảo hoang trong hệ thống thực dân địa của Pháp như Ngục thất Ăngghi (Crique d'Anguilles) - một “nhà tù đặc biệt” thuộc xứ Guyane (Nam Mỹ), cách thủ đô Cayenne gần 100km, vốn là khu rừng thiêng nước độc, chưa hề có dấu chân người: chỉ liên lạc được với Cayenne và thị trấn Rouart bằng xuồng máy (5 : 48-49).

Thế nhưng, Côn Đảo lại hơn hẳn ngục thất Ăngghi cũng như nhiều nhà tù khác ở đất liền nếu xét về thành phần tù nhân bị đày ải ra đây. Có lẽ không một nhà giam nào ở đất liền kể cả Hoả Lò, Khám Lớn lại là nơi tập trung đông đảo yếu nhân của phong trào yêu nước Việt Nam như nhà tù Côn Đảo. Cùng với những sĩ phu giữ vai trò là linh hồn, là người lãnh đạo và khởi xướng các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc những năm đầu thế kỷ XX quãng thời gian sau đó các sáng lập viên và lãnh tụ của các đảng phái, các tổ chức chính trị Việt Nam đều có mặt tại nơi này. Lấy trường hợp Việt Nam Quốc Dân Đảng làm thí dụ, ngoại trừ Nguyễn Thái Học và các đồng chí của ông bị kết án tử hình, hầu hết những nhân vật quan trọng kế cận của tổ chức này đều bị đưa ra Côn Đảo. Mức án của lực lượng chính trị phạm trên đây còn cho thấy việc lưu đày Côn Đảo chính là hình phạt cao nhất, hơn hẳn các hình phạt trong đất liền, chỉ đứng sau biện pháp xử tử (không ít người trong lực lượng này bị kết án xử tử rồi được “hoãn tử” để “phát phối Côn Lôn”).

Nói chính xác hơn, theo tinh thần Nghị định ngày 10 - 1 - 1893 của Toàn quyền Đông Dương (đã dẫn), cũng còn có một mức án khác được xem là nặng nề, áp dụng cho những chính trị phạm hết sức đặc biệt: đày biệt xứ vô thời hạn sang các vùng thực dân địa như Guyane, Réunion... Nhưng thực tế cho thấy trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chỉ một vài người phải chịu biện pháp này, đó là các vị vua yêu nước có tinh thần chống Pháp như Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân và thực chất của việc đày ải chỉ là sự an trí, quản thúc điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt khác xa hoàn cảnh tâm tối, đau thương của tù nhân Côn Đảo. (Theo những tư liệu được công bố năm 2007 trên tạp chí Văn thư lưu trữ Việt Nam và những thông tin trên báo tuổi trẻ tháng 4 - 2008, chỉ riêng số tù nhân An Nam bị lưu đày đến Guyan từ 1879 - 1933 đã hơn 1.000 người. HĐ). Chính vì vậy nếu xét thêm phương diện chế độ lao tù với những công việc khổ sai lao dịch nghiệt ngã, với hàng loạt hình phạt tàn bạo dã man, rõ ràng không một ngục tù nào có thể so sánh cùng Côn Đảo. Một nhà báo Pháp ông Francis Held gần đây đã nêu nhận xét: dưới thời Pháp thuộc, Côn Đảo là một “triều đình của những tên đao phủ đầy quyền uy”, ở đó đối với các tên chúa ngục và bọn cai tù, tù nhân chỉ là “những con vật có đôi mắt xéch” (15). Và do vậy, nếu những trại diệt chủng của phát xít Đức trong Thế chiến thứ II được cả thế giới xem là chứng tích điển hình của tội ác dã man thủ tiêu đồng loạt tù nhân một cách nhanh chóng và ghê tởm thì Côn Đảo cũng là một “địa ngục trần gian”, ở đó người tù bị đẩy đến cái chết chậm chạp hơn nhưng không kém phần quai, đau đớn.

Nếu như địa thế, thành phần tù nhân và chế độ lao tù đã tạo nên vị trí đặc biệt của nhà tù Côn Đảo trong hệ thống ngục tù do thực dân Pháp thiết lập ở Đông Dương và các thuộc địa nói chung, thì ở một khía cạnh khác những hoạt động đấu tranh của tù nhân Côn Đảo càng làm nổi bật thêm tâm vóc và ý nghĩa độc đáo của nhà ngục tiêu biểu này.

Trong khoảng thời gian 68 năm (1862 - 1930) phong trào đấu tranh chống chế độ lao tù và cao hơn, chống lại cả nền thống trị của thực dân Pháp đã diễn ra liên tục với sự tham gia của mọi thành phần tù nhân Côn Đảo - chính trị phạm cũng như thường phạm.

Mặc dù xuất phát điểm có thể chỉ là sự bất bình trước bộ máy cai trị độc ác, là lòng khát khao được tháo cũi sổ lồng và mục tiêu đấu tranh có thể còn hạn chế (không ngoài ý đồ cướp tàu vượt ngục hoặc trừng trị một vài cá nhân trong bộ máy cai quản nhà tù), nhưng thường phạm Côn Đảo luôn là lực lượng chủ lực trong các cuộc bạo động tự phát, đồng thời cũng là đội ngũ hưởng ứng nhiệt thành và có vai trò quan trọng trong các cuộc đấu tranh do chính trị phạm khởi xướng. Không ít thường phạm qua thực tiễn đấu tranh đã rèn luyện được cho mình tính tập thể cao trong hành động, biết bảo vệ và chia sẻ gian nguy với bạn đồng tù, tỏ rõ khí tiết bất khuất đáng cảm phục khi đối diện với gian lao, với cái chết.

Khác về phương thức đấu tranh so với thường phạm, đa số các tù chính trị ở Côn Đảo từ năm 1930 trở về trước đã chọn cho mình một cách thức phù hợp hơn, đó là dùng văn thơ để tu dưỡng tinh thần, tự động viên mình và động viên nhau giữ vững ý chí và hoài bão cứu nước. Một số khác ít hơn, dũng cảm đứng lên tổ chức lãnh đạo các cuộc đấu tranh trực diện chống lại bộ máy thống trị của chủ nghĩa đế quốc hoặc tiến hành vượt ngục, tìm cách về đất liền móc nối lực lượng, liên kết hoạt động nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc. Thực tế đó phản ánh rõ nét lòng thi đua ái quốc và quyết tâm cứu nước luôn sôi sục trong các lớp “tù quốc sự” Côn Lôn nối tiếp nhau, có sức thu hút và lôi cuốn khá mạnh mẽ các thành phần tù nhân khác.

Rõ ràng là ở nhà tù Côn Đảo, mối quan hệ tương tác đã được thiết lập tự nhiên và khá vững chắc giữa chính trị phạm với thường phạm, giữa xu hướng bạo động với xu hướng ôn hoà, thể hiện qua nhiều cuộc đấu tranh quy mô lớn như cuộc nổi dậy ở Hòn Bảy Cạnh (8 - 1883), cuộc đấu tranh của tù nhân Bắc Kỳ (6 - 1890), cuộc nổi dậy của khám chung thân Trại I (2 - 1918) và hàng loạt cuộc vượt ngục lớn nhỏ...

Riêng với chính trị phạm, hoạt động của “thi đàn Côn Đảo” - một “trường học thiên nhiên” xây dựng trong tù - chính là cuộc đấu tranh để đoạn tuyệt hoàn toàn với những quan niệm lạc hậu, lỗi thời của hệ tư tưởng cũ, là sự khẳng định một ý thức hệ mới. Trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản (đã được các sĩ phu đón nhận và thực hành phục vụ cho sự nghiệp cứu nước trước khi bị bắt) tiếp tục bước củng cố thêm trong nhận thức và hành động ngay trong thời gian thọt án và nhất là sau khi mãn hạn tù. Thực tế lịch sử ghi nhận công lao của nhiều chính trị phạm Côn Đảo trong việc truyền bá trào lưu tư tưởng mới, tiến bộ nhằm phục vụ cho mục tiêu giải phóng dân tộc.

Hơn thế nữa, phong trào đấu tranh của tù nhân Côn Đảo từ 1862 đến 1930 đã khẳng định mạnh mẽ khí phách, phẩm chất và cốt cách văn hoá độc đáo của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam. “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, đặt trong hoàn cảnh bị giam cầm đầy đoạ, cách ly với mọi sinh hoạt ở đất liền, 68 năm tranh đấu của tù nhân Côn Đảo với quy mô và tính liên tục của nó - mặc dù chưa đạt đến những thắng lợi lớn, có tính chất quyết định, thực sự là một bản anh hùng ca được viết bằng máu và nước mắt, bằng tinh thần quả cảm, ý chí quật cường và bằng cả những tâm sự đớn đau, nỗi niềm cực nhọc của các thế hệ Việt Nam dù sống cảnh “chim lồng cá chậu” vẫn không cúi đầu trước áp bức cường quyền. Bị đẩy tới đối diện với cái chết, tuy không phải không có những phút dao động, yếu lòng, không phải không có những cá nhân sa ngã, nhưng nét chung nhất vẫn là một khối đoàn kết đấu tranh được kết bằng những con người xác thân tiêu tụy nhưng ý chí luôn kiên định, vững vàng. Mỗi cái chết đau thương của một bạn tù vừa là lúc bày tỏ niềm thương yêu đùm bọc, vừa là dịp nhắc nhở nhau rèn luyện tinh thần, tạo thêm mối gắn bó, cảm thông giữa những người còn lại. Đồng thời, nỗi trở trăn, khắc khoải trước vận nước điêu linh đã biến thành động lực,

thành nguồn sức mạnh giúp người tù giữ vững quyết tâm, phẩm chất và khí tiết. Kẻ thù càng đàn áp, khủng bố thì quyết tâm tranh đấu càng cao, chỉ chờ cơ hội để vùng lên biến thành hành động cụ thể. Thực tế đã cho thấy những kẻ cai trị tàn bạo nhất ở nhà tù cũng chính là những phần tử bị tù nhân trừng trị đích đáng nhất. Lòng yêu thương và căm thù hoà quyện với nhau và đó cũng chính là sự kế thừa và phát huy bản lĩnh và truyền thống dân tộc trong những hoàn cảnh đau thương, đen tối mà đất nước đã từng trải.

Rõ ràng, nhà tù Côn Đảo đã thực sự trở thành một trong các trường học, trường tranh đấu của các tù chính trị, hơn thế nữa, là trường học, trường đấu tranh tiêu biểu vào bậc nhất. Đối với các nhà yêu nước và cách mạng Việt Nam, mỗi nhà tù thực dân để đều là môi trường rèn luyện, học tập và hoàn chỉnh càng gian nan ác liệt bao nhiêu thì bài học đúc có giá trị và ý nghĩa lớn lao bấy nhiêu. Côn Đảo chính là một nhà tù thuộc trường hợp ấy. Mặt khác, sự tập trung đông đảo những đại biểu ưu tú nhất của phong trào yêu nước lực lượng có thể khơi dậy và luôn đi đầu trong mọi cuộc đấu tranh vì dân vì nước từ đây càng tạo nên tầm vóc và ý nghĩa vượt trội của phong trào đấu tranh tại nhà tù Côn Đảo so với các nhà tù khác ở Đông Dương.

Như vậy, lịch sử nhà tù Côn Đảo trong 68 năm từ 1862 đến 1930 (và cả trong những năm tháng sau này) thực chất là cuộc đối đầu giữa chính sách đàn áp khủng bố của thực dân Pháp nấp sau các chiêu bài “pháp luật”, công lý với sức sống và bản lĩnh độc đáo của dân tộc Việt Nam mà đại diện là các thế hệ tù nhân kiên cường bất khuất. Đằng sau những từ ngữ “tự do, khai phóng”, “cải hoá” ghi trong các nghị định, quy chế của hệ thống nghe từ Đông Dương là chế độ xiềng xích và roi vọt, là sự đọa đày khắc nghiệt, sự tàn phá lung lạc thể xác cũng như tinh thần của người tù, thậm chí sẵn sàng thủ tiêu mạng sống của họ. Bản chất của luật pháp thực dân qua thực tế ở nhà tù Côn Đảo đúng như lời tố cáo mà Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên gần 70 năm trước: “Pháp luật công lý với người với bản xứ? Thôi đi! Chỉ có ba-toong, súng lục, súng trường, đó mới là những thứ xứng đáng với lũ “sâu bọ” ấy! ở Đông Dương cũng đúng như vậy đấy!(...). Công lý nước Pháp ở Đông Dương là như thế đó!” (2 : 141, 148).

Để chống lại những biện pháp vừa tàn bạo vừa thâm độc của chủ nghĩa thực dân, những người tù Việt Nam ngày ấy chỉ có một vũ khí duy nhất, sức mạnh của tinh thần, của đội ngũ. Nhưng đó là nguồn sức mạnh trường tồn bất diệt qua mọi thử thách gian nguy, vì nó được tạo thành từ tình yêu thương đoàn kết, từ ý chí và khát vọng mãnh liệt về độc lập tự do, từ truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc. Cuối cùng, cuộc đối đầu giữa thế lực bất nhân phi nghĩa với phẩm cách và khí phách Việt Nam đã kết thúc bằng thắng lợi thuộc về những người từng bị vùi dập, đọa đày. Từ đó, Côn Đảo đã trở thành tượng đài uy nghi về chủ nghĩa anh hùng, tinh thần lạc quan cách mạng và ý chí “uy vũ bất năng khuất” của bao lớp tù nhân từng có mặt

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

và yên nghỉ vĩnh viễn tại nơi đây. Những trang sử đấu tranh của tù nhân Côn Đảo trở thành niềm tự hào của toàn dân tộc, đồng thời là niềm ngưỡng mộ, trân trọng của bạn bè nhiều nước trên thế giới.

Mặt khác, nếu như ngày hôm nay chúng ta có thể khâu lại những vết thương quá khứ để xây dựng cuộc sống mới và làm bạn với tất cả các dân tộc, quốc gia trên thế giới, thì tội ác hiển nhiên chủ nghĩa thực dân trong đó có chúng tích nhà tù Côn Đảo vẫn luôn là hình ảnh nhức nhối nhắc nhở nhân loại ra sức đấu tranh chống áp bức bất công, vì quyền con người, vì tiến bộ xã hội. Đó cũng là nghĩa nhân bản của di tích lịch sử Côn Đảo trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

Với những đặc điểm và ý nghĩa độc đáo, lớn lao đó, di tích lịch sử Côn Đảo cần được tôn tạo phát huy, xứng đáng với quá khứ hào hùng và giá trị lịch sử vĩnh hằng của nó. Một thực tế rất rõ là kể từ năm 1930 trở đi, với sự có mặt của lực lượng chính trị phạm là đảng viên cộng sản, phong trào đấu tranh của tù nhân Côn Đảo đã thực sự có chuyển biến lớn lao cả về tính chất, quy mô lẫn hiệu quả thực tế. Nhà tù Côn Đảo trở thành một trường học cách mạng cho nhiều loại tù nhân, kể cả những người thuộc các hệ tư tưởng khác. Tên tuổi và hoạt động của các đảng viên cộng sản ưu tú như Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng, Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu... trong thời gian bị giam cầm trên đảo đã trở thành những biểu tượng sáng ngời về tinh thần và ý chí đấu tranh, góp phần tôn vinh tâm vóc và giá trị lịch sử của nhà tù - trường học Côn Đảo. Lịch sử Côn Đảo từ năm 1930 trở về sau được tô đậm thêm bằng những nét son trang trọng.

Điều đó lại càng gợi nhớ những hoạt động đấu tranh trong giai đoạn bế tắc về đường lối của phong trào yêu nước Việt Nam, về những ưu tư trăn trở của lớp chính trị phạm Côn Đảo cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX những người suốt đời tận tụy vì dân vì nước mà công nghiệp không thành. Đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của thời kỳ ấy, những bản khoán dần vật, những bất lực muộn phiền, thậm chí cả những lầm lạc chệch hướng trong tâm tưởng, trong hành động của tiền nhân rất đáng được lớp cháu con trân trọng, cảm thông và chia sẻ. Chính từ những thất bại của cha ông, thế hệ Hồ Chí Minh đã xác định được cho mình con đường đúng đắn nhất để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Vì vậy, giai đoạn 1862 - 1930 nguồn cội khởi đầu cho những trang sử oanh liệt về sau trong lịch sử nhà tù Côn Đảo cần phải được tìm hiểu, nghiên cứu và giới thiệu tường tận hơn. Lãng quên hoặc xem nhẹ những năm tháng đầu tiên ấy là không hợp đạo lý và thiếu tính khoa học.

LÊ HỮU PHƯỚC

NHỮNG CUỘC NỔI DẬY CỦA TÙ NHÂN CÔN ĐẢO TỪ 1862 - 1930

Khởi đầu là cuộc nổi dậy tháng 6 - 1862 của các lực lượng quần chúng nhân dân, tù nhân và binh lính trên đảo để đánh đuổi quân Pháp vừa mới chiếm lĩnh quần đảo. Cuộc nổi dậy này do một tù nhân tên Nguyệt (không rõ họ) cầm đầu. Sau khi thu được thắng lợi bước đầu, nghĩa quân không được chi viện và thiếu tổ chức nên quân Pháp phản kích, lực lượng tan rã. Thủ lĩnh Nguyệt bị xử tử.

Năm 1864, tù Côn Đảo đầu độc bọn thủy thủ Pháp trên tàu Đồng Nai khi tàu đến đảo. Việc thất bại, một thầy thuốc và bốn tù nhân bị bắt.

Ngày 01 - 01 - 1868, quản đốc Boube (nhiệm kỳ từ 1866 - 1869) được tin tù nhân nổi dậy vào 4 giờ 30 phút ngày 2 - 1 - 1868. Cầm đầu vụ này là một giám lại người Tagan tên là Anatolio và hai người Việt Nam. Người thứ nhất là Đoàn Văn Đàng, từng tuyên bố: “Sẽ lột da bọn xâm lược lấy làm cờ, lấy máu chúng nhuộm lá cờ”. Người thứ hai là Lê Văn Phương, một người tù có thành tích đã giết gác dan người Tây, việc bại lộ, cả ba bị xử绞 (treo cổ). Anatolio bị đày qua đảo La Réunion ở châu Phi.

Ngày 27 - 8 - 1883, người Pháp bắt đầu xây dựng ngọn hải đăng ở khu vực Cỏ Ống sau đó chúng đổi ý, xây hải đăng ở Hòn Bảy Cạnh. Hơn 150 tù nhân bị đưa đi làm công việc nặng nhọc này. Năm giờ sáng ngày 27 - 8 - 1883, tù nhân nổi dậy, giết 8 lính gác và một chỉ huy tên Gaston Cabilic và một nhân viên kỹ thuật tên Jules Pierre Dulong. Viên đốc công Bidault bị thương nặng, trước khi chết đã kể lại sự cố đã xảy ra. Đoàn tù chiếm được 15 súng trường, 2 súng lục, 1 tàu săn cá mập và 1 canot và nhiều lương thực. Đoàn người chiến thắng vượt biển về đến vùng Phan Thiết thì bị bắt lại hết 36 người, 114 người thoát được. Đây là vụ nổi dậy có tiếng vang đến cả nước

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Pháp và Nam Triều. Do vụ này việc xây dựng hải đăng Bảy Cảnh bị chậm trễ, đến tháng 5 - 1884 mới xây xong.

Ngày 17 - 6 - 1890 gần 400 tù nhân gốc Bắc Kỳ nổi dậy giết bọn cai ngục, cướp súng định vượt đảo. Quản đốc René thắng tay đàn áp, bắn chết mấy chục người và bắt lại gần hết.

Ngày 28 - 8 - 1894, 65 người tù đi lấy san hô. Đến tối, 15 người tù do ông Đạt chỉ huy dùng lưới hái giết hai giám thị. Sau đó, ông Đạt trốn không thoát bị bắt xử tử.

Ngày 25 - 7 - 1904, một số tù nhân đi lấy dừa ở đảo Hòn Cau hợp lực giết hết bọn gác tù cướp được tàu trốn ra biển. Hai giám thị người Pháp nhảy xuống biển thoát chết Bọn Pháp huy động tàu chiến Aspic truy lùng nhưng không bắt lại được.

Ngày 22 - 5 - 1910, một nhóm tù đang lao động ở Banh I dùng dao nhọn tự chế bằng đai thùng phuy đâm chết tên giám lại nghe Emile Aujard và một tên giám ngục khác. Ba tù nhân liên quan bị bắt nhưng không thêm ký đơn xin giảm án. Cả ba bị chém đầu.

Mùa xuân năm 1918, có cuộc nổi dậy của tù chung thân ở Banh I do Nguyễn Trọng Thạc (con trai Nguyễn Thiện Thuật) cầm đầu. Hôm ấy nhằm ngày mồng 4 Tết năm Mậu Ngọ (14 - 2 - 1918), khoảng 2 giờ chiều, tù nhân dùng búa đập chết tên giám ngục Simon Jean và hai lính mã tà. Tù nhân còn định xông vào cướp vũ khí của đội lính gác. Viên hạ sĩ quan Larmuner phản kích kịp thời. lát sau, tên quản đốc Andouard dẫn lính tới chi viện. Hắn hạ lệnh cho thuộc hạ xả súng vào đám đông và truy sát tận tuyệt. Nguyễn Trọng Thạc và Phạm Cao Chảm cùng hơn 80 người khác đều bỏ mình.

Vụ thảm sát này làm rung động dư luận. Báo chí ở Sài Gòn và ở Pháp dậy lên tố cáo thủ đoạn tàn ác của Andouard. Do việc này, Andouard phải ra tòa ngày 1 - 10 -



Quai Andouard

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

1918. Trước tòa, Andouard không phủ nhận tội lỗi. Y nói: “tôi đã bắn một cách tỉnh táo... và tôi sẽ còn bắn nữa nếu chúng còn làm loạn”.

Tòa án thực dân đã tha bổng Andouard và đưa y trở lại nhiệm sở ở Côn Đảo cùng với những lời tưởng thưởng.

Nguyên Andouard là một trung úy bị trừ ngạch cảnh sát thuộc địa. Y bị cụt tay phải trong trận chiến tranh 1914 - 1918 nên được tù nhân gọi là ông Lớn Một Tay.

Hắn là một tên chúa đảo rất hung bạo, thường cho chó becgiê cắn xé tù nhân. Hắn còn có sáng kiến mang một đàn hổ từ đất liền ra thả trong rừng để phòng chống những tù nhân trốn trại.

Tất cả những trò đó chỉ làm tăng thêm lòng căm phẫn của tù nhân, đưa y đến gần cái chết.

Ngày 3 - 12 - 1919, một người tù tên Sửu Nhỏ, (còn gọi là Tư Con) bồi phòng của tên trung úy chỉ huy trại lính đã đánh cắp khẩu súng lục của tên này giấu kín trong mình. Mười giờ sáng hôm đó, Sửu Nhỏ bước vào phòng Andouard giả vờ đưa thư rồi rút súng ra bắn một hơi gần hết cả băng đạn. Andouard chết ngay tại chỗ. Diệt xong tên ác ôn này, Sửu Nhỏ dành viên đạn cuối cùng tự kết liễu đời mình, không để lọt vào tay quân giặc.

Đại úy Lambert được cử làm quản đốc mới. Rút kinh nghiệm từ bài học xương máu này, Lambert tỏ ra mềm mỏng hơn. Trong buổi lễ tang Andouard, Lambert công khai phát biểu:

“Andouard đã chuốc lăm hận thù. Ông đã trả giá cho việc làm của mình từ năm 1918”.

Để tỏ ý biểu dương những công đức như Andouard, bọn thực dân lấy tên y đặt cho con đường bờ biển đẹp nhất hải đảo. Cho đến nay, cái bản tên đường ấy vẫn còn lơ mờ trước dinh chúa đảo:

QUAI ANDOUARD - vâng con đường đẹp nhất nhưng lại mang một cái tên máu nhất.

HOÀNG HOA

MỘT SỐ TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO THUỘC CÁC THỂ HỆ SĨ PHU YÊU NƯỚC

Người Pháp tuyên bố chiếm lĩnh Côn Đảo ngày 28-11-1861 thì nửa tháng sau, vào ngày 15-12-1862 nhân dân trên đảo đã liên kết cùng tù nhân và lính coi tù toan đánh đuổi quân Pháp để tự giải phóng. Người cầm đầu cuộc nổi dậy là một tù nhân tên NGUYỆT, sinh trưởng ở Chợ Lớn. Việc không thành, Nguyệt bị giặc xử treo cổ tại Côn Đảo (Theo Trần Văn Quế - Côn Lôn sử lược - Thanh Hương Tùng Thư - Sài Gòn - 1961).

Năm 1862, sau khi nhà tù Côn Đảo được chính thức thành lập thì dưới tay Félix Roussel, chúa ngục đầu tiên - đã có sẵn một số phạm nhân bị giam giữ sau vụ bạo loạn năm 1861. Tháng 3-1862, tàu Echo của Pháp chở 50 người tù đầu tiên. Đến giữa năm 1869, nhà tù Côn Đảo đã có đến 500 tù nhân và 30 giám ngục. Sau khi đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ nhất, Pháp chở ra Côn Đảo thêm 80 tù nhân. Đến ngày 30-1-1882, số tù nhân ở Côn Đảo đã lên tới 836 người.

Đa số tù nhân trong giai đoạn này là những người nghĩa dũng đã tham gia các cuộc nổi dậy tự phát sớm nhất của Trương Công Định, Thiên Hộ Dương, tri huyện Toại... Ngoài ra, còn có một số quan binh cấp thấp của triều đình bị Pháp bắt làm tù binh trong các cuộc giao tranh Việt Pháp diễn ra trong khoảng thời gian giữa các hòa ước Nhâm Tuất (1862), Giáp Tuất (1874) và Quý Mùi (1883). Trong bài *Văn tế sĩ dân lục tỉnh* của Nguyễn Đình Chiểu có đoạn nói về họ như sau:

Ôi! Lòng nghĩa dân thảo với ngô quân

Tiếng nghịch đảng lỗi cùng địch vức.

Gân Côn Lôn, xa Đại Hải máu thây trôi nổi ai nhìn.

Hàng cai đội, bực quản cơ, xương thịt rã rời ai cất?

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Sống thời tuyết sương trời một góc, khó đem sừng ngựa hẹn qui kỳ

Thác rồi theo mưa giút biển muôn trùng, khôn mượn thơ nhàn đem tin tức...

Năm 1885, hai quan phụ chánh đại thần của vua Hàm Nghi là Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường phản công quân Pháp ở kinh thành Huế. Ngày 23 tháng 4 năm Ất Dậu (1885) kinh thành Huế thất thủ. Vua Hàm Nghi xuất bôn và xuống chiếu cần vương. Ngoại trừ những chỗ gần kinh thành ra còn thì khắp cả nước từ Nam và Bắc chỗ nào cũng có những nghĩa quân nổi dậy đánh Pháp.

Trong số tù chính trị Côn Đảo mở đầu thời kỳ Cần Vương có 3 nhân vật quan trọng của triều đình Huế: Nguyễn Văn Tường, Phạm Thận Duật và Tôn Thất Đính.

NGUYỄN VĂN TƯỜNG (1824-1886)

Quán làng An Cư, Triệu Phong, Quảng Trị, đậu cử nhân năm 1850. Từng làm phụ chánh đại thần, thượng thư Bộ Hình, sung cơ Mật viện kiêm quản Thương bạc viện. Cùng với Tôn Thất Thuyết, ông xây dựng căn cứ ở Tân Sở, Quảng Trị, chuẩn bị công cuộc cần vương dưới hai triều Kiến Phúc và Hàm Nghi. Không đồng tình với chủ trương tấn công quân Pháp một cách liều lĩnh ở Huế, ông không theo Tôn Thất Thuyết mà ở lại, hy vọng dùng tài ngoại giao để cứu vãn tình thế. Người Pháp xem ông là kẻ thù nguy hiểm nhất bấy giờ. Khi bắt được ông, chúng đổ thuốc độc vào miệng Nguyễn Văn Tường, rụng hết cả răng.

Theo Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim, ngày 28 tháng 7 năm Ất Dậu (1885), thống tướng De Courcy bắt quan nguyên phụ chánh Nguyễn Văn Tường, Hộ bộ Thượng thư Phạm Thận Duật và Tôn Thất Đính đem đày ra Côn Lôn, sau đó đưa sang đảo Haiti (Santo Domingo). Ông mất ở đảo ấy vào ngày 31-7-1886.

PHẠM THẬN DUẬT (1825-1885)

Phụ chánh đại thần triều Hàm Nghi từng giữ chức Hộ bộ Thượng thư, cơ mật viện đại thần, phó tổng tài quốc tử giám. Trên đường ra Bắc để tổ chức Cần Vương, ông bị bắt ở Quảng Trị, bị đưa vào Gia Định và đày đi Côn Đảo ngày 6-9-1885. Sau đó bị đưa sang châu Phi nhưng dọc đường, khoảng eo biển Malaca, ông bị bệnh chết trên tàu (29-11-1885), bị ném xác xuống biển.

TÔN THẤT ĐÍNH

Là thân sinh của Tôn Thất Thuyết. De Courcy bắt không được Tôn Thất Thuyết, bèn bắt ông thế mạng hòng dùng cha để lung lạc con. Không lung lạc được, chúng đày ông cùng một lúc với Nguyễn Văn Tường và Phạm Thận Duật.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Trong quyển bút ký Les Secrets des Iles Poulo Condore (Bí mật Côn Đảo), tác giả người Pháp Jean Claude Demariaux kể rằng ông đã từng bắt gặp trên vách tường hành lang Ban II những dòng chữ ghi tên mà ông phiên ra chữ quốc ngữ: NGUYEN VAN TRUONG - PHAN TAN DUAT - NGUYEN VAN TUONG.

Theo Demariaux thì 3 vị quan lớn này được chở ra Côn Đảo bằng tuần dương hạm Clochetterie kèm theo bức mật hàm của De Courcy gửi cho chúa đảo Caffort, có lời dặn: *“Tâm quan trọng chính trị của những tù nhân này đòi hỏi họ phải được giám sát hết sức nghiêm ngặt với bất cứ giá nào”*.

Dựa vào những chi tiết đó, ta có thể xác định PHAN TAN DUAT tức Phạm Thân Duật. NGUYEN VAN TUONG tức Nguyễn Văn Tường. Còn NGUYEN VAN TRUONG (Trương hoặc Trường?) là ai thì chưa xác minh được.

Trong thập niên cuối thế kỷ 19 còn có thêm nhiều quan chức và sĩ phu tên tuổi thuộc thế hệ Cần Vương bị đày ra Côn Đảo:

PHAN CHÂU TRINH (1872-1926)



Phan Châu Trinh

Tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, quán làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, Quảng Nam. Thân phụ làm quản cơ Sơn phòng, sau vào Nghĩa hội Cần Vương làm chuyên vận sứ. Năm 27 tuổi được tuyển vào trường tỉnh cùng với Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp nổi tiếng ưu tú. Đỗ cử nhân thứ ba khoa Canh Tý (1900), năm sau đỗ phó bảng, làm việc ở bộ lễ. Năm 1905 ông từ quan đi chu du để tìm đồng chí. Đến Bình Định, ông làm bài thơ *Chí Thành Thông Thánh* để thức tỉnh thanh niên. Sau đó ông ra Hà Nội, lên căn cứ của Đề Thám rồi đi Nhật gặp Phan Bội Châu. Về nước, ông cùng Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đẩy mạnh phong trào duy tân. Thời gian này ông viết bài *Tỉnh quốc hồn ca* kêu gọi thanh niên đổi mới. Đầu năm 1908 xảy ra vụ chống thuế ở Quảng Nam và nhiều tỉnh miền Trung. Ông bị bắt ở Hà Nội, đưa về Huế rồi đày đi Côn Đảo với tội danh: *phỉ báng triều đình, sỉ nhục quan lại, cố tình phản nghịch. Bị kết án tử hình đày đi Côn đảo, dầu gặp kỳ ân xá cũng không được cứu xét*. Ông bị quản thúc ở Côn Đảo từ tháng 7-1908 đến cuối năm 1911, nhờ Hội Nhân quyền và Dân quyền Paris can thiệp ông được đưa về đất liền rồi sau đó được sang Pháp. Năm 1925 ông xin trở về nước. Cuối năm bị bệnh và mất ngày 24-3-1926. Đám tang ông được tổ chức trọng thể, biến thành cuộc biểu dương lực lượng trên khắp các tỉnh thành trong nước.



Tiểu La Nguyễn Thành

NGUYỄN THÀNH (1863-1910) hiệu Tiểu La. Còn có tên Nguyễn Văn Thành hoặc Nguyễn Hàm người làng Thạnh Mỹ (Quảng Nam). Năm 22 tuổi, từng tham gia phong trào Cần Vương, giữ chức Tấn Tương quân vụ. Là đồng chí và cố vấn của cụ Phan Bội Châu, sáng lập Duy Tân Hội và phong trào Đông Du. Ông còn giữ vai trò liên kết giữa Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Ông bị bắt cùng một lúc với Huỳnh Thúc Kháng. Ra đảo được 2 năm thì mất (1911) để lại những lời tâm huyết: *“Thời cuộc xoay vần, cơ hội tốt sẽ đến. Giông mây Đông Á sau này còn biến đổi. Anh em hãy gắng lên”*.



Cụ Trần Cao Vân

TRẦN CAO VÂN (1866-1916)

Cuộc đời 50 năm, hết 10 năm trải qua các nhà tù Phú Yên, Bình Định, Côn Lôn, Thừa Phủ..., tham gia hai cuộc khởi nghĩa cách nhau 18 năm, đó là những con số có ý nghĩa của một chiến sĩ suốt đời đi tìm những vận hội để giải phóng đất nước. Một tu sĩ mong mọi đồng bào được giải thoát khỏi nỗi khổ nô lệ, một thầy địa lý đi tìm long mạch cho đất nước được độc lập, một nhà nghiên cứu dịch lý để tìm sinh lộ cho dân tộc... Trần Cao Vân gồm cả ba con người đó. Ông đã sống một cuộc đời gian lao và khổ cực vì độc lập của Tổ quốc với một tinh thần lạc quan và hy vọng.

Ông bị kết án chung thân năm 1908, bị đày Côn Đảo năm 1909 và năm 1914 được trả tự do, trở về nhà để rồi tham gia cuộc khởi nghĩa Duy Tân. Cùng với Thái Phiên, ông bị kết án tử hình và bị chém tại An Hòa (Huế) ngày 17-5-1916.



Cụ Huỳnh Thúc Kháng

HUYỄN THỨC KHÁNG (1876-1947)

Hiệu Minh Viên quê ở Thăng Bình, Quảng Nam. Năm Canh tí (1900) đỗ giải nguyên. Năm Giáp thìn (1904) đỗ hoàng giáp. Ông không làm quan mà tích cực vận động phong trào duy tân, kết giao cùng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... năm 1908, ông bị bắt trong vụ dân biến Mậu Thân (chống thuế ở miền Trung) và bị đày ra Côn Đảo sau Phan Châu Trinh vài tháng. Ở Côn Đảo ông biên soạn quyển Thi Tù Tùng Thoại, Thi Tù Thảo, ghi chép chuyện ở tù quan thơ

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

văn. Năm 1921, mãn hạn, ông được thả về đất liền, được bầu làm Viện trưởng Viện dân biểu Trung Kỳ. Năm 1928, vì phản ứng kháng tên khâm sứ Pháp, ông từ chức viện trưởng, đứng ra làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Tiếng Dân ở Huế. Năm 1943, báo này bị đóng cửa. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Huỳnh Thúc Kháng được mời nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Khi Hồ Chủ tịch sang Pháp, Huỳnh Thúc Kháng được giao quyền chủ tịch Chính phủ. Vào thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, ông được phái vào liên khu V công tác rồi bị bệnh mất tại Quảng Ngãi. Đến nay lăng mộ ông vẫn còn trên đỉnh núi Thiên Ấn (Quảng Ngãi), nhìn xuống sông Trà Khúc.



Tiến sĩ Tập Xuyên
Ngô Đức Kế
(1879 - 1929)

NGÔ ĐỨC KẾ (1879-1929)

Quán làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh. Đậu tiến sĩ năm 23 tuổi (1901), hoạt động cùng Phan Bội Châu, Đặng Nguyên Cẩn, Lê Văn Huân,... thành lập Triều Dương thương quán ở Vinh. Ông bị tên việt gian Cao Ngọc Lệ án sát Hà Tĩnh bắt giữ và đày ra Côn Đảo (1908-1921). Chủ bút tờ Hữu Thanh, lập nhà xuất bản Giác quần thư xã.

Tại Côn Đảo ông đã viết các tác phẩm: *Thiên nhiên học hiệu ký*; *Thái Nguyên thất nhật Quang Phục ký*; *Sở âm tập*.

Ngô Đức Kế (Tập Xuyên) là một trong những ngôi sao sáng của thi đàn Côn Đảo góp phần giữ vững khí tiết của những sĩ phu yêu nước trong “chốn cùng hoang”.



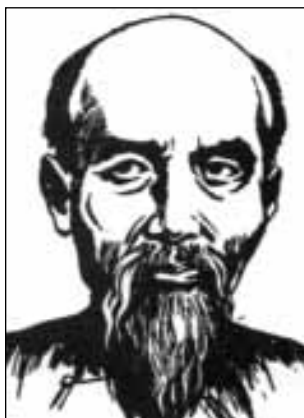
Lương Văn Can

Cử nhân LƯƠNG VĂN CAN:

Tên tự là Ôn Như, hiệu là Sơn Lão, là nhà cách mạng Việt Nam, là một trong những người sáng lập ra và làm hiệu trưởng trường năm 1907. Ông quê ở làng Nhị Khê, bây giờ là xã Nhị Khê huyện Thường Tín, Hà Nội.

Năm 1871, khi 17 tuổi, Lương Văn Can đỗ thi Hương, vào tới tam trường. Năm 1875, ông thi đỗ Cử nhân, nhưng do bố mất, năm sau ông không đi thi Hội nữa. Sau đó ông ở nhà cưới vợ là bà Lê Thị Lễ, và tới năm 25 tuổi (1879) ông mở trường dạy học tại số 4 phố Hàng Đào, Hà Nội. Vì đỗ cử nhân, ông thường được gọi là "cụ Cử Can".

Hiệu trưởng trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Cụ là thân sinh của Lương Ngọc Quyến, người cầm đầu cuộc binh biến ở Thái Nguyên. Cụ bị bắt đưa ra đảo từ năm



Nguyễn Quyền

1914, sau bị đưa đi an trí ở Phnôm Pênh. Năm 1924 được về nước, đến năm 1927, cụ mất ở Hà Nội.

NGUYỄN QUYỀN (1869-1941)

Nguyễn Quyền, quê ở Thượng Trì, huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh. Từng làm huấn đạo Lạng Sơn. Ông là sáng lập viên và giám học trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Ông bị đày Côn Đảo vào khoảng tháng 2-1909 cùng với Lê Đại, Võ Hoàn... với án chung thân. Theo Thi Tù Tùng Thoại: Trong giờ rảnh, Nguyễn Quyền đã sáng tạo ra một thứ chữ quốc ngữ mới, cách viết đơn giản, ngang, sổ như kiểu chữ Hán. Sau thời gian ở Côn Đảo, Nguyễn Quyền bị an trí ở Bến Tre và mất ở Sa Đéc.



Cửu Cai **Trần Hoàn**
vua vượt ngục

Cửu cai **TRẦN HOÀNH**

Trong lịch sử tù Côn Đảo đóng bè vượt ngục phải kể đến tên ông. Quê ông ở làng Phước Bình, Quế Sơn, Quảng Nam. Hoạt động trong phong trào Duy Tân. Ông bị thực dân Pháp lùng bắt. Ông thoát ngục lần thứ nhất ở Nghệ An. Bị bắt lần thứ hai với án chung thân đày Côn Đảo. Ông đã cùng Nguyễn Đình Kiên, Phạm Cao Đài vượt ngục tỏ rõ chí khí của một sĩ phu yêu nước không chịu khuất phục trước đòn roi của kẻ thù.

NGỌC PHAN

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (1930 - 1945)

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TỪ KHI CÓ ĐẢNG

* Ngày 9-2-1929, Quốc Dân Đảng (QDD) tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Bazin tại Hà Nội. Thực dân Pháp điên cuồng khủng bố bắt hàng trăm người yêu nước và cách mạng. Tháng 7-1929, theo lệnh của toàn quyền Pasquier, các phiên tòa đại hình được mở cùng một thời gian ở hơn 20 tỉnh và thành phố Việt Nam. Hàng trăm người bị kết án và đày ra Côn Đảo trong đó có một số hội viên Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội (CMĐCH). Đây là những chiến sĩ cộng sản đầu tiên trên Côn Đảo.

* Năm 1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái của VNQDD bùng nổ và bị đàn áp đẫm máu. Ngày 18-6-1930, tàu Claude-Chappe từ Hải Phòng chở ra Côn Đảo khoảng 200 đảng viên QDD và gần 40 đảng viên cộng sản. Đến Cap Saint Jacques (Vũng Tàu), Pháp dẫn tù từ tàu Claude Chappe qua tàu Armand Rousseau và nhận thêm một đoàn tù từ khám Lớn Sài Gòn. Trong lúc chuyển tàu, đoàn tù cộng sản phát cao cờ búa liềm và hô khẩu hiệu đả đảo thực dân Pháp vang rền.

Trong những năm 1930-1931, cao trào cách mạng Xô Viết bùng nổ. Hàng ngàn chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước bị bắt. Trong hai năm đó, thực dân Pháp đã bắt giam 216.532 người, mở 21 phiên tòa đại hình, xử 1094 vụ với 64 án tử hình, 114 án khổ sai chung thân, 430 án lưu đày biệt xứ. Lại thêm một lớp tù cộng sản mới.

Tháng 11-1930, một trận bão lớn làm sụp đổ trại giam Sở Lưới khiến 75 tù khổ sai tử thương. Các trại giam và nhà cửa trên đảo đều hư hại. Tù Côn Đảo được huy động ráo riết để phục dịch, sửa chữa. Năm 1930, số tù bị chết lên đến 311 người, chiếm 15,6% số tù.

Đảng Cộng sản vừa ra đời đã phải đương đầu với bộ máy đàn áp dã man phát xít và chế độ nhà tù cực kỳ khắc nghiệt. Mặc dầu ở trong tù, người cộng sản không bao giờ thụ động khoanh tay ngồi chờ đợi số phận.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

* Đầu năm 1932, chi bộ đầu tiên của những chiến sĩ cộng sản trong nhà tù Côn Đảo ra đời ở khám CHỈ TỒN Banh I, lúc đầu có chừng 20 đảng viên. Bí thư chi bộ là đồng chí Nguyễn Hối. Chi ủy gồm các đồng chí Tôn Đức Thắng, Tống Phúc Chiểu, Tạ Uyên, Tống Văn Trân, Phan Đình Khải (tức Lê Đức Thọ). Chi bộ xác định chủ trương đường lối và nhiệm vụ của người cộng sản trong tù là:

- Lãnh đạo đấu tranh trong tù.
- Giáo dục, bồi dưỡng lý luận cho nhau.
- Tuyên truyền, giác ngộ binh lính, giám thị.
- Liên hệ với Đảng ở đất liền và tổ chức trốn.

* Giữa năm 1930, thêm 100 tù cộng sản từ khám Lớn Sài Gòn bị đưa ra Côn Đảo; Cuối năm 1933, có thêm khoảng 200 tù chính trị bị đưa từ các nhà ngục Sơn La, Hỏa Lò. Từ đó, nhà tù Côn Đảo trở thành nơi tập trung đầy ắp một phần lớn cán bộ đảng viên ưu tú. Lúc này, chi bộ khám Chỉ Tồn có thêm nhiều cán bộ lãnh đạo xuất sắc như Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Nguyễn Công Khương (Lê Văn Lương), Lê Quang Sung, Trần Quang Tạng, Nguyễn Chí Diêu...

* Mùa hè năm 1934, một cuộc Hội Nghị Đại biểu Tù Nhân đã tiến hành ở một đồng cát phía sau Sở Chuồng Bò, các kíp tù khổ sai đã bầu ra *Hội Tù Thống Nhất*, thay mặt cho hơn 300 hội viên.

Một ban lãnh đạo chung toàn thể tù nhân trên đảo được bầu ra, do các đồng chí Nguyễn Hối, Ngô Gia Tự, Trần Quang Tạng phụ trách.

Từ khi có chi bộ và hội tù, những người tù chính trị dần dần biết tổ chức lao động, tương trợ, chăm sóc nhau khi khó khăn, bảo vệ nhau chống những tên giám ngục và tay sai ác ôn. Chế độ lao tù từng bước được cải thiện, các cuộc đấu tranh đạt hiệu quả cao và ít tổn xương máu hơn.

* Tuy vậy, không phải chi bộ không chủ trương đấu tranh bằng bạo lực. Cuối năm 1933, nhiều anh em từ Sơn La ra Côn Đảo bị ốm nặng mà vẫn phải đi làm khổ sai, lại còn bị bọn cặp ràng hành hạ. Một tù nhân là Tăng Văn Thiều bị đánh đập tàn nhẫn. Ít lâu sau, tên Tư Nhỏ lại đánh đồng chí Nguyễn Ngọc Cư trọng thương. Chi ủy quyết định trừng trị bọn cặp ràng lưu manh. Các đồng chí Ngô Gia Tự, Bảy Cùi, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Võ Duy Cương trực tiếp thực hiện quyết định này. Trong khi “cánh võ” đánh Tư Nhỏ một trận như tử thì “cánh văn” chuẩn bị ứng phó với bọn quản đốc, nhờ đối đáp tốt nên không ai việc gì. Tư Nhỏ còn bị nhốt trong hầm tối. Anh em tù cử luôn đồng chí Ngô Gia Tự làm cặp ràng khám Chỉ Tồn.

* Nhờ biết đấu tranh khôn khéo, có tổ chức nên những người cộng sản đã cải thiện chế độ lao tù một cách rõ rệt. Tù chính trị được tự nấu ăn, được dọn vệ sinh, được

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

trồng thêm rau quả, được đọc sách và nhận sách. Đây là điều kiện thuận lợi để chi bộ tổ chức học tập lý luận chủ nghĩa cộng sản. Bằng trí nhớ của mình, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã chép lại bản Luận cương chính trị của Đảng để huấn luyện cho anh em. Việc học tập văn hóa, lý luận và sinh hoạt văn hóa văn nghệ ngày càng có chất lượng cao, không những đã củng cố và nâng cao trình độ nhận thức của người tù cộng sản mà còn chinh phục lời cuốn được một số trí thức quan trọng của Quốc Dân Đảng và các phe phái khác. Nhiều người đã nghiêng hẳn về lập trường cách mạng của Đảng cộng sản, trong đó có Tưởng Dân Bảo, Trần Xuân Độ, Trần Huy Liệu, Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Đức Chính, Tô Chấn... Trong tù, các đồng chí giảng viên và học viên đã tổ chức thực hiện những tờ báo viết tay như Tiến Lên, Ý Kiến Chung, Người Tù Đỏ...

Năm 1934, chi bộ tổ chức nhiều chuyến vượt ngục, trong số đó có hai chuyến thành công. Chuyến thứ nhất (4-1934) đã đưa được các đồng chí Tống Văn Trân, Võ Công Phụ, Tạo Gông, Toản, Kim, Xuyên về đất liền. Chuyến thứ hai (4-1935) các đồng chí Tạ Uyên, Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Hồng Thám, Trần Quang Tạng về được bờ biển miền Tây Nam Bộ. Riêng chuyến vượt biển tháng 1-1935 của các đồng chí Nguyễn Hối, Ngô Gia Tự, Lê Quang Sung, Tô Chấn... bị mất tích giữa biển khơi. Đại hội lần thứ nhất của Đảng năm 1935 xét yêu cầu của Xứ ủy Nam Kỳ đã công nhận Đảng bộ Côn Đảo là một chi bộ đặc biệt.

Năm 1940, Nam Kỳ Khởi Nghĩa bùng nổ. Qua năm 1941, thực dân Pháp đày những người cộng sản bị bắt trong cuộc khởi nghĩa ra Côn Đảo, khiến con số tù nhân tăng vọt lên cao nhất từ khi có nhà tù. Đây cũng là thời kỳ chế độ nhà tù cực kỳ khắc nghiệt. Từ 1941 đến 1943, có đến 3000 tù nhân đã chết ở Côn Đảo, trong số đó có những chiến sĩ cách mạng ưu tú như Lê Hồng Phong, Nguyễn An Ninh, Võ Công Tôn, Mẫn Gốc...

Tuy nhiên, tình hình trong nước và cục diện thế giới ngày càng chuyển biến mạnh mẽ. Từ tháng 3-1945, chi bộ nhà tù đã đánh giá đúng tình hình, nắm vững thời cơ để chuẩn bị cho cuộc nổi dậy giải phóng, đưa toàn bộ lực lượng cách mạng về đất liền tham gia cuộc kháng chiến của cả nước.

TRIỆU BÍCH

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

1930 - 1945 (*)

(TRÍCH)

Thời gian 15 năm từ 1930 đến 1945, rất là ngắn so với chiều dài của lịch sử dân tộc Việt Nam, nhưng lại là giai đoạn đánh dấu bước ngoặt lịch sử của quá trình đấu tranh của nhân dân ta theo đường lối cách mạng mới, chống thực dân phong kiến và tay sai. Vì vậy, đây cũng là thời điểm diễn ra cuộc đối đầu mới tại Đông Dương giữa 2 thế lực: Lực lượng đấu tranh giải phóng dân tộc theo quan điểm cách mạng vô sản chống lại lực lượng đi xâm chiếm, khai thác thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp. Cuộc đấu tranh này ở đất liền diễn ra sôi nổi, quyết liệt với sự tham gia của giai cấp công nhân, nông dân và đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, nhân sĩ, trí thức, tôn giáo, ... Trong khi đó, ở nhà tù Côn Đảo cuộc chiến đấu diễn ra hết sức gay go và hoàn toàn không cân sức giữa hai lực lượng: Một bên là những người tù chính trị cộng sản, một bên là đội quân coi tù hung hăng, tàn bạo có đầy đủ các phương tiện hành hạ áp bức người tù, nhưng cuối cùng là sự chiến thắng của những người tù đấu tranh cho lý tưởng cộng sản. Việc nghiên cứu quá trình đấu tranh giai đoạn 1930 - 1945 của những chiến sĩ cộng sản trong nhà tù Côn Đảo đã đưa tới một số kết luận sau đây:

Trước thử thách khắc nghiệt, điều kiện tiên quyết là phải kiên định lập trường, giữ vững chí khí cách mạng, vận dụng linh hoạt chủ trương chính sách của Đảng để đấu tranh với kẻ thù trong mọi hoàn cảnh.

Ngay từ khi có mặt ở nhà tù Côn Đảo, những người cộng sản phải đấu tranh và đã quyết định một cách dứt khoát về tư tưởng lập trường, cùng tập hợp lại trong một tổ chức, có sự hướng dẫn lãnh đạo của chi bộ Đảng để tiếp bước con đường đấu tranh. Chính quyết sách này đã giúp cho những người tù chính trị cộng sản có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện, giữ vững chí khí chiến đấu, thống nhất kế hoạch đấu tranh với bọn

(*) Luận án Tiến sĩ KHLS: *Đấu tranh của những người Cộng sản ở nhà tù Côn Đảo 1930 - 1945* Viện KHXH vùng Nam Bộ (2006). Phần kết luận.

coi tù, tin tưởng vào ngày mai thắng lợi của cách mạng. Niềm tin vào sự đấu tranh bảo vệ lý tưởng được tôi luyện và thử thách qua từng thời đoạn trong nhà tù, tiến đến giành thắng lợi quyết định trong những ngày lịch sử mùa Thu tháng Tám năm 1945.

Điểm đặc biệt là để tiến hành cuộc cách mạng tháng Tám thắng lợi, trong đất liền, từ đầu năm 1945 cho đến giữa tháng 8 - 1945, Trung ương Đảng liên tục có nhiều văn bản quan trọng để chỉ đạo, giúp cho các địa phương trong cả nước vận dụng, lãnh đạo, tổ chức lực lượng cách mạng đứng lên giành chính quyền bằng nhiều hình thức, phương pháp khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế từng nơi.

Trái lại, bị giam cầm trong nhà tù ngoài biển khơi, không nhận được các văn bản chỉ đạo nêu trên của tổ chức Đảng trong đất liền, nhưng những người tù chính trị cộng sản vẫn kiên trì quan điểm cách mạng, bám sát vào Nghị quyết VIII của Trung ương Đảng, các chính sách của Việt Minh để đánh giá, phân tích những thông tin chung về chiến tranh thế giới và tình hình cách mạng trong nước, về thực lực cách mạng và phản cách mạng. Từ đó, có sự chuẩn bị chu đáo về lực lượng và với nhãn quan chính trị nhạy bén, tổ chức Đảng ở nhà tù Côn Đảo biết chớp lấy thời cơ, lãnh đạo thành công cuộc cách mạng giải phóng Côn Đảo. Lấy lòng yêu nước và tinh thần dân tộc làm điểm tương đồng, trừ số phản động và quá khích, tổ chức Đảng nhà tù tập hợp được các lực lượng trên đảo - bao gồm cả tù chính trị cộng sản với các tù chính trị khác và các lực lượng có thể tranh thủ được, kể cả số gác đàn, giám thị, viên chức của địch - vào cùng một mặt trận đấu tranh thống nhất, giải phóng ách lao tù, lật đổ chế độ cai trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật và tay sai trên Đảo, lập nên chính quyền Liên hiệp, một hình thức chính quyền chưa hề có trong lịch sử Côn Đảo cho đến lúc bấy giờ. Đây cũng là nét độc đáo của cuộc khởi nghĩa mùa thu năm 1945 ở Côn Đảo.

Cuộc đấu tranh 15 năm của những chiến sĩ cộng sản trong nhà tù Côn Đảo diễn ra với nhiều hình thức và phương pháp khác nhau, phù hợp với từng diễn biến lịch sử cụ thể, vừa gắn chặt với sự lãnh đạo của Đảng, vừa thể hiện tinh thần tự lực, chủ động xây dựng lực lượng, nắm vững bạo lực cách mạng, tiến hành đấu tranh từng bước vững chắc, tiến tới làm chủ hoàn toàn Côn Đảo.

Có mặt ở nhà tù từ năm 1930, những người tù cộng sản vừa tiên phong chiến đấu, vừa lãnh đạo tù nhân tham gia đấu tranh với bọn coi tù bằng những hình thức và bước đi thích hợp.

Căn cứ vào những quy định pháp lý của nhà tù thực dân, cuộc đấu tranh giành quyền sống trong nhà tù được tiến hành bằng hình thức bất bạo động, đi từ thấp đến cao, không trực tiếp đối đầu và sử dụng bạo lực với kẻ thù, tránh trường hợp kẻ địch có thể lợi dụng để khủng bố, giết hại người tù. Bài học những cuộc bạo động của tù nhân Côn Đảo trước năm 1930 cho thấy rõ điều đó ⁽¹⁾.

(1) Như các cuộc bạo động tháng 6-1890 của hơn 400 tù nhân Bắc kỳ và cuộc bạo động vượt ngục 28-8-1894, vụ ám sát Giám thị trưởng trại I Aujard ngày 22-1910 và vụ hạ sát Andouart ngày 3-12-1919 [36, tr.125-146] và nhất là cuộc nổi dậy ở khám chung thân trại I năm 1918 làm cho 83 tù nhân chết trong số khoảng 100 tù nhân trong trại này [36, tr.153-155].

Những năm từ 1936 đến 1940, những người tù Cộng sản tổ chức đấu tranh theo hình thức mới: Bằng cách phát huy sức mạnh tấn công địch trên diễn đàn báo chí trong và ngoài nước, gửi đơn, đưa yêu sách cho nhà cầm quyền Pháp yêu cầu đại xá tù chính trị, cùng với một số hình thức đã thực hiện trước đó như bãi thực, lãn công. Hoạt động đấu tranh trong thời gian này được kết hợp chặt chẽ giữa đất liền với nhà tù thông qua đường dây liên lạc bí mật cũng như từ những người tù chính trị mãn án hoặc được ân xá về đất liền trước đó.

Từ cuối năm 1941 đến 1943, các cuộc đấu tranh với yêu cầu tự do dân chủ như những năm 1936-1939 không còn phù hợp nữa. Sau 3 cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương, thực dân Pháp tăng cường khủng bố những người cộng sản và quần chúng cách mạng. Các hình thức đấu tranh lúc này ở trong tù chủ yếu vẫn là bãi thực, lãn công, đòi bọn cai ngục trả lại những quyền tự do dân chủ đã giành được trong cao trào dân chủ Đông Dương. Ngoài ra, hoạt động công khai với hình thức tương tế, giúp đỡ giữa tù nhân với nhau được đưa lên hàng đầu để giảm bớt tình trạng chết vì bệnh tật, suy yếu sức khỏe của người tù.

Bước sang năm 1944, cùng với thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trên các chiến trường, theo chủ trương của Đảng, Đảo ủy triển khai kế hoạch Liên minh với các lực lượng có thể liên minh được để cùng nhau chống phát xít, chống chiến tranh. Hình thức đấu tranh lúc này vừa mềm dẻo thực hiện sách lược liên minh với phái De Gaulle của Pháp, vừa phải đối phó với số tù nhân theo phái thân Nhật và nhóm Trotskiste, nhưng vẫn đảm bảo thực hiện mục tiêu đấu tranh của cách mạng và vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng.

Từ đầu năm 1945, khi thời cơ dần dần xuất hiện, nhất là sau khi Nhật đảo chính Pháp, những chiến sĩ cộng sản trong nhà tù đã từng bước đấu tranh để giành lấy chính quyền bằng phương pháp hòa bình, nhưng vẫn chủ động sử dụng bạo lực khi cần thiết để trấn áp kẻ thù.

Bạo lực cách mạng ở nhà tù Côn Đảo được tiến hành trong thời điểm này là bạo lực chính trị của quần chúng trong nhà tù, của các lực lượng cách mạng bên ngoài, kể cả số công chức, gác dan, giám thị Pháp tiến bộ. Và như vậy, chưa cần đến một cuộc nổi dậy vũ trang, dù tương quan thế và lực đã nghiêng hẳn về phe cách mạng. Cho nên, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở đây thắng lợi hoàn toàn nhưng không có sự trả thù đẫm máu hay những hành động cá nhân của tù chính trị trong tư thế chiến thắng đối với giám đốc, số công chức, giám ngục, cai tù đã mất vị trí cai trị, một vị trí mà trước đó không lâu họ đã dựa vào đó để hành hạ, đánh đập người tù một cách tàn nhẫn, không thương tiếc; cả với một số tù nhân thân Nhật hay Quốc dân Đảng quá khích cũng được đối xử tương tự như vậy. Sự hành xử này làm sáng tỏ đường lối cách mạng của Đảng, có tác dụng cảm hóa và lôi kéo mọi tầng lớp theo Đảng làm cách mạng, trong đó không ít người đã từng làm trong bộ máy coi tù của địch cũng như một số tổ

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

chức khác ⁽¹⁾. Đây là nghệ thuật lãnh đạo giành chính quyền, thành lập chính quyền và đối sách cách mạng, để lại cho ta những bài học quý giá về đại đoàn kết toàn dân tộc sau này trong kháng chiến chống Mỹ và xây dựng đất nước ngày nay ⁽²⁾.

Đấu tranh giai đoạn 1930 - 1945 của những chiến sỹ cộng sản trong nhà tù Côn Đảo, đi tới đỉnh cao thắng lợi trong tháng 8-9/1945 là kết quả của quá trình kiên trì tập hợp tổ chức, vừa làm tốt công tác tuyên truyền vận động trong nhà tù, tiên phong trong các cuộc đấu tranh, vừa chủ động chuẩn bị lực lượng, khi có thời cơ kịp thời đứng lên giải phóng nhà tù.

Cuộc đấu tranh 15 năm của những người cộng sản ở nhà tù Côn Đảo, kết thúc bằng thắng lợi hoàn toàn vào tháng 9 năm 1945. Đó là kết quả của quá trình đấu tranh về tư tưởng của những người tù chính trị cộng sản về phương pháp đấu tranh cách mạng trong một môi trường đặc biệt lớn hơn tất cả môi trường nào trong nhà tù thực dân Pháp; là hiệu quả của công tác tuyên truyền vận động, gây dựng cơ sở của tổ chức Đảng ở Côn Đảo ngay từ năm 1932 và những năm sau đó với phương châm bí mật. Công tác này được tiến hành một cách kiên trì trong từng ban, từng khám và dần dần phát triển ra bên ngoài các ban, đến cả số gác dan, số gia đình công chức của địch. Từ đó, xây dựng nên một số cơ sở quần chúng cách mạng ⁽³⁾, các điểm liên lạc bí mật để cung cấp thông tin sách báo, tài liệu, hỗ trợ thuốc men, cơm nước cho người tù, kể cả chuẩn bị dụng cụ để vượt ngục về đất liền cũng như hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù... Chính ở sự chủ động này mà các cuộc đấu tranh trong tù có sự lãnh đạo và định hướng cụ thể, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh và đạt hiệu quả nhất định trong phong trào. Riêng kế hoạch tổ chức vượt ngục cho số tù chính trị cộng sản trở về đất liền hoạt động tuy không thành công nhiều, nhưng đã góp phần cung cấp cán bộ cho Đảng, nối đường dây liên lạc và cung cấp tin tức hoạt động đấu tranh từ đảo về đất liền.

Quan trọng hơn cả là chính cuộc sống, sinh hoạt, vai trò tiên phong đấu tranh hàng ngày của những người tù chính trị cộng sản có sức thu hút và tập hợp được số tù nhân trong nhóm tù Quốc dân Đảng đi theo, đồng thời cảm hóa, giác ngộ cách mạng cho cả số gác dan, giám thị và gia đình công chức của địch, cô lập được nhóm tù nhân phái Trotkiste và số tù nhân thân Nhật.

(1) Trong một hồi ký của mình, đồng chí Mai Chí Thọ có nhận xét: "Sau này trên những chặng đường kháng chiến, tôi thỉnh thoảng lại gặp những người công chức, mã tà của Côn Đảo thời Pháp thuộc tham gia kháng chiến ở nơi này hay nơi khác. Chúng tôi bắt tay mặt mừng như những người thân thương" [51, tr.98].

(2) Bài học này lại được lập lại ở Côn Đảo gần tròn 30 năm sau đó vào ngày 1.5.1975 với hình thức chính quyền lấy tên là ủy ban hòa giải hòa hợp dân tộc tỉnh Côn Sơn do Linh mục Phạm Gia Thụy làm Chủ tịch và 14 ủy viên khác là tù chính trị vừa được giải phóng cùng với số sĩ quan, công chức, giám thị đã tham gia giúp tù chính trị trong cuộc nổi dậy giải phóng Côn Đảo.

(3) Một số cơ sở tổ chức Đảng đã xây dựng như các mã tà số 5, số 10, số 4 và gia đình mã tà số 5; ở Nhà dầy thép có ông Sanh... [66.tr40]

Sự chuẩn bị của tổ chức Đảng càng sôi nổi hơn ngay từ đầu năm 1945, vừa theo dõi mọi diễn biến tình hình, dự trù nhiều tình huống đấu tranh với bọn coi tù, vừa bố trí một bộ phận bí mật lo đốn cây gỗ, đóng thuyền, chuẩn bị cho một số đồng chí cốt cán, có năng lực vượt ngục về đất liền. Đặc biệt, là trước biến chuyển tình hình chiến tranh thế giới và tình hình trong nước, nhất là sau ngày 9-3-1945, tổ chức Đảng đã khéo léo phân công cán bộ vận động lôi kéo số phần tử lưng chừng trong hàng ngũ của Pháp ủng hộ các hoạt động của tù chính trị Cộng sản. Ngày cả Chủ sở Truy tầm là Toustou, khi được lãnh đạo Đảo ủy thông báo kế hoạch vượt ngục về đất liền để tham gia chống Nhật, tuy không nhận lời nhưng cũng không ra mặt phản đối hay cản trở việc làm này⁽¹⁾. Cho nên, có thể thấy rằng, thắng lợi của cuộc đấu tranh 15 năm của tù chính trị Cộng sản ở Côn Đảo cũng là kết quả của quá trình kiên trì trong công tác tuyên truyền, vận động của tổ chức Đảng, đã giác ngộ, tập hợp lực lượng quần chúng trong tù đấu tranh chống lại chế độ lao tù khắc nghiệt, được tập dợt qua nhiều cuộc đấu tranh trong nhiều năm liền. Đó cũng là thắng lợi của công tác địch vận, thực hiện kế hoạch phân hóa, cô lập kẻ thù, lôi kéo số lưng chừng theo cách mạng, tranh thủ nhân tâm, tập hợp thêm lực lượng cho cách mạng, tránh được việc sử dụng bạo lực khi không cần thiết.

Bằng nhãn quan sắc bén, tư duy lý luận về bạo lực cách mạng, về vấn đề giành chính quyền, xây dựng chính quyền, tổ chức Đảng trên đảo đã chủ động đề ra nhiều quyết sách đấu tranh, vừa mềm dẻo, khôn khéo với địch, vừa bảo đảm xây dựng tổ chức, phát triển lực lượng, để khi điều kiện khách quan chín muồi thì cũng là lúc điều kiện chủ quan hội đủ các yếu tố sẵn sàng cho một cuộc cách mạng được tiến hành thành công. Chính nhân tố chủ quan, sự lãnh đạo của Đảo ủy đã đóng vai trò chủ đạo, có tác dụng đến sự thành bại của cuộc khởi nghĩa. Như Lê nin đã nêu rõ: “Thật là sai lầm nếu nghĩ rằng các giai cấp cách mạng bao giờ cũng có đủ lực lượng để thực hiện cách mạng, khi cách mạng đó đã hoàn toàn chín muồi do điều kiện của sự phát triển kinh tế - xã hội. Không, xã hội loài người không phải được tổ chức một cách hợp lý và thuận tiện như vậy cho những phần tử tiên tiến đâu. Cuộc cách mạng có thể đã chín muồi, nhưng những người cách mạng sáng tạo ra cuộc cách mạng đó lại có thể chưa đủ sức để thực hiện nó” [24, Tr.557]

Sự chủ động của những chiến sĩ cộng sản ở nhà tù Côn Đảo trong tổ chức đường dây liên lạc từ nhà tù về đất liền và cả bên Pháp, phát huy tốt các hình thức tuyên truyền vận động, tranh thủ sự ủng hộ của dư luận Đông Dương và quốc tế, tạo thế và lực, góp phần tác động quan trọng cho cuộc đấu tranh ở nhà tù Côn Đảo giành thắng lợi.

Một yếu tố hết sức quan trọng góp phần vào thắng lợi của quá trình đấu tranh 15

(1) Sau này trong năm 1946, Toustou có trở ra làm việc tại Côn Đảo nhưng có thái độ đối xử hòa nhã với những người tù kháng chiến. Sau đó, Toustou bị Giám đốc nhà tù và phe chống cộng cực đoan trong bộ máy nhà tù vu cáo Giám thị trưởng Toustou thân Việt Minh có quan hệ đến vụ việc âm mưu bạo loạn của tù kháng chiến vào giữa năm 1946. Kết quả, Toustou bị giải về đất liền chờ ngày ra tòa [2, tr.249-250].

năm của tù chính trị Cộng sản Côn Đảo chính là sự vận dụng và phát huy yếu tố khách quan để tác động, đẩy kẻ thù vào thế bị động và đi đến thất bại.

Trước hết, phải thấy rằng, trên hòn đảo ngục tù xa xôi, những người tù cộng sản vẫn tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền vận động của mình, xây dựng được cơ sở cách mạng ngay tại Côn Đảo, hoặc thông qua một số thủy thủ, binh lính Pháp có cảm tình với cộng sản hoặc qua những người tù mãn án trở về đất liền... để gửi thông tin liên lạc với tổ chức Đảng trong nước, những tổ chức tiến bộ ở Pháp và trên thế giới, kêu gọi họ ủng hộ các cuộc đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo, gửi tin bài đưa lên báo chí công khai để phản ánh về các đấu tranh của tù nhân Côn Đảo chống chế độ lao tù tàn bạo của thực dân Pháp.

Nhờ vậy, cuộc chiến đấu của những người tù chính trị Cộng sản Côn Đảo không đơn độc mà luôn được sự ủng hộ của dư luận tiến bộ trên thế giới và nhân dân Đông Dương. Hành động tội ác của thực dân Pháp ở các nhà tù Đông Dương luôn bị dư luận tiến bộ trên thế giới lên án. Nhà báo Jean Francis Held có nhận xét: “Trong thời kỳ thống trị của thực dân Pháp, nhà tù Côn Đảo không giống như là những trại diệt chủng của Đức quốc xã, nhưng đó là nơi để hành hạ con người. Chúa ngục cùng những tên cai tù thật sự là những tên khát máu, bệnh hoạn, đầy quyền uy xem những tù nhân như những con vật có đôi mắt xéch” [103, tr.27]

Đặc biệt, Quốc tế Cộng sản luôn quan tâm đến cách mạng Đông Dương và phân công Đảng cộng sản Pháp, Trung Quốc, Ấn Độ hỗ trợ phong trào cách mạng nơi đây bằng mọi cách có thể được. Bằng diễn đàn công khai và những hoạt động cụ thể, Đảng Cộng sản Pháp đã có nhiều hoạt động ủng hộ cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chống lại chủ nghĩa thực dân Pháp. Trong một phát biểu tại Hạ Nghị viện Pháp tháng 4.1993, đồng chí Maurice Thorez, lãnh tụ của giai cấp công nhân Pháp khẳng định: “Bất cứ một sự đàn áp nào, dù cho dữ dội đến đâu đi nữa, cũng không thể đập tan được một phong trào giải phóng dân tộc đang tiến lên. (...) Thắng lợi vĩnh viễn của nhân dân Đông Dương là chắc chắn và không gì chống lại nổi” [29, tr36-370].

Và nhiều hơn cả là sự ủng hộ của nhân dân trong cả nước đối với tù chính trị Côn Đảo. Đông đảo các tầng lớp quần chúng đã tham gia các cuộc đấu tranh, ký đơn thỉnh nguyện yêu cầu thực dân Pháp đại xá tù chính trị, tham gia phong trào quyên góp tiền của, quà vật để gửi tặng tù chính trị. Ngoài ra, còn phải thấy được hiệu quả của những bài báo công khai lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp đối với người tù chính trị... Sự quan tâm của Đảng, của nhân dân còn thể hiện qua quyết tâm tổ chức đoàn tàu ghe rước tù chính trị Côn Đảo trở về sau ngày cách mạng tháng Tám thành công. Và điều quyết định cho đấu tranh của tù chính trị Cộng sản Côn Đảo giành thắng lợi chính là khí thế của cách mạng nổ ra và giành thắng lợi trong cả nước trong những ngày mùa thu tháng Tám lịch sử. Sự sụp đổ của bộ máy cai trị thực dân, phát xít và tay sai và sự ra đời của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, đã quyết định đến sự thành công trọn vẹn, kết thúc 15 năm đấu tranh kiên cường của những người tù cộng sản nơi đây.

*

* *

Trong môi trường nghiệt ngã của nhà tù đế quốc, những người tù chính trị cộng sản đã tập hợp lại, giữ vững niềm tin và lý tưởng, kiên cường và bền bỉ, tổ chức nhiều hoạt động để rèn luyện mình, đồng thời vận động tuyên truyền giác ngộ những tù nhân khác để cùng tham gia phong trào đấu tranh trong tù với nhiều phương thức, mức độ khác nhau ⁽¹⁾. Một chân lý được tiếp nhận và khẳng định trong nhà tù thực dân: “Có áp bức có đấu tranh. Đấu tranh là con đường sống còn của những chiến sĩ cách mạng. Sống phải chiến đấu và chiến thắng”.

Phải khẳng định rằng, nhà tù đế quốc nói chung, nhà tù Côn Đảo nói riêng không giam cầm nổi tư tưởng và ý chí đấu tranh của những người cộng sản, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao,
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao* ⁽²⁾

Khi tư tưởng đã thấm nhuần lý tưởng cộng sản, từ sự giác ngộ, những người tù cộng sản đã biến vũ khí lý luận thành vũ khí chiến đấu, tập hợp lực lượng và trực diện đấu tranh với kẻ thù trong thế trận không cân sức, dưới làn roi và sự hành hạ khủng bố ác liệt của bọn coi tù. Những người cộng sản đã biến nhà tù đế quốc thành trường học cộng sản chủ nghĩa, trui rèn đạo đức phẩm chất, bản lĩnh cách mạng, biết chớp lấy thời cơ để cùng với cả nước chiến đấu giành thắng lợi trong cách mạng giải phóng dân tộc. Thời gian đã minh chứng hùng hồn cho quy luật của muôn đời: “Đại nghĩa thắng hung tàn” và kẻ đi xâm lược phải gánh lấy thất bại chua cay. Theo đó, các nhà tù, sọt rác của chủ nghĩa thực dân cũ ở Việt Nam đã bị sụp đổ ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công và sụp đổ hoàn toàn sau chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu năm 1954.

Và từ “trường Đại học lớn” này, ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công đã cung cấp vốn quý nhất cho Đảng và nhân dân: những cán bộ được trui rèn thử thách, huấn luyện, học tập trong môi trường ác liệt do chính thực dân Pháp thống trị.

Cũng phải nhận thấy rằng, những hình thức đàn áp, khủng bố của thực dân Pháp

(1) Đồng chí Lê Duẩn đã phát biểu: “Vào tù, anh em đồng chí khắp Bắc, Trung, Nam được dịp gặp nhau là chỉ lo suy nghĩ, tính toán, bàn bạc cách đấu tranh để thắng bọn đế quốc thực dân. Lúc đầu chúng tôi quyết biến nhà tù thành trường học; khi còn ở ngoài đi làm cách mạng là do tình cảm thôi thúc, do yêu nước, căm ghét địch; vào tù nhờ biết tổ chức, chúng tôi được học, do đó mới hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin và cùng tin chắc cách mạng Việt Nam nhất định thắng” [65, tr.1].

(2) Bài thơ trong tập thơ “Nhật ký trong tù” của Hồ Chí Minh.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

đối với tù chính trị Cộng sản giai đoạn 1930 - 1945 không thể so sánh với giai đoạn 1946 - 1954 và nhất là trong thời kỳ 1957 - 1975 ở nhà tù này⁽¹⁾. Nhưng những cuộc đấu tranh của người tù cộng sản giai đoạn 9 năm chống Pháp và 21 năm chống Mỹ diễn ra trong bối cảnh đã có Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Đảng đã nắm quyền lãnh đạo và chỉ đạo 2 cuộc kháng chiến; ở miền Nam lại có Đảng Nhân dân cách mạng, Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam... Vì vậy, đấu tranh của người tù cộng sản giai đoạn này có hậu phương lớn làm chỗ dựa vững chắc trong quá trình đấu tranh của mình: đó là Đảng cầm quyền, Nhà nước cách mạng và đông đảo quần chúng nhân dân. Còn thế hệ tù chính trị cộng sản giai đoạn 1930 - 1945 vẫn chưa thành hiện thực, đất nước vẫn chưa được độc lập, quần chúng vẫn chưa được tự do, Đảng vẫn chưa giành quyền lãnh đạo trong cả nước.

Với tính chất như vậy, đấu tranh của những người tù chính trị cộng sản Côn Đảo giai đoạn tiền khởi nghĩa đã đặt nền móng xây dựng truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất cho những lớp tù cộng sản sau này nối tiếp và phát huy. Với ý nghĩa lớn lao đó. “Côn Đảo là hình ảnh thu nhỏ của truyền thống cách mạng vẻ vang. Côn Đảo là một hòn đảo anh hùng. Côn Đảo là một di tích lịch sử vĩ đại” [65, Tr.2]

Giai đoạn đấu tranh 1930 - 1945 của những chiến sĩ Cộng sản trong nhà tù Côn Đảo để lại nhiều bài học quý giá cho thế hệ hôm nay và mai sau, nhất là bài học về việc tu dưỡng rèn luyện, luôn nuôi dưỡng niềm tin và lý tưởng, quyết chiến đấu hy sinh vì niềm tin và lý tưởng đó; bài học về vai trò tiên phong của người tù cộng sản trên các lĩnh vực hoạt động và đấu tranh trong nhà tù.

Những bài học đó có tác dụng tích cực trong quá trình nghiên cứu vận dụng vào điều kiện mới và mục tiêu mới của cách mạng: Vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đặc biệt là điều kiện tiên quyết trong mọi điều kiện chính là phải luôn giữ vững quan điểm lập trường, nỗ lực rèn luyện, học tập, giữ vững chí khí chiến đấu hơn nữa, nêu cao tính tiên phong hơn nữa của những người chiến sĩ cộng sản trong quá trình hội nhập kinh tế, phát triển đất nước trong thế kỷ XXI.

TRỊNH CÔNG LÝ

(1) Một tác phẩm đã đánh giá về sự tàn ác của nhà tù thực dân giai đoạn này như sau: “Sự tàn ác và thâm độc từ những kiểu cách giết người thời Trung Cổ được kết hợp với những phương tiện hiện đại nhất hành tinh. Không phải là sự tiêu diệt thân xác người tù mà cao hơn, đó là sự hủy diệt tư tưởng của tù nhân” [52, tr.16]

CÔN ĐẢO - ĐỊA NGỤC

Sáng ngày 08-05-1933, tàu cập bến Côn Đảo. Chúng huy động gardien, mã-tà, sơn đá Côn Đảo “đón tiếp” chúng tôi. Vừa lên cầu tàu đã thấy hai bên đường, từ đầu cầu tàu đến cửa banh I, toàn là lính. Chúng cầm roi gân bò, roi song, ca-đuôi quất vào đầu, vai, cổ chúng tôi.

Trước khi lên xe bịt bùng, xếp Khám lớn đã cảnh cáo chúng tôi: “Ở đây các anh hô, còn có người đi đường nghe, báo chí biết. Ra ngoài đó, các anh tự do hô cả tháng cũng không có ai hưởng ứng can thiệp. À mà có sóng biển hưởng ứng”. Chúng tôi lo các anh bỏ xác ở ngoài ấy”. Chúng tôi nghĩ bụng: Sóng biển đi xa khắp thế giới.

Ra Côn Đảo, Đảng đã đổi hình thức đấu tranh. Chúng tôi không hô nữa, chỉ bãi thực âm thầm mà cả thế giới đều biết. Thì ra sóng biển đi xa thật. Đó là do cuộc khủng bố tàn khốc và vụ xử khổng lồ. Chúng tưởng rằng khủng bố nặng như thế sẽ làm cho nhân dân Đông Dương và thế giới khủng khiếp, phải từ bỏ CNCS, không dè chúng gây nên sự phản ứng mãnh liệt của nhân dân trong nước và thế giới.

Quốc tế cộng sản đã chỉ thị cho các Đảng anh em, nhất là Đảng cộng sản Pháp, Đảng cộng sản Trung Hoa và Đảng cộng sản Ấn Độ đặc biệt quan tâm giúp đỡ phong trào cộng sản ở Đông Dương. Thường vụ quốc tế cộng sản thừa nhận Đảng cộng sản Đông Dương là một bộ phận của QTCS, làm khủng khiếp chế độ đế quốc thực dân chủ nghĩa.

Từ cầu tàu đến banh I non nửa kilômet, mà mỗi một người chúng tôi phải chịu không biết bao nhiêu cú đánh vào đầu, vào cổ: khủng bố phủ đầu. Xếp khám Santi có lần đã nói với chúng tôi: “Tòa không xử tử chúng bay nhưng chúng bay sẽ chết rục trong các nhà tù”.

Chúng đưa chúng tôi vào nhà banh I, nằm giữa banh II (nhốt tù chính trị) và trại lính sơn đá Tây. Chúng bảo chúng tôi ngồi trệt giữa sân, có hai dây cây bàng rũ bóng mát xuống. Lạ thật! Không thấy tù đâu cả, mà nghe tiếng ồn như bầy ong chia tổ từ hai dãy nhà dài lụp xụp hai bên sân. Tôi có cảm tưởng như nhà chùa. Thì ra đề phòng chúng tôi trà trộn vào tù cũ, chúng nhốt chưa cho ra. Còn anh em khác thì đã đi làm từ 3, 4 giờ sáng.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Trong khi tòa chưa kịp làm giấy tờ để phân loại án tiết, chúng nhốt chung chúng tôi vào Khám 6. Khám này chỉ để nhốt tù mới tới và tù sắp được tha về. Khi tù mới tới, chúng khủng bố phủ đầu để cho tù biết sợ cái gọi là cuộc sống ở nhà ngục Côn Đảo. Khi tù sắp được tha, chúng đưa anh em vào đây để cách ly với anh em còn ở lại để người còn ở lại không nhắn nhủ gì với bà con ở đất liền.

Đảng ủy nhà tù Côn Đảo dặn chúng tôi những điều cần thiết để đối xử hàng ngày với Tây, tà. Chúng cũng là những Tây tà gác khám lớn ra, nhưng ở trong đất liền, chúng không dám thẳng tay như ở đây. Ở đất liền, nơi đô hội, như Sài Gòn, chúng cũng ngại công luận. Còn ở đây, chỉ có sóng biển bao vây, ăn nói, hành động thả cửa hơn, chúng là ông trời, muốn làm gì thì làm.



Cầu tàu 914

Anh em nghe nói tôi đã dịch cuốn “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” nên anh em phân công tôi cùng với anh Ngô Gia Tự dịch lại cuốn ấy. Dịch xong, tôi đọc từng câu tiếng Pháp và từng câu đã dịch ra tiếng Việt cho anh Ngô Gia Tự nghe. Dịch thì sát nghĩa, nhưng tây quá. Lại phải đọc bản dịch lại. Nghe câu nào tây quá thì chữa lại.

Hai tháng, chúng tôi mới phân loại xong. Mấy tháng sống ấm cúng với nhau, gần Đảng ủy, được Đảng ủy đùm bọc, bỗng phải chia tay, không biết tạm thời hay vĩnh viễn như trường hợp Ngô Gia Tự, không phải không buồn.

Xin bạn đọc lưu ý: Khi chúng tôi dùng từ “Côn Đảo”, chúng tôi muốn nói đến toàn bộ quần đảo 14 hòn đảo to nhỏ khác nhau nhiều lắm. Chỉ có một hòn lớn, còn lại là 13 hòn nhỏ, có hòn nhỏ xíu. Ngay ở hòn lớn, ngoài 3 banh lớn, mỗi sở có tù khai thác là có một nhà ngục: ở sở Chuồng Bò, sở Đá Trắng, sở Đầm, sở Ông Hội, sở Cỏ Ống... đều có nhà ngục cả. Người ta nói Hòn Lớn là một nhà ngục lớn của cả nước. Ở các hòn vừa vừa (so với Hòn Lớn) nếu có xây một công trình gì cần dùng đến tù là có một nhà ngục. Thành thử quần đảo Côn Đảo là một nhà ngục cho cả Đông Dương (thời thuộc Pháp). Trong 5 xứ Đông Dương, Chính phủ thực dân nhận xét tù nào là nguy hiểm, thì chúng đều tống ra Côn Đảo.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Banh I và banh II đều có hai dãy nhà. Còn banh III thì đang xây, lúc đầu dành cho tù có bệnh nặng, hay lây, như hủi (thời đó bệnh hủi được liệt kê đứng số 1 trong 4 bệnh nan y). Nửa năm 1936, chúng nhốt cả tù mắc bệnh lao nặng, cách banh II và banh I khoảng 1km. Mỗi dãy nhà ở banh I và banh II có 8 khám dùng để nhốt 40 tù, nhưng thực tế hồi chúng tôi bị tạm giam ở Côn Đảo, chúng nhốt 100 tù, thậm chí trên 100. Chúng tôi phải nằm nghiêng, trần truồng. Để khỏi thở hơi nhau, chúng tôi phải nằm xen kẽ đầu lộn chân, như xếp cá trong hộp. Nghĩa là nằm theo kiểu: đầu người này đặt kê bên chân người kia và đầu người kia đặt kê bên chân người này. Không phải ai cũng nằm trên sạp xi măng cả. Phải thay phiên nhau kê nằm trên sạp, kê nằm giữa sàn nhà, kê nằm đầu cửa ra vào, người nằm trước cầu tiêu.

Banh I thì ca-sô để sau cùng. Banh II, ca-sô một dãy đằng trước. Ca-sô có tường cách ly. Banh I có hầm xay lúa. Banh II có kho chứa những giỏ cá khô. Nhà bếp sau cùng nhưng ở giữa. Hai dãy khám cách tường thành cao, khoảng cách ước chừng 10m. Bốn góc có chòi cho lính sơn-đá gác đêm, ngày.

Thường xuyên, có một đại đội lính gác ở Côn Đảo.

Năm 1930, trên cả Đông Dương địch bắt thêm 21.179 tù (nghĩa là gấp đôi năm 1929). Tất cả đều là người Việt Nam. Trong đó ở Nam kỳ, số tù đến 31-12-1930 là 6.932, giam trong tất cả các nhà tù; đến 31-12-1931 tất cả Đông Dương số người bị bắt giam là 23.713 (Nam kỳ: 8.332); đến 31-12-1933, cả Đông Dương đã bị bắt, 25.114 người (Nam kỳ: 7.286); đến 31-12-1935 cả Đông Dương có 23.407 (Nam kỳ: 6.570).

Theo báo cáo của thanh tra thuộc địa, ngày 22-4-1936, ở banh I có 488 tù, thì có 318 tù nửa chính trị như Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh v.v..., con số dưới sự thật. Nhưng cũng nói lên được rằng tù ở banh I chủ yếu là tù chính trị.

Anh em ở banh I phải làm những công việc rất nặng nhọc: xuống biển lấy san hô để làm vôi, hay lên rừng đốn cây rồi chở về.



Tù chính trị
chờ xuống tàu đi đày

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Lấy san hô, phải lệ thuộc con nước thủy triều và lệ thuộc mùa gió. Mỗi năm phải làm 8 tháng: 4 tháng làm ngày, từ 0 giờ đến 14 giờ; 4 tháng làm đêm, từ 14 giờ đến 0 giờ. Nạy san hô thì phải đục một lỗ. Thọc đòn xeo vào đó rồi 5, 10 người leo lên đòn dùng sức nặng của mình mà nạy cả tảng san hô lên. Nạy được một tảng san hô, anh em bị văng ra xa có người rủ ro văng vào đá, vỡ đầu chết tươi.

Những tháng, vì thời tiết, không ra biển lấy san hô được, thì chúng bắt anh em lên núi lấy đá. Làm đá, kéo ru-tô cán đường cũng việc nặng. Một hôm chủ đảo Bouvier đến xem tù làm đá. Một bạn tù bị đá văng vào đầu chết. Bouvier nói: “Tant mieux, un de moins!” (Càng tốt, bớt một người!). Rồi đi.

Lên rừng đốn cây: Bộ phận tù đốn củi, mỗi ngày phải đốn cho được 1,5m³/mỗi người. Đốn không khó, chuyên chở mới là việc chết người, vì độ dốc của núi và đường đi không có sẵn. Mỗi ngày phải hai chuyến. Từ 5 giờ sáng đã phải dậy đi làm.

Nhiều anh em chịu không nổi chế độ hà khắc của nhà tù Côn Đảo, tìm cách vượt ngục. Theo báo cáo của thanh tra thuộc địa Bourgeo-Gavardin thì năm 1933, Côn Đảo giam 2.483 tù, có 495 anh vượt ngục, bị bắt lại 458 anh, tức chỉ có 37 người thoát khỏi địa ngục trần gian Côn Đảo hay là vào bụng cá. Năm 1934, Côn Đảo giam 2.717 người, có 664 người vượt ngục, 603 người bị bắt lại. Chỉ có 61 người thoát về đất liền hay vào bụng cá.

Côn Đảo, ngoảnh lưng vào đất liền, ngoảnh mặt ra hướng Đông Nam, gặp gió thuận, thay vì thổi về đất liền, thổi trở lại ngay Côn Đảo cho chúng bắt.

Trốn lần thứ nhất, bắt được, phạt một tháng ca-sô com lạt. Trốn các lần sau, bắt được cũng phạt hai tháng ca-sô với com lạt. Có người trốn đi, trốn lại đến vài mươi lần. Thà com lạt hay vào bụng cá còn hơn trở lại các sở.

Phạt nặng nhất là vào hầm xay lúa. Hầm xay lúa xây ở banh I. Mái nhà thấp, lợp tôn, bốn phía là tường cả, nên rất nóng. Vào trong không thấy mặt người. Sáu cối xay bự làm bằng tôn-nô rượu chát cửa đôi, sáu người tù xay từ sáng sớm đến tối, tiếng ồn át cả tiếng caplan thét. Thường caplan là loại anh chị khét tiếng hung dữ bị tù, được chọn phụ giúp mătà trong công việc khó khăn hàng ngày. Không khí trong hầm xay lúa đầy cám, bụi trấu. Tù bị phạt vào hầm xay lúa phải xích đôi, hai người một. Đi ỉa hay đi đái, người này đi, lôi cả người kia đi. Cả ngày công việc đã mệt nhọc, tối lại phải tắm quất cho caplan, thay phiên nhau cả đêm. Chịu không nổi, ở hầm xay lúa thường hay xảy ra những án mạng.

Có một dạo, chúng chủ trương đưa Bác Tôn, anh Hùng, anh Lương vào làm caplan hầm xay lúa để bọn bị phạt hầm xay lúa thủ tiêu các đồng chí ta. Không ngờ các đồng chí ta chẳng những không bị thủ tiêu mà được hoan nghênh, nhờ các đồng chí cải thiện đời sống hàng ngày cho anh em.

Có một vụ rất thê thảm, chứng minh chế độ nhà tù Côn Đảo là địa ngục trần gian: tháng 1-1935, tòa đại hình Sài Gòn xử ba tù Côn Đảo, mà một người đã giết một y tá và hai người kia mưu tính giết gác điêng. Khi nghe tòa tuyên án trả họ về Côn Đảo, cả ba đều phản đối tòa, họ đòi tòa xử tử họ. Chết còn hơn ra đảo.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Năm 1930, ở nhà tù Côn Đảo có 311 người chết/1932 tù giam. Năm 1931 có 209 chết/2146. Năm 1932 có 103 chết/2276. Năm 1933 có 85 chết/2483. Năm 1934 có 84 chết/2717. Năm 1935 có 41 chết/2399.

Tù bị nhốt ở banh II, chúng gọi là tù chính trị. Chúng không bắt đi làm gì, chúng nhốt cả ngày trong khám. Nếu banh I nom bề ngoài như hai dãy nhà chùa, thì banh II nom bề ngoài như hai dãy nhà đá cao, cách xa nhau.

Cơn bão 1930 làm tốc mái nhà banh II. Lúc bão thổi đến, anh em tù gọi Tây mã tà. Chúng đến, không mở cửa cho tù ra. Chúng còn đóng thêm cửa sắt ngoài, nghe nói làm chết non 100 tù, 3-4 tháng sau mới tạm lợp lại bằng tranh. Mãi cho đến đầu tháng 6 năm sau (11-1936), khi chúng tời từ già những anh em ở lại, mà mái tranh vẫn còn là mái tranh. Trong năm tháng đó, chúng để anh em tù ở trong tình trạng màn trời chiếu đất trong bốn bức tường cao, kín, bị chết lai rai vài ba người mỗi ngày.

Ở banh II, đấu tranh tư tưởng giữa Quốc và Cộng ngày một sôi nổi. Sự phân hóa trong Quốc Dân Đảng càng nhiều, từ lãnh tụ đến đảng viên thường. Anh Trần Huy Liệu, đã chịu ảnh hưởng của anh Ninh, và bạn của anh Bùi Công Trùng, dĩ nhiên gặp lại anh Trùng là tán thành CNCS. Ngay cả anh Phạm Tuấn Tài - lãnh tụ nổi tiếng của Quốc Dân Đảng, lại được anh em kính mến, nên chưa tuyên bố công khai là mình ngã theo CNCS, nhưng anh em Quốc, Cộng Côn Đảo đều biết. Anh được ân xá tháng 11-1936. Lúc ở Côn Đảo, anh đã ho lao nặng. Anh viết di chúc khuyên anh em Quốc Dân Đảng nên theo Cộng sản. Anh dặn sau khi anh chết thì công bố di chúc ấy. Được tha về, ngày 13-2-1937, anh mất ở Nam Định. Anh em mới công bố di chúc của anh. Nhà giáo tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội Nguyễn Đức Chính, sau khởi nghĩa Yên Bái cũng bị đày chung thân ra Côn Đảo. Anh ngã theo Cộng sản. Một hôm, anh thấy trên đầu chỗ anh nằm, Đội Lãng, đội khổ đở sau khởi nghĩa Yên Bái bị xử chung thân, cũng bị đày ra Côn Đảo. Thấy vậy, thấy sự tan rã của Quốc Dân Đảng, nó có ý cảnh cáo Nguyễn Đức Chính nếu khôn thì đừng theo cộng sản nữa: “Chúng tao sẽ cho mày ăn cơm. Nếu mày không bỏ cộng sản, chúng tao sẽ cho mày ăn cứt”.

Rồi Đội Lãng sang bên khám 3, nơi giam anh Tưởng Dân Bảo, cũng là cán bộ



Bị tra tấn

Quốc Dân Đảng hạng nặng. Anh em bảo anh Tường Dân Bảo tránh đi. Anh tự tin sẽ thuyết phục được Đội Lãng. Đội Lãng rủ anh Bảo ra đằng sau, nơi chúng tôi trồng rau, bó cỏ Bảo. Lãng đã chuẩn bị sẵn một con dao nhỏ, sắc, bằng lá cốt đồng hồ quả lắc Bảo thì cao hơn Đội Lãng. Lãng chỉ cắt được động mạch cánh, không với tới cắt cuống họng. Anh em thấy máu ra nhiều ở cổ Bảo mới hô hoán là đội Lãng đã giết Bảo rồi. Đội Lãng cũng tưởng như thế, mới chạy ra trước mặt bọn gác - diêng Tây hô to: “Tôi đã giết một thành phần Đảng, rồi cắt cổ tự tử. Bọn gác - diêng cho đi gọi bác sĩ vào. Đội Lãng thì cắt họng, không còn cứu chữa được. Còn Bảo thì chỉ bị cắt một động mạch cánh phải, dễ cứu chữa. Bọn gác diêng đồng ý. Thế là anh em công anh Bảo ra nhà thương tù cấp cứu.

Mỗi lần gánh hai giỏ cá, mỗi giỏ 60kg, vị chi 120kg. Mỗi sáng phải gánh như thế 10 chuyến. Tôi về khám rú anh Đặng Xuân Thiều, thỉnh thoảng ho ra máu. Bữa sau, tôi nói với cai Kê: “Nếu được anh cho phép, tôi rủ một người cũng ho lao như tôi, thử vài ngày gánh cá khô”. Cai Kê nói: “Cứ thử đi. Gánh được, tha hồ mà chơi. Coi chừng nặng lắm đó”. Hai đứa chúng tôi cùng khiêng một chuyến hai giỏ, thấy nặng, phải lót giẻ vào vai. Quen lần. Chủ thầu dứt lót với chủ Đảo, toa rập với nhau cho tù ăn thứ cá khô chủ yếu Lục tỉnh mua về làm phân bón ruộng, nghĩa là cá khô hạng bét, không phải để cho người ăn. Thậm chí chó ngửi rồi cũng bỏ đi. Tôi nói thứ chó ta, thứ chó ham cứt người. Thứ cá khô đó tàu chở ra, phát cho tù ăn ngay vài tuần cho hết, anh em thân phận tù chúng tôi bãi thực đấu tranh đòi ăn thứ cá khô tàu vừa chở ra. Chúng tôi nói với chủ Đảo Bouvier biết bao lần. Có một lần nói với thống đốc Nam kỳ Pagès, khi hắn ta ra kiểm tra Côn Đảo; chúng tôi đề nghị xây một kho nhỏ thoáng gió và sửa sang kho cũ. Đề nghị ăn cá khô mới chở ra. Nếu khi thời tiết bất trắc, hết cá mới thì khi đó mới phát cá khô cũ giữ trong kho cải tiến. Nhưng tạm một lúc thôi. Chứ như mấy lâu nay các ông cho tù ăn rặt là cá khô mục thối rửa, đắng như ký ninh. Thứ cá khô mới này mà nhân dân họ mua về bón ruộng? Ông thống đốc cứ cho điều tra thực hư ra sao.

Rõ ràng là chúng cố ý thực hiện cho được tư tưởng dã man của chúng: “Nếu tòa không xử tử chúng bay, chúng tao sẽ cho chúng bay chết rục trong tù”. Chính là chủ trương của bọn chóp bu trong chính phủ bên Pháp.

Ngày 2-12-1933, Bộ trưởng thuộc địa Pháp Dalimier viết cho toàn quyền Đông Dương, nhưng có phong trào ân xá cho tù chính trị, nên tìm cách giảm bớt liệt kê số vào danh sách tù chính trị. Và cũng không thi hành đúng chế độ cho các nhà tù chính trị.

Theo luật pháp của chính chúng đặt ra đối với án chung thân đầy và chung thân biệt xứ thì như cụ cử Lương Văn Can đầy ở Phnom Pênh, cụ được sinh sống tự do ở Thủ đô Phnom Pênh. Cụ đưa bà con dâu, vợ ông Lương Ngọc Quyến lên mở hiệu buôn nuôi cụ. Cụ cử Hoàn bị đầy ở Thị xã Sađec. Cụ cất nhà và mở hiệu thuốc bắc và cưới vợ tại Sađec.

Còn chúng tôi bị đầy biệt xứ ra Côn Đảo, đáng lý phải cho chúng tôi sống tự do ở các hòn ở Côn Đảo, trồng trọt, chăn nuôi tùy ý. Đằng này, chúng lại nhốt chúng tôi vào bốn bức

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO



tường chỉ cho ra dạo chơi trước khám mình 45 phút trước bữa ăn. Vào ra cũng phải trần truồng, cũng phải giơ cánh tay để phòng cặp nách, cũng chạng hai chân ra để phòng nhét lỗ đít.

Để giảm nhẹ những cuộc khủng bố, bắt bớ, giam cầm trong những năm (1930 -1933), 93% là tù thường, nghĩa là chỉ có 7% là chính trị. Nhưng, ngày 13-6-1930, Bộ trưởng Bộ thuộc địa Plétri phải thú nhận ở Đông Dương đã kết án 9.949 người về chính trị. Vì thế, chúng mới hòa đồng cộng sản với ăn cướp, cách mạng là ăn cướp.

Các thanh tra thuộc địa thanh tra các nhà tù Côn Đảo nhất trí với báo cáo của Démariaux cho nhà tù là “Lò để làm thối rữa người”. Leglégam viết: “Chế độ quá khắc nghiệt... một sự tự do ít dè xén hơn, một chế độ ít nghiêm khắc hơn có lẽ có thể thực thi đối với tù đầy chính trị với phương tiện này. Tỷ lệ chết có thể giảm nhiều”.

Hồi tháng 6-1935, đứng trước sự bế tắc về đường lối của anh em Quốc Dân Đảng, anh em lần lượt ngã theo cộng sản. Chúng được Tây tín nhiệm, thường ngày ra làm cho Tây kể cả cho chủ Đảo. Chúng có điều kiện để chuẩn bị vũ khí nhọn, bén. Nội bộ họ báo tin cho chúng tôi hay. Chúng tôi không sợ. Chúng đánh ta thì ta đánh lại. Đa số anh em Quốc Dân Đảng có thiện cảm với chúng tôi.

Hồi đó, bọn gác điềng chỉ phân biệt theo án tiết, không phân loại theo xu hướng chính trị, vô luận là cộng sản hay Quốc Dân Đảng. Thành linh, một hôm tháng 6-1935, bọn gardien Tây vừa chia theo án tiết, vừa chia theo xu hướng chính trị. Chúng chia ra hai dãy nhà, cộng sản dãy nhà bên trái ở ngoài đi vào; anh em Quốc Dân Đảng ở dãy nhà bên phải. Chính giữa sân có một con đường chung ra cửa lớn, nhưng hai bên đường có hai hàng rào dây thép gai, mỗi bên có một cửa bằng dây thép gai.

Anh Tống Văn Trân trong Đảng ủy kể cho chúng tôi nghe dư luận về chúng tôi. Chúng tôi, theo chúng là những phần tử rất nguy hiểm. Chúng thị uy phủ đầu có ý khiêu khích. Chúng giam vào khám này có ý nghĩa sâu xa. Khám này là khám phòng hờ, dành giam tù mới với tù sắp tha. Đồng thời nó cũng có ý nghĩa lịch sử của nó. Nguyên năm 1918, tên quan hai ngành Đoan, làm xếp ngục, Audouard, bắn 71 tù đang nhốt trong khám các anh đang ở. Viện có 71 tù đó, âm mưu nổi loạn. Năm sau đó, người tù làm bồi cho nó, để trả thù cho các bạn tù, giết Audouard. Các anh phải thận trọng tránh chúng khiêu khích.

Anh em ở banh I, đấu tranh chống quá sức. Chúng tôi lại đấu tranh cho làm việc phản đối việc nhốt cả ngày trong khám.

Địa ngục Côn Đảo là một thể nhỏ hẹp, cô đặc của địa ngục lớn là Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng. Có vào tù, nhất là Côn Đảo, mới thấy rõ “sống thì phải chiến đấu và chiến thắng”. Lắm lúc chiến đấu gặp thất bại, nhưng chỉ là tạm thời và phải là tạm thời. Phải kiên trì đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng. Dầu thế hệ này chiến bại thì thế hệ mai sau, phải chiến thắng. Nhược bằng thế hệ mai sau còn thất bại, thì bền bỉ đấu tranh, rút kinh nghiệm ắt phải thành công.

Ở nhà ngục Côn Đảo, chúng khiêu khích tù, để cho tù phản ứng, chúng không sợ, vì

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

ngục Côn Đảo ở giữa biển cả. Rồi chúng thẳng tay trừng phạt. Chủ Đảo đồng thời kiêm quan tòa. Chết chóc và bệnh tật (ho lao, sốt rét rừng, đủ mọi bệnh “nan y”) đang chờ đó, sẵn sàng đột nhập vào ta, sẵn sàng hợp tác với chủ Đảo.

Quả thật chúng muốn tôi chết rũ trong nhà tù. Chúng kiếm chuyện với chúng tôi để chúng tôi buộc phải đấu tranh. Mà đấu tranh ở nhà tù giữa biển thì chỉ có bãi thực và bãi thực mà thôi. Có lúc, chúng đổ cả nước uống, không cho chúng tôi uống nước.

Sau chúng cho chúng tôi tự nấu lấy ăn. Nhưng phải cảnh giác sẵn sàng đấu tranh chống việc chúng ăn bớt mỗi người tù một gam thịt thôi. Lần này chúng bớt 1gr lần sau chúng ăn cấp cả mấy kg.

Tôi tham gia vào kíp quét cầu tiêu và mương rãnh. Chúng trả cho chúng tôi 1 xu rưỡi/1 ngày/người. Từ ngày chúng tôi tự phục vụ lấy thì vừa sạch, vừa ngon. Nhưng vẫn sẵn sàng bãi thực, khi chúng lật lọng. Chúng tôi cải thiện đời sống trong tù. Không hao tốn một đồng xu nhỏ của nhà nước thực dân, mà chúng tôi có bún ăn, có chè đậu xanh, có rau muống, rau cải ăn. Làm chúng tôi nhớ lại một câu ngạn ngữ của Pháp: “Không ai phục vụ mình tốt bằng mình tự phục vụ lấy”.

Không ai dơ bẩn như tù: đi ỉa không chùi đít, hay là chùi bằng ngón tay. Chờ cho khô ở nơi ngón tay. Vì không có giấy chùi, không có nước rửa. Để thì đêm gián ăn, cắn cả ngón tay mình nữa. Nằm ca-sô thì nhớ nắm một cục cơm bằng ngón tay cái để cho gián ăn, không thì từng bầy gián kéo đến cạp ngón tay mình, là mình không ngủ được. Còn rệp với muỗi nữa chứ. Cứ tối đến, chúng cắn khắp người, cả trong tóc đầu, nó cũng chui vào cắn. Có một anh giết rệp lấy máu làm một bài thơ bảy chữ, tám câu bằng máu rệp.

Nhưng nói đến cải thiện đời sống và đấu tranh quyết liệt của anh em các nhà tù trong nước, trước hết là các nhà tù Côn Đảo mà chúng tôi tự phục vụ lấy thì phải nói không nơi nào sạch bằng ban II, phía cộng sản ở. Chính tôi xin anh em dội nước cho tôi quét cầu tiêu và đường mương, cống rãnh. Anh em hay nhổ vật, bọ đầu nhỏ đó. Tôi xin anh em đóng cho một số ống nhỏ bằng gỗ, hình vuông, đáy 0,15m, cao cũng 0,15m, nhưng miệng 0,20m, dưới tôi cho một lớp cát khá dày, trên có phủ một lớp tro. Mỗi phòng hai cái: một cái để ở ngoài, một để ở trong, trên cầu tiêu.

Chúng tôi rất biết ơn Đảng cộng sản Pháp đã vận động nhân dân Pháp chống những cuộc khủng bố ở Đông Dương nói chung và đặc biệt ở Việt Nam, và vận động thành lập Ủy ban đòi đại xá cho tù Đông Dương, gồm những nhân sĩ nổi tiếng ở Pháp và cả thế giới như P.Langevin, Francis Jourdain, F.Chalaye,... Nhưng chúng tôi cũng thực hiện hàng trăm cuộc bãi thực, vũ khí duy nhất và độc nhất trong các nhà tù. Chỉ kể riêng ở Côn Đảo và chỉ tính hai năm 1935 và 1936: năm 1935 có 8 cuộc bãi thực, năm 1936, chỉ tính đến tháng 8, đã có 12 cuộc.

HÀ HUY GIÁP

(Nguồn: *Côn Đảo ký sự và tư liệu* (1998), NXB trẻ, TP Hồ Chí Minh, Tr 232 - 238)

BÁC TÔN - TRUNG TÂM ĐOÀN KẾT VÀ LINH HỒN CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẤU TRANH Ở TÙ



Bác Tôn Đức Thắng

Tháng Tám năm 1945, có một người thủy thủ cầm lái chiếc canô mang tên Giải Phóng chỉ huy cả đoàn tàu đưa tù chính trị từ Côn Đảo về đất liền. Người thủy thủ đó sau này là Chủ tịch Tôn Đức Thắng. 15 năm bị địch tù đày nơi Côn Đảo, với bản lĩnh và ý chí của người cộng sản, Bác Tôn luôn là trụ cột lãnh đạo, trung tâm đoàn kết và là linh hồn của các hoạt động và đấu tranh của tù nhân Côn Đảo.

Đêm 3-7-1930 trên con tàu Hardmand Rousseaus, Bác Tôn bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo mang án 20 năm khổ sai, bị giam ở Banh I - nơi giam giữ tù cộng sản bị kết án khổ sai cùng một số tù thường phạm. Năm 1930 cũng là năm Nhà tù Côn Đảo đã vùi xác 311 người tù, số người chết cao nhất trong các nhà tù ở Đông Dương. Trước tình hình tù nhân bị bệnh tật đau yếu rất nhiều, Bác Tôn đã cùng với các đồng chí xúc tiến thành lập các tổ chức tương tế nhằm đoàn kết giúp đỡ tù nhân. Tổ chức cứu tế Banh I lần đầu tổ chức được khoảng 100 người tù, mỗi người góp quỹ một xu để mua thuốc bệnh, dầu cù là, đường, sữa, đậu xanh... dùng vào việc cứu tế. Từ khi có tổ chức cứu tế, lần đầu tiên trên hòn đảo tù, những tù nhân ốm đau được săn sóc. Từng viên thuốc bệnh, từng giọt dầu xoa và bàn tay chăm sóc ân cần của những người cộng sản đều có sức cảm hóa sâu sắc đối với những người tù đau ốm.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Từ kinh nghiệm lãnh đạo Công hội đỏ ở Sài Gòn trước đây, Bác Tôn đã đề xuất xây dựng một mô hình đoàn kết, tập hợp lực lượng tù nhân. Trên cơ sở tổ chức cứu tế tù nhân, cuối năm 1930, Bác Tôn đã cùng với những người cộng sản trung kiên sáng lập ra “Hội những Người tù đỏ” làm hạt nhân lãnh đạo khối tù, Bác Tôn được mọi người bầu làm Hội trưởng. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của “Hội những Người tù đỏ” là giáo dục, giác ngộ tù thường phạm, tổ chức và lãnh đạo họ đấu tranh. Bằng phẩm chất, tư cách của mình, những người cộng sản đã từng bước cảm hóa tù thường phạm. Bác Tôn là một mẫu mực cảm hóa tù thường phạm về nhân cách.

Cuối năm 1932, do bị gác ngục phát hiện trong một ca liên lạc giữa Banh I và Banh II, Bác Tôn bị phạt giam ở Hầm xay lúa. Hầm xay lúa vừa là một hình thức khổ sai để tận dụng lao động của tù nhân. Từ 5 giờ sáng tới 17 giờ chiều, tù nhân phải lao động khổ sai trong một căn hầm chật chội, âm ỉ, bụi bặm, oi bức và ngột ngạt. Hơn 100 tù nhân, 200 bao thóc, 5 cối xay và 2 quạt gió đồ sộ chen chúc nhau trong một căn hầm rộng chừng 150 m². Cứ sáu người tù xay một cối bằng sức cánh tay vốn đã teo tóp vì đòn roi và những bữa ăn bằng gạo mục cá thối. Họ phải xay lúa cho tù nhân trên đảo đủ dùng, khoảng 30 bao mỗi ngày. Tù nhân bị đưa vào đây đôi ba tháng là kiệt sức, loét mắt và lao phổi.

Bác Tôn vào Hầm xay lúa đúng vào lúc bọn lưu manh đang thanh toán lẫn nhau. Giám thị trưởng Ferandini chỉ định ngay Bác Tôn làm cặp - ràng (cai tù), đẩy bác vào chỗ chết. Trong tình thế khốn cùng, Bác Tôn sau khi thống nhất với những người tù chính trị, đã tổ chức lại toàn bộ công việc trong hầm xay từ khâu khâu vác, xay, xát, quạt, sàng đến đóng bao và xếp gạo vào kho. Trong điều hành, Bác lấy sự công bằng và hợp lý đặt lên hàng đầu. Cặp - ràng mới cũng nhận phần việc như những người



*Nơi gặc giam giữ
Bác Tôn*

khác. Đó là một điều chưa từng thấy ở hầm xay này. Với cung cách làm ăn mới mẻ đó nên anh Hai Thắng được những người tù trong hầm xay kể cả những tù anh chị đồng tình ủng hộ.

Lần đầu tiên những công việc ở Hầm xay lúa được tổ chức lại. Tất cả mọi người đều làm việc. “Cặp ràng” Tôn Đức Thắng và những “phụ tá” là tù chính trị cộng sản cùng làm việc như mọi người, không còn cảnh tù nhân áp bức nhau, không còn cảnh những người tù khốn cùng phải nai lưng ra lao động khổ sai thay cả phân cặp ràng và một lũ tay chân ăn theo. Nhóm tù chính trị cộng sản trở thành hạt nhân đoàn kết toàn thể tù nhân, không phân biệt tù chính trị hay thường phạm, tích cực giáo dục, cảm hóa tù thường. Hội cứu tế tù nhân được tổ chức trong Hầm xay lúa. Những người ốm đau được chăm sóc chu đáo, tổ chức xúc gạo nấu cơm ăn thêm để bảo đảm sức khỏe; tổ chức học văn hóa, nói chuyện truyền thống, giáo dục lòng yêu nước cho tù thường. Công việc xay lúa không còn là nỗi kinh hoàng của người tù; Hầm Xay lúa không còn là nơi để thực dân Pháp thực hiện chính sách “dùng tù trị tù” như trước. Nhiều người tù thường phạm xuất thân lưu manh nhờ có sự cảm phục của những người cộng sản mà bớt hung hãn hơn, có người giác ngộ, sau về tham gia kháng chiến.

Giữa năm 1934, hàng loạt các cuộc đấu tranh đòi giảm nhẹ khổ sai liên tiếp nổ ra bọn gác ngục đánh tù như điên như dại. Nhiều người phải nằm nhà thương, nhiều người bị phạt xà lim nhưng không ai bỏ cuộc. Thời gian 1940-1941 tình hình sức khoẻ của tù nhân suy sụp rất nhanh và tù chết rất nhiều. Hội tù nhân tổ chức anh em được làm khổ sai ở bên ngoài trại tìm kiếm và chế biến thuốc nam chữa bệnh cho tù nhân, tổ chức làm kinh tế để đóng góp vào quỹ cứu tế. Những đồng chí có tay nghề được phân công làm các loại kim khâu, kim máy may, tiện các hộp thuốc lá bằng gỗ găng, làm tẩu thuốc lá bằng cây dương nước, làm cúc áo, vòng, lược, bằng đôi môi... để bán cho gácđang, ma tà và thủy thủ. Bác Tôn là một người thợ giỏi thường làm những hộp thuốc lá bằng gỗ găng, tẩu thuốc lá làm bằng cây dương nước, được thủy thủ rất ưa chuộng, mua với giá cao, góp được những khoản tiền đáng kể vào quỹ cứu tế. Khi được bố trí trở lại Sở Lưới lái canô, mỗi lần đi đánh cá, Bác Tôn đều lượm những con cá nhỏ giắt vào kẽ áo tơi, về ngang qua Bản Chế gỡ ra để anh em kho nấu và chuyển vào cho khám tù cấm cố.

Bằng tất cả tình thương và trách nhiệm, Bác Tôn cùng với những chiến sĩ cộng sản kiên cường đã kết nối sợi dây đoàn kết giữa các tầng lớp tù với nhau nâng lên thành tình thương yêu những người đồng đội, tạo thành một sức mạnh bền vững để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

VÕ NGỌC MINH

ĐỒNG CHÍ PHẠM HÙNG MỘT KHÍ TIẾT CÁCH MẠNG

Gương chiến đấu anh hùng của tù chính trị ở Côn Đảo tôi không thể mô tả hết được nhưng đối với tôi, hấp dẫn nhất vẫn là những mẫu chuyện được loan truyền về cuộc sống và chiến đấu ở trong tù của anh Hai Hùng (tức là đồng chí Phạm Hùng). Anh Hai Hùng bị bắt sau khi tổ chức một cuộc mít tinh ở chợ Giữa, Mỹ Tho, năm 1930 lúc anh 18 tuổi. Trong cuộc mít tinh này, một tên tay tù ác ôn của Pháp đã phải bỏ mạng. Ngay khi bước chân vào Sở lính kín Mỹ Tho, trước sự tra khảo dã man của bọn lính kín, anh đã tỏ rõ ý chí quật cường, bất khuất làm thất bại mọi mưu đồ khai thác tin tức của chúng. Tên sếp lính kín xông vào đánh anh, anh gạt một cái, nó té quay lơ trên mặt đất. Chúng lồng lộn lên, càng tra tấn anh dã man, nhưng vô ích. Chúng đã dựng phải một lô cốt bằng thép. Cuối cùng chúng phải kết thúc hồ sơ của anh ở lính kín và chuyển anh sang khám tù Mỹ Tho. Tin tức về con người Cộng sản quật cường, bất khuất ấy đến nhà tù Mỹ Tho trước khi anh tới đây. Bọn giám ngục, lính tráng và đám anh chị trong tù cũng đã có mấy phần e dè, nể trọng anh rồi. Thấy tù chính trị ở đây bị bọn anh chị hiếp đáp, anh tuyên bố:

“Anh em chúng ta bị đế quốc và tay sai hiếp đáp, bắt bớ tù đầy. Ai cũng khổ cực. Đã cho mình là anh, chị yêng hùng thì phải có gan chống đế quốc và bọn giám ngục tay sai, bênh vực bạn tù, lẽ nào lại còn hiếp đáp họ. Ngày mai tôi sẽ biểu thị thái độ cho các anh coi”.

Bọn anh chị im re, không dám phản ứng gì. Ngày hôm sau, giám thị vô phát chiếu, la lối, chửi bới tù nhân. Bọn anh chị không dám ho he gì. Anh Hùng liền đứng ra phản đối ngay. Anh nói:

“Luật pháp không cho phép các ông tự do chửi bới, đánh đập tù nhân. Lôi thôi tôi sẽ kiện lên biện lý cho các ông coi. Muốn khỏi lộn xộn, cứ đưa chiếu để chúng tôi

phát cho anh em là có trật tự ngay, việc gì phải la lối, chửi bới?”.

Bọn giám thị liền giao chiếu cho cặp rằn phân phát cho anh em. Cặp rằn tiếng Pháp là Ca-po-ran (Caporal) tức là tù nhân được chỉ định làm cai tù.

Khi giao chiếu cho cặp rằn, tên giám thị giữ lại hai cái chiếu đưa cho anh Hùng vừa cười vừa nói:

“Làm gì mà dữ vậy ông nội, thôi cầm lấy hai cái chiếu này mà nằm cho êm đi”.

Hai chữ “êm đi” vừa có ý nghĩa là nằm cho êm mà cũng là êm đi đừng có cự nự nữa. Anh Hùng đã đánh trúng tâm lý của bọn giám thị, chúng rất ngán sợ biện lý.



Bác Hồ chụp ảnh kỷ niệm chung với các đồng chí: Lê Giản, Tổng Giám đốc Nha Công an Trung ương; Phạm Hùng, Phó Giám đốc Sở Công an Nam Bộ (nhân dịp Người đến thăm và làm việc với Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 5 (1950), tổ chức tại chiến khu Việt Bắc).

Từ đó bọn giám thị cũng như bọn anh chị trong khám đều bớt hẳn hống hách với tù nhân và nể trọng anh Hùng.

Chuyện ra tòa của anh Hùng cũng rất lý thú. Tôi cứ đoán không biết có nên viết ra giấy trắng mực đen như thế này không? Tôi rất thích thú chuyện này. Để trong bụng nó cứ ám ức thế nào ấy. Tôi nghĩ, nói ra mình cũng được xả hơi, mà người đọc cũng sẽ thích thú.

Anh Hùng bị tòa án thực dân buộc tội trong hai vụ án. Án đầu chúng đã xử anh tử hình. Anh đã hùng hồn phản bác lại bản luận tội của tòa, lên án chủ nghĩa thực dân và hô khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Pháp, Việt Nam độc lập muôn năm. Đảng Cộng sản muôn năm”. Lần sau ra xử, công tố lại kiến nghị với tòa Xử anh một án tử hình nữa. Anh tức quá, đồng dặc phát biểu trước tòa án:

“Mỗi người chỉ có một cái đầu, lần trước các ông đã xử tôi tử hình rồi, còn đầu nào nữa mà đòi chém. Chẳng lẽ còn cái “đầu dưới” cũng muốn chém nốt nữa hay sao?”.

Câu chuyện thật là trào lộng hào hùng, bộc trực và đặc sệt Nam bộ. Anh em trong tù thường kháo nhau về chuyện này và tôi tin là có thật.

Bị biệt giam trong xà lim chờ ngày lên máy chém, anh Hùng vẫn bình tĩnh, thanh thản. Hàng ngày anh vẫn ung dung tập thể dục buổi sáng, đặt mua sách báo, có cả sách báo tiếng Pháp vào đọc. Anh đặt mua thức ăn ngon, đắt tiền với khối lượng nhiều, chia cho cả giám thị, lính gác. Chế độ tù tử hình lúc đó là được quyền mua sách báo và muốn ăn gì thì đặt mua, nhà tù phải trả tiền. Anh rất thích tuồng cổ, cải lương và đặt mua những loại sách về đề tài này để đọc, ngheu ngao ca hát, đọc diễn, đóng đủ mọi vai trong kịch bản.

Thái độ anh khác hẳn anh em tù án thường bị xử tử hình nhất cùng khám. Thái độ những anh này rất thất thường, lúc thì bi quan, buồn nản, ủ rũ đến lịm người đi, chẳng buồn nói năng gì, lúc lại nổi giận điên cuồng la hét, chửi bới bọn giám thị, hất cả phân và nước tiểu vào người chúng làm chúng rất ngán ngại mấy anh em này.

Anh Hùng thường khuyên nhủ mấy anh em này, đảng nào cũng chết, chết cho ra chết, coi cái chết nhẹ như lông hồng. Anh nói với anh em nên có thái độ anh hùng, bình thản trước cái chết, làm cho kẻ thù muốn ta khiếp sợ chúng, trái lại chúng phải nể trọng ta, để tiếng về sau cho gia đình, con cháu. Anh cải thiện cuộc sống trong xà lim (cellule) án chém, sống đảng hoàng hơn, hát hò vui vẻ hơn. Anh em bớt buồn rầu, giận dữ, giảm hẳn việc chửi bới hoặc hất nước dơ vào bọn giám thị. Bọn này hết sức biết ơn và nể trọng anh về việc này, cũng như việc anh chia đồ ăn ngon mà chúng không có tiền mua nổi.

Thấy có một anh trong số án thường bị tử hình rất thích cải lương và tuồng cổ, nhiều bài mà cũng để giết thời giờ trong lúc bị giam cầm, đồng thời để tỏ ra khi chết cũng là con người có văn tự, không phải là con ma dốt. Nghe bùi tai, anh này đã đồng ý và anh Hùng đã dạy cho anh ấy đọc được các tuồng tích. Anh Hùng giải thích rõ cho anh này biết tội ác của đế quốc Pháp làm cho dân ta nghèo đói, dốt nát, chúng ta đều là nạn nhân của đế quốc Pháp cho nên phải chống lại chúng thì mới thoát vòng nô lệ được. Anh khuyên anh ấy khi lên đoạn đầu đài thì nên nói như thế nào để vạch trần tội ác của đế quốc Pháp và hô khẩu hiệu như thế nào. Anh này đã làm đúng những lời hướng dẫn của anh Hùng khi lên máy chém.

Ung dung, thanh thản chờ ngày lên máy chém, thuyết phục được tử tội thường án cũng có phong cách tỉnh táo không bấn loạn tâm thần, khuyến dụ người tử tội thường án chịu học hành, biết chữ và giác ngộ để khi bước chân lên đoạn đầu đài có thái độ bình thản, có hành động dũng cảm, ích nước lợi dân như một nhà cách mạng chân chính. Đó là chuyện hy hữu, một thiên Anh hùng ca mà anh Hai Hùng đã dựng lên trong thời gian mấy tháng tại xà lim án chém ở khám lớn Sài Gòn.

May thay anh Hùng đã được Hội Hồng thập tự Pháp trong đó có những người Cộng sản và xã hội vận động chống án tử hình của anh giảm xuống án chung thân khổ sai và đày đi Côn Đảo. Thế là lại bắt đầu một thiên Anh hùng anh ca mới.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Ở Côn Đảo, anh luôn luôn là một trong những người dẫn đầu trong các cuộc đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù. Sự gan dạ, sức chịu đựng khủng bố, tính bất khuất nổi tiếng của anh đã làm cho bọn chúa ngục, giám thị phải nể sợ, anh em tù nhân mến phục.

Tên Tút-tu (Toustou) sếp lính kín ở Côn Đảo là một tên rất to con, cao lớn, hần phải cao đến 2m vì tôi đã cao 1m76 mà hần còn cao hơn tôi cả một cái đầu. Hần có tính anh chị, du côn, thích bộ hạ kêu là “Cậu Mười Tu”. Bọn giám thị, lính tráng tên nào cũng sợ hần. Thế mà mỗi lần vào banh 3 thì y như là hần đều đến nói chuyện với anh Hùng, tặng quà cho anh. Khi hần tặng thuốc lá cho anh, bao giờ cũng tặng nguyên gói, hoặc cả một tút thuốc, trong khi chúng tôi kiếm mỗi mắt mới được một vài điếu. Chúng tôi là lớp tù chính trị đàn em, ra Côn Đảo sau anh, thấy thái độ thẳng Tút-Tu như thế càng mến phục và tự hào về người tù chánh trị đàn anh của mình.

Anh Hùng cũng là người dẫn đầu trong những cuộc đấu tranh chống chế độ hà khắc của bọn anh chị, bọn cai tù ở Côn Đảo. Đây là nơi tập trung bọn anh chị khét tiếng ở tứ xứ về. Chúng lập thành băng đảng hoặc làm cai tù hiệp đáp tù nhân rất dã man. Bọn thống trị Pháp muốn thông qua bọn này để phối hợp nhiều mặt giết lẫn, giết mòn tù nhân, nhất là tù chính trị. Có một số tù chính trị trong đó có Bác Tôn, anh Phạm Hùng, anh Lê Đức Thọ... lúc đầu đều bị nhốt chung với thường án. Sau nhiều cuộc đấu dũng cảm của tù chánh trị, không những đẩy lùi chế độ dã man của bọn anh chị và cai tù mà còn giác ngộ anh em tù thường án, lôi kéo họ vào các cuộc đấu tranh bảo vệ quyền lợi tù nhân. Thấy lợi bất cập hại, bọn giám ngục mới cách ly tù chánh trị ra khỏi tù thường án.

Anh Hùng không những có cả sức mạnh đoàn kết của tập thể tù chánh trị, có cả một quá khứ hào hùng, khâm lớn v.v... anh còn là người giỏi võ nghệ, thành thạo về gông (một loại nội công) từng nhiều lần đương đầu thắng lợi với những tay anh chị sùng sỏ ở trong tù. Bọn này rất nể sợ anh.

Trong tù chính trị lúc đó còn có anh Kiên cũng là một thanh niên học sinh trường trung học Mỹ Tho và là đảng viên. Anh đẹp trai và rất giỏi võ nghệ. Để dần mặt bọn anh chị, anh đã từng thách thức đấu võ với những tay dao búa trong khám. Thành nào cũng bị anh cho đo ván. Một hôm anh đang đi trên bãi biển gặp hai tên rờ-set (Recherche) đang đi lùng sục tù trốn, thấy anh đẹp trai, chúng định ép anh làm “em út” và toan giở trò đồng tình luyến ái. Anh nói: “Tụi bây liệu có thắng nổi tao không mà toan tính giở trò khi đột”. Thế là hai thằng rờ-sec ý mình cũng có tay nghề, lại có vũ khí trong tay, một tên cầm mã tấu, một tên cầm thước bằng loại gỗ cứng xông vào tấn công anh. Anh lựa thế đá văng mã tấu của một tên và giựt tay thước của tên còn lại, đánh chúng vất giò lên cổ.

Trong tù chính trị còn có một anh, nguyên là anh chị có tiếng tăm ở Cai Lậy. Anh gan dạ giỏi võ lại là tay gông nổi tiếng một thời. Anh đã từng bênh vực bà con bán hàng chợ Cai Lậy chém tên A-ma-đu (Amadou) một tên nổi tiếng về quyền Anh

ở Sài Gòn và lại là một tên Tây đen, được bọn thầu thuế chợ mượn xuống Cai Lậy để uy hiếp bà con, vợ vét thuế chợ. Tên A-ma-đu đã phải mang đầu máu chuồn về Sài Gòn còn anh đã nổi tiếng hơn trong làng anh chị. Anh dám đương đầu với một tên võ sĩ quyền Anh danh tiếng mà lại là một tên quốc tịch Pháp. Lúc đó đưng đến Tây là rất phức tạp. Sau này giác ngộ cách mạng, anh đi tán phát truyền đơn rồi bị bắt và bị đày đi Côn Đảo. Ra Côn Đảo được ít hôm, anh thấy một tay thường án đồng hương Cai Lậy, cũng ra chuyến tàu với anh, đang ngồi khóc. Anh hỏi tại sao? Tay này cho biết, có ít tiền mang theo nộ thân, đem ra cờ bạc, bị bọn anh chị gian lận rút ruột hết rồi. Anh ngồi vào sòng bạc quan sát một lúc, thấy kiểu cách gian lận của bọn xếp sòng, anh bèn quơ toàn bộ tiền bạc đặt cọc trên chiếu về trước mặt mình. Đám anh chị sòng bài đều là những tên có hạng, dày dặn chiến trận cũng phải hết sức kinh ngạc, không biết tay này là ai, thế lực tới mức nào mà mới vừa chân ướt chân ráo đến Côn Đảo đã dám có cử chỉ cừ khôi như thế. Chúng là những tay có kinh nghiệm, bình tĩnh giải tán sòng bài để bàn bạc đối sách. Chúng không muốn manh động khi chưa biết nguồn gốc và thực lực của đối phương. Sau khi hiểu lai lịch của anh, chúng mời anh lại uống nước, nói vả lả ít câu. Anh bèn trả lại tiền cho chúng và chúng cũng trả lại tiền cho người đồng hương của anh. Anh Hùng, anh Kiên, và đồng chí người Cai Lậy nói trên là lực lượng đáng sợ của những tay anh chị hống hách. Các anh đã đóng góp to lớn vào việc đẩy lùi chế độ cai tù anh chị hà hiếp anh em tù nhân. Anh Kiên và đồng chí người Cai Lậy sau này đã chết ở Côn Đảo để lại cho anh em tù Côn Đảo một niềm cảm phục và nỗi tiếc thương sâu đậm.

Lúc tôi ra khám 7 đi đập đá thì anh Hùng ở khám 5, cùng dãy khám với nhau, cùng trên một hành lang cách nhau 10 thước mà liên lạc rất khó khăn. Anh làm đại biểu cho tù nhân khám 5, thuộc loại tù cấm cố, không được đi ra ngoài làm. Mỗi ngày anh em khám này chỉ ra hàng ba, ngay trước cửa khám để may quần áo tù. Lúc đó, chúng tôi mới biết mặt anh Hùng, một người chúng tôi hàng mền mọ, với vóc dáng hơi thấp, nước da ngăm đen, mặt vuông, mắt sáng, nét mặt vui vẻ, vai rộng, ngực nở, bắp thịt chắc, tay chắc nịch, tỏ ra là một người có căn bản luyện tập. Tôi kém anh 11 tuổi. Lúc đó tôi 21 tuổi, còn anh cũng mới 32 tuổi. Bọn giám ngục cấm ngặt không cho chúng tôi liên hệ với nhau. Anh luôn vui vẻ mỉm cười nhìn chúng tôi. Chúng tôi cũng đáp lại bằng nét mặt tươi vui, lòng đầy mền mịch.

MAI CHÍ THỌ

MỘT SỐ CHIẾN SĨ CỘNG SẢN CỐT CÁN BỊ TÙ Ở CÔN ĐẢO (1930-1945)

Danh sách này được xếp thứ tự một cách tương đối theo niên biểu thời gian mà thực dân Pháp đã đưa các đồng chí của ta ra Côn Đảo. Mặc dù đã cố gắng sưu tầm nhưng chắc chắn danh sách này chưa thể đầy đủ so với số lượng cán bộ đảng viên đã trải qua thử thách ở nhà tù. Rất mong được bạn đọc thông cảm.

TÔN ĐỨC THẮNG (1888-1980)



Người Cù lao Ông Hổ, xã Mỹ Hoà Hưng, tổng Bình Thành, tỉnh Long Xuyên nay là tỉnh An Giang. Ông sinh ngày 20-8-1888 trong một gia đình nông dân.

Năm 1906 vừa 18 tuổi, học xong tiểu học, ông lên Sài Gòn học khoa cơ điện trường máy Sài Gòn và tốt nghiệp năm 1910. Ông được làm việc ở nhà máy sửa chữa tàu của Hải quân tức nhà máy Ba Sơn, một chi nhánh của xưởng sửa chữa tàu hải quân Pháp ở Toulon. Ít lâu sau ông sang Pháp làm việc ở xưởng Toulon và để tìm hiểu nước người đang về giúp nước. Mấy năm trước khi xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tình hình chính trị rất căng thẳng, hải quân đưa ông xuống làm thợ máy dưới chiến hạm France. Rồi chiến tranh nổ ra và kéo dài tới 4

năm. Cuối năm 1917 Cách mạng Tháng 10 Nga thành công. Các cường quốc đế quốc bao vây và tấn công Cách mạng Nga. Pháp cử quân chiếm vùng Ukraine và cử hạm đội 5 chiếc sang Hắc Hải vào năm 1919 trong đó có chiến hạm France. Sĩ quan và binh lính các chiến hạm khác mưu khởi sự nhưng bị bại lộ. Chỉ còn chiến hạm France. Ngày

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

1/4/1919 chiến hạm này làm binh biến, ông được phân công kéo cờ Cách mạng. Các chiến hạm khác hưởng ứng, sĩ quan và thủy thủ kéo lên bờ cùng nhân dân Nga làm Cách mạng Nga và bị bọn chỉ huy Pháp đàn áp. Các chiến hạm quay trở về Pháp.

Năm 1920 ông bị trả về Sài Gòn và không được làm ở Ba Son nữa, phải làm cho một xưởng sửa chữa xe hơi ở Phú Nhuận nhưng vẫn liên lạc với công nhân Ba Son, lập Công hội đỏ và tổ chức được cuộc bãi công vào năm 1925.

Năm 1926 ông gia nhập Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội và năm 1927 được cử vào Ban Chấp hành Thành bộ Sài Gòn và Kỳ bộ Nam Kỳ của Hội.

Năm 1929 do một sơ sót nội bộ, ông bị bắt trong vụ án đường Barbier (nay là Thạch Thị Thanh) cùng các ông Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương và kết án 20 năm khổ sai.

Tháng 6-1930 ông bị đày ra Côn Đảo cho đến tháng 9-1945 sau khi Cách mạng Tháng 8-1945 thành công. Ở tù ông từng tham gia lãnh đạo, góp nhiều ý kiến cho tổ chức Đảng. Mọi người đều quý trọng nhân cách của ông.

Năm 1945 ra tù, ông liền được mời tham gia Xứ ủy và Ủy ban Hành chính Nam bộ. Năm 1946 ra Bắc phụ trách công tác mặt trận, chủ tịch Hội Liên Việt (Hội Liên Hiệp quốc dân Việt Nam). Từ 1951 là Ủy viên Trung ương Đảng cho tới ngày qua đời năm 1980.

Năm 1954 giải phóng Miền Bắc, ông là Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam rồi Chủ tịch danh dự, trưởng Ban thi đua Trung ương, Phó Chủ tịch nước.

Ngày 19-8-1958 Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định tặng ông Huân chương Sao Vàng nhân dịp ông thọ 70 tuổi. Ông là người đầu tiên được thưởng Huân chương cao quý nhất của nhà nước ta.

Tháng 11-1967 ông được Nhà nước Liên Xô tặng Huân chương Lê Nin.

Tháng 9-1969 Hồ Chủ tịch qua đời, Quốc hội cử cụ Tôn Đức Thắng 81 tuổi, một chiến sĩ đạo cao đức trọng làm Chủ tịch nước.

Ngày 30-3-1980 Cụ qua đời, thọ 92 tuổi.



PHẠM VĂN ĐỒNG

Người xã Mộ Đức, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Sinh năm 1906. Trình độ Đại học.

Từ sớm ông đã tham gia Việt nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội cùng thời với các ông Trần Phú, Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ... và sớm gia nhập đội ngũ những người Cộng Sản. Năm 1930 ông bị bắt cùng với Nguyễn Kim Cương và bị kết án chung thân. *Tháng 6-1930 ông bị đày ra Côn*

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Đảo. Thời gian đầu ở Hòn Cau sau đưa về Côn Lôn. Ở tù, ông tham gia củng cố hàng ngũ những người Cộng sản, tranh luận với các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng về đường lối cách mạng, nghiên cứu và phổ biến chủ nghĩa Mác Lênin một cách sâu sắc.

Năm 1936 được trả tự do. Ra tù ông viết các báo cáo tiến bộ và một số báo Pháp văn.

Năm 1940 địch khủng bố và bắt nhiều chiến sĩ dân chủ, ông cùng đồng chí Võ Nguyên Giáp sang Trung Quốc hoạt động cùng Bác Hồ.

Trước Cách mạng Tháng 8-1945 ông được cử về nước và tham gia lãnh đạo khởi nghĩa. Khi Cách mạng thành công ông giữ chức Bộ trưởng Tài chính Chính phủ Cách mạng lâm thời. Đến toàn quốc kháng chiến (12-1946) ông Đại diện chính phủ tại Liên khu V cho đến 1948 ra Trung ương giữ chức Phó Thủ tướng. Năm 1946 ông dẫn đầu Đoàn đại biểu Việt Nam đàm phán với chính phủ Pháp tại Fontainebleau. Tại Đại hội II của Đảng (1-1951) ông được cử vào Ban Chấp hành Trung ương và là Ủy viên Bộ Chính trị. Năm 1954 ông lại dẫn đầu Phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Quốc tế giải quyết chiến tranh Việt nam đi tới ký kết Hiệp định Genève.

Từ năm 1954 sau khi về Thủ đô Hà Nội ông giữ chức Thủ tướng, cho tới Đại hội VI, ông được mời làm cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng.

TẠ UYÊN



Còn có tên là Thành, Đồng, Châu Xương.

Ông là người thôn Côi Trì, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Năm 1927 ông gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội và tháng 6-1929 gia nhập Đông Dương Cộng Sản Đảng. Ngày 19-11-1929 ông bị bắt và ông bị xử với Lương Văn Tuy và Nguyễn Văn Hoan. Ông bị kết án 20 năm khổ sai và ngày 28-4-1930 bị đày ra Côn Đảo.

Ngày 1-5-1935 ông vượt ngục thành công về Sóc Trăng bắt liên lạc được với Đảng và được phân công hoạt động ở Trà Vinh.

Từ 1936 đến 1939 lần lượt ông là Tỉnh ủy viên Cần Thơ, ủy viên Liên Tỉnh ủy Cần Thơ - Vĩnh Long, Bí thư Liên Tỉnh ủy Hậu Giang, Ủy viên thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ rồi Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ kiêm Bí thư Thành ủy Sài Gòn. Tháng 10-1940 ông bị bắt trước khi nổ ra Nam Kỳ Khởi nghĩa. Địch tra tấn liên tục và dữ dội đến ngày 10-12-1940 ông hy sinh tại Sở Mật thám đường Ca-ti-na Sài Gòn.

TRẦN HUY LIÊU



Người làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông sinh năm 1901, ông tham gia phong trào yêu nước năm 1923. Ông vào Sài Gòn viết báo tiến bộ. Từ năm 1925 đến 1927 ông là chủ bút tờ Đông Pháp Thời báo. Ông đứng ra lập “Đảng Thanh niên Việt Nam” ở Nam Kỳ, lập “Cường học thư xã” để phát hành các sách báo có tinh thần yêu nước, giác ngộ đồng bào. Ông cho xuất bản hai cuốn nhưng bị cấm và bị tịch thu. Năm 1929 ông cùng các ông Võ Công Tôn tức Hội đồng Tôn, Nguyễn Phương Thảo tức Nguyễn Bình sau này là Hà Thuận Hồng lập Kỳ bộ Việt Nam Quốc dân Đảng tại Nam Kỳ nhưng bị bắt ngay năm đó và ông bị kết án 5 năm tù, đày đi Côn Đảo.

Ở Côn Đảo, ông gặp những người Cộng Sản, giác ngộ và đi theo Chủ nghĩa Cộng Sản.

Năm 1935 mãn hạn tù, ông bị trục xuất ra Bắc, ông làm báo và ở trong nhóm hoạt động công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương. Là nhà thơ, nhà báo, nhà văn, nhà sử học, một diễn giả sắc bén, ông tích cực hoạt động trong phong trào Đông Dương Đại Hội và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1936.

Năm 1939 ông bị bắt lại, đày đi Sơn La rồi đi các trại tập trung Bá Ván, Nghĩa Lộ.

Ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp, thừa cơ, ông vượt ngục trở về viết báo Cứu quốc.

Tháng 8-1945 ông dự Đại hội quốc dân Tân Trào quyết định Tổng khởi nghĩa và bầu chính phủ cách mạng lâm thời. Tại Đại hội ông được bầu làm Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tức là Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

Tổng khởi nghĩa 1945 thành công, ông được cử làm Bộ trưởng Tuyên truyền chính phủ lâm thời và được thay mặt chính phủ và Tổng bộ Việt Minh cùng ông Nguyễn Lương Bằng vào Huế nhận lễ thoái vị của Hoàng đế Bảo Đại.

Năm 1946 ông làm Bí thư Tổng bộ Việt Minh, chủ tịch Hội Văn hóa cứu quốc, Cục trưởng Cục Chính trị, ủy viên thường trực Quốc hội nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

1948-1950 Ủy viên Ban chấp hành Hội Văn học Việt Nam.

1954 về Hà Nội cho tới 1969 ông làm viện trưởng Viện Sử học. Những năm đó ông cũng là Ủy viên thường trực Quốc hội, chủ nhiệm Ủy ban thống nhất Quốc hội, phó chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Ông cũng được bầu làm Viện sĩ Thông tấn Viện hàn lâm khoa học Cộng hoà dân chủ Đức.

Ông mất ngày 28-7-1969 để lại một khối lượng đồ sộ các tác phẩm và một đội ngũ cán bộ sử học mà ông dìu dắt.

Năm 1950 ông đã viết bộ “Sơ thảo sử Cách mạng cận đại Việt Nam”; Năm 1954

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

xuất bản “Tài liệu tham khảo lịch sử cận đại Việt Nam” gồm 12 tập; Năm 1956 ông hoàn thành “Lịch sử 80 năm chống Pháp”, gồm 3 tập.

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO (NGUYỄN BÌNH)

Là Trung tướng Tư lệnh Quân khu 7, người Hưng Yên sinh năm 1910. Cuối thập kỷ 20 của thế kỷ XX ông vào Nam sinh sống và năm 1929 cùng Trần Huy Liệu lập Kỳ bộ VNQDD. Sau theo chủ nghĩa Mác Lê nin để tìm đường cứu quốc.

Năm 1944 ông cùng Trần Cung, cũng một chiến sĩ Cộng sản đã ở tù Côn Đảo tên thật là Nguyễn Ngọc Cư, cùng một số đồng chí lập chiến khu Đông Triều còn gọi là Đệ Tứ Chiến Khu, để võ trang đánh Nhật.

Năm 1946 sau khi Pháp gây hấn tái chiếm Nam Bộ, ông được cử vào Nam tổ chức quân đội kháng Pháp, quân khu trưởng Khu 7 và được vinh phong trung tướng. Chiến trường rất ác liệt và gian khổ, nhờ ông gan dạ và mưu trí nên lực lượng kháng chiến được duy trì và phát triển. Ông tổ chức ra 6 Ban công tác thành đánh địch ngay trong nội thành Sài Gòn.

Ông mất trong một trận phục kích của giặc trên đường ra Bắc.

NGUYỄN KIM CƯỜNG (1904-1994)

Người Diễn Châu, Nghệ An. Năm 1926 tham gia VNCMĐCH, được gửi đi Quảng Châu Trung Quốc dự họp do Nguyễn Ái Quốc mở nhưng khi vượt biên giới Quảng Đông bị Pháp bắt xử một năm án treo. Tháng 2-1927 vào Sài Gòn cùng hoạt động với Phạm Văn Đồng. Cuối 1927 về Sa Đéc dạy học cùng Châu Văn Liêm, Hà Huy Giáp ở Sa Đéc học đường. Năm 1928 được bầu vào Xứ ủy Nam Kỳ của VNT-NCMĐCH. Năm 1928 ông cùng Nguyễn Văn Phát giúp Ban Trù bị thành lập An Nam Cộng Sản Đảng gồm các ông Phạm Văn Đồng, Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu (con trai Tổng Đốc Nguyễn Thân). Tháng 7-1930 bị bắt ở Sài Gòn kết án 10 năm cấm cố, đày ra Côn Đảo cho đến 1936. Ra tù viết báo Notre Voix và Volonté indochinoise ở Hà Nội.

Sau Cách mạng 1945 làm phó ban Tuyên huấn Xứ Ủy Nam Bộ. Năm 1954 làm Bí thư Đảng bộ của Ủy Ban Liên Hiệp Đình Chiến đóng tại Sài Gòn mà trưởng đoàn là đồng chí Phạm Hùng. Ông giỏi tiếng Pháp và tiếng Anh. Năm 1960 ông là Thứ trưởng Phủ Thủ tướng, từ 1970-1974 là Phó Chủ nhiệm Ủy ban liên lạc Văn hóa với nước ngoài.

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

NGUYỄN DANH ĐỐI tự Điền Hải (9/1905-8/1943)

Người xã Đông Trang, huyện Kiến Xương, Thái Bình, sinh trưởng trong một gia đình yêu nước. Ông nội là một chiến sĩ Văn Thân đã cầm quân chống Pháp ở Nam Định năm 1883. Cha ông là đảng viên của Quang Phục Hội hy sinh năm 1913. Khi học ở trường Thành Chung - Nam Định ông đã kết bạn với Nguyễn Đức Cảnh, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Nguyễn Văn Năng trao đổi về cảnh mất nước. Năm 1925-1926 ông dự truy điệu Phan Chu Trinh và được gửi đi Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp do Nguyễn Ái Quốc mở. Về nước ông tham gia TNCMĐCH và là Bí thư Kỳ Bộ Bắc Kỳ, trực tiếp làm Bí thư Hà Nội và đã ra sức thuyết phục Nam Đông Thư Xã. Tháng 2-1929 ông bị bắt, kết án 5 năm đày ra Côn Đảo, bị cấm cố ở Banh II rồi làm khổ sai ở đảo Hòn Cau. Ông đã vận động một số đảng viên VNQĐĐ ngã theo Cộng Sản.

Tháng 2-1934 mãn hạn tù, ông đã cùng các đồng chí đưa phong trào tỉnh Thái Bình lên bằng nhiều hình thức thích hợp.

Từ 1936 ông tích cực dịch sách Cách mạng, viết bài cho báo Le Travail, Rassemblement, vận động những cuộc đấu tranh công khai.

Tháng 6-1940 ông lại bị bắt ở Thái Bình, bị đưa đi trại tập trung Bắc Mê rồi ốm chết tại đó, tháng 8-1943.

PHẠM GIA (1898-1977)

Người thôn Đông Phù, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì ngoại thành Hà Nội, là giáo viên trường Nam Trực, Nam Định. Ông tham gia VNTNCMĐCH năm 1926 và tham gia vận động thành lập Đảng Cộng sản. Ông bị bắt năm 1930, bị kết án cấm cố chung thân và bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936 ông được trả tự do, mở trường dạy học và xưởng sơn mài, tuyên truyền cách mạng cho thanh niên. Năm 1939 ông được kết nạp vào Đảng cùng các đồng chí: Phạm Huy Hùng (Bí thư Thành ủy Hải Phòng 1942) Đỗ Mười - Tổng Bí thư Đảng và Nguyễn Thọ Chân - Ủy viên Trung ương Đảng (1960-1976).

Trong kháng chiến chống Pháp ông tham gia Liên khu ủy III phụ trách kinh tế. Năm 1945 dân đói, ông đã khởi xưởng phong trào phá kho thóc của Nhật chia cho dân. Sau năm 1945 ông là Cục trưởng Bộ Thương nghiệp rồi về hưu.

LƯƠNG VĂN TUY (1914-1932)

Người xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; Là con cụ Lương Văn Thăng đảng viên Cộng sản đầu tiên của Ninh Bình. Học giỏi, 15 tuổi ông được ông

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Nguyễn Văn Hoan giác ngộ và đi đầu hoạt động và được vào Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, hoạt động rất hăng hái, ông bị bắt cùng Nguyễn Văn Hoan sau một vụ treo cờ trên núi Thúy. Ngày 24-1-1930 Tòa xử cho nhưng ông còn bé bị xúi dục, ông nói: “*Đã suy nghĩ kỹ. Nước mất nhà tan thì ai cũng có trách nhiệm đánh đuổi kẻ cướp nước. Người Việt Nam không bao giờ sống quỳ, cam tâm làm nô lệ*”. Chúng kết án 15 năm khổ sai và đày ra Côn Đảo khi ông mới 16 tuổi. Năm 1932 ông cùng một số đồng chí vượt biển. Nhưng đêm ấy gió to sóng lớn làm đắm thuyền, các ông đều hy sinh. Năm ấy Tuy mới 18 tuổi. Ai cũng cho Tuy là một vị thiếu niên anh hùng.

LƯƠNG KHÁNH THIÊN (1903-1941)

Ông người xã Liêm Chính, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam (nay là Nam Hà). Năm 1925 học trường Kỹ nghệ Hải Phòng, đã cùng Hoàng Quốc Việt vận động học sinh đấu tranh đòi tha Phan Bội Châu nên bị đuổi học. Năm 1927 gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng Chí Hội. Năm 1929 tổ chức liên tiếp nhiều cuộc đấu tranh và là người đầu tiên tham gia Đông Dương Cộng Sản Đảng ở Hải Phòng.

Sau cuộc biểu tình ngày 1-5-1930 ở Hải Phòng, ông bị bắt và từng chịu đựng tra tấn rất anh dũng. Ông bị kết án khổ sai chung thân giam ở Hỏa Lò, Hà Nội. Và cuối năm 1930 ông bị đày ra Côn Đảo. Ở đảo ông ra sức tổ chức Hội Cứu Tế, tổ chức học tập, đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù, bắt liên lạc với bên ngoài qua các thủy thủ, Chi bộ cử ông liên lạc giữa các lao, thông báo tình hình cho các nơi.

Năm 1936 ông được trả tự do. Ra tù ông được cử vào Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1938 ông trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh đòi tăng lương, chống đánh đập, chống dẫn thợ của công nhân xuống sửa chữa xe lửa Gia Lâm thắng lợi.

Đầu năm 1940 ông phụ trách liên tỉnh B gồm Hải Phòng, Kiến An, Quảng Yên, Hòn Gai, Hải Dương, Hưng Yên, trực tiếp là Bí thư Thành ủy Hải phòng.

Cuối năm đó ông bị bắt, bị kết án tử hình và 1-9-1941 bị địch xử bắn tại thị xã Kiến An. Sau khi ông mất có nhiều thơ ca ngợi công lao và khí phách anh hùng của ông.

TỔNG VĂN TRÂN (1904-1935)

Ông người xã Tân Cầu, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ông đã tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm rồi đi dạy học. Năm 1926 ông tham gia truy điệu Phan Chu Trinh, đòi tha Phan Bội Châu. Năm 1927 gia nhập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội rồi năm 1929 vào Đảng Cộng Sản Đông Dương. Ông bị bắt ở Nam Định và bị kết án tử hình.

Ông chống án được giảm xuống chung thân và cuối năm 1930 bị đày ra Côn Đảo. Ở Đảo ông được bầu vào Chi ủy, ủy viên cứu tế và liên lạc giữa các khám tuyền truyền

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

binh lính, liên lạc với đất liền, gửi tài liệu tố cáo chế độ Côn Đảo trước công luận.

Năm 1934 ông cùng 8 đồng chí vượt biển thành công, tham gia hoạt động ở Đảng bộ Nam kỳ nhưng bị bắt lại và bị tra tấn tới chết ở bót Ca-ti-na Sài Gòn, lúc đó ông mới có 31 tuổi.

PHẠM HỮU LẬU (tức Lộ)

Ông người xã Hòa An, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, sinh 1905; Do nhà nghèo ông phải bỏ học làm nghề sơn mài để nuôi mẹ và các em. Năm 1928 ông tham gia Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, lập bàn thờ truy điệu cụ Phan Chu Trinh. Khi Đảng Cộng Sản ra đời, ông được kết nạp ngay từ đầu và được cử vào Xứ ủy Nam kỳ và sau đó được cử vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Để vô sản hóa, tháng 9-1929 ông vào làm thợ ở xưởng sửa chữa xe lửa Dĩ An. Ngày 1-5-1930, ông lãnh đạo một cuộc biểu tình của 700 nông dân Cao Lãnh đòi giảm thuế. Tháng 7-1930 trên đường đi dự Hội nghị Trung ương Đảng, ông bị bắt tại Hải Phòng, bị kết án khổ sai chung thân và đày ra Côn Đảo ngay năm đó.

Năm 1936 ông được trả tự do và hoạt động trong nhóm DÂN CHÚNG ở Sài Gòn rất đắc lực nên bọn thực dân phát hiện và trục xuất về Cao Lãnh.

Cuối năm 1939 ông chuyển sang hoạt động bí mật ở Rạch Giá để tổ chức các đoàn thể phản đế. Năm 1940 ông bị bắt lại, bị kết án 5 năm tù và lại đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Năm 1945 khi mãn án cũng là ngày cách mạng thành công, ông được chính phủ cách mạng đón về cùng tất cả tù chính trị.

Năm 1954, sau hiệp định Genève về Việt Nam, ông là Ủy viên Thường vụ xứ ủy, được phân công ở lại, hoạt động rất gian khổ. Năm 1959 ông bị bệnh và qua đời, thọ 53 tuổi.

HOÀNG QUỐC VIỆT



Ông tên thật là Hạ Bá Cang, sinh ngày 28-5-1905, người xã Đập Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh. Ông sinh ra trong một gia đình làm thợ. Từ ngày còn học trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng (1922-1925) ông đã tham gia bãi khóa, biểu tình phản đối án tử hình đối với Phan Bội Châu nên bị đuổi học, bèn lên mỏ than Phấn Mễ (Thái Nguyên) làm thợ nguội, rồi lại xuống mỏ than Mạo Khê, sau đó đến nhà máy cơ khí Ca Rông ở Hải Phòng. Năm 1928 vào Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, bị lộ ông bị đuổi việc. Tổ chức bèn cử

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

ông vào Nam Kỳ hoạt động. Đầu năm 1930 trên đường ra Bắc dự hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng Sản, ông bị bắt và bị án chung thân biệt xứ. Kẻ thù tra tấn ông rất dã man đến què chân nhưng không moi được gì. Sau khi bị kết án ông bị đày ra Côn Đảo. Trong khi ông ở tù, hội nghị hợp nhất Đảng tháng 10-1930 vẫn bầu ông vào Ban Chấp Hành Trung ương Đảng để biểu thị sự tin cậy đối với ông.

Cuối năm 1936 ông được trả tự do, hoạt động ở Hà Nội, cùng các đồng chí khác khôi phục tổ chức Đảng và các đoàn thể ở Bắc Kỳ, phát động đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ. Ông được Đảng phân công cùng đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Phan Bội, Trần Huy Liệu... phụ trách báo chí và phong trào công khai, lần lượt ra các tờ Đời Nay, Thời Thế, Bạn Dân, Thế Giới, Notre Voix, Rassemblement ở Hà Nội.

NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

Là một giáo sư yêu nước, sinh năm 1898, người làng Mọc - Chính Kinh ngoại thành Hà Nội, một yếu nhân của VNQDD. Ông bị bắt sau vụ bạo động Yên Bái và bị đày ra Côn Đảo, được Trần Huy Liệu và Trần Xuân Độ giác ngộ chủ nghĩa Cộng Sản. Ở tù ông tham gia mọi cuộc đấu tranh và công tác, tham gia dạy văn hóa cho các bạn tù chính trị, trong đó có Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Từ 1954 đến 1975 ông là giáo sư chủ nhiệm Khoa Địa lý trường Đại học Sư Phạm Hà Nội. Là người có nhân cách nên được Trung ương Đảng và Nhà nước kính trọng. Ông vào ở hãn Sài Gòn sau giải phóng Miền Nam cho đến khi qua đời.

TRẦN XUÂN ĐỘ

Sinh năm 1894. Người xã Bình Trung, thôn Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Mồ côi từ 5 tuổi, ông phải sống lang thang, mới 12 tuổi đã học các nghề rèn, mộc, nguội rồi tiện. Trong thời gian làm thợ được gặp những người Cộng Sản như cụ giáo Đào Gia Lự, Lương Khánh Thiện, sau cũng bị đày đi Côn Đảo, tham gia truy điệu Phan Chu Trinh, đòi thả Phan Bội Châu, đọc báo “Người cùng khổ” và gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng Chí Hội, được phân công quan hệ với VNQDD do Tưởng Dân Bảo cũng là VNTNCMĐCH đứng đầu. Sau sang Lào làm mỏ thiếc nhưng nước độc, trốn sang Thái Lan và tham gia VNTNCMĐCH ở đó. Năm 1929 trở về Hà Nội bắt liên lạc với VNQDD và tìm gặp Lương Khánh Thiện ở Hải Phòng. Nhưng ông bị bắt kết án cấm cố chung thân để rồi *tháng 1-1930 bị đày ra Côn Đảo*. Đó là chuyến đi đày sớm nhất vì chưa có người tù Cộng sản nào ở Đảo. Sau các chiến sĩ Cộng Sản đày ra đông, ông bắt liên lạc bị những người VNQDD nghi ngờ muốn giết,

nhưng ông khéo léo, chưa có gì để họ kết tội. Ông ở tù đến tháng 9-1945 mới được chính phủ Cách mạng đón về sau 16 năm trong tù.

Ra tù ông được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Đảng Cộng Sản tỉnh Bà Rịa. Năm 1947 làm chính trị viên Quân khu 7. Năm 1949 ông ra Bắc, dự Đại hội II của Đảng, học trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cùng đồng chí Nguyễn Thọ Chân và tháng 1- 1950 dự Hội nghị cán bộ Toàn quốc trước Đại hội II. Sau Đại hội ông vào Nam phụ trách Công Đoàn Miền Tây Nam Bộ cho tới 1954 tập kết ra Bắc. Năm 1955 đến 1962 làm Đại sứ tại Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Triều Tiên rồi công tác ở Bộ Ngoại giao và hưu trí. Năm 1994, Thành phố Hồ Chí Minh và bạn bè đã làm lễ thọ 100 tuổi cho ông rất trọng thể.

LÊ DUẤN



Ông sinh năm 1907 tên thật là Lê Văn Nhuận người thôn Bích La, xã Hậu Kiên, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Năm 1926 ông tham gia Thanh niên Cách mạng Đồng Chí Hội, vào Đảng năm 1930. *Năm 1931 bị địch bắt bị kết án chung thân và bị đày ra Côn Đảo lần thứ nhất.* Năm 1939 được trả tự do cùng nhiều bạn đồng chí khác. Ra tù ông tham gia Xứ ủy Trung Kỳ. Năm 1931 tham gia Trung ương, đã cùng các ông Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu vạch ra chủ trương mới của Đảng là tập hợp mọi tầng lớp nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhưng năm 1940 lại bị bắt và lại bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Tháng 9-1945 cùng các đồng chí, ông được chính phủ cách mạng đón về và làm Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, lãnh đạo cuộc kháng chiến gian khổ của nhân dân Nam Bộ.

Đại hội II (năm 1951) của Đảng, tuy ông không dự vẫn được bầu vào Ban Chấp Hành Trung ương Đảng. Ông làm Bí thư Trung ương Cục Miền Nam.

Sau hiệp định Genève ông ở lại Miền Nam để tìm hiểu tình hình thực tế, định ra đường lối đấu tranh giải phóng Miền Nam thống nhất nước nhà và các hình thức đấu tranh đòi dân sinh dân chủ kết hợp với đấu tranh vũ trang. Năm 1967 ông giữ chức Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, kiên trì theo dõi và chỉ đạo cách mạng Miền Nam.

Ông giữ chức Tổng Bí thư Đảng cho tới khi qua đời trước khi Đại hội 6 của Đảng họp năm 1986, sau một thời gian đau ốm.

Ông là một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhà nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa Mác Lê nin và đường lối cách mạng Việt Nam, là nhà chiến lược cách mạng tài năng, luôn luôn suy nghĩ sáng tạo, là tác giả hàng chục tác phẩm về cách mạng Việt Nam.

NGUYỄN VĂN LINH



Ông người làng Mâu thuộc xã Giai Phạm, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên, sinh năm 1914 tại Hà Nội. Tên thật là Nguyễn Văn Cúc.

Hồi nhỏ ông học ở Hải Phòng, mới lớp nhất đã tham gia “Học Sinh Đoàn” rải truyền đơn. Bị bắt năm 1930 mới 16 tuổi, bị xử 18 tháng tù. Sau vụ Yên Bái, thực dân Pháp lập Hội đồng đề hình xử lại với *án phát lưu chung thân rồi đày ra Côn Đảo cuối năm 1931*. Ở Đảo ông được ở chung với các ông Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Bùi Công Trùng, Hà Huy Giáp nên ông được học tập nhiều. Các ông Nguyễn Đức Chính và Nguyễn Kim Cương dạy văn hóa và tiếng Pháp. Bùi Công Trùng và Hà Huy Giáp dạy chính trị.

Năm 1936 ông được trả tự do và được phân công hoạt động cùng ông Lương Khánh Thiện ở Hà Nội, tổ chức các đoàn thể bí mật những công nhân tích cực trong phong trào công khai.

Năm 1937 được phân công vào Sài Gòn cùng các ông Nguyễn Công Hòa và Phúc Thổ Thần lập Thành ủy Lâm thời.

Đầu năm 1938 Thành ủy Sài Gòn do bà Nguyễn Thị Minh Khai làm Bí thư, ông là Ủy viên Thường vụ.

Năm 1939 Trung ương ra cương lĩnh phản đế, ông được cử đem cương lĩnh ra Trung Kỳ và Bắc Kỳ phổ biến. Lúc này Mặt trận nhân dân Pháp đã đổ, chính quyền Pháp phát xít hóa, nhiều cơ sở đã bị phá vỡ nên hành trình của ông rất nguy hiểm vì tới đâu cơ quan cũng đều bị bắt cả. Khi ông ra đi, ở Sài Gòn các ông Nguyễn Văn Cừ và Lê Duẩn đều đã bị bắt và sau đó Trung ương Lâm thời thành lập ở Bắc Kỳ với Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Sau khi gặp Xứ ủy Bắc Kỳ, ông trở lại Trung Kỳ gặp các ông Hồ Xuân Lưu (Trần Quốc Thảo) và Bùi San lập lại Xứ ủy Trung Kỳ, vừa lúc ấy một phong trào học sinh ở Vinh nổ ra và có vụ khởi nghĩa Đô Lương và sau đó là Nam Kỳ khởi nghĩa. Ông Phan Đăng Lưu ở Bắc vào cũng bị bắt, ông Tạ Uyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ cũng bị bắt và bị tra tấn tới chết.

Đầu năm 1941 ông bị bắt lại ở Vinh, chúng giải vào Sài Gòn. Ở đó ông đã bị một cán bộ khai ông có chân trong Thành ủy, chúng xử án và lại *đày ông ra Côn Đảo lần thứ hai*.

Tháng 9-1945 ông được chính phủ đón về và được phân công hoạt động ở Miền Tây Nam Bộ. Địch lấn chiếm khắp nơi, ta thiếu vũ khí đạn dược, ông đi Miền Đông

gặp Khu trưởng Nguyễn Bình để tìm thêm súng đạn và cán bộ nhưng lực lượng Miền Đông lúc đầu cũng không đáng kể. Sau đó ông liên lạc với Thành uỷ Sài Gòn Chợ Lớn, các đồng chí Nguyễn Thọ Chân và Trịnh Đình Trọng mời ông ở lại và Thành uỷ cử ông làm Bí thư.

Năm 1954 sau hiệp định Genève ông ở lại Nam Bộ. Đại hội III 1960 ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Ở Miền Nam ông giữ nhiệm vụ Phó bí thư Trung ương Cục Miền, và nhiều lần làm Bí thư Thành uỷ Sài Gòn Chợ Lớn.

Năm 1975 sau giải phóng, ông là ủy viên Bộ Chính Trị, Bí thư Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1977 Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam.

Đại hội VI ông được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Đại hội VII, Ban Chấp hành Trung ương mời ông làm cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương.

LÊ ĐỨC THỌ (1911-1990)



Người thôn Dịch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực nay là Nam Ninh, tỉnh Nam Định. Tên thật của ông là Phan Đình Khải. Năm 1929 ông tham gia VNTNCMĐCH rồi vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Cũng năm đó ông bị bắt, án 10 năm, *đày ra Côn Đảo năm 1931*. Ở đảo ông làm y tá được đi phát thuốc cho các khám nên liên lạc được với các trại giam truyền đạt tin tức và chủ trương của lãnh đạo trên Đảo, chuyển cá ở Sở Lưới gửi cho các đồng chí bị cấm cố.

Năm 1936 ông cùng nhiều đồng chí được trả tự do. Ông đại diện cho các báo công khai của Đảng ở thành phố Nam Định, tham gia Tỉnh uỷ Nam Định.

Năm 1939 ông bị bắt lại, đày đi Sơn La, rồi Hòa Bình, cho tới năm 1945 tham gia Tổng khởi nghĩa.

Năm 1946 ông được chỉ định tham gia Ban chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1949 ông được phái vào công tác ở Nam Bộ, lập Trung ương Cục miền Nam mà ông làm Phó Bí thư (Bí thư là đồng chí Lê Duẩn).

Năm 1954 ông ra Bắc phụ trách Tổ chức và là ủy viên Bộ Chính trị trong nhiều năm, cho đến Đại hội VI của Đảng ông phụ trách Ban Thống nhất Trung ương.

Trong thời gian đàm phán với Mỹ ở Paris, ông được cử làm cố vấn cho Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do ông Xuân Thủy làm trưởng đoàn. Sau khi hiệp định Paris được ký kết, ông cùng với Henri Kissinger trưởng đoàn Mỹ được Hội đồng hoàng gia Thụy Điển trao giải Nobel Hoà bình nhưng ông đã từ chối không nhận giải thưởng ấy.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Từ Đại hội VI của Đảng, ông được mời làm cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng.

UNG VĂN KHIÊM (1910-1991)

Ông là người làng Tấn Đức nay là xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên nay là An Giang. Xuất thân một gia đình nông dân yêu nước, do tham gia hoạt động yêu nước nên bị đuổi học rồi được ông Châu Văn Liêm, một thầy giáo tiểu học, giác ngộ và dìu dắt, tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội.

Năm 1928 được tổ chức đưa sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức, có các giảng viên Nga, Trung Quốc, Pháp tham gia giảng dạy. Về nước ông được chỉ định làm Bí thư Đặc ủy Hậu Giang. Khi hợp nhất 3 tổ chức Cộng sản, ông tham gia Xứ ủy Nam Kỳ. Cuối năm 1930, Bí thư Xứ ủy là Ngô Gia Tự bị bắt, ông được cử thay thế.

Năm 1931, ông bị bắt, bị xử án 5 năm cấm cố và bị đày ra Côn Đảo. Năm 1935 mãn án ông về Chợ Mới hoạt động trong Ủy ban Hành động của Đông Dương Đại hội do sáng kiến của Nguyễn An Ninh và chủ trương của Nguyễn Văn Cừ, tổ chức nhiều cuộc mít tinh cả lương và giáo đòi tự do dân chủ.

Kháng chiến chống Pháp, ông là ủy viên của Ban kháng chiến Hành chính Nam Bộ.

Tại Đại hội lần thứ III ông vẫn được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Sau đó làm bộ trưởng Bộ Ngoại giao rồi Bộ trưởng Bộ Nội vụ, nhưng chưa nhận chức Bộ Nội vụ.

Ông được Nhà nước Liên Xô tặng Huân chương Hữu nghị Lê nin và Nhà nước ta tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

Ông bị tai biến tim mạch và ốm lâu năm, qua đời tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 81 tuổi.

VŨ VĂN HIẾU (1907-1940)

Ông từng là học sinh năm thứ ba trường Thành Chung Hải Phòng, người xã Quần Phương Thượng nay là xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Ông tham gia các phong trào học sinh năm 1926-1927, nên bị đuổi học phải đi làm ở trường Kỹ Nghệ. Có lần ông kéo quần chúng lên Hà Nội tham gia biểu tình đòi thả Phan Bội Châu nên bị đuổi việc. Các năm 1928, 1929 ông đi làm thợ mỏ, đồng thời dạy con em công nhân

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

học, gia nhập VNTNCMĐCH, rồi được kết nạp vào Đông Dương Cộng Sản Đảng, làm Bí thư chi bộ mỏ Hà Tu. Năm 1930 là ủy viên Ban Cán sự rồi Bí thư Đảng uỷ Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông, Bí thư Đặc uỷ Khu mỏ. Đầu năm 1931 bị tên Bùi Huy Thoại làm phản báo bắt, ra tòa đề hình bị kết án khổ sai chung thân và bị đày ra Côn Đảo.

Năm 1936 ông được trả tự do, hoạt động rất tích cực trong phong trào thợ thuyền, kiên quyết đấu tranh với khẩu hiệu cực tả của các phần tử Tờ-rốt-kit.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 6 ông được cử vào hoạt động ở Sài Gòn, nhưng tháng 1-1940 bị bắt và đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Cuộc đời chiến đấu hết sức gian khổ, thiếu thốn và chế độ lao tù đã làm ông bị lao phổi và hy sinh ở Côn Đảo.

Trước khi mất, ông cởi áo trao lại cho đồng chí Lê Duẩn. Hành động này đã được ghi lại qua tượng đài *Trao Áo* ở nghĩa trang Hàng Dương ngày nay.

TRẦN TỬ BÌNH

Người Hà Nam, là một chiến sĩ kỳ cựu của Đảng Cộng sản Việt Nam và phong trào công nhân, tham gia VNTNCMĐCH rồi gia nhập Đảng Cộng Sản, làm phụ ở đồn điền cao su Phú Riềng để gây cơ sở và đấu tranh, lãnh đạo cuộc bãi công đầu tiên ở đồn điền: *ông bị bắt năm 1931 đày đi Côn Đảo*. Năm 1936 được trả tự do, về làm Bí thư Tỉnh uỷ Hà Nam, ủy viên Xứ uỷ Bắc Kỳ. Sau năm 1945 tham gia quân đội là một sĩ quan đầu tiên được phong thiếu tướng. Đã từng làm Tổng Thanh tra quân đội. Năm 1960 tại Đại hội III của Đảng ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương rồi làm Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc. Bị bệnh mất tại Hà Nội.

TRẦN BẢO

Công nhân nhà máy dệt Nam Định. Tham gia VNTNCMĐCH rồi gia nhập Đảng Cộng Sản. Là Thành uỷ viên Hà Nội bị bắt *năm 1930 đày đi Côn Đảo* từ 1931-1936. Sau này ông là Phó chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam. Đã qua đời tại Hà Nội.

NGUYỄN VIỆT LỤC (1907-1935)

Người Yên Trường, huyện Hưng Nguyên nay là Khu phố 5 thành phố Vinh, Nghệ An, nơi có nhiều cuộc nổi dậy đấu tranh chống Pháp. Tham gia các phong trào năm 1926-1927 của công nhân Bến Thủy rồi được kết nạp vào Tân Việt Cách mạng Đảng,

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

lập cơ sở liên lạc của Tổng Bộ ở Vinh (1929). Tháng 2-1930 tham gia cuộc họp lập Đông Dương Cộng Sản Liên đoàn. Khi về các đại biểu bị vây bắt, để giải thoát cho đồng chí, ông đã bán chết tên lính rồi trốn ra Hà Nội, đi ra Hòn Gai lao động và được chuyển vào Đảng Cộng Sản Việt Nam, làm ủy viên Đặc Khu ủy Hòn Gai, sau làm Bí thư. Năm 1931 bị bắt, tra tấn dã man không chịu khai cơ sở nhưng kiên quyết nhận mình là đảng viên Cộng Sản và nói “Đó là lẽ sống của người nghèo khổ”. Ngày 13-5-1931 ông cùng 40 đồng chí khác bị xử ở Hội đồng Đề hình và bị kết án phát lưu chung thân. Tháng 7-1931 ông bị đày ra Côn Đảo, vào Ban Lãnh đạo tù Côn Đảo.

Tháng 1-1935 do sự khai báo của Cao và Nhuệ, địch biết vụ giết lính năm xưa ở bến đò Trại do ông là thủ phạm nên giải ông từ Côn Đảo về Hà Tĩnh. Biết mình sẽ chết ông gấp rút tổng kết và phổ biến kinh nghiệm cho các bạn cùng bị giam ở Côn Đảo. Trước khi chết ông cắn tay lấy máu viết lên tường kêu gọi những người lao khổ nổi dậy chống áp bức, đập đổ chế độ thực dân đế quốc và phong kiến giành độc lập và ruộng đất, kêu gọi đoàn kết với vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đánh đổ đế quốc, phong kiến. Ông bị bắn lúc 15 giờ ngày 16-6-1935 tại nhà lao Vinh.

TRẦN ĐỨC THỊNH tức Trần Đức Quảng, tức Lý Quảng (1900-1970)

Người xã Vũ Lăng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Ông tham gia VNT-NCMĐCH năm 1926. Năm 1931 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1931 bị bắt, án 20 năm tù đày đi Côn Đảo. Năm 1936 ông được trả tự do. Ra tù ông cùng ông Nguyễn Văn Vực xây dựng lại Đảng và phong trào tỉnh Thái Bình, được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Năm 1939 lại bị bắt kết án 3 năm và đày đi Sơn La. Năm 1942 ra hoạt động vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương và đến 1944 cùng nhiều đồng chí xây dựng chiến khu Đông Triều kháng Nhật. Tháng 8-1945 ông dự Đại hội Quốc dân Tân Trào và được cử làm ủy viên thường trực Tổng bộ Việt Minh. Kháng chiến toàn quốc nổ ra (12-1946) ông là ủy viên Ban Nông thôn Trung ương. Từ 1955 là Phó trưởng Ban Công tác Nông thôn. Sau đó là thư ký Ủy ban Trung ương Đảng.

NGUYỄN MẠNH HỒNG

Người Thái Bình, là công nhân đồn điền cao su Phú Riềng, đã cùng Trần Tử Bình lãnh đạo đấu tranh nên bị bắt năm 1929 và bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936 ra tù bị trục xuất về nguyên quán. Trong kháng chiến chống Pháp và sau 1954 ông có công xây dựng Hội Nông dân Cứu quốc và đã làm Hội trưởng của đoàn thể này.

NGUYỄN VĂN CỪ



Người làng Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ông sinh ngày 9-7-1912.

Hồi nhỏ ông học rất xuất sắc ở trường Bưởi. Năm 1927 mới 15 tuổi ông đã tham gia Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và là bạn cùng trường của Ngô Gia Tự. Năm 1929 ông được kết nạp vào Đông Dương Cộng Sản Đảng. Theo chủ trương của đoàn thể, ông đi làm thợ ở mỏ Vàng Danh để thâm nhập, tìm hiểu và giác ngộ công nhân. Sau đó lại lao động ở mỏ Mạo Khê. Sau khi thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương (3-2-1930) ông làm Bí thư Đặc Khu Ủy Hòn Gai, rồi bị bắt và bị kết án khổ sai chung thân. Ông bị đày ra Côn Đảo đầu năm

1932. Ở Đảo ông cùng các ông Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng hướng dẫn cho anh em học tập văn hóa và lý luận.

Năm 1936 Mặt trận Bình dân Pháp thắng cử và thành lập chính phủ nhân dân, ông cùng nhiều bạn đồng chí được trả tự do. Năm 1937, ông được cử vào Ban chấp hành Trung ương Đảng và là Ủy viên thường vụ. Năm 1938, ông được bầu làm Tổng Bí thư Đảng rồi bị địch trục xuất ra Bắc. Nguyễn Văn Cừ là Tổng Bí thư đầu tiên và là cựu chính trị phạm chưa từng ra nước ngoài. Năm 1939 ông lại vào Sài Gòn họp Trung ương lần thứ 6, chủ trương tập hợp toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhưng ngày 18-1-1940 ông bị bắt trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Chúng giam không xét xử. Sau khởi nghĩa, thực dân ghép ông tội “chịu trách nhiệm tinh thần” và kết án tử hình và bị bắn cùng với các đồng chí Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Minh Khai.

LÊ THANH NGHỊ



Tên thật Nguyễn Văn Xúng; người Hải Dương, sinh năm 1913. Mới lớn lên ông đã được VNTNCMĐCH kết nạp và đưa đi vô sản hóa ở Ưông Bí, rồi được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930, nhưng cũng năm đó ông bị bắt khi chưa đủ 17 tuổi. Năm 1932 ông bị đày ra Côn Đảo. Ở tù, được các đồng chí lớn tuổi giúp đỡ, ông tích cực học tập văn hóa, chính trị và tham gia công tác, có khi được phân công cùng ông Nguyễn Văn Linh làm bếp cho tập thể.

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

Năm 1936 ông được trả tự do, trở về hoạt động xây dựng cơ sở quần chúng và được Đảng rất tin cậy.

Năm 1939 ông bị bắt lại, đày đi Sơn La cho đến 1945 thoát khỏi nhà tù, tiếp tục hoạt động.

Trong kháng chiến chống Pháp, ông làm Bí thư Liên Khu ủy III, năm 1949 làm chánh văn phòng Trung ương Đảng. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng, ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương (1951), ít năm sau vào Bộ chính trị.

Năm 1954 về Hà Nội nhận nhiệm vụ Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng, ủy viên Bộ Chính trị.

Tại Đại hội III năm 1960 ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương, ủy viên Bộ chính trị, phó thủ tướng chính phủ, phụ trách kế hoạch, lưu thông phân phối và công nghiệp.

Ông qua đời trước Đại hội VI của Đảng.

Ông đã được thưởng Huân chương Sao vàng.

TƯỚNG DÂN BẢO

Sinh năm 1905 người Nam Hà. Ông là một nhân vật trọng yếu của VNQDD nhưng từ trước đã có quan hệ với VNTNCMĐCH. Ông bị bắt năm 1932 rồi bị đày ra Côn Đảo năm đó. Ra Đảo ông quan hệ với những người Cộng sản và ngả hẳn về chủ nghĩa cộng sản nên bị Nhượng Tống, Đoàn Kiếm Điểm kết tội và giao Đội Lãng giết ông, nhưng chữa chạy kịp thời, còn Đội Lãng vì lo sợ tự vẫn chết.

Năm 1936 được trả tự do. Tháng 9-1945 ông thay mặt chính phủ Cách mạng đem một đội tàu thuyền ra Côn Đảo đón tất cả tù chính trị về. Kháng chiến chống Pháp ông làm Chủ tịch Ủy Ban kháng chiến Hành chính tỉnh Châu Đốc nhưng năm 1946 ông bị bắt và qua đời vì bệnh lao tái phát.

NGUYỄN VĂN NGUYỄN

Người làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, Mỹ Tho. Sinh ngày 15-2-1910, học trường Chasseloup Laubnt Sài Gòn. 1927 vào TNCMĐCH và năm 1930 gia nhập Đảng Cộng sản. Cuối năm đó bị bắt và đày ra Côn Đảo từ 1932 đến 1934.

1934-1937 là cộng tác viên của báo Mai và báo La Lutte (Tranh đấu) khi còn hợp tác với nhóm Tờ rôt kit. Sau đó ông viết báo l'Avant garde (Tiền Phong), báo Dân quyền của một người Pháp tiến bộ. Cuối năm 1937 ông bị bắt lại và xử 2 năm tù. Đầu năm 1940 lại bị bắt và bị đày ra Côn Đảo đến cuối 1944 đưa đi quản thúc ở Gò Công. Ngày 9-3-1945 ông trốn về Sài Gòn, được cử vào xứ ủy Nam Bộ, chủ tịch Việt Minh, tham gia cướp chính quyền ở Nam bộ.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Kháng chiến chống Pháp, ông là ủy viên Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam bộ, phụ trách tuyên truyền của Xứ ủy Đảng Cộng sản.

Năm 1953 trên đường ra Bắc, bị bắt ở Bình Định ngày 25-3.

Ông được Hồ chủ tịch ký lệnh truy tặng Huân chương Độc lập hạng nhất.

NGÔ GIA TỰ



Ông người Bắc Ninh, còn có tên là Sĩ Quyết. Sinh tháng 12-1908. Hồi nhỏ học trường trung học Bưởi, là một học sinh xuất sắc mà các giáo sư Pháp phải thừa nhận là một người rất thông minh và có tài. Ngay từ khi ấy ông đã nghe kể về Nguyễn Ái Quốc và những hoạt động cách mạng sôi nổi của Người.

Ông tham gia phong trào bãi khóa đòi chính quyền thực dân trả tự do cho Phan Bội Châu nên bị đuổi học, liền về quê mở lớp dạy học để tập hợp thanh niên yêu nước như Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh.

Năm 1927 ông gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, chịu khó lao động đồng áng để gặt gủi dân cày và được mọi người mến phục.

Cũng năm đó đoàn thể gửi ông sang Quảng Châu, Trung Quốc học lớp do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và dạy. Khi trở về ông được chỉ định vào tỉnh bộ Bắc Ninh gây được cơ sở ở nhiều huyện và cả trong trại lính. Ông là một trong những nhân vật đầu tiên thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 17/6/1929, sau khi họp nhất Đảng năm 1930, ông được bầu vào Trung ương, làm Bí thư cấp ủy lâm thời Nam kỳ. Bị bắt ngày 1/6/1930, bị 2 án chung thân, đày ra Côn Đảo và trốn tháng 1-1935 nhưng bị mất tích.

LÊ QUANG SUNG

Tức Hoàng có vợ là Sáu Điếc ở tù cùng thời đó ở khám lớn, người Quảng Nam, Bí thư đầu tiên của Đảng bộ Chợ Lớn, cùng bị xử với Ngô Gia Tự án tử hình giảm chung thân, cùng ra Đảo với Phạm Hùng, Lê Văn Lương.

LÊU THỌ NAM

Sinh ngày 17-7-1909 người xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Tây. Bị bắt ngày 9-8-1930 kết án 10 năm khổ sai, 10 năm quản thúc rồi bị đày ra Côn Đảo. Ông nguyên là họ Mạc, hậu duệ của Mạc Đăng Dung. Đến nhà Mạc thất bại, con cháu đổi sang họ khác.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

TÔ CHẤN

Người Hải Hưng, là một yếu nhân của Việt Nam Quốc dân Đảng, bị bắt sau vụ bạo động Yên Bái, kết án khổ sai chung thân rồi đày đi Côn Đảo năm 1930. Ra Đảo gặp các đảng viên Cộng sản, ông tán thành đường lối của Đảng Cộng sản. Ông có một loạt anh em và cháu đều là những cán bộ trung kiên của Đảng Cộng sản như Tô Hiệu, Tô Gi (Lê Giản), Tô Diển (Tô Quang Đầu), Tô Duy. Ca sĩ Tô Lan Phương là cháu ông.

NGUYỄN HỐI



Sinh năm 1909 tại Hải Phòng. Người gốc Hải Dương. Ông học đến năm thứ ba Cao đẳng Tiểu học, rất thông minh. Ông sớm yêu nước, tham gia bãi khóa truy điệu Phan Chu Trinh và đòi thả Phan Bội Châu. Mẹ ông cũng là một nhà yêu nước, giúp đỡ các đồng chí của con hoạt động cách mạng và đích thân vận động chị em chợ Sắt bãi thị đòi giảm thuế. Năm 1927 ông được kết nạp vào TNCMĐCH. Sau khi thống nhất Đảng ngày 3-2-1930 ông được cử vào Trung ương lâm thời và là ủy viên Thường vụ, kiêm Bí thư Nam Định, đã lãnh đạo cuộc bãi công của 4000 công nhân nhà máy sợi. Nhưng ngày 6-5-1930 ông bị bắt ở Nam Định, bị kết án 20 năm khổ sai và ngay năm ấy bị đày ra Côn Đảo. Năm 1932 là Bí thư Đảng bộ Côn Đảo. Ông cùng hy sinh với Ngô Gia Tự khi vượt biển.

(Những người trên đây cùng mất tích trong chuyến vượt ngục với Ngô Gia Tự tháng 1-1935).

NGUYỄN CHÍ ĐIỀU Tự là Trọng

Người Thừa Thiên, sinh năm 1911, được đi học đến năm thứ 4 Cao đẳng Tiểu học ở Huế. Năm 1926 tham gia Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, vì bãi khóa để tang Phan Chu Trinh nên bị đuổi học. Khi thôi học ông dạy học và viết báo. Ông gia nhập An Nam Cộng Sản Đảng và được phân công vào Sài Gòn phụ trách 2 tỉnh Gia Định và Chợ Lớn. Năm 1930 ông bị bắt bị giam ở khám lớn mãi đến tháng 5-1933 chúng mới đưa ông ra Tòa Đề Hình xử vụ án khống lờ “Vụ Đảng Cộng Sản Đông Dương” cùng với Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Bùi Công Trùng, với án chung thân. Ông bị đày ra Côn Đảo tháng 12-1933. Ở tù, ông là người tích cực tham gia học tập, tranh đấu, thường xuyên viết bài tranh luận trên tờ Nội san “Ý kiến chung” đấu tranh quyết liệt chống những luận điểm cơ hội. Về “vụ án Đảng Cộng Sản Đông Dương” (1933),

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

báo chí Công Khai Sài Gòn hồi đó nêu ông là một thanh niên trí thức, lanh lẹ, nói tiếng Pháp rất giỏi.

Năm 1936 ông được tự do, được tham gia Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư xứ ủy Trung Kỳ. Ông mất năm 1939 do bệnh lao.

LÊ VĂN LƯƠNG



Người xã Xuân Cầu - Văn Lâm - Hưng Yên, tên thật là Nguyễn Công Miều (em ruột nhà văn Nguyễn Công Hoan), sinh năm 1911. Ông học đến tú tài trường Trung học Bưởi Hà Nội. Giác ngộ rất sớm cùng với Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, tham gia bãi khóa để tang Phan Chu Trinh, gia nhập TNCMĐCH rồi vào Đảng Cộng sản, được cử vào Sài Gòn lao động để gây cơ sở ở Nhà Bè. Ở đó trong cuộc biểu tình ngày 1-5-1930 của công nhân xảy ra vụ giết một tên lính đàn áp quần chúng, ông bị bắt giam ở xà lim khám lớn cho tới ngày 2-5-1933 chúng mới đưa ra xử cùng 120 người gọi là “vụ án Đảng Cộng sản Đông Dương”. Ông bị kết án tử hình cùng 7 đồng chí khác. Do nhân dân Pháp đấu tranh mạnh đòi bỏ án tử hình và

trả tự do cho tù chính trị ở Đông Dương, ông được giảm xuống chung thân và đày ra Côn Đảo cho tới tháng 9-1945.

Sau năm 1954 ông giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ để giúp cụ Bộ trưởng Phan Kế Toại.

Trước 1956 ông đã từng làm nhiệm vụ Trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng. Các Đại hội 3, 4, 5 đều bầu ông vào Ban Chấp hành Trung ương và từ khóa 5 ông được phân công bí thư Thành Ủy Hà Nội.

Ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng và mất tại Hà Nội tháng 3-1995.

HÀ HUY GIÁP



Ông người xã Thịnh Văn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, sinh ngày 4-4-1906 trong một gia đình nhà nho nghèo, yêu nước. Ông học giỏi nên được cấp học bổng học hết tú tài trường Trung học Bưởi. Năm 1926 ông tham dự bãi khóa để tang Phan Chu Trinh, tham gia Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội và năm 1929 tham gia Đảng Cộng sản Việt Nam sau là Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1930 ông được cử làm Bí thư Đặc khu ủy Hậu Giang kiêm Thường vụ Xứ ủy Nam

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

kỳ. Năm 1931 ông bị bắt, giam mãi tới ngày 2-5-1933 thực dân mới đưa ông ra xử trong “vụ án Đảng Cộng sản Đông Dương” với mức án khổ sai chung thân. Sau khi xử liền bị đày ra Côn Đảo đêm 14-5-1933 cùng với Ngô Gia Tự, Lê Thọ Nam.

Năm 1936 ông được tha nhưng kẻ thù đưa ông đi trại tập trung ở Tà Kê.

Trong kháng chiến chống Pháp, ông là Xứ ủy và được Đại hội II (1951) bầu vào BCH Trung ương Đảng.

Từ năm 1960 đến 1976 là Bí thư Đảng đoàn Bộ Văn hóa kiêm thứ trưởng, Bí thư Đảng đoàn Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Phó ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương. Từ 1970 ông phụ trách xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh rồi làm Viện trưởng Viện Bảo tàng đó cho đến 1987 nghỉ hưu.

Ông được Nhà nước tặng thưởng huân chương Sao Vàng và qua đời năm 1995 ở TP. Hồ Chí Minh.

BÙI CÔNG TRÙNG

Ông sinh năm 1905 tại Thừa Thiên - Huế. Hoạt động cách mạng từ 1924, tham gia các phong trào cách mạng thời kỳ những năm 1925-1926. Sau đó ông được tổ chức cử đi dự đại hội “Phản đế Đồng minh” ở Bỉ năm 1927 rồi sang Liên Xô học khóa II trường Phương Đông (Đại học Staline) trong 3 năm 1927-1929 cùng khóa với Nguyễn Thế Rục, Trần Phú, Bùi Lâm, Nguyễn Khánh Toàn, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh (em Trần Phú), Dương Bạch Mai, Trần Đình Long, Bùi Ái, Nguyễn Văn Trán (Bảy Trán, Chợ Lớn), Ngô Đức Trì. Năm 1930 về nước hoạt động trong Đảng Cộng Sản Đông Dương rồi bị bắt và đày ra Côn Đảo. Trong tù ông là một giảng viên xuất sắc về chính trị thường được anh em tù tôn là “Giáo sư Đỏ”. Với lý lẽ vững vàng, ông thuyết phục được một số đảng viên VNQDD ngã theo chủ nghĩa Cộng Sản.

Năm 1938 mãn hạn tù, ông hoạt động và viết báo, nổi tiếng về bút chiến.

Thời kháng chiến chống Pháp ông làm Thứ trưởng Bộ Kinh tế. Sau năm 1954 là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Ông mất tại Hà Nội.

HOÀNG HỮU NAM

Tên thật là Phan Bôi (1911-1947), người xã Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông là một trí thức cách mạng, tham gia phong trào truy điệu Phan Chu Trinh và đòi tha Phan Bội Châu. Năm 1928 ông gia nhập An Nam Cộng Sản Đảng, được phân công hoạt động ở Sài Gòn và gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Trong một cuộc diễn thuyết ở Sài Gòn, ông là diễn giả, bị cảnh sát vây bắt, Lý Tự Trọng liền bắn chết

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

tên cò Legrand để giải thoát cho ông và Lý Tự Trọng bị bắt, kết án tử hình.

Năm 1930 ông bị bắt, mãi đến *tháng 5-1933* tòa án thực dân mới đưa ra xử trong “vụ án Đảng Cộng Sản Đông Dương”, bị kết án 20 năm khổ sai đày ra Côn Đảo.

Năm 1936 được trả tự do, ông ra Hà Nội làm báo. Năm 1939 ông bị bắt lại và đưa đi trại tập trung ở Bắc Mê rồi đày đi Madagascar cho tới 1943 được Đồng minh đưa sang Ấn Độ để 1944 thả dù xuống Việt Bắc chống Nhật, nhưng ông đã liên lạc được với Đảng và nhận công tác. Sau cách mạng tháng 8-1945 ông làm chánh văn phòng chủ tịch nước, trưởng Ban liên kiểm Việt Pháp rồi thứ trưởng Bộ Nội vụ khi toàn quốc kháng chiến. Ngày 23-4-1947 trong một cơn lũ đột ngột ở Sông Lô Tuyên Quang, ông bị nước cuốn trôi. Con trai ông là giáo sư tiến sĩ Phan Quốc Khánh chủ nhiệm khoa Toán và tin học Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa 1994-1999.

BÙI LÂM

Sinh năm 1896, người làng Gia Hòa, huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định, lớn lên làm nghề thủy thủ viễn dương. Ở Pháp ông đã góp sức với Nguyễn Ái Quốc ra tờ Le Paria (Người Cùng Khổ) và liên lạc về nước. Từ năm 1927 ông được cử sang Liên Xô học trường Phương Đông đến năm 1929. Sau đó ông về nước tham gia TNCMĐCH và gia nhập Đảng Cộng Sản, nhưng năm 1930 bị bắt và mãi tới *tháng 5-1933* mới bị xử trong “vụ án Đảng Cộng Sản Đông Dương” với án khổ sai chung thân, lập tức bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936 ông được trả tự do, hoạt động rất tích cực trong công nhân. Năm 1939 ông bị bắt lại và đày đi Sơn La cho tới năm 1945. Kháng chiến chống Pháp ông làm Chánh án Tòa án quân sự quân khu III. Sau 1954 ông giữ chức Phó viện trưởng viện Kiểm sát Tối cao và Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Đức.

ĐỖ NGỌC DU

Tức Phiếm Chu. Ông quê xã Tả Thanh Oai, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Sinh ngày 20-12-1907 tại thị xã Hải Dương.

Năm 1922 khi học ở trường Trung học Bưởi ông gặp các bạn Ngô Gia Tự, Trịnh Đình Cửu, bí mật đọc các báo “Người cùng Khổ” (Le Paria) và “Nhân Đạo” (Humanité) từ Pháp đưa về. Ông cùng các bạn phản đối hiệu trưởng người Pháp khinh miệt người “bản xứ”. Năm 1926 ông tham gia để tang Phan Chu Trinh và bãi khóa, bị tình nghi là người cầm đầu nên bị đuổi học.

Tháng 10-1926 ông được giới thiệu sang Quảng Châu học, được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội và “Cộng Sản đoàn”. Học xong, năm 1934 về nước hoạt động ở Hải Phòng.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Tháng 3-1934 cùng Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Cung... thành lập chi bộ Cộng Sản đầu tiên ở Việt Nam tại nhà 5D Hàm Long Hà Nội. Và ngày 17-6-1927 Đông Dương Cộng Sản Đảng ra đời, ông được cử vào Ban Chấp hành trung ương lâm thời, trực tiếp làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ và Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Năm 1930 Trung ương cử ông sang Trung Quốc làm việc với ông Nguyễn Lương Bằng tức Sao Đỏ dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Giang Tô Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Nhưng tháng 5 và tháng 6-1931 hai ông đều lần lượt bị bắt ở Thượng Hải, bị giải về nước. Tòa án Hải Dương kết án chung thân và đày Phiếm Chu lên Sơn La rồi *tháng 12-1933 đày ông ra Côn Đảo*.

Năm 1936 ông được trả tự do. Nhưng cuộc đời đấu tranh vô cùng gian khổ và chế độ tàn bạo của các nhà tù đã làm ông bị lao phổi và mất ngày 12-1-1938 ở Hà Nội.

NGUYỄN DUY TRINH



Ông người Diễn Châu - Nghệ An, sinh năm 1912, gia nhập Tân Việt và năm 1930 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931 ông bị bắt, sau khi kết án, bị giam ở Buôn Ma Thuật. Năm 1933 ông bị đày ra Côn Đảo, tới năm 1936 ông được trả tự do và sau đó đã từng làm Chủ tịch Ủy ban hành chính Trung bộ, Bí thư Liên khu ủy Khu 5. Từ Đại hội 2 đến Đại hội 5, ông được bầu vào BCH TƯ Đảng, ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ trưởng, Bộ trưởng ngoại giao.

Năm 1973 ông đã thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký hiệp định quốc tế về Việt Nam để Mỹ rút quân và khi nước nhà thống nhất, được kết nạp vào Liên Hiệp quốc. Ông dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam đầu tiên tham dự Đại hội đồng Liên hiệp quốc và kéo lá cờ Việt Nam tại Trụ sở Liên hiệp quốc.

Ông được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng.

Ông mất tại Hà Nội do bệnh suy tim.

NGUYỄN HỮU TIẾN

Tức Giáo Hoài (3/3/1901-18/1/1941)

Ông người làng Lũng Xuyên, xã Tiên Thắng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Năm 1927 ông gia nhập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Năm 1929 ông gia nhập Đông Dương Cộng Sản Đảng.

Ngày 22-5-1931 do tên Nghiêm Thương Biền làm phản, ông và một số đồng chí

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

bị bắt, tra tấn gãy cả chân (nên sau gọi là Tiến què), bị tòa án Hà Nam kết án tử hình sau giảm xuống chung thân. Ngày 15-2-1933 ông bị đày ra Côn Đảo cùng với Lê Duẩn, Trần Quang Tạng, Nguyễn Văn Phúc.

Ra Đảo ông được cử vào Ban lãnh đạo Đảng bộ nhà tù. Ông vượt ngục về đất liền ngày 30-4-1935 vào miền Tây Nam bộ cùng Tạ Uyên, Tống Văn Trân...

Ngày 30-7-1940 ông bị bắt cùng Nguyễn Thị Minh Khai và ngày 17-5-1941 bị tòa án thực dân xử “chịu trách nhiệm tinh thần” cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ.

Ông bị xử bắn tại Hóc Môn cùng Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu và Nguyễn Thị Minh Khai ngày 28-8-1941.

NGUYỄN VĂN PHÚC

Bí danh Nam Hồng (1903-1945), người xã Hào Kiệt, huyện Vụ Bản - Nam Định. Năm 1927 gia nhập VNTNCMĐCH và năm 1930 được kết nạp vào Đảng Cộng Sản, từng phụ trách nhiều công tác quan trọng, Bí thư tỉnh ủy Thái Bình, sau lại hoạt động ở Hà Nội.

Tháng 3-1931 ông bị tên Nghiêm Thượng Biền làm phản chỉ bắt ở Hà Nội. Giặc xử 20 năm khổ sai và 20 năm quản thúc, *đày đi Sơn La rồi Côn Đảo*. Năm 1936 ông được trả tự do. Tháng 9-1939 ông lại bị bắt, kết án 3 năm tù, đày đi Sơn La. Mãn hạn lại bị đưa đi trại tập trung Bá Vân rồi Nghĩa Lộ mặc dầu thời đó ông chỉ làm quản lý và phát hành báo chí công khai cho Đảng.

Tháng 3-1945 Nhật đảo chính Pháp, ông lợi dụng cơ hội trốn khỏi trại tập trung Nghĩa Lộ đến Yên Bái lãnh đạo cướp chính quyền ở đó và làm chủ tịch tỉnh. Tỉnh này cũng là một căn cứ của Việt Nam quốc dân Đảng. Tháng 11-1945 ông bị bọn quốc dân Đảng bắt, đưa ra đường xe lửa giết chết với sự ủng hộ của bọn sĩ quan Tưởng Giới Thạch.

VÕ PHONG

Sinh năm 1908, người xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Năm 1927 tham gia TNCMĐCH rồi năm 1929 kết nạp vào Đảng Cộng Sản. Năm 1930 khi Ngô Gia Tự là Bí thư cấp ủy lâm thời Đảng bộ Nam Kỳ kiêm Bí thư Thành ủy Sài Gòn thì Võ Phong là Thành ủy viên. Năm 1931 ông bị bắt và bị đưa ra xử trong “vụ án Đảng Cộng Sản Đông Dương” *đầu tháng 5-1933, bị kết án cấm cố chung thân và bị đày ra Côn Đảo*.

Năm 1936 các đồng chí khác được về nhưng ông và các ông Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Trần Xuân Độ v.v... bị giữ lại cho mãi tới cách mạng tháng 8-1945 thành công mới được giải phóng.

VÕ THỨC ĐỒNG



Người Nghệ An, hoạt động ở Trung Kỳ, bị bắt quăng năm 1933 bị giam ở Lao Bảo, sau bị đày ra Côn Đảo đến 1945 được giải phóng. Trong kháng chiến chống Pháp ông là khu ủy viên Liên Khu 4. Sau năm 1954 Bí thư tỉnh ủy Nghệ An. Năm 1960 tại Đại hội III của Đảng được bầu vào Ban chấp hành Trung ương. Năm 1972 làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Liên Xô; đến 1974, về làm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Ông đã nghỉ hưu tại Hà Nội.

PHẠM HÙNG



Người xã Long Hồ, huyện Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long.

Tên thật là Phạm Văn Thiện. Sinh ngày 11-6-1912. Từ năm 1928 khi đang học ở trường Cao đẳng Tiểu học Mỹ Tho đã tham gia phong trào học sinh, lập “Nam kỳ học sinh Liên hiệp hội”. Ông cũng là một chiến sĩ trung kiên của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội và được giao lập “Thanh niên Cộng sản Đoàn” trong VNTNCMĐCH. Năm 1930 ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương, tham gia tỉnh ủy Mỹ Tho, tổ chức cuộc biểu tình ngày 1-5-1931. Trong cuộc đấu tranh đó quân chúng đã bắt và xử bắn tên Hương quản Trâu rất gian ác. Sau vụ biểu tình ông liền bị bắt và bị kết án tử hình. Bị giam ở xà lim án chém Mỹ Tho rồi khám lớn. Đến tháng 5-1933 chúng lại đem ông ra xử trong “vụ án Đảng cộng sản Đông Dương” với 120 đồng chí khác và bị kết án chung thân nữa. Sau mấy tháng giam ở khám tử hình thì phong trào nhân dân Pháp nổi lên phản đối các án tử hình ở Đông Dương do “Ủy ban đấu tranh đòi ân xá tù chính trị ở Đông Dương” gồm các nhân vật nổi tiếng như Andrée Viollis, Madeleine Paz, Louis Roubaud, Francis Jourdain, Félicien Challaye, René Prenant, Henri Barbusse, Romain Rolland, Paul Langevin, Marcel Willard, Auguste Hamon v.v... cầm đầu. Mấy tháng sau, thực dân phải giảm án 8 người bị tử hình xuống chung thân trong đó, ngoài ông, còn có Lê Văn Lương, Lê Quang Sung... rồi đày đi Côn Đảo tháng 1-1934.

Năm 1936 ông không được trả tự do như nhiều người khác. Mãi đến tháng 9-1945, sau cách mạng Tháng Tám ông được chính phủ cách mạng đón về cùng lúc với toàn thể tù chính trị. Tại Đại hội II ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương.

Năm 1958 ông là ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, phó thủ tướng

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

chính phủ cho tới năm 1967 ông trở lại miền Nam để chỉ đạo xây dựng lực lượng, tiến hành đấu tranh chống Mỹ, làm Bí thư Trung ương cục, chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam.

Năm 1975 ông là chính ủy bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng toàn miền Nam.

Năm 1976, tại Đại hội IV ông tiếp tục được bầu là ủy viên Bộ chính trị, phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Năm 1980 kiêm Bộ trưởng Bộ Nội Vụ và từ tháng 6-1987 ông được cử làm chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Ngày 12-3-1988 ông qua đời tại Sài Gòn trong một chuyến công vụ vào miền Nam.

Ông đã được tặng Huân chương Sao Vàng.

TRẦN VĂN GIÀU



Sinh năm 1911, người xã An Lục Long, Tâm Vu, tỉnh Tân An nay là Long An. Khi du học bên Pháp, ông tham gia biểu tình của sinh viên Việt Nam trước điện Elysée phản đối chính quyền thuộc địa xử chém 13 chiến sĩ quốc dân Đảng tại Yên Bái. Những người biểu tình bị bắt và bị đày về Sài Gòn. Về nước ông dạy học ở trường Lê Bá Cang vài tháng rồi được cử sang Nga học trường Đại học Phương Đông, khi ông từ Nga trở về Việt Nam đang lúc thoái trào (1933), các cơ sở Đảng đã tan vỡ nhiều sau các vụ bạo động Yên Bái và Xô Viết Nghệ Tĩnh, các vụ biểu tình rầm rộ ở Nam bộ. Ông cùng một số đồng chí lập lại Xứ ủy và được cử làm Bí thư. Năm 1934 ông bị bắt và bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936 hết hạn tù ông lại bị đưa đi trại tập trung Tà Lài cho đến 1941, sau khi khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, ông cùng một số đồng chí vượt ngục.

Lúc đó các cơ sở đứt liên lạc với Trung ương nên các đồng chí miền Nam tự tổ chức hoạt động. Vào tháng 10-1943 ông lại được bầu làm Bí thư Xứ ủy mới và chủ trương hoạt động biến tướng công khai, ra báo “Tiền Phong”. Tháng 3-1945 Nhật đảo chính Pháp, ông cùng một số nhân vật lợi dụng tên IDA sĩ quan cao cấp Nhật cho tổ chức Thanh niên lấy tên Tiền Phong thu hút được đông đảo quần chúng, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa.

Ngày 25-8-1945 Sài Gòn và các tỉnh Nam bộ khởi nghĩa thắng lợi, ông được cử làm chủ tịch Ủy ban Hành chính lâm thời Nam bộ nhưng ngày 23-9-1945 Pháp khởi hấn ở Sài Gòn tái chiếm nước ta và mở rộng chiếm đóng. Ông được Trung ương triệu tập ra Bắc. Đến toàn quốc kháng chiến, ông làm giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam. Năm 1954 về Hà Nội ông làm giáo sư dạy Sử trường Đại học Hà Nội, giáo sư Viện Sử

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội. Ông là nhà nghiên cứu rộng và sâu, đã viết nhiều sách về giai cấp công nhân, về phong trào cách mạng Việt Nam.

PHAN VĂN

Tên thật là Nguyễn Văn Nữ sinh năm 1910, người xã An Trường, huyện Càn Long, tỉnh Trà Vinh. Lúc đầu ông tham gia VNQDD nhưng thấy đường lối của Đảng này không thể giành độc lập cho nước nhà nên năm 1929 gia nhập VNTNCMĐCH và tháng 6-1930 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông đã tổ chức biểu tình ủng hộ Xô Viết Nghệ Tĩnh. Năm 1934 ông là ủy viên Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ rồi bị bắt đày đi Côn Đảo. Năm 1936 được trả tự do, ông hoạt động công khai. Năm 1939 ông bị bắt lại và bị đày đi Madagascas cho tới 1946. Ông đã từng làm Bí thư các tỉnh ủy Vĩnh Long, Mỹ Tho.

NGUYỄN THANH SƠN

Tên thật Nguyễn Văn Tây sinh năm 1910, người Vĩnh Long. Cũng như những chiến sĩ khác thời bấy giờ, ông tham gia các phong trào truy điệu Phan Chu Trinh và gia nhập VNTNCMĐCH. Năm 1927 đi học lớp chính trị ở Quảng Châu Trung Quốc. Năm 1930 ông vào Đảng Cộng Sản Đông Dương. Tháng 5-1931 bị bắt giam ở khám lớn và tháng 10-1935 bị đày ra Côn Đảo. Ở Đảo ông ở trong tổ phục vụ học tập do Hoàng Quốc Việt làm tổ trưởng cùng với Lương Khánh Thiện, Vũ Văn Hiếu.

Năm 1936 ông được trả tự do, hoạt động công khai thời Bình dân. Sau cách mạng tháng 8/1945, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng ở miền Nam và đã từng giữ chức Thứ trưởng Bộ Tài chính.

DÂN TÔN TỬ

Tên thật là Trần Văn Vi (Già Vi) sinh tháng 2-1904, người xã Song Thuận, huyện Châu Thành tỉnh Mỹ Tho nay là Tiền Giang. Năm 1928 ông đã tham gia VNTNCMĐCH rồi được kết nạp vào An Nam Cộng Sản Đảng tại chi bộ xã Vĩnh Kim, chi bộ đầu tiên ở nông thôn Nam Bộ.

Tháng 4-1935 bị bắt, kết án 7 năm tù, đày ra Côn ĐẢO cho đến mãn hạn, lại bị đưa đi trại tập trung Bà Rá cho đến tháng 3-1945, Nhật đảo chính Pháp, thừa cơ ông cùng anh em vượt khỏi trại giam, trở về tham gia cướp chính quyền ở Mỹ Tho.

Ông đã từng giữ nhiều chức vụ trong Đảng và quân đội. Ông mất tại Tiền Giang.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

VÕ CÔNG TÔN

Tức Hội đồng Tôn sinh năm 1892, người xã Long Hiệp, tổng Long Hưng Hạ, huyện Bến Lức tỉnh Chợ Lớn nay thuộc Long An, là Phú gia, giàu lòng nhân ái, trọng công bằng, sớm hoạt động yêu nước. Năm 1916 cụ tham gia cuộc bạo động của Thiên Địa Hội để giải cứu cho Phan Xích Long bị giam ở khám lớn Sài Gòn. Từ đó cụ trở thành đảng viên tích cực của “Đảng Thanh Niên Cao Vọng của Nguyễn An Ninh. Năm 1927 cụ tổ chức chi nhánh khuyến học ở Gò Đen để nâng cao dân trí. Năm 1929 cụ cùng các ông Trần Huy Liệu, Nguyễn Phương Thảo thành lập kỳ bộ VNQDD Nam Kỳ, rồi bị bắt, kết án 18 tháng tù. Ở tù chung với những người Cộng Sản, cụ giác ngộ về giai cấp. Năm 1936 cụ cộng tác đặc lực với Đảng Cộng Sản Đông Dương và là ủy viên của chấp ủy lâm thời của Đông Dương Đại hội. Khi Đảng Cộng Sản ra tờ báo “L’A-VANT GARDE” (Tiền Phong) cụ giúp đỡ cả tinh thần và vật chất và giúp đỡ cho nhiều chiến sĩ cách mạng như Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn An Ninh. Năm 1939 cụ lại bị bắt đày đi Tà Lài rồi ra Côn Đảo. Cụ qua đời ngày 30-6-1942 tại Côn Đảo do bệnh kiệt lực.

NGUYỄN THANH HÀ

Tên thật là Nguyễn Thành A, sinh năm 1915, người xã An Bình, huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp. Ông tham gia phong trào từ 1936 trong công đoàn, chủ nhiệm Báo Lao Động từ 1937 đến 1939, được kết nạp vào Đảng tháng 11-1938. Cuối 1939, ông bị bắt, bị xử 3 năm rưỡi cấm cố, bị đày ra Côn Đảo. Mãn hạn bị đưa đi trại tập trung Bà Rá cho đến năm 1945 ra tù tham gia khởi nghĩa, tham gia Thường vụ Thành ủy Sài Gòn. Năm 1954 ông tham gia phái đoàn Việt Nam đi dự hội nghị quốc tế Geneve bàn giải quyết chiến tranh Đông Dương. Sau khi hiệp định được ký kết ông được cử làm vụ trưởng vụ các nước xã hội chủ nghĩa tại Bộ ngoại giao rồi lần lượt đi làm Đại sứ tại Tiệp Khắc, Hunggari, Rumani, Cuba, Mali, Nam Tư, Ông nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh.



NGUYỄN VĂN TẠO (1908-1970)

Ông người Phước Lợi tỉnh Chợ Lớn cũ. Năm 1926 ông vận động học sinh bãi khóa ở trường Trung học Sài Gòn. Sau đó sang Pháp du học, tìm đường cứu nước. Ở Pháp ông ngã về phái tả, viết bài cho báo “Nhân Đạo” (Humanité) của Đảng cộng sản Pháp, phụ trách báo “Lao Động và Vô Sản”, viết sách để tuyên truyền binh lính và học sinh ở Pháp.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Năm 1927 ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Pháp, tham gia Đoàn Đại biểu Đảng cộng sản Pháp dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ VI. Sau đó ông được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Pháp.

Năm 1930 ông tham gia phong trào đấu tranh của Nhân dân Pháp phản đối bọn thực dân ở Đông Dương xử tử các nhà khởi nghĩa ở Yên Bái nên bị trục xuất về nước. Về Sài Gòn ông tiếp tục đấu tranh trên báo chí, bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động vì thế hai khóa liên nhân dân Sài Gòn tín nhiệm bầu ông khi ra tranh cử Hội đồng Thành phố Sài Gòn: Khóa 1933 và khóa 1935.

Năm 1936 ông cùng Nguyễn An Ninh đứng ra tổ chức phong trào Đông Dương Đại hội ở Nam Kỳ rồi cả hai bị bắt cùng với Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Nguyễn. Các ông tuyệt thực phản đối, gây xôn xao dư luận tiến bộ thời bấy giờ. Sau chúng phải thả. Năm 1939 chúng bắt lại ông và đày ra Côn Đảo đến 1944 mãn án. Năm 1946 ông được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Lao động.

Năm 1947, ông còn là ủy viên Ban công vận Trung ương.

Năm 1965 ông làm chủ nhiệm văn phòng Nội chính, phó trưởng Ban thi đua trung ương mà Trưởng Ban là cụ Tôn Đức Thắng. Ông mất năm 1970 vì bệnh tim mạch.

LÊ HỒNG PHONG



Ông tên thật là Lê Huy Doãn sinh năm 1902, người xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; về sau đã kết hôn cùng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai.

Ông thông minh, học giỏi, thẳng thắn, rất có hiếu, thường giúp đỡ cha mẹ trong việc đồng áng và sẵn sàng giúp đỡ bạn bè. Sau khi đỗ sơ học, ra Vinh làm thư ký cho một nhà buôn Hoa Kiều. Ông được Phạm Hồng Thái là công nhân nhà máy diêm Bến Thủy giới thiệu cho học thợ máy, trở thành công nhân và được giác ngộ giai cấp. Ông tuyên truyền giáo dục thợ thuyền, tổ chức đấu tranh đòi quyền lợi.

Tháng 1-1924 ông cùng Phạm Hồng Thái rời nước đi tìm đường cứu nước. Ở Thái Lan một thời gian ngắn thì được đưa sang Quảng Châu hoạt động vì đó là nơi dễ liên lạc với Việt Nam. Hai ông được kết nạp vào “Tâm Tâm Xã” do Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn lập từ 1923 để tập hợp các nhà yêu nước mưu đánh đuổi Pháp, giành độc lập.

Cuối 1924, Hồ Chí Minh từ Liên Xô đến Quảng Châu lập “Cộng sản đoàn” để làm nòng cốt cho VNTNCMDCH, chuẩn bị lực lượng để lập Đảng Cộng sản sau này. Lê Hồng Phong được Hồ Chí Minh huấn luyện chủ nghĩa Mác-Lênin, truyền kinh nghiệm hoạt động cách mạng. Kế đó ông được học trường quân sự Hoàng Phố và tốt

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

nghiệp ở đây rồi qua Liên Xô. Ở Liên Xô ông lại được giới thiệu vào học trường lái máy bay Borisolevsk của không quân Liên Xô cho tới thành tài. Ông là người Việt Nam đầu tiên tham gia không quân Liên Xô. Sau đó ông vào học trường giành cho các nhà cách mạng Phương Đông mang tên Staline.

Đầu năm 1934, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài do ông đứng đầu được thành lập. Tháng 6-1934 thì tổ chức được Hội nghị với đại biểu các đảng bộ trong nước. Cuối 1934 Đảng cử đoàn đại biểu đi Liên Xô do ông làm trưởng đoàn đi dự Đại hội lần thứ 7 của quốc tế Cộng Sản. Ông đi họp với tên Hải An và được bầu vào Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Cuối năm 1937 ông về nước hoạt động ở Sài Gòn - Chợ Lớn, cùng Trung ương lãnh đạo cả nước, đóng vai một Hoa kiều làm công cho một hiệu buôn với tên La Anh người Hồ Nam Trung Quốc. Có lúc ông dạy ở một trường Trung học Hoa kiều ở Chợ Lớn.

Giữa năm 1938 ông bị bắt ở Chợ Lớn, bị kết án 10 tháng tù về tội mang căn cước giả.

Mùa thu năm 1939 mãn hạn tù, ông bị trục xuất về Nghệ An để quản thúc, nhưng ông lại trốn vào Sài Gòn hoạt động. Ngày 29-9-1939 ông lại bị bắt và giam ở khám lớn.

Sau khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, địch đưa Nguyễn Thị Minh Khai Bí thư thành ủy đã bị bắt ra gặp ông nhưng hai người kiên quyết không nhận nhau để giữ bí mật thân thể của mình. Chúng ghép ông vào tội tử hình mà không được, đành kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo.

Bọn cầm quyền thực dân chỉ thị cho tên chúa Đảo tìm mọi cách giết ông bằng cách đày đọa rất tàn bạo.

Trưa ngày 6-9-1942 ông trút hơi thở cuối cùng tại Côn Đảo.

TRẦN QUỲNH

Sinh năm 1919, người xã Nại Cửu, huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị, tham gia Thanh niên dân chủ từ 1936 khi học trường Quốc học Huế. Sau khi đậu Cao đẳng Tiểu học, năm 1939 ông vào Sài Gòn vận động giới công chức và trí thức, thời kỳ mà Minh Khai làm Bí thư thành ủy. Năm 1940 ông bị bắt, ở tù 5 năm ở Côn Đảo. Mãn hạn, ông bị giam ở khám lớn rồi đưa ra quản thúc ở Quảng Trị. Năm 1976 ông được bầu vào Trung ương Đảng. Ông giữ nhiều chức vụ về Đảng và Chính quyền sau đó về nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

PHAN TRIÊM

Sinh năm 1914, người xã Bảo An tức Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông tham gia cách mạng từ 1935. Năm 1936, gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương;

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Năm 1938 là thành ủy viên Sài Gòn Chợ Lớn. Năm 1939 bị bắt, kết án 5 năm tù, 1940 đày ra Côn Đảo, 1944 mãn án bị đưa đi trại tập trung Li Hi đến tháng 3-1945, vào Nam bộ hoạt động ở Bến Tre rồi làm Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre. Kháng chiến chống Pháp ông làm Phó phòng quân báo Nam bộ (trưởng phòng là đồng chí Phạm Ngọc Thảo). Một thời gian sau được điều về xứ ủy. Đến khi lập Trung ương Cục miền Nam (1955) ông làm Phó văn phòng rồi Phó ban tổ chức Trung ương cục. Từ 1955 ông làm Phó ban tổ chức của Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam. Sau đó về nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NGUYỄN VĂN TIẾP

Tham gia cách mạng từ sớm. Ông bị bắt năm 1941, bị kết án tử hình cùng các ông Ngô Liên, Nguyễn Văn Khoẻ, Nguyễn Văn Kinh, sau đều được giảm xuống án chung thân vào năm 1942 rồi bị đày ra Côn Đảo cùng Ngô Liên và Nguyễn Văn Khoẻ. Riêng Nguyễn Văn Kinh (sau này là Phó Bí thư Xứ ủy Nam bộ, Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô, trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, ủy viên Trung ương (1960-1976) có quốc tịch Pháp nên không đi đày và bị giam chung với tù Pháp tại khám lớn.

Năm 1945 Nguyễn Văn Tiếp được cách mạng đón về. Ông đã hy sinh trong kháng chiến chống Pháp. Một con kinh lớn nhất ở Đền Tháp Mười được mang tên ông.

NGUYỄN VĂN TRỌNG

Túc Trọng Con sinh năm 1918, người xã Long Hưng, huyện Châu Thành - Mỹ Tho. Tham gia phong trào Đông Dương Đại hội năm 1936 và được kết nạp vào Đảng ngày 18-3-1936 nhằm ngày kỷ niệm Công xã Paris. Ông tham gia Nam Kỳ khởi nghĩa, tuy bị bắt nhưng không có chứng cứ nên được tha. Sau đó là ủy viên Thường vụ tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1942 ông bị bắt, kết án khổ sai chung thân và đày ra Côn Đảo. Năm 1945 ông được giải phóng, được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Sau đó được giao nhiều nhiệm vụ khác. Ông nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NGUYỄN QUANG VIỆT

Tên thật là Ngô, người Thái Bình đã là Tỉnh ủy viên Thái Bình, bị bắt 1942 đày ra Côn Đảo. Sau 1945 về làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, tỉnh đội trưởng. Sau 1954 công tác Bộ Công an, rồi Thứ trưởng Bộ Công an, phụ trách bộ đội biên phòng, phong Thiếu tướng. Hiện đã nghỉ hưu tại Hà Nội.

HAI ANH EM ĐÀO DUY

Đó là Đào Duy Kỳ và Đào Duy Dính. Cả hai đều học ở Huế rồi ra học và hoạt động ở Hà Nội, bị bắt ở Hà Nội, đày ra Côn Đảo. Ông Đào Duy Kỳ thời Dân chủ (1936 - 1939) đã học tú tài và làm báo công khai của Đảng cùng Thành Ngọc Quân ra báo Thế Giới. Năm 1939 rút vào bí mật. Ít năm sau Đào Duy Kỳ tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ. Ông bị bắt năm 1942 khi phụ trách Hà Nội, đày đi Sơn La rồi Côn Đảo cuối 1943 đầu 1944. Trong kháng Pháp ông Đào Duy Kỳ làm công tác giáo vụ trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, còn Đào Duy Dính tức Đào Phan công tác trong quân đội và viết báo, nghiên cứu. Sau năm 1954 ông Kỳ làm công tác bảo tồn bảo tàng. Trong thời kỳ bị đày ở Côn Đảo, hai ông có người anh là Đào Duy Phiên, một phần tử Tờ rôt kit, thân Nhật cũng bị đày ở đảo. Đến tháng 3-1945 Nhật đảo chính Pháp, người anh các ông là học giả Đào Duy Anh tham gia chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim nên cả 3 ông đều được Nhật đưa về trước nhưng Đào Duy Kỳ, Đào Duy Dính chưa hề có khuynh hướng theo Nhật. Khi mới ra Đảo đầu năm 1944 Đào Duy Kỳ, Nguyễn Công Trung, hòa thượng Thiện Chiếu và Thành Ngọc Quân chủ trương gác khẩu hiệu Độc lập, hãy đòi tự trị, nổ ra một cuộc tranh luận nhiều ngày đêm giữa những người bảo vệ đường lối của Đảng với các ông. Đào Duy Kỳ đã qua đời ở Hà Nội. Đào Duy Dính hiện nghỉ hưu tại Hà Nội.

MAI CHÍ THỌ



Tên thật Phan Đình Đống sinh năm 1922, quê xã Nam Vân, huyện Nam Ninh, Nam Hà. Năm 1936 học trường trung học Khải Định tức trường Quốc học Huế. Được 1 năm, ông ra Hà Nội học đến năm thứ 3 thành Chung. Đã tham gia Thanh niên dân chủ ở Hà Nội và dự các cuộc đấu tranh quần chúng. Cuối 1939 được kết nạp vào Đảng. Tháng 4-1940 ông bị bắt kết án 15 năm tù, đày đi Sơn La rồi Côn Đảo vào năm 1943. Ở Đảo, sau một thời gian cấm cố, ông làm khổ sai. Tháng 9-1945 cách mạng thành công, ông được đón về và được phân công ở Cần Thơ, Bí thư Thanh niên cứu quốc tỉnh rồi tham gia tỉnh ủy. Sau đó làm Phó ty công an, Phó Bí thư tỉnh ủy. Một thời gian sau, ông làm Bí thư tỉnh ủy Mỹ Tho. Thời gian 1950-1954 ông làm Phó giám đốc Sở công an Nam bộ. Sau năm 1954 ông ở lại hoạt động ở Nam bộ, năm 1955 là xứ ủy viên dự khuyết phụ trách đặc tình. Năm 1960 là Bí thư khu ủy miền Đông; Năm 1965 là ủy viên Thường vụ rồi Phó Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Năm 1972 là Bí thư Thành ủy, năm 1975 Phó Bí thư. Tại Đại hội IV của Đảng ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương. Đại Hội VI ủy viên Bộ Chính trị Bộ

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

trưởng Bộ Nội Vụ cho tới Đại Hội 7. Ông đã nghỉ hưu và được tặng huân chương Hồ Chí Minh.

NGUYỄN HỮU MAI

Tên thật là Nguyễn Văn Từ, người Quảng Trị, tham gia phong trào dân chủ khi còn là học sinh trường Kỹ nghệ thực hành năm 1936; khi đi làm thợ ở xưởng sửa chữa xe lửa khu vực III ở Đà Nẵng, hoạt động trong công nhân. Năm 1940 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1942 bị bắt ở Đà Nẵng, bị kết án 15 năm khổ sai, đưa giam ở Hỏa Lò Hà Nội rồi đày đi Sơn La. Cuối năm 1943, đầu 1944 ông bị đày ra Côn Đảo đến 1945 được giải phóng.

Đại hội Đảng lần III, ông được bầu vào BCH Trung ương. Từng làm Bộ trưởng và Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô. Được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và mất tại Hà Nội.

LÊ TOÀN THƯ

Tên thật là Nguyễn Tất Văn người xã Phúc Am, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình. Ông sinh năm 1921, vào Thanh niên Dân chủ từ khi còn là học sinh tại Hà Nội và đã đậu Cao đẳng Tiểu học. Năm 1939 rút vào bí mật, ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản và hoạt động đặc lực. Năm 1942 ông bị bắt trong một vụ do tên Phạm Bao Quát khai báo và bị kết án 20 năm khổ sai. Cuối 1943 đầu 1944 ông bị đày ra Côn Đảo đến 1945 được cách mạng đón về. Đã từng làm Đại sứ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam tại Cuba và làm Phó ban Thống nhất của Trung ương Đảng. Ông nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NGUYỄN ĐỨC THUẬN (1916-1985)



Tên thật là Bùi Phong Tư tục là Tư Móm, người xã Bản Ngủ, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam là thợ thủy tinh, năm 1936 ông tham gia phong trào công nhân Hà Nội và năm 1937 được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương. Năm 1940 tham gia Thành ủy Hà Nội phụ trách phong trào công nhân. Cuối năm đó bị bắt, kết án 15 năm khổ sai, đày đi Sơn La rồi cuối 1943 đầu 1944 đày đi Côn Đảo. Ở Đảo, sau một thời gian cấm cố, ông cùng các ông Vương Văn Huống, Trần Văn An, Nguyễn Thọ Chân, Trần Diệp... làm xưởng thuộc da. Năm 1945 được

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

cách mạng giải phóng về làm Bí thư tỉnh ủy Thủ Dầu Một. Năm 1947 Bí thư khu ủy Khu 7, sau là Xứ ủy viên Nam bộ.

Năm 1950 làm Trưởng Ban Mặt trận của Xứ ủy đồng thời là Phó Chủ tịch Mặt trận Liên Việt Nam Bộ. Sau hiệp định Giơnevơ ông ở lại hoạt động ở Nam bộ đến tháng 7-1956 lại bị Mỹ ngụy bắt rồi đày đi Côn Đảo cho tới năm 1964 sau 8 năm ở Chuồng Cọp nên bệnh nhiều. Năm 1966 ra Hà Nội chữa bệnh rồi được phân công làm công tác công đoàn, đến 1967 Bí thư Đảng đoàn, Phó Chủ tịch kiêm tổng thư ký Tổng Công đoàn thời kỳ ông Nguyễn Văn Linh làm Chủ tịch. Từ tháng 8-1980 làm Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, ủy viên Hội đồng nhà nước 1976. Năm 1985 ủy viên Trung ương Đảng. Ông được tặng Huân chương Hồ Chí Minh và mất tại Hà Nội.

NGUYỄN THỌ CHÂN

Tức Sáu Khanh, sinh năm 1922 tại làng Đông Phù, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Học năm thứ ba Cao đẳng Tiểu học ở Hà Nội, tham gia nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác năm 1936, gia nhập Thanh niên dân chủ năm 1937 ở Hà Nội. Năm 1940 về làng dạy học; năm 1939 được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương. Đầu năm 1942 đi lao động ở xưởng thuốc nổ Bình Đà, gây cơ sở và tham gia Tỉnh ủy rồi làm Bí thư Tỉnh ủy. Đầu năm 1943 làm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nhất là ngành in nổ ra. Tháng 4-1943 ông bị bắt, bị tòa án binh Pháp kết án 20 năm khổ sai và đày ra Côn Đảo cuối năm đó. Khi nghe tin cách mạng tháng 8-1945 thành công, bọn cầm quyền Côn Đảo thỏa thuận lập “Hội đồng tham chính” có tù chính trị tham gia, ông là một đại biểu trong đó. Tháng 9-1945 được đón về, ông hoạt động ở Nam bộ, tham gia Tỉnh ủy Gia Định, làm chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh. Từ 1946 ông hoạt động tại Sài Gòn, Chợ Lớn. Từng làm Bí thư Thành ủy rồi Bí thư Ban cán sự nội thành và bị bắt năm 1951. Sau 1954, ông là Phó Bí thư Hà Nội, Bí thư Quảng Ninh. Tại Đại hội Đảng lần thứ III (1960) được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng cho tới Đại Hội IV năm 1976. Tháng 9-1966 công tác tại Bộ ngoại giao và được cử làm Đại sứ đặc mệnh Toàn quyền tại Liên Xô rồi Thụy Điển, đặc phái viên của Chủ tịch nước thăm Phần Lan, Na Uy. Ông đã đại diện cho Đảng dự Đại hội nhiều Đảng anh em ở châu Âu và nhiều Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao các nước xã hội chủ nghĩa. Năm 1972 về nước giữ nhiệm vụ Phó ban Thống nhất Trung ương, kiêm chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất chính phủ lo chi viện cho chiến trường miền Nam, tháng 5-1974 Bộ trưởng Bộ Lao động, tháng 8-1981 Trưởng Ban thi đua trung ương. Năm 1989 nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh làm trưởng Ban liên lạc cựu tù chính trị yêu nước Thành phố. Ông đã được tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

PHAN TRỌNG TUỆ



Sinh khoảng 1919, 1920 tại Vientiane (Lào) trong một gia đình Việt kiều yêu nước, gốc người Quốc Oai, Sơn Tây. Ông sớm giác ngộ cách mạng rồi về nước hoạt động trong phong trào dân chủ (1936-1939), tham gia Thanh niên Dân chủ và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1939 địch khủng bố trắng, ông trốn vào Thanh Hóa và gặp Nguyễn Văn Linh ở đó. Từ năm 1940-1943 ông là Xứ ủy viên Bắc Kỳ, làm Bí thư Liên tỉnh A gồm Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Hòa Bình. Tháng 7-1943 ông bị bắt ở địa phận Hà Nam bị xử ở tòa án binh Pháp với án khổ sai chung thân, bị giam ở Hỏa Lò Hà Nội rồi đày đi Côn Đảo cuối 1943 đầu 1944. Tháng 9-1945 ông cùng toàn bộ tù chính trị được giải phóng, về làm chính ủy khu 9, Thường vụ Khu ủy 9. Năm 1950 Chính ủy quân khu 7. Sau hiệp định Genève 1954 ông tham gia Ban thi hành hiệp định đình chiến cùng ông Phạm Hùng đóng ở Sài Gòn. Ra Bắc được vinh phong Thiếu tướng, chính ủy bộ đội biên phòng. Tại Đại hội lần thứ III của ĐLĐVN ông được cử vào Ban chấp hành Trung ương Đảng, bộ trưởng Bộ giao thông vận tải những năm Mỹ đánh phá ác liệt nhất, đồng thời giữ chức Phó thủ tướng chính phủ. Ông đã được tặng Huân chương Hồ Chí Minh và mất tại Thành phố Hồ Chí Minh.

HUỲNH CHÍ MẠNH

Tên thật là Nguyễn Ngọc Tân, bí danh Hai Lục, sinh năm 1913, người xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc nay là tỉnh Bắc Giang. Bắt đầu tham gia phong trào năm 1935 và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1940. Năm 1942 tham gia Tỉnh ủy Bắc Giang và bị bắt mùa thu năm đó, với án 20 năm khổ sai và đày đi Côn Đảo cuối năm 1943 đầu 1944. Tháng 9-1945 ông được cách mạng đón về và công tác tại Ban cán sự Đảng ở K, sau đó làm Bí thư Tỉnh ủy Long Châu Tiên. Sau 1954, Bí thư Khu ủy miền Đông Nam bộ.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và về nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

TRẦN VĂN SỚM

Sinh năm 1918, người xã Long Điền, quận Giá Rai tỉnh Bắc Liêu nay là Bạc Liêu. Ông tham gia Đông Dương Đại hội năm 1936 và được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương. Năm 1939 Bí thư Huyện ủy Giá Rai; Năm 1940 tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ tại Bắc Liêu, sau Khởi nghĩa thất bại, làm Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Liêu. Năm 1943 ông bị bắt và đầu năm 1944 bị đày ra Côn Đảo đến năm 1945. Trong 2 cuộc kháng chiến, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng. Từ Đại hội IV, ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Nay đang nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NGUYỄN VĂN VINH

Bị bắt năm 1943 trong vụ Hoàng Văn Thụ, bị đày ra Côn Đảo cuối 1943, đầu 1944. Trong kháng Pháp là Khu ủy, chính ủy quân khu. Sau 1954 làm Phó ban Thống nhất Trung ương, chủ nhiệm ủy ban Thống nhất chính phủ. Năm 1960 được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng, thiếu tướng quân đội nhân dân Việt Nam. Đã mất tại Hà Nội.

TRẦN VĂN HIỂN

Tên thật là Hương người Sơn Tây, bị bắt đầu thập kỷ 40 đày đi Sơn La rồi cuối 1943 đầu 1944 đày ra Côn Đảo cho tới 1945 được giải phóng. Trong kháng chiến chống Pháp ông là Khu ủy viên Khu 9. Tập kết ra Bắc năm 1954 ông hoạt động ngành thương nghiệp, làm Thứ trưởng rồi Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp. Tại Đại hội IV của Đảng ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương, hiện đã nghỉ hưu tại Hà Nội.

VŨ XUÂN CHIÊM

Tên thật là Chi, sinh năm 1921, tham gia cách mạng và vào Đảng Cộng Đông Dương, bị bắt đày đi Sơn La rồi cuối 1943 đầu 1944 đày ra Côn Lôn cho đến 9-1945. Kháng chiến chống Pháp, ông làm Bí thư Thành ủy Huế. Sau tham gia quân đội công tác hậu cần và sau là Trung tướng Thứ trưởng Bộ quốc phòng. Ông đã nghỉ hưu tại Hà Nội.

TRẦN DIỆP

Tên thật Lê Đức Khuê, sinh năm 1924, con nhà giáo cách mạng Lê Nhuận Chi. Ông tham gia từ nhỏ làm công tác ấn loát tuyên truyền. Năm 1942 bị bắt đày đi Sơn La rồi cuối năm 1943 đầu năm 1944 đày ra Côn Đảo cho tới 9-1945. Ông đã được gửi sang Trung Quốc học nghề luyện kim, về nước tham gia xây dựng khu gang thép Thái Nguyên, làm thứ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, tổng cục trưởng Tổng cục điện tử và tin học, đã nghỉ hưu tại Hà Nội.

NGÔ NGỌC DU

Tên thật là Quỳnh, tham gia Đảng Cộng Sản Đông Dương, bị bắt đày lên Sơn La rồi cuối 1943 đầu 1944 đày ra Côn Đảo. Năm 1945 được giải phóng, ông hoạt động ở

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

nhiều địa phương, cuối cùng công tác công an, Thứ trưởng Bộ công an, nghỉ hưu và mất tại Hà Nội.

HUỲNH THỦ

Sinh ngày 15-9-1915 tại xã Bình Thới, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1929, mới 14 tuổi lưu lạc vào Sài Gòn đi ở đợ, sau làm thợ giặt ủi, có khi khuôn vác ở bến Tàu. Cuối 1939 ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản. Tháng 5-1942 ông bị bắt cùng Nguyễn Hữu Xuyên bị đưa đi Côn Đảo. Năm 1979 là Trung tướng Tư lệnh Bộ đội biên phòng. Đã nghỉ hưu.

NGUYỄN HÙNG PHƯỚC

Sinh năm 1922, người Vĩnh Long. Trước 1945 hoạt động ở Bắc Liêu, Sóc Trăng, tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ. Bị bắt, kết án tử hình, giảm xuống khổ sai chung thân đày ra Côn Đảo cuối năm 1943. Cuối năm 1946 cấp trên đề bạt làm quân khu Phó quân Khu 9. Một lần chỉ huy một trận đánh ở Cần Thơ, ông đã hy sinh.

NGUYỄN VĂN VỰC

Người Thái Bình, đã có công lớn khôi phục và phát triển cơ sở Đảng tỉnh Thái Bình sau những năm địch khủng bố trắng. Ông bị bắt năm 1940 kết án 20 năm tù đày đi Sơn La, cuối năm 1943 đày đi Côn Đảo đến 9-1945 được giải phóng. Tháng 10 năm 1945 ông nhận nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng rồi Bí thư Khu ủy 9 và mất ở Nam Bộ.

TRƯƠNG AN

Sinh năm 1922, người xã Võ Xá, huyện Vĩnh Linh, nay là xã Trung Sơn, huyện Do Linh, tỉnh Quảng Trị, tham gia cách mạng từ năm 1936, dự bãi khóa nên bị bắt bị giam 6 tháng ở nhà lao Quảng Trị; Năm 1937 được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương và được phân công vào hoạt động ở Quảng Nam. Năm 1942, ông bị bắt ở Nghệ An và bị đày đi Côn Đảo cuối năm 1943 cho tới tháng 9-1945 được giải phóng. Trước và sau kháng chiến, ông đã giữ nhiều chức vụ quan trọng: Ủy viên dự khuyết Xứ ủy lâm thời Trung kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, Bí thư liên tỉnh Gia Lai Kontum, Ủy viên Viện kiểm sát tối cao, Cục trưởng Cục quản lý nhà Bộ xây dựng. Sau về hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

VƯƠNG VĂN HƯỚNG

Tức Hồng Hải, sinh năm 1914 người xã Phú Minh, huyện Kim Anh, Phúc Yên nay là tỉnh Vĩnh Phúc. Ông tham gia cách mạng thời kỳ 1936-1939. Năm 1942 bị bắt đày đi Sơn La rồi cuối 1943 bị đày ra Côn Đảo. Tháng 9-1945 ông được giải phóng, được phân công tham gia quân đội tỉnh Hà Tiên, làm đại đội trưởng lấy tên là Hồng Hải. Ông chiến đấu rất anh dũng và đã hy sinh trong trận Hòn Đất ngày 19-5-1947.

NGUYỄN VĂN TỪ

Tục gọi Đô Mâu, tên thật là Vũ Văn Mâu, sinh năm 1914 ở xã Thọ Vực, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, hoạt động từ 1936, năm 1938 gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Năm 1940 ông bị bắt, cuối 1943 đầu 1944 đày đi Côn Đảo. Tháng 9-1945 ông được giải phóng và được phân công làm trưởng phòng chính trị quân khu 8. Năm 1954 ông tập kết ra Bắc, viết báo quân đội nhân dân rồi làm Giám đốc Viện bảo tàng quân đội, hàm đại tá. Ông mất tại Hà Nội.

DƯƠNG ĐÌNH HỘI

Sinh năm 1923, người xã Phượng Cách, phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây nay thuộc thành phố Hà Nội. Ông tham gia Thanh niên Dân chủ là thanh niên phản đế, có công vận động thanh niên nên năm 1940 được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương và tham gia Thành ủy Hà Nội. Cuối 1942 do sự khai báo của Phạm Bao Quát, ông bị kết án 20 năm khổ sai và cuối năm 1943 đầu 1944 bị đày ra Côn Đảo. Cách mạng tháng 8-1945 thành công, ông được giải phóng, được phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công và hy sinh ở đó.

NGUYỄN MẠNH HOAN

Tức là Hồng Châu sinh năm 1914, người xã Dương Nội, huyện Hoài Đức thành phố Hà Nội. Năm 1929 mới 15 tuổi ông tham gia VNQDD. Nhưng ngay sau đó, năm 1930 Đảng Cộng Sản ra đời, ông bèn chuyển sang xu hướng Cộng Sản. Năm 1937 ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản. Cuối năm 1939-1940 phong trào bị khủng bố. Sau đó ông bị bắt, kết án khổ sai, đày đi Sơn La rồi cuối 1943 đầu 1944 đày ra Côn Đảo. Tháng 9-1945 ông được cách mạng giải phóng. Trong kháng chiến, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn, Hội trưởng Hội Nông dân cứu quốc Nam bộ, Ủy viên Viện Kiểm sát tối cao.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

NGUYỄN VĂN TRẦN (Vương Nhị Chi)

Người Quảng Trị bị bắt trong vụ cơ sở xe lửa bị bể vỡ, bị kết án và bị đày ra Côn Đảo. Kháng chiến chống Pháp ông là Khu ủy viên Khu 9, phụ trách quân giới, bị cụt cả 2 tay vì thử vũ khí nên đặt là Nhị Chi. Sau 1954 công tác ở Bộ Công nghiệp nặng, rồi phó Ban công nghiệp Trung ương. Ông đã qua đời tại Hà Nội.

TRẦN NGỌC KIÊN

Tên thật là Chu Đình Phác, sinh năm 1916, người xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, Hà Bắc, tham gia Thanh niên Dân chủ rồi Thanh niên Phản đế 1938-1940. Ông đi lính cho Pháp, vào tổ chức binh lính cứu quốc. Ông bị bắt giữa năm 1942. Cuối 1943 đày ra Côn Đảo. Từ năm 1961-1966 làm tùy viên quân sự ở Trung Quốc. Từ năm 1967-1975 Phó chính ủy Sư đoàn 320 rồi về Đoàn Kiểm tra Tổng cục chính trị. Sau đó ông tham gia Ban xây dựng vùng kinh tế mới rồi về hưu. Mất năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

BA CHIẾN SĨ QUỐC DÂN ĐẢNG Ở SƠN LA

Đó là Trần Thanh Quang tức Sư Quang, Nguyễn Văn Ngạt (Hai Ngạt), Mai Đắc Bân đều là cán bộ nòng cốt sáng lập VNQDD, bị bắt sau vụ Yên Bái thất bại và đều bị kết án 20 năm khổ sai đày đi Sơn La. Ở nhà tù Sơn La từ 1930 đến 1935 có nhiều đợt tù Cộng Sản đày lên như Trường Chinh (Đặng Xuân Khu), Hoàng Đình Dong, Bùi Vũ Trụ, Nguyễn Lương Bằng, Đặng Việt Châu, Phạm Quang Lịch. Các ông đã họp trên 100 đồng chí để ra chủ trương thăm dò anh em Quốc Dân Đảng, nêu vấn đề đoàn kết, tổ chức đời sống, gác bỏ thành kiến về Đảng phái, lập một ủy ban để chỉ đạo sinh hoạt trong ngục, giữ trật tự vệ sinh chung trong và ngoài trại, đối phó với gác ngục và cai lính, giao dịch với nhân dân địa phương, chăm sóc sức khỏe giúp đỡ nhau v.v... Dần dần tù quốc dân Đảng thống nhất với chủ trương do tù Cộng sản đề ra. Hội đồng Thống nhất 5 người được thành lập. Trường Chinh và Trần Thanh Quang là đồng Chủ tịch. Hai Ngạt là 1 ủy viên. Mai Đắc Bân làm cứu tế. Cả ba ông đều bị đày đi Côn Đảo cuối 1943 đầu 1944. Năm 1945 các ông được giải phóng về công tác tại Nam Bộ. Trần Thanh Quang và Nguyễn Văn Ngạt đều hy sinh trong chống Pháp tại Cần Thơ, An Giang. Riêng Mai Đắc Bân sinh năm 1900, bị kết án khổ sai chung thân. Bản chất lao động, ông dễ hiểu chủ nghĩa Cộng Sản và rời bỏ hàng ngũ Quốc Dân Đảng. Từ 1955 ông phụ trách Phòng sinh hoạt của Trung ương Đảng.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

LÊ VĂN SỸ (VÕ SỸ)

Lê Văn Sỹ chính tên là Võ Sỹ, sinh năm 1910, quê ở thôn Minh Tân, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông nhiệt tình yêu nước, từ năm 1927 đã tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, tích cực hoạt động phát triển hội ở quê nhà.

Tháng 10 năm 1929, ông bị bắt giam ở nhà lao Quảng Ngãi, rồi đưa đi Quy Nhơn, KonTum. Tháng 10 năm 1931 được trả tự do, ông vẫn hoạt động như trước, địch lại bắt ông trong năm 1932 đày lên Lao Bảo rồi đưa ra Côn Lôn một lượt với Võ Thúc Đồng, Hà Thế Hạnh vào tháng 6 năm 1935.

Sau cách mạng tháng Tám ông được đón từ Côn Đảo về, hoạt động ở miền Nam trong xứ uỷ Nam Bộ. Đầu tháng 12 năm 1945 ông được xứ uỷ chỉ định làm chính uỷ Quân khu 8. Khi giặc Pháp chiếm thị xã Sa Đéc, ông theo lực lượng vũ trang xuống khu 9. Ít lâu sau ông ra miền Trung rồi cùng Quảng Trọng Linh ra Hà Nội khoảng cuối năm 1946.

Đầu năm 1947, ông cùng đ/c Lê Duẩn trở vào Nam, khoảng tháng 5 ông được chỉ định làm Bí thư thành uỷ Sài Gòn.

Đến tháng 10 năm 1948, trong một cuộc càn quét lớn của địch vào vùng Láng Le, Vườn Thơm (nay thuộc tỉnh Long An) ông hy sinh tại đây.

NGUYỄN THẾ LONG

Nguyễn Thế Long, quê xã Đông Sâm, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

Năm 1928 ông hoạt động trong tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội, đến năm 1930 ông bị bắt giam ở nhà lao Thái Bình, Hải Phòng.

Năm 1932, ông vượt ngục, trở lại Thái Bình hoạt động, làm bí thư tỉnh uỷ.

Giữa năm 1932, ông bị bắt, đi đày Côn Đảo ông lại vượt ngục về tham gia hoạt động ở Nam bộ.

Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, ông làm giám đốc sở Công an Khu I. Ông mất năm 1951.

PHAN VĂN BẢY

Liệt sỹ cách mạng, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1910 tại làng Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp).

Thời gian từ năm 1926 - 1928 ông tham dự lễ truy điệu Phan Chu Trinh, bãi khoá, mít tinh chống đàn áp nên bị đuổi học. Về quê không bao lâu ông liên lạc với tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Từ đó ông tích cực hoạt động xây dựng cơ sở ở các địa phương.

Ngày 13 tháng 5 năm 1930 ông lãnh đạo nông dân Tân Dương và các vùng lân

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

cận biểu tình đòi bãi bỏ các thứ thuế nhân dịp chủ tỉnh Sa đéc (Esquivil-Ion) đến Tân Dương. **Ông bị bắt kết án 5 năm tù rồi đày ra Côn Đảo.**

Năm 1936, ông được trả tự do nhưng phải biệt xứ. Về sau ông được cử vào Ban chấp hành liên tỉnh miền Tây cùng với Tạ Uyên phụ trách báo Tiến lên của Liên tỉnh uỷ.

Sau khi Nam kỳ khởi nghĩa thất bại, trong cuộc họp xứ uỷ mở rộng vào đầu năm 1941, ông được cử làm phó bí thư xứ uỷ kiêm Bí thư Liên tỉnh uỷ. Nhưng đến năm 1942, ông bị bắt và bị kết án tử hình. Ngày 10-6-1942 ông hy sinh.

VÕ OANH

Nhà văn, nhà yêu nước, Võ Oanh sinh năm 1890 quê ở xã Văn Lâm, huyện Đức Thuỷ, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông sinh trong một gia đình nghèo, nhưng có truyền thống yêu nước, thông Hán văn, Pháp văn, nhưng không thi cử đỗ đạt gì.

Năm 1908, ông tham gia tích cực vào cuộc chống sưu thuế ở Nghệ Tĩnh nên bị thực dân Pháp bắt giam một thời gian. Ra tù, ông tiếp tục hoạt động chống Pháp trong lĩnh vực văn hoá, báo chí.

Từ năm 1928 - 1929, ông là thành viên của tổ chức *Tân Việt cách mạng đảng*. **Năm 1941 ông bị thực dân Pháp bắt giam lần thứ hai và đày ra Côn Đảo.**

Cách mạng tháng tám thành công, ông được đón rước về. **Nhưng đến năm 1946 ông lại bị Pháp bắt lần thứ ba và tiếp tục đày ra Côn Đảo**, đến năm 1949 mới được trả tự do, ông vẫn tiếp tục hoạt động yêu nước trong lòng đô thị, sinh nhai với nghề viết báo ở Sài Gòn.

Năm 1966, ông ra vùng giải phóng được cử làm Uỷ viên Uỷ ban Trung ương mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Uỷ viên Hội đồng cố vấn chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam

Những đóng góp tích cực, với lòng nhiệt thành yêu nước, bất chấp lao tù (ba lần vào nhà giam - hai lần đày đi Côn Đảo), ông được chính phủ Việt Nam tặng nhiều Huân chương cao quý.

Ngày 18/11/1977 ông mất tại TP. Hồ Chí Minh, hưởng thọ 87 tuổi.

TRẦN XUÂN LÊ

Sinh năm 1910 tại phường An Khê, thành phố Đà Nẵng, tham gia cách mạng năm 1935 hoạt động đặc lực trong phong trào dân chủ, nhất là vận động công nhân hoá xa mà ông làm ở xưởng sửa chữa đầu máy toa xe. Ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Năm 1942 ông bị bắt, cuối năm 1943 bị đày ra Côn Đảo.

Tháng 9 năm 1945, ông được giải phóng trở về đất liền, được phân công hoạt động ở Bến Tre, là Bí thư tỉnh uỷ Bến Tre nhiều năm.

Tháng 11 năm 1957 ông bị bắt và lại bị đày ra Côn Đảo đến ngày giải phóng Côn Đảo 01 - 5 - 1975.

Sau ngày giải phóng miền Nam, do tù đày lâu ngày, sức yếu, ông làm chuyên viên cho Ban tổ chức Trung ương Đảng.

Sau đó ông về nghỉ hưu tại TP. Hồ Chí Minh và mất ở Đà Nẵng.

Tính số năm ở tù, ông là người tù chính trị ở Côn Đảo lâu

NGÔ LIÊN

Ngô Liên sinh năm 1918 tại huyện Đông Quảng, tỉnh Quảng Đông Trung Quốc, dân tộc Hoa. Năm 1937 Nhật xâm lược Trung Quốc, ông ủng hộ kháng chiến chống Nhật tham gia đội cứu vong Hoa Kiều Chợ lớn và “kịch xã thép”. Sự hoạt động của ông chống Nhật hoà nhập với phong trào dân chủ Đông Dương nên tháng 2 năm 1939 ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương.

Tháng 7 năm 1941 ông bị bắt, án tử hình sau giảm xuống chung thân. **Năm 1942 đày đi Côn Đảo cùng vụ với các đồng chí hoa kiều Tăng Cẩm Tài, Lâm Vĩnh Phước ra đảo từ năm 1941.**

Cách mạng tháng 8 - 1945 thành công, ông được đón về và được giao nhiệm vụ vào Sài Gòn, Chợ Lớn thống nhất các tổ chức Hoa kiều và thành lập Tổng chi bộ Hoa kiều.

Năm 1954 ông tập kết ra Bắc giữ nhiệm vụ phó Chủ tịch Hội hoa liên (Hoa kiều liên hiệp hội).

Sau năm 1975, ông trở lại thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tịch mặt trận Tổ quốc thành phố, uỷ viên mặt trận Tổ quốc Trung ương, phó ban Dân vận thành uỷ. Gia đình ông trước sau hăng hái tham gia cách mạng Việt Nam.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.

NGUYỄN VĂN HOAN

Ông sinh tháng 2 năm 1907. Tháng 4 - 1927 ông được chọn đi học lớp chính trị do bác Hồ mở ở Trung Quốc. Được giao nhiệm vụ đi truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin ở 3 tỉnh Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình và xây dựng cơ sở VNTNCMĐCH ở các tỉnh này. Từ năm 1927 - 1929: Ông là Bí thư Tỉnh bộ lâm thời VNTNCMĐCH của tỉnh Nam Định, kiêm Hà Nam và Ninh Bình.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO



Ngày 7/11/1929 cùng với thanh niên Lương Văn Tuy đã treo cờ đỏ búa liềm trên núi Non nước (thị xã Ninh Bình) nhân dịp kỷ niệm lần thứ 12 Cách mạng tháng 10.

Ngày 18/11/1929, sau hai tuần treo cờ, trong khi đi công tác ở huyện Yên Mô, Ninh Bình cùng với liên lạc viên Lương Văn Tuy thì bị bắt và bị tra tấn; đưa đi tù khổ sai chung thân ở Côn Đảo. Cuối tháng 7/1936: Thời kỳ Mặt trận dân chủ bình dân, được Chính quyền mặt trận bình dân Pháp ân xá, về ở Thành phố Nam Định. 8/1945 - cuối năm 1947: Tham gia cướp chính quyền ở thành phố Nam Định, được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng thành phố Nam Định. Trong kháng chiến chống Pháp được chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến thành phố Nam Định, tham gia thành uỷ Nam Định

Công tác Mặt trận (Đảng đoàn trí thức vận), Phó văn phòng Liên khu uỷ liên khu 3, sau chuyển sang công tác ở Tòa án Nhân dân Liên khu 3.

1951 - 1954: Hội thẩm chính trị Tòa án quân sự Liên khu 3, sau đổi thành Tòa án nhân dân Liên khu. Từ 1954 - 1961: - Công tố uỷ viên, Tòa án nhân dân phúc thẩm Hà Nội;

Thành uỷ viên Thành uỷ Hà Nội;

1959: Viện trưởng Viện Công tố phúc thẩm Hà Nội (gồm 16 tỉnh miền Bắc). Từ 1961 - 1965: - Vụ trưởng Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương. 5/1965: - Nghỉ hưu, được hưởng chế độ ưu đãi tối đa của Đảng và Nhà nước. Ông mất tháng 2/1991.

NGUYỄN VĂN TÀI (1898 - 1974)

Danh Tăng, Nhà cải cách Phật giáo, pháp hiệu THIÊN CHIẾU, người đời thường gọi là *sư Thiên Chiếu*, quê ở xã Long Hựu, Gò Công, Tiền Giang.

Năm 1926 ông trụ trì chùa Linh Sơn, sau đó nhường trụ sở lại cho Hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học, ông về trụ trì chùa Chúc Thọ ở Gò Vấp (Gia Định).

Từ năm 1922 đến 1945, ông hằng lưu tâm đến việc chấn hưng Phật giáo, canh tân giáo lý đạo Phật đi gần với con đường dân tộc trước nạn bị trị. Ngay từ buổi đầu ông cộng tác với Hoà thượng Khánh Hoà, về sau ông đi con đường riêng của mình với chương trình cải cách mạnh mẽ, khác đời, nên đương thời ít người theo nổi.

Năm 1936, ông về Rạch Giá thành lập *Hội Phật học Niên Tế* ra Tạp chí *Tiến Hoá* hô hào cải cách Phật giáo sâu rộng, mở lớp dạy chữ Quốc ngữ miễn phí cho con em lao động, đem ánh sáng từ bi đi sâu vào đời sống xã hội. Từ năm 1940, ông cộng tác với hoà thượng Trí Thiên (Nguyễn Văn Đồng) ở chùa Tam Bảo (Rạch Giá) tham gia phong trào cộng sản, năm 1942 hai ông bị chính quyền thời đó bắt lưu đày Côn Đảo (Hoà thượng Trí Thiên mất ở Côn Đảo). Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 ông được

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

đón về đất liền một lượt với Phạm Hùng, Hà Huy Giáp...

Từ năm 1946, ông tham gia kháng chiến trong cương vị một nhà tôn giáo, xã hội. Sau hiệp định Genève (1954) ông tập kết ra miền Bắc, đến năm 1956 ông làm chuyên gia Việt Nam tại Bắc Kinh (Trung Quốc) mãi đến năm 1961 mới về nước.

Ông nghỉ hưu năm 1965 và đến năm 1974 qua đời ở Hà Nội.

NGUYỄN VĂN ĐÔNG (1882 - 1943)

Danh tăng, tên là **Nguyễn Văn Đông**, pháp hiệu **Hồng Nguyên**, pháp danh **Trí Thiên**, nên thường gọi là **Hòa thượng Thích Trí Thiên**. ông sinh năm 1882, quê ở làng Vĩnh Thanh Vân, huyện Châu Thành, tỉnh Rạch Giá (nay thuộc thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang). Nguyên quán ở làng Cái Dầu, huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (Nay thuộc tỉnh Đồng Tháp).

Ông xuất thân trong một gia đình nông nghiệp, con ông Nguyễn Văn Trình và bà Nguyễn thị Trường.

Năm 1912, ông xuất gia tu học với hòa thượng *Vĩnh Thùy* ở chùa *Thập Phương* (Rạch Giá) tại đây ông cùng thiện nam tín nữ trùng tu một ngôi chùa được Sắc tứ thời vua Gia Long, đổi tên chùa này là chùa *Tam Bảo*. Từ đó ông tạo dựng thêm được nhiều chùa mới thuộc tỉnh Rạch Giá và ở các hải đảo lân cận giúp các học tăng có nơi ăn học.

Năm 1931, ông tham gia hội *Nam kỳ nghiên cứu Phật học* nhằm chấn hưng đạo Phật. Tại chùa Tam Bảo ông cùng các hòa thượng *Khánh Hòa*, *Thiện Chiếu* góp công sức vào việc chấn hưng đạo Phật cho phù hợp với thực tế xã hội Việt Nam đương thời. Một thời gian ông cùng hòa thượng Thiện Chiếu bất đồng quan điểm với Hội, nên năm 1937 ông tự đứng ra thành lập *Hội Phật học Kiêm Tế*. Cùng thời điểm này Hội còn cho ra tạp chí *Tiến Hóa* giúp cho việc hoằng dương đạo pháp do ông làm *Chánh Tổng lý*.

Năm 1939, Hội Phật học Kiêm Tế trở thành một trung tâm sinh hoạt Phật giáo và cũng là nơi nhiều nhà hoạt động chính trị thường lui tới dùng nơi hội họp bí mật chống Pháp. Do vậy, Hội bị cấm hoạt động và chùa Tam Bảo cũng bị đóng cửa, ông bị Pháp bắt kết án 5 năm biệt xứ đày ra Côn Đảo.

Ở Côn Đảo chưa được 5 năm thì chế độ hà khắc ở nhà tù đã giết chết ông vào ngày 26 tháng 6 năm 1943.

Ngôi chùa Tam Bảo ở Rạch Giá mà cách đây gần một thế kỷ ông đã đứng ra trùng tu nay vẫn được gìn giữ tu bổ rất khang trang. Ngày 22/03/1988 Bộ VH TT nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ra quyết định số 301 công nhận chùa Tam Bảo là Di tích lịch sử văn hóa.

HẢI TRANG

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (1945 - 1954)

TÌNH HÌNH CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN 1945 - 1954

Thực dân Pháp chiếm lại Côn Đảo trong tay Sơn Vương và những người tù thường phạm một cách dễ dàng thuận lợi. Chúa đảo lần này là tên đại úy Gimbert người chỉ huy cuộc hành quân tái chiếm. Y củng cố lại hệ thống nhà giam, chuẩn bị đón tù. Tính đến cuối năm 1946, Côn Đảo đã có tới 784 tù mới. Chế độ lao tù dưới thời Gimbert nói chung rất dã man, tàn bạo.

“Gác ngục thì mỗi tên một vẻ hung ác. Vidan, Pôn Hiền, Angdolê, Loadô, Xaden thích đánh tù nhân như một thú tiêu khiển. Không thấy máu tù chảy là chúng ăn không ngon. Langhê thường dùng cù ngoéo có đóng đinh, đánh vào đầu rút thịt, tóe máu. Noóc măng đánh tù bằng bất cứ thanh sắt, khúc củi hay hòn đá nào mà hấn vớ được Bênarét là hung thần Sở Củi. Hấn từng đánh đến chết một tù nhân ngay tại sân củi vì không chịu nộp đủ mức khổ sai có những tên say máu như Giuyêvave đuổi bắt một tù nhân tay không gục ngã rồi còn cố bắn hết băng đạn ấy vào đầu nạn nhân. Tên Nôvắc, chủ Sở Rờsec có đủ kiểu tra tấn tàn bạo đến nỗi bọn giám thị thường đem tên y ra để hù dọa tù nhân “Chúng mày muốn gặp Nôvắc phải không?”... (NHÀ TÙ CÔN ĐẢO - trang 25 - NXB Sự Thật - Hà Nội - 1991).

Tuy nhiên thỉnh thoảng cũng có những giám thị hoặc chúa đảo không đến nỗi tệ. Đó là trường hợp giám thị trưởng *Toustou* và quản đốc *Hornecker*. *Toustou* là nhân vật quyền lực thứ nhì, sau chúa đảo *Gimbert*. Do đã tiếp xúc nhiều với những tù chính trị, *Toustou* kính trọng nhân cách những người tù cộng sản và có thái độ thông cảm với anh em tù nhân, thường tỏ ý không đồng tình với những thủ đoạn quá tàn ác của *Gimbert* và đồng bọn. Bọn này bèn âm mưu vu cho *Toustou* ăn cắp hai bao đường để tiếp tế cho tù Việt Minh chuẩn bị nổi loạn và vượt ngục. *Toustou* bị *Gimbert* bắt giam vào ngục rồi đưa về đất liền chờ ngày xét xử.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Theo kế hoạch vu khống đã vạch sẵn, chúng đem 72 tù nhân ra tra tấn dã man, hòng ép cung để bắt tội Toustou. Các anh Trần Nhật Quang bị đánh lòi mắt, Trần Văn Thành bị đánh nhằm chỗ hiểm mà chết, anh Ba Sở treo cổ tự tử, anh Tư Tỷ cũng treo cổ nhưng được cứu sống...

Lúc bảy giờ có linh mục Nguyễn Văn Mầu một người có lòng kính chúa yêu nước đang trông coi giáo xứ Côn Đảo. Hiểu rõ ẩn tình trong vụ án này linh mục Nguyễn Văn Mầu và một số người ủng hộ Toustou tìm cách đưa tin tức, dư luận vào đất liền và về bên nước Pháp. Nhà cầm quyền Sài Gòn phải cho viên thủ tướng bù nhìn Nguyễn Văn Thịnh ra đảo điều tra. Nhân dịp này, cụ Tú Oanh cùng một số anh em tù mạnh dạn đứng ra tố cáo mọi sự tàn ác của chế độ lao tù.

Sau vụ này, Gimbert mất chức, bị triệu hồi về nước.

HORNECKER “ĐẠI ÚY VIỆT MINH”

Ngày 2 - 9 - 1946, đại úy Hornecker được bổ nhiệm làm xếp chánh (giám thị trưởng) thay tên ác ôn Freden. Hornecker đã chứng kiến tận mắt những hành động tàn ác của bọn giám ngục. Là người có lòng nhân đạo, ông lật lại toàn bộ hồ sơ vụ án Toustou, làm lại báo cáo đúng sự thật, nhờ đó đã giải oan được cho Toustou.

Hornecker còn sửa đổi một số chế độ chính sách, ngăn cấm ngược đãi, giết hại tù nhân, để anh em bầu ra người đại diện làm cặp răng (caplan) tự quản sinh hoạt hàng ngày. Nhờ đó cuộc sống của người tù được một giai đoạn tương đối dễ chịu vào những tháng cuối năm 1946.

Noel năm 1946, đồng chí Hoàng Hữu Kinh người Bích Khê, Quảng Trị tử tù vừa được giảm án, làm thư ký Sở Rẫy, Chuồng Bò đã khéo léo tranh thủ ban quản đốc để anh em tù tổ chức Đêm Văn Nghệ mừng chúa giáng sinh. Ngoài gần trăm tù nhân của Sở Chuồng Bò còn có các gia đình công chức Pháp và Việt đến xem. Ngoài điệu vũ kịch *Hàng Nga ngủ trong rừng*, còn lại là những tiết mục có nội dung kêu gọi lòng yêu nước như: *Thanh niên hành khúc*, *Lên đàng* của Lưu Hữu Phước, *Nguyễn Trãi biệt Phi Khanh*... Đêm diễn nửa chừng thì tên chủ Sở Cò bắt dừng lại vì cho là có nội dung tuyên truyền cho Việt Minh nhưng Hornecker thuận nhiên cho diễn tiếp.

Ông nói: “Họ là Việt Minh, dĩ nhiên họ làm theo kiểu Việt Minh”.

Do thái độ và tình cảm của Hornecker dành cho tù kháng chiến, ông ta được anh em tù nhân và những người cộng sự chung quanh gọi ông là “Đại úy Việt Minh”.

Nhưng nhiệm kỳ của Hornecker kéo dài không được một năm. Tháng 5 - 1947, Jacques Brulé được bổ nhiệm quản đốc, thi hành một chính sách thâm độc kiểu “bê ngoài thơn thớt nói cười, mà trong nham hiểm...”. Dưới thời Brulé, khám tử hình có 17 tử tù. Anh Nguyễn Hoài Cư trước khi ung dung ra pháp trường đã cùng bạn tù vui vẻ hát những bài *Tiến quân ca*, *Lên đàng* để chia tay.

Anh Nguyễn Đình Chính, Trưởng ban I bị đưa về Sài Gòn hành quyết. Trước khi về anh để lại bài thơ:

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

*“Độc lập đến rồi các bạn ơi.
Chung thân, xử tử chỉ trò chơi
Giặc Tây sắp đến giờ tận số
Ta hát quân ca trở lại đời”*

Cuối năm 1947, “Ông bầu văn nghệ” Hoàng Hữu Kinh lại vận động xin tổ chức đêm kịch mừng xuân mới. Nhờ sự thành công của những tiết mục như kịch *Trường giả học làm sang*, *Hàng Nga ngủ trong rừng...* bọn thực dân có phần cởi mở để dải, để lộ một số sơ hở. Anh em liền tổ chức hàng chục cuộc vượt ngục.

MÙA VƯỢT NGỤC

Tháng 10 - 1946, 3 tù nhân vượt ngục bằng thuyền nhỏ. Hai lính Pháp đuổi theo. Tất cả 5 người đều bị rơi vào giòng nước xoáy, được một tàu dầu của Mỹ cứu được đưa về Thái Lan.

Cũng vào mùa gió chướng này, ông già Huệ đóng bè vượt biển. Sau 16 ngày đêm lênh đênh ông bị dạt vào bán đảo Mã Lai, được du kích Mã Lai cứu thoát. Ông tham gia du kích Mã Lai, bị thực dân Anh bắt trả lại cho Pháp. Pháp lại đẩy ra Côn Đảo ít lâu sau ông lại vượt ngục và lần này thì mất tích.

Anh Mười Bù cũng vượt ngục cùng một số thường phạm được tàu Anh cứu đưa về Singapore rồi lại trả cho Pháp, lại bị đẩy Côn Đảo... Lại tổ chức vượt ngục thành công, được mệnh danh là vua vượt ngục.

Chuyến vượt ngục thành công đầu tiên trong năm ấy là của hai anh Diễm và Phong. Cả hai về được bờ biển Bạc Liêu, tham gia kháng chiến ở địa phương.

Nguyễn Ngọc Luật vượt biển bằng thuyền ván, đưa 5 người về Rạch Giá sau 3 ngày đêm trên mặt biển.

Ít ngày sau chuyến vượt đảo thành công của Nguyễn Ngọc Luật, đến chuyến của anh Ba Rùm cùng 4 tù nhân Sở Bản Chế cướp ghe vượt ngục ngay tại Cầu Tàu. Cả ba về đến Cà Mau tham gia lực lượng võ trang Bình Xuyên.

Ngày 11 - 1 - 1948, một nhóm tù Sở Rẫy, An Hải và Sở Cửi vượt ngục bị phát hiện. Bọn lính vây ráp cả tuần lễ trong rừng. Nhân lúc địch tập trung vào rừng, để sơ hở ngoài biển, ngày 14 - 1 - 1948 một nhóm tù áo trắng dùng thuyền vượt biển ngay bãi Nhà Thờ, gần Cầu Tàu trước dinh chúa đảo.

Chuyến vượt ngục được tổ chức thực hiện như sau: Trúc Quỳnh (bồi bếp) và Võ Xuân Phong (hợp tác xã tiêu thụ) lo mua sơn vôi. Hoàng Hữu Kinh, Lê Huy Bái (văn phòng giám thị trưởng) thì nghiên cứu con nước thủy triều và qui luật bố phòng của địch. Phạm Gia (kho bạc) lo tiếp tế và liên lạc. Mười Bù và hai thường phạm lo chế tạo thuyền. Nhờ tay lái thiện nghệ. Mười Bù đưa thuyền cập đúng mũi Cà Mau sau hai ngày ba đêm trên mặt biển.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Mười Bù giác ngộ cách mạng, tham gia chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ. Hoàng Hữu Kinh về sau làm đại sứ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ở Ấn Độ và mới qua đời mấy năm sau ngày giải phóng 1975.

Một tháng sau, nhóm kéo cây do Lê Quỳnh Vân, Nguyễn Năng Tảo và Lâm Quang Xuân lại vượt đảo bằng thuyền khung mây bọc vải. Chuyến này có bốn tù thường phạm và 12 tù ở Sở kéo cây. Ngày 2 - 2 - 1948, các anh rời bến Cỏ Ống và đến được vùng biển Giá Rai (Bạc Liêu) an toàn.

Ngày 11 - 2 - 1948 nhằm mùng 2 Tết Mậu Tý, 7 tù chính trị ở Bản Chế do Nguyễn Việt Hùng cầm đầu đã cướp được chiếc ca nô duy nhất ở Côn Đảo vượt ngục về Cà Mau an toàn.

Noi gương tù ở Bản Chế, tù nhân Sở Lưới trên đường sang Hòn Tài bắt vách đã trói chủ sở Machior, 1 lính Pháp và 1 tù Nhật Bản vút lên bãi cát rồi vượt biển về đến đất liền an toàn.

Tối 7 - 5 - 1948, tù nhân Sở Lưới ra khơi đánh cá. Hai giám thị Barère và Mourges cùng thầy chú Nguyễn Văn Đàng ngồi trên ghe máy, kéo theo một chiếc ngư thuyền chở 27 tù nhân và thấy chú Nguyễn Văn Ngọc. Đến 9 giờ tối, ghe ra đến Hòn Tre thì Nguyễn Văn Đàng cùng tù nhân Nguyễn Văn An quát ngã Barère đoạt súng ngắn. Hai tù khác đoạt tiểu liên của Mourges. Tên Mourges chống cự nên bị bắn chết. Ngày hôm sau, Brulé huy động tàu tuần tiểu và cả thủy phi cơ đi tìm nhưng không có kết quả.

Đoàn tù vượt biển về đến vùng Mỹ Thanh (Hậu Giang) được chính quyền kháng chiến đón tiếp. Mọi người đều gia nhập kháng chiến quân. Tên Barère đáng lẽ bị xử tử nhưng những người tù vượt ngục đã xin tha chết cho y.

Giữa lúc ấy, có tin Cao ủy Emile Bolaert ghé Côn Đảo cùng Battet, đô đốc tư lệnh Hải quân Pháp ở Đông Dương. Nhân dịp này, Brulé cho tù nhân tổ chức một buổi văn nghệ để chào mừng cấp trên.

Ban văn nghệ được đưa ra biểu diễn trên tuần dương hạm đậu ngoài khơi. Điều này chứng tỏ Brulé đã không tin tưởng tình hình an ninh trên đất liền Côn Đảo.

Ban văn nghệ do các anh Lương Văn Thắng, Nguyễn Ngọc Lâm, Trần Duy Giang, Lưu Phè và Quang được chuẩn bị biểu diễn vở kịch *Thầy thuốc bất đắc dĩ* của Molière. Nhưng thay vì diễn kịch, khi lên tàu, toàn ban đã mở đầu đêm văn nghệ bằng một màn tố cáo tội ác của nhà tù Côn Đảo và khẩu chiến trực diện với Bolaert. Kết cuộc kịch chưa diễn mà toàn ban bị còng tay đưa xuống ghe trả về xà lim.

Với sự cố này, đoạn đời cai trị đầy thủ đoạn và tham vọng của Brulé đã kết thúc Henri Lafosse một sĩ quan khinh binh lên thay.

LIÊN ĐOÀN TÙ NHÂN CÔN ĐẢO

Dưới thời Lafosse, những hành động hung bạo của bọn cai trị lại tái diễn, nhưng

lúc này, tù nhân Côn Đảo bầu được một ban chấp hành lâm thời Liên Đoàn tù nhân Côn Đảo. Liên Đoàn phát động một đợt đình công toàn diện, được tất cả tù nhân áo trắng, áo xanh và cả tù tư pháp hưởng ứng để phản đối việc tên giám thị ác ôn Bénarès giết chết một tù nhân Sở Cũi tên là Mười Tôn. Tiếp theo đó, chúng còn giết chết anh Đặng Văn Huy, tra tấn đến chết anh Nguyễn Văn Điều. Mỗi lần chúng phạm một tội ác, anh em tù lại tổ chức một buổi tuyệt thực để phản đối khiến lực lượng giám thị luôn luôn căng thẳng để đối phó.

Một sáng chủ nhật giữa tháng 5 - 1948, một kíp tù 44 người làm khổ sai ở Hòn Bảy Cạnh đã bắt gọn toàn bộ giám thị, thầy chú và vợ chồng gác pha Duphay, cướp thuyền vượt biển. Kế hoạch vượt ngục này do anh Đặng Văn Hà tức Hà Lèo tổ chức thực hiện. Do không đủ ghe thuyền, một bộ phận hạ thủy đi thoát được, bỏ lại 19 người trong đó có ban lãnh đạo cuộc vượt ngục. Trong thời gian quản thúc đối phương, anh Hà Lèo và anh em có thái độ cư xử đúng đắn nhân đạo đối với gia đình vợ con họ. Cảm kích trước thái độ đó, số người này tự nguyện đứng ra bảo lãnh và xin phóng thích cho số 19 người anh em này. Một năm sau, quả nhiên cả 19 người đều được trả tự do.

Sau cuộc vượt ngục ở Bảy Cạnh, Lafosse tăng cường mạng lưới chỉ điểm trong tù. Để đối phó với hoạt động của bọn này, anh em tù chính trị đã bí mật tiến hành một phong trào diệt ác trừ gian. Tên tù gian Nguyễn Văn Tốt bị diệt ở Côn Đảo. Tên Võ Phương Ninh về khám Lớn Sài Gòn gặp lại các anh em tù nhân ở Bản Chế. Các anh em này liền tổ chức diệt luôn tên tù gian Võ Phương Ninh. Tháng 11 - 1949, tạp chí Côn Đảo Mới, tiếng nói của Liên Đoàn tù nhân công bố danh sách Ban Chấp hành gồm: chủ tịch Tư Ba Đào, Phó chủ tịch kiêm tổng đại diện Trịnh Văn Hà cùng các Trưởng ban: Trương Anh Tuấn (tuyên truyền), Lê Ngọc Hương (Huấn Học), Nguyễn Tiếp (xã hội).

Từ khi có Liên Đoàn, đời sống của người tù dần dần được cải thiện. Các hoạt động báo chí, văn nghệ, bình dân học vụ đều phát triển. Ngoài tờ Côn Đảo Mới còn có các tờ báo khác như *Đời Sống Mới*, *Văn Nghệ*, các khám cũng có tờ báo tường của tù nhân ở khám mình: *Bạn tù* (khám Tử Hình) - *Đoàn kết* (Sở Rẫy An Hải) - *Tiến lên* (Lò Vôi) - *Xây dựng* (Thợ Hồ) - *Thắng lợi* (Sở Cũi) - *Tiền Phong* (Chỉ Tôn) - *Lao động, Công nhân* (Bản Chế)... Khu vực tù thường phạm cũng có tờ *Cởi áo Giang Hồ*, vận động anh em tù tư pháp cởi áo giang hồ, theo tiếng gọi của những người yêu nước.

Liên đoàn hoạt động hiệu quả đến nỗi gặp một số trường hợp mâu thuẫn giữa tù tư pháp với gia đình công chức, vị công chức đó đã nhờ Liên đoàn giải quyết thay vì kiện lên ban quản đốc.

Trong thời kỳ này, thắng lợi quân sự và chính nghĩa kháng chiến trên chiến trường cả nước cũng như uy tín của Liên đoàn làm chuyển hóa được nhiều người trong bộ máy cai trị của nhà tù.

Giám thị Trần Tần đã bí mật cung cấp phương tiện cho nhiều tổ chức vượt ngục. Thầy chú Ba Thà giúp tù nhân giấy, bút. Thầy chú Hai Nhỏ, bà Nguyễn Thị Năm (vợ

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Mourges), Hồ Thị Ba (vợ Lasomme) giúp thuốc men, đường, sữa. Ruby, nhân viên kho bạc (gốc Ấn Độ) bảo lãnh nhận bưu kiện tiếp tế cho Liên đoàn. Họ không còn là cánh tay đắc lực của thực dân nữa.

Một bác sĩ Pháp là Jean Charles, đảng viên Đảng xã hội Pháp vốn có thiện cảm với tù kháng chiến. Ông thường chăm sóc giúp đỡ tù nhân và mua tặng tù nhân nhiều sách báo mác xít.

Linh mục Nguyễn Văn Máu thường giúp tù nhân thư từ tài liệu của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ rồi tìm cách chuyển lại cho các đầu mối trong nhà tù.

Khi tổ chức Liên đoàn đã vững chắc, anh em tù chính trị đã tiến tới thành lập Đảng bộ nhà tù Côn Đảo. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 7 người do Lê Trọng Bộ làm Bí thư. Nguyễn Đình Thâu làm Phó Bí thư phụ trách Tuyên Huấn, Trần Khắc Du phụ trách dân vận, Nguyễn Văn Năm, Trần Chính Quyền, Lê Quang Thuyết, Nguyễn Văn Thương là ủy viên phụ trách cơ sở.

Để đối phó với Đảng bộ và Liên Đoàn Tù Nhân Kháng Chiến, Lafosse khuyến khích bọn tù thuộc các phe phái quốc gia (Việt Nam Quốc dân Đảng, Đại Việt, Cao Đài, Hòa Hảo) lập ra một tổ chức tù gian gọi là Liên Minh Dân Chủ Xã Hội, thường gọi là Liên Xã.

Được sự hỗ trợ của Pháp, bọn Liên Xã liên tiếp gây bạo động tấn công tù kháng chiến ở nhiều khám. Tuy vậy, anh em tù kháng chiến vẫn một lòng siết chặt hàng ngũ quyết liệt chống trả bọn chúng suốt mấy năm liền.

Tháng 4 - 1951, Jarty được cử làm giám đốc thay Lafosse mãn nhiệm kỳ, mới đến Côn Đảo một tháng, Jarty đã chỉ huy một cuộc tổng khủng bố đẫm máu toàn các khám vào ngày 20 - 5 - 1951. Theo bài bản của Lafosse, Jarty tiếp tục hỗ trợ ban Liên Xã và tăng cường các chế độ biệt giam, thẳng tay hành hạ khủng bố.

Theo báo cáo của Đảng ủy nhà tù, tính đến tháng 9 - 1952 trong tổng số 2.337 tù nhân có 2.000 người tham gia tổ chức Liên đoàn, chỉ có 100 tên theo Liên Xã. Dù được trang bị bằng vũ khí nhọn như dao găm, gậy gộc và khi cần lại được yểm trợ bằng súng đạn của bọn giám thị nhưng chúng vẫn không làm thay đổi được tương quan lực lượng. Dần dần do mâu thuẫn nội bộ giữa bọn chúng, lực lượng Liên Xã ngày càng mất hiệu lực. Ngày 27 - 2 - 1953, tên Nguyễn Văn Tân cầm đầu Liên Xã bị phát hiện trong tình trạng chết treo. Tên Lê Trung Chánh được ân xá, về Sài Gòn chết vì bệnh lao.

TRẠI TÙ BINH

Cuộc kháng chiến ngày càng dành được nhiều thắng lợi vang dội. Sau chiến dịch biên giới (1950) tù binh Pháp và Lê Dương bị bắt ngày càng nhiều, trong đó có những sĩ quan cao cấp như Lepage, Charton, Beaufré, Communal... giặc Pháp đã thực sự phải đối phó với một cuộc chiến tranh chính qui. Chúng buộc lòng phải lập những trại tù binh có qui chế để khi cần có thể thương lượng trao đổi tù binh.

Ngày 3 - 5 - 1951 chuyển tù binh đầu tiên ở các tỉnh miền Bắc bị đưa ra Côn Đảo.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Đoàn tù binh thứ hai gồm 135 người tù Bắc Bộ đến đảo ngày 6 - 10 - 1951.

Đầu năm 1952, Đại hội Đại biểu lần thứ 3 của Đảng bộ Côn Đảo được tổ chức. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảo ủy, thống nhất hai khối tù án và tù binh. Anh Lê Văn Hiến làm Bí thư, bí danh Vũ Chính. Anh Lê Mai làm thường vụ Đảo ủy kiêm chủ tịch Liên đoàn tù nhân.

Trong 2 năm 1951 - 1952, thực dân Pháp thua đau trên chiến trường. Sau trận Hòa Bình, Tướng De Lattre de Tassigny, tổng chỉ huy quân đội kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương bị bệnh bất ngờ, nói là bị ung thư(?). De Lattre về Pháp thì chết. Trước đó, trong chiến dịch Hà Nam Ninh, con trai De Lattre là trung úy Bernard De Laltre tử trận tại chỗ. Tháng 1 - 1952, trung úy Leclerne, con trai đại tướng Leclerne bị bắt ở trận tuyến Sông Đáy.

Như con thú dữ trong bước đường cùng, thực dân Pháp xử bắn hàng loạt chiến sĩ cách mạng để trả thù và để tự trấn an. Chỉ riêng năm 1952, chúng đã hành quyết 85 người tại Côn Đảo, chiếm 56,4% số người bị hành quyết trong 9 năm (1946 - 1954). Trong tháng 1 - 1954, chúng đã tiến hành 3 đợt xử bắn trong đó có chiến sĩ Võ Thị Sáu.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÔN ĐẢO THỨ IV

Sự hy sinh oanh liệt của Võ Thị Sáu càng nung nấu ý chí căm thù và lòng yêu nước của người tù Côn Đảo.

Ngày 12 - 12 - 1952, 28 tổ xung kích của Đại đội Quyết Thắng đã bạo động, bắt gọn 28 lính gác da đen, thu hết vũ khí. Tuy họ hành động thành công nhưng không thoát ra khỏi đảo được nên bị bắt lại gần hết. Thực dân Pháp đưa số này về Sài Gòn để xử tội Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã bào chữa cho họ được trắng án.

Cuối năm 1953, Đảng bộ nhà tù Côn Đảo tiến hành Đại Hội lần thứ IV. Đại Hội bầu Nguyễn Văn Thi làm Bí thư Đảo ủy, Đỗ Hoàng Trử là phó bí thư kiêm chủ tịch Liên đoàn Tù nhân.

Đại hội xác định rõ *nhà tù là một mặt trận trong cuộc kháng chiến, tù nhân là một lực lượng chiến đấu*. Đại hội nhận định cuộc kháng chiến đang bước vào giai đoạn phản công giành thắng lợi quyết định. Đảo ủy không chỉ có nhiệm vụ lãnh đạo tù nhân mà còn phải lãnh đạo toàn diện trên địa bàn Côn Đảo, bao gồm cả các đối tượng thành phần trong bộ máy chính quyền của thực dân.

Lúc này, lực lượng tù án đã được tổ chức thành 80 toán. Một kíp khác tổ chức được 1 trung đội gồm 32 người phụ trách phương án đánh chiếm tàu hàng. Trại tù binh được tổ chức thành một tiểu đoàn. Cuối năm 1953, phương án vũ trang giải phóng đảo được ráo riết chuẩn bị. Tổ sản xuất rèn được hàng trăm dao găm tù đỉnh bù loong. Tổ binh vận giấu được cả súng ống đạn dược.

Trong thời gian này, tổ binh vận còn mở được một lớp huấn luyện đường lối chiến tranh nhân dân cho lính gác người Âu Phi. Sau khi Pháp thua trận Điện Biên Phủ, nhiều

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

lính Âu Phi trở về tham gia đấu tranh giải phóng đất nước họ. Một số người sau ngày dành được độc lập, trở thành nhân vật lãnh đạo nhà nước và quân đội ở Algérie. Họ đã viết thư sang Việt Nam nhắc lại những kỷ niệm lao tù Côn Đảo với những tình cảm biết ơn sâu sắc.

Những việc tổ chức chuẩn bị này không phải là vô ích. Sau thất bại cay đắng ở Điện Biên Phủ, thực dân Pháp buộc phải ngồi vào bàn Hội nghị Genève.

Trong khi bọn thực dân ở Côn Đảo vẫn tìm cách bung bít tin tức trên chiến trường và trên bàn Hội nghị thì ngày 14 - 8 - 1954 Pháp cho máy bay thả dù xuống Côn Đảo 1 hòm văn kiện liên quan đến việc lập danh sách trao trả tù Côn Đảo.

Ngày 20 - 8 - 1954, 512 tù binh quê ở miền Bắc và miền Trung đã được xuống tàu, hồi hương.

Ngày 30 - 8 - 1954, Pháp đưa 81 tù binh quê ở Nam Bộ về Sài Gòn trao trả.

Tuy vậy, những anh em còn lại vẫn phải đình công, tuyệt thực tiến hành một cuộc đấu tranh qui mô dài 40 ngày. Đến ngày 9 - 9 - 1954 cuộc đấu tranh thắng lợi. Pháp đã phải trao cho đại diện Tổng Bộ Việt Minh bản danh sách 1.092 tù chính trị ở Côn Đảo.

Trong không khí thắng lợi tung bừng của quân dân cả nước, tù kháng chiến đã trồng cột cờ trong sân Banh I. Kể từ khi quân Pháp tuyên bố chiếm đảo đây là lần thứ hai lá cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc Việt Nam phất phới tung bay trên bầu trời Côn Đảo.

Có thể nói đây là hình ảnh đánh dấu sự kết thúc chế độ lao tù Côn Đảo thời Pháp thuộc gắn liền với lịch sử tranh đấu của dân tộc. Tính từ năm 1862 đến cuối năm 1954, thời kỳ này kéo dài đúng 92 năm.

Tuy nhiên, những trang sử đầy máu lệ của nhà tù Côn Đảo chưa phải đến đây là hết. Và cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn...

HOÀNG HOA

NỮ ANH HÙNG LIỆT SỸ VÕ THỊ SÁU TRONG TÂM LINH NGƯỜI DÂN CÔN ĐẢO



Trong thời kháng chiến chống Pháp, Võ Thị Sáu là người nữ tù chính trị đầu tiên và duy nhất mà thực dân Pháp đày ra Côn Đảo và hành hình tại đảo. Hơn 50 năm trôi qua kể từ ngày chị anh dũng hy sinh, đã có rất nhiều tác phẩm ở nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau ca ngợi về gương kiên trung bất khuất và khí tiết hiên ngang lẫm liệt của chị. Mỗi khi nhắc tới Côn Đảo người ta không thể không nhắc đến tên chị. Nhiều thế hệ cả nước đều gọi chị bằng hai tiếng rất gần gũi, thân thương là “Chị Sáu”.

Chị Võ Thị Sáu sinh năm 1933 tại xã Phước Thọ nay là huyện Long Đất) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thân sinh ra chị là ông *Võ Văn Hợi* và bà *Nguyễn Thị Đậu*. Ông bà có sáu người con, chị là người con thứ năm trong gia đình (tính theo miền Nam là thứ sáu).

Quê hương Đất đỏ có núi Châu Viên hùng vĩ, có biển Long Hải bao quanh, mũi Kỳ Vân thơ mộng, có chùa Long Bàn đáng vẻ uy nghiêm với lối kiến trúc đậm đà sắc thái dân tộc; có xã Long Mỹ (Nay là Phước Long Hội anh hùng), một trong những nơi có cơ sở cách mạng đầu tiên trong tỉnh. Kế đó là xã Phước Hải, nơi chi bộ cộng sản đầu tiên ở vùng Bà Rịa - Vũng Tàu ra đời (1934) khi Võ Thị Sáu mới tròn một tuổi.

Quê hương Long Đất giàu truyền thống cách mạng đã sản sinh ra người thiếu nữ Anh hùng Võ Thị Sáu.



Tượng đài Võ Thị Sáu

Năm 1947 (14 tuổi) chị gia nhập đội công an xung phong quận Đất Đỏ trừng trị ác ôn, bảo vệ dân làng, từ đó chị trở thành người chiến sỹ trinh sát hoạt động phá tề, trừ gian. Ngày 14/7/1948, chị đã dũng cảm dùng lựu đạn tấn công cuộc mít tinh do địch tổ chức tại chợ Đất Đỏ. Trận đánh ấy đã làm cho tên tỉnh trưởng Lê Thành Tường mất mặt với quan Tây. Đồng bào Đất Đỏ thì hết lời ngợi khen Việt Minh xuất quỷ nhập thần. Võ Thị Sáu được tuyên dương trước toàn đội.

Tháng 2/1950, tại phiên chợ giáp tết Canh Dần, trong một trận tập kích ném lựu đạn diệt các tên cai Tổng Tông, Cả Suốt, Cả Đay, chị không may bị sa vào tay giặc. Bắt được chị, địch đã dùng mọi cực hình để tra tấn nhưng không khai thác được gì ở chị, địch đưa chị về giam ở khám Chí Hòa (Sài Gòn).

Tại phiên tòa đại hình của giặc Pháp, chị khẳng định: *“Yêu nước chống bọn thực dân xâm lược không phải là tội”*. Tên quan tòa rung chuông ngắt lời chị và tuyên án: *“Tử hình, tịch thu toàn bộ tài sản”*.

Chị thét vào mặt tên chánh án thực dân :

- *“Tao còn mấy thùng rác ở khám Chí Hòa tụi bây vô mà tịch thu”*.

Tốp hiến binh xông vào công tay chị lôi đi. Tiếng chị còn vẳng lại :

- *“Đả đảo thực dân Pháp, Kháng chiến nhất định thắng lợi...”*

Thực dân Pháp không dám thực hiện bản án tử hình đối với người con gái chưa đến tuổi thành niên, chúng lại tiếp tục giam chị ở nhà lao Chí Hòa.

Tháng Giêng năm 1952, để tỏ rõ dã tâm thúc đẩy chiến tranh và cũng để trả thù cho những trận thua đau, thực dân Pháp đã xử bắn hàng loạt các chiến sỹ cách mạng.

Ngay trong tháng Giêng năm 1952, tại Côn Đảo chúng đã xử bắn hai đợt 14 người, đến đợt thứ 3 vào ngày 23/01/1952 chúng tiếp tục xử bắn 02 người nữa trong đó có Võ Thị Sáu.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Chuyến tàu ngày 21/01/1952, thực dân Pháp đưa chị ra Côn Đảo, ngày ấy các khám giam ở Côn Đảo không có nữ tù. Chúng tạm giữ chị ở Sở Cò (Cảnh sát tư pháp)

Đêm ấy chị đã hát suốt đêm, chị hát những bài hát hào hùng của một thời kháng chiến: *Lên đàng, Cùng nhau đi hùng binh, Tiến Quân ca...*

Bốn giờ sáng ngày 23/01/1952, tên giám thị trưởng và tên chủ Sở Cò áp giải chị đến văn phòng giám thị trưởng. Sau khi tên chánh án làm thủ tục thi hành án xong thì viên cố đạo lên tiếng :

-“Bây giờ cha rửa tội cho con...”

Chị gạt phất lời cha cố :

-“*Tôi không có tội. Chỉ có kẻ sắp hành hình tôi đây mới là kẻ có tội...*”

Viên cố đạo kiên nhẫn thuyết phục:

-“Trước khi chết con có điều gì ân hận không ?”

Chị trả lời:

-“*Tôi chỉ ân hận là chưa tiêu diệt hết bọn thực dân cướp nước và bọn tai sai bán nước...*”

Lúc bấy giờ hàng ngàn trái tim của người tù chính trị từ Banh I, Banh II, Banh III họ đã thốn thức suốt đêm, khi lắng nghe bước chân đao phủ giải chị Sáu đến nơi hành hình, đứng vào lúc ấy tất cả đứng dậy hát bài *Chiến Sĩ ca*, đó là bài hát thời ấy dành để tiễn đưa những người đồng đội ra pháp trường.

Ra đến pháp trường, tên chánh án hỏi chị : “Còn yêu cầu gì trước khi chết?”

Chị yêu cầu : “*Không cần bịt mắt tôi. Hãy để cho đôi mắt tôi được nhìn đất nước mình đến giây phút cuối, và tôi có đủ can đảm để nhìn thẳng vào họng súng của các người*”. Chị cất cao tiếng hát - Chị hát bài Tiến Quân Ca. Giọng hát của người con gái Đất Đỏ thiết tha, bay bổng, chị không nghe tiếng tên chánh án đọc lệnh thi hành án tử hình, chị cũng không nghe tiếng tên đội trưởng Lê dương chỉ huy hô lệnh cho toán lính lên đạn, chị vẫn say sưa hát...

Khi tên chỉ huy hét lên: “Mục tiêu chuẩn bị!”

Chị Bồng dừng hát và hét lên:

“- *Đả đảo thực dân Pháp.*

- *Việt Nam độc lập muôn năm.*

- *Hồ Chủ tịch muôn năm*”.

Tiếng hét của chị làm bọn đao phủ phải chùng tay súng, bảy tiếng súng khô khốc nổ chuệch choạc. Võ Thị Sáu vẫn hiên ngang đứng đó. Cặp mắt chị trừng trừng nhìn chúng một cách ngạo nghễ. Tên đội Lê dương không tổ chức bắn loạt thứ hai, hấn rút súng ngấn lăm lăm bước lại gí vào mang tai chị bóp cò.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Chị đã anh dũng hy sinh lúc *7 giờ sáng ngày 23/01/1952 nhằm ngày 27 tháng chạp năm Tân Mão*. Cùng ngày hôm đó giặc Pháp còn xử bắn đồng chí Hồ Văn Năm, quê ở Vĩnh Long.

Ngay tối hôm chị hy sinh, kíp tù làm thợ hồ (ở khám 2 Banh I) tìm cách đục cho chị một tấm bia bằng xi măng. Sáng hôm sau hay tin, tên chúa đảo Jarty đích thân dẫn lính đến đập nát tấm bia, san bằng ngôi mộ. Sáng hôm sau, mộ chị lại được đắp cao hơn trước và một tấm bia bằng xi măng khác được đặt lên trang trọng.

Chúa đảo Jarty hay tin liền ra lệnh cho giám thị trưởng Passi chỉ huy cho 20 tên tay sai mang 10 bó mây đến khung bố kiếp tù thợ hồ, họ lôi từng người ra đánh, mặc cho bị lủng đầu, rách lưng, đổ máu... nhưng không ai hé răng khai báo.

Sau trận ấy, nhiều tù nhân phải nằm bệnh xá, những người tình nghi bị phạt nằm xà lim. Song những người còn đi làm khổ sai vẫn lên dấu từng nhúm ximăng để dựng lại bia, đắp lại mộ cho chị.

Không ai nhớ hết đã có bao nhiêu lệnh chỉ huy của bọn chúa đảo, gác ngục cho tay sai ra đập phá bia mộ Võ Thị Sáu, và cũng không biết có bao nhiêu tấm bia mộ được trân trọng đặt lên mộ của chị. Bọn gác ngục không sao hiểu nổi, cứ mỗi lần chúng đập bia, phá mộ chị thì sau đó bia mộ chị vẫn hiện lên như trước. Họ bắt đầu lan truyền rằng: *“Cô Sáu rất linh thiêng, không ai có thể đập phá được mộ của cô được, họ còn đồn rằng cô đã hiện về, cô sẽ vận cổ những tên hồn láo...”*.

Một điều trùng hợp mà không ai lý giải được là những tên hồn láo trực tiếp chỉ huy phá mộ chị, hoặc trực tiếp đập bia mộ chị thì vài hôm sau chúng lại chết “bất đắc



Bãi Trước, Vũng Tàu, nơi cách đây hơn 50 năm tàu chở chị Sáu ra Côn Đảo hành hình đã neo đậu

kỳ tử” hoặc khùng khùng - điên điên. Bọn gác ngục, trật tự bắt đầu chùn tay. Ngày ấy trước mộ chị có một cây Dương (Phi lao) bỗng rụng khô héo dần, nhưng còn một cành hướng về phía Bắc vẫn sống xanh tươi, cây dương đã góp phần làm nên huyền thoại về chị. Vợ con bọn gác ngục đồn rằng: “*Hương hồn cô Sáu còn hướng về phương Bắc - quê của lãnh tụ kính yêu của cô mà cô đã luôn miệng gọi trước khi bị hành quyết. Cô Sáu đã hoá thân từ gốc cây Dương ra trừng trị những tên ác ôn nào đi ngang qua đấy...*” Tin đồn ấy làm cho nhiều tên cai ngục mỗi khi chiều xuống không dám lảng vảng ở khu vực Nghĩa địa Hàng Dương.

Ngày nay thay vào đó là cây Lê ki ma - Một loài cây ở miền Đất Đỏ đã từng cho ra những chùm hoa để chị nhặt kết thành chuỗi vòng, cùng các bạn đùa vui thời thơ ấu. Những cánh hoa Lêkima đã trở thành kỷ niệm thơ mộng, đẹp nhất ở tuổi thơ của chị.

Cũng từ đó, bọn cai tù, gác ngục, trật tự... kể cả vợ con của họ không còn quen với những lời thề có trời đất, quỷ thần nữa, mà họ thề: “***Có Cô Sáu chứng giám***”. Lời thề ấy linh thiêng ứng nghiệm đến cả tên chúa đảo.

Từ đó không chỉ riêng ở người tù chính trị mà có cả những người tù thường phạm, vợ con gác ngục, binh lính, viên chức mỗi lần có dịp đi ngang qua Hàng Dương họ đều không quên đặt trên mộ chị một viên đá, thắp nén nhang, hay cắm một bông hoa với tấm lòng thành kính, ngưỡng mộ.

Năm 1960, Tăng Tư (phó tỉnh trưởng nội an) có mặt ở Côn Đảo, nghe nhiều chuyện về Võ Thị Sáu, vợ chồng y âm thầm lập bàn thờ chị Sáu trong nhà làm vị thần hộ mệnh, có lần Tăng Tư còn dùng oai linh của chị để xử một vụ tố tụng.

Năm 1964, Tăng Tư nhậm chức tỉnh trưởng liền làm lễ tạ và gieo quẻ xin phép được trùng tu ngôi mộ của chị. Vợ Tăng Tư về ngay Chợ Lớn đặt một tấm bia đá và khắc dòng chữ: “***Liệt nữ Võ Thị Sáu***”. Vợ chồng Tăng Tư đã làm lễ long trọng đặt bia cho chị (Tấm bia vẫn còn lưu giữ đến ngày nay).

Chị Võ Thị Sáu là một người con trung hiếu, người đồng chí sắt son được nhân dân tin yêu kính phục. Tên tuổi chị Võ Thị Sáu đã được chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc tới trân trọng. Cuộc đời và sự nghiệp của chị đã được ghi vào lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử phụ nữ Nam bộ, lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, lịch sử huyện Long Đất và lịch sử nhà tù Côn Đảo. Ngày 2-8-1993, chị Võ Thị Sáu đã được Chủ tịch nước ký quyết định truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Chị không chỉ hiện hữu trong lòng người dân như một vị anh hùng đã hy sinh tính mạng nhằm góp phần đem lại độc lập tự do cho Tổ Quốc, mà trong tâm thức người dân ở Côn Đảo: “***Nữ anh hùng liệt sỹ Võ Thị Sáu***” đã được thiêng hoá như một vị nữ thần bảo hộ cho cuộc sống muôn mặt của người dân xứ Đảo và hàng chục ngàn ngư dân khắp nơi hàng năm ghé vào Đảo tránh sóng, bão... Vào những ngày rằm, mừng

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

một hàng tháng từ tờ mờ sáng đã có người đến viếng mộ Chị, đêm giao thừa bà con đến xin chị phúc lộc đầu năm. Những bông hoa tươi thắm, những chiếc gương, lược và những nén tâm hương, hàng ngày đặt bên mộ chị chính là bằng chứng của điều ấy. Hàng năm vào ngày 23/01 bà con nhân dân Côn Đảo tổ chức lễ giỗ chị một cách trang trọng và đầy lòng thành kính như giỗ một người thân trong gia đình mình.

Riêng tôi, mỗi khi gặp một điều gì khó khăn trong cuộc sống, trong công tác tôi đều tưởng nhớ đến chị, tôi đến bên mộ chị thắp nén hương thành kính nguyện cầu. Tôi vẫn biết Chị không thể nào hiện thân như những ông Bụt, Bà Tiên như trong các câu chuyện thần thoại để tháo gỡ những vướng mắc hoặc trực tiếp giúp đỡ cho tôi được điều gì trong thực tại. Nhưng đến bên mộ chị tôi được đứng trước tấm gương sáng để soi rọi lại mình đã làm điều gì đúng và điều gì chưa đúng. Đồng thời củng cố ý chí của mình hãy noi gương chị: *phải biết vượt qua mọi thử thách gian khó dù bất kỳ hoàn cảnh nào.*

Đến một ngày nào đấy, những nhân chứng lịch sử cuối cùng biết về Võ Thị Sáu sẽ ra đi, nhưng cuộc đời và huyền thoại về Chị còn được lưu truyền mãi mãi. Tên tuổi Chị đã trở thành tên sách, tên đường, tên trường, tên đoàn, tên đội... ở khắp mọi miền đất nước. Chị vẫn đang sống cùng đất nước, cùng thế hệ trẻ Việt Nam và ở ngay tại Côn Đảo, nơi chị đang yên nghỉ, chị vẫn sống trong tâm linh mỗi người dân, từ lúc họ bắt đầu thức dậy cho đến khi lắng sâu vào giấc ngủ mỗi ngày.

THANH VÂN



Thanh niên
Côn Đảo chăm
sóc mộ phần
các liệt sĩ tại
nghĩa trang
Hàng Dương
nhân dịp 27-7

LIỆT SĨ HỒ VĂN NĂM NHỮNG ĐIỀU BÂY GIỜ MỚI KỂ

Trong lịch sử hơn một trăm năm tồn tại của nhà tù Côn Đảo, đã có biết bao cuộc đời, biết bao câu chuyện bi tráng, cảm động của những người chiến sĩ cộng sản mà ý chí bất khuất, lòng kiên trung của họ trở thành những huyền thoại, tô đậm truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng, của dân tộc. Câu chuyện về liệt sĩ Hồ Văn Năm - người bị giặc đưa ra pháp trường xử bắn cùng ngày với chị Võ Thị Sáu - là một trong những chuyện đời bi tráng, cảm động ấy nơi ngục tù xưa.

Trên trang 3 báo *Quân đội nhân dân cuối tuần* số 656 ra ngày 27/7/2008 có đăng bài viết của tác giả Nguyễn Văn Minh với tựa đề “Hồ Văn Năm - Người ra pháp trường cùng chị Võ Thị Sáu”. Nội dung bài viết chính là một tư liệu lần đầu công bố. Bởi Hồ Văn Năm cũng là một chiến sĩ cách mạng “có nhiều hành động dũng cảm, giữ vững khí tiết người chiến sĩ cách mạng, rất đáng khâm phục, tôn vinh”. Anh cũng bị giặc xử bắn cùng một ngày với chị Võ Thị Sáu tại Côn Đảo và cũng vào năm anh 17 tuổi như chị Võ Thị Sáu... Nhưng, “năm mô anh thì bao năm qua nhỏ bé, lẻ loi quá!”.



Mộ anh Hồ Văn Năm cạnh mộ chị Võ Thị Sáu ở nghĩa trang Hàng Dương

Ảnh: Nguyễn Văn Minh

Vậy Hồ Văn Năm là ai và quãng đời hoạt động của anh như thế nào? Chắc hẳn đó là điều mỗi chúng ta đều quan tâm muốn tìm hiểu đầy đủ!

Theo thông tin trong bài viết của tác giả Nguyễn Văn Minh: “Hồ Văn Năm tự Năm Đen, Thu Đen, sinh năm 1934 ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Anh tham gia cách mạng khi còn rất trẻ. Những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Văn Năm là một trong những du kích xông xáo, gan dạ, lập nhiều thành tích xuất sắc. Trong một trận chiến đấu, anh bị thực dân Pháp bắt. Chúng đánh đập rất dã man nhưng anh không khai báo nửa lời. Giặc đưa anh ra xét xử. Tại toà án đại hình, anh bị chúng kết án tử hình và bị giam nhốt vào khám lớn Sài Gòn. Sau đó anh bị lưu đày ra Côn Đảo với số tù G 248. Ra Côn Đảo, anh luôn hiên ngang, bình thản, sẵn sàng chờ cái chết đã cận kề...”. Như vậy, Hồ Văn Năm là một người có lòng yêu nước nồng nàn, chiến đấu và sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Với Hồ Văn Năm, Côn Đảo thêm một chiến sĩ cách mạng trung kiên, bất khuất, để lại không chỉ sự tiếc thương mà còn là lòng mến phục của người đời.

Chuyện về liệt sĩ Hồ Văn Năm mà tác giả Nguyễn Văn Minh kể trong bài viết có những đoạn vô cùng cảm động, bởi khí tiết của anh, niềm tin của anh vào thắng lợi của cách mạng được thể hiện sâu sắc nơi đây: “... Các cụ tù Côn Đảo kể rằng, đêm trước ngày ra pháp trường, Hồ Văn Năm vẫn hối hả khắc cho xong bức ảnh nữ tu sĩ AnNa, người bạn gái thân yêu của mình, lên một mảnh ốc xà cừ”. Anh còn bảo với mọi người: “Mình phải làm cho xong! Đây là món quà dành cho AnNa, người đã sát cánh bên mình trong những ngày hoạt động ở quê nhà. Ngày mai mình sẽ ra đi nhưng tình cảm sẽ còn mãi mãi”. Đúng vậy, anh đã hy sinh anh dũng trước họng súng tàn bạo của kẻ thù, nhưng cuộc đời, lịch sử và đồng bào, đồng chí không bao giờ quên anh; Cũng như khi ra đi anh đã mang theo nỗi niềm son sắt thủy chung lớn lao ấy - Son sắt với sự nghiệp cách mạng, với đồng chí đồng bào; Thủy chung với người thân, với bạn gái của anh nữa. Thời gian trôi đi nhưng tình cảm và tấm lòng đó của Hồ Văn Năm còn mãi!

“Mười hai giờ đêm. Trại giam vắng lặng. Chỉ còn tiếng côn trùng ra rả khóc than. Ngoài trời, đêm cuối năm đen như mực và buốt giá. Lợi dụng ánh đèn leo lét của trại giam, Hồ Văn Năm cố sức dồn tâm huyết hoàn thành bức hình người bạn gái... Đưa mảnh xà cừ ngắm nghía hồi lâu, chàng trai mười bảy lặng đi trong giây lát. Đôi mắt trong veo mở to như chất chứa bao điều u uẩn muốn nói. Anh nâng mảnh xà cừ, hôn lên hình ảnh người bạn gái. Bất giác, hai giọt nước mắt nóng hổi từ từ ứa ra, lăn dài trên gò má bầu bĩnh tuổi mười bảy còn lún phún lông tơ. Những giọt nước mắt vĩnh biệt tuổi mười bảy, vĩnh biệt mối tình đầu...”. Con người là vậy. Lòng dũng cảm, ý chí bất khuất không có nghĩa là không có tình cảm; trái lại chính tình người sâu nặng làm nên ý chí của người cách mạng. Hồ Văn Năm là một chiến sĩ cách mạng và anh càng không thiếu tình cảm con người.

Giờ phút hy sinh của Hồ Văn Năm mà các cựu tù kể lại, cũng như chị Võ Thị Sáu, thật bi tráng, thật hào hùng. Đi giữa hai hàng lính hiến binh đội mũ đỏ với những họng súng tuốt lê sáng quắc mà anh vẫn bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Anh chăm chú nhìn xung quanh, nhìn những hàng cây xanh lá và phía kia là những ngọn núi đẫm màu què hương. Khi giây phút vĩnh biệt đến gần, anh chột nói to như để các bạn tù nghe thấy: - Chào vĩnh biệt đồng chí! Chào vĩnh biệt đồng bào! Và, trước khi kẻ thù nổ súng, anh còn kịp hô to: - Việt Nam hòa bình, thống nhất muôn năm!

Hồ Văn Năm là một người như vậy. Khí tiết cách mạng của anh chắc chắn sử sách sẽ khắc ghi, cho dù bao năm qua với anh, “Một ngôi mộ nhỏ bé nằm khiêm nhường dưới những nhành hoa đỏ. Màu phượng vĩ ở Hàng Dương đỏ nhức nhối như bao hoài vọng tuổi mười bảy còn dang dở, thao thức...”. Anh Hồ Văn Năm - qua những tư liệu mà nhà báo Nguyễn Văn Minh thể hiện, đã góp vào *Huyền thoại Côn Đảo* một đóa hoa thơm của khí phách anh hùng; Chính sự hy sinh bình thản và dũng khí hiên ngang của anh đã như một *huyền thoại* khiến đồng chí, đồng bào mến phục, khiến kẻ thù phải run sợ và không sao hiểu nổi!

Năm tháng qua đi, cùng với bao chiến sĩ cộng sản khác, liệt sĩ Hồ Văn Năm vẫn nằm đó, bên cạnh mộ người nữ anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu, nhưng quả thật không nhiều người biết đến và có ai đó biết thì cũng không khỏi canh cánh bên lòng một điều gì còn thiếu, còn chưa phải với anh? Lịch sử vẫn luôn công bằng ở sự nhìn nhận, đánh giá nhưng không phải lúc nào và bao giờ sự công bằng ấy cũng phải nhất nhất như nhau, giống nhau. Bởi bối cảnh lịch sử cho mỗi sự việc, với mỗi con người có thể khác nhau... Thực tế ấy được minh chứng bằng lời trao đổi chân tình của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Côn Đảo Trương Hoàng Phục với nhà báo Nguyễn Văn Minh về liệt sĩ Hồ Văn Năm - Đồng chí nói rằng: “Ở nghĩa trang Hàng Dương, có nhiều người hy sinh anh dũng, nhiều nhân vật nổi tiếng. Từng có nhiều ý kiến khác nhau về việc tôn tạo nghĩa trang Hàng Dương. Cuối cùng, quan điểm chung hiện nay là giữ nguyên hiện trạng. Nhưng tấm gương hy sinh oanh liệt của anh, rất cần được tuyên truyền, giới thiệu để những ai mỗi lần đến nghĩa trang Hàng Dương, ghé viếng mộ chị Sáu, hãy đừng quên nắm mộ bên cạnh, mộ anh Hồ Văn Năm - mãi mãi tuổi mười bảy...”. Thế nên, bài viết nhỏ này như một nén tâm nhang thành kính dâng lên hương hồn liệt sĩ Hồ Văn Năm, dấu biết rằng *huyền thoại* Hồ Văn Năm còn hơn thế nữa trong hàng triệu trái tim những người đang sống.

VIỆT HÙNG

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (1955-1975)

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

Nhà tù Côn Đảo chính thức áp dụng quy chế tổ chức Trung tâm huấn chính từ ngày 1-1-1957 thay thế cho quy chế Đê lao tồn tại suốt thời Pháp thuộc. Từ ngày 13-1-1960 trở đi, với Sắc lệnh số 04/NV thành lập cơ quan Quản đốc các Trung tâm Cải huấn ở miền Nam, sau này là Nha Cải huấn, các Trung tâm Huấn chính được đổi thành Trung tâm Cải huấn cho đến khi chính quyền miền Nam lệ thuộc Mỹ sụp đổ hoàn toàn trong ngày 30-4-1975.

Ngày 11-1-1957, địch đưa chuyển lưu đày tù chính trị đầu tiên ở miền Nam ra Côn Đảo. Cuối tháng 4-1957, Chính quyền Sài Gòn tiến hành thực hiện chính sách phân hóa, trường kỳ truy bức tư tưởng chính trị của tù nhân, buộc chấp nhận ly khai Cộng sản, quy thuận quốc gia. Song song đó là sự kế thừa chính sách cô lập tuyệt đối và tận dụng tối đa nguồn lao động khổ sai của tù nhân như dưới thời Pháp thuộc.

Cuộc chiến đấu quyết liệt nhất của tù chính trị Côn Đảo giai đoạn kháng chiến chống Mỹ chính là đấu tranh bảo vệ khí tiết cách mạng, chống lại mưu đồ thâm độc của kẻ thù. Ý chí, quyết tâm và tương quan của từng lực lượng tù chính trị ở Côn Đảo không giống nhau đã dẫn đến sự khác nhau ở những mức độ nhất định trong đấu tranh chống địch.

* Đối với tù chính trị câu lưu (những người mà kẻ địch tuy biết rõ quá trình hoạt động cách mạng của họ nhưng không đủ yếu tố pháp lý để đưa ra xét xử trước tòa án, sau năm 1967 có thêm những người đã mãn án tòa), đấu tranh bảo vệ khí tiết cách mạng là nội dung sống còn. Dù cho hàng trăm người đã phải gửi xương nơi Côn Đảo, dù cho Chính quyền Sài Gòn phải huy động một lực lượng đông đảo quân đội, cảnh

sát và viên chức các ngành tập trung đánh phá, trên danh nghĩa đã xóa sổ trại tù Cộng sản, nhưng những chiến sĩ hiên ngang trực diện chống địch vẫn cứ tồn tại. Ngay trong thời điểm đen tối nhất, khi lực lượng chống ly khai Cộng sản chỉ còn lại 5 người (1 người được đưa về đất liền trả tự do vì tàn phế), ngày 2-9-1962, 53 người đã dũng cảm vượt lên sau 15 ngày chịu đựng mọi cực hình tra tấn của kẻ thù. Rồi tháng 12-1963, 16 người tại Chuồng Cọp đã công khai tuyên bố tẩy chay việc chào cờ. Một tháng sau, ngày 20-1-1964, 100 người tiếp tục vượt lên. Tám ngày sau, ngày 28-1-1964, từ 53 người vượt lên đầu tiên năm 1962 đã được bổ sung lực lượng lên 123 người, hội tụ và tái lập vị trí Trại 1 chống ly khai Cộng sản giai đoạn 1957 - 1960.

Là trọng điểm tấn công, đánh phá của kẻ thù với bao cuộc khủng bố đàn áp đẫm máu, với hơn 5 năm ròng bị đày ải nơi Chuồng Cọp, hơn mười năm bị cấm cố triền miên, hơn mười lần phải lao vào cuộc tuyệt thực tập thể để giành lại cuộc sống tối thiểu của đời tù... lực lượng của họ không ngừng lớn mạnh. Đến cuối năm 1972, con số đã gần 900 người và đã hình thành nên một "lõm giải phóng" ngay giữa ngục tù Côn Đảo.

Đây chính là lực lượng luôn đi đầu trong đấu tranh chống địch, là ngọn cờ cổ vũ cho phong trào đấu tranh của tù chính trị giai đoạn chống Mỹ cứu nước và là lực lượng đảm trách vai trò quyết định trong ngày Côn Đảo giải phóng.

* Nữ tù chính trị, tuy số lượng ít và mức độ tấn công của kẻ địch phần nào có nhẹ hơn tù nam, nhưng với đặc điểm giới tính, sự hiện diện của nữ tù chính trị ở Côn Đảo đã là bằng chứng hùng hồn về tội ác của kẻ thù. Nữ tù chính trị Côn Đảo, dù có mặt trong từng thời gian tương đối ngắn nhưng luôn là lực lượng đấu tranh rất quyết liệt với kẻ thù. Họ luôn có mặt trong hàng ngũ những người tù chính trị kiên trung nhất nơi Côn Đảo.

41 chị em dứt khoát tuyên bố chống ly khai Cộng sản giai đoạn 1957-1958 bất chấp Hầm đá, nhốt chặt và siết bóp đời sống. Từ 23-9-1966 đến tháng 3-1968, 33 chị em phụ nữ chống chào cờ ở Trại 5 đã chủ động mở đợt đấu tranh. Rồi từ cuối tháng 11-1969, 342 chị (trong đó chỉ có hơn mười người không chống) đã làm cho giới cầm quyền Côn Đảo bối rối và lúng túng đối phó. Chính phong trào đấu tranh của nữ tù chính trị đã động viên và cổ vũ cho phong trào đồng khởi mùa thu 1970 ở Côn Đảo. Những năm sau đó, lực lượng nữ tù chính trị luôn là lực lượng ở tuyến đầu chống địch.

* Tù án chính trị bắt đầu bị lưu đày ra Côn Đảo từ năm 1958. Từ năm 1960 trở đi, tù án chính trị luôn là lực lượng đông đảo nhất tại Côn Đảo. Đây là nguồn lao động mà giới cầm quyền Côn Đảo đặc biệt khai thác để phục vụ cho yêu cầu duy trì sinh hoạt hàng ngày tại đảo. Do nhiều nguyên nhân, phong trào đấu tranh chống chào cờ trong lực lượng tù án chính trị phát triển chậm.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Đợt lưu đầy ngày 2-9-1964 đánh dấu bước phát triển mới của phong trào đấu tranh của tù án chính trị Côn Đảo với sự kiện 100 người công khai tuyên bố chống chào cờ và phải hứng chịu sự đánh phá rất quyết liệt của kẻ thù. Tuy vậy, kể từ những đợt lưu đầy tiếp sau, hầu như chuyến nào cũng có người tuyên bố chống chào cờ. Kể từ đó và đặc biệt từ những chuyến lưu đầy sau Tết Mậu Thân, lực lượng chống chào cờ trong tù án chính trị ngày càng phát triển.

Đợt đông khởi năm 1970, hơn 3000 tù án chính trị vượt lên chống chào cờ, bao gồm cả một số án tử hình, chung thân khổ sai, nâng số tù chống chào cờ trên đảo lên hơn 4000 người. Sau bước phản kích của địch trong 3 tháng cuối năm 1970, số chống chào cờ trong khối tù án còn lại 1.559 người. Điều đó đã nói lên tính chất khốc liệt trong cuộc đấu tranh sống còn ở nhà tù Côn Đảo.

** Bên cạnh phong trào đấu tranh bảo vệ khí tiết của người chiến sĩ cách mạng, những người tù chính trị cả tù án và tù câu lưu cho dù ở những mức độ khác nhau, vẫn liên tục gắn kết với nhau, củng cố lực lượng, tiến hành cuộc đấu tranh dai dẳng không kém phần khốc liệt để chống lại việc học tập tổ Cộng, chống khổ sai nặng nhọc và tận dụng mọi thời cơ để vượt ngục trở về với cách mạng.*

Có thể nói, trong hơn 18 năm sau cùng trong lịch sử nhà tù Côn Đảo, cuộc đấu tranh của tù chính trị không có phút giây nào ngừng. Cho dù kẻ thù áp dụng mọi thủ đoạn thâm độc, mọi biện pháp tàn bạo nhưng cuối cùng phải chấp nhận thất bại hoàn toàn trong ngày lịch sử giải phóng miền Nam 30-4-1975.

(Trích trong Nhà tù Côn Đảo giai đoạn kháng chiến chống Mỹ)

*

* *

Nhà tù Côn Đảo, cuối cùng cũng chỉ tồn tại trong ký ức của con người theo quy luật phát sinh, phát triển của mọi sự vật. Có thời gian và bình tâm xem xét lại vấn đề, chúng ta càng thấm thía về những thắng lợi được xây đắp bằng lớp lớp máu xương, cả những nỗi đau dai dẳng mà những ngày tù ngục Côn Đảo lưu lại, không chỉ đối với những người tù mà phạm vi còn rộng lớn và kéo dài hơn nhiều người tưởng tượng.

Hơn mười tám năm, với 6.694 ngày đêm, Côn Đảo nằm dưới sự thống trị của Đế quốc Mỹ và các chế độ cầm quyền tay sai nối tiếp ở miền Nam. Dù chỉ bằng một phần sáu thời gian tồn tại của nhà tù nổi tiếng thế giới này, nhưng lại là giai đoạn đỉnh điểm của cuộc đụng đầu lịch sử giữa một bên là mưu đồ thâm độc và thủ đoạn tàn bạo đến mức khủng khiếp của quân thù, được trang bị đầy đủ các phương tiện bạo lực hiện đại nhất hành tinh với tư tưởng chống Cộng điên cuồng và sự trả thù hèn hạ nhất và một bên, chỉ là những người tù - những chiến sĩ Cách mạng, chiến sĩ Cộng sản, trong tay không một vũ khí tự vệ ngoại trừ tinh thần yêu nước nồng nàn được sản sinh từ truyền

thống hào hùng của cả dân tộc qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, sẵn sàng xả thân vì lý tưởng Hòa Bình, Độc Lập, Tự Do và lòng tin tuyệt đối vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc.

Điều kỳ diệu nhất đã diễn ra với thắng lợi trọn vẹn thuộc về chân lý - những người tù. Một điều khá ngỡ ngàng ngay đối với người trong cuộc. Còn các nhà chiến lược, nhà quân sự tài ba trên thế giới thật khó mà hình dung nổi. Nhưng suy cho cùng đó là kết quả tất yếu mà lịch sử của dân tộc ta đã từng chứng minh.

6.694 ngày đêm ác liệt sau cùng ở nhà tù Côn Đảo dưới chế độ Mỹ Ngụy, không chỉ là bước kế thừa của gần 95 năm chế độ nhà tù của Thực dân Pháp, với nội dung chủ yếu là cô lập, cách ly hoàn toàn với xã hội và tận dụng tối đa sức lao động khổ sai của những người tù để xây dựng những cơ sở hạ tầng trên đảo như đường sá, nhà giam và hàng loạt nhà cửa, dinh thự nguy nga... Hậu quả của gần 95 năm đó là chi chít mộ và xương tù lẫn lóc trên 3 nghĩa địa lớn: Hàng Dương, Hàng Keo (kéo dài từ sát Banh 3 đến tận Lò Vôi và tràn sang mé biển) và nghĩa địa đầu tiên đã mất dấu vết, chỉ còn lưu lại trên bản đồ Côn Đảo từ 1874 đến trước 1932 trải dài từ Nhà máy điện hiện nay lên tận ranh Khu Chuồng Bò.

6.694 ngày đêm sau cùng ở nhà tù Côn Đảo dưới chế độ Mỹ Ngụy, những người tù chính trị còn phải đương đầu với chính sách trường kỳ truy bức tư tưởng, bắt khuất phục về chính trị, từ bỏ lý tưởng của chính mình.

Không chỉ đối với những người bị địch kết án tại những tòa án mà chính cơ quan lập pháp của chúng phải công khai bằng văn bản là vi phạm pháp luật, là bất hợp hiến, mà đối với cả những người tù địch không có một cơ sở pháp lý nào để có thể đưa ra trước tòa án cũng bị giam giữ kéo dài cho đến phút cáo chung của chúng. Không chỉ có tù nam mà đến những cụ già 70, 80 tuổi, trẻ vị thành niên và hàng ngàn lượt phụ nữ, có nhiều chị trên tay còn bông con nhỏ, thậm chí đang mang thai sắp sinh, vẫn bị lưu đày ra Côn Đảo, chịu cảnh nhục hình, cấm cố trong các xà lim, Chuồng Cọp. Rõ ràng là bất kể nam, phụ, lão, ấu cho đến cả người tu hành, một khi kẻ địch nghi ngờ hoặc ghép vào diện có thể nguy hại đến “nền an ninh quốc gia” đều bị bắt, giam giữ và bị lưu đày ra Côn Đảo.

Chính sách truy bức tư tưởng, bắt người tù khuất phục chính trị ở các nhà lao miền Nam nói chung và ở Côn Đảo nói riêng lại được trang bị bằng những phương tiện, kinh nghiệm và thủ đoạn quản tù không chỉ của Thực dân Pháp truyền lại mà còn của cả Hợp chủng quốc Hoa kỳ, Vương quốc Anh, Mã Lai, Đài Loan... Chính những người tù, đặc biệt là ở Côn Đảo bị buộc phải trở thành những “chiến sĩ không vũ khí” trực tiếp đương đầu với những thủ đoạn thâm độc nhưng rất tinh vi của cả “Thế giới Tự Do” do Đế quốc Mỹ cầm đầu. Cuộc chiến đấu của những người tù Côn Đảo trong

giai đoạn này thật sự đã vượt qua biên giới của một quốc gia, theo đúng nghĩa của những nội dung mà người tù phải chịu đựng cũng như ảnh hưởng tác động từ phong trào đấu tranh của tù nhân.

Câu nói cửa miệng trở thành phương châm hành động của giới cầm quyền miền Nam giai đoạn lệ thuộc Mỹ là “Thà bắt lầm còn hơn thả lầm”, “***Không có - Đánh cho có. Có - Đánh cho chừa. Không chừa - Đánh cho chết***” cũng đủ nói lên bản chất của kẻ thù. Nhưng đó chỉ mới là giai đoạn đầu của những ngày dài tù ngục, khi mà kẻ địch còn đang muốn khai thác những thông tin từ cửa miệng của những người mới bị bắt giam - Đánh đập, tra tấn nhưng *vẫn còn muốn cho người bị đánh còn sống để mà khai thác.*

Nhưng khi đã chuyển qua giai đoạn lưu đày, giam cầm, sự việc hoàn toàn khác hẳn. Địch không quan tâm gì đến việc sống, chết của tù nhân. Nội dung chính là làm sao biến người tù chính trị phải từ bỏ lý tưởng, phải khuất phục, quy thuận theo chúng. Nếu không khuất phục được thì cũng tìm mọi cách vô hiệu hóa tác dụng của những người tù một khi được tự do: hoặc chỉ là gánh nặng cho gia đình, xã hội; hoặc làm mất tác dụng trước tổ chức, đoàn thể và quần chúng; hoặc là biến những người cựu tù trở thành những con người không thể tin và sử dụng được.

Hơn 18 năm ròng, kẻ địch ở Côn Đảo đã áp dụng triệt để những thủ đoạn cực kỳ thâm độc, bằng đánh đập, còng xiềng, siết bóp đời sống cho đến mức tận cùng của sức chịu đựng như giam chặt, không cho tắm giặt, hớt tóc, không cấp quần áo, chăn mền, hạn chế đến mức tối đa thức ăn (loại thức ăn, trong bình thường không ai có thể ăn được), nước uống và cả không khí để thở, xối nước mùa đông, bỏ đói, bỏ khát, cô lập, tung tin ly gián, phân biệt đối xử, chiêu dụ, rúng ép rồi dùng cái chết để tấn công tư tưởng từng phút, từng giây, suốt ngày đêm..., bằng Chuông Cọp, xà lim, hơi cay và hàng trăm, hàng ngàn kiểu cách đầy đọa người tù mà kẻ địch có thể nghĩ ra được. Đặc biệt là thủ đoạn “dùng tù trị tù” đã được áp dụng như một phương cách tối ưu trong chính sách quản tù của chế độ Sài Gòn, vừa đỡ tốn ngân sách, tránh được trách nhiệm và tiếng xấu khi sự việc vỡ lở mà đạt được hiệu quả cao.

Là con người bằng xương, bằng thịt với đầy đủ những xúc cảm tự nhiên, những người tù Côn Đảo cũng có những vui, buồn, thương, ghét, giận hờn, đau đớn, xót xa... và sức chịu đựng của mỗi người đâu thể giống nhau. Mặt khác, trong thế bị bưng bít đến mức tuyệt đối, tình hình Cách mạng miền Nam có thể xem là thoái trào sau thời kỳ Hiệp định Genève, địch lại hung hăng tàn ác, thì việc diễn biến tư tưởng của một số đông tù nhân cũng là chuyện bình thường.

Thế nhưng, tư tưởng chủ đạo của những người tù Côn Đảo là lòng yêu nước và ý chí chiến đấu kiên cường. Ngoại trừ một số rất ít người đầu hàng phản bội, cam tâm bị địch khuất phục, hoặc mang nặng tư tưởng cá nhân, địa vị, ấu trĩ trong nhận thức,

hầu hết trong số còn lại đều ý thức được rằng Nhà tù Côn Đảo là một trường học Cách Mạng, một chiến trường ác liệt mà mỗi người vừa là một học viên, vừa là một chiến sĩ.

Bằng lòng tin tuyệt đối vào thắng lợi cuối cùng, bằng ý chí sản sinh từ truyền thống bất khuất của cả dân tộc, được cổ vũ bằng hình ảnh thiêng liêng của Hồ Chủ tịch trong trái tim và khối óc của mình, những người tù kiên trung đã thanh thản chấp nhận sự hy sinh đến với mình trong từng giờ, từng phút để bảo vệ uy danh của Đảng, của Cách mạng và trên hết là bảo vệ tính cách Việt Nam. Trong trận tuyến ác liệt, những người tiên phong đối mặt với quân thù nơi địa ngục trần gian, hàng trăm chiến sĩ đã anh dũng hy sinh để cho cuối cùng còn lại sáu người được cứu sống. Sự tồn tại của sáu bông hoa đỏ thắm đó, ngoài ý chí chiến đấu kiên cường và sức chịu đựng đến mức phi thường của mỗi người còn có sự đóng góp, tiếp sức một cách âm thầm đầy sáng tạo của cả một tập thể hàng ngàn tù chính trị trên Côn Đảo. Bởi vì trước mắt và trong suy nghĩ của mọi người, những chiến sĩ chống ly khai Cộng sản còn lại cuối cùng của giai đoạn một, chính là ngọn cờ cổ vũ cho phong trào đấu tranh của tù nhân. Bằng mọi cách, mọi giá phải được bảo vệ.

Tiếp bước lớp người đi trước, hàng ngàn người đã anh dũng vượt qua những thử thách nghiệt ngã trong đời tù, giữ trọn lòng trung với Dân, với Đảng cho đến ngày chiến thắng trọn vẹn. Thế nhưng, đối với họ, con đường chông gai đã có người mở lối sẵn.

Hàng ngàn người còn lại, không hề mặc cảm với những sai sót nhất thời của bản thân trong cuộc chiến đấu cam go, dai dẳng đã hiên ngang đứng dậy tiếp tục cuộc hành trình. Những gì họ phải chịu đựng trước sự tàn bạo của quân thù, thực ra nhiều lúc còn khủng khiếp hơn so với những anh em chưa một lần vấp ngã. Đặc biệt là anh em tù án chính trị, dứt khoát được tư tưởng, bám giữ được vị trí vinh quang, anh em phải đối mặt không chỉ với bạo lực cùng sự nham hiểm của quân thù mà đôi khi còn có cả sự thiếu đồng tình lẫn sự đánh giá từ nội bộ.

Một số khá lớn tuy không chịu đựng nổi gian khổ lâu dài, phải ẩn nhẫn chấp nhận thi hành các quy định của địch đề ra nhưng trong lòng vẫn luôn hướng về Cách mạng. Bằng sự khôn khéo, tận dụng mọi điều kiện hiếm hoi có được, họ đã tìm cách tranh thủ, lôi kéo, phân hóa hàng ngũ địch, tiếp sức cho lực lượng trực diện chống địch ngay giữa ngục tù.

Trong 6.694 ngày đêm lịch sử, chiến trường Côn Đảo không chỉ làm cho bọn quản tù tại chỗ cũng như ở Trung ương đau đầu, buốt óc mà trong từng lúc còn cuốn hút cả bộ máy hành chính, quân sự chớp bu của chế độ Sài Gòn, buộc chúng phải huy động cả một lực lượng lớn quân đội, cảnh sát, do những tướng, tá trực tiếp chỉ huy để trấn áp phong trào đấu tranh của tù nhân. Từ chỗ thụ động đối phó với âm mưu, thủ

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

đoạn thâm độc của quân thù, những người tù Côn Đảo đã từng bước vươn lên chủ động tấn công, làm phân tán sinh lực địch, làm xúc động, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của dư luận và lực lượng tiến bộ trên thế giới, góp phần cùng quân dân cả nước hoàn thành sứ mạng vẻ vang của dân tộc, giải phóng hoàn toàn Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

6.694 ngày đêm ở nhà tù Côn Đảo thực sự là một khúc hùng ca bi tráng trong lịch sử Việt Nam anh hùng.

Trong đó, từng thời điểm, ở từng Trại tù đều có thể rút ra những kinh nghiệm, những bài học giá trị, bổ ích trong đấu tranh Cách mạng. Từ những bài học căn bản đầu tiên về tình thương yêu chân thành đối với đồng đội, đồng chí trong gian khó, hiểm nguy, về tinh thần tu dưỡng bản thân với vũ khí duy nhất là tự phê bình và phê bình, về tinh thần và dũng khí của người chiến sĩ Cách mạng, qua quá trình thực tiễn, những bài học về việc đề ra mục tiêu, yêu cầu, khẩu hiệu đấu tranh, về vận dụng phương châm, phương pháp, sử dụng lực lượng và hình thức đấu tranh... đã được những lớp tù nhân nối tiếp bổ sung đảm bảo cho yêu cầu càng đấu tranh, lực lượng

càng được củng cố vững mạnh... để cuối cùng đã đạt được thắng lợi hoàn toàn. Cũng trong những ngày gian khổ đó đã xuất hiện hàng trăm tấm gương điển hình cho tinh thần bất khuất, cho sự hy sinh quên mình vì đồng đội. Vinh quang đó thuộc về những lớp tù chính trị Côn Đảo kiên trung.

Thắng lợi nào cũng có cái giá phải trả. Nhưng cái giá mà những chiến sĩ không vũ khí, cũng chẳng có hậu phương để tạm rút lui trước những đòn phản kích của kẻ thù hoặc sau một cuộc đấu tranh, của những người tù Côn Đảo chống lại âm mưu và những thủ đoạn thâm độc của kẻ thù thật vô cùng to lớn và kéo dài hầu như không kết thúc. Những người tù đã gởi xương nơi đất đảo dù bất cứ ở vị trí nào, theo truyền thống đạo lý “nghĩa tử là nghĩa tận” của dân tộc Việt Nam, đều có thể xem là đã hoàn thành nhiệm vụ, để lại sự mất mát đau thương cho đồng đội và người thân trong vài thế hệ rồi phai dần



Những người tù bị hành hạ đến tàn phế tại chuồng cọp Mỹ

theo thời gian. Nhưng những người còn may mắn sống sót cho đến hôm nay, hậu quả chế độ tù ngục dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa do Mỹ chỉ huy còn lưu lại là không sao kể xiết. Không chỉ là những thương tích, bệnh tật hành hạ suốt quãng đời còn lại mà trong cơn mơ, trong những lúc chợt tỉnh giấc về đêm, những hình ảnh khủng khiếp của ngục tù vẫn còn hiện ra rất rõ trong tâm trí.

Sự phân hóa tư tưởng trong lực lượng tù chính trị Côn Đảo bởi những thủ đoạn cực kỳ nham hiểm của quân thù theo thời gian lại được nhân lên. Không chỉ đối với những người cựu tù chính trị mà kéo theo cả gia đình, dòng họ và những người thân. Một bộ phận tự hào về những đóng góp cho thắng lợi sau cùng, nhưng một số đông lại thêm ân hận về những lần vấp ngã...

Sự ngờ vực của xã hội về những “đời tù Côn Đảo” từng lúc được khơi dậy như đánh thức nỗi đau. Những thế hệ tiếp sau lại thêm những lần phân hóa từ những hành động của ông bà, cha mẹ trong cảnh ngục tù thời trước, bởi một điều rất đơn giản là tự hào và tủi hổ không bao giờ có thể gắn kết với nhau được...

Đây chính là bằng chứng hùng hồn về sự vi phạm nhân quyền một cách thô bạo từ chính sách của Chính quyền Hoa kỳ và Chính quyền Sài Gòn lệ thuộc Mỹ cuối thế kỷ 20.

BÙI VĂN TOÀN

CÁC TỬ TÙ Ở CÔN ĐẢO VỚI CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN CẢ NƯỚC

Ở Côn Đảo, các tử tù chỉ tiếp xúc với nhau chứ không thể gặp tù án khác được. Chính vì cuộc sống có những nét đặc biệt như thế, cho nên tập thể tử tù vận dụng nhiệm vụ cách mạng trong tù mà xác định thái độ cho người tử tù cách mạng.

- Thường xuyên học tập (cả chính trị và văn hóa) để nâng cao trình độ.

- Quyết bảo vệ khí tiết cách mạng trong bất cứ tình huống nào.

- Người tử tù thấm thía lời dạy của Lênin: “Học - Học nữa - Học mãi”. Trong những ngày còn sống, người tử tù ra sức học, dù ở trong biệt lập, trong xiềng, còng hay trong chuồng, hầm...

Người tử tù có thể bị còng, bị đánh, bị bớt nước, bớt cơm..., không được để cách mạng bị coi khinh, để cơ sở cách mạng bị phá vỡ, để bí mật cách mạng bị tiết lộ, để thanh danh cách mạng bị thương tổn,.. Và đánh giá về chính trị một tử tù bao giờ cũng căn cứ trên tiêu chuẩn bảo vệ khí tiết này.

Trong lòng người tử tù luôn luôn rung lên vì câu hỏi:

- Vì sao ta vẫn còn được sống đến hôm nay?

Không bao giờ câu trả lời lại là:

- Vì chúng còn thương, chưa nỡ giết.

Chúng xử tử hình vì chúng muốn dập tắt phong trào. Nếu vì nó mà lại nổ ra một phong trào khác cao hơn thì ắt chúng phải lo sợ.

Năm 1962, ta chưa có tù binh Mỹ. Nhưng ngay từ trước đó, ta vẫn có cách trả

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

thù cho những người yêu nước, người cách mạng. Lần chúng hành quyết đồng chí Hoàng Lệ Kha ở Tây Ninh, ngay tại bãi chém 3 ngày sau, 3 cái đầu của những tên đã tham gia hành quyết bị bêu cùng với bản án của ta:

“Máu kêu trả máu, đầu kêu trả đầu”. Đó là qui luật mà dù muốn hay không cũng không thể không tuân thủ.

Nhưng nếu xét về mặt phong trào, về dư luận quần chúng thì việc xử án tử hình quả là bất lợi cho chúng. Cả nước vang tiếng thét hờn căm đòi phải hủy ngay bản án phi pháp. Trên thế giới, hết đoàn thể này đến tổ chức khác lên tiếng nguyên rủa một lũ cường quyền phi nhân bất nghĩa. Phong trào từ trạng thái ngấm ngấm bỗng bùng lên mạnh mẽ ào ạt như thế, đã khiến chúng phải chùn tay.

Năm 1965, trên cả hai miền, chúng ta đều bắt được tù binh Mỹ. Ở miền Nam, Mặt trận giải phóng tuyên bố rõ ràng là sẽ trả đũa bằng sinh mạng của Héc, trung tá công binh Mỹ bị bắt ở Củ Chi. Ở miền Bắc, qua những lần bắn rớt máy bay Mỹ đến oanh tạc, chúng ta đã có trong tay nhiều sĩ quan phi công Mỹ - chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tuyên bố thả, trả đũa cho những người yêu nước ở miền Nam bằng những giặc lái Mỹ trên miền Bắc - Cũng có thể những điều này không ảnh hưởng gì lắm đối với ngụy quyền, nhưng đối với chính phủ Mỹ và nhân dân Mỹ thì quả là có một sức lay động rất lớn. Và vì vậy mà bàn tay sát nhân bị chặn lại.

Thử hỏi nếu không có những cuộc đấu tranh của quần chúng, không có những chiến sĩ xả thân bắt sống tù binh Mỹ... Ở miền Nam cũng như trên miền Bắc thì làm gì còn sống sót các tử tù cho đến hôm nay? Cũng không biết trong những cuộc đấu tranh ấy đã có bao nhiêu người bị bắt, bị tù, bị đàn áp mà phải nằm xuống? Cũng



Còng xiềng đã khiến tù nhân không còn khả năng đứng được trên đôi chân tê bại



Ngày chiến thắng
trở về

không biết trong những lần đánh trả máy bay Mỹ, đã có bao nhiêu chiến sĩ, đồng bào bị thương vong?

Lòng người tử tù mang nặng ơn sâu nghĩa nặng, coi như những người đã cứu mình khỏi chết là quân dân cả nước chiến đấu anh dũng ngoan cường chống đối kẻ thù tinh ma bạc ác.

Cho đến cái ngày trọng đại nhất là miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Có phải là kẻ thù không hề tính đến những phút chết của chúng đâu? Chúng đã gài mìn Claymore tính thời vào Chuông Cọp, Hầm Đá... để giết hết những người cách mạng khi chúng phải cuốn gói khỏi nơi này. Cái gì khiến chúng không thực hiện được ý đồ man rợ đó?

Lòng người tử tù thâm nghĩ đến tâm vóc thắng lợi, đến hào quang cách mạng làm lóa mắt, choáng váng kẻ thù, khiến chúng chỉ còn cách ôm đầu chạy trốn, chớ không dám đánh trả lại. Nếu cuộc chiến thắng không đến cỡ đó thì các tử tù cũng đã không còn nữa.

Thật là xúc động biết bao khi đoàn tàu Hải quân nhân dân giải phóng đưa các chiến sĩ tử tù về lại đất liền, cập bến Rạch Dừa. Hai bên đường nhân dân cầm cờ và hoa vẫy chào: “Hoan hô các chiến sĩ Côn Đảo chiến thắng trở về”. Các chiến sĩ tử tù mắt đăm đìa lệ nóng, leo lên thành xe vì không đứng nổi trên đôi chân teo bại do còng xiềng tra tấn, gào lên những tiếng nức nở nghẹn ngào: “Đời đời nhớ ơn quân dân cả nước đã cứu sống chúng tôi!”.

Trên tất cả những ân tình sâu nặng đó là tấm lòng biết ơn Bác Hồ đã mở đường đi tới vinh quang xán lạn hôm nay - Người đã vạch ra đường lối cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc ta đến Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

“Đời đời nhớ ơn Bác Hồ!”. Đó là tiếng lòng thiết tha nhất của các chiến sĩ tử tù trong ngày vui đại thắng.

VINH QUANG

NỮ TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO NĂM XƯA TRỞ THÀNH PHÓ CHỦ TỊCH NƯỚC



Trong quá trình thực hiện cuốn sách “*Huyền thoại Côn Đảo*” nằm trong khuôn khổ Dự án xuất bản *Uống nước nhớ nguồn* của công ty Văn hóa Trí tuệ Việt nhằm tôn vinh và tri ân người chiến sỹ cách mạng kiên trung bất khuất nơi chốn lao tù Côn Đảo, tôi có vinh dự được gặp và báo cáo về quá trình tổ chức thực hiện cuốn sách của Ban biên tập với Nguyên Phó chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa – Người nữ tù chính trị Côn Đảo năm xưa. Được nghe bà kể về những tháng năm trong chốn lao tù nơi địa ngục trần gian Côn Đảo dưới thời Mỹ – Ngụy, mà bà và các cựu tù chính trị Côn Đảo khác đã từng chứng kiến, cảm nhận và từng ngày đấu tranh với kẻ thù bằng sức mạnh của tinh thần và lòng yêu nước không chịu khuất phục trước đòn roi cùng những cực hình dã man của kẻ thù xâm lược.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống cách mạng tại xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, tuổi thơ của bà Trương Mỹ Hoa gắn liền với thời chiến tranh máu lửa trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Quê hương, đất nước bị tàn phá; biết bao người dân vô tội bị giết hại, đau thương chồng chất bởi kẻ thù độc ác, dã man... Cảnh nước mất nhà tan ấy đã in sâu trong tâm trí của bà ngay từ lúc tuổi còn nhỏ. Và, đó cũng là động lực đưa bà đến với cách mạng, bất chấp gian khổ hy sinh, chung sức chung lòng cùng đồng chí đồng bào đứng lên chiến đấu đánh đuổi kẻ thù.

Tuổi thanh xuân của bà Trương Mỹ Hoa cũng chính là những năm tháng cống hiến cho cách mạng. Và, tuổi xuân ấy của bà cũng lại là những tháng năm trong lao tù của giặc. Bà tham gia hoạt động trong các tổ chức cách mạng rồi bị giặc bắt năm 1964, khi đó bà mới 19 tuổi – Chúng đã dùng đủ mọi hình thức từ dụ dỗ đến đánh đập, rồi tra tấn bằng nhiều cực hình khác nhau những mong khai thác ở người nữ chiến sỹ cách mạng trẻ những thông tin quan trọng nhằm triệt phá cơ sở cách mạng của ta. Nhưng, trước sau như một, bà không hé ra lấy nửa lời, mặc cho kẻ thù lòng lộn, điên cuồng dùng các thủ đoạn đê hèn, song chúng

đành bất lực trước sự kiên trung bất khuất của người nữ chiến sỹ cách mạng Trương Mỹ Hoa.

Đến đầu năm 1969, bà bị giặc đày ra Côn Đảo cùng với hàng trăm chị em khác, đó cũng là những thử thách mới đối với cá nhân bà và các chị em tù khác bị chúng đày ra hòn đảo nằm giữa trùng khơi. Nhà tù Côn Đảo dưới thời Mỹ Ngụy vốn được coi là một “địa ngục chốn trần gian” đối với các tù nhân khi bị kẻ thù đưa ra đây, với ngay cả những nữ tù nhân cũng vậy, thậm chí các nữ tù nhân trong chốn lao tù Côn Đảo còn phải gánh chịu nhiều đau khổ và cả sự gian nan hơn các nam tù nhân. Hình ảnh và ký ức về những ngày ở “Chuồng Cọp” cùng những đòn tra tấn dã man, tàn bạo của bọn cai ngục ác ôn với các tù nhân, đặc biệt là đối với bà và các nữ tù nhân bị giam ở chuồng cọp số 1 tại Côn Đảo mấy chục năm về trước vẫn còn nguyên trong tâm trí của nguyên Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa. Những đòn tra tấn kinh hoàng ấy những tưởng như không thể có trong ý nghĩ, vậy mà những cực hình đó với những dùi cui, vòi bột, kéo lết lưng và nhiều cực hình khác của chúng lại hiện hữu và xảy ra thường xuyên trong chế độ cai trị của kẻ thù nhằm đàn áp và lung lạc người chiến sỹ cách mạng. Nhớ lại những tháng ngày ấy, bà Trương Mỹ Hoa kể: “Cuối năm 1969, chúng tôi - gần 500 chị em tù nhân trong đó cả các người già và trẻ em ở nhà lao Chí Hòa bị chúng đàn áp và đày ra Côn Đảo. Khi tới nơi, cùng với đòn roi khủng bố, chúng tôi bị đẩy ngay vào “Chuồng Cọp”. Chuồng Cọp lúc đó có hai khu, mỗi khu 60 chuồng và 30 hầm, giam giữ khoảng hơn 400 người; có thời kỳ lên tới cả ngàn người. Mỗi chuồng chưa đầy 4m² mà chúng nhốt tới 5 người. Ăn, ngủ, tiểu tiện gì cũng chung một chỗ cả. Chị em phải thay phiên nhau để nằm - ngồi cho đỡ mỏi. Đêm ngủ cũng phải thay phiên, kẻ thức người ngủ, thường xuyên phải nằm chồng lên nhau như “xếp cá” vậy. Khi bị cấm cố, chị em không được ra ngoài, mỗi ngày chỉ có một người được chúng cho ra ngoài để đổ cầu trong khoảng chừng 10 phút nhưng dưới sự giám sát gắt gao của bọn cai ngục. Trong khoảng thời gian ít ỏi đó, người được chọn đi cầu còn có các nhiệm vụ quan trọng như lợi dụng sơ hở của địch để nhặt những mảnh gạch non phục vụ việc học trong tù, hay tranh thủ lấy thêm nước bằng cách thấm khăn mang theo vào nước sao cho chiếc khăn đó có thể mang được nhiều nước nhất vào trong nhưng đều phải giấu rất kỹ lưỡng...”

Có thể nói bọn giặc đã thực hiện ở nhà tù Côn Đảo một chế độ trị tù vô cùng hà khắc. Chúng bóp siết nhằm giết dần giết mòn sinh lực người tù bằng cách cấm cố, không được ra sân tắm nắng, không được tắm giặt, chỉ có một bộ quần áo trên người, cơm ăn thì không đủ no mà cơm còn bị lẫn cát, thức ăn thì toàn là khô mực, mắm đắng, mỗi ngày chỉ được một lon sữa bò nước uống không đầy, khi ốm cũng không có thuốc men chữa trị. Đã vậy, mỗi khi các trại bên bị chúng đàn áp, chị em hô la phản đối thì bị chúng đàn áp bằng cách từ trên nóc “chuồng cọp” chúng dùng roi mây đánh túi bụi rồi đổ những thùng vòi bột làm cho chúng tôi sặc sụa, không thể hô la phản đối được nữa và chúng còn tạt những thùng nước lạnh xuống, làm mình mẩy ướt hết, tóc rụng đầy vòi bột”.

Vâng thật khó mà kể hết được những nỗi cực khổ, đau đớn của người tù trong chế độ hà khắc của kẻ thù, nhất là những nữ tù nhân bị giam trong Chuồng Cọp của nhà tù Côn Đảo. Bởi vào những ngày của phụ nữ thì đó quả là một thách thức quá lớn đối với họ, nhưng



*Tại cuộc gặp gỡ giữa
Thủ tướng Phạm Văn Đồng
và trí thức miền Nam
năm 1979
(Bà Trương Mỹ Hoa
người thứ hai từ trái qua).*

bằng bản năng sinh tồn những nữ tù nhân đã phải xé từng mảnh vải quần, vải áo của mình để dùng trong những ngày đó, và để có thể dùng lại cho những lần sau chị em phải dùng nước tiểu để giặt và giữ lại những mảnh vải đó. Có thể nói những đòn roi, những cực hình dã man mà kẻ thù đã đưa ra nhằm lung lạc ý chí người cách mạng, song chúng không những không thể khuất phục được những người chiến sỹ cách mạng kiên trung bất khuất mà trái lại như tiếp thêm ý chí, nghị lực không hề run sợ mỗi khi phải đối mặt với kẻ thù, các chị em tù nhân vẫn đoàn kết, kiên cường chống lại mọi thủ đoạn thâm hiểm của địch nhằm bảo vệ khí tiết của người cách mạng. Và cũng trong sự khắc nghiệt ấy, các chị em tù Côn Đảo vẫn bằng mọi cách tạo nên những niềm lạc quan, yêu đời và luôn tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Đến cuối năm 1970, do phong trào đấu tranh trong tù lên cao cùng với các phong trào đấu tranh trong nước, phong trào đấu tranh yêu chuộng Hòa bình trên Thế giới ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là những chế độ hà khắc nơi nhà tù Côn Đảo và bí mật về hệ thống chuồng cọp nơi đây bị phơi bày và bị lên án đã buộc chúng phải nhượng bộ và đưa trả bà và các tù nhân ở đây về đất liền kết thúc những ngày tháng bị đọa đày nơi chuồng cọp. Song đến năm 1972, kẻ thù lại đẩy bà và các nữ tù nhân ra Côn Đảo lần thứ hai do chúng lo sợ với những thắng lợi liên tiếp của cách mạng của quân và dân ta, và lần này chúng giam bà và các nữ tù nhân ở trại giam số IV. Bằng bản lĩnh đã được tôi luyện trong lửa đỏ của những năm tháng từ khắp Tổng nha Cảnh sát, đề lao Gia Định, Nhà lao Thủ Đức, Nhà lao Chí Hòa đến Chuồng Cọp Côn Đảo, bà và các chị em trong tù luôn lạc quan và tin tưởng vào chiến thắng của cách mạng. Bà bồi ngùi nhớ lại: “Tuy bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai song các chị em không hề nao núng mà còn bản lĩnh hơn. Vừa ra đến đảo, các chị em gần như ngay lập tức tổ chức lại cuộc sống của mình sao cho trật tự, vệ sinh, ngăn nắp và có kỷ luật, rồi tổ chức học văn hóa, học chính trị, học thêu may, đọc thơ, học ca hát, học quân sự, học chuyên môn, làm bích báo... Vào các dịp Lễ, Tết, bất chấp sự kìm kẹp, đàn áp của địch, các chị em tù nhân vẫn thường tổ chức văn nghệ với nhiều nội dung phong phú, vừa ôn lại tích xưa, vừa nhân đó kể tội vạch mặt bọn ác ôn, cai ngục và chế độ Mỹ - nguy tàn bạo; nêu cao tinh thần đấu tranh,

không chịu khuất phục trước kẻ thù; giữ trọn khí tiết cách mạng và một lòng một dạ trung kiên với Đảng, với Bác Hồ. Mỗi độ tết đến, xuân về, giao thừa bao giờ cũng tổ chức chào cờ, hát quốc ca, một phút mặc niệm và một phút hướng về lãnh tụ Hồ Chí Minh kính yêu, về miền Bắc XHCN... Không chỉ có vậy, chị em còn ôn lại những lời chúc tết của Bác Hồ và cố gắng phân tích xem trong những lời chúc tết đó, Bác gửi gắm điều gì, từ đó động viên nhau học tập và kiên định, trung thành vượt qua gian nan thử thách để đấu tranh với kẻ thù”.

Thế rồi đến năm 1974, trước những chiến thắng vang dội của quân và dân ta trên khắp các chiến trường và trước làn sóng đấu tranh của nhân dân trong, ngoài nước và sau Hiệp định Paris buộc địch phải đưa bà và các nữ tù nhân Côn Đảo trở về đất liền. Và đến ngày 7/3/1975 bà được trả tự do vô điều kiện cùng với các nữ tù nhân khác.

Có thể nói cùng với hàng ngàn người tù ở nhà tù Côn Đảo, bà Trương Mỹ Hoa đã cống hiến trọn tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp cách mạng, đồng thời trong cũng trong 11 năm lao tù đó lại là quá trình trui rèn, thử thách ý chí, lập trường cách mạng và phẩm chất đạo đức của người chiến sỹ cách mạng trung kiên, cũng chính bởi những năm tháng đó đã giúp cho sự trưởng thành của bà Trương Mỹ Hoa, và sau khi ra tù bà lại tiếp tục chiến đấu, đóng góp sức mình cùng cả dân tộc giành thắng lợi cuối cùng trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử tháng 4 năm 1975.

Sau ngày giải phóng, với những đóng góp của mình bà Trương Mỹ Hoa được tin nhiệm bầu giữ các chức vụ quan trọng trong suốt từ cơ sở, Bí thư Đảng ủy phường Điện Biên Phủ, quận 10; Bí thư Quận ủy quận Tân Bình; Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và trưởng thành lên giữ đến các chức vụ quan trọng sau này như: Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, rồi Phó Chủ tịch Quốc hội và Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bà còn là thành viên Ban lãnh đạo Liên đoàn Phụ nữ Quốc tế, thành viên Ban lãnh đạo Liên đoàn Phụ nữ ASEAN, đồng chủ tịch Hội Phụ nữ Thượng đỉnh toàn cầu lần thứ XIV tại Seoul (Hàn Quốc), lần thứ XVI tại Cairo (Ai Cập) và lần thứ XVII tại Cộng hòa Liên bang Đức. Ở cương vị Phó Chủ tịch nước dù bận trăm công nghìn việc, vẫn thấy bà luôn dành thời gian thăm hỏi động viên nhân dân từ vùng sâu, vùng xa đến biên giới... Với những đóng góp của mình bà vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý Huân chương Hồ Chí Minh năm 2007 và bà còn được nhận giải thưởng nữ lãnh đạo xuất sắc do Hội nghị Phụ nữ Thượng đỉnh Toàn cầu trao tặng năm 2008.

Và hôm nay khi đã hoàn thành trọng trách và công việc mà Đảng và Nhà nước giao phó, người ta vẫn thấy hình ảnh một người phụ nữ luôn gần gũi và ân cần, bởi bà Trương Mỹ Hoa hiện đang là chủ tịch Quỹ học bổng Vừ A Dính, chủ tịch Hội đồng bảo trợ Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài... Dù ở cương vị công tác nào bà cũng luôn tâm nguyện một điều rằng: “Phải luôn làm việc hết sức mình, luôn gìn giữ những phẩm chất đạo đức cách mạng và sống sao cho xứng đáng với truyền thống kiên trung bất khuất và cả sự hy sinh của đồng chí đồng đội và của chính bản thân mình trong những tháng năm gian khổ trong chốn lao tù Côn Đảo, sống sao cho xứng đáng với những đồng chí, đồng đội đã ngã xuống vì nền độc lập tự do của Tổ quốc.

TRẦN ANH TUẤN

NỮ TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO ĐẤU TRANH CHỐNG LY KHAI

Sau Hiệp định Genève 1954, Chính quyền Ngô Đình Diệm do Mỹ chỉ huy dựng nên, đã ra sức bắt bớ, giam cầm những người tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, những người chúng tình nghi hoạt động Cộng sản ở miền Nam, theo “quốc sách” diệt Cộng. Trong số những người bị bắt bớ, giam cầm, có cả những cụ già, phụ nữ, người có con mọn, thậm chí cả những phụ nữ đang mang thai chờ ngày sinh.

Để giải tỏa áp lực cho các trại giam trong đất liền đang đầy ắp tù nhân, đồng thời với việc tăng cường cách ly, cô lập nghiêm ngặt những người bị qui cho thành phần đầu sỏ, ngoan cố, bất hảo, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực hiện việc lưu đày các đối tượng trên đến những trại giam chúng mới thiết lập ở vùng rừng núi Tây nguyên, Thừa Thiên và các nhà lao ngoài hải đảo do Thực dân Pháp thiết lập trước đây như Phú Quốc, Côn Sơn. Sau đợt trì hoãn vào tháng 8-1955 do khó khăn chưa chuẩn bị kịp (1), đến ngày 6-2-1956 và 16-10-1956, hai đợt lưu đày hơn 500 tù chính trị câu lưu từ Sài Gòn ra Phú Quốc, trong đó có 30 nữ tù, đã được thực hiện.

Đầu năm 1957, nhận thấy Phú Quốc không bảo đảm cho việc giam giữ tù nhân, chính quyền Ngô Đình Diệm quyết định sử dụng lại nhà tù Côn Đảo, vốn mang nhiều tai tiếng trước dư luận thế giới từ thời Pháp thuộc, làm nơi giam giữ hầu hết số tù chính trị bị lưu đày.

Song song với việc lưu đày tù chính trị từ đất liền ra Côn Đảo vào các ngày 11-1, 20-1 và 21-3-1957 với 979 tù nhân, ngày 24-3-1957, dịch chuyển toàn bộ tù chính

trị đi khỏi nhà lao Phú Quốc và thanh lọc 285 người tiếp tục lưu đày đến Côn Đảo. Số còn lại chuyển hết về đất liền.

Hai chuyến lưu đày tù nhân đến Côn Đảo ngày 30-4-1957 đã nâng tổng số tù chính trị câu lưu tại đảo lên đến 1.967 người, trong đó có 60 nữ. Chuyến lưu đày đến đảo ngày 17-5-1957, có thêm 13 nữ và hai chuyến lưu đày đến đảo ngày 7-7 và 27-7-1957 đã nâng tổng số tù chính trị câu lưu bị đày lên 2.842 người, có 100 nữ tù(2).

Đây là 100 nữ tù chính trị duy nhất bị đày ra Côn Đảo dưới chế độ Ngô Đình Diệm, đồng thời là những nữ tù chính trị đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc bị lưu đày đến nơi này.

Như tất cả những người tù chính trị ở miền Nam nói chung và tù chính trị Côn Đảo nói riêng, những nữ tù chính trị phải đối mặt với chính sách lao tù vô cùng tàn bạo và khắc nghiệt của chế độ Ngô Đình Diệm, tay sai Mỹ. Đó là chính sách trường kỳ truy bức tư tưởng, bắt khuất phục về chính trị, làm tê liệt dẫn đến mất ý chí chiến đấu, tiến đến tiêu diệt sinh mạng chính trị của từng người, bắt ép ly khai Cộng sản, chấp nhận chính quyền tay sai Mỹ ở miền Nam.

Để thực hiện ý đồ trên, kẻ địch không ngừng tăng cường cô lập, cách ly, khủng bố, đọa đày, tác động tinh thần kết hợp với dụ dỗ, mua chuộc, ly gián, cùng với vô vàn thủ đoạn xảo quyệt, tinh vi, buộc từng người tù phải căng thẳng thần kinh chịu đựng cho đến khi phải gục ngã hoàn toàn.

Những người tù chính trị không còn cách nào khác hơn, bằng thứ vũ khí tư tưởng duy nhất trong chốn ngục tù là tinh thần kiên trung cách mạng và lòng tin tuyệt đối vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc, vào lãnh tụ Hồ Chí Minh, mà sẵn sàng đương đầu với kẻ địch để bảo vệ khí tiết và phẩm giá của người chiến sĩ cách mạng vì dân vì nước.

Chín trong mười chuyến tàu lưu đày tù chính trị câu lưu ra Côn Đảo năm 1957 đều có mặt chị em phụ nữ. Bảy chuyến lưu đày đầu tiên, số nữ tù đã là 73 người. Tất cả bị địch đưa vào giam tại phòng 11 Trại 1. (Phòng 11 và 12 thuộc khu vực Hầm xay lúa ở Banh 1 thời Pháp), sau một thời gian ngắn tạm giam ở Trại 2.

Cho đến trước ngày 20-5-1957, kẻ địch chưa tập trung phân hóa số tù nữ như đã làm đối với số tù nam, ngoài việc phải nghe và chứng kiến những lời hăm dọa, dụ dỗ và thái độ vô biên của bọn Quản đốc cùng với đám trật tự thường án, khi tù nhân vừa đặt chân lên đất đảo. Sinh hoạt hàng ngày của nữ tù không khác gì ở các nhà lao đất liền: vẫn được mở cửa, tắm giặt, ăn uống bên ngoài phòng giam. Chỉ có điều chúng tăng cường cách ly, không cho chị em liên hệ với các phòng giam khác trong Trại.

Từ cuối tháng 3-1957, địch bắt đầu thanh lọc, phân hóa chính trị đối với anh em tù chính trị câu lưu thuộc 3 chuyến lưu đày đầu tiên. Trại 1 lúc này chỉ dùng để giam cầm cố những người cương quyết chống ly khai Cộng sản. Một số người địch nghi là

đầu số bị địch đưa xuống khu Hầm đá, phía trước cửa phòng 11 và 12, đánh đập, khủng bố hàng đêm để bức ép ly khai. (Khu Hầm đá gồm 2 dãy đối lung, với 20 xà lim được Pháp xây dựng ở khu vực cuối Banh 1 vào năm 1876).

Một trại giam với gần một ngàn con người, vậy mà suốt ngày phải chìm trong im lặng. Khi đêm xuống, tiếng động từ những ngón đòn hiểm độc giáng vào thân xác những người tù ở Khu Hầm đá vang vào phòng giam đã làm cho mọi người cảm thấy nhói đau.

Tù chính trị nam đang bị địch khủng bố đánh đập để bắt ép ly khai Cộng sản. Vậy thì đối với nữ tù, kẻ địch sẽ áp dụng đối sách như thế nào đây?

Câu hỏi đó đang từng giờ từng phút được đặt ra trước mỗi người.

Ai cũng nhận thấy rõ kẻ địch phải có một đối sách khác hẳn ở các nhà lao trong đất liền khi quyết định lưu đày nữ tù ra Côn Đảo. Thực tế đang diễn ra đối với anh em tù chính trị chắc chắn sẽ được áp dụng đối với chị em. Khủng bố, đày đọa, bắt ép ly khai Cộng sản là điều khó tránh khỏi, chỉ có thời gian bắt đầu chưa biết lúc nào mà thôi.

Nhưng chị em lại được tập hợp từ nhiều nơi, chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn, thành phần, hoàn cảnh mỗi người có khác nhau. Có người là cán bộ, đảng viên, có quá trình từng trải trong công tác, chiến đấu; có người chỉ là cơ sở tiếp tế cho kháng chiến, nuôi giấu cán bộ, thời gian thử thách không dài; có người còn đang nặng gánh gia đình, có con mọn phải mang theo vào tù, thậm chí có cả người đang mang thai sắp đến ngày sinh nở ...

Từ thực tế đó, việc trao đổi để xác định hướng đối phó cho từng người khi phải trực diện với địch chỉ diễn ra trong từng nhóm nhỏ quen biết nhau mà thôi.

Cho dù trình độ nhận thức mỗi người có khác nhau nhưng hầu như tất cả đều thấy được việc cương quyết chống lại âm mưu, thủ đoạn của địch, chống lại việc bắt ép ly khai Cộng sản là việc làm đúng đắn. Có điều hoàn cảnh mỗi người mỗi khác và sự việc lại liên quan trực tiếp đến quyết định cuối cùng của bản thân từng người, không một người khác hoặc tập thể quyết định thay được. Việc trao đổi, cuối cùng chỉ nhằm phân tích sự việc để cho từng người suy nghĩ tìm giải pháp riêng cho mình mà thôi.

Ngày 20-5-1957, địch tiến hành phân hóa lực lượng nữ tù chính trị.

68 chị em (có 5 người bị bệnh phải nằm bệnh xá, địch không đưa ra tác động chung mà tiến hành tác động riêng lẻ) được tập hợp ở khu vực sân trống trước cửa phòng giam. Với những lời thuyết giảng, dụ dỗ như thường lệ mà chị em đã từng nghe, cuối cùng, bọn quản đốc gồm Bạch Văn Bốn - Tỉnh trưởng, Bùi Văn Năm - Phó tỉnh trưởng kiêm Quản đốc đã huých tét: “Ai theo Cộng sản bước qua một bên. Ai chấp nhận ly khai hàng ngũ Cộng sản, quy phục chính phủ quốc gia bước qua một bên”.

Dù đã được chuẩn bị tư tưởng từ trước, nhưng để quyết định dứt khoát trong tình

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

huống này thật khó khăn. Biết việc đúng, sai là một chuyện, nhưng phải hành động dứt khoát ngay, lại là việc không dễ dàng. Liên tưởng đến những ngày sắp tới, đến những cháu nhỏ đang phải mang theo vào vòng tù ngục, đến thời gian lao tù không hạn định, rồi những huyệt hăng khi việc hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước ngày 20-7-1956 như Hiệp định Genève quy định đã trôi qua không thực hiện được, hầu hết lực lượng cách mạng, kháng chiến đã đi tập kết, số còn lại không đủ sức để ngăn chặn những hành động hung hãn, tàn ác của quân thù ... đã làm cho thần kinh mọi người căng thẳng.

Trong tình huống đó, lực lượng đành bị phân hóa làm hai. 33 người cương quyết không ly khai, lần lượt bước sang hàng trận những người Cộng sản. 35 người còn lại đành nhẫn nhục chịu đựng âm thầm. Địch tách ngay 17 người chúng đánh giá là phần tử lãnh đạo, ngoan cố, nguy hiểm đưa xuống giam vào dãy hầm đá, 16 người chống ly khai còn lại vẫn tạm thời để ở chung phòng với chị em chấp nhận ly khai(3).

Nhưng sự việc diễn ra trong ngày 20-5-1957 chỉ là khúc dạo đầu. Hai tiếng ly khai cứ bám chặt suy nghĩ của từng người. Không khí sinh hoạt trong phòng giam nặng trĩu như chưa từng xảy ra.

Ngày hôm sau, 21-5-1957, một chị đành phải rời vị trí chiến đấu. Số chống ly khai còn lại lúc này là 32 người(4). Địch đưa tất cả vào nhốt ở dãy sau khu Hầm đá, còn phía dãy trước, địch nhốt số tù nam.

Đến ngày 24-5-1957, có hai chị thấy không thể tiếp tục chấp nhận cảnh hàng ngày phải đứng chào lá cờ bán nước, phải hô những khẩu hiệu xúc phạm lãnh tụ Hồ Chí Minh, phải tôn vinh kẻ thù, nên đã vượt lên, trở lại vị trí chống ly khai; nâng tổng số chống lên 34 người(5). Những chị em bị ép buộc phải ly khai, địch chuyển ra bên ngoài, đến ở trong một căn nhà bên kia đường đối diện với cổng Trại 2.

Hai chuyển lưu đây ngày 7-7-1957 và 27-7-1957, toàn bộ 27 chị em bị địch phân hóa ngay từ đầu. Kết quả 11 chị tuyên bố dứt khoát chống ly khai, nâng tổng số nữ tù chống ly khai đến cuối tháng 7-1957 là 45 người; trong đó, địch đánh giá có 8 người thuộc thành phần nguy hiểm(6).



Nữ tù Côn Đảo
đấu tranh bảo vệ khí tiết

Đối với chị em chống ly khai sau các đợt phân hóa bị giam ở 3 xà lim thuộc khu Hầm đá Trại 1, địch tăng cường siết bóp đời sống. Ngoài việc đóng cửa xà lim suốt ngày đêm, địch còn hạn chế nước uống, không cho tắm giặt, một tuần lễ mới cho đổ cầu vệ sinh một lần. Nóng bức và mùi xú uế nồng nặc khắp xà lim, người ngoài bước vào không sao chịu nổi. Tất cả chị em đều phải cởi bỏ quần áo dài, chỉ mặc đồ lót cho đỡ nóng nực. Thức ăn chỉ là cơm với khô mực, mắm đắng, không chút rau tươi.

Do đặc điểm sinh lý của chị em lại trong hoàn cảnh thiếu ánh nắng, không khí, chật chội, nóng bức, không được tắm giặt cho nên đã phát sinh tình trạng bệnh tật, ghẻ lở tràn lan. Có chị đã phải cắt ngắn mái tóc của mình cho đỡ nóng bức. Trong cảnh sống vô cùng tồi tệ này, 3 chị đã dao động rời vị trí chiến đấu. Biết chị Đỗ Hữu Bích gửi con nhỏ cho chị em “ly khai” ở bên ngoài nuôi, địch bắt buộc phải trả cháu bé về cho mẹ trong xà lim với mục đích dùng mạng sống của cháu bé để lung lạc tư tưởng người mẹ. Cảnh siết bóp đời sống cùng cực ở xà lim, người lớn còn khó bề chịu đựng nổi huống hồ gì cháu bé. Để bảo vệ sinh mạng cho cháu bé, chị em đành khuyên chị Bích chấp nhận ly khai để được ra ở bên ngoài. Đến đầu tháng 8-1957, số chống ly khai còn lại là 41 người(7).

Trong thời gian siết bóp ở xà lim, kẻ địch liên tục lân la thăm dò, mớm ý cho chị em ra bên ngoài, tức chấp nhận ly khai Cộng sản. Nhưng tất cả những lời dụ dỗ đường mật của địch đều bị chị em bác bỏ. Chị em cương quyết chấp nhận chịu đựng cảnh sống cơ cực để giữ trọn lòng son sắt với Đảng, với Bác Hồ. Để có được quyết định này, từng chị em đã phải trải qua những phút giây đấu tranh tư tưởng đầy căng thẳng.

Trong khi đó, số anh em chống ly khai ở Trại 1 đang ngày đêm bị địch khủng bố đánh đập. Những tiếng động từ những cuộc khủng bố, tra tấn anh em ở các xà lim kế bên liên tục vang vọng đến càng làm cho mọi người cảm thấy chính mình đang bị hành hạ.

Trước tình hình căng thẳng, sức khỏe của chị em lại đã quá suy sụp, có ý kiến trong nội bộ đề nghị chủ động đòi gặp địch, đòi ra ở phòng lớn (tức phòng 11) như cũ để có điều kiện hồi phục và bảo đảm sức khỏe, tiếp tục cuộc chiến đấu lâu dài. Qua trao đổi, hầu hết chị em đều nhất trí cần phải kiên trì chịu đựng. Nêu yêu cầu ra phòng lớn lúc này, kẻ địch có thể đánh giá lực lượng đã bị dao động. Từ đó chúng sẽ có biện pháp tấn công mạnh hơn. Ta lại càng gặp khó khăn trong việc bám giữ yêu cầu đấu tranh. Trước mắt chỉ có thể nêu yêu cầu mở cửa xà lim hàng ngày cho chị em ra bên ngoài tắm giặt. Sau nhiều lần đấu tranh trực diện, kẻ địch chấp nhận giải quyết mở cửa hàng ngày.

Đến giữa tháng 8-1957, địch quyết định chuyển hết 41 chị em chống ly khai sang giam tại phòng 6, trại 2. Cuộc sống nơi đây hoàn toàn khác xa với thời gian ở Trại 1 và Hầm đá. Hàng ngày, cửa được mở toang. Chị em có thể tự do ra vào, đi dạo,

tắm giặt trong phạm vi sân trại. Bữa ăn có rau tươi, thỉnh thoảng có cá tươi. Đôi lúc, địch cho mang trái cây vào biếu cho chị em.

Sự thay đổi thái độ đối xử của địch chắc chắn sẽ có ý đồ kèm theo. Có điều kiện sống chung trong một phòng, chị em đã tiến hành kiểm điểm, rút ra những bài học kinh nghiệm trong thời gian ở Hàm đá và nhắc nhau cảnh giác trước các thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt của kẻ thù.

Sang tuần lễ thứ hai, địch thẳng thừng đặt vấn đề kêu gọi chị em ly khai để sớm trở về đoàn tụ với gia đình. Câu trả lời mà kẻ địch nhận được là thái độ dứt khoát không ly khai của tất cả chị em.

Cũng như đối sách phân hóa Cộng sản - Quốc gia đã áp dụng đối với số tù chính trị nam chống ly khai ở Trại 1, đến lúc này, địch tiến hành áp dụng đối với chị em nữ tù với hy vọng sẽ có một số chị bị khuất phục khi phải tách rời tập thể, để tự quyết định thái độ của chính mình. Mỗi người được trao một mảnh giấy nhỏ với lời dặn:

“Ai theo Cộng sản thì ghi O, ai chịu theo Quốc gia thì ghi +”.

Tuy nhiên, kẻ địch lại áp dụng đối sách riêng đối với từng loại đối tượng khác nhau. Những chị em địch xếp vào diện trí thức, chúng gọi lên văn phòng Trưởng trại. Tại đây, chúng cố biện minh cho việc làm của mình bằng cách xác định chị em thuộc thành phần trí thức, có lòng tự trọng, có những việc không thể nói ra công khai trước mọi người cho nên chúng phải tạo điều kiện để từng người có thể yên tâm nêu lên thái độ của mình mà những người chung quanh không thể biết.

Một cuộc đấu lý “bất đắc dĩ” đã diễn ra.

- Nếu các ông đã đánh giá chúng tôi là thành phần trí thức, có lòng tự trọng thì chúng tôi xin được nói thẳng. Lòng tự trọng đã buộc chúng tôi phải công khai không có gì mờ ám phải úp mở. Chúng tôi công khai tuyên bố trước các ông cũng như trước tất cả chị em là chúng tôi không ly khai Cộng sản. Cho dù công khai tuyên bố hay từng người ghi vào từng tờ giấy riêng, thái độ của chúng tôi vẫn không có gì thay đổi.

Trong lúc đó, ở tại phòng giam, thái độ của địch tỏ ra mập mờ: “Ai muốn ở tù thì ghi O, còn ai muốn về đất liền thì ghi +”.

Một số chị em biết rõ ý đồ của địch nên ghi O, nhưng một số chị em lầm tưởng đây chỉ là việc trắc nghiệm thông thường, có ai lại muốn ở tù cho nên đã ghi +. Một số chị em để nguyên giấy trắng. Sau khi thu lại các mảnh giấy địch mới nói rõ ý định phân hóa. Ghi + tức là chấp nhận ly khai trở về với chính nghĩa quốc gia. Chị em đồng loạt phản ứng tố cáo thái độ gian xảo của địch, đòi ghi lại theo đúng thái độ của mình. Địch phải nhượng bộ cho ghi lại lần thứ hai. Kết quả, tất cả chị em trong phòng đều ghi O. Trò phân hóa Cộng sản - Quốc gia của địch bị phá sản hoàn toàn.

Không cạy gỡ gì được đối với chị em sau thất bại của đợt phân hóa, địch hàn học

trả thù, chuyển hết 41 chị em ngay trong đêm, sang nhốt ở khu Hầm đá Trại 2. Toàn bộ vật dụng cá nhân bị bắt buộc bỏ lại hết tại phòng, mỗi người địch chỉ cho mặc một bộ quần áo trên người, áp dụng chế độ cấm cố, siết bóp đời sống nghiêm ngặt bằng cách nhốt chặt, hạn chế nước uống, không cho tắm giặt...

Tuy nhiên, chỉ sau thời gian ngắn, trước tinh thần đấu tranh quyết liệt của chị em; đồng thời địch cũng đang trong bước thực hiện đối sách tăng cường mua chuộc, dụ dỗ, cho nên chúng đã từng bước nới lỏng sự siết bóp: trả lại đồ dùng cá nhân, mở cửa xà lim hàng ngày cho chị em ra ngoài, tăng thêm nước tắm giặt... Bên cạnh đó, anh em Trại 2 đã khéo léo tìm mọi cách giúp đỡ, tiếp tế từng nắm rau, con cá, chai dầu, có khi chỉ là nắm lá dùng đi cầu... và thái độ dứt khoát của chị em đã có tác dụng cảm hóa số lính bảo an làm nhiệm vụ canh gác ở trại. Họ đã bí mật giúp đỡ chị em trong sinh hoạt hàng ngày, cho nên cuộc sống của chị em có đỡ cơ cực phần nào.

Sang tháng 9-1957, địch lại giở trò chiêu dụ mới, tổ chức cho chị em “đi chơi Cỏ Ống” ở lại qua đêm. Tổ chức chuyến đi, địch muốn dùng cảnh sống “thoải mái” để tác động tư tưởng những người tù đang chống ly khai, cả nam lẫn nữ mà trực tiếp là dùng chính số chị em buộc phải “chấp nhận ly khai” tác động lôi kéo số chị em đang ở vị trí chống ly khai. Tuy nhiên, kẻ địch e ngại kết quả ngược lại cho nên đối với số người chúng xếp diện ngoan cố, đầu sỏ, chúng không đả động đến mà chỉ thông báo cho các xà lim đang nhốt những người chúng hy vọng có thể cạy gỡ được bằng những lời lẽ hết sức mập mờ:

- Ban Quản đốc thấy chị em ở lâu trong cấm cố, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe cho nên muốn đưa chị em ra ngoài dạo chơi cho thông thả một hôm rồi về.

Ai cũng biết đây là một thủ đoạn mới của địch. Có ý kiến đề nghị tẩy chay nhưng phân đông lại chấp nhận vì thấy không cần thiết phải căng thẳng với địch. Đây cũng là dịp để xả cấm cố, có điều kiện tâm tình giúp đỡ chị em đang buộc phải chấp nhận ly khai. Cái chính là mỗi người phải luôn đề cao cảnh giác, bằng mọi cách không để kẻ địch xé lẻ, tách rời từng người. Rốt cuộc, ngoài số địch đánh giá cho là thành phần ngoan cố đầu sỏ, số chị em lớn tuổi, bệnh tật lấy cố thoái thác, chỉ non phân nửa chấp nhận đi.

Một cuộc đi dạo bộ của những người nữ tù mà nhiều người trong đó bị cấm cố dài ngày, cứ chừng mười bước chân đã phải dừng lại thở dốc, đôi chân kéo lê hết nổi, lại phải kéo dài gần 15 cây số từ trung tâm nhà lao đến Cỏ Ống theo lối mòn men theo dốc núi do bước chân trần của những người tù khổ sai tạo nên, quả là một điều khó ai có thể hình dung được. Nhưng tất cả ý đồ của địch hoàn toàn bị phá sản. Suốt cả đêm, chị em chống ly khai không rời đội hình đến nửa bước, không có cơ hội cho những người chấp nhận yêu cầu của địch tấn công chiêu dụ. Bị phá sản trong ý đồ chiêu dụ chị em, địch đành phải đưa tất cả về trại giam vào sáng hôm sau.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Không cam tâm chịu thất bại trước tinh thần chiến đấu kiên cường của chị em, địch cố tìm mọi cơ hội và hình thức dù nhẹ nhàng nhất để hòng tiếp tục cuộc tấn công tư tưởng. Đầu tháng 10-1957, trong chương trình văn nghệ cuối tuần, địch đưa tất cả chị em ra sân trại 2 để xem vở tuồng “Biên thùy nổi sóng” do tên tù đầu hàng Nguyễn Phương soạn(8). Nội dung phản động của vở diễn đã bị tù nhân phản đối. Tất cả chị em chống lý khai tẩy chay và kéo hết về khu Hàm đá. Địch phản ứng, cho đóng cửa cấm cố trở lại. Đồng thời, từ đó không còn bắt chị em đi xem văn nghệ nữa.

Chuyển chị em chống lý khai sang Trại 2, địch hy vọng dùng không khí sinh hoạt của những người tù, do nhiều hoàn cảnh, tâm lý, tư tưởng khác nhau, đã phải chấp nhận, dù trên hình thức, lý khai Cộng sản, từ bỏ lý tưởng đấu tranh, để tác động tư tưởng, lôi kéo chị em rời bỏ hàng ngũ chiến đấu. Nhưng kết quả suốt mấy tháng ròng chúng không cạy gỡ được gì. Trong khi đó, phong trào đấu tranh của anh em tù chính trị Trại 2 đã phát triển càng lúc càng mạnh hơn, từ những đấu tranh về dân sinh, dân chủ đã vươn lên đấu tranh cho yêu cầu chính trị với đông đảo lực lượng tham gia, từ việc chống ký kiến nghị ủng hộ Ngô Đình Diệm nhân ngày 7-7, 20-7, chống đi xây dựng lại Trại 3, chống cuộc meeting ngày 23-10-1957 và chống ký kiến nghị “ ủng hộ Hungarie chống Liên Xô và vụ Quỳnh Lưu, chống ký kiến nghị ngày “Quốc khánh 26-10”... Trước tình hình đó kẻ địch thấy rằng việc duy trì sự có mặt của một lực lượng tù chính trị chống lý khai Cộng sản ở Trại 2 có ảnh hưởng hoàn toàn bất lợi cho việc quản tù, cho nên chúng quyết định chuyển toàn bộ 41 chị em trở lại giam ở phòng 11 Trại 1 như trước đây.

Cuộc sống tù đầy ở phòng 11 khu Hàm xay lúa tuy có phần nào thoải mái hơn ở Hàm đá Trại 2, chị em được ở chung trong phòng giam lớn, được mở cửa, sinh hoạt, ăn cơm bên ngoài hành lang, được tắm giặt hàng ngày, có điều kiện giúp đỡ, động viên



nhau giữ vững tinh thần trong cuộc đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của địch nhưng hàng ngày, hàng giờ tư tưởng luôn phải căng thẳng để sẵn sàng tư thế đối phó với những tác động mà quân thù áp đặt đối với những người tù chống ly khai Cộng sản ở Trại 1.

Ba tháng ròng với “chiến dịch ăn cơm gạo trắng” của tên thiếu úy Võ Văn Nguyệt (9) bày ra đã đưa cuộc sống của toàn bộ tù chính trị chống ly khai Cộng sản ở Trại 1 vào tình trạng vô cùng khủng khiếp. Không chất tươi, thiếu hẳn hoàn toàn sinh tố, thiếu nước uống, tình trạng bệnh tật lan tràn. Hai phòng bệnh xá là phòng 8 và 9 giờ biến thành “nơi gom xác chết” với hàng chục người trong mỗi tháng và tiếng kêu cấp cứu, báo chết... vang vọng hàng đêm.

Chế độ ăn uống và những cái chết thường xuyên của những đồng đội nam ở ngay trong cùng trại giam, dù không được chứng kiến tận mắt, đã tác động mạnh vào suy nghĩ của từng chị em. Đầu óc ai nấy đều căng thẳng, cứ nghĩ đến thời điểm khủng khiếp ấy khi nó đến. Ly khai Cộng sản và những cái chết! Những ý tưởng đen tối ấy cứ quẩn chặt lấy mỗi người. Cho dù lúc này ai cũng thấy rõ việc phải ly khai Cộng sản, từ bỏ lý tưởng chiến đấu là điều tồi tệ nhất. Nó đớn đau còn hơn cả cái chết về thể xác bởi nó chính là cái chết về tư tưởng, về danh dự và tác hại đối với phong trào cách mạng là rất to lớn. Nhưng bản năng tìm sống theo lẽ tự nhiên, từng lúc len lỏi vào suy nghĩ của từng người. Nó âm thầm tác động ngay cả trong từng giấc ngủ. Lúc này, trong mỗi người thực sự là một bãi chiến trường ác liệt chưa phân thắng bại. Mới vừa khảng định với lòng thái độ kiên trung với Đảng, với Bác Hồ cho dù phải hy sinh thân xác thì ngay sau đó, bao ý nghĩ chợt xuất hiện. Liệu có nên chết không? Trách nhiệm đối với gia đình, cha mẹ, chồng con rồi sẽ tính ra sao đây? Không tròn trách nhiệm với gia đình liệu rồi có nên nghĩ đến những điều to lớn hơn không? Ngay trước mắt, cả ba ngàn người, trong đó có rất nhiều người từng đảm trách những cương vị lớn hơn mình nhiều, vậy mà chỉ mấy tháng qua, con số trụ lại được ở vị trí trại 1 này chỉ còn hơn một ngàn. Mình chỉ là một cá nhân nhỏ bé, trong những giờ phút tối này, chắc rồi Đảng và nhân dân sẽ thông cảm... Cứ như thế, cuộc đấu tranh tư tưởng đã diễn ra một cách quyết liệt mà âm thầm trong từng người.

Trong khi đó, tuy được sống chung phòng nhưng thời gian còn quá ngắn chưa đủ để chị em có thể hiểu tường tận về nhau. Mặt khác, chị em lại là những người tù chính trị câu lưu, thành phần, trình độ nhận thức, cương vị công tác bên ngoài có khác nhau, lại tập hợp từ nhiều miền của đất nước, bất cứ lúc nào địch cũng có thể gọi về để tái điều tra cho nên ai cũng cảnh giác không thể tiết lộ hết thân phận của mình. Mặc dù nhu cầu cần có một tổ chức mang tính Đảng để lãnh đạo tập thể là bức thiết nhưng trong tình hình cụ thể đó chưa thể cho phép hình thành được. Một số cán bộ theo đề nghị của đại bộ phận chị em đứng ra đảm trách công việc của một ban đại diện để tổ chức cuộc sống hàng ngày và thay mặt chị em khi tiếp xúc với địch gồm Võ

Minh Trọng, Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Thị Rẻ. Tất cả chị em đều sinh hoạt theo từng tổ nhóm, bước đầu hình thành trên cơ sở cùng địa phương, cùng chuyến tàu lưu đày.

Cuộc sống căng thẳng kéo dài đến Tết Nguyên đán. Địch phải đồng ý để cho anh chị em giữa hai trại 1 và 2 thăm viếng lẫn nhau trong ba ngày Tết. Hố ngăn cách giữa hai trại đã nhường chỗ cho tình cảm giữa những người đồng cảnh. Họ đã trao cho nhau những món quà nhỏ mang đậm nghĩa tình mà họ đã chắt chiu, dành dụm từ nhiều ngày qua. Từ những nắm rau, tán đường, hũ chao, cây kim, sợi chỉ ... cho đến những lời động viên, tâm tình, ... tất cả đều có tác dụng gắn kết những người tù Côn Đảo thành một khối thống nhất trong cuộc chiến đấu chung.

Đối với 41 chị em chống ly khai, những e dè do điều kiện mới quen nhau dần dần biến đi. Chị em đã hiểu được nhau hơn qua quá trình chiến đấu và chính cuộc sống cơ cực đã làm nảy sinh những tình cảm đậm đà giữa chị em với nhau. Không chỉ là sự chăm sóc ân cần khi ốm đau, bệnh tật mà chị em còn đi sâu tâm tình, động viên, dìu dắt tư tưởng cho nhau. Không có điều kiện để tổ chức những lớp bồi dưỡng chính trị, chị em tập trung hướng dẫn cho nhau học văn hóa, truyền cho nhau những bài thơ ca cách mạng và tổ chức hoạt động văn nghệ hàng tuần, tạo sinh khí vui tươi trong cuộc sống tù ngục.

Trước sức ép của dư luận về việc lưu đày phụ nữ, đồng thời kẻ địch cũng thấy rõ khó lung lạc được tư tưởng của chị em trong khắc nghiệt của cuộc sống lao tù Côn Đảo - điều kiện trui rèn để mài sắc và nâng cao ý chí, tư tưởng căm thù giặc trong tù nhân chính trị nói chung và chị em phụ nữ nói riêng - tháng 5-1958, địch quyết định chuyển toàn bộ 98 chị em về đất liền (trước đó, trong tháng 4-1958, địch đã chuyển về đất liền 2 chị để điều tra bổ sung), chấm dứt giai đoạn lưu đày nữ tù chính trị ra Côn Đảo dưới chế độ Ngô Đình Diệm ở miền Nam, đánh dấu bước thất bại thảm hại của kế hoạch tấn công, bức ép tư tưởng chính trị đối với chị em nữ tù.

Được tin chỉ ít hôm trước lúc lên đường, vậy mà tất cả chị em, 41 chị ở Trại 1 và cả chị em đang ở Trại 2 (bên ngoài), đã lục tung tất cả vật dụng cá nhân của mình. Chỉ một số ít những thứ thật cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày được giữ lại, còn tất cả đều được nhờ chuyển hết cho anh em ở Trại 1 như gửi gắm trọn tình cảm và lời chúc chiến đấu của những người cùng chiến tuyến, như một lẽ tự nhiên giữa những người đồng cảnh ngộ lao tù.

...

Cuộc chiến đấu của nữ tù chính trị Côn Đảo chống ly khai Cộng sản, chống chào cờ địch bắt đầu từ tháng 5-1957, lần lượt được bổ sung lực lượng từ hai chuyến tàu lưu đày đến đảo ngày 7 và 27-7-1957, kéo dài gần một năm trời tại Côn Đảo và hơn 3 năm ở các nhà lao đất liền.

Cho dù so với tù nam chính trị, thời gian, cường độ và tính chất, mức độ tấn công

của quân thù đối với chị em nữ tù chính trị có phần nào ít hơn, nhưng với những đặc điểm sinh lý, tâm lý của nữ giới, chế độ lao tù của Mỹ nguy đối với chị em phụ nữ là vô cùng khủng khiếp và tàn bạo.

Sự biến động lực lượng trong thời gian ngắn ban đầu là điều tất nhiên, do chị em phải đột ngột đối phó với thủ đoạn thâm độc của địch, tấn công thẳng vào tư tưởng của từng người. Tuy nhiên, sau khi đã trụ vững ở vị trí chiến đấu, 41 chị em nữ tù chính trị Côn Đảo đã kiên cường vượt qua mọi thử thách, giữ trọn vẹn lực lượng cho đến khi trở về với cách mạng.

Do điều kiện biến động trong cảnh tù ngục, lực lượng được tập hợp từ nhiều nơi, nhiều trình độ nhận thức khác nhau, không phù hợp cho việc hình thành một tổ chức Đảng cơ sở, nhưng với ý thức trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên Cộng sản, bằng những hành động dũng cảm trong đấu tranh chống địch và gương mẫu trong sinh hoạt, động viên, giáo dục quần chúng thông qua hình thức tổ chức phù hợp với hoàn cảnh thực tế bấy giờ là Ban đại diện, các cán bộ đã thể hiện là hạt nhân đoàn kết, tập hợp lực lượng đấu tranh và giữ vững yêu cầu cho đến khi đạt thắng lợi cuối cùng.

Thắng lợi mà 41 nữ tù chính trị Côn Đảo đạt được qua quá trình đấu tranh dai dẳng từ Côn Đảo đến Thủ Đức, Phú lợi là biểu hiện của tinh thần yêu nước nồng nàn, tinh thần kiên trì cho lý tưởng Cộng sản, là tình cảm sâu sắc đối với lãnh tụ Hồ Chí Minh và lòng thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ dìu dắt lẫn nhau của chị em trong cảnh sống vô cùng khắc nghiệt giữa chốn lao tù. Thắng lợi ấy còn bắt nguồn từ những hỗ trợ, giúp đỡ thiết thực của lực lượng tù nam chính trị ở Côn Đảo và các nhà lao đất liền, từ những người đang phất cao ngọn cờ chiến đấu chống ly khai, bảo vệ uy danh của Đảng của Bác Hồ và cả lực lượng đang tạm thời bị địch khuất phục. Nó còn bắt nguồn từ nhận thức đúng đắn trong việc xác định ta, bạn, thù, biết phân hóa và tranh thủ lực lượng trong hàng ngũ địch.

Thắng lợi trọn vẹn của 41 chị em nữ tù chính trị chống ly khai Cộng sản ở nhà tù Côn Đảo mãi mãi là điểm son chói lọi, góp phần tô đậm thêm truyền thống đấu tranh hào hùng, bất khuất của các chiến sĩ cách mạng, yêu nước trong lịch sử 113 năm tồn tại của nhà tù Côn Đảo, là bài học, nguồn động viên cho các thế hệ hôm nay và mai sau vững bước trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam.

BÙI VĂN TOÀN

NỮ TÙ TRONG CHUÔNG CỌP VÀ NIỀM LẠC QUAN CÁCH MẠNG

Nhớ về những năm tháng bị giam bắt tù đầy với bao khổ cực mà tù nhân nói chung và tù nhân nữ nói riêng phải chịu đựng dưới đòn roi và những đòn tra tấn dã man của kẻ thù - bà Trần Thị Hòa (tức Ba Hòa) nguyên cựu tù chính trị Côn Đảo năm 1969 - 1973 kể lại:

Chúng tôi - những cựu nữ tù chính trị tại Côn Đảo những năm tháng ấy đã luôn đoàn kết bèn nhau để vượt qua những đòn tra tấn của kẻ thù.

Tôi còn nhớ những ngày tháng bị giam cầm sống trong Chuồng Cọp số 2 có tới 5 chị em trong đó có 2 người do bị tra tấn quá dã man đã bị bệnh thần kinh... Chị em bị vôi bột và cái nắng, mưa hàng ngày dội lên thân hình lở lói hết, bọn cai tù thì đánh đập hết sức dã man. Chúng cho chị em ăn cơm với mắm thối, có giòi lèngh bênh và khô mực đắng chiền



bằng một loại dầu để lâu ngày đã lên mùi hôi, khi chiền lên thì càng không chịu nổi. Chị em ở trong tù, chúng chỉ cho tắm mỗi tuần 2 lần. Mỗi ngày lon nước uống. Cực nhất đối với chị em là những ngày hành kinh mà không có nước. Không có đồ lót để thay, chị em phải xé hết quần áo rách ra dùng rồi lấy nước tiểu giặt lại. Trong phòng giam không có nắng, giặt xong lại phải quạt cho khô. Vì thế trong Chuồng Cọp lúc nào cũng hôi hám rất khó chịu.

Nhiều khi để phản kháng với sự dã man của bọn chúng, các chị đã cùng nhau tuyệt thực. Nhiều người do ăn uống kham khổ, lại ít rau nên bị hoại tử đường ruột dẫn đến tưởng phải chết trong nhà tù của giặc! Việc chị em không khai tên thật, có sự nhất trí



Bà Trần Thị Hòa (tức Ba Hòa)
nguyên cựu tù chính trị Côn Đảo
năm 1969 - 1973

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

của tất cả các phòng và buồng giam - như thế không phải mình liên lạc được với nhau đâu mà chủ yếu là do đã bàn bạc nhất trí từ lúc ở đất liền. Chị em đã nhất quyết là không khai tên thì đi bất cứ nhà tù nào cũng không khai. Suốt cả một thời gian dài chúng không biết được tên thật của ai cả, ngay cả khi chúng mong vào sự sơ hở của ta để dò cho ra tên của mỗi người... Nhưng những người nữ tù chính trị đã giữ một đường dây liên lạc với nhau để quyết giữ với nhau thỏa thuận ấy.

Ở Chuồng Cọp, chị em phải tranh thủ mọi cách để giữ được vệ sinh. Ở Côn Đảo trời nắng nóng nhất là vào những ngày tháng 5 - đất cát bên ngoài, thêm các chấn song sắt hấp nhiệt nhiều. Và những khi ấy Chuồng Cọp nóng như một lò nung, lại thêm sự dãn man khi chúng đứng trên đầu mình đổ vôi bột xuống mịt mù. Vôi bột nóng gặp mồ hôi nó lại càng tỏa ra và bám chặt vào mình vô cùng khó chịu. Đầu tóc thì bết lại thành mảng lớn. Nước không có để mà tắm, chị em còn phải lo nước để gội đầu. Mỗi ngày từng ấy người cũng chỉ được tiêu chuẩn gần chục lon ghi gô nước, phải chia sao cho đủ: Một ít rửa chén, một ít giặt khi bị hành kinh, một ít để đi cầu xong mà rửa. Bệnh tật do kham khổ, đau đớn do bị tra tấn dã man nhưng lòng kiên trung của người chiến sĩ cách mạng vẫn không hề bị chuyển lay!

Gian khổ như thế nhưng những người nữ tù chính trị vẫn lạc quan vượt lên để hướng về ngày chiến thắng!

Bà Ba Hòa đã may mắn trở về trong ngày hòa bình và thống nhất đất nước. Kể lại những câu chuyện xưa, bà không cảm nổi nước mắt. Tinh thần của người nữ tù Côn Đảo năm xưa vẫn được bà và đồng đội nuôi dưỡng thành những ngọn lửa nhiệt huyết để tiếp tục cống hiến. Bà Ba Hòa đã trải qua những năm tháng công tác tại Trường đào tạo cán bộ phụ nữ tỉnh Đồng Nai, được Đảng và Nhà nước cho đi học trường Đảng cao cấp và suốt từ năm 1987 - 2001 bà là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Đồng Nai và



Nữ tù chính trị đang bị đàn áp

hiện giờ bà đảm nhiệm cương vị Trưởng Ban liên lạc Cựu tù Chính trị Côn Đảo tỉnh Đồng Nai.

Trong buổi tiếp xúc với chúng tôi, bà Ba Hòa đã đọc cho chúng tôi nghe những bài thơ, về mà nữ tù chính trị Côn Đảo vẫn thường truyền cho nhau, đọc cho nhau nghe trong suốt những năm tháng ở tù... Chính những vần thơ ấy đã tiếp sức, tiếp lửa cho niềm lạc quan của các chiến sĩ cách mạng đấu tranh cho tới ngày toàn thắng.

Và cho đến bây giờ, những người tù chính trị năm xưa, mỗi khi đọc lại cho nhau nghe những vần thơ và bài về ngày ấy là lại thêm một lần khắc sâu những năm tháng không thể nào quên...



Nữ tù chính trị
bị tra tấn phải dìu nhau mới đi được

TÙ SƯỚNG NHƯ TIÊN

Nghe về nghe ve nghe về khám tối
Bị vào cấm cố như công chúa vào cung
Còng chéo tay chân như đi xe máy cuộc
Tơ bời đánh đập như đấm bóp dấm lưng
Cơm lạt hàng tuần như về Tây phương Phật
Phòng chật nóng bức như được tắm xông hơi
Cơm nước tận nơi có người phục vụ
Tiểu tiện tại chỗ như các vị công nương
Muối đốt đêm trường như điểm son ghi tạc
Mặt mày phờ phạc như tiên nữ chau mày

Kinh nguyệt không thay như ra dòng tâm huyết
Kẻ bỏ người lết như vũ khúc tân thời
Bệnh kêu hết hơi như Thiên Lôĩ sấm sét
Gan bào ruột nát như Đào hát cải lương
Tẻ lạnh đêm trường như lãnh cung hoàng hậu
Người tù không tội có cơ hội gặp nhau
Chia sẻ thương đau xem nhau như ruột thịt
Nhà lao kỷ luật là trường học trong tù
Khắc khổ hận thù trui rèn ý chí
Đêm nằm ngẫm nghĩ tù sướng như tiên.

KIÊN TRUNG

Chốn lao tù là nơi ta rèn tâm trí
Đây cũng là chiến trường mà ta không cầm vũ khí
Trái tim này là gang, đập tan phường bán nước
Gan này là đồng, ở trong có dòng máu đỏ
Máu có đổ hôm nay cho tô thấm ngọn cờ ngày mai.

LUYỆN NGƯỜI TRONG LỬA ĐỎ

Tù là chốn luyện người trong lửa đỏ
Thử xem người lửa đỏ sức bao nhiêu
Tù là chiến trường kinh nghiệm có đủ điều
Để nung nấu tâm can người cách mạng
Người cách mạng dọc ngang trong trời đất
Mà chưa tù ắt hẳn thiếu một điều
Trong lao tù kinh nghiệm có bấy nhiêu
Nơi chốn ấy sẽ thi gan người chiến sĩ
Bạn đừng tưởng lao tù là cực khổ
Chính nơi đây dạy bạn những điều hay
Trong lao tù đủ mặn, đắng, chua, cay
Bạn đã nếm mà người đời không thể nếm...

(3 bài trên chúng tôi ghi theo lời của bà Trần Thị Hòa - Bà Ba Hòa cho biết những bài trên được các tù nhân chính trị Côn Đảo đọc cho nhau nghe và bản thân bà cũng không rõ tác giả là ai - nhưng một điều theo chúng tôi chắc chắn tác giả những bài thơ trên là của các chiến sĩ cách mạng kiên trung trong ngục tù Côn Đảo).

CUỘC VƯỢT ĐẢO LỚN NHẤT THÀNH CÔNG ĐÊM 27-2-1965

Trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đây là vụ vượt Côn Đảo thành công to lớn nhất: giải phóng được 65 tù chính trị từ Côn Đảo về đất liền, được Khu ủy khu 9 tiếp rước, chăm sóc, trị bệnh, cho học tập kiểm điểm rồi đưa về các địa phương công tác. Chiếm được cùng một lúc hai chiếc tàu của địch (một chiếc tàu sắt lớn có tên Thương Cảng 131 thuộc loại vận tải đường biển và một chiếc tàu sắt nhỏ có tên Cần Thơ - Sóc Trăng nguyên là của Năm Lửa, trung tướng Hòa Hảo, bị tịch thu năm 1957 đưa ra Côn Đảo vừa làm phương tiện vận chuyển nhẹ vừa bảo vệ quần đảo). Sau đó phá hủy chiếc lớn tại bến, lấy chiếc nhỏ chở anh em về, tịch thu toàn bộ súng đạn, tài liệu, dụng cụ quan trọng của tàu, bắt theo sáu tên sĩ quan, hai tên trật tự làm con tin trên đường về đất liền. Bộ máy trấn áp và bố phòng của địch lúc đó phải nói là rất mạnh, chẳng những ngay tại đảo mà còn liên kết với cả hệ thống hàng không và hàng hải trên biển Đông, cuối cùng vẫn không vớt vát gì được. Bắt đầu phát tín hiệu lúc 17 giờ chiều 27-2-1965 ở Côn Đảo đến 7 giờ 15 sáng ngày 28-2-1965 khi tàu vượt Côn Đảo cập ven rừng đước Gành Hào (Cà Mau) thì máy bay địch xuất hiện, bắn rốc két và phát pháo hiệu, rồi 2 chiếc khu trục và 2 chiếc phản lực F105 liên tục dội bom và thả đạn vào khu vực đoàn tù vượt đảo mới đặt chân lên đất liền. Tuy nhiên chỉ sau hai mươi phút, đoàn tù đã vượt ra khỏi khu vực bị oanh tạc (bốn phi cơ đã đánh phá khu vực này liên tục hơn ba giờ).

Nếu so sánh qui mô tầm cỡ thì trong kháng chiến chống Pháp có cuộc vượt ngục ngày 12-12-1952 của gần 200 tù binh làm đường sang bên kia Mũi Cá Mập mà lịch sử nhà tù Côn Đảo gọi là "Vụ bạo động Bến Đầm". Nhưng giám đốc nhà tù quả quyết rằng hai phần ba số tù vượt ngục đã bị bắt lại, còn một phần ba thì bị chết đuối giữa biển.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Có lẽ phải ngược lại dòng lịch sử, vào những năm bắt đầu xây dựng nhà tù Côn Đảo, có một cuộc vượt ngục thành công quy mô lớn hơn: Ngày 27-8-1883, 150 tù xây dựng hải đăng Bảy Cảnh nổi dậy chiếm tàu, vượt ngục về miền Trung, bị bắt lại 36 người còn 114 người hoàn toàn trốn thoát.

Sau đây, chúng tôi giới thiệu bài tường thuật sự việc của đồng chí Lê Thọ tức Ba Đạm, Ba Mạnh - người lãnh đạo chủ chốt cuộc vượt ngục còn sống.

Cho đến hết năm 1964, Ban lãnh đạo Sở Lưới (Côn Đảo) đã tổ chức hụt ba trận đánh cướp tàu, giạt súng, vượt ngục về vùng giải phóng. Mỗi lần đánh hụt như thế, lực lượng chuẩn bị vũ khí đành phải xuống biển, nếu không thì có thể bị lộ ngay.

Ngày 27-2-1965, 7 giờ sáng, tàu Thương Cảng 131 ra tới. Nhân lúc giám thị Sinh - phó Sở Lưới cùng Tổng Giám thị Khương - Trưởng Ban an ninh nội trại đến thị sát kíp dọn tàu, anh em ngồi nói chuyện tâm phào, cốt cho trật tự và giám thị nghe mà cho thêm người ở Sở Chỉ Tồn ra phụ việc dọn tàu cho xong sớm mới có thể đi kéo lưới kiếm cá ăn.

Trật tự Hường tàu với giám thị Thâm. Giám thị Thâm đề nghị lên Phó Sở Sinh và Tổng giám thị Khương. Khương ra lệnh đưa 15 người ở Sở Chỉ Tồn ra dọn tàu, nhưng lúc đó Sở Chỉ Tồn đã đi làm hết, chỉ có 15 người ở kíp vệ sinh già yếu bệnh tật.

Lại phải bày mưu tính kế làm sao cho chúng đổi hết anh em vệ sinh này về vì không có ai quen, không thể hợp đồng chiến đấu được. Lý do cũng dễ hiểu thôi: phải có người khỏe mạnh thì dọn tàu mới xong được trong đêm nay, ngày mai tàu Thương Cảng có thể về thành phố sớm. Cuối cùng thì đại úy Khỏe - phó quản đốc cũng nghe ra và quyết định đưa kíp Chỉ Tồn 16 người vừa đi làm củi về ra dọn tàu.

Trong kíp Chỉ tồn 16 người này có anh Bùi Minh Trực là anh rể của Tám Kỷ ở kíp xà lan và đã ở chung tù với Tư Thuật, một đồng chí lãnh đạo quan trọng của cuộc vượt ngục.



Mũi Cá Mập

Tám Kỷ được lệnh liên hệ ngay với anh Trục và chỉ cần vài tiếng lóng là anh Trục đã hiểu ý. Tám Kỷ lại gặp người anh ruột của mình là Bảy Ngày vốn là một cán bộ đặc khu Sài Gòn - Gia Định làm xưởng đóng tàu Ba Sơn nổi tiếng. Như thế là đội ngũ đã có thêm một người thợ máy giỏi.

Lúc đầu có ba xà lan nhưng đến trưa thì giám thị Thâm cho xà lan số 3 về neo bến; còn lại hai xà lan số 1 và số 2 luân phiên chờ hàng từ tàu xuống cầu.

Khoảng bốn giờ chiều thì xà lan số 1 dỡ hàng xong ở cầu tàu. Hai đồng chí Tư Thành và Tám Kỷ xin phép chạy vào Sở Lưới uống nước. Hai anh lên ngay ra rẫy lấy vũ khí chuyển ra tàu ba bó sắt đã chặt khúc mài nhọn bọc giẻ cẩn thận. Tám Kỷ moi lên dất vào lưng quần, mặc luôn một bộ quần áo nữa cho êm. Rồi Tư Thành đi trước, Tám Kỷ đi sau cách khoảng năm mét, đề phòng bọn lính gác cầu tàu có xét thì tìm cách lẩn tránh. Nhưng giờ ấy thì bọn lính gác đã chuồn sạch rồi, hai anh bước lẹ xuống xà lan mà trống ngực còn đập liên hồi.

Xà lúp nổ máy, kéo theo xà lan số 1 rời cầu tàu.

Mặt trời đã sà xuống bên ngọn núi Thánh Giá.

Bóng núi phía Tây hắt lên biển làm sẫm màu cả một vùng. Ngoài tàu lớn, hàng đã chất đầy xà lan số 2, các bộ phận tự động nghỉ xả hơi, xin nước uống để triển khai đội hình. Đồng chí Ba Thọ, người chỉ huy đội võ trang xung kích, chịu trách nhiệm đánh chiếm bọn lính trên lồng cu và phát lệnh chiến đấu cho các bộ phận. Đồng chí rút chiếc khăn rằn quấn trên đầu đi một vòng quanh sân hàng trên boong tàu. Nhận được ám hiệu ấy, đồng chí Tư Thành dưới xà lan số 1 đáp lời bằng cách đưa tay ngả chiếc nón bàng trên đầu xuống. Các bộ phận đều nhận được ám hiệu chiến đấu và bắt đầu tiếp cận mục tiêu được phân công. Huỳnh Đình, Danh Hằng cặp kè bên trật tự Hoàng.

Chiếc xà lúp chạy chậm lại và điều khiển cho xà lan số 1 cặp tàu Thương Cảng. Tư Thành chuyển lẹ cho Tư Thuật và Năm Hoa mỗi người một bó sắt cây làm vũ khí. Năm Hoa và Tư Thuật lên vào những chỗ khuất sau đóng hàng chia vũ khí cho anh em.

Khi xà lan số 1 cặp vào tàu lớn thì cảnh nhốn nháo chuyển com tù, com trật tự, com giám thị diễn ra. Đồng chí Ba Thọ dẫn đầu đội võ trang xăm xăm leo lên lồng cu. Bám sát theo Ba Thọ là Đứng, Thuồng. Hai đồng chí đội phó và năm anh em trong đội. Một tên lính tên Xom thấy động quay lại, tròn mắt há mồm chưa kịp kêu thì Ba Thọ quật một chiếc búa loong vô đầu hắn, máu trào ra, Xom đưa tay lên đỡ bị Ba Thọ quật thêm cho mấy cái nữa, nó quy xuống đưa tay xin hàng. Tên lính đứng cạnh Xom nhào người ra chụp cây súng dựng trên lan can, thì đồng chí Cửa vọt tới đập thẳng một búa loong vào mặt nó và chụp lấy cây súng, nó xin hàng. Tên thứ ba đang nằm vội chồm dậy, lật tấm bố đĩnh lấy súng thì anh Thuồng nhào tới, đạp chân lên tấm bố, chĩa cây sắt vào mặt nó và quật:

- Đầu hàng ngay không chết.

Anh em trong đội võ trang đã lên hết, trong nháy mắt tóm gọn bọn lính trên lồng cu. Ba Thọ thét danh hiệu lệnh :

- Các đội xung phong!

Đồng chí Bên phụ trách mũi đánh chiếm phòng hạm trưởng tuồn vào buồng lái. Hạm trưởng, hạm phó và sĩ quan vô tuyến điện vào đảo ăn nhậu với Tăng Tư, chỉ còn hoa tiêu đang đứng ngoài buồng lái, thấy Bên tay lăm lăm cây sắt nhọn chạy tới, liền rút vào buồng lái định kéo còi báo động, nhưng chưa kịp ấn nút thì Bên đã xông vào hét lớn:

- Đứng im! Bỏ tay xuống!

Hoa tiêu lấp bắp:

- Dạ tôi đầu hàng.

Sĩ quan vô tuyến điện Nghĩa đi cùng hạm trưởng, hạm phó vào đảo nhậu, khi trở ra đang leo lên thành tàu thì Tư Thuật và Gia dí mũi sắt nhọn vào mặt nạt lớn:

- Đưa chìa khóa đây!

Nghĩa cũng đầu hàng liền.

Chỉ có một trực trạch nhỏ ở phía nhà bếp, người đầu bếp đột nhiên đóng sập cửa lại để chuẩn bị phát cơm cho khoảng hai mươi thủy thủ đang lóng nhóng chờ trên Cầu Lạc bộ. Thế là Năm Hoa bí lối, đành phải leo lên phòng ăn mới vào bếp được.

Các thủy thủ chưa kịp phản ứng gì thì Năm Hoa, tay cầm ca nhôm gạt người đầu bếp lực lưỡng một cái, miệng la lớn:

Tôi xin ca nước.

Và tay kia chụp lấy con dao trên bàn. Anh kéo hộc đựng dao chụp luôn một con dao nữa rồi quát:

- Tất cả ngồi im, nhúc nhích là chết ngay. Chúng tôi cướp tàu vượt đảo. Nếu ai có hành động chống đối, buộc lòng chúng tôi phải xử lý.

Anh Chánh (Mỹ Tho) đã lên kịp tiếp sức, tay cầm chiếc búa bửa củi, đứng thủ thế, oai phong không khác gì ông hộ pháp khai đao. Cả đám thủy thủ ngồi yên không dám nhúc nhích.

Trật tự Hường đang lúi húi mở nắp hòm tàu phía sau lái thì có tiếng giám thị Thâm gọi giật giọng:

- Hường, Hường, tụi nó cướp tàu vượt đảo.

Hàng ngoéo chân thật mạnh và đưa tay chặt ngược vào ngực Hường. Hấn bị té ngửa trên boong tàu. Huỳnh định nhảy vào đê nghiêng hấn xuống để trối thì bỗng nhiên hấn vung ra một cú đá nguy hiểm khiến Huỳnh té gục vào thành tàu đau điếng. Nhanh như chớp, Đình vụt luồn gói ớt bột vào mặt và Hàng nhào vô ôm chặt lấy chân hấn. Vừa lúc ấy, Bùi Minh Trực từ xà lan xông lên quát ngã tên Hường xuống. Hấn hạ giọng:

- Tôi xin hàng. Cho tôi theo các anh với.

Hàng gí cây sắt vào cổ hấn hét:

-Tao không cần mày hàng. Xuôi tay xuống!

Rồi Hàng trối gô hấn lại.

Giám thị Thâm luống cuống nhảy xuống xà lúp, nhưng Tư Thành, Kỳ, Hiến, Ba Cẩn, Bảy Ngày vọt sang xà lúp. Tên Hiệp trong buồng lái vừa ló đầu ra thì Hiến đã lao tới đè xuống trời lại. Tất cả diễn ra trong khoảnh khắc, đồng loạt, mau lẹ và toàn thắng.

Trên xà lan chỉ còn trơ lại một mình giám thị Thâm và một tên lính bảo an về đem cơm ra. Anh em lừa chúng vào phòng nhân viên để trói lại.

Tư Thành và Danh A là hai tay bơi thiện nghệ sẵn sàng bắt lại những tên nào lao xuống biển.

Toàn bộ trận đánh diễn ra không đầy năm phút. Các bộ phận đều chiếm được mục tiêu, bắt gọn tù binh, làm chủ hoàn toàn tàu Hương Cảng 131, xà lúp, tàu Cần Thơ - Sóc Trăng, hai chiếc xà lan số 1 và số 2 ngay trong vùng biển Côn Đảo.

Tuy vậy, kể như mới thắng được phân nửa. Còn biết bao nhiêu vấn đề bề bộn trước mắt: Bắt tù binh, xử lý hàng binh, phá tàu lớn, chiếm tàu nhỏ, chuẩn bị máy móc nhiên liệu, phương tiện đi biển và một vấn đề hết sức quan trọng nữa là phải ngụy trang sao cho bọn lính trên đảo không phát hiện được, đợi đến tối mới nhổ neo vượt đảo.

Số anh em mới tham gia được bố trí khuôn hàng qua lại trên boong tàu tạo ra cảnh dọn tàu bình thường. Một đồng chí trong đội võ trang mặc đồ bảo an cũ (mua được của bọn lính từ trước) ôm súng đi đi lại lại trên lồng cu.

Còn hầu hết các anh em trong đội võ trang tỏa xuống cùng các đội bắt tù binh phá máy tàu lớn và chuẩn bị cho việc vượt đảo.

Đồng chí Bảy Ngày đập phá đồng hồ, đài báo, la bàn trên buồng lái rồi phá luôn chiếc ca nô nhỏ trên tàu lớn. Một số anh em xuống hầm tàu lớn.

Tên xếp máy tàu Thương Cảng nhất định không cho phá tàu. Hắn cũng không chịu để cho các anh trói lại. Bảy Ngày nghe chuyện tức lắm, cầm con dao xăm xăm tới trước mặt nó:

- Mày tưởng không ai biết gì cả sao? Anh em trói hắn lại, dẫn đi!

Về sau mới biết hắn là sĩ quan biệt phái.

Anh em đi sâu vào hầm máy thì gặp ông Ba Huê thợ máy đang lui cui sửa máy, người lấm lem dầu mỡ. Khi được nghe giải thích, bác ta dẫn anh em đi chỉ bộ phận nào phá được và bộ phận nào phá sẽ ảnh hưởng đến máy đèn.

Khi trời đã sẩm tối, theo đề nghị của anh em, các công nhân trở lên các phòng bật điện sáng trưng, bật luôn cả pha mũi, pha lái và cả hai bên hông tàu như mọi tối.

Vẫn chưa an tâm về con tàu lớn, anh em bàn phải phá bánh lái và khóa “chân vịt” tàu lại. Anh em cho dây cáp cuốn chặt chân vịt và Tư Thành, Danh A đeo kính lặn xuống nước lấy bù loong siết lại. Tàu Thương Cảng trước vốn là tàu trục vớt, cuộn dây cáp dài đến mấy trăm mét, anh em quấn vào chân vịt tới mấy trăm vòng.

Bộ phận chiếm xà lúp chuẩn bị máy móc, nhiên liệu cho tàu Cần Thơ - Sóc Trăng. Số anh em còn lại lục lọi trên tàu lớn khuôn sang tàu nhỏ các loại phao bơi, ống nhòm, la bàn, đèn pin, bia, nước ngọt, bánh qui, bánh mì lát, mấy quây chuối... làm lương ăn

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

dọc đường. Còn toàn bộ tư trang, đồ dùng cá nhân, không ai lấy một cái gì cả.

Chuẩn bị xong xuôi, anh em bắt theo một số tù binh. Tất cả tám người trong đó có ba thuộc kíp lái và máy ca nô.

Lúc 19g30, bóng đêm đã phủ xuống Côn Đảo. Anh em bắt đầu cho nổ máy tàu Cần Thơ - Sóc Trăng nhưng Hiên và Ba Cần loay hoay mãi mà máy vẫn không nổ được.

Ban chỉ huy quyết định điều Ba Huê lại và cuối cùng chỉ một contact nhỏ, Ba Huê đã làm cho nó nổ máy dòn dã. Con tàu lách qua mũi Cá Mập và trong đêm tối chạy thẳng về hướng Tây. Anh em ước tính cứ chạy như vậy chừng năm tiếng đồng hồ là đến bờ, trời cũng vừa rạng sáng.

Trời nửa đêm đầy sao. Biển thật yên. Tàu không bật đèn, la bàn không có dạ quang cho nên cứ nhìn sao mà chạy.

Ban đầu tàu chòng chành nhưng Lễ (lái xà lúp) khuyên phải tựa tay lái cho tàu lúc qua lúc lại theo con sóng, anh em làm theo thì thấy êm.

Chạy được một lúc tàu hỏng máy. Tàu chạy chậm và mất thăng bằng. Tổ máy hi hục tháo sửa “coóc” lọc dầu, xả “e” rồi khởi động máy lại nổ giòn.

Được một lát, máy kia lại hỏng, lại sửa, lại chạy. Nhưng chẳng bao lâu lại dờ chừng. Cả đêm máy hỏng đến mười bốn lần. Ban chỉ huy quyết định động viên tất cả mọi người, ai biết gì về máy tàu thì xuống hầm tàu làm phụ với tổ máy.

Cuối cùng Bảy Ngày phát hiện ra nguyên nhân là kết dầu lâu không súc rửa, nước và cặn đọng dưới đáy nhiều. Trước đây tàu chỉ chạy quanh Côn Đảo, nay phải chạy ra biển sóng to đánh lộn cả phần nước cặn lên kết dầu khiến máy bị banh. Bảy Ngày đề nghị cho dừng hẳn cả hai máy súc rửa toàn bộ hệ thống lọc dầu.

Khoảng ba mươi phút sau, khi đã súc rửa toàn bộ hệ thống lọc dầu từ đường dẫn dầu vào từng máy, tổ máy bơm số dầu dự trữ đem theo vào két, máy lại nổ rền và chạy đều không còn ban nữa.



Bến Đầm nơi tù nhân
thường vượt đảo

Tàu chạy hết tốc lực, rẽ nước băng băng cho đến lúc trời rạng dần, sao thưa đi, bảy giờ bỏ la bàn ra để chạy theo hướng Tây Bắc.

Đến lúc trời đã sáng rõ, có một anh chạy vào buồng lái lấy ống nhòm ra coi, nhưng bốn bề vẫn mênh mông trời nước.

Có nhiều tiếng xì xào lo lắng. Tuy nhiên mọi người quyết tâm không để bị bắt. Nếu địch dùng máy bay truy tìm thì chờ máy bay đến gần là nã súng. Nếu địch dùng tàu rượt theo thì chờ tàu xấp lại sẽ bắn cho đến viên đạn cuối cùng.

Mặt trời đã lên một tầm. Sóng biển dịu đi nhưng sóng lòng dội lên cuộn cuộn. Bỗng một người cầm ống nhòm reo lên:

- Thấy rồi! Đây rồi!

Chiếc ống nhòm được chuyền tay nhau. Một vệt xanh hiện rõ dần. Hàng cây, hàng cây xanh không thể nhầm lẫn được. Đất liền! Đất liền!...

Tàu mở hết ga, xé nước lao vào bờ. Trước con tàu là một dàn đá. Xa hơn là bờ. Trong bờ có dãy nhà lá, có vẻ xóm chài chứ không có vẻ ấp chiến lược. Bên trái dãy nhà là rừng. Tàu chạy về phía ấy. Đến cách bờ chừng một kilômét thì tàu mắc cạn, tất cả phải mang phao đổ bộ.

Đội võ trang được lệnh lên trước để trinh sát và nếu gặp địch sẽ chiến đấu bảo vệ cho anh em. Tám chiến sĩ với bốn cây súng nhắm xuống chiếc phao lớn nhất lội vào bờ, những người còn lại lần lượt mang phao, giải tù binh mang theo lương khô và nước uống rời tàu lội vào bờ.

Cuộc đổ bộ nhanh gọn vào bờ an toàn. Nhưng khi đoàn người vừa đến bên rừng thì một chiếc máy bay L19 về về bay đến. Nó sà xuống bắn ba quả lựu đạn khói quanh chiếc tàu. Ban chỉ huy truyền lệnh cho tất cả chạy thật nhanh thoát ra khỏi khu vực chiến sự. Đội võ trang vẫn chạy trước mở đường, cắt rừng phăng lối.

Gian nan nhất là bộ phận giải tù binh, anh em phải khống chế chúng một cách cương quyết:

- Bây giờ chúng tôi bảo chạy là chạy, bảo nằm là nằm, các anh phải răm rắp tuân lệnh, ai cố ý chống lệnh là chết liền.

Mấy cai ngục này lúc có quyền thì hống hách ngang ngược, nhưng khi thất thế thì hèn hạ, sẵn sàng làm bất cứ việc gì để được sống. Chúng chạy không quen, vấp ngã luôn, thở hổn hển, mặt xám ngắt như sắp chết.

Không đầy năm phút sau, bốn chiếc phản lực kéo đến lòng lộn ném bom xuống khu rừng. Mỗi lần nghe tiếng rít trên không thì anh em biết ngay là máy bay ném bom nên nằm cả xuống. Bom nổ âm âm rung chuyển cả khu rừng. Thế mà không hiểu sao anh em không ai bị thương vong. Tuy nhiên mặt mày quần áo thì đều lấm lem bùn đất cả.

Tụi phản lực quần dai như đĩa. Tốp này đi, tốp khác đến, dội bom suốt bốn tiếng đồng hồ. Có lẽ bọn chính quyền Sài Gòn cũng tức đến hộc máu khi nghe tin vụ cướp tàu vượt đảo...

LÊ QUANG VINH ghi theo lời kể của LÊ THỌ

**BA CUỘC ĐẤU TRANH TUYỆT THỰC
LỚN NHẤT
CỦA TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO**
(TRÍCH)

I.

(6-6-1964 - 27-6-1964).

17 giờ chiều ngày 27-6-1964, việc phải đến đã đến. Hai mươi người cuối cùng đã kết thúc cuộc đấu tranh tuyệt thực tuyệt ẩm sau 22 ngày căng thẳng tột cùng. Hai mươi cái xác khô được giành lại khỏi lưỡi hái của tử thần !

Một cuộc đụng đầu quyết liệt nhất trong lịch sử nhà tù Côn Đảo đã kết thúc...

Để có một lời cam kết của kẻ địch, 4 mạng tù phải bị vùi dập ở nghĩa địa Hàng Dương và hàng trăm con người phải cận kề bên cái chết ròng rã hơn hai mươi ngày, đội ngũ bị sút mẻ hơn một phần ba.

Vậy mà khi mới trở về cuộc sống tối thiểu trong đời tù, họ lại nghĩ đây chỉ là một trận chiến. Đời tù chắc chắn sẽ còn phải đương đầu với những trận chiến tiếp theo - bài học cảnh giác nằm lòng của mọi thành viên.

Sự việc đã diễn ra đúng như dự đoán của họ. Chỉ hơn một tháng sau ngày kết thúc tuyệt thực, toàn bộ anh em đã bị dồn hết xuống huyệt mộ của địa ngục trần gian Côn Đảo - Chuồng Cọp.

Một cuộc chiến đấu mới lại bắt đầu. Nhiều người trong số họ đã từng ném trái nhưng số đông trong họ, lần đầu tiên bước chân vào nơi cuối cùng của sự thử thách

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

cay nghiệt nhất trong chốn lao tù. Bị cách ly từ hai đến năm người trong mỗi xà lim, suốt ngày đêm không thấy bóng mặt trời nhưng lại bị phơi mình trước những đôi mắt soi mói của đám trật tự. Tất cả mọi sinh hoạt, mọi cử động dù nhỏ nhất cũng bị theo dõi. Chỉ lúc này đây họ mới thấm thía hết ý nghĩa của hai chữ Tự do.

Dù vậy, trong họ đã có thêm nghị lực mới từ sự trưởng thành trong nhận thức. Họ tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cách mạng và cảm thấy yên lòng ở vị trí đầu tuyến lửa vì lực lượng không ngừng được bổ sung.

Nuôi dưỡng niềm tin và kiên định ý chí, họ đã vượt qua bao thử thách trong cuộc sống, kể cả nhiều đồng đội đã hy sinh, suốt hơn 5 năm rông nơi Chuồng Cọp cho đến những ngày cuối cùng của năm 1969, kẻ địch phải ra lệnh giải tỏa, đưa tất cả lên phòng ở Trại 1.

II.

(18-9-1971 - 1-10-1971)

.....

Ngay trưa hôm sau, thêm một thông tin được truyền vào các phòng:

“Nguyễn Phú Sanh - đại tá Tổng quản đốc các Trung tâm Cải huấn đã ra đảo trực tiếp giải quyết cuộc đấu tranh tuyệt thực của anh em Trại 1”.

Những hiện tượng, những dòng tin trong hai ngày qua đã làm cho mọi người cảm thấy thời điểm căng thẳng đã đến mức chín muồi. Nhắm lại, đã mười ba ngày không hạt cơm vào bụng.

.....

Xế trưa thứ sáu 01-10-1971 - ngày thứ mười bốn của cuộc đấu tranh, toán trật tự được lệnh đã tập trung ngay cửa ra vào của từng phòng giam. Chúng lặng thinh đưa mắt quan sát trong thứ ánh sáng nhờ nhờ của phòng giam. Vẫn không khí chết chóc bao trùm. Tất cả không một tiếng động. Những thân người thoi thóp thở từng hơi một với những cái bụng sâu hoắm bên dưới hai hàng xương sườn nổi rõ lên từng chiếc một, những chiếc gò má nhô cao và những hốc mắt trũng sâu - những xác người chỉ da bọc xương...

Khóa cửa được mở. Tên trưởng trật tự nhỏ giọng:

- Mời đại diện phòng ra gặp Ban Quản đốc.

Đại diện phòng cố gắng trở mình ngồi dậy rồi lết ra cửa.

- Ông không đủ sức đi một mình đâu. Để anh em trật tự dìu đi.

Hai tên trật tự chực sẵn, cúi xuống, nắm tay anh đại diện choàng qua vai hấn rồi dìu ra bên ngoài cổng.

Có phòng, trật tự vừa xúc vai vừa nói:

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

- Ông không đủ sức đi đâu. Để tôi công ông ra cho nhanh.

Suốt hơn hai tiếng đồng hồ, cuộc tranh luận tuy không ồn ào nhưng rất quyết liệt. Kẻ địch những tưởng có thể giành thế chủ động nên tiếp xúc cùng lúc với tất cả đại diện các phòng, những người đang cận kề bên cái chết, nhưng càng lúc chúng càng bị dồn vào thế bị động. Áp lực từ Sài Gòn buộc chúng phải tìm mọi cách chấm dứt cuộc đấu tranh của tù chính trị câu lưu Trại 1, trước ngày tiến hành bầu cử Tổng thống ở Sài Gòn, nhưng lại không có khả năng đáp ứng được những yêu cầu căn bản nhất của tù nhân là vấn đề tiêu chuẩn cấp phát lương thực.

Cuối cùng, sau thời gian đấu lý căng thẳng, Cao Minh Tiếp, Trung tá Quản đốc nhà lao phải chấp nhận giải quyết các yêu cầu cơ bản mà đại diện các phòng nêu ra, nhiều nội dung cụ thể khác, hẳn chỉ hứa hẹn giải quyết trong khả năng hiện có tại Côn Đảo.

Lần thứ hai, sau hơn bảy năm trời, trại tù chính trị gồm những chiến sĩ cách mạng kiên trung đã buộc quân thù phải khuất phục bằng chính mạng sống và ý chí sắt đá của mình. Nhưng đối với họ, cuộc chiến đấu chưa có đích dừng, nhất là khi kẻ thù đang bị đẩy vào bước đường cùng. Họ lại nhắc nhau cảnh giác và chuẩn bị cho những cuộc đọ sức tiếp theo.

III.

(12-9-1972 - 30-9-1972).

... Tin chúa đảo Trung tá Đào Văn Phô đã tháp tùng trở ra đảo cùng với Đại tá Nguyễn Phú Sanh, Giám đốc Tổng Nha Cải huấn miền Nam để trực tiếp xem xét giải quyết cuộc đấu tranh được anh em bên ngoài báo ngay cho anh em đang tuyệt thực ở cả hai nơi. Vậy là bước vào giai đoạn sắp kết thúc.

Vui nhưng rất căng thẳng và nặng nề. Suốt một đêm mọi người đều thức trắng. Trong đầu họ miên man biết bao ý tưởng về thái độ cần có trước khi kết thúc về những biện pháp để bảo vệ lực lượng về sau... Hình như mỗi người đều được tiếp thêm sức mạnh và quyết tâm của họ được nâng lên. Bằng mọi giá quyết không để thêm người rơi rớt nữa. Nhiều người như con thoi, trườn mình đến hết người này sang người khác thông báo cho nhau tin tức vừa nhận được và động viên nhau quyết giành thắng lợi cuối cùng.

Ngày buổi chiều hôm ấy, 28-9-1972, Đào Văn Phô đã đến Trại 6B, gặp đại diện bệnh xá để thăm dò yêu cầu của tù nhân mà chưa có biểu hiện gì muốn giải quyết kết thúc. Cuộc tiếp xúc không đạt kết quả vì cả hai bên đều biết chưa phải là thời điểm chín muồi. Mỗi bên đều cố giành lấy thế chủ động.

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

Sáng ngày thứ mười tám, 29-9-1972, đích thân Đào Văn Phô xuống Văn phòng Trưởng trại 6 mời đại diện phòng bệnh xá ra thương lượng. Dù đã có lệnh từ Sài Gòn và cả Nguyễn Phú Sanh cũng phải ra đảo để giải quyết nhanh cuộc đấu tranh nhưng hẳn vẫn còn cố lên giọng cao ngạo.

Cuộc tiếp xúc lần thứ hai tuy kẻ địch đã chính thức lên tiếng chấp nhận giải quyết yêu cầu nhưng lại sĩ diện sợ mất thế khi phải tiếp xúc chính thức với Tổng đại diện Trại, cho nên cuối cùng đành bỏ lửng. Vậy là thêm một đòn cân não thử thách mỗi bên !

Buổi chiều, Đào Văn Phô tiếp tục xuống Trại 6B lần nữa. Hẳn cũng chỉ mời đại diện bệnh xá ra tiếp xúc. Anh đại diện nói ngay :

- Tôi chỉ là đại diện của anh em ở bệnh xá. Tôi chưa biết ý kiến của anh em các phòng thế nào nên không thể quyết định thay anh em mà trả lời với ông được. Đề nghị để tôi được đến các phòng báo lại ý kiến của ông và trao đổi với anh em. Lúc đó, tiếng nói của tôi mới có thể đại diện cho ý kiến của anh em.

Đào Văn Phô chấp nhận và lại rời Trại 6B. Còn anh đại diện bệnh xá đi một vòng khắp trại mà chẳng có một tên trật tự nào đi theo cả.

Giải quyết nhưng rồi lại cố kéo dài thời gian để tăng thêm một chút căng thẳng. Ai cũng hiểu điều đó và nhắc nhở nhau kiên trì chịu đựng để kẻ địch không đánh giá được quyết tâm của mình.

Trong khi đó, những anh em ở Trại 2 vẫn còn bị bung bít tuyệt đối, chưa biết gì về những diễn tiến xảy ra ở Trại 6B. Dù vậy, với những thông tin đã nhận được trước đó, anh em đều hiểu rằng tất cả chỉ là thời gian ngắn.

Trưa hôm sau, Đào Văn Phô đến Trại 6B lần thứ tư, trong 3 ngày. Anh đại diện phòng bệnh xá chủ động nói :

- Tôi đã trao đổi với anh em. Anh em đồng ý kết thúc cuộc tuyệt thực. Yêu cầu ông cho mở cửa các phòng và thông báo cho anh em ở Trại 2 biết. Đồng thời, phải trả đầy đủ anh em bị dồn lên Trại 2 về trại cũ.

Hắn ra lệnh mở cửa phòng và tiếp :

- Việc ở Trại 2, chúng tôi sẽ lo.

Hơn một giờ sau, Lê Văn Khương, Phó Quản đốc phụ trách an ninh vào từng phòng ở Trại 2, tuyên bố ý kiến giải quyết của tên Trung tá Đào Văn Phô và việc chấp nhận kết thúc tuyệt thực của anh em ở Trại 6B.

Các phòng đều thống nhất nội dung :

- Với những ý kiến giải quyết của Trung tá, chúng tôi đồng ý kết thúc tuyệt thực. Nhưng Ban Quản đốc phải giải quyết 2 yêu cầu cụ thể :

1)- Phải trả toàn bộ anh em bị dồn lên đây về Trại 6B. Ai về phòng nấy.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

2)- Trước mắt, do anh em đã kiệt sức, việc di chuyển bây giờ rất nguy hiểm đến tính mạng của anh em. Đề nghị cung cấp nước cháo và thuốc men để anh em hồi phục phần nào sức khỏe trước khi di chuyển về trại cũ.

Lê Văn Khương tuyên bố đồng ý và cam kết sẽ thực hiện đúng lời hứa. Trước khi hấn đi ra, cửa phòng đã mở toang.

Cuộc đấu tranh tuyệt thực chính thức kết thúc.

.....

Thêm một thắng lợi được ghi vào lịch sử nhà tù Côn Đảo, tô đậm thêm truyền thống bất khuất của những người tù chính trị câu lưu Trại 1 - những người tiêu biểu cho khí phách hiên ngang; đã quyết đấu là quyết thắng ...

Chiều đến, khi ánh nắng bớt gay gắt, trật tự vào từng phòng thông báo chuẩn bị về Trại 6B. Anh em Trại 2 sẵn sàng. Cứ hai người dìu một anh ra xe. Có anh em còn kê vai cõng luôn. Những giọng nói của những người chưa quen biết thì thầm bên tai :

- Cám ơn các anh. Chúc các anh mau hồi phục. Chính các anh đã lấy sinh mạng của mình để đổi lấy mạng sống cho tù nhân Côn Đảo.

Mọi người lần lượt được dìu lên nằm trên xe Dodge. Vẫn chiếc xe hôm nào địch dùng để phân tán, xé lẻ anh em, còn hôm nay, nó lại mang anh em trở về cùng đồng đội. Anh em không còn phải nhắm mắt cố tạo hình ảnh kiệt sức nữa mà lại mở to mắt để nhìn trời xanh. Xe từ từ ra khỏi Trại 2, dọc theo bờ biển. Sóng vẫn vỗ bờ như muôn thuở, nhưng nghe như tiếng nhạc reo vui... Xe vào cổng Trại 6...

Địch trả lại toàn bộ số người bị dồn lên Trại 2. Không sót một người. - Lần đầu tiên trong nhà tù Côn Đảo địch thực hiện nghiêm chỉnh lời đã hứa !

Cuộc tuyệt thực 19 ngày của tù chính trị câu lưu Trại 6B cuối cùng đã giành thắng lợi to lớn, góp phần tô điểm thêm cho truyền thống đấu tranh hào hùng của **“Trại 1 chống ly khai, chống chào cờ địch trên Côn Đảo”**. Địch phải kiêng dè. Các sắc tù trên đảo kính phục. Lần đầu tiên, cũng là lần duy nhất, hiện diện một “lỗm giải phóng” với đầy đủ ý nghĩa của nó ngay giữa chốn ngục tù khủng khiếp nhất trần gian, tồn tại trong nhiều năm từ sau những ngày nóng bỏng ấy như một biểu hiện trọn vẹn ý chí kiên trung, khát vọng độc lập tự do, truyền thống kiên cường bất khuất và giá trị con người thời đại Hồ Chí Minh của những người tù chính trị Côn Đảo.

*

* *

Ba cuộc đấu tranh tuyệt thực toàn trại dài ngày ở ngục tù Côn Đảo đã đi qua hơn một phần ba thế kỷ. Mỗi cuộc đấu tranh ở những thời điểm khác nhau, mang một ý nghĩa khác nhau nhưng lại do cùng một lực lượng tù nhân tiến hành. Hình như lịch sử vô tình đã giao cho họ, những con người hết sức bình dị, sứ mạng vinh quang trong

cuộc đối đầu với kẻ địch và cũng để thử thách tinh thần kiên trung bất khuất, sức chịu đựng trước vô vàn nghịch cảnh của kiếp tù đầy.

Chỉ một lần đối mặt với tử thần, dai dẳng đến từng phút, từng giây để cuối cùng bước ra trong chiến thắng đã là điều vượt quá suy nghĩ của nhiều người. Ba lần lao mình vào cõi chết để bảo vệ cái sống với đầy đủ ý nghĩa cao đẹp của nó với kết quả gần như dự tính ban đầu, cho dù người có trí tưởng tượng phong phú đến đâu cũng thật khó hình dung được. Vậy mà, chính những người tù chính trị Côn Đảo, bao năm dài bị giam chặt trong cấm cố, những con người ốm đói, bệnh tật triền miên, lại làm nên điều kỳ tích đó.

Cả tuổi xuân, họ dâng trọn cho sự nghiệp kháng chiến chống Pháp giành độc lập tự do cho dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ. Hòa bình lập lại không được bao lâu, họ sa chân vào chốn ngục tù, phải đối mặt với kẻ thù mới, thâm độc và nham hiểm gấp bội phần so với kẻ thù cũ. Chính sách cưỡng bức tư tưởng, đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật được các chế độ lệ thuộc Mỹ ở miền Nam áp dụng đã đẩy họ đến cận kề cái chết và hậu quả là hàng trăm đồng đội của họ phải gởi thân ở nghĩa địa Hàng Dương. Lực lượng trung kiên một lần bị tan rã.

Ân hận và ray rứt với những phút giây vấp ngã, vượt qua những mặc cảm thất bại thường tình, với sự kiên định trong tư tưởng, lòng tin tuyệt đối vào thắng lợi cuối cùng của cả dân tộc trong cuộc trường kỳ kháng chiến, tin vào lý tưởng, tin vào hành động đúng đắn của chính mình và đồng đội, họ lại phát cao ngọn cờ Cộng sản vì độc lập tự do của Tổ quốc ngay giữa ngục tù. Họ quyết lấy sinh mạng của mình để giữ vững ngọn cờ thiêng liêng ấy.

22 ngày tuyết thực tuyết ẩm, cho dù lực lượng không còn nguyên vẹn như lúc khởi đầu, nhưng những người tù đã buộc kẻ địch không chỉ ở Côn Đảo mà cả Trung ương chính quyền Sài Gòn phải lùi bước, chấp nhận sự tồn tại hiện hữu của một trại tù Cộng sản ngay giữa địa ngục trần gian Côn Đảo!

Rồi từ đó, trại tù Cộng sản - Trại 1 chống ly khai, chống chào cờ - như ngọn cờ cổ vũ các trại tù trên đảo vùng lên và bản thân trại tù này không ngừng được bổ sung, củng cố không chỉ về lực lượng mà cả nhận thức về vai trò của cuộc chiến đấu giữa ngục tù trong mối quan hệ hữu cơ với cuộc trường kỳ kháng chiến chống Mỹ của toàn dân tộc.

Lực lượng bổ sung theo thời gian là những lớp người tuổi tác chỉ là hàng con, hàng cháu, những thanh niên tuổi đôi mươi và nhiều người còn ít hơn nữa. Nhưng đối với họ, tất cả đều bình đẳng, là đồng đội, đồng chí của nhau. Họ đối xử với nhau bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm chân thành không chút vụ lợi.

Kẻ thù bất lực không xóa nổi sự hiện diện của một “trại tù chống đối” nhưng lại thừa mưu ma chước quỷ để đánh phá, tiêu hao, tiêu diệt từng nhóm, từng người. Và

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

cuộc chiến đấu giữa chốn ngục tù của những chiến sĩ kiên trung đã diễn ra liên tục chẳng phút giây ngừng nghỉ. Hết Chuồng Cọp đến cấm cố, còng xiềng, khủng bố đánh đập, lựu đạn cay, phi tiễn. Rồi bệnh tật, chết chóc liên tục diễn ra. Những người tù chính trị câu lưu Trại 1 vẫn kiên gan đương đầu và từng bước, từng giai đoạn đã giành được những thắng lợi nhất định.

Hai cuộc đấu tranh tuyệt thực tiếp sau được những người tù Trại 1 - 6B tiến hành trong thế không còn cách lựa chọn nào khác được đối với những người đã nhiều năm khẳng định vị trí chính trị chống địch triệt để nhất trong tù. Đúng hơn là một chuỗi mười cuộc tuyệt thực với tất cả 47 ngày nhịn đói trong chỉ một năm mà hai cuộc đấu tranh dài nhất là cuộc tuyệt thực thứ nhất và thứ mười, nhằm phản kích lại ý đồ triệt hạ uy thế của người tù chính trị. Đây là bước phát triển rất quan trọng trong nhận thức của những người tù chính trị từ chỗ kiên quyết giữ vững vị trí bảo vệ khí tiết cách mạng đến bảo vệ các giá trị cơ bản của quyền con người, chủ động góp phần mình vào công cuộc kháng chiến của toàn dân tộc.

Một điều đặc biệt là cả ba cuộc đấu tranh, những người tù chính trị câu lưu Trại 1 - 6B Côn Đảo đều tạo nên những tác động lớn không chỉ trong tù nhân Côn Đảo mà còn vang đến dư luận trong đất liền, đẩy giới cầm quyền tại Côn Đảo vào thế bất lực hoàn toàn, buộc trung ương chính quyền Sài Gòn phải đứng ra trực tiếp giải quyết.

Chính thái độ đấu tranh quyết liệt ấy trong cả thời gian dài đã tạo điều kiện cho sự tồn tại một “lõm giải phóng” ngay trong lòng ngục tù Côn Đảo, nơi mà mọi sinh hoạt đều do chính những người tù tổ chức và điều hành thông qua các tổ chức họ tự nguyện lập ra không khác gì ở vùng tự do. Địch căm lắm nhưng phải đành bất lực làm ngơ. Một điều chưa từng có trong lịch sử nhà tù nổi tiếng khốc liệt này.

Hơn một phần ba thế kỷ đã trôi qua. Gần hai phần ba số người từng tham gia một, hai hoặc cả ba cuộc đấu tranh lịch sử ấy đã lần lượt từ già cõi đời theo lẽ tự nhiên. Số còn lại, hầu hết đã trở về cuộc sống đời thường, hiện ở rải rác khắp mọi miền đất nước, từ thị thành đến tận những vùng quê, với tuổi già, bệnh tật và bao chấn động tâm lý chất chồng đè nặng trên lưng. Nhưng họ vẫn thanh thản và thường xuyên giữ mối liên hệ với nhau dù chỉ bằng những cánh thư, những lời thăm hỏi hay những lần hội tụ gặp gỡ hiếm hoi. Với họ, tình cảm đồng đội là thủy chung như nhất. Những thiệt thòi do hàng chục năm ròng vướng vòng tù ngục chẳng làm họ bận tâm nuối tiếc. Và những gì họ đã trải qua, dầu đây gian khó hiểm nguy, cứ như một lẽ đương nhiên, là nhiệm vụ thiêng liêng mà lịch sử đã trao cho thế hệ của họ. Trong đó mỗi người đều cố gắng hoàn thành lấy phần việc của mình với một chút tự hào chính đáng. Tất cả chỉ vì Độc lập Tự do của Tổ quốc Việt Nam.

Ôi thật bình dị mà vĩ đại biết bao !

BÙI VĂN TOÀN

MỘT NGÀY BÌNH THƯỜNG TRONG XÀ LIM CHUÔNG CỌP

Xà lim số 14 Chuông Cọp 2 vào thời điểm 1966 - 1967: Sáu người tù chung xà lim: Đặng Ngọc Cảnh (Quảng Ngãi), Nguyễn Quới (Quảng Nam), Huỳnh Công Luận (Trà Vinh), Nguyễn Đăng (Thừa Thiên), Võ Đắc Thành (Sóc Trăng), Hồ Thạnh (Bình Định) - Tất cả đều là tù câu lưu, bị đày ra đảo từ 5 - 7 năm trở lên. Trong đó, 4 người bị lao phổi (Cảnh, Quới, Luận, Thạnh) và 2 người bị bệnh thần kinh (Đăng, Thành).

Ngày Chuông Cọp bắt đầu

4 giờ sáng: Tiếng keng lính đổi gác ngoài chòi canh.

Đi cầu: Phải xong xuôi trước 6 giờ sáng. Ai “trễ tàu” phải cố nín chịu đến 24 giờ sau, nếu không sẽ ngộp thở. Ai “quan đòi”⁽¹⁾ đi trước. Hết sức cẩn thận? Câu tiêu là thùng gỗ dẹt nhỏ miệng to, lật bật ngã cầu là ngã vạ. Bón táo. Rặn đi tiêu như bà già muộn con rặn đẻ, đổ rân cả mặt như gác chín. Phải cố cho xong việc bài tiết đau khổ trước 6 giờ. Rán chỉ huy “chú bồi” giữ nước tiểu để có giặt miếng giẻ chùi dít.

6 giờ sáng: Đổ cầu - giờ ra trận. Hôm nay anh Cảnh “xin” đi đổ cầu. Anh em không đồng ý. Anh Cảnh đau yếu - lở ngớ sợ bị đòn nặng. Anh không đành lòng để anh em chịu đòn mãi nên nằn nì xin được cất phiên, chịu đòn cho nóng máu kéo văng chịu đòn trở nên nhút nhát - Anh em phải đồng ý. Anh trong tư thế chuẩn bị: sắp xếp trong óc các thao tác trước, sau: chân tay cho gọn gàng mau lẹ, tránh đòn, khỏi té ngã - Bình tĩnh đừng luống cuống.

1. Tiếng dân gian chỉ đi ngoài, đi đại tiện. Cố ý châm biếm quan lại phong kiến

Sau tiếng then sắt “răng” và tiếng chửi thề: “Đ.M... ẹ lên con” lảng cháng lãnh đủ! Hai lon! Hai lon!(1) cửa mở - Tên trật tự tránh nhanh mùi nồng nặc của xà lim ủa ra. Cảnh bê cao thùng phân hất nhanh vào học đồ cầu, ập nhanh. Một lon tạt nhanh phía thành hất sạch. Một lon rà quanh miệng thùng, hất mạnh. Xách thùng vào xà lim kịp trước khi hèo mây vụt tới.

Hôm trước phiên Quới “ẹ tay” vực thêm một lon rửa tay bị tên ác ôn “ẹ mắt” phát hiện “táp” cho mấy hèo ngã kênh trước cửa. Anh em ào ra kéo nhanh vào tránh kịp mấy cú đá - 5 tiếng thở phào nhẹ nhõm. Hôm nay được an toàn!

8 giờ sáng: Cửa sắt xà lim 6 đóng âm. Xong giờ đồ cầu. Thạnh thính tai theo dõi động tĩnh: tiếng gõ thanh sắt đều đều trên đầu từng xà lim: “Điểm số” - tiếng vá cào rồn rảng trên chảo: Chúng ăn cơm xong: Tiếng cúc gà ăn, tiếng cười giỡn tiếng kêu nhau đi lãnh khẩu phần đồ ăn bên nhà bếp: Dấu hiệu buổi sáng có thể bình thường - Anh em chuẩn bị cho giờ học chính trị, ôn nhảm lại phần Nghị quyết T.Ư Đảng, phân tình hình thế giới và đợt chuyển bằng moọc(2) phần tiếp theo.

Có tiếng mở cửa sắt dây xà lim bên phải (các phòng 40 - 60), tiếng cãi cọ của bọn ác ôn bên ngoài và anh em tù. Tiếng roi quất, đấm đá và tiếng hô “phản đối” - Có chuyện gì xảy ra, anh em các phòng quanh bật dậy, la lớn: Chuyện gì mà đánh đập người tù? Chuyện gì lại đánh đập người tù! Phản đối! Phản đối? Trật tự đóng cửa sắt rầm rầm, chạy lên nóc xà lim “Đ.M. tụi nào la! Tụi bay la hả? Đấu tranh làm loạn hả? Hàng khạp nước hơi bắn trên đầu - công cụ đàn áp hô la của chúng xối ào ào xuống từ xà lim 10 đến 15, 17 dãy bên kia từ 50 lên 40 - vôi bột rải tung xuống trắng xà lim, phủ đầy đầu tóc, mặt mày người tù. Tiếng gào thét rầm rầm, lan rộng lên các xà lim phía trên - “Phản đối đàn áp tù nhân? Phản đối! Phản đối!”. Chúng kéo đèm đay kín các xà lim hô la phản đối. Vôi bay tủa khắp nửa khu xà lim phía dưới hơi vôi nồng nặc.

Khoảng 1/2 giờ tiếng hô tạm vắng - Buổi học chính trị tạm gác. Các xà lim bố trí cảnh giới và truyền tin cho nhau biết nguyên nhân cuộc đàn áp hô la: “Anh em số mới ra truyền tin cho nhau bị bọn trật tự bắt được, kéo ra đánh. Phòng 44 bị đánh đập, đổ vôi nặng”.

11 giờ: Đã quá giờ lấy cơm, vẫn thấy im lặng - Có thể chúng trả thù hay khiêu khích.

12 giờ trưa: Thập canh nổi keng đỏi gác. Im lặng. Không khí căng thẳng nặng nề.

Có tiếng mở cửa từ dưới lên. Hai phút sau tiếng đóng cửa rồi tiếng mở cửa phát cơm. Đóng phòng này xong mới mở phòng khác - đề phòng bung ra xô xát. Cơm, mắm

1. Chúng chỉ hạn định cho mức hai lon sữa bò để tráng thùng cầu. Mức thêm một lon là phải tắm mưa đôn.

2. Mã hiệu trong tù bằng cách gõ vào vách. Thời trước Cách mạng Tháng Mười Nga phương pháp liên hệ trong tù này, gọi là écrits phonétiques (tạm dịch là âm tự, theo tiểu thuyết là Zéro et L'Infini quên tên tác giả)

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

linh quây loãng. Không có muối, ba tên trật tự đi theo, 1 mở cửa, 2 cầm gậy phòng hồ, mắt gờm gờm - không nói, không chửi thề.

Nước mỗi người một lon sữa bò. Không nước rửa bát. Cơm nguội lạnh khô khốc. Mắm kho loãng chỉ nghe mùi tanh mằn mặn. Ráng nhai nuốt cho hết đĩa. “Ăn là nhiệm vụ”. Còn phải chịu trận dài dài. Tiếng lạch cạch trên vách. Tin báo: Phòng 44 tuyên bố tuyệt thực đòi gặp quản đốc - đòi dội phòng, tắm rửa.

Buổi trưa trôi qua trầm lặng. Từng phòng trao đổi, dự đoán tình huống chuẩn bị hỗ trợ nhau - chống đàn áp - khủng bố hình thức và mức độ đấu tranh - không ngủ được nhưng lim dim - cảnh giới, nghe ngóng.

14 giờ chiều: Tiếng ken két kéo dài. Cửa thông từ trại 4 qua khu Chuồng Cọp mở - nhiều tiếng chân giày dẫm mạnh. Chắc bọn trại, quản đốc vào. Anh em đồng loạt ngồi lên - Căng mắt chờ. Tiếng chân rầm rập lên lầu. Chín Khương, Hai Lợi, Hai Gát, Kem Khomer vừa rảo nhanh vừa nhìn xuống các xà lim. Bọn trật tự lặng lẽ nối đuôi. Lát sau cửa xà lim 44 mở. Không nghe rõ tiếng hai bên đối khẩu.

Có tin truyền qua: Cho các phòng bị tạt nước, đổ vôi dội rửa - Chúng không muốn diện đấu tranh lan rộng trong lúc này không có lợi cho chúng.

Buổi học tập văn hóa chiều bị phá vỡ - Thành tranh thủ học thêm mấy chữ Hán, Thành nhắm lại mấy công thức toán chờ bữa cơm chiều.

16 giờ chiều: Tia nắng len qua khe cửa hở bò sát thùng cầu. Sắp đến giờ lấy cơm Thành chuẩn bị, ốm người nhưng lạnh lẽ, lỳ đòn. Thường anh “dành” ra lấy cơm chiều, xúc mạnh, ém chặt, cơm được nhiều ăn được no hơn chịu qua đêm dài.

Giờ này bọn trật tự một số lo kiểm soát việc chia cơm - mở đóng cửa phòng, một số lo kiểm thức ăn cho buổi tối cho chúng và cho bầy gà - nên sơ hở nhất trong ngày. Thông báo tin tức chủ trương đấu tranh được chuyển đi vào giờ này an toàn nhất.



Bị giam trong lao tù

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Trước lúc ăn cơm, Thành “điện báo viên” báo: Phòng 44 tiếp tục không nhận cơm đòi gắp quản đốc. Phối hợp, hỗ trợ đến mức nào sẽ chuyển tiếp. Có tàu chở tù mới ra...

Bữa cơm chiều nay trong bát mấm linh kho quậy có váng mỡ và lông bông mấy lát mỡ heo xắt nhỏ - Có phải xoa dịu không? Sáng hôm sau mới xác định: Tàu ra, một số heo chết, kêu các trại lãnh về ăn trước trừ phần thịt kỳ 10 ngày tới.

Không có nước rửa, anh em tráng rồi uống luôn. Tiết kiệm phòng bát thân bị cúp nước.

18 giờ chiều: Trật tự bên ngoài đi tua kiểm tra khóa các phòng. Bên trên đầu xà lim điểm số. Tiếng kêu nhau đi ăn cơm lẫn tiếng chửi thề. Giờ tạm an toàn. Có tiếng lạch cạch khô khan. Không, không phải “điện”. Thoảng có mùi khói thuốc bay đến: À, tiếng đánh lửa hút thuốc tòn.

Ngày qua, đêm đến. Giờ kiểm điểm nội bộ trong ngày: đi cầu, đổ cầu, ăn uống, thái độ đối với nhau, đối với hành động đàn áp của địch, tinh thần hỗ trợ đồng đội...

Nhận điện của “trách nhiệm trại”⁽¹⁾: “Cuộc xô xát sáng nay không phải chủ trương của bọn trên mà do hành động của bọn trật tự ác ôn. Chúng ra lệnh cho bọn trật tự không được đánh đập, đổ vôi khi không có lệnh - Hành động phối hợp kịp thời, năng nổ của khu xà lim dưới đã thổi động địch...”. Sẽ góp ý phòng 44 thôi tuyệt thực...

Đêm: 20 giờ tối: Giờ “tự do” tâm tình kể chuyện - đủ mọi thứ trên đời - 6 người, 6 cuộc đời, 6 xứ sở, 6 trình độ, chính trị, văn hóa, chuyện xưa nay, gia đình vợ con... tưởng chừng như không bao giờ tận. Học hỏi nhau từng kinh nghiệm nhỏ. Giờ thoải mái tình cảm, thư giãn tinh thần, tích lũy vốn sống cho nhau.

22 giờ tối:

Chuẩn bị cho hôm sau. Phân công người đổ cầu, lấy cơm, nhận tin... 6 người trong hầm sâu, cửa sắt kín mít. Mùa mưa cũng thấy ngọt ngọt còn mùa nắng hầm hấp suốt đêm. Bê 1,2 - 1,4m xi măng tróc từng mảng. Chia phiên nhau 4 người nằm, 2 người ngồi, cởi quần, mặc lên chiếc đũa tre làm quạt, quạt cho 4 người ngủ.

Đến giờ đổi phiên 2 người khác. Không có gì để định giờ đành đếm đủ 1.000 lần quạt là thay phiên, thường quạt đếm đến trăm thứ 5, thứ 6 thì quên lần không biết đến trăm thứ mấy. E rằng mình đếm lộn, quạt lại từ trăm thứ năm. Nhiều người không phải quạt 1.000 cái mà đến 1.200 - 1.300 - Thế là trời sáng mà có người chưa làm nghĩa vụ. Anh em trao đổi, thay cách tính giờ đếm số bằng ôn thơ. Cứ hết hai bài thơ dài chừng 300 câu là kêu anh em khác đổi phiên. Cứ thế săn sóc giấc ngủ cho nhau. Anh em bị lao tự tạo một khẩu trang bịt miệng quay vào vách ngủ để tránh truyền vi trùng lao cho người khác. Không ai sợ lao cả vì lao hay không lao cũng không trước thì sau “Hàng dương chi mạ” - Nghĩa địa chôn tù.

(1) Phòng được anh em nhất trí đề cử làm trách nhiệm tập hợp ý kiến các phòng cốt cán để đề xuất chủ trương lãnh đạo đấu tranh và xử lý nội bộ.

Hai giờ sáng: Xà lim luôn có người thức quạt và canh chừng động tĩnh. Nhưng ít đêm yên lặng hoàn toàn. Đàng vùng đập dữ dội bên cạnh và hét lên làm cả xà lim hoảng hồn vùng dậy, các xà lim khác cũng nhao nhao hỏi. Thì ra trong cơn ác mộng, anh bị bắn vào đầu, anh hét lên...

Cảnh thay phiên, thâm độc chưa hết bài “30 năm đời ta có Đảng” thì tiếng keng keng chòi canh báo 4 giờ sáng.

Một ngày xà lim diễn qua nhiều lớp - Một ngày nữa lại bắt đầu và không ai biết trước điều gì mới sẽ xảy ra.

Chúng giết anh Lê Minh Quới

Dây đèn điện trên nóc Chuồng Cọp bật sáng và cháy đến 5 - 7 phút. Tín hiệu có điện đất liền ra, hoặc có tàu ra. Tam và tôi, hai tên bị biệt giam không thời hạn trong Chuồng Cọp 2 khế bảo nhau: “Chắc tàu ra. Có thể chở tù ra. Vì tàu hàng vừa ra tuần trước”:

Mọi động tĩnh lớn nhỏ trên đảo đều được theo dõi, lâu ngày thành “tính” của người tù nhất là người tù nằm xà lim Chuồng Cọp.

Ước chừng khoảng 12 giờ đêm. Tháng Chạp gió chướng đã thổi đều lạnh không ngủ được. Bên Chuồng Cọp I có tiếng ồn ào, tiếng cửa sắt thông qua lao 4 mở kêu ken két - Tiếng cửa gỗ đập rầm rầm, tiếng quát tháo của trật tự, tiếng chửi thề của Ngô Thanh Trị, hung thần Phú Lợi mới đổi ra mấy tháng trước. Khoảng một giờ sau, khu Chuồng Cọp trở lại vắng lặng. Có tiếng chân đi ngoài hành lang rồi tiếng chửi thề: “Đ.M. đưa về rồi đưa ra. Buồn ngủ muốn chết”. Rồi tiếng nhỏ và thanh của Phước: “Năm ông cũ trở ra. Có 3 tù mới biệt giam. Tù Phú Lợi làm lao, làm đường Cỏ Ống”.

Sáng ra, Phước cho biết tiếp: “Ba tên mới: Võ Văn Tuấn, Lê Minh Quới, Hoàng Tam Kỳ. Có vẻ thứ dữ, áo quần đồ đạc đàng hoàng”.

Hai khu Chuồng Cọp 1, 2 tách biệt không qua lại. Gần tuần sau Phước cho biết thêm: “Quới, trí thức, Giáo sư; Tuấn, Thường vụ đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn; Kỳ, Tỉnh ủy viên Gia Định, chống chào cờ, nội quy ở Phú Lợi. Thường đấu lý khinh thị Ngô Thanh Trị, hùm xám Phú Lợi. Ra đây oan gia gặp oan gia. Trị hằm hè quyết trị để trả thù. Không biết các chả có trụ vững không?”.

Nhiều tuần trôi qua. Bên Chuồng Cọp I lâu lâu có tiếng quát tháo, hăm he của Ngô Thanh Trị vọng qua: “Đây là Chuồng Cọp Côn Đảo, không phải đất liền đâu nghe! Được, để rồi xem ở đây chỉ có hoặc đầu hàng hay là chết!”

Trước Tết, bọn Quản đốc xuống. 3 anh Tuấn, Quới, Sách tách khỏi 5 anh (Thuận, Mậu, Ninh, Một, Sặc) qua Chuồng Cọp 2 nhốt ở hầm 30.27,23. Ăn cơm muối, lột hết áo quần chỉ còn quần cụt.

Hết màn đầu rúng ép đến màn chính: truy bức buộc đấu hàng ly khai. Tôi xin tên Lê Văn Thế cho y được trị 3 tên trí thức này. Tăng Tư phó quản đốc, Hai Gát CA phó an ninh Chuồng Cọp vắng bóng. Chỉ có Trị tung hoành, tác oai, tác quái.

Phước bảo nhỏ tôi và Tam: “Hai thằng bày tranh thủ phổ biến kinh nghiệm cho hai đồng chí mới của bây chớ gặp lại thằng Trí gay lắm đó!”.

Mỗi bữa sáng, hai đứa tôi xách nước rửa nền, hót phân trao đổi chớp nhoáng cho các anh biết thủ đoạn truy bức đầu hàng của bọn chúa đảo, quản tù, phổ biến kinh nghiệm che giấu trong ăn ở, liên hệ với nhau (giấu thuốc ống, muối ăn), chuẩn bị tinh thần chịu đựng lâu dài, nhiều đợt kết lại chỉ có quyết tử mới bảo vệ được khí tiết.

Trước đây bọn trật tự ác ôn còn đông, chúng dội nước 24/24 giờ, có lúc chúng dội liên tiếp 1/2 giờ một. Nay chỉ còn 2 trật tự, Phước là người ta đưa vào. Trương Phát người Hoa do Tăng Tử đưa vào, có lòng nhân, cảm tình với tù chính trị nên sức dội ít hơn, nhất là đêm gió chướng, dội cầm chừng, đừng để sên khô lúc hừng sáng, vì sợ Trị bất thần đột kích vào bãi gặp - Thế nhưng có lần Trị bắt gặp anh Quới đắp 1 tấm vải che ngực. Nó hùng hục mở cửa, giật tấm vải tra vấn (đây là tấm vải Tam lén đưa cho anh Quới). Tên hung thần đấm đá một trận toi bời, bóp cổ anh Quới ngất xỉu trên sàn đá.

Ngày dội nước thứ 5. Trị xuống ra lệnh bỏ đói, đóng chặt cửa, vừa dội nước vừa bỏ đói. Tuy truy bức cả 3 anh nhưng Trị trực tiếp truy bức Quới để trả thù.

Trương Phát căm ghét Trị tàn ác; không nỡ tâm bỏ người chết đói, lén cho ăn cầm hơi. Sáng mùng một Tết, Phát nấu cả nồi hủ tít vịt, Phát có chế độ ăn uống tự do mua sắm và được nhà gởi tiền bạc, thức ăn, mức luôn cho mỗi “thằng” ăn một bát đầy - Phát ý có Tăng Tư đỡ đầu không sợ Trị, Trị gian ác thế nào đều mật báo cho Tăng Tư biết - Nhưng Tăng Tư khôn ngoan không dám chống lệnh Thế “Tôi và Tam sợ Phát sơ hở, Trị bắt gặp nên góp ý chỉ cho ăn cầm hơi và chỉ cho ăn những thứ có chất bã để không đi ngoài. Ngày thứ 3 còn cãi lý được, chứ ngày thứ 5 trở lên mà còn đi ngoài, có phân thì rõ ràng có cho ăn không cãi vào đâu được - Phát thấy có lý sau đó Phát cho uống sữa, có lúc cả cà phê của Phát, Trị nghi, cố rình nhưng không bắt gặp vì mỗi lần Phát cho ăn uống, Phước bố trí cảnh giới cẩn mật.

Bỏ đói ngày thứ 9, ba anh vẫn sống và có kinh nghiệm hơn - Thấy Trị vào, các anh nhắm nghiền mắt, thở thoi thóp như sắp chết. Đứng trên đầu hầm cọp, Trị hầm hè: “Để coi gan cộng sản thắng hay quyền lực thắng”. Anh Quới mở mắt trừng lên khinh thị. Trị nổi xung mức nước 2 khạp đổ xuống ào ào, bảo Phước và Phát xách lên 4 thùng nữa, tự tay Trị đổ tiếp. Anh Quới nằm yên, không thèm nhúc nhích, chịu hết cả hàng chục thùng nước - như thách thức với tên ác quỷ - Tức điên lên, Trị quay lại hầm hè với trật tự: “Tụi bay lén cho nó ăn, không thì sao đói cả 10 ngày không chết?” Phát gân cổ cãi lại: “Trung sĩ mới ra đây không biết cả hàng trăm tù chính trị tuyệt thực 23 ngày mới có người chết. Trung sĩ bỏ đói mà còn cho uống nước thì chết sao được?”

Trị quát mắt: “Tao cho nó uống nước hồi nào?”

“Ai mà cho, nước dội xuống nó hớp nó uống, còn lâu mới chết”. Trị đuối lý, chửi thề vùng vằng bỏ ra.

Chiều, Trị vào, ra lệnh chuyển anh Quới qua phòng 31 đóng chặt cửa và không được dội nước. Dãy sau Chuông Cọp 2 nắng chiếu từ sáng đến xế chiều. Đói, khát, nắng thiêu đốt cửa sắt suốt ngày, phải chết gấp.

Tối, đóng cửa phòng 2 đưa tôi, Phước buồn bã nói: “Thằng Trị, thằng Thế quyết giết giáo sư Quới, chắc không có cách gì cứu được”.

Ngày thứ 13, giờ giới nghiêm trưa. Sau khi khóa cửa thông vào Chuông Cọp, Phước mở cửa kêu tôi ra, buồn bã nói nhỏ: “Tôi bây giờ quần trí rồi, không nghĩ ra cách chi nữa, ông có ý gì giúp mình phải làm gì bây giờ, dù có bị nó đập chết cũng được chứ cứ làm thình mà nó giết anh em mình muốn điên được”.

Tôi biết Phước được tập thể lãnh đạo bố trí gài vào trong này và sống với nhau trong Chuông Cọp gần một năm trời, tôi hiểu nỗi khổ tâm của Phước, vừa động viên vừa an ủi Phước: “Anh được giao bảo vệ 5 anh là chính - Ta làm hết sức mình, chứ không thể làm cái gì quá sức mình, lợi không thấy mà hậu quả cấp kỳ và to lớn hơn - Ví dụ anh giả điên cuồng vùng chạy la hét, tố cáo âm mưu giết người của chúng, làm xáo động cả đảo. Có thể chúng ngưng lại một thời gian nhưng anh sẽ bị đập chết. Và chúng thay thế số trật tự ác ôn bên án qua, 5 anh bên kia sẽ chết gấp. Cố gắng làm chủ che kín tình cảm của mình, đừng hành động nông nổi! Anh còn nhớ phương châm: “Khéo che dấu, khéo hoạt động” khi anh nhận nhiệm vụ chứ!”.

Im lặng một hồi lâu, Phước thần thờ hỏi lại: “Vậy để cho mấy anh chết à?” Tôi đáp: “Đành chịu, chứ biết sao”.

Ngày thứ 14, Phước cho tôi hay có điện từ Sài Gòn ra đưa vào cho anh Quới. Đến ngày này cả 3 anh đều mê man. Trị cho Quới uống nước cho tỉnh lại, đọc điện gia đình gửi ra và bảo anh Quới ký nhận điện. Tôi hỏi ngang: “Anh có chịu ký không?” - “không ký” - Tôi thở dài: “Nó quyết giết thì ký cũng giết mà ký càng mau chết hơn”.

9 giờ sáng ngày 15, cửa thông từ Chuông Cọp mở. Có tiếng Ngô Thanh Trị và Lê Thành Nhiên, y tá của nhà lao Côn Đảo bàn bạc gì nghe không rõ rồi tiếng bước chân lên phía xà lim các anh Quới, Tuấn.

11 giờ. Giờ ra lấy cơm, tôi chạy đại lên xà lim anh Quới. Tôi ở xà lim 54 cùng dãy với phòng 31 - Nhìn qua lỗ thông gió, anh Quới chỉ còn là bộ xương nằm co quắp bất động. Tôi gật đầu chào anh rồi chạy về. Phước không nở máng tôi, chỉ giục: “đi vô đi”

Ước độ 1 giờ chiều (1), Phước báo tin: “Quới chết”. Khoảng 3 giờ chiều, cửa

1. Trong Chuông Cọp ước tính giờ bằng bóng mặt trời chuyển từ dãy xà lim phía trước ra phía sau

thông sang trại 4 mở. Hai trật tự án khiêng một chiếc hòm nhẹ tênh lên phòng người chết, lát sau, khiêng ra cũng nhẹ tênh. Tôi và Tam ở phòng bên nhìn qua lỗ khóa, đứng nghiêm cúi đầu vĩnh biệt người đồng chí. Cho đến gần tối, cả khu Chuồng Cọp chìm trong im lặng.



Anh Quới chết sau hai tháng từ Phú Lợi ra Côn Đảo. Sau 10 ngày bỏ đói và trần nước, tiếp đến 5 ngày cuối cùng vừa bỏ đói, bỏ khát và hun đốt bằng sức nắng mặt trời mùa khô tích tụ trên tấm cửa dày 2 phân - Kẻ thù giết anh Quới như thế đó.

Gần tắt nắng, Phước mở cửa kêu tôi và Tam xách nước chùi dọn phòng người chết. Xác người chết không còn nhưng một lớp cát bụi dày do gió chướng hốt rải vào viền rõ hình bộ xương co quắp trên sân xi măng đen nhám. Mãi đến nay hình ảnh đó vẫn còn in rõ trong óc tôi. Trên bệ đá, sát vách còn lăn lóc 3 viên thuốc màu nâu sẫm thường gọi là digoxin. Tìm quanh chỗ trứng dưới chân bệ, tôi lượm thêm 5 viên nữa. Lặn vào lung quần ra giếng nước, tôi tìm một miếng giấy nhựa mỏng gói lại nhét vào một hốc tường đá gần giếng, hy vọng giữ lại một chứng tích về cái chết của anh Quới. 25 năm sau trở ra Côn Đảo, tôi cố sức tìm lại nhưng không thấy, có lẽ thời gian, mưa gió đã biến những viên thuốc này thành cát bụi.

Anh Quới chết. Trước ngày chết có điện ra hỏi. Chết có được chiếc hòm dù mỏng lét, điều chưa thấy trong suốt thời gian từ 1957 đến 1963 đối với người không chịu đầu hàng, khuất phục. Và chúng lại làm một tấm bia trên mộ? Chúng tôi nhận định: có thể những viên thuốc kia là của chúng vãi trong phòng giam khi anh chết để chúng tìm cách che dấu ác tâm giết chết anh Lê Minh Quới, đánh lạc hướng dư luận nhân dân và tầng lớp trí thức trong nước.

NGUYỄN ĐĂNG - LÊ TAM

MỘT NGƯỜI ĐỔ MÁU, TRĂM NGƯỜI RƠI NƯỚC MẮT

NHÀ DÙ TRẠI 7

Côn Đảo, bốn bề mênh mông biển cả, chiều chiều gió lộng, thời tiết cuối tháng giêng dương lịch, nhưng phòng giam số 9 trại IV vẫn nóng bức vì quá đông anh em tù; tuy tù ốm đói, ốm đau, què lết nhưng “nhân diện” nhiều tháng không tắm của đông người cùng tỏa ra nghe phát mệt.

Chúng phát mỗi người một chén cơm lẫn cát sạn, chan sẵn muống nước lã:

“Chúng mày ăn gấp đưa chén trả ra ngay...”

Tôi (độ tuổi sồn sồn) cùng những anh em trẻ thì nuốt lệ, sạn mẹ sạn con, cát nhỏ cát to đều được miễn lừa lọc kiểm tra mà cho nhập khẩu nhanh. Tội nghiệp mấy đồng chí già xấp xỉ hoặc trên 60, bác Hai Đô, bác Bảy Phương (Bà Rịa), bác Bảy Đẩu (Long An), bác Lành (Mỹ Tho)... nuốt cơm mà trọn trắng con mắt.

Chén chưa đưa hết ra khỏi phòng giam. Công an, giám thị, trật tự rần rần kéo đến, ra lệnh : “Ra hết, chuyển đi nơi khác”. “Xin cho biết đưa anh em chúng tôi đi đâu?”. Tù nhân hỏi. Chúng đáp:

“Không được quyền hỏi”. Anh em đòi “bám trụ hô la phản đối cự tuyệt không chịu đi”. Tôi rĩ tai chuyển đến anh em, ta cứ đi, chưa cần đấu tranh đổ máu để bám trụ, mà chưa chắc đã bám lại phòng này được. Giữa bãi cát được san bằng phẳng không một bóng cây, nắng gắt, gió bốc cát bụi mịt mù. Toàn trại, chúng bao bọc nhiều lớp kẽm gai, bốn góc có 4 tháp canh ngày đêm, tại cổng vào có đội Công an, trật tự canh giữ.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Chia làm 4 khu cách nhau khoảng 50 mét, có mấy lớp kẽm gai đan chéo rất kiên cố.

Mỗi khu có mái che bằng vải bạt phủ từ nóc đến mặt đất kín mít, có hai dãy sạp dài hai bên bằng cây rừng cong queo tù nằm khỏi phải đấm lưng. Bốn khu gồm có 214 tù nhân chống chào cờ, chống nội quy của “Trung tâm Cải Huấn Côn Sơn”. Từ các trại giam chúng gom về đây; anh thì thương binh cụt chân, anh thì cụt tay, anh thì gãy chân, anh gãy tay, gãy quai hàm và tê bại bò lét, không đi được... từ đó, 214 anh em tù nhân bệnh tật Chuồng Cọp hình thành gắn bó nhau thành một trại đặc biệt. Từ đó tôi gặp và biết thêm rất nhiều “đồng nghiệp” (tù nhân), có nhiều anh được biệt hiệu tú tài II, tú tài III (tức là địch thả ra hoạt động tiếp rồi bị bắt nữa) v.v... Tôi còn nhớ được một số anh: Nguyễn Nho Thương quê Quảng Nam, sinh viên Đại học Đà Lạt có hàm râu, nét mặt giống “già rô”, tính tình vui vẻ với anh em, nhưng nói năng với địch rất thẳng thừng bộc trực; Là thành viên trong Ban biên tập Tạp chí Văn Nghệ tù nhân Chuồng Cọp sau này; anh Tư Hộ (tự Bảy Phát) quê Củ Chi phụ trách cơ sở báo chí của cánh học sinh Sài Gòn; anh Phạm Ngọc Mịn (quê Quảng Nam); anh Nguyễn Thân Phước (quê Quảng Nam); Trần Đổ Toán (quê Quảng Nam), học sinh vào Sài Gòn tham gia cánh võ trang nội thành bị bắt đợt Mậu Thân; anh Ngô Nga (quê Quảng Nam); anh Sáu Què (quê Sóc Trăng); em Hiến quê Long Xuyên là học sinh gia đình đạo Thiên Chúa, em theo cách mạng gia đình đòi từ em nhưng cũng không thể bỏ con được; anh Thảng quê Quảng Nam Đà Nẵng (nay là Chủ tịch UBND huyện Phú Giáo); anh Bảy Thuần dân Sài Gòn - Phú Thọ Hòa, 2 lần tù; anh Trần Thập quê Quảng Trị, sau giải phóng công tác ở quận Gò Vấp nay hưu trí. Và em Thiều học sinh quê Bến Tre, em cùng một học sinh nữa lãnh nhiệm là vụ ám sát tỉnh trưởng Bến Tre tên Phạm Ngọc Thuần (mà trong Văn Bài Lật Ngửa tác giả Nguyễn Trương Thiên Lý đặt tên là Nguyễn Thành Luân) cuộc ám sát tỉnh trưởng thất bại cả 2 em đều bị bắt, Ty Công an Bến Tre của ngụy tra khảo dã man không tìm được manh mối là “Việt Cộng” hay là tổ chức của CIA, hay là phe cánh mâu thuẫn nội bộ tay sai Ngô Đình Diệm mà tổ chức ám sát tỉnh trưởng Phạm Ngọc Thuần. Cuối cùng Phạm Ngọc Thuần trực tiếp đứng ra



điều tra mẹo để xác định 2 em người của ai ? Với ý định người của giải phóng thì không bán mà bỏ tù, một cách cứu người rất thông minh và khôn khéo trong lòng địch (xin miễn kể vì ngại bài này dài).

NGÀY QUÁ NÓNG, ĐÊM QUÁ LẠNH

Ban ngày địch bắt phải thả tấm bạt xuống sát mặt đất để ngăn cát giữa các khu không nhìn thấy nhau được, không đánh moọc cho nhau được, mà giữa cánh đồng cát nắng như thiêu như đốt, khi ăn cơm thì có những cơn gió xoáy cát bay đầy chén cơm, đầy chén nước mắm ruốc. Ban đêm chúng bắt phải vén tấm bạt lên cách mặt đất một thước để bọn chúng canh gác và tuần tra kiểm soát dễ dàng, mà thường về đêm thì gió biển ào ạt suốt đêm, chăn mỏng chằm vá lạnh tê không tài nào ngủ được, gió cuốn cát đầy đầu cổ, quần áo... nước không đủ uống, một tuần tạt cho mấy lon nước gọi là cho tắm.

Không đầy một tháng anh em đều xuống sức chao đảo, bệnh tật phát triển, không có thuốc uống. Anh em căm tức bàn bạc đòi đấu tranh. Tại khu II tức là hầu hết anh em cũ từ phòng 9 trại IV đưa đến “nhà dù”, tổ chức các tổ Đảng và Chi bộ, cấp ủy vào nguyên đội hình. Chúng tôi bàn nhau thống nhất tập trung 3 vấn đề lớn: một là thông tin cho 3 khu còn lại nên xây dựng và cùng tổ chức Chi bộ, tổ Đảng ở từng khu để làm trung tâm đoàn kết, nòng cốt đấu tranh, bám nhau từ nay về sau; hai là học tập 9 bài học về lịch sử Đảng nhân ngày lễ kỷ niệm thành lập Đảng 3/2. Và học tập bài “Thắng lợi chiến lược (bước ngoặt) của Tổng Tấn Công Mậu Thân và 10 bước xuống thang chiến tranh của Mỹ”; ba là bàn mục đích yêu cầu, khẩu hiệu và các hình thức đấu tranh và kết thúc đấu tranh như thế nào.

Tôi do được tích lũy những nhận định và các nguồn thông tin từ Chí Hòa nên được anh em giao đúc kết các bài học về lịch sử Đảng và thắng lợi Mậu Thân của ta và Mỹ tụt thang chiến tranh như thế nào? Để dễ phổ biến truyền đạt, anh em nghe dễ nhớ yêu cầu bài học tổng kết phải xúc tích, cô đọng, gọn - toàn bộ bằng trao đổi thảo luận miệng chớ không có giấy viết gì cả. Tôi đã rất cố gắng làm tròn nhiệm vụ, được các đồng chí và anh Ba Trinh bạn tù (sau giải phóng là Phó Tổng biên tập báo Sài Gòn Giải Phóng, hưu trí) an ủi là: trí nhớ tốt, độ khái quát cao, sức truyền cảm thuyết phục rất lớn.

Việc hình thành tổ chức và học tập kéo dài đến giữa tháng 4 mới xong cho cả khu ở Nhà Dù trại 7.

Tại khu II chúng tôi bắt đầu chuẩn bị nổ ra cuộc đấu tranh, số phận của tất cả anh em là trong nhà giam cho nên phải hết sức dân chủ trong bàn bạc, tuy tuyệt đại đa số đồng ý, nhưng nếu còn 1 hoặc 2 ý kiến khác, cũng phải ngưng để báo lại toàn thể biết ý kiến và để bàn tiếp. Anh em nhất trí; mục đích cuộc đấu tranh là: đòi trở về nơi ở cũ không ở chỗ đêm lạnh ngày nóng chết người này; đòi cải thiện ăn uống, thuốc

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

men trị bệnh và tắm giặt. Phải nổ ra đấu tranh để khuấy động hỗ trợ và cổ vũ phong trào đấu tranh các trại khác trên toàn đảo.

Về khẩu hiệu đấu tranh: lúc đầu mỗi ý kiến mức độ cao thấp khác nhau rất xa. Phải bàn tới bàn lui nát nước gom lại có hai mức độ khẩu hiệu như sau:

- Cơm ăn đủ no.
- Yêu cầu cho ăn rau, cá, thịt.
- Đủ thuốc trị bệnh
- Được gởi thư về gia đình và được thăm nuôi
- Trả trở về phòng cũ

Cuối cùng gom lại chọn mức độ khẩu hiệu hợp lý như sau:

- Yêu cầu cho ăn rau, cho ăn có chất dinh dưỡng, bãi bỏ khô đắng, mắm mục.
- Có thuốc trị bệnh
- Yêu cầu trả về phòng cũ.

Đại đa số anh em nhất trí mức độ khẩu hiệu này và anh em đưa quan điểm thuyết phục rằng: một số anh em chủ trương “tam không” (tức là không có tổ chức, không có đấu tranh, không có bạo động...) là khác nào nằm yên chờ chết một cách thụ động. Một số anh em khác chịu đấu tranh nhưng đưa khẩu hiệu cao thì không thích hợp với tương quan và điều kiện có thể buộc địch giải quyết, thì cũng không nên.

Và hình thức đấu tranh thì anh em thống nhất các bước đi từ thấp đến cao, từ hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp như sau:

- Đấu tranh trực diện nhẹ nhàng xin gặp trưởng trại để trình bày yêu cầu nguyện vọng, đề nghị trưởng trại đề đạt ý kiến anh em lên ban quản đốc (BQĐ). Nếu thời gian không được hồi âm thì xin được gặp ban quản đốc.

- Sau mấy ngày BQĐ không cho gặp thì căng biểu ngữ “yêu cầu cho chúng tôi gặp BQĐ”

- Sau 3 ngày BQĐ không cho gặp thì toàn trại hô khẩu hiệu (bạo động) “Yêu cầu BQĐ cho chúng tôi gặp”.

Sau 3 ngày đêm bạo động căng thẳng nếu BQĐ không xuống hoặc không cho đại diện tù nhân gặp mặt thì làm sao?

ANH EM GIÀNH NHAU MỔ BỤNG

Hình thức đấu tranh mổ bụng đòi giải quyết yêu sách được đa số đồng ý, còn một số ý kiến phản đối vì cho làm như thế là quá cao, phải bàn lại: không lẽ kéo dài bạo động vô giới hạn nếu địch ù lỳ, hoặc tự mình kết thúc trong khi chưa đạt được yêu sách nào thì què quá.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Nhất trí sử dụng mổ bụng đổ máu, nếu địch ù lý kéo dài có thể nguy đến tính mạng. Chấp nhận!

Đến 8 anh em đăng ký mổ bụng, đa số ý kiến cho rằng không cần phải đổ máu quá nhiều như thế. Nhưng đa số anh em tình nguyện thì yêu cầu đi làm 3 đợt; đợt đầu 2 người mổ bụng; đợt 2 đi tiếp 3 người và đợt 3 đi tiếp 3 người nữa.

Cuộc tranh cãi khá gay gắt, anh Lưu Văn Trọng, Đỗ Hoàng Hải, Nguyễn Chơn Trung và tôi chia nhau đi tranh thủ anh em rút tên chỉ để một người hy sinh mổ bụng thôi. Cuối cùng thuyết phục được số anh em rút lui nhường đợt này là anh Bảy Bê, Nguyễn Văn Thiệu (Bến Tre), Tư Ếch (Long An), Chú Cưu, anh Tư Hò (Bảy Phát), Minh Cần Câu, còn lại 2 anh không chịu rút lui đó là anh Nguyễn Thân Phước (Quảng Nam) và Đại Đức Thích Hành Tuệ, cả 2 anh tình nguyện cùng tiến hành một lượt?

Chưa cần phải đến 2 người mổ bụng đấu tranh, chỉ một người đã thối động rồi, tôi đề nghị như thế. Anh em đồng ý về nguyên tắc và giao cho tôi quyết định một người, tôi rất xúc động cả 2 anh đều đồng ý tôi chỉ định ai cũng được.

Cám ơn các anh (tôi nói) việc hệ trọng này không thể quyết định được, tôi đề nghị “bốc thăm”.

Ban tổ chức và kiểm tra cuộc “bốc thăm” được thành lập đúng nghi thức trong nháy mắt:

- Anh Bảy Bê người viết 2 lá phiếu: chữ “được” và chữ “không”
- Anh Minh Cần Câu xem lại lá phiếu ghi đúng không và vo tròn lại.
- Đỗ Hoàng Hải cầm cái “bê - rê” (mũ của đại đức THT) bỏ hai phiếu vào và lắc lắc nhiều lần.

Tôi thì thị chứng kết quả và có ý kiến cuối cùng đối với 2 anh em xung phong này.

Không khí toàn khu II vô cùng hồi hộp căng thẳng và chờ đợi. Đại Đức Thích Hành Tuệ (T.H.T) (vô cùng thương tiếc sau này cuộc đấu tranh ở Chuông Cọp đã hy sinh) trước giờ bốc thăm anh rơi nước mắt đến tranh thủ tôi với ý kiến là dù bốc thăm kết quả hay không anh cũng tình nguyện mổ bụng đóng góp phần máu xương cho sự nghiệp đấu tranh chung trên đất đảo. Đại Đức quê ở Thừa Thiên Huế xuất gia đầu Phật từ thuở nhỏ rất khổ hạnh, được đào tạo văn hóa và giáo lý Phật học khá căn bản - Cũng như hòa Thượng Thích Minh Nguyệt (từ Côn Đảo), Đại Đức Thích Hành Tuệ thường nói với chúng tôi rằng: “Hổ ly sơn tắc tử, Đạo ly quần tất vong” (có nghĩa là cọp mà rời núi thì cọp chết, đạo mà rời khỏi nhân dân quần chúng thì không còn) mà trong khi nhân dân Việt Nam nô lệ, chiến tranh xâm lược của đế quốc giết hại bao vạn sinh linh... cho nên Phật xuống đường là đúng. Vì thế Đại Đức bị Mỹ ngụy bắt và tra tấn tù đầy tù đất liền ra Côn Đảo. Anh em tù Chuông Cọp rất thương mến Đại Đức, con người kiên quyết đấu tranh không bao giờ chịu ly khai Cộng sản - dứt khoát không chào cờ 3 que của địch và dứt khoát không hô khẩu hiệu phản cách mạng của địch đặt ra.

Cuộc bốc thăm diễn ra nghiêm túc.

MỌI NGƯỜI RƠI NƯỚC MẮT

Cuộc đấu tranh “đột phá khẩu” nổ ra tại khu II đúng y chang theo kế hoạch trình tự từ thấp đến cao.

Sau nhiều ngày toàn thể 214 anh em tù nhân ở Trại nhà dù hô la bạo động vang dội nhất là về đêm, các trại giam gần khu vực đều nghe tiếng. Địch lặng thinh!

Một ngày vào đầu tháng 5 năm 1970 - 9 giờ sáng tại khu II anh Nguyễn Văn Thiều, anh Minh Cần Câu, Tư Éch...: liên tiếp thông báo: “Hỡi toàn thể anh em tù nhân bệnh tật, anh Nguyễn Thân Phước đã mổ bụng phản đối nhà cầm quyền Côn Đảo cho tù nhân ăn đói, đau không cho thuốc uống... Toàn thể tù nhân chúng ta kiên quyết đấu tranh đòi nhà cầm quyền giải quyết và bảo vệ sinh mạng của anh Thân Phước,..”

Anh em cả 4 khu đều hết sức xúc động, bạo động hô la quyết liệt và giờ tám vãi bọt lên hết. Từng chập, từng chập bạo động, anh em đồng tuyền thực không ăn cơm trưa.

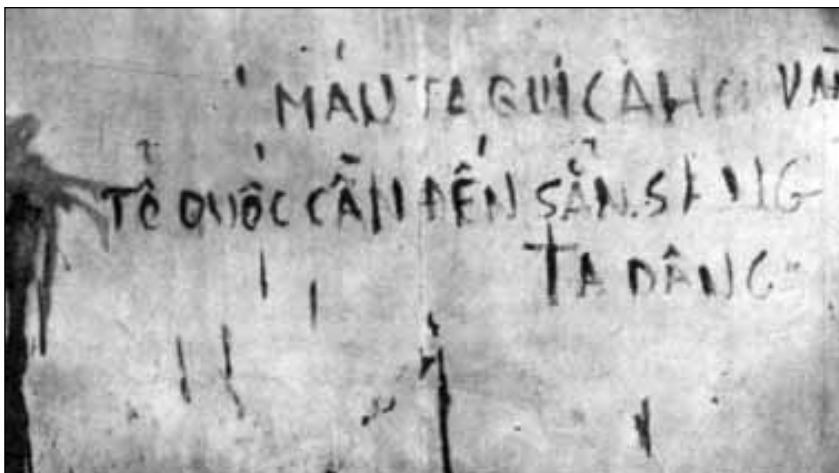
Không thấy tăm hơi gì của địch.

Bao quanh bên cạnh anh Thân Phước có Đỗ Hoàng Hải, Nguyễn Nho Thương, Minh Cần Câu, Sáu Quang, Tư Éch, Nguyễn Văn Thiều, Đức Mã Tử, Đại Đức Thích Hành Tuệ và tôi, còn lại anh em khác thì bảo vệ vòng ngoài.

Càng trưa, rồi xế chiều vừa nóng vừa gió, vết mổ máu chảy đầm đìa, ruột lòi ra ngoài một nùi gần 4 tác ruột, phần ở ngoài ngày càng sưng phù và bầm tím. Thân Phước quá đau, ngày càng nặng, và bắt đầu mệt từng cơn - sau nhiều lần mệt, anh cảm thấy yếu và nói “anh em ở lại mạnh giỏi, tôi sẽ hy sinh...”

Ai cũng ứa nước mắt, khuyên Thân Phước rằng, có anh em đây Anh em vây kín Thân Phước và dùng khăn đậy kín vết thương và ruột không cho gió vào.

16 giờ Giám thị, Công An, Trật tự và Bảo an rầm rộ kéo đến, chúng không đến (chỗ khu có anh Thân Phước mổ bụng mà ập vào 3 khu kia áp tải anh em ra xe chở đi



Chữ viết bằng máu trên vách trại giam Chuồng Cọp Côn Đảo

bắt đầu khu IV, khu III, rồi khu I. Còn lại trơ trọi khu II. Anh em bắt đầu lo ngại không ít anh lo sợ địch sẽ đàn áp sau khi đã tách các khu đi, cô lập khu II.

Anh em chuyên nhau thề quyết chiến, không cho chúng bắt anh Thân Phước đi. Khi ấy Đại Đức Thích Hành Tuệ đòi mổ bụng tiếp. Chúng tôi không cho mà phải dồn sức bảo vệ anh Thân Phước.

Hoàn toàn khác với sự dự đoán, lúc anh em có phần dao động, tên Thề tỉnh trưởng kiêm giám đốc, Chính Khương phó quản đốc cùng nhiều tên khác xuống, cùng đi có Bác sĩ Triết. Bác sĩ cùng bị tù như anh em, anh được anh em rất thương mến...

Tên tỉnh trưởng đi thẳng vào khu II, chưa nói gì cả mà đến thẳng để xem xét vết mổ bụng của Thân Phước, Bác sĩ Triết cũng đến xem. Ai thấy đùm ruột nòi ra ngoài và xanh ươn đều rùng mình lắc đầu! Tên tỉnh trưởng và Bác sĩ Triết bước ra ngoài.

- Thế nào Bác sĩ? - tên tỉnh trưởng hỏi

- Vết mổ dài, ruột lòi ra nhiều, đã hoại tử, có thể bị nhiễm trùng rất nguy tính mạng - cần cấp cứu", Bác sĩ Triết đáp:

Tên tỉnh trưởng và tên Chính Khương bước vào, vẻ mặt không dữ tợn như những ngày khác. Và hỏi:

- Anh em có yêu cầu gì?

Hồ Thái Hòa (tức Đỗ Hoàng Hải) đại diện trình bày gọn yêu sách...

Tên tỉnh trưởng đáp: "Những yêu cầu của các anh không có gì quá đáng, nhưng các anh thông cảm có những việc liên quan đến ngân sách, mà ngân sách thì thuộc quyền của trung ương ở Sài Gòn. Bây giờ các anh em cho đem bệnh nhân đi cấp cứu gấp, tối rồi kéo nguy tính mạng. Các yêu sách của các anh, tôi ghi nhận hứa xét giải quyết những việc nào thuộc quyền của "Trung tâm" chớ không dám hứa giải quyết hết, nhưng hứa báo về trung ương..."

Cuộc đấu tranh tạm dừng!

Chúng tôi lưu luyến và ứa mắt khi thấy anh Thân Phước nằm trên băng ca. Bác sĩ Triết mang chai nước cất trên cổ đang tiêm truyền chạy theo chiếc băng ca để cứu anh Thân Phước người dũng sĩ kiên cường.

PHẠM TRỌNG DANH
(tự Mười Hải)

DI TÍCH BIỆT LẬP CHUÔNG BÒ

Chuông Bò là một sở tù nuôi bò thịt, bò sữa, dê, ngựa, heo, gà, vịt, bồ câu, có lúc kiêm việc làm rẫy, với tên gọi kép mà trước đây thường được gọi là: Sở Rẫy - Chuông Bò, Sở Củi - Chuông Bò. Nhưng người ta thường gọi tắt là Chuông Bò.

Chuông Bò có một trại giam phụ, xây khá chắc chắn vào năm 1930, trên khu đất rộng 4.110m², làm nơi tạm giam số tù nhân làm ở sở này. Cận đó còn có 24 hộc để nuôi chứa heo nên có người còn gọi là Chuông Heo. Đối diện có 2 chuồng nuôi Bò cùng với một hầm chứa phân và nước thải từ chuồng nuôi Bò (Cũng được xây dựng khá kiên cố).

Sang thời Mỹ ngụy, khoảng cuối năm 1969 địch đã đưa tù chính trị chống chào cờ, bị còng xiềng cấm cố lâu ngày, bị teo cơ bại liệt cả 2 chân về giam ở đây.

Sau khi chuồng Cọp bị phát hiện, chuồng Bò được gấp rút sửa chữa, dẹp bỏ 24 hộc chứa heo và xây dựng lại gồm 3 khu: A, B và C, tổng cộng có 33 phòng biệt giam. Chuông Bò lúc bấy giờ là một chi nhánh, trực thuộc Trại IV biệt lập dưới quyền của tên giám thị ác ôn Lê Văn Khương phụ trách.

Phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, lực lượng tù lại tiếp tục đấu tranh chống chào cờ, chống nội qui khắc nghiệt của nhà tù. Họ đã bị đánh đập, bỏ đói, bỏ khát và không được ăn rau trong nhiều tháng.

Từ năm 1973, Chuông Bò là văn phòng của tiểu ban điều tra khai thác thuộc Ban chuyên môn. Những người tù bị lộ mặt trong hoạt động đấu tranh bị đưa về đây để khai thác. Ban chuyên môn áp dụng nhiều hình thức điều tra tàn bạo như đánh đập bằng củi đòn, nẹp 2 thanh tre vào ống chân....nhiều tù nhân đã bị bại liệt, tàn phế bởi đòn tra tấn và chế độ đầy ải dã man ở Chuông Bò.

KÝ ỨC CỦA NHỮNG CỰU TÙ

“Vào khoảng ngày 2 hoặc ngày 3-5-1975, nghĩa là sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng hai đến ba ngày, tại Trại 3 nhà tù Côn Đảo xảy ra một sự kiện, mà anh em tù chính trị gọi đó là bằng chứng sống của sự dã man nơi xà lim Hàm Bò. Khoảng 9 giờ sáng một trong hai ngày nêu trên, tôi đang điều trị bệnh tại bệnh xá Trại 3 (lúc bấy giờ Côn Đảo đã giải phóng), tôi nghe tiếng ồn ào ngoài giếng nước của Trại, hiếu kỳ bước ra xem thử việc gì. Tại giếng nước Trại 3 anh em y tá, y sỹ (tôi xin nhắc lại là Côn Đảo đã giải phóng nên anh em tù tự do đi lại và những y tá, y sỹ đều là tù nhân tự nguyện) đang tắm rửa cho một người tù. Trước mắt tôi là một người đàn ông chạc chừng 30 đến 40 tuổi - tại sao có sự đoán chệnh xa như vậy là vì người đàn ông đó gần như biến dạng. Người quá ốm, chỉ còn da bọc xương mà da thì dính một lớp cát bẩn rất dày, dày đến nỗi những người đang tắm rửa cho anh khi kỳ xát không dám kỳ xát mạnh sợ anh ta đau và sợ lở da, tóc anh ta dài và thưa thớt, rụng gần hết, mắt lõm sâu và mở to vô hồn, lưỡi không nói được - như người câm, không đi, không ngồi được, người co quắp và run lẩy bẩy. Người ta tắm cho anh bằng nước ấm và sau đó đưa vào giường bệnh trạm xá Trại 3 để điều trị và tất nhiên những ai không có phận sự thì không được vào phòng.

... Người ta cứu anh từ trong hang tối trên núi nhờ một trật tự viên - tù thường phạm mách bảo, người mách bảo này là người được những cai ngục phân công là hàng ngày cho người bị nhốt dưới hang ăn uống. Anh ta còn cho người dưới hang đó ăn bằng cách dùng dây cột lon gigô đựng thức ăn thả xuống...

Và cũng có người nói là người tù trên được đưa từ hầm phân bò lên và lý do phát hiện được là cũng nhờ người tù thường phạm hàng ngày cho anh ta ăn uống.



Dấu vết còn lại
của bãi sọ người
gần Chuông Bò

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Người tù trên ở trạm xá lao 3 khoảng 1 ngày đêm sau đó được chuyển đi trạm xá khác (có lẽ là chuyển ra bệnh viện Phan Khắc Sửu)”

Đỗ Tiến Việt - Cựu tù Côn Đảo

(Hiện là giám đốc Công ty thương mại - du lịch

Hiệp Phúc - TP. Buôn Ma Thuột)

“Tôi bị địch bắt vào tháng 7 - 1969 và bị đày ra Côn Đảo tháng 3 - 1970; về đất liền tháng 9 - 1975... Tôi nhớ rõ là sau giải phóng 1 - 2 ngày có người kêu tôi đến xem và sơ cứu cho một người tù bị bệnh nặng. Tôi đến xem kỹ thì người tù này bị đen từ bàn chân đến gần gối (đầu gối) cả hai chân, nước da ngăm đen (thảm) xem 2 mắt không được vì người này cố nhắm nghiền - khi tôi dỡ khăn, chiếu che trên người thì người ấy la và giãy giụa rất dữ. Hỏi thì nói không rõ, mạch chậm và rất yếu, huyết áp thấp tình trạng chung rất nguy kịch.

Tôi cố gắng chích cho anh ta 2 mũi thuốc: VitaminC 500mg và 1 A.Camphona. Da bị mẫn cảm nặng của người bị nã nặng nên khi rờ vào da bệnh nhân tỏ ra rất đau đớn, khi chích cũng thế.

Sau khi sơ cứu giao lại cho anh em chở đi và sau đó tôi không rõ nữa. Tôi hỏi những người đem tới thì các anh ấy nói là người tù ở biệt giam hầm phân chuồng bò.”

Nguyễn Văn Thế - Cựu tù Côn Đảo

(Tỉnh ủy viên - Phó chủ tịch HĐND tỉnh Cần Thơ)

“Sau ngày Côn Đảo giải phóng, tôi và số anh em tử tù cùng số chị em nữ tù, những anh em bệnh tật nặng được về chuyển tàu đầu tiên khởi hành khoảng 6 giờ chiều ngày 5/5/1975.

Đi trên tàu đến khoảng 3 giờ sáng thì tôi và một số ít đồng chí còn khỏe, được tin đồng chí Hồ Thanh đã mất, nhưng không dám cho anh em hay. Chủ trương là để tới sáng tới Vũng Tàu mới thông báo, tránh việc anh chị em bị xúc động.

Xuống tàu tôi thấy có một tù nhân bệnh nặng da thịt bị lở loét được khiêng trên băng ca đưa xuống tàu và tôi nghe anh em nói đây là tù nhân bị giam dưới hầm phân bò ở khu biệt lập Chuồng Bò, bị phân và nước ngập tới ngực, mới được cứu lên”.

Nguyễn Minh Hùng - Cựu tù Côn Đảo

(Hiện đang sống ở Long Xuyên)

VAI TRÒ CỦA TRẠI 1-6B TRONG QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH CỦA TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

Từ sau ngày đất nước được giải phóng, Trại 1 - 6B Côn Đảo đã trở thành một cụm tù thống nhất, không phải để chỉ địa danh hai trại tù ở Côn Đảo, mà để chỉ một lực lượng tù chính trị câu lưu vốn có nhiều gắn bó với nhau về quá trình chiến đấu lẫn tình cảm đồng đội trong sáng vô ngần. Tất cả họ đã được tập hợp về đây sau một quá trình thử thách đầy cam go, ác liệt, cho dù trong số họ, tuổi đời có thể cách nhau đến hai thế hệ còn tuổi tù cũng ngót nghét một thế hệ. Có người bị địch bắt giam từ năm 1954, ngay sau Hiệp định Genève, bị đày ra Côn Đảo năm 1957 nhưng cũng có người chỉ mới bị địch bắt và lưu đày vào năm 1972. Ấy vậy mà họ đã cùng nhau làm nên những điều như kỳ tích trong lịch sử 113 năm tồn tại của Nhà tù Côn Đảo.

Nói đến phong trào đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, hầu như tất cả những người tù chính trị, những người quan tâm đến nhà tù Côn Đảo và những sách, báo nghiên cứu về Côn Đảo đều nhắc đến tên Trại 1 - Trại 6B.

Thái độ đó như một sự khẳng định vai trò lịch sử và lòng kính trọng, sự nể phục đối với những người từng là thành viên của Trại tù này. Tuy nhiên, đối với những thành viên trong cuộc, những năm tháng khốc liệt ở nhà tù Côn Đảo và cả 33 năm qua kể từ khi thoát khỏi chốn địa ngục trần gian, chắc hẳn rằng không một ai nghĩ rằng mình đã có những đóng góp gì hơn các đồng đội ở các trại tù khác.

Đó chính là tính cách của họ, những người cựu tù Trại 1-6B. Tính cách ấy bắt nguồn và là hệ quả tất yếu của thực tế lịch sử. Địch bung bít tuyệt đối và liên tục tấn công buộc họ phải liên tục đối phó, không có thời gian và điều kiện để suy xét, để tìm hiểu cặn kẽ

đồng đội ở các trại làm gì, nghĩ gì. Sự đóng góp của bản thân trong mỗi thành viên trong chốn lao tù so với sự nghiệp chung của cả dân tộc thật sự là rất nhỏ bé, không có gì đáng nói. Và có lẽ trên hết, họ là những người may mắn so với bao đồng đội đã bỏ mình.

33 năm trôi qua, những sôi động tất yếu của một thời kỳ lịch sử có thời gian lắng đọng. Mọi vấn đề, mọi sự kiện dần sáng tỏ cho dù đây đó vẫn còn ít nhiều những quan điểm đánh giá khác nhau. Dù vậy cũng đủ cho chúng ta có cái nhìn khách quan hơn khi đánh giá về vai trò của trại tù này trong lịch sử đấu tranh ở nhà tù Côn Đảo giai đoạn kháng chiến chống Mỹ.

Trại 1 thời kỳ 1957- 1960 trải qua 3 năm ròng đấu tranh tư tưởng căng thẳng vì nhiều lý do đã phải tan rã chỉ còn lại 6 người sống sót giữ vững được yêu cầu không khuất phục địch. Mạng sống của 6 con người “kiên trung bất khuất tuyệt vời” ấy được đánh đổi bằng mồ hôi, công sức và cả xương máu của những đồng đội ở những vị trí khác nhau.

Gần 3000 người giương cao ngọn cờ chính nghĩa, ngọn cờ cách mạng ngay giữa chốn ngục tù, đối mặt với cả một bộ máy bạo lực hùng hậu với đầy đủ phương tiện khủng bố trấn áp và các thủ đoạn cực kỳ thâm độc, tàn bạo của kẻ thù, cuối cùng, chỉ còn lại 6 người đã nói lên tính chất của cuộc chiến đấu quyết liệt, một mất một còn nơi ngục tù Côn Đảo.

Trại 1 “chống ly khai” không còn nhưng tinh thần bất khuất, kiên trung, kế thừa truyền thống hào hùng của dân tộc như một dòng chảy âm thầm trong huyết quản của những người tù chính trị câu lưu còn lại, chỉ chờ có dịp để vươn lên.

Với tinh thần “thắng không kiêu, bại không nản”, những người tù từng một lần vấp ngã trước bạo lực của quân thù trong giai đoạn 1957 - 1960 đã vươn lên vào ngày 2-9-1962 và sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ. Lần lượt, những “tân binh bất khuất”, có thể có những động cơ ban đầu và điều kiện khác nhau, được bổ sung thêm. Trại 1 mà sau này là Trại 6 Khu B đã được tái lập, khẳng định sự hiện diện của một trại tù gần 900 người công khai trực diện chống lại tất cả mọi ý đồ thâm độc của kẻ thù, giữ vẹn khí tiết của người chiến sĩ cách mạng giữa chốn ngục tù mà kẻ địch phải cam chịu bất lực hoàn toàn.

Dĩ nhiên, cái giá phải trả cho quyết tâm và thái độ đó khó có thể hình dung một cách cụ thể và đầy đủ được. Một tập thể có hơn 5 năm ròng trong Chuồng Cọp, hơn 10 cuộc tuyệt thực, với những cuộc kéo dài 22, 14, 19 ngày, những trận khủng bố, đàn áp dã man, cả đối với những người bệnh nằm ở bệnh xá. Hai mươi chín người đã bỏ xác nơi đất đảo và hầu hết những thành viên đều gánh chịu những bệnh tật hiểm nghèo. Họ phải kéo dài cuộc sống lay lắt trong cảnh đói cơm, thiếu nước và may mắn lắm mới có được chút cá, chút rau tươi. Nhưng trên hết là những căng thẳng về tinh thần. Ngoài giấc ngủ chập chờn vì đói khát, bệnh tật và những ám ảnh về chết chóc, thời gian còn lại trong ngày phải luôn suy nghĩ, tính toán cách đối phó với những thủ đoạn của kẻ thù, phải tự đấu tranh tư tưởng với chính mình và với đồng đội. Hoàn toàn không có chút thời gian thư giãn tối thiểu trong kiếp tù đầy.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Họ chiến đấu vì lẽ sống và vì cuộc sống của bản thân, của đồng đội, của cả dân tộc nhưng lại luôn nghĩ rằng mình có thể hy sinh bất cứ lúc nào. Họ xem sự hy sinh đó là mốc đánh dấu đã hoàn thành nhiệm vụ, không một chút đắn đo. Vậy mà họ đã sống, đã tồn tại như một huyền thoại. Họ đã giữ vẹn khí tiết của người chiến sĩ cách mạng, giữ vững lý tưởng cao đẹp vì dân vì nước, thể hiện một bản lĩnh chính trị vững vàng. Cao hơn thế, họ đã giương ngọn cờ đầu bảo vệ giá trị làm người ngay giữa vòng tù ngục bất chấp mọi mưu ma chước quỷ và thủ đoạn thâm độc của kẻ thù.

Trại 1 rồi Trại 6 Khu B - một biểu hiện sinh động nhất của tinh thần kiên trung bất khuất, một cái gai trong mắt giới cầm quyền Côn Đảo và cả chính quyền Trung ương Sài Gòn nhưng chúng đành bất lực. Không phải do kẻ địch thiếu quyết tâm và phương tiện trấn áp mà do phải đối mặt với những con người luôn tức tưng tinh thần sẵn sàng chấp nhận hy sinh vì nghĩa lớn, vì giá trị làm người.

Không chỉ cả một tập thể đấu tranh chống địch triệt để mà ngay trong vòng kìm kẹp gắt gao, họ đã làm được những điều không ai ngờ được. Vượt qua những bất đồng nảy sinh tất yếu, họ đã tự gắn kết với nhau, biến Khu B Trại 6 ở ngục tù Côn Đảo thành một “lõm giải phóng” với đầy đủ tính chất và ý nghĩa của nó. Cuộc sống vật chất, tinh thần trong trại giam hoàn toàn do những người tù đứng ra tổ chức theo ý mình. Những gì hiện đang còn lưu giữ tại Nhà trưng bày di tích lịch sử Côn Đảo chỉ là một phần nhỏ nhưng cũng đủ minh chứng cho tinh thần đấu tranh, sức sống và sự sáng tạo trong vô vàn khó khăn của những con người bình dị nhưng đầy quả cảm, đóng góp cho lịch sử Côn Đảo những điển hình cứ như huyền thoại.

Thực tế lịch sử ấy, xác nhận Trại 1 - 6B đã có những đóng góp xuất sắc và có vai trò rất quan trọng trong cuộc đấu tranh của tù nhân Côn Đảo.

- Trong lịch sử đấu tranh ở nhà tù Côn Đảo giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lực lượng tù chính trị câu lưu Trại 1 - Trại 6B là người tiên phong và là một lực lượng luôn ở tuyến đầu chống địch quyết liệt nhất.



Bị cầm cố trong lao tù

Họ là những người đầu tiên giương cao ngọn cờ chính nghĩa trên mặt trận đấu tranh chính trị ngay trong tay giặc vào thời điểm tình hình còn rất đen tối và là lực lượng đã giữ vững vị trí bảo vệ khí tiết cách mạng trong chốn ngục tù cho đến khi chế độ Sài Gòn sụp đổ hoàn toàn. Cũng chính những con người ở trại tù này là lực lượng duy nhất ở Côn Đảo tiến hành cuộc đấu tranh dai dẳng và rất quyết liệt để bảo vệ nhân phẩm, giữ lấy giá trị làm người, chống lại ý đồ vô cùng thâm độc của kẻ thù và đã giành thắng lợi hoàn toàn.

- Trong tất cả các cuộc đối đầu với địch, lực lượng tù chính trị câu lưu Trại 1 - 6B luôn giành thắng lợi trước kẻ thù (cho dù từng cuộc đấu tranh, thắng lợi ấy chỉ mang tính tương đối). Có nhiều cuộc buộc Nhà cầm quyền ở Côn Đảo phải cầu cứu đến trung ương chính quyền Sài Gòn. Nó có giá trị như một mũi tiến công địch, góp phần tích cực vào cao trào cách mạng ở miền Nam và là ngọn cờ cổ vũ, là cái đích phấn đấu cho phong trào đấu tranh của tù chính trị toàn Côn Đảo.

- Tinh thần chiến đấu kiên cường và kết quả qua các cuộc đấu tranh của lực lượng Trại 1 - 6B đã làm lung lay quyết tâm của địch trong mục tiêu đánh phá, tiêu diệt lực lượng “chống đối” ở nhà lao Côn Đảo. Điều đó đã làm hạn chế những quá phá lật vạt và tạo điều kiện để những người tù Trại 1 - 6B tiến lên giành quyền tự quản trong nhà lao.

- Mô hình tổ chức của tù nhân Trại 6B cho dù vẫn còn vài điểm chưa thật hoàn hảo nhưng thật sự là một điển hình chưa từng có trong lịch sử nhà tù Côn Đảo. Một lối giải phóng đúng nghĩa giữa chốn ngục tù.

Đó là thành quả xương máu, công sức chung của cả một tập thể. Chính nó đã nâng giá trị và vai trò của Trại 1 - 6B trong lịch sử nhà tù Côn Đảo và thu phục trọn vẹn lòng tin và sự nể phục, kính trọng của cả tù nhân cũng như sự kiêng dè của giới cầm quyền Côn Đảo đối với trại tù này.

8/9 thành viên của Đảo ủy lâm thời và 9/10 thành viên của Đảng ủy Đoàn Chiến thắng cũng như vai trò chủ chốt của tất cả các ngành ở Côn Đảo ngày giải phóng đều là thành viên của Trại 1 - 6B là minh chứng cụ thể cho sự tin tưởng gần như tuyệt đối của tù chính trị Côn Đảo dành cho người tù Trại 1 - 6B.

Giờ đây, sau 33 năm chấm dứt cảnh địa ngục trần gian ở Côn Đảo, những người cựu tù chính trị Trại 1 - 6B vẫn luôn gắn bó với nhau, không phải để hoài niệm những quá khứ hào hùng mà để cùng nhau làm những điều có ý nghĩa mà không có lực lượng nào làm được.

Bài học mà trại tù này mang lại tuy vô hình nhưng luôn hiện diện trước mắt mọi người.

Đó là xác định đúng bản chất, ý đồ và các thủ đoạn của kẻ thù, xác định đúng tính chất cuộc đấu tranh trong nhà tù giai đoạn kháng chiến chống Mỹ là cuộc đấu tranh tư tưởng chính trị. Chính yếu tố tư tưởng của từng người mang tính quyết định thành bại của cuộc đấu tranh.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Đó là tinh thần quyết tử, kiên trì chịu đựng, chấp nhận hy sinh vì lý tưởng cao cả. Tư tưởng sẵn sàng hy sinh không chỉ giúp mỗi người bình thường, tinh táo đối mặt với mọi tình huống hiểm nguy mà còn có sức thuyết phục, làm hạn chế đến mức thấp nhất đòn tấn công của kẻ thù.

Đó là bài học trong xây dựng và tổ chức lực lượng, phát huy sức mạnh tập thể làm chỗ dựa vững chắc cho từng thành viên trong đấu tranh cũng như sinh hoạt hàng ngày. Xây dựng, tổ chức lực lượng chặt chẽ và vững vàng về chính trị, tư tưởng sẽ làm tăng thêm sức mạnh trong đối phó với kẻ thù.

Thời cơ trong đấu tranh chỉ có giá trị đích thực khi nội lực đã được chuẩn bị kỹ càng. Đặc biệt, trong chốn lao tù, khi bắt buộc phải lựa chọn giữa hai con đường do kẻ địch đặt ra, thời cơ sẽ không đến với những người bị địch khuất phục về tư tưởng.

Những bài học rút ra từ thực tế đấu tranh của lực lượng tù chính trị câu lưu Trại 1 - 6B Côn Đảo không chỉ làm phong phú thêm lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc mà vẫn có giá trị vận dụng trong giai đoạn lịch sử hiện nay.

Đó chính là sự đóng góp công sức, xương máu, là niềm tự hào chính đáng của mỗi thành viên Trại 1 - 6B Côn Đảo năm xưa.

BÙI VĂN TOẢN

NHỮNG NĂM THÁNG Ở NGỤC TÙ CÔN ĐẢO

Tôi bị địch bắt ngày 12-4-1970 trong khi đi kiểm tra cơ sở ở vùng ven thị xã Vĩnh Long. Sau ba tháng tra tấn để khai thác từ Vĩnh Long sang Cần Thơ (Vùng 4 chiến thuật), ngày 14-7-1970, địch đày tôi ra Côn Đảo bằng máy bay.

Những ngày đầu, địch giam tôi ở Phòng 14 Trại 6B (sau đổi thành Trại 6A), sau đó đưa vào giam ở xà lim gần cổng trại.

Ngày 19-7-1970, địch đưa tôi đến xà lim Trại 1. Tôi không biết anh em ở các xà lim trao đổi với nhau bằng cách nào nhưng khoảng cuối tháng 8-1970, tất cả các xà lim đồng loạt hô la đòi giải tỏa xà lim. Tôi cũng hô la theo nhưng không rõ hiệu quả sẽ ra sao. Sáng ngày 22-9-1970, trật tự vào mở cửa đưa tất cả anh em lên phòng lớn. Tôi bắt đầu hiểu ý nghĩa và tác dụng của đấu tranh bằng hô la.

Địch đưa tôi lên giam ở Phòng 4 Trại 1, được nằm gần anh Tư Cao (một trong những cốt cán của nhóm chủ trương phải tổ chức và sinh hoạt tập thể trong tù). Trong phòng cũng có anh T.X.L. người tôi từng quen trong thời chống Pháp, một trong hai người chủ chốt trong nhóm chủ trương không tổ chức sinh hoạt tập thể trong tù. Tôi làm quen cả hai anh, từ từ tìm hiểu lý lẽ của mỗi bên.

Những tháng mới ra Côn Đảo, tôi chỉ quyết tâm tham gia bất cứ nội dung và hình thức đấu tranh nào do tập thể đề ra để bảo vệ truyền thống của Trại 1 nhưng cứ mãi băn khoăn việc nội bộ chưa thống nhất được tổ chức.

Ngày 6-11-1970, địch đánh lựu đạn cay, chuyển anh em từ phòng này sang phòng khác và còng chân toàn trại. Nằm kế bên anh T.X.L. tôi gợi cảm về những kỷ

niệm cũ, cố gắng nói cho anh L. hiểu rõ thắng lợi và thiệt hại trong Tết Mậu Thân, về tương quan lực lượng giữa ta và địch trong cả nước và ở miền Nam, về chiến lược và bước đi “đánh mạnh để buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đình chiến và rút quân, sau đó sẽ đánh cho ngụy nhào”. Tôi thấy anh L. vui hẳn lên. Tôi lại tiếp tục tâm tình và giải bày về nguyên lý phải tổ chức để đảm bảo thống nhất ý chí và hành động, một yếu tố quyết định sức mạnh trong đấu tranh cách mạng; về việc cần thống nhất tổ chức lãnh đạo ở Trại 1 để đương đầu với kẻ thù trong giai đoạn “chó đại cắn càn” này... Ban đầu còn trao đổi với nhau. Sau đó, anh L. không nói gì, thỉnh thoảng thở ra. Tôi cũng chưa hiểu được thái độ của anh.

Lúc được xả còng, địch mở cửa cho anh em luân phiên ra ngoài phơi nắng, tôi nói lại tình hình đó cho anh Tư Cao nghe. Anh Tư Cao lại tiếp tục trao đổi với anh L. Một thời gian sau, anh L. công khai nói với mọi người: “Không tổ chức sinh hoạt tập thể trong tù là sai”. Nhiều anh em thở phào nhẹ nhõm. Lúc này ở Trại 1 chỉ có anh T.X.L. còn anh H.D.K. bị lao phổi nặng, địch đã đưa ra Sở Muối trước khi cả Trại vào còng. Sự chuyển biến của anh L. làm đa số anh em trong nhóm không chịu tổ chức sinh hoạt ngả theo. Chỉ còn vài chục người chưa chuyển biến hẳn.

Ngày 7-6-1971, nhân sự kiện anh Hà Văn Kịch bị bỏ chết trong xà lim, anh em toàn trại hô la phản đối địch không cấp thuốc men và điều trị. Địch phản ứng, đóng cửa bỏ cơm bên ngoài như lần trước. Cả trại giam cương quyết không ăn, hô la tố cáo và phản đối địch bỏ đói tù nhân. Cuộc đấu lý diễn ra rất gay gắt. Cuối cùng kẻ địch phải nhượng bộ, giải quyết cho tù nhân Trại 1 được quản lý nhà bếp, y tế và được mở cửa luân phiên ra ngoài tắm giặt, phơi nắng. Tôi rất thấm thía nội dung cuộc đấu tranh chính trị mang tính nhân văn cao cả nhằm bảo vệ nhân phẩm của người tù chính trị trong cuộc tuyệt thực này.

Tuy nhiên, 3 tháng sau, địch lật lọng, cắt giảm tiêu chuẩn lương thực, tước đoạt nhà bếp và đóng cửa bỏ cơm bên ngoài. Cả trại giam phải tiến hành cuộc đấu tranh tuyệt thực, tố cáo địch bỏ đói tù nhân. Sau 14 ngày ròng rã từ 18-9 đến 1-10-1971, địch mới giải quyết trả lại sinh hoạt bình thường.

Sau cuộc đấu tranh này, anh Tư Cao, anh Mai Xuân Cống và các đồng chí chủ chốt bắt đầu bàn việc xây dựng Đảng bộ, củng cố tổ chức, cả công khai lẫn bí mật ở từng phòng và toàn trại. Công việc chưa hoàn thành thì địch lại đòi tất cả anh em xuống Trại 6B (lúc bấy giờ vẫn gọi Trại 6A). Các đại diện phòng và một số anh em nổi bật trong đấu tranh bị địch gạn bắt đưa sang nhốt ở xà lim Trại 7.

Ở Trại 6B, anh em cốt cán còn lại vừa tiếp tục lãnh đạo đấu tranh vừa ráo riết trao đổi việc xây dựng tổ chức đảng trong từng phòng. Sau khi các phòng đã thành lập xong Chi bộ Đảng, ngày 3-2-1972, các Chi bộ cử đại biểu về họp để bầu Ban Chấp

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

hành Đảng bộ và thống nhất lấy tên đồng chí Lưu Chí Hiếu đặt tên cho Đảng bộ.

Anh Tư Cao nhiều lần trao đổi muốn giao tôi làm Bí thư Đảng ủy. Tôi chân thành từ chối vì tuy có được thử thách trong một số cuộc đấu tranh nhưng còn thiếu độ dày trong thực tiễn, nhất là thiếu kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh trong tù. Sau cùng tập thể bầu anh Tư Cao làm Bí thư Đảng ủy, còn tôi được giao Đảng ủy viên phụ trách tuyên huấn.

Do liên tục bị siết bóp đời sống, thiếu thuốc men nên hầu như tháng nào cũng có người chết. Mỗi lần có người chết là toàn trại đấu tranh hô la tố cáo địch. Địch đối phó bằng cách đóng cửa bỏ cơm bên ngoài. Anh em lại tiếp tục tuyệt thực và tố cáo địch. Lần tuyệt thực 19 ngày (từ 12-9 đến 30-9-1972), tôi là Đảng ủy viên nên chẳng những phải đảm bảo yêu cầu đấu tranh mà còn phải động viên anh em quyết tâm đến khi giành được thắng lợi. Đây là lần tuyệt thực dài nhất và cũng là lần cuối cùng vì từ đó về sau, có lẽ do nhiều lý do, dù ta vẫn có những đợt đấu tranh quyết liệt, nhưng kẻ địch không còn giữ trò đóng cửa bỏ cơm bên ngoài đối với Trại 6B nữa.

Khoảng 2 năm bị giam cầm ở Côn Đảo, từ Trại 1 đến Trại 6B, tôi được anh em động viên, giúp đỡ, cùng tham gia nhiều cuộc đấu tranh. Trong vòng một năm đã có mười lần tuyệt thực với 47 ngày nhịn đói. Nếu không được ở trong một tập thể dạn dày này, tôi không hiểu khả năng tự lực đấu tranh của mình sẽ đạt tới mức nào.

Sau cuộc đấu tranh tuyệt thực 19 ngày một thời gian, đại hội Đảng bộ của trại được tiến hành. Anh Tư Cao tiếp tục được bầu làm Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ 2. Còn tôi được phân công Phó Bí thư. Tôi bắt đầu học tập cách tổ chức lãnh đạo, cách đề ra chủ trương, nội dung, hình thức đấu tranh. Nhưng công việc chủ yếu của tôi vẫn là lo công tác tuyên huấn. Tôi cố nhớ và viết lại dàn bài về những điều mình đã học và từng hướng dẫn ở bên ngoài với chủ tâm muốn khơi động tinh thần ham học, tinh thần gắn



Tù nhân bị cầm cố trong lao tù

bó tập thể trong tổ chức và đoàn kết nhất trí trong đấu tranh, cung cấp thông tin để củng cố lòng tin vào thắng lợi cuối cùng. Một số anh em cũng có đóng góp cho nội dung của bài học.

Tuy đời sống hàng ngày càng khó khăn nhưng tinh thần anh em vẫn phấn khởi. Địch mở cửa luân phiên ngày 2 buổi. Toàn Trại 6B như một vùng giải phóng. Phong trào học tập chính trị, văn hóa tiếp tục phát triển toàn trại. Tôi và một số anh em khác vừa là thầy giảng về chính trị vừa làm học trò về văn hóa. Đảng ủy chủ trương cho các phòng làm báo. Sau này còn chủ trương làm báo Trại lấy tên “Xây Dựng”. Anh em có dịp trao đổi nâng cao kiến thức cho nhau. Đặc biệt phong trào văn nghệ sôi động nhất với khí thế “tiếng hát át tiếng bom”. Từ ca hát biểu diễn văn nghệ trong từng phòng tiến lên ca hát biểu diễn ở phạm vi toàn trại trong giờ mở cửa. Từ biểu diễn “chay” tới biểu diễn có sân khấu, phong màn, hóa trang như một gánh hát. Tốp trẻ rất hăng say nhưng tốp già vừa vui khi thưởng thức, vừa lo ngại sợ làm quá địch sẽ đàn áp. Quả thật, địch vẫn thường xuyên lục soát, răn đe. Đêm 19-12-1972, địch đưa bảo an, cảnh sát, trật tự dùng lựu đạn cay, phi tiễn bắn tới tấp vào các phòng rồi xông vào đánh đập, cướp giựt phong màn để ngăn chặn anh em làm lễ và tổ chức văn nghệ kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận DTGPMNVN vào sáng hôm sau (20-12-1972). Tuy bị đàn áp xác xơ nhưng tốp trẻ vẫn hăng hái, vui vẻ; tốp già cũng thấy yên tâm vì đã có một lực lượng trẻ hùng hậu, tin tưởng ở lãnh đạo và quyết liệt trong đấu tranh để nâng cao uy thế của trại mình.

Đầu năm 1973, anh Phạm Văn Ba bị địch đày trở lại Côn Đảo. Trong chuyến này, anh đã cùng một số anh em khéo léo qua mắt địch, chuyển vào trại được hai chiếc radio.

Nhờ có radio, ta biết được Hiệp định Paris sắp ký kết. Đảng ủy chủ trương lập danh sách trích ngang của toàn trại. Khi Hiệp định Paris được ký kết, anh em đã chép được toàn văn Hiệp định và các Nghị định thư. Từ nay, Đảng ủy hướng mạnh phong trào đấu tranh đòi địch phải công nhận và đối xử với mình là nhân viên dân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN, đòi được gặp đại diện ta trong Ủy Ban quân sự bốn bên, đòi trao trả về cho cách mạng.

Cuộc đấu tranh chống lại ý đồ tráo trở của địch, lợi dụng việc tập trung trao trả để gạn lọc chuyển hồ sơ tù chính trị sang thường án của số còn lại ở Trại 6B đã diễn ra từ ngày 2 đến 4-5-1973 với 4 người hy sinh đã làm thất bại ý đồ của địch. Không chỉ không thể thanh lọc được anh em ở 4 phòng đã đưa sang Trại 7 mà khí thế của anh em trong 6 phòng còn lại vẫn hừng hực, sẵn sàng lao vào cuộc chiến. Cuối cùng địch phải xuống nước, chịu công bố Nghị định thư, thông qua đại diện Trại, chỉ gọi tập trung theo danh sách chuẩn bị trao trả trong từng đợt. Tôi vừa tự hào trước khí thế đấu

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

tranh của tập thể vừa xúc động trước sự hy sinh của 4 anh trong cuộc chiến đấu đẫm máu này.

Trong số 144 anh em địch tập trung vào ngày 5-5-1973 đưa lên trại 3 có anh Tư Cao. Cuộc họp bất thường đại biểu toàn trại sau đó để củng cố Đảng ủy, anh em phân công tôi làm Bí thư Đảng ủy.

Tình hình kinh tế của địch ngày càng kiệt quệ. Tiêu chuẩn cấp phát cho tù nhân ngày càng bị cắt xén. Kẻ địch ở Côn Đảo phải có một số nới lỏng trong việc quản lý: để anh em tự trồng rau rẫy trong trại, được sử dụng tiền bạc mua cá, vich cải thiện đời sống. Phong trào học tập chính trị, văn hóa, làm báo, sinh hoạt văn nghệ lại tiếp tục sôi động. Đảng ủy tiếp tục chủ trương đòi thi hành Hiệp định Paris, đòi trao trả. Đồng thời, chủ trương tiếp tục chuẩn bị danh sách anh em còn lại, chuẩn bị cờ, khẩu hiệu... để khi có điều kiện thì đưa danh sách ra ngoài, phối hợp đấu tranh; hoặc trưng cờ, khẩu hiệu, khẳng định ta là “nhân viên dân sự” nhằm chống lại sự trá trở của địch. Mặt khác, Đảng ủy cũng chủ trương chuẩn bị lực lượng xung kích trong từng phòng, các phương tiện bén nhọn để chiến đấu và tạo sẵn điều kiện và tư thế để phá khám tự giải phóng khi có thời cơ.

Cuối tháng 12-1974, địch xét phòng, phát hiện lá cờ giải phóng trong chiếc nón để trên đồ đạc của tôi. Đây là lá cờ tập thể giao cho anh Đinh Phú Nhân giữ. Anh bị bệnh phải nằm bệnh xá nên chiếc nón vẫn để tại phòng. Tôi ngại để lại trong phòng địch sớm phát hiện nên mang ra theo. Không ngờ ...

Hai ngày sau, địch gọi tên tôi ra nhận bưu phẩm của gia đình gửi. Tôi biết chẳng hề có chuyện này nhưng anh em khuyên cứ đi. Vừa ra đến cổng trại, tôi bị đánh một trận toi đời và còng tay đem nhốt xà lim. Ngày hôm sau đưa lên Ban An ninh (Chuồng Bò). Một tuần thẩm vấn, đánh đập, địch chuyển tôi xuống Ty Công an khai thác tiếp. Hơn nửa tháng, địch đưa tôi về nhốt ở Hầm đá Trại 2. Tôi không còn biết gì về ngày tháng. Một hôm, khi ở Hầm đá, trong bữa ăn có nửa chén nước thịt kho, một miếng mỡ bằng ngón tay và vài lát củ cải. Trật tự bảo đó là khẩu phần ăn Tết.

Giữa tháng 3-1975, địch đưa tôi xuống giam ở xà lim khu C trại 7. Địch giam cách xà lim, một xà lim có người, một xà lim bỏ trống thành ra tôi chẳng biết được xung quanh mình là ai, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng hô la từ xa và tiếng tố cáo phản ứng địch xung quanh. Cho đến một ngày (sau này mới biết đó là ngày 30-4-1975), lúc 9 giờ sáng, một trật tự vào mở cửa xà lim kêu tôi ra phơi nắng. Mặt mũi chẳng tỏ vẻ dữ dằn nhưng la hét rất lớn. Vừa hối đi nhanh, vừa hét lớn bảo cởi áo, quay mặt vào tường. Hấn cầm roi đi rảo quanh tôi, mạnh tay quất mạnh roi vào cây nhưng giọng nói nhỏ: “Thieu đổ Hương lên”. Lại một vòng cũng như trước: “Hương đổ Minh lên”. Rồi vòng thứ ba: “Minh đang thương lượng với ta”. Tới đó, tên trật tự la hét bảo tôi đứng

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

dậy đi vô và đẩy tôi vào xà lim, khóa cửa lại. Rất tiếc là tôi không biết tên tuổi cụ thể và hiện người trật tự này ở đâu. Tôi cứ mãi suy nghĩ về người trật tự và những thông tin này. Từ trưa đó, cả hai tầng cửa xà lim đều bị khóa chặt, chỉ đưa cơm, nước qua cửa gió. Tôi suy nghĩ có thể đã tới thời cơ, nhưng trong hoàn cảnh này không thể làm gì được theo kế hoạch đã định.

Trần trọc, mơ màng rồi ngủ lúc nào không biết. Bỗng giật mình nghe tiếng thông báo Sài Gòn đã giải phóng. Rồi tiếng hò reo vang dội, tiếng đập cửa sắt đòi mở nhanh. Tôi vừa mừng vừa bối rối không biết phải làm gì. Có tiếng mở khóa rồi tiếng rút chốt cửa rồn rển dẫn đến xà lim giam mình. Bung ra bên ngoài xà lim, tôi muốn chạy thật nhanh nhưng chân như bị cồng không thể chạy được. Lại gặp anh em Trại 6B cũ từ các Khu A, B, D vừa chạy ra. Tay bắt mặt mừng chúng tôi kéo nhau ra khu nhà bếp Trại 7.

Hơn một giờ sau, các Đảng ủy viên của Trại 6B đã có mặt gần đủ. Anh em yêu cầu lập ngay Đảo ủy lâm thời, đề nghị tôi làm Bí thư. Bỗng tôi gặp anh Hai Tân (Phan Huy Vân), vốn đã quen nhau từ ở bên ngoài. Anh em đồng ý với đề xuất của tôi, mời anh Hai Tân làm Phó Bí thư Đảo ủy. Đảo ủy họp, đề ra các nhiệm vụ cấp bách, phân công nhau đi mở cửa các trại, tước vũ khí địch thành lập lực lượng vũ trang tự vệ, quản lý lương thực, thực phẩm; thành lập chính quyền cách mạng lâm thời dưới danh nghĩa “Ủy ban Hòa giải Hòa hợp dân tộc tỉnh Côn Sơn”; gom và giam giữ số trật tự còn ở bên ngoài, kêu gọi số di tản ra các đảo nhỏ hoặc chạy trốn trên núi ra trình diện. Nói phân công chứ thật ra chỉ nêu đầu việc. Ai nấy đều tự nguyện và cùng nhau xung phong nhận nhiệm vụ. Tới nay tôi cũng chẳng nhớ mặt nhớ tên hết những cán bộ chủ chốt của từng bộ phận.

Ai lo phận sự nấy. Tôi cùng anh Mai Xuân Cống đưa Thường trực Đảo ủy về



Những chiến sĩ
bị tù đày ở nhà tù
Côn Đảo

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Phòng 10 Trại 6B. Chiều 1-5-1975, đại biểu các trại về họp tại Thường trực Đảo ủy để báo cáo tình hình, thảo luận bổ sung thêm Đảo ủy và đổi tên UBHGHHDT thành UBHHDT.

Tàu địch vẫn còn lảng vảng ngoài khơi. Ta vẫn chưa liên lạc được với đất liền. Đảo ủy vừa tìm cách liên lạc với đất liền, vừa lo ổn định tình hình an ninh trật tự, tổ chức cuộc sống cho toàn đảo. Đồng thời, tổ chức và chuẩn bị phương án chiến đấu trong trường địch đổ quân chiếm lại đảo.

Khi lãnh đạo và lực lượng vũ trang trong đất liền ra đảo, anh Tám Hà, thay mặt Khu ủy Khu 7 chính thức công nhận Đảo ủy lâm thời và thành Đảng ủy của Đoàn chiến thắng để lo việc sắp xếp đưa anh chị em về đất liền. Ngày 7-5-1975, thành lập Ủy Ban Quân quản tỉnh Côn Sơn thay thế UBHHDT.

Ngày 14-5-1975 là ngày anh em Khu 9 về đất liền. Mọi việc chuẩn bị xong xuôi chỉ chờ giờ xuống tàu. 11 giờ trưa hôm đó, anh Sáu Đức, Phó Ban tổ chức Khu 9 đi máy bay ra báo tin: Trung ương Cục đã giao cho Khu 9 quản lý Côn Sơn thay cho Khu 7. Sẽ thành lập Tỉnh ủy Côn Sơn. Khu ủy chỉ định tôi ở lại đảm đương cương vị Bí thư tỉnh ủy và vận động anh em cùng ở lại để quản lý đảo trong khi Tỉnh ủy mới chưa ra kịp. Tôi chới với nhưng phải chấp hành. Qua thông báo và kêu gọi của tôi, 157 anh em, phần đông thuộc Khu 9 xung phong ở lại. Đây là nguồn động viên rất lớn đối với tôi.

Anh em ở các địa phương kể cả các Đảo ủy viên lần lượt về đất liền, chỉ còn mình tôi trong Đảo ủy cũ. Đầu tháng 7-1975, lực lượng trong đất liền được điều ra bổ sung. Đến giữa tháng 7-1975, Tỉnh ủy Côn Sơn đã có đủ mặt. Từ lúc này tôi chỉ làm cố vấn cho Tỉnh ủy. Ngày 15-8-1975, Khu ủy cho rước tôi về đất liền.

Viết lại những dòng này, tôi tự thấy:

So với nhiều anh em trong trại, kể cả số trẻ tuổi, tôi là người có số thâm niên ở tù còn ít.

Tôi trưởng thành trong tù là nhờ nằm chung với một tập thể mạnh, có quan điểm chính trị vững vàng, có quá trình đấu tranh dày dặn với địch, luôn động viên và chỉ dẫn cho tôi. Phần tôi, do mới bị bắt nên nắm được nhiều tình hình bên ngoài, có một số kiến thức nhất định cộng với điều kiện thuận lợi là vào tù trong lúc tương quan lực lượng bên ngoài đã có lợi cho ta nên tôi cũng đã góp được một phần vào việc củng cố tổ chức, nâng cao nhận thức và lòng tin cho anh em.

Việc tôi được giao làm Bí thư Đảo ủy khi giải phóng chính là sự khôi phục, mở rộng và nâng cao vai trò của Đảng ủy Trại 6B thành Đảo ủy. Nhờ vị thế và uy tín của Trại 6B mà toàn đảo đều công nhận Đảo ủy do lực lượng của trại 6B làm nòng cốt.

TRỊNH VĂN LÂU

TỰ HỌC TRONG TÙ

... Tháng tám năm 1929, cái ngày mà tôi bước chân lần thứ hai vào khám lớn Sài Gòn cũng là ngày mà tôi bắt đầu thực hiện chương trình tự học một cách tích cực. Sau khi đảng bộ Nam kỳ của Việt Nam Quốc dân đảng bị vỡ trước cuộc khởi nghĩa Yên Bái, tôi cảm chắc cái án tù của tôi lần này sẽ phải lâu dài nên quyết định dùng thời gian này để học chữ Pháp, đạt cho kỳ được mục đích yêu cầu. Tuy vậy, có quyết tâm học tập nhưng còn phải tạo ra điều kiện học tập.

Cái nhu cầu cấp thiết của tôi trong việc học chữ Pháp bấy giờ là người dạy và sách học, phương tiện học tập. Người dạy thì có thừa, vì những bạn tù của tôi nhiều người giỏi chữ Pháp và sẵn sàng chỉ dẫn cho tôi học. Nhưng phương tiện học tập thì không bút, không giấy, không sách học. Tôi muốn có những loại sách thông thường như văn phạm chữ Pháp, bài tập đọc chữ Pháp, nhưng những sách này cũng không thể lọt qua cửa sắt nhà tù. Rút lại, tài liệu dùng để học của tôi không có gì khác hơn là những mảnh báo chữ Pháp gói đồ ăn hay đồ vật từ ngoài gửi vào. Hồi ấy, chiều thứ bảy mỗi tuần, chúng tôi, những người còn bị giam giữ chưa xử án, được phép nhận những đồ ăn do người nhà đưa vào. Theo lệ thường, bọn gác ngục chú ý không để cho những tờ báo chữ quốc ngữ hay chữ Pháp mới xuất bản lọt vào, cốt để chúng tôi không biết một tin tức gì ở ngoài. Vì vậy, dưới hình thức gói đồ ăn hay đồ vật, người nhà chúng tôi đã chú ý xé cái tên tờ báo đi, vò tờ báo nhàu nát để che mắt bọn gác ngục. Với những mảnh báo này, chúng tôi cũng đủ theo dõi được những tin tức ở ngoài. Ngoài ra, theo lời dặn nhỏ của tôi, vợ tôi thường “mua cần” những tờ báo cũ xuất bản ở bên Pháp bấy giờ như *Le Temps*, *Le petit Parisien*, *Intransigeant* v.v... để gửi cho tôi hoặc gói đồ ăn, hoặc nói dùng để đi tiêu. Trước con mắt bọn gác ngục, những tờ báo này chắc không gây nên chút ảnh hưởng gì và cũng chẳng ai thèm đọc nên chúng cứ “ung dung” vào với chúng tôi. Nhưng công dụng của những tờ báo cũ này cũng chẳng chỉ để gói đồ hay đi tiêu. Do ở những sáng



Trên đảo Hòn Cau

kiến mới sau này, những tờ báo cũ không ai để ý ấy đã được các đồng chí ở ngoài chịu khó cắt những tin quan trọng tại các báo khác dán vào những cột báo trong tập báo này. Thế là, chúng đã trở nên một phương tiện truyền tin. Về phần tôi, sách học của tôi là mấy tờ báo cũ. Trước hết, tôi tỉa ra để đọc từng từ một, rồi nhờ người giảng cho biết cách đặt câu theo văn phạm để chấp liền các từ với nhau. Đồng thời coi báo cho biết tin tức. Tôi học như thế rất thuận lợi vì đã sẵn có những kiến thức chính trị; nhưng đã làm rầy rà cho những “thầy giáo” ở xung quanh tôi vì họ bị tôi quấy rầy do tính ham học của tôi không kể giờ giấc gì cả.

Sau khi bị tòa đại hình Sài Gòn kết án 5 năm tù cấm cố, tháng tám năm 1930, tôi và một số đồng chí bị thực dân Pháp đem đày ra Côn Lôn. Chúng tôi đến Côn Lôn nhằm vào lúc vừa xảy ra một vụ âm mưu bạo động của một số chính trị phạm bị tiết lộ, do đó, bọn thống trị Pháp ở đây tống chúng tôi đi ở một đảo nhỏ trong quần đảo Côn Lôn là Hòn Cau.

Hòn Cau có núi lượn vòng ba mặt, có bãi biển, có những vườn rộng mênh mông đầy những chuối, dứa, na... Cảnh đẹp, hoa quả nhiều, cá vich nhiều. Cùng ở với chúng tôi chỉ có ba người lính “mã tà”, vắng hẳn bóng Tây. Cố nhiên là thực dân Pháp đày chúng tôi đến đây không phải để đi hóng gió, tắm biển, leo núi, nhìn những cảnh trăng treo sườn non, vầng hồng mọc trên mặt biển mà là để “cách ly” chúng tôi, xa nhân dân, xa đất liền, nhất là không ở bên cạnh chúng để có ngày bất thành linh nổi dậy diệt chúng. Riêng về phần tôi, với chương trình theo đuổi học chữ Pháp bất kể hoàn cảnh nào, khi bước chân lên đảo Hòn Cau thì ngoài một mớ chữ nghĩa chứa ở trong đầu học được tại khám lớn Sài Gòn, không có giấy bút, báo chí, sách vở gì hết. Vì vậy, điều kiện lo lắng đầu tiên của tôi là làm thế nào cho có tài liệu để học. Hồi ấy, một người lính mã tà ở Hòn Cau có vợ về Sài Gòn, mọi người nhân cơ hội gửi mua những món cần thiết mang ra. Tôi cũng viết bức thư bí mật gửi cho vợ tôi hiện bán rau ở chợ Bến Thành (Sài Gòn), đề nghị gửi cho tôi một quyển tự chữ Pháp, có thể thôi. Cách hơn một tháng sau, tôi đã đạt được mục đích là có ở trong tay quyển tự vị La-rút-sơ dày cộp. Lúc này, tôi không có báo chữ Pháp nên chỉ còn có cách học tự vị, học từ đầu đến cuối. Chương trình của tôi

đề ra mỗi ngày học hai trăm từ theo định nghĩa của từng chữ (définition de mot). Trong đó mỗi từ có nhiều nghĩa khác nhau, kể cả nghĩa đen (sens propre), nghĩa bóng (sens-figuré) và nghĩa rộng (sens d'extention). Học bằng chữ Pháp. Thế là, từ đó, hàng ngày đi làm dưới gốc dừa, trong vườn chuối hay buổi chiều ngồi chơi ngoài bãi cát đều có in dấu ấn những chữ viết bằng que của tôi. Để thử thách trí nhớ của mình, tôi đọc thuộc lòng từ trên xuống dưới rồi lại từ dưới lên trên. Hàng ngày tôi đọc thuộc bài trong ngày rồi tôi đọc lại những bài đã học trong một tuần vừa qua. Học thuộc lòng đã vậy, còn phải nhớ mặt chữ nên ngồi đầu tôi viết đấy, viết la liệt nhưng không cần bút, cần mực hay phấn. Cộng lại, mỗi tháng tôi học thuộc lòng sáu nghìn từ. Những anh em cùng sống với tôi thấy tôi học đều đặn như thế thì sốt ruột lắm, và rất thán phục sự kiên nhẫn học tập của tôi.

Cứ thế ngày, tháng, năm trôi qua, số chữ Pháp tích lũy ở tôi ngày càng nhiều. Về sau này, do sự tổ chức có kinh nghiệm của tập thể, ở Hòn Cau đã có sách từ đất liền gửi ra, trong đó có những sách chính trị, kinh tế, triết học, văn nghệ... bằng chữ Pháp.

Qua một thời gian học chữ, tôi bắt đầu tập coi sách, chú ý vào sách chính trị. Thấy tôi tập coi sách và hỏi những “thầy giáo” ở xung quanh, nhiều người chưa tin là tôi có thể đọc sách được vì chưa từng được học qua về văn phạm. Nhưng tôi cứ lần mò tập đọc và thấy mình có thể hiểu được vì những chữ riêng lẻ thì mình đã biết khá nhiều, còn ý nghĩa cả câu thì, với kiến thức chính trị sẵn có, mình cố gắng tìm hiểu và nhờ người giảng cho. Thế là tôi đã bước sang một giai đoạn mới là tập đọc sách. Mỗi ngày đọc không nhiều nhưng đọc rất kỹ để nhận thức về cách đặt câu. Rồi đó, tôi càng đọc hiểu dễ dàng hơn vì số trang đọc cũng tăng lên và thỉnh thoảng có chỗ nào nghi ngờ mới tìm hỏi người khác. Trong khi đã bắt đầu đọc sách, tôi vẫn hàng ngày học tự vị theo số chữ nhất định. Vì thuộc lòng chữ nào nghĩa ấy nhiều, tại nhà tù tôi đã được anh em gọi đùa là “tự vị sống”. Nhiều



Bãi Đầm Trầu

anh đọc sách ngồi bên cạnh tôi, gặp chữ nào không hiểu lại ngại tra tự vị thì hỏi tôi, tôi đọc một tràng y nguyên văn trong tự vị rồi để người đó hỏi muốn chọn nghĩa nào tùy ý. Sau khi đã đọc được những trang sách chính trị thông thường rồi, tôi xoay sang đọc những sách về văn nghệ. Tôi cảm thấy không có cái gì thú vị bằng đọc sách, nhất là qua những công phu gian khổ để đạt được cái mục đích là đọc được sách.

Những ngày “thơ mộng” ở Hòn Cau, tôi đã làm thơ nhiều. Nhưng cái quý nhất đối với tôi vẫn là thu hoạch phong phú về học tập. Gần hai năm ở đây, việc học của tôi chỉ bị gián đoạn là lúc bị ngã núi trong cuộc đi du lịch “vòng quanh thế giới Hòn Cau”. Tôi bị ngã từ sườn núi cao độ 80 mét rơi vào hang Yến, vỡ đầu, què chân và bị bệnh thần kinh đến bảy, tám tháng mới hồi phục. Sau đó, cái đảo nhỏ “sơn thủy hữu tình” này cũng không yên lặng nữa. Nó đã nổi lên những bão táp hòa nhịp với phong trào cách mạng ở ngoài. Do đó, việc học của tôi cũng không được chuyên chú như trước. Sau vụ thả bè vượt biển bị thất bại, toàn thể chúng tôi bị bọn thống trị Pháp đưa về nhốt ở khám Côn Lôn. Đến đây, hoàn cảnh đổi khác và việc học tập của tôi cũng khác trước.

Một khi nói người cộng sản đã biến nhà tù thành trường học, thành lò đào tạo cán bộ thì dưới thời thuộc Pháp, nhà tù Côn Lôn trong những năm 1931-1937 đã biểu hiện cụ thể nhất. May mắn thay cho tôi đã được là người học trò nhỏ trong cái trường học vĩ đại ấy! Tôi phải nói ngay rằng: trong những khám tù chật chội, hôi thối kinh khủng ấy, chúng tôi đã có những lớp học văn hóa, ngoại ngữ, những chương trình huấn luyện cách mạng từ lý luận đến công tác, những bộ sách tư bản luận, Lê - nin toàn tập, kinh tế chính trị học, duy vật lịch sử, triết học duy vật và một số những sách quý khác, lại có cả một số báo chí và tờ báo chữ Pháp xuất bản hàng ngày ở Sài Gòn là tờ La dépêche indochinoise (Điện tín Đông Dương). Vậy thì những sách báo ấy từ đâu mà có, từ đâu đến, vào bằng cách nào và cất giấu ở đâu, học hành thế nào?

Đời sống của người tù cách mạng ở trong nhà tù của địch, về tinh thần thì không để cho những cửa kín tường cao giam hãm mình được; về tổ chức thì phải làm sao thông được với ngoài, không thể sống một cách cô độc. Do đó việc tìm thông một con đường giao thông gắn liền với đời sống và hoạt động cách mạng của những tù chính trị ở Côn Đảo lúc bấy giờ là rất quan trọng. Kẻ thù của cách mạng dày những chiến sĩ cách mạng ra một hòn đảo cách xa với đất liền, rồi lại nhét vào một xó nhà tù, chủ ý của chúng là định hãm những người chính trị phạm vào cảnh mù tịt, mòn mỏi. Đánh thông được ra ngoài, những chiến sĩ cách mạng đã đánh thắng địch và mở một phương trời rộng rãi. Hồi ấy, tại Côn Đảo, mỗi tuần vào sáng thứ hai, chiếc tàu Harmand Rousseau (Hác-măng Rút-xô) từ Sài Gòn ra ghé bến Côn Lôn rồi đi Singapore (Xanh-ga-po), sau đó từ Xanh-ga-po về Sài Gòn lại ghé qua Côn Lôn một lần nữa. Chính chiếc tàu trắng ấy (vì nó sơn màu trắng nên người ta quen gọi là tàu trắng) đã thường xuyên chuyển những lương thực, vật liệu cho Côn Đảo và trở nên người bạn quen thuộc đối với người tù Côn Đảo làm việc vận tải. Tôi không nói đến việc tổ chức giao thông giữa Côn Đảo với đất liền, mà chỉ nói việc tổ chức giao thông giữa các nhà tù và giữa nhà tù với ở ngoài. Như

trên đã nói, trong mỗi khám tù bịt kín chỉ có một lỗ cầu tiêu ở góc nhà. Nhưng công dụng của nó không phải chỉ để bài tiết những cặn bã hàng ngày xuống chiếc thùng mà nó còn là cơ quan giao thông để tiếp thu hay phát đi những vật phẩm kinh tế, văn hóa v.v..., trong đó chủ yếu là thư từ, giấy bút, sách báo...

Chúng tôi hay theo dõi con đường giao thông có một không hai này. Theo lệ thường mỗi ngày vào khoảng năm giờ sáng, tên giám ngục (người Pháp), kèm theo một người lính mã tà, mở cửa khám cho những người nhà bếp và sở tải (làm việc quét dọn) ra làm việc. Đó là những người tù trước đã được anh em cử ra phụ trách, trong đó có người lãnh nhiệm vụ giao thông. Dưới ánh sáng mờ của đèn điện, những người chạy đi chạy lại như “đèn kéo quân”. Tên giám ngục hút thuốc phì phèo đứng rù một chỗ. Thừa lúc lộn xộn ấy, anh phụ trách giao thông cầm chổi quét thọc vào cầu tiêu mỗi khám lấy những “bưu phẩm” từ trong chuyển đi theo một tín hiệu đã định rõ là keng keng mấy tiếng vào thùng đựng phân. Sau khi đã đi vòng quanh các khám tù theo “cửa sau” rồi, người phụ trách giao thông giấu gói bưu phẩm vào trong người, quét theo đường mương đến chỗ gâm cống thông sang “banh” (baigne) I ở bên cạnh chờ chuyển cho người giao thông ở bên kia bức tường. Công việc này phải rất thận trọng, đúng với thời khắc đã định. Chúng ta biết rằng những người tù phụ trách giao thông này đều không có đồng hồ, vậy làm thế nào để có thể gặp nhau đúng hẹn ở hai bên đầu cống? Một tình cờ may mắn là: tại nhà tù, để tiện việc canh gác, bọn coi ngục cứ mười lăm phút thì gõ keng một lần; do đó, người ta có thể tính thời gian để ước hẹn gặp gỡ. Ví dụ hẹn nhau năm giờ rưỡi hay năm giờ mười lăm phút lúc sáng sớm, đúng vào lúc quét dọn, hai người phụ trách giao thông ở mỗi bên nghe tiếng keng đều sẵn sàng tác động ở đầu cống. Để phòng ngừa những bất trắc có thể xảy ra, hoặc lúc ấy, ở bên kia tường có bọn coi ngục đứng gần hay



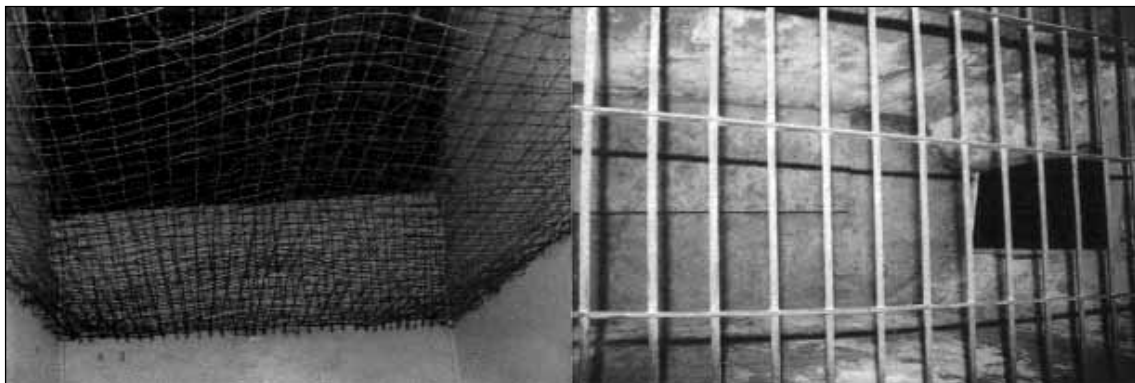
Tù nhân
trong Chuồng Cọp

cơ sự đã tiết lộ người giao thông phải làm đúng ám hiệu đã định, ví dụ cầm chiếc giẻ quét gỗ vào tường mấy tiếng và được bên kia hưởng ứng rồi thì qua găm cổng, đôi bên mới trao gói bưu kiện cho nhau, nhân tiện bắt tay nhau chúc mừng thắng lợi. Hai người phụ trách giao thông hàng ngày, trừ phiên bất thường, đều tìm gặp nhau trong công tác như thế; nhưng suốt đời không thấy mặt nhau và cũng không cần biết tên thật của nhau, đề phòng kẻ gian lọt vào hay việc bị vỡ rồi khai báo cho nhau. Những gói bưu kiện này rất quý giá, trong đó có những chỉ thị công văn viết theo lối bí mật, những sách báo lưu hành trong nhà tù cho cả đến những bức thư tâm tình của đôi bạn cách mặt nhưng không xa lòng!... Những gói bưu kiện từ ngoài lọt qua đường cống, lỗ cầu tiêu đem vào các khám tù những tin tức nóng hổi của phong trào cách mạng, những ánh sáng của văn hóa; đổi lại, những gói bưu kiện từ trong các khám tù chính trị vượt qua cửa kín, tường cao, trước mặt bọn gác ngục, từ ban II chuyển sang ban I, tỏa ra các công sở ở quần đảo Côn Lôn: nhà thương, trường học, văn phòng giám đốc, bưu cục, kho bạc, vô tuyến điện, trại lính tây, sở lưới, Đá trắng, Cỏ Ống, Chuông Bò, Bản Chế, An Hải v.v..., trong đó có những tổ chức của tù chính trị. Những bưu kiện ấy còn có thể qua tay những người chuyên môn vận tải, tìm đến những anh em lao động ở dưới tàu Hác-măng Rút-xô, về đất liền, lọt vào tay những quần chúng ủng hộ cách mạng hay tổ chức của Đảng. Chúng ta đánh giá rất cao sự quan trọng của công tác giao thông trong nhà tù chính trị và sự cống hiến lớn lao của những chiến sĩ vô danh đã đem mọi sức lực, cơ trí làm việc một cách âm thầm cho Đảng, cho cách mạng. Trong những ngày tôi ở Côn Đảo (1930 - 1934), theo chỗ tôi biết, công việc giao thông của ta đều trôi chảy và vẫn giữ được bí mật, đó là một thành tích rất lớn trong công tác nhà tù.

Trở lên trên tôi mới nói về việc lưu chuyển những thư từ, tài liệu, văn kiện từ nhà tù ra ngoài hay ở ngoài vào nhà tù. Nhưng còn ở trong nhà tù thì sao? Một người nào khi mới nhìn vào khám tù chỉ thấy có những bức tường kín mít và hai bệ xi măng trơ trên sẽ không thể tưởng tượng được trong đó chứa đầy những tài liệu, sách vở. Chẳng những thế, bọn gác ngục ngày hai lần mở cửa vào khám quét dọn lại lục soát kỹ lưỡng để tìm những vật “cấm” không sót một chỗ nào. Bây giờ các bạn hãy cùng tôi đến thăm cái “thư viện” hay nói khiêm tốn hơn, “tủ sách” của nhà tù. Nó ở kín đáo lắm, ở trong hốc tường đá và phải leo lên gác mới tìm vào được. Điều đáng chú ý là tường ở Côn Lôn không xây bằng gạch, mà là bằng đá nên chúng tôi có thể moi trổng những hốc đá để chứa sách. Mỗi loại sách bỏ vào những cái túi khác nhau, ví dụ túi đựng sách kinh điển Mác - Lênin, túi đựng những sách báo xuất bản ở trong nhà tù, túi đựng giấy bút v.v... Những người làm việc cất sách, giữ sách, lấy sách cho anh em đọc chẳng những có tinh thần trách nhiệm, mà còn phải là những người mạnh khỏe, nhanh nhẹn, giỏi leo trèo. Mỗi khi trèo lên lấy sách, một người phải đứng trên vai một người khác, tay với vào chiếc xà nhà, chân đạp vào tường rồi vắt người lên. Bức tường nửa dưới sơn hắc ín đen, nửa trên trát vôi trắng nên người trèo tường phải dùng bút tất trắng sạch để khỏi in dấu vào bức tường, tránh con mắt dò tìm của bọn gác ngục. Trên kia tôi đã giới thiệu với các

bạn về cái cầu thông qua khám tù thì chính cái cầu ấy lúc này rất thuận tiện cho việc cất sách, lấy sách của chúng tôi. Người phụ trách một khi leo lên xà nhà rồi thì chỉ có việc theo chiếc cầu soát các hồ sách ở trong bức tường rồi đem sách xuống cho anh em học tập và nghiên cứu. Người phụ trách thư viện mỗi khi lên xuống khoác bên mình những túi sách trông giống như người dân chài khoác lưới. Khi xuống cũng như khi lên phải có người đứng đón để đỡ xuống. Những động tác này, các bạn phụ trách làm quen nên rất thành thạo. Tuy vậy đã có một lần có người suýt chết vì nó. Hôm ấy, anh Nguyễn Phương Thảo (tức Nguyễn Bình) cũng chỉ vì sơ xuất một chút, tuột tay khi bám vào cái xà nên bị ngã xuống ngất đi, một hồi lâu mới tỉnh. Cũng may là bọn gác ngục ở ngoài khi nghe tiếng xôn xao thì mở cửa vào, nhưng nó vào đến nơi thì anh Thảo đã tỉnh và mọi việc đã xong xuôi cả rồi.

Theo quy định của Ban tổ chức, các anh em chỉ có thể học tập vào buổi trưa và buổi tối, vì sáng và chiều, anh em đều có dịp ra chơi ngoài hàng hiên để chúng quét dọn khám tù. Đề phòng lũ gác ngục có thể khám xét cả những lúc anh em ra ngoài ăn cơm. Do đó, chỉ còn có trưa và tối là đảm bảo cho việc học tập hơn cả mặc dầu trưa hay buồn ngủ và tối dưới bóng đèn mờ. Trong những gian khám chính trị phạm buổi tối vẫn vui hơn cả vì lúc ấy bọn gác ngục tây, chầu đều về nhà, chỉ còn có một tên thường trực và mấy người mã tà ở lại canh gác lấy lệ, thỉnh thoảng thấy khám nào ồn ào cũng không dám tự tiện vào, chỉ gõ cửa nhắc phải yên lặng hay chửi láo một vài câu để nó chửi nó nghe thôi. Cũng lúc ấy, trong khám tù: Chỗ này là lớp huấn luyện, chỗ kia là lớp học văn hóa. Món mà anh em chờ đợi nhất là phổ biến tin tức mới nhận được từ ngoài vào, đọc những tin trong báo hay dịch tin từ tờ báo chữ Pháp sang tiếng Việt cho mọi người nghe. Một tờ báo chữ Pháp mà lúc ấy chúng tôi nhận được rất nhanh là tờ Dépêche Indochinoise (điện tín Đông Dương) xuất bản hàng ngày ở Sài Gòn. Tờ báo này do một tên tây gác ngục mua. Mỗi khi nó đọc xong, anh “bồi” của nó là người của chúng tôi lại vội vàng “mượn tạm” gửi theo đường giao thông ngầm vào cho chúng tôi đọc. Chúng tôi đọc xong lại gửi trả ngay cho anh “bồi” để vào chỗ cũ nên không xảy ra điều tiếng gì eo sèo cả. Báo chữ Pháp gửi vào chỉ có một số, ban tổ chức không thể luân lưu cho



Dây thép gài trên nóc nhà

mọi khám tù đều đọc nên chúng tôi đã nảy ra sáng kiến và thêm một việc làm. Tại ban II, khám số ba mà chúng tôi ở bấy giờ là chỗ tập trung nhiều tài liệu tin tức. Mỗi khi tờ Dépêche Indochinoise lọt vào, một người vừa đọc chữ Pháp vừa dịch ngay sang tiếng Việt; hai người khác mải miết ghi chép là Lê Văn Phúc và tôi. Tôi thì tiếp thu rất nhanh và kỹ những sự việc. Lê Văn Phúc thì rất giỏi nhớ những con số, những ngày tháng và tên người nhất là những tên người Nga hay các nước đông Âu mỗi đuôi chữ thường có *ii* hay *ki*, *ki* gì đó. Thế rồi, sau ít phút ráp lại và soát lại, bản tin ghi chép của chúng tôi đã được lưu hành ở các khám và báo trả lại cho chủ nó.

Những ngày ở ban II Côn Lôn, vì có những điều kiện thuận tiện, tôi dốc nhiều thì giờ vào việc theo học các lớp huấn luyện và nghiên cứu cách mạng. Tuy vậy, tôi vẫn dành một phần thì giờ vào việc trau dồi chữ Pháp. Có điều là lúc này tôi không phải học tự vị nữa, mà là đọc sách, nếu cần thì tra cứu thêm. Những sách chính trị, tôi có thể đọc hiểu và còn có thể dịch được. Những sách kinh tế hay triết học, tâm lý học, tôi cố gắng đọc nó nhưng chỉ hiểu nó sau một thời gian học tập khá lâu. Còn những sách vào loại văn chương như thơ, tiểu thuyết, ký sự v.v... thì riêng về thơ chữ Pháp, tôi đọc không hiểu nên ít hứng thú, còn những tiểu thuyết thì đọc rất say mê. Trong những sách đã đọc, có những áng văn nổi tiếng như quyển “Le crime de Sylveste Bonnard” (Tội ác của Sin-vét Bon-na) của Anatole France đã được giải thưởng của Viện hàn lâm nước Pháp, tôi đã đọc đi đọc lại ở nhà tù đến hơn mười lần mà vẫn không thưởng thức được cái “hay” của nó; phải chăng vì trình độ của tôi còn kém nên chưa “thấm nhuần” được sâu sắc chăng?

Điểm lại, kết quả công phu học tập tại nhà tù là tôi đã đọc thông nhưng chưa viết thạo, yếu nhất là nghe không quen và nói không được, chính vì cách học tập của tôi theo lối “du kích” rồi xoay ra “vận động chiến”, chớ không có một đường lối chính qui. Dầu sao, mục đích yêu cầu tha thiết của tôi là dùng chữ Pháp để đọc sách báo giúp cho công tác nghiên cứu khoa học là đạt rồi. Nhiều bạn trong nhà tù thường nhắc đến cái quyết tâm tự học và thành quả của tôi. Nhưng quyết tâm của tôi được thành công còn phải nhờ ở việc xây dựng tập thể dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chiến thắng hoàn cảnh ác liệt, biến nhà tù thành trường học lớn, thành lò đào tạo cán bộ.

Cuối năm 1934 và đầu năm 1935, tôi từ Côn Đảo trở về trường hoạt động, rất sung sướng thấy mình đã cứng rắn, sáng suốt hơn trước vì đã được trang bị bằng một nhân sinh quan mới, một đường lối cách mạng đúng và cộng vào đấy là một số kiến thức văn hóa, một phương tiện học tập sắc bén.

TRẦN HUY LIỆU

LỚP HỌC MÁC-LÊNIN VÀ TỜ BÁO Ý KIẾN CHUNG Ở BANH I (1935-1936)

Tôi đi Côn Lôn hồi giữa năm 1935 với ý định vượt ngục sớm nhất có thể được. Nhằm mục đích ấy, tôi giấu trong mình hai giấy bạc hai chục để lo lót ra làm sở, để hùn tiền đóng ghe, may buồm chờ gió thuận về đất liền hoạt động nữa. Nhưng lòng người muốn mà ý “trời” không như vậy. “Trời” ở đây là tên chúa ngục Côn Lôn và bề trên của hắn.

Qua cửa Banh I vô khám chờ, qua thủ tục cạo đầu khô bằng dao ăn trâu, tôi được tống vào hầm số I tròn một tháng về tội vô lễ với ngài thống đốc Nam Kỳ. Ra khỏi hầm, tôi nhập bọn với ê kíp Sở tại lo việc quét sân, quét khám, rửa cầu tiêu, cầu tiểu. Việc thì nhàn lắm vì các anh thạo việc làm nấy tất cả, tôi chỉ cầm cây chổi đi cà nhông trong sân gom lá bàng khô đi đốt. Làm vệ sinh được mấy hôm thì có lệnh từ Sài Gòn ra nhốt tất cả tù chính trị vào trong banh, không cho ai đi “Chỉ tồn” nữa, không cho ai ở ngoài các sở nữa.

Thế là hết cái mộng vượt ngục. Chưa có ai ở trong bốn bức tường Banh I, Banh II vượt ngục được.

Vậy là phải thay đổi “chiến lược”, không tính chuyện hùn tiền đóng ghe nữa mà tính chuyện nhân anh em tập trung về một nơi, mở lớp học chính trị, chờ ngày về một cách hợp pháp, hay là chờ sự biến đổi tình hình ở trong nước và trên đảo. Số tiền dự trữ đem cất đi, biết đâu có ngày vấn đề vượt biển lại được đặt ra?

Banh I có hai dãy khám, từ cổng nhìn vô, bên tay mặt là khám 1 - 2 - 3 - 4 - 5, bên trái là khám 6 - 7 - 8 - 9 - 10. Cuối sân là hai dãy hầm đá đầu lưng vào nhau. Thường phạm ở khám 1 - 2 - 3 - 4 - 5, chính trị phạm ở khám 6 - 7 - 8 - 9 - 10. Thật là nhà cầm quyền thực dân xem chúng tôi là nửa chính trị thôi (Semipolitique).

Bọn tôi cũng làm cách mạng khuynh đảo chính quyền thực dân, nhưng lại không bị tòa xử án khổ sai hay tù giam, như các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng... Phải bị xử cấm cố hay phát lưu như các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... ở bên Ban II mới gọi là “tù chính trị”. Tại khám 6 - 7 ở Ban I dành riêng cho những ông “bất trị” như Phạm Hùng, Lê Văn Lương... cứ 2 người bị xiềng chân vào 1 xiềng sắt dài 50 phân. Khám 10 dành riêng cho Việt Nam Quốc dân đảng. Ở đó cũng có một số cộng sản. Khám 8 - 9 chỉ toàn cộng sản, trên trăm rưỡi người.

Sẵn anh em tập trung về, “dịp may” hiếm có thì ta mở lớp huấn luyện lớn mà từ hồi ở Côn Lôn tới giờ anh em Ban I chưa làm được, tuy muốn làm và kể cũng có sức làm. Nhiệm vụ “chiến lược” mới của tôi là dạy học có hệ thống trong lúc chờ ngày về. Ở trong tù nếu không đi lao động thì còn làm cái gì nữa. Chỉ có học, học văn hóa, học chính trị, chứ đánh cờ mãi cũng chán, tán gẫu cũng có lúc hết chuyện. Việc học tập bên Ban II tương đối dễ tổ chức: có sách, có thầy, sách văn hóa nhiều. Thầy tiếng Pháp có Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương, sách của Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin đem ra cùng đọc, cùng thảo luận, ấy là học chính trị thẳng trong kinh điển. Bên Ban I chúng tôi thì không như vậy, chúng tôi không có sách gì hết. Về sau chật vật lắm mới nhận được quyển *Đại cương kinh tế chính trị học* của Lappidus Ostrovitianov anh Dục căn cứ vào đó mà giảng bài. Còn tôi thì phải giảng chủ nghĩa Lênin và triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử mà chẳng có quyển sách nào.

Làm sao bây giờ? Chỉ còn có cách giảng “tuồng bụng”. Giảng “tuồng bụng” thì không đủ nghiêm túc. Giảng sao được? Nhưng cứ phải giảng: Tụi tôi đã học ở Pháp, ở Nga về, từ chối sao được.

Tôi lường được khó khăn lớn trong việc giảng chủ nghĩa Lê-nin mà không có sách trong tay. Đâu có thể lờ ai được. Ngồi nghe có những anh sáng lập Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, Đông Dương cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng, có những đồng chí từng là xứ ủy viên, tỉnh ủy viên, từng làm tuyên huấn khắp nước, cuộc đời tập hợp họ lại ở cái đích Côn Lôn hẻo lánh nhưng chí khí ngất trời này, lờ ai được? Không ngồi xung quanh giảng viên dưới sàn khám, mà ngồi trên sạp, trong góc khám, cách giảng viên chừng 4, 5m là những anh mà giảng viên nào cũng ngán như: Tôn Đức Thắng, Nguyễn Duy Trinh, Phan Đình Khải (tức Lê Đức Thọ)... Những anh ấy là Đảng ủy Côn Lôn. Họ nghe, họ nhận xét tập thể. Giảng viên mà nói sai thì chắc chắn sẽ bị “phê bình” kín đáo, tao nhã nhưng nghiêm khắc. Và lại các đảng viên đã qua các lớp học sơ cấp ở các nhà tù khác nhau, họ lại nhiều kinh nghiệm chờ có phải như tờ giấy trắng đầu. Đó là chưa kể có những bậc thầy từng đọc hàng chục sách của Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin, Plêkhanốp như Nguyễn Văn Hoan, Phiếm Chu... Thịnh thoảng gặp bài lý thú tôi thấy có giáo sư Nghiêm Toàn (Quốc dân Đảng) ở khám 10 xin được sang nghe. Vậy thì nhiều cái khó lắm. Nhưng tôi tự tin, tự tin chứ không phải liều lĩnh. Liều lĩnh ở cái “Hội anh hùng” thì chết ngay. Ai dám? Thà ta từ chối mở lớp học, lấy cớ là không có tài liệu giáo khoa thì hơn là xông vào chỗ khó. “May” mà thành

thì anh em nói rằng mình làm được nhiệm vụ, “rủi” mà hỏng thì ai cũng sẽ cười vào mũi mình. Biết vậy tôi vẫn mở lớp huấn luyện, tin chắc rằng khi “xuống núi”, thầy tôi ở Moscou đã trao cho tôi đủ phép rồi.

Số là do kiểu của các thầy dạy tôi hồi ở Moscou, tôi thuộc lòng bài một cách khá đầy đủ và có thứ lớp óc sáng tạo trong thực tế thì các thầy không dạy được, chứ cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế được tổng kết thì có thể được xem là tạm đủ. Ở Moscou để giảng bài cho bọn tôi, Trường đại học Đông Phương mời mấy ông Viện sĩ hàn lâm. Họ giỏi về triết học lắm. Mấy vị “Giáo sư đỏ” trứ danh và nhiều chuyên viên cao cấp của Quốc tế cộng sản giảng rất kỹ về Chủ nghĩa Lênin. Giáo vụ nhà trường đề ra 9 bài Chủ nghĩa Lênin, mỗi bài chia làm mấy tiết, mỗi tiết gồm mấy mục, xem kỹ tiết mục thì thấy rõ bài học có những vấn đề cơ bản nào. Học mỗi tiết thì bất cứ ai cũng phải đọc tối thiểu những sách nào, nghị quyết nào từ trang mấy, trang mấy. Người giỏi hay đã biết chút đỉnh rồi thì đọc tối đa (năm sáu trăm trang trở lên), nhiều bằng ba bốn lần tối thiểu. Tài liệu chọn lọc của bốn tác giả kinh điển là Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin và Nghị quyết Quốc tế cộng sản, Nghị quyết Đảng cộng sản Liên Xô, hầu như không đọc của ai khác.

Như vậy tụi tôi đọc kinh điển, học thặng trong kinh điển, được xếp theo đề mục, tiết chương. Tôi học cũng theo chương trình như anh em khác, nhưng khác với anh em tôi đọc xong bài nào thì dịch ngay bài đó ra tiếng Việt, dịch từ tiếng Pháp. Còn anh Lítvinốp (Lê Hồng Phong) thì kiểm tra bản dịch theo bản tiếng Nga. Dịch xong đánh máy lên bản kẽm, đem in và phát cho học viên. Được khá tiền lắm, ba rúp một trang dịch, một rúp một trang đánh máy, chứ không phải phục vụ không đâu. Hàng tháng bọn tôi kéo nhau ra bờ sông ăn “sát xà lức” (thịt cừu nướng) uống rượu miền núi Apxu đỏ, có khi sâm banh nữa. Nhờ dịch như vậy mà tôi nắm được bài học rất đầy đủ, nhớ rất kỹ các tiết mục.

Không kể “bài mở màn” Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xác định lập trường cho học viên, chương trình Chủ nghĩa Lênin của chúng tôi ở Côn Lôn gồm tất cả 9 bài (cũng như ở Moscou)...

Tâm quan trọng của lý luận và quan hệ hữu cơ giữa Chủ nghĩa Mác và Chủ Mác - Lênin.

Lý luận Mác - Lênin về cách mạng vô sản.

Chuyên chính vô sản.

Đảng Lêninít của giai cấp vô sản.

Chiến lược và chiến thuật.

Vấn đề nông dân.

Vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, quan hệ với cách mạng thế giới.

Chiến tranh và cách mạng.

Đáng lẽ có bài số 10: Tình hình hiện tại và nhiệm vụ cần kíp, nhưng bài này tôi nhận thấy không đủ tư cách để giảng mà Đảng ủy Côn Lôn cũng không nhận giảng. Cho nên để kết thúc lớp học dài gần 4 tháng, tôi nói về giá trị phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin và vấn đề đấu tranh tư tưởng trên thế giới và trong nước ta.

Về phương pháp giảng dạy thì đại khái tôi “cóp” của trường Đại học Đông Phương. Có khác mấy chỗ vì điều kiện khách quan không giống.

Ở Đại học Đông Phương, các thầy dạy Chủ nghĩa Lênin thường không giảng bài trước. Đã có dàn bài tiết học và từng tiết mục, có trích đoạn của Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin, Quốc tế cộng sản, Đảng cộng sản Liên Xô. Đọc thẳng kinh điển còn hơn nghe thầy giảng. Thầy chỉ bắt đầu giảng bằng cách nêu lên yêu cầu của bài học, hướng dẫn cách học. Học viên tự học với nhau. Rồi 5 ngày sau thầy có mặt tại lớp, chỉ ngồi đó ai muốn hỏi thì thầy trả lời. Khi đọc không hiểu vấn đề gì, hiểu như thế này là đúng hay sai khi đọc nảy sinh ra ý nghĩ này nọ nhờ thầy chỉ dẫn và bảo đọc thêm những gì. Nếu không có gì để hỏi thì không đến lớp cũng được. Hỏi xong rồi thì muốn đi đâu thì đi, 5 ngày sau cả lớp phải đủ mặt. Lần này thầy tự ý chỉ định học viên A trình bày mục 3 của tiết II, học viên B trình bày cả tiết IV chẳng hạn. Học viên trình bày xong thì anh em góp ý, phê bình, thảo luận với nhau. Có khi thầy cũng xen vào để đặt thêm câu hỏi, thường là những câu hỏi có tính chất kiểm tra, thầy chỉ ghi chép mà không tham gia thảo luận. Đến buổi cuối cùng, thầy căn cứ vào những điểm hay, điểm dở của học viên 5 ngày trước để trình bày bài học có trọng điểm, đào sâu đánh giá sự hiểu biết của học viên về bài học đã qua, rồi thầy cho bài mới. Cứ như thế cho đến hết chương trình, mỗi bài học trong khoảng 1 tháng. Mỗi tuần học 6 buổi.

Ở Ban I không có sách, không có tài liệu giáo khoa cho nên tôi phải trình bày trước bài học có hệ thống, viết trên sàn xi măng, các tiết mục có thứ tự. Hôm sau anh em chất vấn, đặt bất kỳ câu hỏi nào, miễn là đừng lạc đề. Tôi xếp các câu hỏi có đầu đuôi và trả lời hết thảy. Tôi khuyến khích anh em hỏi, “đánh giá” nữa nếu thấy cần, cái gì tôi biết thì tôi trả lời, cái gì không biết thì tôi nói không biết, tôi không cù nhây ầm ờ bao giờ. Buổi thứ ba tới phân tôi hỏi, anh em trả lời và thảo luận vấn đề tôi đặt ra. Cuối cùng tôi phê phán những ý sai, sửa chữa những từ không chính xác, đề cao những ý đúng, nhấn mạnh những vấn đề cơ bản nhất, mở rộng sự hiểu biết của anh em bằng cách công kích những lý luận hoạt đầu hay thù địch, nhất, là liên hệ lý luận đã học với những vấn đề của cách mạng Đông Dương, kéo mọi người về trước thực tế của nước mình chứ không để anh em chơi với trong lý luận trừu tượng. Về chỗ liên hệ này anh em có nhiều ý kiến phong phú, nhiều điểm phê bình rất hay. Một ông thầy kính mến của chúng tôi ở Mátscova, lão đồng chí Hêluza người Ý, bạn của Lênin đã có lần bảo rằng: “Trong một lớp học của cán bộ thì học viên phải như là diễn viên trên sân khấu, còn giảng viên chỉ là ông bầu, người thầy tuồng ngồi ở góc sân khấu, thì học mới có hiệu quả cao nhất. Dạy kinh điển thì “cụ” bắt chúng tôi phải tự đọc kinh điển đúng số trang yêu cầu. Ý gì của chúng tôi mà đúng thì “cụ” đề cao, sai hay lệch thì “cụ” sửa

chữa, dù lớn nhỏ “cụ” cũng không bỏ qua. Tôi bắt chước cụ Hêluza nhưng chưa hề dám ra về một ông thầy, chỉ cố gắng đóng vai một người hướng dẫn. Sau mỗi bài, tôi hỏi ý kiến anh Hoan nằm gần bên tôi và hỏi ý kiến anh Lê Tuấn nằm cùng chiếu với tôi, các anh có nói “cậu giảng nghe được” thì tôi mừng lắm.

Lớp học Chủ nghĩa Lênin của chúng tôi vừa hoàn thành thì xảy ra một trận “đại khủng bố”. Học viên và giảng viên bị đánh đập dữ quá, đến xơ nát hàng trăm khúc mây cà vông (Mây cà vông: một loại mây thường mọc ở rừng Côn Đảo, thân thẳng và to như cây tầm vông. Bọn chúa ngục chặt thành từng khúc để đánh đập tù nhân) từ sớm đến trưa, như một trận giặc. Sức khỏe mới hồi phục, chúng tôi chưa kịp mở lớp “Triết học Mác - Lênin” thì tụi Tây đưa nhiều anh em về Sài Gòn, một ít tiếp tục ở tù cho đến mãn án (tôi thuộc số này), một số khác đông hơn được ân xá bởi Chính phủ Mặt trận bình dân. Ra tù, số anh em cộng sản 90% ra làm việc cách mạng trở lại, trong lúc đó 99% số Quốc dân Đảng trở về với cuộc sống người dân thường ít quan tâm đến cách mạng. Trong lúc mở lớp học Chủ nghĩa Lênin thì bọn tôi cũng “xuất bản” một tờ báo, nói cho đúng hơn là một tạp chí lấy tên là “Ý kiến chung”. Khi ấy ở Côn Lôn có tờ báo “Tiến lên”. “Tiến lên” khổ nhỏ bằng cái lốc lịch, còn “Ý kiến chung” xem như là cơ quan lý luận và một số vấn đề cơ bản phải bàn thêm xung quanh và bên trong mỗi bài học Chủ nghĩa Lênin, đôi khi đào khá sâu như quy luật phát triển bất đồng của Chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ đế quốc, thường nhất là thảo luận những vấn đề cơ bản của cách mạng Đông Dương như vấn đề Lào, Miên trong cách mạng Đông Dương, phân biệt với vấn đề các dân tộc thiểu số trong dân tộc Việt Nam. Nói chung là những vấn đề lớn mà bản Luận cương chính trị 1930 mới nói sơ tới mà cần phải hiểu cho rõ hơn. Ý kiến chung còn đặt ra những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Tôi nhớ rằng các anh Nghiêm Toàn, Thanh Giang (Quốc dân Đảng) ở khám 10 rất thích cuộc thảo luận về vấn đề này. Trước đó ít lâu bên Ban II Quốc - Cộng xung đột dữ lắm, còn bên Ban I Quốc - Cộng hợp tác chống chế độ nhà tù, hợp tác trong một vở kịch yêu nước, phía hữu phái chống cộng của Quốc dân Đảng bị cô lập, chỉ còn trợ trợ vài anh như anh cụt tay mà tôi quên tên, nguyên là học trò trường Bách Nghệ Hà Nội.

“Ý kiến chung” đăng bài ở Khám 8 - 9 là chính, nhưng cũng có đăng bài ở Khám 6 - 7 và trả lời cho những câu hỏi về lý luận, về kiến thức cách mạng từ các khám gửi về. *Mấy năm sau khi kháng chiến toàn thắng, tôi vào Sài Gòn có vào Tòa án và Sở lưu trữ để tìm xem có những số Ý kiến chung và Tiến lên nào bị gác ngục bắt được đưa về cho Thống đốc Nam Kỳ (để báo cáo) không. Nghe nói có cả mười mấy quyển sách chúng tôi viết ở Khám Lớn Sài Gòn. Nhưng tiếc thay tài liệu lưu trữ hàng núi mà người “khui” ra thì ít quá, không biết anh Hoan và tôi trước khi đi gặp Cụ Hồ, Cụ Tôn, có được trông thấy “Ý kiến chung” của Khám 8, 9 Côn Lôn cuối 1935 đầu 1936 hay không.*

Giáo sư TRẦN VĂN GIÀU

NGƯỜI TÙ CÔN ĐẢO ĐỐI VỚI BÁC HỒ

Gữa địa ngục trần gian Côn Đảo, hầu như tất cả những người tù chính trị giai đoạn kháng chiến chống Mỹ đều có hình ảnh Bác Hồ trong tim như truyền thống đạo lý phương Đông dành cho những người có công trạng đặc biệt với nước với dân. Đó chính là nguồn động lực thôi thúc và nâng đỡ họ trong cuộc đấu tranh trực diện với quân thù. Không chỉ những người tham gia hoạt động cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, mà cả những người thuộc đảng phái chính trị đối lập trong chế độ Sài Gòn cũng đều có một thái độ tôn kính đối với Bác.

Chính sách cường bức tư tưởng của chế độ lao tù miền Nam do Mỹ chỉ huy trực tiếp có một nội dung cực kỳ thâm độc là bắt người tù chính trị phải xúc phạm đến Bác Hồ bằng nhiều hình thức khác nhau. Chúng không ngờ rằng chủ trương đó đã đánh thẳng vào nơi sâu kín nhất trong tâm hồn những người dân Việt. Và thế là hầu hết những người tù Côn Đảo, (ngoại trừ một số tinh thần chiến đấu thiếu vững vàng và sức chịu đựng có giới hạn), đã xung vào hàng trận những người tù trung kiên nhất, trực diện chống ly khai Cộng sản, chống chào cờ, chống hô khẩu hiệu xúc phạm đến Bác và chống khổ sai. Kẻ địch, trong suốt quá trình tồn tại của chế độ Sài Gòn không thể nào hiểu nổi tại sao có điều kỳ lạ đó, khi mà đa số trong hàng trận những người tù trung kiên nhất, gồm đủ mọi thành phần trong xã hội, lại không phải là Đảng viên, Đoàn viên.

Không chỉ trong dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng, sinh nhật Bác, Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 ... những người tù tổ chức học tập tinh thần hy sinh

và đạo đức sáng ngời của Người, mà hầu như trong suốt những năm tháng ngục tù, trong phòng giam cấm cố đông người hay trong xà lim Chuồng Cọp, chỉ một hai người đối diện với bốn bức tường đá âm u lạnh lẽo, trong mọi lúc có điều kiện, họ vẫn trao nhau những lời, những ý, những vần thơ của Người. Một điều rất lạ lùng là rất nhiều người chưa một lần được thấy hình ảnh Bác, thậm chí chưa được nghe giọng nói của Bác trên đài phát thanh, ấy vậy mà trong lòng họ, hình ảnh bác Hồ luôn tỏa sáng ngời. Họ cứ hình dung Bác trong tâm tưởng: một cụ già phương đông với vầng trán cao, đôi mắt sáng quắc mà nhân hậu với chòm râu bạc lơ thơ, luôn thương yêu con trẻ và gần gũi với tất cả mọi người. Chỉ có vậy mà tất cả họ đều ước mơ có được một lần gặp Bác. Hình như đó là ước mơ cuối cùng của mọi đời tù.

Cứ nghĩ đến Bác là mọi người đều cảm thấy có một cái gì nghèn nghẹn nơi cổ rồi ã ã nặng lên ngực. Họ thấy mình chưa thật xứng đáng là lính, là con cháu Bác Hồ để đến mức phải sa vào tay giặc. Và rồi, hình bóng Bác như vỗ về, động viên họ. Họ lại tự nhủ với lòng, hứa với Bác tiếp tục đi theo con đường Bác đã vạch ra.

Sức lan tỏa và giá trị cảm hóa của tư tưởng, đạo đức và hình bóng Bác thật vô cùng kỳ diệu. Những người tù chính trị chống ly khai Cộng sản giai đoạn 1957 - 1960 đều nhớ đến anh Nguyễn Hiền. Trước khi di cư vào Nam năm 1954, anh là Bí thư Tỉnh Đảng bộ Đại Việt của một tỉnh ở miền Bắc. Anh bị chế độ Ngô Đình Diệm bắt giam và lưu đày ra Côn Đảo trong chủ trương tiêu diệt các đảng phái đối lập ở miền Nam. Anh tuyên bố không ly khai Cộng sản chỉ với một lý do duy nhất là không thể hàng ngày phải hô khẩu hiệu xúc phạm đến lãnh tụ dân tộc Hồ Chí Minh, mặc dù quan điểm chính trị của anh và Đảng Đại Việt có nhiều bất đồng với quan điểm Cộng sản. Những năm tháng bị đày đọa cùng với những người tù Cộng sản, sức anh không đương nổi với những trận đòn thù. Anh đã từ biệt cõi đời trên tay những người tù Cộng sản với lời tâm sự cuối cùng: Đến lúc này tôi thật kính phục Cộng sản. Cộng sản chính là các anh. Và anh cố hô to Hồ Chí Minh muôn năm trước khi nhắm mắt.

Trường hợp anh Nguyễn Văn Mười tự Hoàng Sơn, sinh năm 1917, quê ở Cai Lậy, Mỹ Tho lại là điển hình cho tính cách Nam bộ của người dân miền sông nước đối với Bác Hồ. Là dân giang hồ có thể gọi là khét tiếng, giác ngộ và tham gia cách mạng sau Tháng 8-1945, từng là Tiểu đoàn trưởng bộ đội Hoàng Thọ trong kháng chiến chống Pháp. Đánh dấu cho bước ngoặt của đời mình, anh quyết định xóa những vết xăm “giang hồ” trên thân thể để thay vào hàng chữ Trung thành với Hồ Chí Minh trên ngực. Cũng vì hàng chữ này mà anh biến thành đối tượng cho những trận đòn thù thiếu sống, thừa chết nơi ngục tù Côn Đảo. Anh xem thường tất cả, quyết giữ trọn lòng mình với Bác Hồ như hàng chữ đã xăm. Đến 27-3-1961, anh là một trong 17 người tù chống ly khai Cộng sản cuối cùng của đợt một, còn lại tại Chuồng Cọp và đã anh dũng hy sinh cùng với 5 đồng đội trong trận đòn thù đêm ấy. Hàng chữ nêu trên đã biến anh thành khối thép trước bạo lực của quân thù.

Nhưng trường hợp của anh trật tự quân phạm thường án ở Khu biệt lập Chuồng Bò, tên Hai già quê ở Cần Thơ, lại giúp ta thấy rõ hơn ảnh hưởng từ tính cách vĩ đại của Bác Hồ. Không cách nào tránh né được cuộc chiến tranh, anh, một nông dân chất phác, buộc phải tham gia vào lính dân vệ. Bất gặp tên sĩ quan chỉ huy đang cưỡng hiếp vợ mình. Máu căm giận sôi trào. Sấn sủng trong tay, anh nổ ngay mấy phát giết chết tên sĩ quan tại chỗ. Thế là anh lãnh cái án chung thân và bị đày ra Côn Đảo. Là quân phạm thường án, anh xếp vào loại được tin dùng của đám quan chức trên đảo. Anh ra làm trật tự. Hàng ngày, chứng kiến và bị buộc phải tham gia bao trận đánh đập, khủng bố, bắt ép tù nhân hô khẩu hiệu xúc phạm Bác Hồ, anh không thể đứng đưng và bực bực lòng mình với vài anh em tù chống chào cờ tại Chuồng Bò trong đó có anh N.A.T. Anh quyết định tuyên bố chống chào cờ để khỏi phải hô khẩu hiệu xúc phạm đến Bác mặc dù anh biết rất rõ cái giá anh phải trả cho hành động này đắt gấp nhiều lần so với anh em tù chính trị. Những trận đòn hiểm độc liên tục giáng xuống người anh. Và anh đã hy sinh tại Côn Đảo năm 1971 trong tư cách một người tù thường phạm duy nhất chống chào cờ, chống hô khẩu hiệu xúc phạm Bác Hồ nơi Côn Đảo.

Bác Hồ đối với người tù Côn Đảo thật gần gũi và cao quý biết bao. Không chỉ trong chiến đấu, hình bóng Bác Hồ còn hiện diện ngay cả trong giây phút sau cùng của từng đời tù bất hạnh. Ngoại trừ những trường hợp đột tử vì đòn thù, câu cuối cùng của những người tù chính trị Côn Đảo trước lúc bước vào cõi vĩnh hằng luôn là: Hồ Chí Minh muôn năm !.

Đó là tất cả tấm lòng của người tù Côn Đảo dành cho Bác.

Nhóm nghiên cứu “Sử liệu Côn Đảo”

LÀM BÁO TRONG NGỤC TÙ CÔN ĐẢO

Có lẽ vì thái độ “chống đối” trong thời gian ở các nhà lao đất liền cũng như tại tòa án Quân sự đặc biệt Quân khu Thủ đô với một chiếc xương sườn bị đánh gãy, cho nên khi tôi vừa bị lưu đày ra Côn Đảo vào năm 1969 dù đã “mãn án” từ lâu, kẻ địch đã tống ngay tôi vào Chuồng Cọp. Một cuộc chiến cân não trong đêm tối tại văn phòng Trưởng An ninh Chuồng Cọp với Vũ Thung trước mặt toán trật tự nổi tiếng ác ôn bậc nhất ở Côn Đảo đã diễn ra. Vượt qua được thử thách, tôi được sống chung trong hàng trận với lớp tù chính trị câu lưu đàn anh có “thâm niên tù” rất đáng nể; Đa phần bị lưu đày ra đảo từ năm 1957, 1959; Số đông lưu đày năm 1964, 1965; Chỉ một số ít lưu đày sau đợt Mậu Thân 1968. Là “tân binh”, tôi cố gắng noi theo các bậc đàn anh. Rồi Chuồng Cọp, lên Trại 1 rồi xuống Trại 6B, sau cùng sang xà lim Trại 7. Trong những ngày gian khổ ác liệt đó, đặc biệt là thời gian ở Trại 6B, tôi may mắn được tham gia thực hiện ngay từ những số báo đầu tiên trong tù và sau đó được phân công đảm nhận phần lớn việc làm “báo nói” ở Trại 6B.

Xin được giới thiệu đôi nét về việc làm báo của những người tù chính trị câu lưu giai đoạn kháng chiến chống Mỹ ở nhà lao Côn Đảo.

Đã có nhiều câu hỏi và ý kiến nghi ngờ được đặt ra khi năm 1996, chúng tôi cho in lại ba tập báo tù, trong số những tập chúng tôi sưu tầm được.

- Có thật đây là những tập báo được làm ra ở trong nhà tù Côn Đảo hay không ?
- Làm thế nào mà những người tù Trại 6B Côn Đảo lại làm ra được những số báo này khi mà Trại 6B luôn là trọng điểm đánh phá của kẻ thù ?

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

- Tin tức từ đâu ? Phương tiện đâu ? Và làm sao bảo quản được v.v...

Những câu hỏi nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, không chỉ đối với những người chưa từng bị tù ở Côn Đảo mà ngay cả đối với những người từng bị giam cầm nơi đây. Bởi vì ai cũng biết rằng Trại 6B là một trại tù chống chào cờ, chống nội quy nhà lao của địch quyết liệt nhất, kế thừa truyền thống đấu tranh của Trại 1 chống ly khai Cộng sản từ năm 1957. Nơi đây là điểm nóng của chiến trường Côn Đảo đầy ác liệt hy sinh.

Những người tù chính trị câu lưu Trại 6B, trong đó lực lượng nòng cốt là những chiến sĩ từng trải qua các cuộc đấu tranh mà ranh giới của sự sống và cái chết là rất mỏng manh. Không tính đến hàng trăm đồng đội phải bỏ mình trong đợt đấu tranh chống ly khai Cộng sản từ 1957 - 1962, những người còn lại từng dấn mình vào cuộc đấu tranh tuyệt thực tuyệt ẩm tập thể lâu dài nhất trong lịch sử nhà tù Côn Đảo - 22 ngày đêm vào tháng 6-1964. Rồi sau đó, hơn 5 năm ròng bị đày ải dã man nơi Chuồng Cọp, bị cách ly hoàn toàn với thế giới bên ngoài cho mãi đến cuối năm 1969 mới được chuyển lên cấm cố trong phòng. Hơn một năm kiên trì đấu tranh, bị đàn áp, đánh đập, lựu đạn cay, phi tiễn và còng xiềng, giữa năm 1971, những người tù Trại 1 này mới giành được một phần quyền tự quản trong đời sống: quản lý nhà bếp, y tế và có một ít thời gian được ra khỏi phòng giam tắm giặt, phơi nắng, thở hít khí trời.

Ba tháng sau, địch lật lọng và một chuỗi ngày đen tối, căng thẳng đã diễn ra. Trong một năm, mười lần tuyệt thực với tổng số 47 ngày phải nhịn đói; trong đó, lần đầu tiên kéo dài 14 ngày và lần thứ mười kéo đến 19 ngày. Đến lúc này, những người tù Trại 6B (từ Trại 1 chuyển xuống vào cuối năm 1971) mới đánh bại được ý đồ thâm độc của kẻ thù, giành được quyền tự quản trong trại giam. Trại 6B trở thành một lổm giải phóng ngay giữa ngục tù Côn Đảo - một thắng lợi chưa từng có đối với một trại tù gồm toàn những người công khai trực diện chống địch. Trại giam có tổ chức Đảng lãnh đạo, có Đoàn Thanh niên, có Mặt trận và Ban điều hành làm nhiệm vụ như cấp chính quyền. Kẻ địch muốn tiếp xúc phải thông qua Tổng đại diện trại.

Nhưng cái giá mà những người tù Trại 6B phải trả là vô cùng đắt. Những cái chết rất thương tâm của đồng đội diễn ra liên tục trước mắt; cái đói triền miên đã gia tăng cường độ hành hạ bởi vừa kết thúc cuộc tuyệt thực dài ngày; bệnh tật lan tràn đang đe dọa mạng sống trong từng phút, từng giây. Thần kinh của người tù trại 6B căng ra tựa như sợi dây đàn chực đứt.

Đấu tranh với địch để giành quyền sống và giải tỏa áp lực rất nặng nề về tư tưởng trong nội bộ là hai nội dung rất quan trọng và cấp bách mà Đảng bộ Lưu Chí Hiếu (được thành lập ngày 3-2-1972) phải có những biện pháp cụ thể trong kỳ đại hội kiểm điểm nhiệm kỳ 1 vào tháng 10/1972, ngay sau khi kết thúc cuộc đấu tranh tuyệt thực 19 ngày.

Một loạt biện pháp cụ thể về công tác tư tưởng nội bộ được Đảng ủy đề ra: phát triển học tập chính trị, văn hóa, đẩy mạnh sinh hoạt văn nghệ và làm báo.

Làm báo trong tù - một vấn đề rất mới mà trong trại chưa có người từng trải qua. Những điều kiện, phương tiện tối cần thiết để cho một tờ báo ra đời phải giải quyết thế nào? Nhưng chủ trương đã có - bước đầu thí điểm ở phạm vi từng phòng. Khắc phục mọi trở ngại để biến cái “*không*” thành “*có*” là *tùy vào sáng kiến, nỗ lực và sự nhạy bén của từng phòng.*

Với quyết tâm, tính sáng tạo và tinh thần vì đồng đội, đội ngũ những người tù chính trị câu lưu Trại 6B đã làm được điều mình mong muốn. Trong khí thế chung, hình như cái đói, bệnh tật và chết chóc không ngăn cản được những con người tạm gọi là “*manh*” ở các phòng giam và người bệnh ở bệnh xá cùng tham gia việc làm báo. Họ dốc hết khả năng và sức lực của mình chỉ mong được phục vụ tập thể trong bất cứ hoàn cảnh và lĩnh vực nào. Điều đó như một món nợ nghĩa tình với đồng đội mà từng người đang mang và mong có dịp được trả.

Trong triển khai, mỗi người một việc và chỉ biết làm tốt phần việc của mình, không tìm hiểu phần việc của người khác. Đó là một nguyên tắc sống trong tù. Không khí làm việc rất khẩn trương nhưng không chút ồn ào - nhìn bên ngoài chỉ là một sự “*bí mật*” cho đến ngày báo ra mắt.

Đề tài trong giai đoạn đầu thường mang tính chất và nội dung là loại hình sinh hoạt văn nghệ, được viết lên tất cả theo cảm xúc và cái nhìn của mỗi người, chỉ trừ những vấn đề cần giữ bí mật, với đủ thể loại: thơ, tùy bút, hồi ký, phiếm luận, chuyện vui cười... Những cây bút chủ lực thường tập trung vào những đề tài gợi ý nghiên cứu, học tập.

Người phụ trách, thường là một trong Ban lãnh đạo phòng, đảm trách khâu vận động, năn nỉ, không chỉ trong phòng mình mà còn xé rào sang phòng khác tìm người quen để đặt bài, rồi kiêm luôn nhiệm vụ tuyển chọn, biên tập. Một vài anh em trẻ có nét chữ đẹp hoặc “*coi bộ được*” làm nhiệm vụ *ấn loát - đúng nghĩa là khắc và rập từng con chữ.*

Các phòng cùng làm báo. Phương tiện tối cần thiết là giấy, bút, mực màu. Hoàn cảnh tù đầy cấm cố, một hoặc hai tháng, mỗi người mới có được một trang giấy để viết thư thăm gia đình, mỗi phòng hơn 90 người chỉ được mua 2 viết bic. Để có được số lượng giấy, viết cần cho việc làm báo là điều không chút dễ dàng. Tuy nhiên, qua con đường “*y tế*” và tranh thủ số trật tự tốt, các phòng đều có đủ giấy. Mực viết và màu vẽ, chúng tôi phải tự chế tạo ra mực bút bi theo công thức trong tù và sử dụng những gì có màu sắc, cả việc pha trộn màu học được từ ngoài đời từ thuốc nhuộm đen, gly-cérine, bleu méthylène, thuốc đỏ, bột nghệ và các lớp màu bọc viên thuốc uống. Nhưng tất cả những thứ này chỉ dành cho việc thực hiện bản chính. Còn bản thảo, không ai quy định, nhưng tất cả chỉ sử dụng bút chì và những tờ giấy kích cỡ khác nhau được tách ra từ những bao thuốc lá, giấy xi măng gói bưu kiện, mảnh thùng các-tông... mà phải tách trong nước cho đến khi không thể tách được nữa mới thôi.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Bước đầu chỉ như thế, vậy mà không đến một tháng, những số báo đầu tiên của một số phòng đã ra mắt. Không phải chỉ là những trang viết như kiểu báo tường mà là được cắt xén, đóng tập hẳn hoi theo kích cỡ 13 x 19 cm với độ dày từ 30 đến 50 trang. Tờ “Sinh hoạt” số ra ngày 20-11-1972 hiện lưu giữ tại Nhà trưng bày di tích lịch sử Côn Đảo là một trong những tập báo đầu tiên ấy.

Một vài phòng ra được báo đã kích thích phong trào thi đua trong toàn trại. Những tờ báo Sinh hoạt, Văn nghệ, Rèn luyện, Đoàn kết, Quyết tâm, Tiến lên, Niềm tin ra đời và lần lượt được chuyển đến phục vụ từng phòng trong thời gian quy định vì mỗi số báo chỉ có một tập mà thôi. Hàng tháng, mỗi tờ lại có thêm số mới.

Hiệp định Paris được ký kết ngày 27-1-1973 như tiếp thêm sinh khí và sức mạnh cho những người tù. Đảng ủy Lưu Chí Hiếu chủ trương thực hiện một tờ báo chung của toàn trại lấy tên Xây dựng và có hẳn một Ban biên tập chuyên trách. Khả năng của toàn trại được huy động. Từ trí nhớ, cảm xúc của từng người trước từng vấn đề, từng sự kiện được ghi lại. Một số anh em còn dấu những tập sách, quyển tự điển tách rời từng tờ, dán bồi bên trong các thùng các-tông đựng quần áo, đến lúc này mới bóc ra để chọn lọc những thông tin thích hợp đóng góp cho tờ báo.

Chỉ một tháng sau, tờ Xây dựng của Trại ra mắt và cứ mỗi tháng một kỳ. Những tháng có ngày lễ, báo ra cùng lúc hai số: số thường kỳ và số đặc biệt. Nội dung, hình thức thể hiện và độ dày của báo Xây dựng tất nhiên có khác hơn báo phòng. Đến số thứ tư, báo dày 110 trang. Để đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của tuổi trẻ, trang Sinh hoạt trẻ được tách ra thành tờ Vươn lên do Đoàn Thanh niên Nguyễn Văn Trỗi phụ trách.

Tình hình thời sự thu được qua radio (từ đầu năm 1973) được lãnh đạo Trại đưa vào các bài viết mang tính định hướng tư tưởng và xây dựng thái độ ứng phó với các tình huống có thể xảy ra trong tình hình mới.

Cả báo trại lẫn báo phòng, mỗi số chỉ có một tập và tâm lý chung, phòng nào cũng mong được đọc trước. Thế là phải đưa ra Ban điều hành trại giải quyết. Các phòng được luân phiên nhau đọc trước và mỗi phòng chỉ được giữ báo trong ba ngày. Đến số báo Xây dựng thứ 5, báo trại mới có được 2 tập. Mười phòng giam hàng ngày đều có báo “mới” để đọc.

Cách thức đọc báo trong tù cũng có khác. Hoàn cảnh lao lý bị khủng bố triền miên buộc người tù luôn cảnh giác cao độ. Giờ đọc báo thường diễn ra vào buổi chiều, sau khi địch đóng cửa tất cả các phòng giam. Phải bố trí người canh gác cả phía trước lẫn phía sau để theo dõi và phát hiện ngay những động thái bất thường của trật tự. Người đọc chỉ đọc vừa đủ lớn cho tất cả mọi người trong phòng đang ngồi hoặc nằm chung quanh lắng nghe. Khi trời tối không thể đọc được nữa, từng nhóm lại quây quần bên nhau thảo luận, đánh giá, phê phán từng bài viết để sau đó phản hồi về Ban biên tập của trại hoặc phòng. Đúng ra, đọc báo trong tù mang tính chất một buổi học tập

chính trị hoàn toàn nghiêm túc. Đôi lúc vẫn có những ý kiến phê phán cực đoan nhưng tất cả đều với tinh thần xây dựng và đều được tập thể ghi nhận.

Báo phòng, báo trại thì đưa ra mắt, trong khi lực lượng tù nhân liên tục bị phân tán. Từ đầu tháng 5-1973 đến giữa tháng 7-1973, số anh em bị dịch di chuyển đi nơi khác gần 400 người, nhưng cũng không làm giảm đi tiến độ làm báo. Đến cuối năm 1973, thực hiện mưu đồ phá hoại Hiệp định Paris và đối phó với phong trào đấu tranh đôn dập của tù nhân, dịch tiến hành lập hàng rào ngăn cách không cho các phòng liên hệ với nhau và sau đó đóng cửa cấm cố toàn trại giam. Việc làm báo viết không còn điều kiện tiếp tục được nữa.

Hôm nay, hơn ba mươi năm sau nhớ lại, là người trong cuộc, chúng tôi vẫn không nén được cảm xúc bất ngờ đến ngỡ ngàng về kết quả mà những người tù Trại 6B đã làm được, mà một số còn được lưu giữ. Đã có 10 tờ báo với khoảng hơn 50 tập được ra mắt trong chỉ một năm, bởi mấy trăm người tù đang kiệt sức, đói lã, bệnh tật vì hậu quả của những trận khủng bố đàn áp và chế độ ngục tù dã man ! Một bài toán nhân đơn giản cũng đủ thấy một khối lượng khổng lồ về nhu cầu giấy, bút mực và công sức mà những người tù phải bỏ ra cho công việc làm báo. Tuy nhiên, đây chỉ mới là phần nổi, là kết quả có thể nhìn thấy được. Ẩn chứa đằng sau thành quả ấy là cả một kho tàng sự kiện đến mức không ngờ.

Một lõm giải phóng giữa ngục tù, trong lòng dịch như những người tù Trại 6B lúc ấy xác nhận, mang ý nghĩa của một chiến trường ác liệt. Dịch có thể càn quét, khủng bố bất ngờ. Làm báo lại cũng chỉ là một mặt của những sinh hoạt tinh thần hàng ngày, như sinh hoạt thời sự, học tập chính trị, văn hóa, sinh hoạt văn nghệ, câu lạc bộ... trong lúc đấu tranh chống dịch đòi quyền sống, đòi thi hành Hiệp định Paris là yêu cầu trên hết.

Trong bối cảnh đó, việc làm báo được tiến hành với tinh thần cảnh giác cao độ, quyết không để dịch bắt gặp dù một mảnh bản thảo. Chuẩn bị xong trang nào phải cất dấu ngay trang ấy. Một ngày còng lưng bên chiếc thùng các-tông trong ánh sáng mờ mờ ở góc phòng giam mới được một trang viết, vậy mà phải thông suốt tư tưởng sẵn sàng tiêu hủy ngay khi dịch phát hiện, khám xét. Nghị quyết là như thế nhưng tình cảm ai mà chẳng tiếc công sức đã bỏ ra.

Và đâu chỉ có thế, lòng mong đợi ngày báo ra mắt của đồng đội cứ thu ngấn dần như thúc dục những người chuyên trách phải cố gắng vượt qua đói bệnh nhiều hơn nữa. Những tờ báo cứ lần lượt ra mắt đúng hẹn mặc cho những trận khủng bố khốc liệt đêm 19-12-1972 rồi từ ngày 2-5 đến 4-5-1973 làm cho 4 người chết và hơn 300 người bị thương tật, hoặc những ngày dài không ngừng đấu tranh hô la, thông báo, phát thanh...

Sau khi luân chuyển một vòng khắp 10 phòng giam trong trại với thời gian quy định, báo được thu lại, bọc kỹ và đem chôn dấu cẩn thận ở những nơi ít ai ngờ tới:

dưới gốc cây, bên trong giếng nước, dưới móng nền trại giam..._ để khi cần có thể lấy lên tham khảo...

Có thể nói báo chí ở ngục tù Côn Đảo đã ra đời hòa trong khói cay của lựu đạn, phi tiễn, của máu và tinh lực, là kết quả nỗ lực và sáng tạo tập thể của những người tù Trại 6B.

Bên cạnh việc làm báo viết, ở Trại 6B báo nói ban đầu được hình thành từ nhu cầu trao đổi thông tin giữa những người tù hoặc để biểu hiện thái độ phản kháng của tập thể trong những đợt đấu tranh với địch bằng hình thức thông báo công khai. Qua thời gian nhất là từ khi trại giam có được radio, việc làm báo nói được triển khai có bài bản quy củ hẳn hoi. Nội dung báo nói được chuẩn bị kỹ lưỡng và phục vụ cho hai yêu cầu khác nhau.

Trong đấu tranh chống địch nhất là từ khi có Hiệp định Paris, những bài Thông báo, Phát thanh đều được soạn thảo và thông qua tập thể lãnh đạo. Cả một thời gian dài, Trại 6B biến thành một Đài phát thanh, “phát sóng” vào những giờ giấc nhất định: giữa trưa, buổi tối và lúc gần sáng. Các bài phát thanh đều tập trung lên án tội ác của kẻ thù, buộc chúng phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Paris, trao trả nhân viên dân sự. Riêng các bản Thông báo chỉ phát ra trong các cuộc hoặc các đợt đấu tranh kèm theo các hình thức khác như hô la, làm reo phản ứng... không theo giờ giấc quy định nào cả.

Đối với nội bộ, nguồn tin tức thu được qua radio_ mang tính chất quyết định việc làm báo nói trong tù. Nhưng có điều vô cùng đặc biệt là những người trực tiếp ở công đoạn đầu tiên lại không bao giờ được nói. Kèm theo đó là biện pháp bảo vệ và theo dõi khá gắt gao để kịp thời nhắc nhở những “vi phạm” dù nhỏ nhất. Trong tù làm báo nói mà không được nói như vậy đó! Đúng hơn là không được nói những điều mình đã nghe ngoài trừ duy nhất ba người là Bí thư Đảng ủy, Tổng đại diện trại và người tổ chức mang radio ra đảo được bố trí nằm kế bên tôi.

Chiếc radio không chỉ phải được bí mật cất giấu ở những nơi khó ai phát hiện được, cả đối với nội bộ cũng như đối với đám trật tự khi chúng xét phòng mà còn phải thuận tiện cho việc lấy ra sử dụng cũng như cất giữ khi nghe xong hàng đêm. Chúng tôi phải thay đổi chỗ cất giấu, từ trong tường ngay đầu nằm đến bên trong nhà vệ sinh và đôi lúc tình hình căng thẳng quá phải mang ra chôn tạm dưới vườn rau một thời gian ngắn.

Hai năm ròng tôi phải đóng kịch ngủ mùng kín mít chịu cảnh nóng bức để theo dõi radio hàng đêm. Chung quanh tôi là một toán thanh niên làm nhiệm vụ bảo vệ. Nhiều người trong số họ chỉ biết làm nhiệm vụ mà không biết là đang bảo vệ radio. Còn chung trong một phòng giam rất ít người được biết và dù có biết cũng không được phép hỏi. Nguyên tắc bí mật trong tù được tôn trọng đến tuyệt đối.

Radio sử dụng một thời gian thì hết pin. Lại con đường “tranh thủ” một “bác sĩ tù” ở Ty Y tế. Chúng tôi có được nguyên một lọ 12 viên pin đại. Hai chiếc radio nhỏ không có nguồn năng lượng đành phải ngưng hoạt động, chỉ còn một chiếc được duy trì đến đầu năm 1975.

Tin tức nghe được trong đêm được ghi lại bằng ký hiệu. Ban ngày cố nhớ để ghi lại ra giấy và chuyển đến cho Bí thư Đảng ủy. Từ đây, các thông tin được chọn lọc và chép riêng thành hai phần. Một dành phổ biến trong lãnh đạo các phòng và một phổ biến rộng rãi toàn trại. Thêm một công đoạn nữa là mỗi thứ phải được nhanh chóng chép ra 10 bản để gửi cho 10 phòng. Thông thường, cứ hai ngày các phòng tổ chức sinh hoạt thời sự. Sau khi đọc xong, tất cả giấy tờ đều được tiêu hủy, không để lại dấu vết.

Báo nói trong tù thực sự là một nguồn thông tin thời sự quý giá giúp cho người tù theo kịp diễn biến tình hình để có những chủ trương, đối sách phù hợp trong cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết cách mạng cũng như góp phần tích cực vào công cuộc kháng chiến cứu nước của toàn dân tộc cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

*

* *

Chúng tôi làm báo trong tù không chỉ là một sinh hoạt tinh thần cùng với các loại hình sinh hoạt khác để làm vơi đi những căng thẳng thần kinh trước cảnh sống khắc nghiệt nơi chốn địa ngục trần gian. Chúng tôi làm báo là để cùng nhau học tập, để đấu tranh với chính bản thân mình, với tập thể, tự nâng cao nhận thức cho mình để đương đầu với cuộc chiến đấu ngàn lần không cân sức giữa chốn ngục tù.

Giờ đây, hơn 30 năm sau, những tập báo tù, những bài thông báo, phát thanh và những vết tích về sự hiện diện của những chiếc radio ở trại 6B hiện còn lưu giữ ở Côn Đảo chính thức được góp mặt và làm phong phú thêm cho lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam. Đây là niềm vinh dự, tự hào lớn lao của những người tù chính trị Côn Đảo nói chung, anh em tù Trại 6B nói riêng, trong vòng kim kẹp gắt gao và bạo lực dã man của quân thù, trong những điều kiện khó khăn thiếu thốn tất cả mọi thứ đến chính mạng sống của mình còn khó bề giữ nổi, đã có những việc làm có ý nghĩa được lưu giữ đến hôm nay và cho mai sau.

BÙI VĂN TOẢN

CÔN ĐẢO GIẢI PHÓNG



*Những tù nhân nam trong đoàn quân chiến thắng từ Côn Đảo
trở về trong niềm hân hoan đón chào của nhân dân Vũng Tàu 5-1975*

Ngày 30-4-1975, Sài Gòn giải phóng và sau đó toàn miền Nam hoàn toàn giải phóng. Ở Côn Đảo những ngày này, trong niềm vui hạnh phúc đến trào nước mắt, những chiến sĩ trong lao tù đã đứng lên tự giải phóng mình và giải phóng đảo, góp phần làm nên huyền thoại trong sự nghiệp đấu tranh dài lâu của dân tộc vì độc lập, tự do của đất nước. Niềm hạnh phúc và tự hào ấy thật lớn lao.

NGÀY GIẢI PHÓNG CÔN ĐẢO 30-4-1975 NHỮNG SỰ THẬT ĐƯỢC XÁC MINH SAU 28 NĂM

Ngay những giờ phút cuối cùng của ngày lịch sử 30-4-1975, ngày giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, Côn Đảo giữa đại dương bao la cũng được giải phóng, kết thúc 113 năm tồn tại của nhà lao nổi tiếng là địa ngục trần gian.

Đã có nhiều sách, báo đề cập đến ngày lịch sử này. Nhiều sự kiện cứ trái ngược nhau mặc dù hầu hết các tác giả đều là “người trong cuộc”. Và nhiều câu hỏi đã được đặt ra đối với sự kiện lịch sử trọng đại này với hàm ý nghi ngờ. Đó cũng là điều dễ hiểu.

Bài viết này được thực hiện trên cơ sở đối chiếu những thông tin cung cấp bởi những người trong cuộc và những tư liệu lúc bấy giờ còn lưu lại, hy vọng sẽ góp phần làm sáng tỏ những phân vân, thắc mắc đó.

Những diễn biến trước giờ giải phóng:

Ngày 29-4-1975, “cuộc di tản” diễn ra khẩn cấp. Côn Đảo trở thành địa điểm trung chuyển trước khi số người di tản xuống Hạm đội 7 của Mỹ. Sân bay Cỏ Ống phải tiếp nhận đến 23 máy bay, có hai chiếc máy bay vận tải C.123. Có những chiếc trực thăng đáp ngay trên mé nước của bãi Đầm Trâu, 2 chiếc trực thăng đáp xuống đảo Hòn Tre lớn. Quần áo, giày dép, đồ dùng cá nhân vứt bỏ vương vãi khắp khu vực sân bay.

Chiều 29-4, tên Trung tá Lâm Hữu Phương, Đặc khu trưởng hợp viên chức trên tuyên bố tử thủ Côn Đảo. Ngay trong đêm, hấn đích thân lái xe chở gia đình trốn sang hướng Bến Đầm. Qua khỏi mũi Cá Mập (có lẽ do cơn mưa trước đó, đất bùn trên núi trôi xuống bịt kín đường nhựa) hấn bỏ xe lại rồi cùng gia đình xuống ca nô hướng ra biển.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Sáng ngày 30-4-1975, toàn bộ tù nhân bị đưa hết vào phòng giam. Số nấu bếp sau khi nấu cơm xong cũng đưa hết vào. Bữa cơm chiều được nấu và cung cấp ngay sau bữa ăn trưa. Bên ngoài chỉ còn trật tự trại, trật tự an ninh, tầm nã và một số ít tù nhân làm ở Văn phòng.

Đại úy Phạm Huỳnh Trung - Chỉ huy phó Đặc khu, Thiếu tá Trần Văn Túc - Trưởng ty Cảnh sát, Sĩ - Phụ tá hành chánh cùng với các trưởng ty, sở và sĩ quan tiếp tục họp bàn phương án triển khai kế hoạch tử thủ Côn Đảo, trong đó có quyết định hủy diệt toàn bộ tù chính trị ở Trại 7 (Phú Bình) vào phút cuối nếu không giữ được đảo. Cuộc họp đang diễn ra thì lực lượng tuần tra về báo tin thấy chiếc xe của Lâm Hữu Phương bỏ lại phía bên kia Mũi Cá Mập. Như vậy là Phương đã chính thức đào tẩu. Cả đảo hoang mang. Ai nấy đều lo thu xếp đồ đạc chuẩn bị di tản.

Thời điểm này tại đảo có 14 cơ sở cách mạng, nhưng hầu hết chỉ làm nhiệm vụ thông tin liên lạc tình hình giữa Côn đảo và đất liền khi có điều kiện mà không có vai trò cụ thể trong đấu tranh cũng như vận động lực lượng cho việc nổi dậy trong tình hình mới.

Hầu hết số sĩ quan, viên chức, binh lính và gia đình họ không muốn di tản đã tập trung về nhà thờ do linh mục cha xứ Phạm Gia Thụy quản lý vì hy vọng nơi đây có thể bảo đảm an toàn được cho họ. Trong số những người thường lui tới nơi này có Kiều Văn Đậu - Đại úy Trưởng ban 3 Đặc khu, Nguyễn Văn Đồng - Hiệu trưởng trường Tiểu học (có ý kiến cho là Trưởng Ty Thanh niên), Phát - Hiệu trưởng trường Trung học, Hiến - Trưởng ty Nông nghiệp, Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Hợp tác xã... Nguyễn Văn Sơn (tức Đỗ Văn Kha), một cán bộ hoạt động tình báo được cài vào hàng ngũ địch, từng giữ chức Chánh Văn phòng Trung ương Đảng Đại Việt, hai lần được phái vào Nam, bị chính quyền Ngô Đình Diệm nghi vấn bắt giam năm 1958 và đày ra Côn Đảo tháng 3-1960, theo thư gửi của trùm mật vụ Trần Kim Tuyến với “danh nghĩa là người em ở Sài Gòn quây phá chịu không nổi nên gửi ra đảo nhờ Bạch Văn Bốn kiếm cho việc làm và dứt khoát không cho về đất liền”. Đây là người tù không số và không ai biết anh là người tù, kể cả trong hàng ngũ địch cứ nghi anh là người Sài Gòn cử ra để giám sát tình hình của đảo.

Buổi trưa, khi nghe tin Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, Sài Gòn được giải phóng, đám viên chức, sĩ quan trên đảo càng hoang mang hơn. Đám trật tự còn ở bên ngoài (là quân phạm và thường phạm) đã tiến hành cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ. Tình hình không còn kiểm soát được. Số người tập trung về nhà thờ ngày càng nhiều. Hiệu lực của bộ máy chính quyền ngụy trên đảo chỉ còn trên hình thức.

Tại nhà thờ, ai cũng hình dung sẽ có nhiều bất ổn nhưng không biết phải giải quyết bằng cách nào để đối phó với số quân phạm và thường phạm, nhất là khi số còn ở trong Trại 2, 3 thoát được ra ngoài. Tuy linh mục Phạm Gia Thụy lúc này được nhiều người tin tưởng có thể giúp ổn định tình hình nhưng cũng không thể trực tiếp đứng ra vì không đủ lực lượng và còn phải tập trung chăm sóc về mặt tinh thần đối với giáo dân. Nguyễn Văn

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO



Các chiến sĩ chiến thắng (từ chính trị Côn Đảo) vui mừng chào đón bộ đội giải phóng ra Côn Đảo vào ngày 4-5-1975



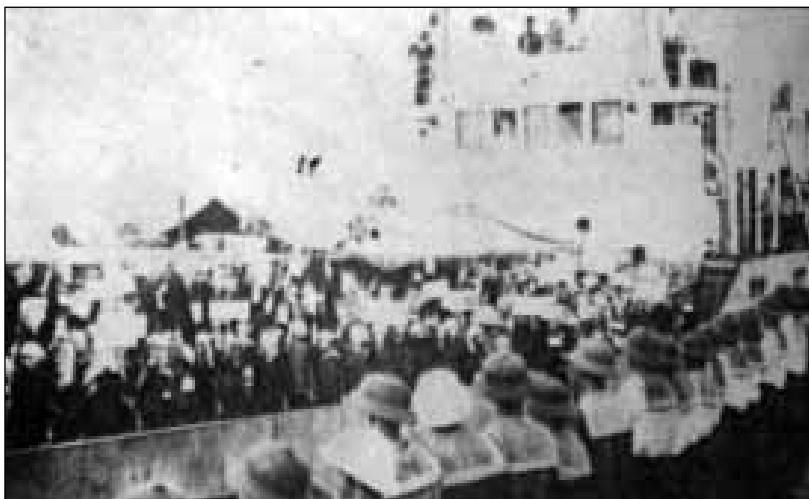
Ngày buổi chiều 4-5-1975, một cuộc mítinh trọng thể mừng Côn Đảo giải phóng và đưa tiễn số tù tù và bệnh nặng về đất liền đã được tổ chức



Bộ đội vỗ tay chào đón đoàn nữ chiến thắng Côn Đảo - Các chị cười rất tươi



Ngôi sao chiến thắng trên bia mộ tù Côn Đảo



Bộ đội dàn hàng chào đoàn chiến sĩ Côn Đảo chiến thắng trở về

Sơn đã đề xuất ý kiến đề nghị Linh mục Phạm Gia Thụy đứng ra hiệu triệu lực lượng còn lại để thống nhất mọi số “chính trị phạm” ra quản lý mới có thể đối phó được với tình hình bất ổn hiện tại. Chính linh mục Phạm Gia Thụy cũng thấy đó là cách duy nhất phải làm trong tình hình này nhưng ông không thể rời khỏi nhà thờ khi số đông con chiên đang tập trung để nhờ “chở che”. Nguyễn Văn Sơn được cử đi tiếp xúc và bàn kế hoạch với Chỉ huy phó Đặc khu - Đại úy Phạm Huỳnh Trung. Cuộc tiếp xúc giữa Nguyễn Văn Sơn với Phạm Huỳnh Trung và Trung úy Tâm lý chiến Nguyễn Thanh Bình không thu được kết quả vì Trung tuy thấy được tình thế khẩn cấp nhưng không dám quyết định mà đề nghị để trao đổi thêm với bên Cảnh sát, An ninh và các ngành liên quan.

Chiều 30-4-1975, một máy bay trực thăng đã thả xuống sân vận động một bảng thông báo cỡ lớn: “Tất cả bằng mọi phương tiện phải nhanh chóng rời đảo, tập trung về hướng Bãi Canh, sẽ có tàu đón ra Hạm đội trước khi phi pháo hủy diệt Côn Sơn”.

Tình hình nhốn nháo hẳn lên. Ai nấy tranh nhau xuống các tàu thuyền, không chỉ là bọn ác ôn mà cả gia đình vợ con viên chức, binh lính trên đảo. Một số quyết định không “di tản” đã đứng ra vận động ngăn chặn nhưng không sao cản được nên cuối cùng tập trung về nhà thờ vì nơi đây có hầm có thể tránh phi pháo, khi cần thiết có thể nhanh chóng rút lên núi ẩn mình; đồng thời trước mắt có thể tránh được tình trạng cướp bóc, hãm hiếp của đám trật tự.

Lực lượng binh sĩ nguy trên đảo tán loạn. Hầu hết số sĩ quan đã bỏ chạy. Kế hoạch hủy diệt Trại 7 không thể thực hiện được. Các đồn bót, đài ra đa đều bỏ trống, có nơi chỉ còn một hai người ở lại. Đài Loran bên Cỏ Ống của Mỹ không còn một bóng người trong khi hệ thống liên lạc vẫn còn hoạt động.

Đến lúc này Đại úy Kiều Văn Dậu, trưởng Ban III Đặc khu là người có cấp bậc cao nhất còn ở lại đảo và đang túc trực tại nhà thờ. Số hạ sĩ quan, binh lính địa phương quân còn hơn 40 người, án binh bất động ở đồn “Bảo an”.

Tất cả những người có vai trò nhất định trên đảo trước đây đều tập trung tại nhà thờ. Trong lúc đó, bộ máy chính quyền nguy trên đảo coi như không còn tồn tại. Ai cũng nghĩ rằng chỉ có những người tù chính trị mới có khả năng đứng ra ổn định được tình hình mà thôi.

Tại nhà thờ, một cuộc trao đổi giữa Linh mục Phạm Gia Thụy, Đại úy Kiều Văn Dậu, Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Hợp tác xã, Nguyễn Văn Đồng... đã đi đến thống nhất phải dựa vào tù chính trị vì chỉ có tù chính trị mới có đủ khả năng vận hồi tình hình lúc này mà thôi. Nhưng tất cả không biết ai là những người giữ trách nhiệm lãnh đạo ở các trại tù. Cả Phạm Gia Thụy, Nguyễn Văn Sơn chỉ biết có đồng chí Lê Câu, sĩ quan cấp tá (trước đây có lúc địch gán cho chức đại tá và Nguyễn Văn Sơn đã giới thiệu cho linh mục Phạm Gia Thụy biết trong những lần trao đổi trước đó) hiện bị giam ở Trại 7, hy vọng đồng chí Lê Câu sẽ có vai trò quan trọng trong bộ máy tổ chức lãnh đạo trong tù.

Chờ cho số di tản ra khỏi đảo chính, đến khoảng hơn 11 giờ đêm, bên ngoài vắng lặng, Kiều Văn Dậu, theo phân công của linh mục Phạm Gia Thụy đã điều động một trung đội bảo an xuống bao vây và bảo vệ trại 7 để đối phó với số quân phạm, thường phạm. Binh nhất Nguyễn Văn Hương lái xe đưa Nguyễn Văn Sơn (thư ký hợp tác xã), Nguyễn Văn Đồng (Hiệu trưởng trường tiểu học), Thượng sĩ Đỗ Văn Nông (Thượng sĩ bảo an) xuống tiếp xúc với trưởng trại 7 là Nguyễn Văn Rồng (Hai Rồng) yêu cầu đưa vào gặp đồng chí Lê Câu.

Tình hình vô cùng căng thẳng trước thái độ của số quân phạm, thường phạm tại chỗ được trang bị vũ khí do chúng thu được của số di tản, Nguyễn Văn Hương phải lái xe về nhà thờ báo cáo linh mục Phạm Gia Thụy trực tiếp xuống dàn xếp. Linh mục Phạm Gia Thụy xuống tận nơi, tập trung toàn bộ số quân phạm, thường phạm tại sân trại 7, giải thích tình hình và kêu gọi giao nộp vũ khí. Sau đó tổ chức đưa họ về ở trại Phú Sơn.

Linh mục Phạm Gia Thụy, Nguyễn Văn Sơn, Kiều Văn Dậu, Nguyễn Văn Rồng vào khu H trại 7.

Tại xà lim số 24 giam đồng chí Lê Câu ở khu H, họ cho biết tình hình Sài Gòn đã được giải phóng, quan chức trên đảo đã di tản và mời đồng chí Lê Câu ra bên ngoài bàn bạc kế hoạch cùng với Linh mục Phạm Gia Thụy và số người còn lại để tổ chức quản lý đảo.

Nghi ngờ địch có thể có ý đồ đen tối, bắt người đi thủ tiêu, anh em ở các xà lim kể bên lên tiếng cương quyết không cho đồng chí Lê Câu ra khỏi phòng giam. Nhiều ý kiến đưa ra yêu cầu phải có chứng cứ để xác minh việc giải phóng Sài Gòn là sự thật. Trước tình hình này, không ai có thể giải quyết được. Một ý kiến ở phòng kế bên yêu cầu có radio để kiểm chứng tin tức.

Từ yêu cầu đó, Linh mục Phạm Gia Thụy, cùng Nguyễn Văn Đồng được Nguyễn Văn Hương đưa về nhà thờ. Linh mục đã mang chiếc radio của mình vào khu H trao cho đồng chí Lê Câu và mở to cho tất cả cùng nghe tin giải phóng Sài Gòn (chiếc radio này đang lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam - Hà Nội).

Tin tức giải phóng Sài Gòn đã rõ. Anh em đồng ý để đồng chí Lê Câu cùng một vài anh em khác đi lên gặp Linh mục Phạm Gia Thụy đồng thời đặt điều kiện buộc Trưởng Trại 7 phải cho mở cửa tất cả các phòng giam để anh em tù chính trị ra bên ngoài. Nguyễn Văn Rồng thực hiện ngay điều đó bằng cách gọi tất cả trưởng trật tự ở các Khu trực tiếp mở cửa. Trong lúc đó, anh em ở Khu H thông báo lớn cho các Khu kế cận biết tin giải phóng và yêu cầu thông báo cho tất cả anh em Trại 7 hay. Tuy nhiên có khu, anh em phải gọi trật tự hồi lâu chúng mới có mặt. Vì sợ anh em trả thù cho nên trật tự mở khóa tất cả các xà lim nhưng không rút chốt bên ngoài. Khi mở xong, chúng quay lại rút chốt cửa đầu tiên rồi chuồn mất. Anh em phải lần lượt rút chốt cửa cho nhau.

Tin mở cửa Trại 7 nhanh chóng chuyển đi các nơi. Tất cả các trại giam tù chính trị,

trưởng trại đều vào mở hết cửa, thông báo tin giải phóng Sài Gòn và mời anh chị em ra ngoài. Tuy nhiên, trong đêm tối, anh chị em đều e ngại địch có ý đồ đen tối ám hại cho nên có trại, anh chị em chỉ ra khỏi phòng (vẫn ở trong phạm vi trại giam), có phòng anh em đòi phải có mặt đại diện của anh em Trại 6B cũ thông báo mới tin (Trại 1, Trại 5, Trại Chuồng Bò).

Sáng ngày 1-5-1975, tất cả các phòng giam tù chính trị anh em đều ra bên ngoài, chỉ riêng ở Chuồng Bò, có một xà lim 3 người, khóa đã mở nhưng anh em ngại địch thủ tiêu nên chần chừ không ra. Lát sau, cả khu trại giam vắng lặng làm tăng thêm nghi ngờ hơn. Mãi đến trưa, khi anh em đi kiểm tra lại lần cuối mới phát hiện ra. Đó là ba anh Vũ Ngọc Đỉnh (Th.p. Hồ Chí Minh), Cao Văn Du (Bạc Liêu) và Phạm Văn Bi (Tiền Giang) trong số hơn 20 người ở Trại 6B đưa sang Trại 7 và lên Chuồng Bò sau một đợt xét phòng,

Tóm lại, việc toàn bộ anh chị em tù chính trị Côn Đảo ra khỏi phòng giam, trại giam vào đêm 30-4-1975 và rạng sáng ngày 1-5-1975 là được các Trưởng trại cho trật tự đi mở khóa cửa. Anh em ra đầu tiên ở từng nơi chỉ còn việc lần lượt rút chốt cửa cho đồng đội ra ngoài. Không hề có một cá nhân, một xà lim hay một phòng giam nào tự phá bung mà thoát ra ngoài cả.

Hình thành tổ chức lãnh đạo và quản lý Côn Đảo những ngày đầu giải phóng.

Tất cả anh em ở Trại 7 được ra ngoài khoảng 2,3 giờ khuya. Trong bóng đêm, anh em chạy hết nơi này đến nơi khác để cố tìm lại nhau. Một sự thật hiển nhiên lúc bấy giờ tuy là tù chính trị nhưng hầu hết đều không biết nhau, ngoại trừ những anh em từng ở chung trong một thời gian dài cùng một trại giam và uy tín của anh em Trại 6B rất lớn đối với tất cả anh chị em trên đảo. Chính vì lý do đó mà anh em trong Đảng ủy Lưu Chí Hiếu cũ đã nhanh chóng được tập hợp để hình thành một bộ phận lãnh đạo tức Đảo ủy lâm thời lo những công việc cần kíp lúc bấy giờ gồm: Trịnh Văn Tư (Tư Cẩn): Bí thư; Mai Xuân Cống: Ủy viên Thường vụ; Đào Văn Trân: Ủy viên; Hoàng Phùng: Ủy viên; Huỳnh Bá: Ủy viên.

Có 4 người được bổ sung thêm gồm 1 người của Trại 7, 3 người của Trại 1 - Trại 6B - là: Phan Huy Vân (Hai Tân): Phó Bí thư, (khi còn ở ngoài đời có quen biết với đồng chí Tư Cẩn và do đồng chí Tư Cẩn giới thiệu, anh em nhất trí) - Trại 7; Lê Văn Triết - Trại 6B: Ủy viên; Lê Quang Ngọc (Phó Tổng đại diện Trại 6B): Ủy viên.

Nguyễn Văn Nam (tức Trần Minh Hà, nguyên là đại diện của phòng 3 Trại 1 bị địch tách bắt khi chuyển xuống Trại 6B): Ủy viên.

Những công việc cần kíp trước mắt mà Đảo ủy tập trung chỉ đạo là:

- Cử người đi mở cửa các trại giam, đưa tất cả tù chính trị ra bên ngoài.
- Tổ chức ngay lực lượng võ trang để kiểm soát và ổn định tình hình an ninh trên đảo.
- Thành lập chính quyền cách mạng để điều hành mọi sinh hoạt trên đảo.

Sáng ngày 1-5-1975, sau khi tất cả các trại giam đã được mở cửa, Đảo ủy lâm thời

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

được bổ sung thêm một số đại diện của các Trại gồm: Lê Tam - Trại 1 (trong số anh em ở Trại 6B chuyển xuống Trại 7; sau đó dịch chuyển đến Trại 1); Nguyễn Văn Trấn - Trại 5; Trần Thị Cúc và đồng chí Hai Nhân - Trại 6B nữ.

Lúc này Đảng ủy lâm thời bổ sung thêm một nhiệm vụ cần tập trung nữa là phân công người tiếp quản kho lương thực, thực phẩm và các kho tàng trên đảo như ngân khố, Hợp tác xã, các sở.

Ngày thời điểm này, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy lâm thời, thông báo số 1 về việc thành lập ủy ban Hòa giải Hòa hợp Dân tộc tỉnh Côn Sơn được công bố gồm: Chủ tịch: Linh mục Phạm Gia Thụy; Đệ nhất Phó Chủ tịch: Lê Câu; Đệ nhị Phó Chủ tịch; Đại úy Kiều Văn Dậu.

Thư ký và các ủy viên trực thuộc ủy ban gồm anh chị em tù nhân và một số người trong hàng ngũ của địch có đóng góp vào việc giải phóng tù nhân.

Đến chiều ngày 1-5-1975, toàn bộ các cơ sở quân sự, hành chính trên đảo đã được anh em tiếp quản.

Riêng số thường phạm, quân phạm thường án vẫn bị nhốt trong các phòng giam ở Trại 2, 3 (Phú Hải và Phú Sơn). Đến lúc này ta mới bắt đầu phát loa gom số trật tự bên ngoài để đưa vào trại giam cũng như kêu gọi số viên chức ra trình diện. Hầu hết đều nghiêm chỉnh chấp hành. Một số tên ngoan cố phản ứng khá quyết liệt đòi được ở tự do bên ngoài. Có tên còn dấu cả súng chúng thu được sau khi đám lính bỏ trốn lên núi. Anh em phải tách giam riêng số đầu sỏ làm cho số còn lại không dám phản ứng nữa. Số bỏ trốn trên núi, hôm sau đói quá phải mò ra trình diện.

Bộ phận truyền tin không liên hệ được đất liền. Đảo ủy chủ trương phát tin giải phóng Côn Đảo trên tần số quy ước. Đồng thời chỉ đạo tiến hành sửa chữa gấp 2 canô bị hư, địch bỏ lại để số anh em từng tham gia vận chuyển ở “đường Hồ Chí Minh trên biển” sử dụng về đất liền, hướng về Cà mau. (Nhưng việc sửa chữa còn đang tiến hành thì tàu hải quân đã ra đảo).

Sáng ngày 2-5-1975, xảy ra trường hợp thiêu hủy hồ sơ lưu trữ tại sân vận động.

Tình hình Côn Đảo rất căng thẳng. Tàu chiến địch vẫn lảng vảng ngoài khơi. Đảo ủy quyết định triển khai phương án chuẩn bị chiến đấu lâu dài. Hào giao thông được đào từ giữa Trại 6B (nơi đóng trụ sở của Đảo ủy) ra đường nhựa để lên núi vừa để tránh phi pháo vừa có thể rút lui khi địch tấn công mạnh, ta không thể giữ được tuyến phòng thủ ở bờ biển. Toàn bộ máy may trên đảo được trưng dụng và tập trung về Trại 6A (đã chuyển số chị em từ Trại 6B sang 6A vào chiều ngày 1-5-1975) cho chị em may “ruột tượng” đôn sẵn gạo để sẵn sàng phân phát cho anh chị em.

Cũng ngày 2-5-1975, ủy ban Hòa giải Hòa hợp Dân tộc tỉnh Côn Sơn được quyết định đổi tên thành ủy ban Hòa hợp Dân tộc tỉnh Côn Sơn.

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

Tình hình an ninh lúc này đã ổn định. 47 hạ sĩ quan, binh sĩ địa phương quân của ngụy đã được lệnh cấm trại trong doanh trại Tỉnh đoàn Bảo an cũ (không còn vũ khí). Anh em đã tổ chức đi phát loa kêu gọi số người vì lo sợ nên bỏ trốn trong núi ra trình diện cũng như thông báo chính sách 12 điểm của Chính phủ và Mặt trận đối với vùng mới giải phóng. Một số công chức, giám thị, trật tự (thường phạm) ra trình diện. Những tên ác ôn được truy bắt. Trong đó có tên Đỗ Văn Phục (Tư Phục) - Trưởng ban An ninh bị bắt lại và giam tại phòng 10 Trại 1 (Phú Thọ). Những trại giam thường phạm ở Trại 2,3,4 đã ổn định tình hình.

Chiều ngày 2-5-1975, đã bắt liên lạc được với tổng đài Sài Gòn, đồng chí Hai Tân đã báo cáo tình hình đã giải phóng Côn Đảo qua sóng vô tuyến. Sau đó một thời gian, hai máy bay F.5 đảo một vòng trên bầu trời Côn Đảo. (Đây là hai trong số những máy bay ta chiếm của địch, được cử đi xác minh tin tức giải phóng Côn Đảo).

Sáng ngày 3-5-1975, Trung đoàn 172 Hải quân do Trung tá Phạm Minh chỉ huy, đồng chí Tám Hà, Khu ủy viên Khu ủy Miền Đông, làm chính ủy, gồm 3 tàu chiến, chở thêm một Tiểu đoàn của Sư đoàn 3 (Quân khu 5) nhận nhiệm vụ xuất phát từ cảng Rạch Dừa - Vũng Tàu ra giải phóng Côn Đảo. Trên đường hành quân, đơn vị nhận được điện của Bộ tư lệnh rằng Côn Đảo đã giải phóng, đơn vị tiếp tục ra làm nhiệm vụ tiếp quản.

Tối ngày 3-5-1975, đơn vị đến vùng biển Côn Đảo.

Tin từ đài radar trên núi Thánh giá báo có tàu lạ đang tiến vào đảo (đài radar này còn nguyên vẹn và hoạt động tốt).

Lệnh báo động được truyền khắp lực lượng võ trang vừa được thành lập. Cả ba đại đội tiến hành đào công sự bố phòng mặt biển nhưng được lệnh nghiêm cấm không được nổ súng khi chưa có lệnh của chỉ huy. Tín hiệu liên lạc được phát liên tục nhưng không nhận được tính hiệu trả lời. Tình hình rất căng thẳng trong đêm.

Khuya 3 rạng 4-5-1975, toán trinh sát Hải quân dùng xuồng cao su tiến vào Cảng Cầu tàu. Lực lượng võ trang đã phát hiện. Khi toán thứ nhất gồm hai chiến sĩ trinh sát vừa vào bờ ở khu vực phía trên Cầu Tàu, hướng về phía nhà thờ, anh em đã bao vây bắt gọn và dẫn về trụ sở ủy Ban. Hai chiến sĩ đã đưa ra ảnh Bác Hồ, cờ nước để làm bằng chứng và cho biết tình hình tàu Hải quân nhận lệnh ra tiếp quản Côn Đảo. Tin tức về tàu hải quân cách mạng đã ra đến nơi nhanh chóng được phổ biến. Theo yêu cầu, hai chiến sĩ này trực tiếp ra Cầu Tàu phát tín hiệu liên lạc, báo cáo tình hình với chỉ huy trên tàu đang bỏ neo ngoài biển.

Sáng ngày 4-5-1975, tàu chiến cập cảng và bỏ neo trong vịnh. Bộ đội được lệnh lên bờ. Đảng ủy lâm thời trực tiếp báo cáo toàn bộ tình hình và cử người đi bàn giao cho bộ đội toàn bộ các cơ sở quân sự trên đảo. Cũng trong dịp này tàu Hải quân đã lai dắt vào bờ hai thuyền vượt biển của số người trên đảo di tản vào chiều 30-4-1975, trong đó có tên Lê Văn Khương (Chín Khương) - Phó Quản đốc, Trưởng ban Chuyên môn của nhà lao Côn Đảo. Chín Khương bị giam ngay vào xà lim Trại 7.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Theo ý kiến của đồng chí Tám Hà, Đoàn Chiến thắng với huy hiệu ngôi sao đỏ đã được thành lập. Thành phần Ban chỉ huy gồm: Trưởng ban: Mai Xuân Cống; Phó ban: Lê Quang Ngọc; Các ủy viên: Lê Viết Lành, Trần Ngọc Tự, Phạm Thị Đào có nhiệm vụ sắp xếp cho anh chị em lần lượt trở về đất liền.

Sau khi bàn giao xong, một cuộc meeting đón tiếp trọng thể được tổ chức ngay khu vực gần Cầu Tàu. Sau đó, 549 anh chị em (danh sách được lập là 503) thuộc diện đầu yếu và số án tử hình lên tàu về đất liền chuyến đầu tiên. Trong số này có anh Hồ Thanh, quê Phù Cát Bình Định, nguyên Trung úy bộ đội là một trong những chỉ huy của lực lượng võ trang ngay sau giải phóng Côn Đảo. Anh phát bệnh cổ trướng vào rạng sáng ngày 3-5-1975 tại phòng 10 Trại 6B (Phú An) và tắt thở, lúc tàu sắp cập Cảng Rạch Dừa - Vũng Tàu.

7 giờ sáng ngày 5-5-1975, lễ chào cờ cách mạng (cờ nước và cờ giải phóng) được tổ chức đồng loạt toàn đảo.

Ngày 6-5-1975, Đảng ủy Mặt trận Côn Đảo quyết định chính thức thành lập Đảng ủy Lâm thời trong Đoàn chiến sĩ chiến thắng gồm 11 người:

Bí thư: Trịnh Văn Tư (Tur Cẩn); Phó Bí thư: Phan Huy Vân (Hai Tân); Ủy viên thường vụ: Mai Xuân Cống; Các ủy viên: Đào Văn Trân; Hoàng Phùng, Huỳnh Bá, Lê Văn Triết, Nguyễn Văn Nam, Lê Quang Ngọc, Lê Tam, Nguyễn Văn Trấn

Đồng chí Phạm Văn Ba được Đảng ủy phân công nhiệm vụ Chánh văn phòng Đảng ủy lâm thời.

Ngày 7-5-1975, ủy Ban Hòa hợp Dân tộc tỉnh Côn Sơn kết thúc nhiệm vụ. ủy ban Quân quản tỉnh Côn Sơn được thành lập do đồng chí Tám Cường làm Chủ tịch ủy Ban.

Có hai ủy viên nguyên là tù nhân: Hoàng Phùng và Lê Văn Triết.

Văn phòng ủy ban do các tù nhân đảm trách gồm: Chánh Văn phòng: Nguyễn Văn Thành. Phó Văn phòng: Bùi Văn Toàn.

(Đến 17-5-1975, đồng chí Tám Cường về đất liền, bàn giao công việc lại cho đồng chí Tư Cẩn).

Chiều và tối 7-5-1975, lễ ra mắt ủy Ban Quân quản và đêm văn nghệ mừng giải phóng Côn Đảo được tổ chức ngay tại dinh Chúa đảo cũ.

Lần lượt 3181 anh chị em được đưa về đất liền trong 5 chuyến tàu từ 8-5 đến 24-5-1975. Còn lại 501 người tù chính trị (không tính 3 người chết ở Trại 5 sau ngày giải phóng), có 158 anh em vì nhu cầu công tác. Số còn lại có vấn đề cần xác minh nên phải bố trí lần lượt về đất liền sau này. Số 3.214 thường phạm các loại được giữ trong các trại và đã bàn giao cho lực lượng quân quản.

Mấy nhận xét:

Từ những diễn biến của tình hình Côn Đảo trước, trong và sau ngày lịch sử 30-4-1975, có thể rút ra mấy nhận xét sau đây:

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

- Về toàn cục, có thể xem Côn Đảo bao gồm hệ thống các nhà lao và quần đảo thuộc huyện Côn Đảo ngày nay đã tự giải phóng ngay trong đêm 30-4 rạng sáng 1-5-1975.

- Riêng về hệ thống nhà lao và tù chính trị Côn Đảo phải nhìn nhận là đã được giải phóng. Không một trại tù hay một người tù nào tự mình thoát ra khỏi nhà giam. Việc đồng đội rút chốt cửa cho anh em lần lượt ra ngoài chỉ tiến hành sau khi những người ở bên ngoài, chịu sự tác động nhiều mặt của tình hình đã mở khóa.

- Việc giải phóng Côn Đảo nói chung (theo nghĩa tương đối) là kết quả tác động trực tiếp của sự chuyển biến mang tính quyết định của cuộc cách mạng: giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam. Bộ máy cầm quyền tại Côn Đảo đã hết hoảng rệu rã và hoàn toàn mất hết tác dụng trước khi thời điểm lịch sử diễn ra.

- Yếu tố mang tính quyết định cho sự kiện giải phóng Côn Đảo bắt nguồn từ ý thức dân tộc của những người có một số vai trò nhất định về đời sống tinh thần cũng như vật chất đối với cư dân trên đảo nói chung, từ kết quả vận động của những cán bộ, chiến sĩ cách mạng không may bị địch bắt giam giữ đối với thành phần còn mang tinh thần dân tộc trong hàng ngũ địch. Dựa vào tù chính trị, mở cửa cho tù chính trị ra bên ngoài trong thời điểm này là cách lựa chọn duy nhất vừa để trực tiếp cứu lấy bản thân họ vừa có phần đóng góp có ý nghĩa vào công cuộc kháng chiến của toàn dân tộc.

- Điểm nổi bật nhất trong sự kiện lịch sử này là những người tù chính trị đã kịp thời nắm bắt thời cơ mở cửa, nhanh chóng triển khai các phương án giải phóng hoàn toàn Côn Đảo không tổn xương máu, quản lý tốt cơ sở vật chất cũng như điều hành tốt mọi hoạt động, lập lại sinh hoạt bình thường cho toàn đảo.

Giải phóng Côn Đảo ngay trong ngày lịch sử của dân tộc: giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, mở đường tiến tới thống nhất tổ quốc, chấm dứt 113 năm tồn tại của địa ngục trần gian khủng khiếp, tự thân nó đã mang một ý nghĩa hết sức to lớn. Đó cũng là niềm vinh dự cho những cán bộ chiến sĩ cách mạng không may sa vào tay giặc, có mặt tại Côn Đảo lúc bấy giờ.

BÙI VĂN TOÀN và TRỊNH VĂN LÂU

NGÀY GIẢI PHÓNG

Tháng 4-1975, ở Côn Đảo có nhiều hiện tượng khác thường. Để làm xáo trộn tổ chức của anh em trong nhà tù, cứ vài ngày cai ngục lại khám xét và bắt chuyển phòng, chuyển khu, chuyển trại.

Chúng cắt đứt hết mọi tin tức từ ngoài vào, lũng sục việc cất giấu máy thu thanh, giấy báo cũ gói đồ, ngăn chặn nghiêm ngặt không cho tù chính trị tiếp xúc.

Ngày 29 và 30-4-1975, máy bay gầm rú liên hồi trên bầu trời Côn Đảo. Tất cả các phòng giam tù chính trị đều đóng bít cửa, không cho ra đổ thùng cầu, không cho ra tắm nắng mỗi ngày 15 phút như thường lệ nữa. Lực lượng trật tự xáo xác hỏi nhau: không biết có chuyện gì mà máy bay chở người Sài Gòn ra đảo tới tập làm cho thực phẩm, đường, sữa ở các tiệm quán tăng giá vùn vụt từng giờ.

Lập chính quyền Côn Đảo

Trước tình hình trên, chúng tôi trong tổ trung tâm, khu F (một hình thức tổ chức lãnh đạo trong nhà tù) phải bàn bạc nhận định. Đang trao đổi giữa các phòng giam với nhau thì anh Thành, một thành viên tổ trung tâm ở khu H, đột nhiên đến nói ngay: “Sài Gòn đã được giải phóng, chính phủ Dương Văn Minh đã đầu hàng”.

Tôi đề nghị được trực tiếp nghe radio, nếu đúng là Sài Gòn đã giải phóng thì báo tin ngay, báo tin chuyên, liên tục. Yêu cầu anh em tìm mọi cách thoát khỏi nhà giam. ở trại 7 cần gây áp lực buộc Hai Rồng, trưởng trại 7, nộp chìa khóa, mở cửa các chuồng cộp ngay tức khắc.

Anh Thành nghe xong quay về khu H. Anh em ở các chuồng cộp gần cạnh nghe tôi trao đổi ý kiến với anh Thành vội la lên: “Chú Tư ơi (trong nhà tù anh em gọi tôi là Tư Vân), ta phá chuồng cộp mà ra thôi, để chặm nguy hiểm”. Thế là không ai bảo ai,

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

công kênh nhau lên nạy các thanh sắt trên chuồng cọp, la hét: Nạy mạnh ra! Thêm sức vào! Chui ra đi! Một số anh em thoát được ra ngoài đến nơi nhốt tôi, hè nhau nạy song sắt và la lên: “Chú Tư ơi, nắm lấy chân tụi cháu đu lên, chui ra!”.

Tôi chui ra khỏi chuồng cọp số 30, khu F, lúc đó khoảng 11g30 đêm 30-4-1975, sau 1.984 ngày bị bắt tra tấn giam cầm đầy ải. Sung sướng bất ngờ, tôi mừng chảy nước mắt. Giờ phút này ở khu chuồng cọp tiếng la hét truyền tin, tiếng nạy song sắt, tiếng đập cửa, phá tường... hùng hực khí thế phá chuồng cọp tự giải thoát với nỗi mừng vui không lời nào tả xiết.

Qua 12g đêm 30-4-1975, phần đông trong tổng số 4.334 tù chính trị bao gồm 494 phụ nữ và 31 tử tù ở các trại giam ở Côn Đảo đều đã được giải thoát. Khoảng 1g30 sáng 1-5-1975, chúng tôi lần lượt gặp đại diện các trại bàn việc cử ra Đảng ủy để lãnh đạo toàn đảo.

Chúng tôi tính việc lập chính quyền lấy tên là ủy ban hòa hợp hòa giải dân tộc tỉnh Côn Sơn gồm 15 người, trong đó anh em tù chính trị đóng vai trò nòng cốt, nắm các việc như an ninh, quân sự, thông tin, kinh tế.

Mời linh mục Phạm Gia Thụy làm chủ tịch để được an dân vì phần đông gia đình công chức, giám thị, cũng như trong quân phạm, thường phạm có nhiều người theo đạo Thiên Chúa. Mời Kiều Văn Dậu, đại úy lực lượng bảo an trước đây, vốn tốt với ta từ trước, nay theo ta từ giờ phút đầu, làm phó chủ tịch và cũng qua đại úy Dậu có chân trong chính quyền mà kêu gọi số lính bảo an, trật tự chạy trốn ra rừng trở về, tránh đối đầu quấy phá.

Trong thông báo số 1 phát loa công bố lúc 5g sáng 1-5-1975 có nội dung như sau: “Trân trọng thông báo để đồng bào được rõ: hôm nay ngày 1-5-1975, một ủy ban hòa hợp hòa giải dân tộc tỉnh Côn Sơn được thành lập”.

Đến 8g sáng, lực lượng cách mạng đã hoàn toàn làm chủ thị trấn Côn Đảo. Đến 10g, anh Võ Thanh chỉ huy một đại đội quân vượt Đất Dốc qua Cỏ Ống, chiếm đài Loran và sân bay, thu 27 máy bay các loại còn nguyên vẹn. Phần lớn số máy bay này do các quan chức ở Sài Gòn để lại trước khi chạy xuống tàu trốn ra hạm đội 7 của Mỹ.

Sau khi công bố việc thành lập chính quyền cách mạng ở Côn Đảo, chính quyền có lệnh cho tất cả công chức ở nguyên vị trí cũ, giữ cho các hoạt động công cộng như điện, nước, y tế được bình thường, giám thị các trại giam phải giao nộp đủ chìa khóa, vũ khí, hồ sơ tài liệu. Các giám thị lần lượt đến trình diện.

Trở về

Ngày giải phóng, các tù nhân Côn Đảo trở về gặp lãnh đạo (từ trái sang): Lê Quang Vịnh, Lê Hồng Tư, Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Minh Châu (quàng khăn rằn), Hoàng Quốc Việt (Chủ tịch Tổng Công đoàn), Nguyễn Văn Để (Bí thư Trung ương Đoàn) và Lê Văn

Nuôi - Đã thoát ra khỏi trại giam nhưng chưa liên lạc được với đất liền, chưa nắm được tình hình hạm đội 7 của Mỹ, phần thì lo bố phòng bảo vệ, phần lo bảo đảm tiếp tế cho mấy ngàn con người trong lúc kho lương thực ngày càng cạn, củi đốt thiếu, lại vừa lo công tác nội bộ nên công việc lãnh đạo mấy ngày này vô cùng bề bộn, căng thẳng.

Sau khi chiếm cơ quan vô tuyến viễn thông, tôi đánh ngay một bức điện: “Anh em tù chính trị đã thiết lập chính quyền cách mạng ở Côn Đảo từ sáng 1-5. Yêu cầu được sự chỉ đạo của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam”.

Nhưng cả ngày 1-5 không có tin gì. Tối 1-5, chúng tôi tính phải tổ chức một số anh em vượt biển về đất liền liên lạc. Kế hoạch đâu đấy xong, định đến tối 2-5 triển khai thì vào lúc 2g chiều 2-5, có người đến báo với Đảng ủy: “Từ Sài Gòn có người yêu cầu được trực tiếp nói chuyện với đồng chí Hai Tân”. Tôi lên xe Jeep đến ngay đài vô tuyến viễn thông. Cảm máy, tôi hỏi: “Ai đó?”.

Từ đầu kia đường dây ở Sài Gòn có tiếng: “Vũ Hồng, Hai Phong đây. Có phải Hai Tân không?”. Tôi nói: “Đúng Hai Tân đây”, vừa nói vừa mừng đến run lên vì tôi biết anh Vũ Hồng được trao trả về trước, lại là bạn quen cũ từ lúc anh phụ trách công vận ở nội thành Sài Gòn. Anh Vũ Hồng cho biết: “Đã nhận được tin điện, đã báo cho Trung ương Cục. Yêu cầu cho biết anh em cần gì để gửi ra”. Tôi nói: “Chỉ cần một số cờ nước, cờ Đảng và ảnh Bác thôi”. Anh Vũ Hồng cười: “Tụi mình sẽ gửi ra cho. Hẹn gặp nhau ở Sài Gòn”. Tôi la lên: “Trời ơi, phấn khởi quá!”.

Rạng sáng 4-5, bên ngoài trụ sở, anh em chính trị các trại truyền tin nhau kéo về hô la vang trời: “Chào mừng quân giải phóng miền Nam”, “Chào mừng hải quân Việt Nam”, “Bộ đội Cụ Hồ muôn năm!”, “Việt Nam dân chủ cộng hòa muôn năm”, “Bác Tôn muôn năm”, “Đại tướng Võ Nguyên Giáp muôn năm”, “Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ muôn năm!”. Nghĩa là nghĩ ra khẩu hiệu gì thì cứ hô khẩu hiệu đó, vang như sấm dậy trên toàn đảo giữa đêm khuya, rất vui. Chúng tôi cũng ra tham gia diễu hành với anh em vừa hô khẩu hiệu: “Đời đời biết ơn bộ đội và nhân dân đã cứu sống chúng tôi” và giàn giụa nước mắt.

Sáng 4-5-1975 quân giải phóng từ tàu chiến đổ bộ lên đảo. Đến 3g chiều 4-5 tại sân dinh chúa đảo, bây giờ đã là trụ sở ủy ban cách mạng, cử hành lễ mừng Côn Đảo hoàn toàn giải phóng. Có hàng ngàn cự tù mang cờ Mặt trận, cờ Tổ quốc và ảnh Bác Hồ cùng với cư dân trên đảo reo hò vang dội. Khoảng 5g chiều thì đoàn cự tù đầu tiên bao gồm các tử tù và những người bị bệnh nặng xuống tàu về đất liền. Chúng tôi bàn giao toàn bộ trên đảo cho bộ đội. Ủy ban hòa giải hòa hợp dân tộc Côn Đảo đã làm xong nhiệm vụ và giao quyền lại cho ủy ban quân quản.

Là phái viên Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, vừa là bí thư Đảng ủy mặt trận Côn Đảo từ đất liền phái ra, anh Tám Hà ký quyết định: tất cả anh chị em tù chính trị ở Côn Đảo được gọi là “đoàn chiến sĩ chiến thắng”. Đảng ủy

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

mặt trận cũng phê chuẩn Đảng ủy Côn Đảo gồm 10 người trong số 12 người do chúng tôi thành lập đêm 30-4-1975 là Đảng ủy trong đoàn chiến sĩ chiến thắng, để lãnh đạo đoàn chấp hành mọi chủ trương chính sách của Đảng và các chỉ thị của Đảng ủy Mặt trận Côn Đảo.

Từ đây, công việc của Đảng ủy chúng tôi là lo sắp xếp cho anh chị em lần lượt trở về đất liền. Chúng tôi trong Đảng ủy về chuyến tàu chót ngày 16-5-1975 và đến 17-5-1975 tàu cập bến Bạch Đằng với sự đón tiếp đầy tình cảm thân thương của người thân, đồng bào, đồng chí. Đêm ở trên tàu về đất liền, nhìn quanh anh em ngủ cả, thấy anh em nào cũng xanh xao, gầy còm, áo quần rách tả tơi, thương quá, mặc dù thân xác tôi lúc này chỉ còn da bọc xương. Tôi không sao ngủ được, cứ nghĩ đến giờ phút gặp lại bạn bè, đồng chí, vợ con, giờ phút tưởng không bao giờ có được.

TRẦN TRỌNG TÂN

MỘT ĐÊM KHÔNG NGỦ

(Kỷ niệm 29 năm sau ngày Hiệp định Paris ký kết)



... “Hoan hô hòa bình lập lại toàn Đông Dương”

Tiếng anh Mười, rõ ràng là tiếng anh Mười - anh em đồng đội lại khẳng định.

Tiếng hoan hô đầu tiên phát ra từ khu F trại giam chuồng cọp 7, Côn Đảo nơi anh Mười⁽¹⁾, anh Ba Minh⁽²⁾, anh Hai Thanh⁽³⁾, ... và nhiều đồng đội bị kẻ thù giam giữ. Sau khoảng 3 phút, bản thông báo về: Hiệp định Paris đã ký kết; hòa bình lập lại toàn Đông Dương; các yêu sách đòi mở hết cửa các trại giam, chuồng cọp, hầm đá... thả hết tù chính trị và sau cùng là lời kêu gọi anh em binh sĩ, sĩ quan, công chức, các tù thường phạm làm trật tự an ninh trong bộ máy “trị tù

Côn Đảo” hãy hướng về Tổ quốc thân yêu, hãy quay về với nhân dân, về với chính nghĩa, cách mạng khoan hồng...

Nội dung bản thông báo được anh em tù chính trị, trước tiên là chuồng cọp 7 coi như là lời hiệu triệu tiếp tục đấu tranh và đấu tranh quyết liệt hơn để đi đến thắng lợi cuối cùng - Côn Đảo được giải phóng, tù nhân được giải phóng.

(1) Tên thật là Lê Thanh Hải, tên trong tù Phạm Trọng Danh, tên thường gọi là anh Mười Hải trước khi bị tù là Khu ủy viên, Bí thư khu đoàn Sài Gòn – Gia Định; Bí thư Phân khu II Khu Sài Gòn – Gia Định. Sau giải phóng 1975: Chỉ huy trưởng lực lượng tuyên truyền xung kích của TP. Hồ Chí Minh; Giám đốc Sở Nhà đất TP. Hồ Chí Minh.

(2) Tên thật là Nguyễn Văn Minh: Trước 1975 Trưởng ban Thanh vận thuộc khu ủy Sài Gòn – Gia Định; Sau giải phóng 1975: Giám đốc Xa cảng Miền Tây – TP. Hồ Chí Minh

(3) Tên thật là Nguyễn Văn Thanh (bí danh Hai Thanh), trước giải phóng 1975: Ban Thanh Vận Khu ủy Sài Gòn – Gia Định; Bí thư huyện Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh, sau giải phóng 1975: Thành ủy viên trưởng phân ban Nông thôn TP. Hồ Chí Minh

Khi thông báo chấm dứt, tiếng hô la vang dội từ khu F, H, G cả chuồng cọp 7 và sau đó lan dần đến các trại giam chuồng cọp khác trên toàn Côn Đảo với nội dung và hình thức thích hợp ở mỗi nơi.

Cuộc đấu tranh của anh em tù chính trị Côn Đảo bước tiếp giai đoạn mới: phong trào liên tục khấp hơn, mạnh mẽ hơn với các khẩu hiệu đấu tranh cao hơn và đạt nhiều kết quả hơn. Anh em tù chính trị nhận biết thắng lợi đã gần kề, nhưng với bản chất hiếu chiến, ngoan cố, xảo quyệt, thâm độc của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Sài Gòn, chiến sĩ và nhân dân ta còn phải đấu tranh gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa mới giành được thắng lợi hoàn toàn.

Qua những kinh nghiệm bằng xương máu của anh em tù thời chống Pháp: khi giãy chết, kẻ thù điên cuồng lăm mưu, nhiều kế ác độc để trả thù bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, bằng mọi hình thức nhằm để những người kháng chiến, những người yêu nước không còn sức, không còn tinh thần, không còn uy tín dù một chút ít ỏi, để không khả năng chiến đấu nữa, nghĩa là bị loại “khỏi vòng chiến”.

Tất cả những lời dận dò quý báu của anh em đi trước với những thực tiễn đấu tranh từng giờ từng phút giữa cái sống và cái chết, cái vinh cái nhục của những chiến sĩ trong tù, đã được anh em chuẩn bị sẵn sàng đối phó trong mọi tình huống.

Một điều các anh nhắc nhở phải chú ý mà chúng tôi còn nhớ mãi: Khi ta thắng, địch thua, bao giờ cũng có sự phân hóa ngày càng cao độ trong hàng ngũ địch, trong tù cũng thế, hãy đón lấy thời cơ.

Quả thật, khoảng 16 giờ 30 sau giờ cơm chiều, tại phòng khu F chuồng cọp 7, anh Hiến (Hà Văn Hiến - Trương Tấn Biên) nhận được mảnh giấy bao xi măng to bằng trang giấy học trò ném qua ô song sắt với dòng chữ viết bằng than “Pa Ký” (1) anh Hiến mừng và hồi hộp quá chuyển ngay qua phòng anh Ba Minh (Nguyễn Văn Minh) bên cạnh, anh Ba chuyển nhanh tới phòng anh Mười (Mười Hải - Phan Trọng Danh). Chúng tôi buộc phải chuyển cho nhau mảnh giấy bao xi măng này vì đây là chứng cứ một trăm phần trăm (100%) mà chúng tôi đang hy vọng. Thông thường chúng tôi thông tin nhau bằng mật mã (anh Hiến là người được phân công sáng tác mã và giải mã để gởi đi các nơi). Nhanh chóng được các anh Mười, anh Ba, anh Hai (Hai Thanh) thống nhất và bản thông báo đã hoàn thành chờ giờ G “phát thanh”.

Khoảng 21 giờ đêm 28 tháng 1 năm 1973 giờ mà các trại giam đã yên lặng, chỉ có vài người trật tự đi lại canh gác. Giữa đêm vắng lạnh, vây quanh điểm canh lính gác, bỗng vang tiếng nói trong trẻo, rõ ràng, chậm rãi, đĩnh đạc: “Thông báo – Thông báo”.

Nội dung thông báo đêm nay khác, không phải nội dung như những “thư ngỏ”

(1). “Pa Ký”: Hiệp định Paris đã ký

trước đây kêu gọi anh em binh sĩ, sĩ quan trật tự an ninh của “bộ máy cai trị” Côn Đảo hãy quay về với dân tộc, không tham gia đàn áp tù nhân. Tiếng “phát thanh” đêm nay thật khác, không phải tiếng của một anh em nào đó được tập thể phân công mà là tiếng của anh Mười (tên gọi quen thân). Khi bản thông báo được phát lên, anh em lắng tai để nghe rõ có phải tiếng của anh Mười không, còn bọn cai ngục nói nhau “tát đĩa, nước cạn cá gộc mới trời lên, thôi đừng đưng tụi nó”. Sau thông báo chừng 5 phút, tiếng hô la từ khu F chuồng cọp 7 (nơi anh Mười, anh Ba, anh Hai và nhiều đồng đội đang bị giam cầm) đến khu G, H, M... Rồi cả chuồng cọp 7 và dần dần lan truyền đến các trại toàn đảo. Cuộc đấu tranh vang động, ngày càng dâng cao cho đến ngày Côn Đảo được giải phóng, tù nhân được giải phóng. Trong đấu tranh gian khổ, chúng tôi vẫn một niềm tin vào sự tất thắng của cách mạng, miền Nam sẽ hoàn toàn giải phóng, luôn sống bằng niềm tin và hy vọng, đấu tranh và vững bước vì chúng tôi có Đảng quang vinh, có nhân dân anh hùng, có quân đội anh hùng.

Khi được tin “Pa ký” là đêm mừng không ngủ, đêm linh thiêng làm sao! Hôm nay, đã hai mươi chín năm rồi, đối với chúng tôi những người tù Côn Đảo cũng vẫn là đêm thương hoài nhớ mãi, thương đồng đội, nhớ anh em đã ra tù sau Hiệp định, nhớ những người giờ đây đã yên nghỉ ở các nghĩa trang hoặc còn ở bản tin nhắn tìm đồng đội.

Tiếng “Hòa bình lập lại toàn Đông Dương” không chỉ vang lên trong các trại giam ở Côn Đảo mà bằng truyền đơn bướm bướm bay dọc đường từ khám Chí Hòa đến trung tâm “điều tra Mỹ” ở Biên Hòa, khi bọn Mỹ và chính quyền tay sai phân tán 124 anh em bệnh tật chuồng cọp 7 về các nơi ở đất liền sau ngày Hiệp định.

“Hòa bình lập lại toàn Đông Dương” là ước mơ, là mong muốn của anh em tù chính trị, nhưng thực tế lúc đó là mới có hòa bình Việt Nam thôi. Dù là ước mơ, nhưng đã là hiện thực, tiếng hô ấy dường như vẫn văng vẳng bên tai chúng tôi.

Tháng 1 năm 2002

TRƯỜNG TẤN BIÊN
(Hà Văn Hiến)
Đội Cấn - Hà Nội

BIÊN NIÊN SỰ KIỆN VỀ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC
(1861-1954)

28-11-1861: Hải quân Pháp tuyên bố chiếm lĩnh quần đảo Côn Lôn. Lúc 10 giờ sáng, trên Thông Báo Hạm Norzagaray, đậu tại Bến Đầm, trung uý Lespès ra tuyên bố chiếm lĩnh quần đảo.

12-1862: Đô đốc Bonard ký quyết định thành lập nhà tù Côn Đảo.

5-6-1862: Hòa ước Nhâm Tuất trong đó điều 3 qui định vua Đại Nam nhường Côn Đảo cho Pháp.

28-6-1862: Côn Đảo nổi dậy chống Pháp.

Đêm 28-6-1862, với sự đồng tình ủng hộ của đơn vị canh ngục người Việt (khoảng 80 người), tù Côn Đảo (khoảng 200 người) nổi dậy đốt phá công sở, thiêu cháy Nhà tù Côn Đảo. Chúa đảo Roussel cùng với 3 thuộc hạ người Pháp nhờ được một tù Hoa phản bội báo tin, đã chạy trốn lên tàu thoát chết. Nghĩa quân làm chủ Côn Đảo được nửa tháng, giết được 30 địch, tổ chức được cho 30 tù, 2 lính và 6 dân thường vượt đảo.

13-7-1862: Pháp ra đánh chiếm lại Côn Đảo

Nửa tháng sau ngày khởi nghĩa, Thông Báo Hạm Norzagaray ra đánh chiếm lại Côn Đảo. Chúng giết hơn 100 nghĩa quân và bắt được còn sống 20 người. Chúng bắt 20 người này đào huyệt chôn 100 xác chết và sau đó chúng chôn sống 20 người này. Bãi Sọ Người gần Chuông Bò ngày nay nằm giữa 2 bên là Bưng Sáu và Hồ Quang Trung được người dân Côn Đảo cho là thi hài của số nghĩa quân nói trên.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Năm 1864: Dịch tả hoành hành trên Côn Đảo. Nhiều người chết vì dịch tả kể cả một trung úy Pháp và một bác sĩ Pháp.

31-1-1873: Thống đốc Nam kỳ ban bố qui chế nhà tù Côn Đảo. Cho đến lúc này, Côn Đảo chưa có qui chế riêng, phải áp dụng qui chế của Khám Lớn (Sài gòn). Bản qui chế 1873 này do Dupré ban bố riêng cho Nhà tù Côn Đảo thực chất chỉ là sao chép qui chế Khám Lớn mà có gia trọng thêm tính hà khắc đối với chế độ khổ sai và các biện pháp trừng phạt người tù.

Năm 1876: Banh I được xây dựng kiên cố để thay thế nhà lao bằng tranh tre trước đó.

16-5-1882: Tổng thống Pháp ký sắc lệnh công nhận quần đảo Côn Lôn là một quận của Nam Kỳ.

27-8-1883: 150 tù xây dựng Hải Đăng Bảy Cảnh nổi dậy chiếm tàu vượt ngục.

5 giờ sáng ngày 27-8-1883, tù nổi dậy giết chết 8 lính gác và 1 sĩ quan chỉ huy, 1 kiểm định viên công chánh, tước 15 súng trường, 2 súng lục, chiếm 1 thuyền máy 1 canô, mang hết lương thực chạy về miền Trung.

17-6-1890: 400 tù nổi dậy giết gác ngục, cướp súng, chưa kịp vượt đảo thì bị quân đốc điều lính tới bắn chết hơn 30 người và bắt lại gần hết.

28-8-1894: 65 tù mò san hô nổi dậy giết 2 gác ngục chưa kịp vượt đảo thì bị bắt lại và Pháp đem xử tử hình người gọi là cầm đầu.

Tháng 3-1895: Saint Saens, nhà soạn nhạc cổ điển Pháp đến thăm Côn Đảo, ông đã soạn xong vở opera Brunehilda (từ 20-3 đến 19-4-1895)

25-7-1904: 65 tù sang Hòn Cau lấy dừa đã nổi dậy giết toàn bộ bọn cai tù, cướp tàu chạy thẳng ra khơi biệt tăm luôn.

Năm 1906: Tù Sở Lưới Côn Đảo liên tiếp nổi dậy; Lần thứ I trong năm bắt sếp Tây và 2 mã tà ném xuống biển, đoạt thuyền về đất liền; Lần thứ II chỉ sau đó 2 tháng lại giết sếp chánh và mấy sếp nữa.

Năm 1908: Các sĩ phu Văn Thân bị đày ra Côn Đảo.

22-5-1910: Tù banh I đâm chết 2 giám thị ác ôn.

Một nhóm tù đang xây bể giặt quần áo ở banh I đã dùng dao nhọn làm bằng đai thùng phuy đâm chết giám thị Aujard và một giám thị khác muốn tiếp cứu cho Aujard.

Pháp đã trả thù bằng cách xử chém 3 tù cầm đầu vụ này.

Năm 1910: Quản đốc chấp nhận cho tù quốc sự phạm được giam riêng.

Năm 1917: Xây dựng xong banh II nằm sát bên banh I.

14-2-1918: Andouard cho bắn chết 85 tù banh I.

Một số tù chung thân ở banh I trong đó có Nguyễn Trọng Thạc (chỉ huy nghĩa

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

quân Bãi Sậy) và Phạm Cao Chắm (tham gia khởi nghĩa Duy Tân) đập đá dẫm trên khoảng đất trống sau nhà bếp, dùng búa đánh chết 1 gác đan Tây và 2 mã tà Việt. Những người tù ào lên định xông vào cướp vũ khí tấn công đội lính gác, nhưng cửa đã bị đóng lại và keng báo động nổi lên. Chúa đảo Andouard đưa lính từ bên Đồn Sơn Đá qua bắn xối xả vào mọi người tù đang ở trong banh I.

1-10-1918: Tòa án thực dân Pháp xét xử vụ Andouard.

Cuối cùng thực dân Pháp cũng phải đưa Andouard ra tòa. Nhưng tại tòa Andouard được trắng án và trở lại cai trị Côn Đảo như trước.

3-12-1919: Andouard khát máu đã dền tội.

Một người tù (Sửu nhỏ) chịu khổ nhục kể ra làm bồi cho trung úy Pháp chỉ huy Đồn Sơn Đá để lấy cây súng lục của tên này và chạy sang dinh quản đốc bắn chết Andouard rồi ông ta (Sửu nhỏ) tự sát bằng viên đạn cuối cùng.

Năm 1928: Xây dựng banh III

5-11-1930: Bão lớn làm sập Sở Lưới chết 75 người, đổ banh I chết cả trăm người, tốc mái banh II, banh III làm chết và bị thương hàng trăm người nữa. Cộng chung chỉ trong cơn bão này có đến gần 300 người chết.

Tháng 11-1931: Tù chính trị ở Hòn Cau tổ chức học tập chính trị - văn hóa - ngoại ngữ. Do điều kiện khổ sai ở Hòn Cau không đến nỗi gay gắt quá, nên tù có thể tập trung vào học tập. Bên cạnh việc học tập còn có tổ chức văn nghệ nữa. Ở trình độ cao, đồng chí Phạm Văn Đồng giảng kinh tế chính trị học - Tù biên soạn cuốn “Mười ngày rung chuyển địa cầu” của John Reed lên sân khấu Hòn Cau.

Tháng 2-1932: Cuộc vượt ngục không thành công của các thủ lĩnh Quốc Dân Đảng ở Hòn Cau; Các đảng viên Quốc Dân Đảng đóng bè vượt ngục nhưng vì cuối mùa gió chướng nên bè không đi được cứ loanh quanh bên Hòn Cau. Cuối cùng bọn cai ngục đến bắt lại gần hết; Địch di chuyển tất cả tù ở Hòn Cau về banh I.

Tết năm 1933: “Gánh hát” Nguyễn Văn Nguyễn trình diễn ở An Hải.

Từ đó sếp banh rồi quản đốc đồng ý mời “gánh hát” diễn ngay tại sân banh II và có những vở kịch cổ điển Pháp diễn bằng tiếng Pháp, các quan chức Tây cũng dẫn vợ con vào xem.

Năm 1933: Thành lập Ban lãnh đạo chung toàn đảo.

Các banh, các khám, các sở tù bí mật cử ra một Ban lãnh đạo chung toàn đảo của tù gồm các đồng chí Nguyễn Hối, Ngô Gia Tự, Trần Quang Tạng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương... Ban lãnh đạo chung chỉ ra phương hướng đấu tranh ở Côn Đảo lúc này là:

“Côn Đảo không thể bạo động cướp chính quyền được mà chỉ có thể tập hợp lực lượng lãnh đạo đấu tranh bằng các hình thức lãn công, bãi công, tuyệt thực đòi cải thiện chế độ lao tù”.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Năm 1933: Đồng chí Tôn Đức Thắng bị đưa vào Hầm Xay Lúa và từng bước cải tạo “Địa ngục trần gian” này.

15-12-1933: Pháp di chuyển 150 tù chính trị Miền Bắc ra Côn Đảo. (Cả Quốc Dân Đảng và Cộng sản) trong đó có Lê Duẩn, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Hữu Tiến...

Tháng 4-1934: Tống Văn Trân và 7 đồng chí nữa vượt ngục thành công về Bến Tre.

Cuối năm 1934: Sếp ban II cho tù Quốc Dân Đảng ra ở riêng trong các phòng 6, 7, 8, 9, 10 còn tù Cộng sản thì ở các phòng 1, 2, 3, 4, 5.

Trong các phòng tù Cộng sản ở liền tổ chức những lớp học chính trị - văn hóa - ngoại ngữ nhiều trình độ như ở Hòn Cau trước đây.

Tuy nhiên trong các phòng tù Quốc Dân Đảng ở, một số thủ lĩnh Quốc Dân Đảng giác ngộ chủ nghĩa Mác Lênin như Nguyễn Đức Chính, Trần Xuân Độ... cũng tổ chức những lớp học văn hóa chính trị mà thực chất là giảng giải Mác Lênin cho các đảng viên Quốc Dân Đảng khác. Một số học giả Quốc Dân Đảng như Nghiêm Toàn cũng tham dự.

Tháng 4-1935: Tạ Uyên và 6 đồng chí vượt ngục thành công về miền Tây Nam Bộ. Tạ Uyên được bổ sung vào Xứ Ủy Nam Kỳ.

Tháng 6-1935: Tờ báo “Người tù đỏ” ở ban II được chuyển về ban I xuất bản với cái tên mới là Tiến Lên! Tù Côn Đảo còn xuất bản tạp chí lý luận “Ý kiến chung”.

Tháng 12-1935: Loạt bài về Côn Đảo của đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn đăng trên báo La Lutte từ 10-1934 đến 12-1935 làm xôn xao dư luận tiến bộ Pháp và thế giới.

Tháng 1-1936: Toàn quyền Đông Dương ân xá chính trị phạm.

Tết năm 1936: Tù Côn Đảo được mở cửa khám đi lại tự do trong ban 3 ngày.

Ban kịch của ban I trình bày vở “Tết của ai?” (kịch) và vở tuồng “Xã hội đòi bại” được khán giả tù và gác dan mã tà hoan nghênh nhiệt liệt.

18-3-1936: Ủy ban tranh đấu của tù Côn Đảo đưa yêu sách của tù cho Quản Đốc.

Đồng chí Phạm Hùng thay mặt Ủy ban tranh đấu của tù Côn Đảo đưa yêu sách của tù cho Quản Đốc. Nhưng địch khủng bố dữ dội, chúng dùng roi quất vào đại diện. Lập tức đội tự vệ của từng khám câu tay thành hàng rào đỡ đòn. Sau đó, tù ban I tuyệt thực. Các ban sở khác cũng hưởng ứng. Cuộc tuyệt thực kéo dài đến ngày thứ chín thì Thống Đốc Nam Kỳ chỉ thị cho Quản Đốc Côn Đảo cải thiện chế độ lao tù và chuyển toàn bộ yêu sách của tù Côn Đảo lên Toàn Quyền Đông Dương.

28-5-1936: Tù Côn Đảo yêu sách Thống Đốc Nam Kỳ, Bộ trưởng Thuộc Địa và Thủ Tướng Pháp đại xá tù chính trị.

11-6-1936: Tổng bãi công - tổng bãi thực nổ ra trên toàn đảo để nhắc lại các yêu sách 28-5.

14-7-1936: Pháp long trọng hứa ân xá 100 tù chính trị.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Cuối năm 1936: Trong 4 tháng cuối năm, Pháp trả tự do cho hơn 500 tù chính trị và trong đó 50% Cộng sản.

Cho đến hết năm 1937: Pháp thả thêm 600 tù chính trị nữa.

1941-1942: Hàng ngàn tù ở Nam kỳ bị đày ra Côn Đảo.

Năm 1941: Quân Nhật Bản đến Côn Đảo.

Một toán quân Nhật (cỡ trung đội) đổ bộ lên Côn Đảo và đóng lại ở đó một thời gian tại bãi Đất Dốc và Bến Đầm (Suối Nhật Bản).

9-3-1945: Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương.

Rạng ngày 10-3-1945 hai tàu chiến Nhật đã đổ thêm quân lên đánh chiếm Côn Đảo, bắt quản đốc và sĩ quan chỉ huy quân Pháp giải về Sài Gòn, giam hết công chức giám thị Pháp và giao cho Lê Văn Trà, một công chức thân Nhật chỉ huy. Bộ máy trị tù vẫn được giữ nguyên. Gác ngục Việt được trọng dụng.

Sau đó là “lễ trao trả độc lập”, Lê Văn Trà đọc đạo dụ của Chính phủ Trần Trọng Kim tuyên bố phóng thích tất cả tù chính trị. Nhưng sự thật là chỉ có khoảng 150 tù thân Nhật là được phóng thích. Gần 2000 chính trị phạm đều vẫn còn ở trong lao tù.

15-8-1945: Nhật đầu hàng Đồng Minh.

Ở Côn Đảo, Nhật cho tàu chở súng đạn ra biển đổ. Chúng phá trạm vô tuyến điện, đập bỏ tất cả radiô rồi quân Nhật, tù nhân Nhật lên tàu về đất liền. Chính phủ Trần Trọng Kim gọi ra Côn Đảo một toán lính bảo an để giữ an ninh trật tự. Điều kỳ diệu là người sĩ quan chỉ huy đơn vị lính bảo an lại là cơ sở của Xứ Ủy Nam Kỳ được Xứ ủy hỗ trợ ra Côn Đảo để liên lạc và hỗ trợ cho tù chính trị.

25-8-1945: Hội đồng liên hiệp quốc dân Côn Đảo ra đời.

Lê Văn Trà bày ra trò cử đại biểu tham gia bầu cử chính quyền liên hiệp: quản đốc 1, 3 công chức 1, 5 giám thị 1, 50 tù chính trị 1 phiếu, tù thường phạm không được bỏ phiếu. Nhưng do nhiều công chức giám thị bỏ phiếu cho đại biểu tù Cộng Sản cho nên Cộng Sản thắng phiếu. Lê Văn Trà định xóa bỏ kết quả bầu cử nhưng lính bảo an quay súng nhắm vào Trà và đồng bọn, cho nên Trà đành giao chính quyền về tay những người Cộng Sản. Những người liên hiệp quốc dân Côn Đảo phần lớn là tù Cộng Sản cầm quyền. Đoàn phòng thủ Côn Lôn gồm 300 đội viên do đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Đảng uỷ trực tiếp phụ trách.

2-9-1945: Côn Đảo nghe đài tự tạo bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tất cả radiô đều bị đập bỏ. Đồng chí Tôn Đức Thắng cùng một số thợ giỏi đã làm việc suốt đêm ngày để sửa chữa một chiếc radiô và một chiếc canô. Chiếc radiô tự tạo xong vào buổi sáng 2-9 và kịp nghe chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập ở Quảng trường Ba Đình.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

4-9-1945: Tuần lễ vàng ở Côn Đảo.

Được tin Chính phủ xây dựng Quỹ Độc Lập và tổ chức Tuần lễ vàng, Đảo uỷ Côn Đảo thành lập Ban Vận động. Chỉ trong mấy ngày Ban Vận động thu được một số tiền và vàng trị giá 2000 đồng (tiền Đông Dương).

17-9-1945: Đoàn tàu ghe của Ủy ban hành chính Nam Bộ cập Bãi Cỏ Ống.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Hành chính Nam Bộ và sự giúp đỡ tận tình của chính quyền cách mạng tỉnh Gò Công, tàu Phú Quốc và 32 ghe bầu ra Côn Đảo đón tù chính trị về đất liền. Giữa biển, đoàn tàu ghe gặp bão lớn bị chìm lạc mất một số, chỉ còn lại tàu Phú Quốc và 25 chiếc ghe cập Bãi Cỏ Ống.

Chiều ngày 17-9-1945 cuộc mít tinh công bố quyết định của Ủy Ban Hành chính Nam Bộ và Lê Văn Trà nộp án tén chúa ngục Côn Đảo cho đồng chí Tưởng Dân Bảo, đại diện chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

23-9-1945: Đoàn tàu ghe từ Côn Đảo về tới đất liền.

Mờ sáng 23-9-1945 tàu Phú Quốc và 25 chiếc ghe bầu chở 1800 tù chính trở về đất liền. Người thợ máy Tôn Đức Thắng chữa lại chiếc ca nô “Giải Phóng” và đích thân lái đưa một số đồng chí trong Ban lãnh đạo trở về.

Lúc đoàn tàu ghe cập bến Đại Ngãi (Sóc Trăng) thì bọn Pháp bắt đầu nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Cuộc Nam bộ kháng chiến bùng lên. Gần 2000 tù chính trị ở Côn Đảo trở về là nguồn cán bộ cách mạng quý giá trong những ngày đầu kháng chiến ở Nam Bộ.

11-12-1945: Bầu cử dân chủ ở Côn Đảo.

Đầu tháng 12-1945, Ủy ban Hành chính Nam Bộ lại cử phái đoàn ra Côn Đảo (Đồng chí Văn Cừ là trưởng đoàn). Số tù thường phạm chưa về đất liền được tự do sống trên đảo. Phái đoàn giám sát một cuộc bầu cử dân chủ Ủy ban Hành chính Côn Đảo. Trương Văn Thoại (tức Sơn Vương - Trương Văn Năng) làm chủ tịch.

Ủy ban Hành chính Côn Đảo tổ chức cho dân bầu ra Hội đồng dân biểu - cơ quan tư vấn và thanh tra hoạt động của chính quyền.

18-4-1946: Pháp trở lại Côn Đảo bắt giam Sơn Vương và 400 cựu tù thường phạm còn lại.

Đến tháng 5-1946, chuyển tù đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, ra Côn Đảo.

Côn Đảo trở lại là nhà tù nhốt tù án (1946-1950). Đến 1951 mới bắt đầu có tù binh.

Tháng 6-1946: Chúa đảo giả tạo vụ “Complot”: giám thị trưởng Việt Minh.

Từ khi trở lại Côn Đảo, thực dân không thể tái lập chế độ lao tù cũ. Dựa vào bọn tù gian, chúa đảo dựng lên một vụ án được mệnh danh là “vụ âm mưu cướp đảo”

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

(Affaire - de Compk) để lấy cơ mở chiến dịch khủng bố tù kháng chiến và lật đổ viên sếp chánh Touttout có khuynh hướng tiến bộ và cảm tình với kháng chiến Việt Nam.

14-7-1946: 45 tử tù tuyệt thực đòi cải thiện bữa ăn.

Trong chuyến tàu tháng 5-1946, có 56 tử tù bị đưa ra Côn Đảo. Một tử tù đã chết khát trước khi hành quyết. Mười người được giảm án trong lễ quốc khánh Pháp. Nay 45 tử tù đồng loạt tuyệt thực đòi ăn rau xanh hàng ngày và ăn cá khô tốt.

25-12-1946: Đêm văn nghệ mừng Chúa giáng sinh ở Côn Đảo.

Do sáng kiến của một tử tù được giảm án (Hoàng Hữu Kinh), “đêm văn nghệ mừng Chúa giáng sinh” (Noel) ở Đông Dương đã thu hút hầu hết số thư ký, bồi bếp, gác dan Pháp, mã tà Việt cùng vợ con họ đến xem.

Đêm diễn hùng hực khí thế cách mạng với những bài ca múa Thanh niên hành khúc, Lên Đảng... bị Chủ sở Cò (hiến binh) chặn lại vì tuyên truyền cho Việt Minh” nhưng chúa đảo Homecker (mới đến thay Gimbert ác ôn) gạt phăng và đồng ý cho tiếp tục.

Tháng 5-1947: Chế độ nhà tù Côn Đảo được củng cố lại.

Số lượng tù bị đày ra Côn Đảo ngày một đông. Đến tháng 8-1947 lên tới 1000 tù.

Homecker bị đổi. Tù chính trị tăng lên đến 62%. Có 63 tử tù và 89 tù binh Nhật. Hệ thống an ninh quân sự bảo vệ Côn Đảo của Pháp tăng cường mạnh: có liên lạc với Hạm đội Viễn Đông Pháp.

Tết Âm lịch Mậu Tý (1948): Phong trào văn nghệ trong tù vẫn lên rất cao.

Dù chúa đảo Brulé đã ra lệnh đàn áp một số buổi diễn văn nghệ của tù, nhưng phong trào văn nghệ trong nhà tù Côn Đảo vẫn phát triển và tranh thủ được cả những quan chức cao cấp Pháp Ngụy. Giáp Tết, một phái đoàn của chính phủ bù nhìn (do hai bộ trưởng Thông tin và Tư pháp cầm đầu) ra Côn Đảo. Brulé đã mời xem một đêm diễn kịch cổ điển Pháp của tù. Bọn sĩ quan Pháp và gia đình chúng đều trầm trồ như đang ngồi trong rạp hát của Paris.

Mùa xuân 1948: Hàng loạt cuộc vượt ngục của tù Côn Đảo.

Tính ra từ tháng 1 đến tháng 5-1948, đã có 6 cuộc vượt ngục thành công (có cuộc bắt theo cả giám thị Pháp, có cuộc được mã tà Việt hưởng ứng) đưa khoảng 50 tù Côn Đảo về đất liền tham gia kháng chiến.

Mùa thu 1948: Trận khẩu chiến giữa tù Côn Đảo với Bolaert - Cao ủy Pháp.

Cao ủy Pháp ở Đông Dương (Bolaert) ghé ngang Côn Đảo, Brure yêu cầu đoàn kịch cổ điển của tù lên tuần dương hạm đậu ngoài vịnh Côn Lôn để diễn giúp vui. Các diễn viên đều giỏi tiếng Pháp, đã mở đầu đêm diễn bằng một bài tố cáo chế độ lao tù của Pháp ở Côn Đảo, sau đó là một trận đấu khẩu trực tiếp giữa các diễn viên với Bolaert lột trần bộ mặt xâm lược tàn bạo của thực dân Pháp và chính nghĩa của kháng chiến Việt Nam.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Sau đó là những trận đàn áp dã man. Chúa đảo cấm tiết tù làm văn nghệ.

7-11-1948: Mười Tôn bị đánh chết ở Sở Cũi.

Phong trào đấu tranh đòi hạ mức khổ sai đã khiến bọn cai tù tức tối. Anh Mười Tôn là một tù tư pháp (án 8 năm khổ sai) tham gia phong trào đòi hạ mức cũi. Anh bị đánh đến chết luôn trên sân cũi. Cái chết đau thương của Mười Tôn đã làm bùng dậy một cao trào đấu tranh: toàn đảo đình công tuyệt thực. Sau 3 ngày bỏ đói toàn bộ tù Côn Đảo, chúa đảo bắt 7 người lãnh đạo phong trào phạt hầm. Các đồng chí này đã tuyệt thực thêm 7 ngày nữa, chúa đảo mới bỏ lệnh phạt.

Tiếp đó là vụ đánh chết tù bị nghi vượt ngục, một vụ bắn chết tù bị còng nhiều tháng phát điên hô la phản đối và “vụ tổng nổ loạn ở Côn Đảo” tưởng tượng do bọn tù gian mật báo, khiến chúa đảo ra lệnh báo động toàn đảo trong suốt 2 tháng ròng rã.

Tháng 5-1949: Chiếm đền pha Bảy Cạnh, vượt ngục.

44 tù ở hòn Bảy Cạnh đã nổi dậy bắt gác dan Pháp và mã tà Việt, đoạt súng đạn và đóng thuyền vượt ngục. Nhưng thuyền bị sóng đánh vỡ. Phải đóng sửa lại 20 người xuống thuyền về đất liền, còn 19 bị bỏ lại (lãnh đạo). Tuy nhiên do cảm kích vì được đối xử tốt khi bị bắt, gác dan Pháp và gia đình đã bảo vệ những người “lao động”. Cuối cùng chúa đảo thuận theo yêu cầu ấy.

Tháng 11-1949: Liên đoàn tù nhân Côn Đảo.

Sau nhiều tháng chuẩn bị xây dựng, Liên đoàn tù nhân Côn Đảo chính thức ra mắt. Liên đoàn được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Tù ở các khu trực tiếp bầu ra Ban Chấp hành khu và bầu đại biểu và Hội đồng tù nhân Côn Đảo. Hội đồng sẽ cử ra Ban Chấp hành Liên đoàn.

Khi chuẩn bị tranh đấu thì mỗi cấp lại bầu ra Ủy ban tranh đấu. Chỉ sau khi kết thúc đấu tranh, Ủy ban tranh đấu mới giao quyền lãnh đạo lại cho Ban Chấp hành Liên Đoàn tù nhân các cấp.

Liên Đoàn có tiếng nói chính thức là Tạp chí Côn Đảo Mới, có Ban Trật tự để điều hành nội bộ và đối phó với địch đàn áp, có Ban Tuyên truyền, Ban Huấn học và Ban Xã hội để làm các công tác chuyên môn.

20-12-1949: Trận đàn áp đẫm máu Liên đoàn.

Ngày 19-12-1949, các khám làm lễ “Liên Hoan mừng chiến thắng” (ứng với Phong trào Tổng phản công trên cả nước). Sáng 20-12 chúa đảo đích thân chỉ huy cuộc đại khủng bố. Chúng đánh đập, lột trần truồng tù phơi nắng, bỏ đói và tịch thu tất cả giấy tờ của tù.

Chúng bắt mỗi người tù khi gặp gác dan Pháp phải cúi đầu, nhưng tù chống lại “kỷ luật” này một cách rất cương quyết.

Năm 1950: Xây dựng Đảng bộ Côn Đảo. Tính đến 31-1-1950, Côn Đảo có 1392

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

tù trong đó có 95 người Khmer, 9 người Lào, 66 người Hoa, 3 người Thái Lan và 72 tù binh Nhật. Trong số gần 1400 tù ấy chỉ có khoảng 20 đảng viên.

Từ số đảng viên ít ỏi này, Đảng trong nhà tù Côn Đảo dần dần phát triển thành nhiều cơ sở Đảng.

Tháng 8-1950, các cơ sở tiến hành thành lập Đảng bộ nhà tù Côn Đảo, bầu ra Hội uỷ (Ban Chấp hành Đảng bộ) gồm 7 người do Lê Trọng Bộ làm Bí Thư. Nguyễn Đình Thâu làm Phó Bí thư phụ trách tuyên huấn, Trần Khắc Du phụ trách dân vận.

Đảng phát triển đảng viên trước hết ở số cán bộ ưu tú của Liên Đoàn tù nhân Côn Đảo.

29-1-1950: Một đơn vị Việt Minh đi chở vũ khí vào Nam Bộ bị tai nạn phải dạt vào Côn Đảo.

Tháng 2-1951: Pháp (Côn Đảo) cho thành lập tổ chức Liên Xã để chống lại Liên đoàn.

Do quản đốc nhà tù Côn Đảo (Pháp) khuyến khích, một nhóm tù gian đã lập ra tổ chức Liên minh Dân chủ Xã hội gọi tắt là Liên Xã để chống lại Liên đoàn tù nhân Côn Đảo.

Liên Xã có những người cầm đầu thuộc các đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Đảng, Đại Việt, Cao Đài, Hòa Hảo...

6-3-1951: Liên Xã được giám thị, gác dan, lính... ủng hộ cho ập vào từng khám phá hoại lãnh đạo Liên Đoàn.

Trong vòng 2 tháng, Liên Xã đưa hơn 250 tù kháng chiến lãnh đạo và nòng cốt của Liên Đoàn vào biệt lập để thay thế Liên Đoàn làm đại diện tù Côn Đảo.

Giám đốc mới Jarty tăng cường chính sách sử dụng Liên Xã để trị Liên Đoàn. Những trận khủng bố Liên Đoàn ủng hộ Liên Xã được tiến hành hàng loạt.

Tuy nhiên Liên Xã không có quần chúng. Năm 1952, trong tổng số hơn 2300 tù có đến hơn 2000 người tham gia tổ chức Liên Đoàn, chỉ có 100 người theo Liên Xã và khoảng 200 người xin được đứng ngoài tổ chức.

3-5-1951: Chuyển tù binh từ Bắc bị đày tới Côn Đảo (111 người).

6-10-1951: Chuyển tù binh thứ hai bị đày tới Côn Đảo (135 người).

23-1-1952: Võ Thị Sáu bị xử bắn ở Côn Đảo.

Trong năm 1952, Pháp đã bắn 35 tử tù tại Côn Đảo. Suốt cả 9 năm (46-54) bắn tất cả 62 tử tù. Võ Thị Sáu, sinh 1933 (có hồ sơ ghi là 1935) ở Đất Đỏ, Bà Rịa, công an xung phong, bị kết án tử hình năm 1950, là người nữ duy nhất bị xử bắn ở Côn Đảo.

Tháng 7-1952: Chuyển tù binh thứ ba bị đày tới Côn Đảo (142 người).

Tháng 10-1952: Chuyển tù binh thứ tư (gồm cả Bắc Trung Nam) tới Côn Đảo (160 người).

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

12-12-1952: Cuộc bạo động Bến Đầm. Bọn cai tù Pháp đưa tù binh đi làm đường. Các tù binh nổi dậy giết súng của lính Âu Phi (cả trung đội) và tổ chức vượt Côn Đảo.

27-2-1953: Nguyễn Thành Tân, người cầm đầu Liên Xã tự tử. Xác Tân treo lủng lẳng trên cây trong vườn nhà Passy. Có dư luận cho rằng Passy, chủ sự HTX đã bịt đầu mối bằng cách bức tử Tân.

Từ sau khi Nguyễn Thành Tân chết, tổ chức Liên Xã cũng dần dần bị bỏ rơi: Pháp không sử dụng nữa vì thấy không có hiệu quả.

30-6-1953: Chuyển tù binh cuối cùng đến Côn Đảo.

Toàn đảo lúc này có 1847 tù án, 490 tù binh. Đảng bộ nhà tù có 500 đảng viên trong đó 170 đảng viên ở khối tù binh, 330 ở khối tù án.

19-8-1953: Trại tù binh (banh III) khai mạc đợt chỉnh huấn.

Tháng 11-1953: Các banh I và banh II (tù án) tổ chức chỉnh huấn.

3-11-1953: Các khám tù Côn Đảo tổng đình công.

Sau các đợt chỉnh huấn, đây là đợt công kích đầu tiên của tù đấu tranh chống khổ sai, đòi cải thiện dân sinh dân chủ. Tổng đình công bị đàn áp dữ dội nhưng cuối cùng - một tuần sau chỉ thị từ Sài Gòn ra giải quyết hầu hết các yêu sách của tù nhân.

1-5-1954: Tù Côn Đảo tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao Động trên toàn đảo.

Ở các banh đều có dựng mô hình quả địa cầu lớn 3m đường kính, trên quả cầu là hình đôi chim bồ câu ngậm dải lụa đào và khẩu hiệu “Hòa Bình Thế Giới Muôn Năm” bằng tiếng Việt và tiếng Pháp. Đêm đến ở các khám đều có liên hoan văn nghệ với nội dung kháng chiến cách mạng hùng hực lửa.

7-5-1954: Tù các khám ở Côn Đảo liên hoan mừng chiến thắng Điện Biên Phủ.

20-7-1954: Hiệp định Genève về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết.

Các bên tham gia hội nghị thông qua tuyên bố chung thừa nhận “Độc lập, Chủ quyền, Thống nhất và Toàn vẹn lãnh thổ” của từng nước Việt Nam, Lào, Campuchia, “Quân đội Pháp phải rút khỏi các nước Đông Dương”, đường ranh giới về quân sự có tính chất tạm thời, không thể coi như là biên giới chính trị, hoặc lãnh thổ và thời hạn về việc tổ chức Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà vào tháng 7-1956”.

25-7-1954: Ủy ban Kháng chiến Hành chính Côn Đảo công khai danh nghĩa thay mặt chính phủ lãnh đạo nhân dân toàn đảo tiến hành kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng.

1-8-1954: Tù Côn Đảo tổng đình công. Các khám tù ở Côn Đảo tổng đình công đấu tranh đòi Bộ Tư lệnh Pháp (và Ủy Hội Quốc tế) xóa bỏ án tiết, nhìn nhận là tù chiến tranh và thực hiện đúng qui chế tù chiến tranh.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

9-9-1954: Cuộc tuyệt thực đấu tranh thắng lợi. Cuộc đấu tranh của tù Côn Đảo từ hình thức tổng đình công chuyển dần sang bãi thực rồi tuyệt thực kéo dài cho đến 9-9-1954 mới kết thúc thắng lợi. Bộ Tổng tư lệnh quân đội Liên hiệp Pháp trao cho Bộ Tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam danh sách 1.092 tù chính trị ở Côn Đảo sẽ trao trả. Trước đó họ đã trao trả 2 đợt tổng cộng 593 tù binh.

10-11-1954: Ủy Hội Quốc tế ra Côn Đảo.

Ủy Hội Quốc tế ra Côn Đảo trực tiếp gặp gỡ điều tra hơn 600 tù còn lại và tìm ra được 130 tù chính trị đang bị giam giữ trái phép.

Tháng 3-1955: Pháp hoàn thành việc trả tù chính trị Côn Đảo.

Pháp trả thêm 75 người vào tháng 12-1954 và 55 người nữa vào tháng 3-1955 đúng theo kết luận của UHQT (130 người).

DƯỚI THỜI THUỘC MỸ XÂM LƯỢC (1954-1975)

3-1955: Thiếu tá A. Blanck bàn giao chức Giám đốc Quân đảo và Đề lao Côn Nôn cho Thiếu tá Bạch Văn Bốn.

- Sau đó Bạch Văn Bốn bàn giao cho Trần Văn Thiều.

9-1955: Số tù tại Quân đảo và Đề lao Côn Lôn

Tổng số: 670 tù thường án. Chia ra: Khổ sai chung thân: 38; Người Việt: 532; Khổ sai có kỳ: 319; Cao Miên: 106; Cấm cố trong hầm: 2; Trung Hoa: 30; Cấm cố thường: 78; Thượng: 1; Tù thường: 55; Lào: 1; Lưu xứ: 94; Xin phá án: 84;

11-1955: Tổng số: 647 tù thường án. Chia ra: Khổ sai chung thân: 38; Người Việt: 526; Khổ sai có kỳ: 302; Cao Miên: 102; Cấm cố trong hầm: 1; Trung Hoa: 27; Cấm cố thường: 75; Thượng: 1; Tù thường: 54; Lào: 1; Lưu xứ: 94; Xin phá án: 83

6-5-1956: Đại úy Bảo an Hồ Chí Thiên thay thế Trần Văn Thiều.

22-10-1956: Sắc lệnh số 143/NV, Ngô Đình Diệm đổi Quân đảo Côn Lôn thành Tỉnh Côn Sơn.

27-12-1956: Nghị định số 351/NV, Ngô Đình Diệm cử Thiếu tá Bạch Văn Bốn, thuộc Phân khu đông giữ chức vụ Tỉnh trưởng Côn Sơn.

Đại úy Bùi Văn Năm làm Quản đốc Trung tâm Huấn chính Côn Sơn gồm: Trại Cải huấn 1 (Trại an trí Việt Cộng ngoan cố); Trại Cải huấn 2 (Trại giác ngộ và Trại ưu tú); Trại Cải huấn thuộc Sở Đề lao (quản lý tù án, lúc đầu chỉ có thường án).

1-1-1957: ND 351/NV có hiệu lực thực hiện. Đánh dấu chế độ nhà tù theo kiểu Mỹ

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

ở Côn Đảo

11-1-1957: Chuyển tàu lưu đầy đầu tiên, lưu đầy 360 tù chính trị câu lưu từ Sài Gòn ra Côn Đảo.

20-1-1957: Chuyển tàu lưu đầy thứ hai, lưu đầy 235 tù chính trị câu lưu từ Sài Gòn ra Côn Đảo.

23-2-1957: Dời Lao Y xá về Trại 3 (Banh 3 phụ, sau là Trại Bác Ái phụ, Trại 4).

21-3-1957: Chuyển tàu lưu đầy thứ 3, lưu đầy 384 tù chính trị câu lưu từ Sài Gòn ra Côn Đảo.

24-3-1957: Chuyển tàu lưu đầy thứ 4, lưu đầy 285 tù chính trị câu lưu từ Phú Quốc ra Côn Đảo.

26-4-1957 đến 28-4-1957: Dịch tiến hành phân hóa, bắt tù nhân ly khai Cộng sản. Có 269 người buộc phải chấp nhận ly khai, 995 người không ly khai; Tổng số tù chính trị câu lưu là 1.264 người.

30-4-1957: Hai chuyến tàu lưu đầy thứ 5 và 6 cùng đến Côn Đảo; Chuyến thứ 5 từ Sài Gòn, có 212 tù chính trị câu lưu; Chuyến thứ 6 từ Nha Trang, có 391 người thuộc các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định; Dịch phân hóa ngay. Có 151 phải chấp nhận ly khai, 452 không ly khai.

17-5-1957: Chuyển tàu lưu đầy thứ 7 đầy 409 tù chính trị câu lưu từ Đà Nẵng gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi ra Côn Đảo; Đợt phân hóa ngày 22-5-1957 có 338 người phải chấp nhận ly khai, 58 người không ly khai.

30-5-1957: Số chống ly khai (Trại 1): 1.242 có 34 nữ. Trong đó có 25 nam ở Hầm đá Trại 2, 17 nữ ở Hầm đá Trại 1; Số phải chấp nhận ly khai (Trại 2): 1.033 người, có 39 nữ.

7-7-1957: Chuyển tàu lưu đầy thứ 8, lưu đầy 391 tù chính trị câu lưu (có 24 nữ) từ Sài Gòn ra Côn Đảo. Có 310 nam, 12 nữ buộc phải chấp nhận ly khai. 57 nam và 12 nữ chống ly khai; Anh em ở Trại 2 chống ký kiến nghị ủng hộ Ngô Đình Diệm dịp Song thất. Dịch đàn áp. Cuối cùng còn 422 người kiên quyết chống, bị cấm cố vào phòng 1 và 13.

20-7-1957: Anh em ở Trại 2 tiếp tục chống ký kiến nghị dịp 20-7. 22 người bị bắt nhốt Hầm đá; Anh em chống việc đi xây dựng Trại 3 (Banh 3 thời Pháp bị đập phá hoàn toàn năm 1954- sau này là Trại Bác ái chính, Trại 1). 3 người bị bắt nhốt Hầm đá; Cuối tháng, dịch tiến hành phân hóa anh em ở Trại 1, bắt từng người tự đánh dấu vào tờ giấy. Dấu + là chấp nhận ly khai. Dấu 0 là không ly khai. Anh em nhắc nhau cứ ghi dấu 0. Dịch không cạy gỡ được ai; Trong tháng 7-1957 có 3 người chết ở Trại 1.

27-7-1957: Chuyển tàu lưu đầy thứ 9, lưu đầy 175 tù chính trị câu lưu từ Đà Nẵng ra Côn Đảo. Có 69 buộc phải chấp nhận ly khai, 106 chống ly khai. (Đối chiếu số liệu báo cáo ngày 5-9-1958 của Nguyễn Văn Hòa và báo cáo số 116/TTHC/1M ngày 11-7-1957. Hs lưu Bảo tàng Bà Rịa Vũng Tàu). Riêng ý kiến của một số anh em bị lưu đầy

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

trong chuyến này thì số chấp nhận phải ly khai là 15 người.

10-1957: Cho thăm viếng Trại 1. Địch dùng số trí thức ở Trại 2 để chiêu dụ, lôi kéo anh em Trại 1. Xáo trộn phòng liên tục ở Trại 1; Diễn vở kịch “Biên thù nổi sóng” và “Giấc mơ kinh khủng” của Nguyễn Phương. Anh em Trại 2 chống không xem. Hôm sau địch bắt đi đắp đập ngăn ao trồng sen, không cho mặc áo, bỏ đói. Anh em đặt tên chiếc đập này là “Đập Giấc mơ kinh khủng”.

23-10-1957: Địch tổ chức meeting và ký kiến nghị “vụ Hungaria chống Liên Xô và vụ Quỳnh Lưu” nhưng qua thăm dò thấy thái độ anh em Trại 2 sẽ chống quyết liệt nên chỉ tập hợp 300/1.474 người thuộc loại dễ sai khiến tham gia mà thôi.

24-10-1957: 30 anh em Trại 1 đưa ra làm vệ sinh. Anh em viết khẩu hiệu. Địch phát hiện đưa vào cấm cố trở lại.

26-10-1957: Địch tổ chức meeting và ký kiến nghị dịp 26-10, nhưng như lần trước, chỉ huy đông số lượng dễ sai khiến tham gia là 300 người.

19-11-1957: Địch tiến hành kiểm tra số thanh niên trong độ tuổi quân địch để bắt lính. Anh em đối phó bằng nhiều cách với những lời lẽ khác nhau, nhưng có điểm thống nhất ở mục trú quán đều ghi “Nhà lao Côn Sơn”. Địch thất bại hoàn toàn, không cạy gỡ được người nào.

21-11-1957: Tổng số tù chính trị câu lưu : 2.676 người, có 100 nữ. Trong tháng chết 11 người. Địch tổng kết kết đợt học tập sau 2 tháng với nhận xét kết quả không đạt yêu cầu; Địch giải tỏa cấm cố 2 phòng ở Trại 1, bắt 200 anh em, chia làm 2 toán 95 người thay phiên nhau đi đốn củi hàng ngày.

3-12-1957: Chuyến tàu lưu đầy thứ 10, lưu đầy 233 tù chính trị câu lưu từ Sài Gòn ra Côn Đảo. Có 193 buộc phải chấp nhận ly khai, 40 chống ly khai.

6-1-1958: Giải tỏa cấm cố Trại 1.

3-4-1958: Chuyến tàu lưu đầy tù án chính trị đầu tiên ra Côn Đảo.

Từ tháng 5-1958: Trại 1 thống nhất quan điểm chống ly khai Cộng sản là bao gồm cả việc chống chào cờ và những việc làm có ảnh hưởng đến uy thế chính trị của cách mạng; 99 chị em phụ nữ (có 5 cháu bé, 1 sinh trong tù) được đưa về đất liền; 1 chị và 1 cháu bé sinh tại Côn Đảo (Bé Côn Sơn) đã được đưa về đất liền trước.

Từ 16-7 đến 24-7-1958: Bắt Trại 1 học Tuyên cáo 6 điểm ngày 26-4-1958 của Ngô Đình Diệm. Anh em chống quyết liệt. Địch đưa tất cả vào cấm cố, mắc loa đến tận cửa từng phòng. Chiến dịch phát loa suốt ngày đêm kéo dài 8 ngày; Tổng số tù chính trị câu lưu : 2.830.

Cuối tháng 8-1958: Đợt phân hóa Kháng chiến - Cộng sản. Kết quả có 213 người nhận mình là Kháng chiến, sau đó có thêm 13 người nữa. Địch có ưu đãi hơn trong đối xử. Nhưng đến cuối năm, thấy không có tác dụng, địch sáp nhập lại vì theo chúng : Kháng chiến hay Cộng sản cũng chỉ là một mà thôi.

Từ 9-1958: Tỉnh trưởng kiêm nhiệm Quản đốc Trung Tâm Huấn Chính.

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

26-10-1958: Anh em Trại 2 cương quyết chống ký kiến nghị ủng hộ Ngô Đình Diệm. 30 người bị nhốt chặt ở hầm đá. 400 người bị cấm cố ở phòng 1 và 13 Trại 2, bị bắt ăn cơm muối.

19-11-1958: Thông tri 135/CS/VP sáp nhập Trại Cải huấn 1, 2 thành Trung tâm Huấn chính. Trại Cải huấn 3 thuộc Sở Đề lao được gọi gọn lại là Trại Cải huấn, chỉ nơi giam giữ tù án các loại.

20-1-1959: Địch lưu đầy gần 350 tù chính trị câu lưu ra đảo. Số chống ly khai bị cấm cố ở phòng 4, 5 Trại 1. Mấy ngày sau, địch bắt đi xây dựng Lao 3 (Banh 3). Tại hiện trường, anh em chống không làm. Hôm sau anh em tẩy chay không đi. Địch bắt một số nhốt Hầm đá đánh đập để ép buộc ly khai.

8-2-1959 (Mùng Một): Anh em Trại 2 được tổ chức sang thăm viếng anh em ở Trại 1 trong ngày Mùng Một Tết Nguyên đán. Hôm sau, địch mở cửa cho anh em Trại 1 ra sân chơi trong phạm vi quy định. Trật tự bắt được bức thư từ phòng 4 ném sang phòng 8 đối diện. Địch đóng cửa cả Trại, bắt đại diện phòng 4 để truy tác giả bức thư là anh Sáu Cao. Anh em phản đối, đòi trả đại diện.

10-2-1959: Toàn Trại 1 hô la, đòi địch trả đại diện. Đây là cuộc đấu tranh với hình thức hô la đầu tiên ở Côn Đảo, gây náo loạn cả khu vực thị trấn trong ngày Tết. Địch đàn áp phòng 4 bắt anh Sáu Cao đem nhốt Hầm đá.

Đầu tháng 3-1959: Chiến dịch “Chày vồ” của tên Trung úy Nguyễn Đắc Dận kéo dài 2 tuần lễ; Nguyễn Văn Giỏi trở ra đảo, chấm dứt chiến dịch Chày vồ, đưa số anh em mới bị đánh, buộc ly khai trở về Trại 1; Anh em Trại 2 liên hệ với lãnh đạo Trại 3, chuẩn bị thành lập Đảo ủy để thực hiện kế hoạch “làm chùa”, tổ chức bạo động cướp đảo, giải thoát cho anh em Trại 1. Kế hoạch bại lộ. Địch truy tổ chức trong khối tù án. Anh Hay trong bộ phận lãnh đạo khối tù án hy sinh, bị đầu mối.

1-7-1959: Chuyến tàu lưu đầy tù chính trị câu lưu lần thứ hai trong năm đến Côn Đảo. Anh em chống ly khai bị đưa vào Trại 1 cấm cố.

15-7-1959: Địch dời toàn bộ anh em chống ly khai xuống Trại 3. Cuộc dời trại biến thành cuộc biểu tình tuần hành của tù nhân trên đảo. Anh em liên tục hô khẩu hiệu: “Việt Nam Hòa bình Thống nhất Độc lập Dân chủ muôn năm”; Tại Trại 3, anh em bị phân ra 3 nơi : “Lao 3” từ thời Pháp còn lại, “Lao 4” để chỉ Banh 3 bị đập phá năm 1954 mới vừa xây dựng xong và Chuồng Cọp 1; Đây là ngày đánh dấu Chuồng Cọp được sử dụng đầu tiên để giam giữ tù nhân kể từ lúc bị đập phá hoàn toàn trong Cách mạng Tháng 8-1945. (Địch mới xây dựng xong khu Chuồng Cọp 1. Khu Chuồng Cọp 2 còn đang xây dựng chưa hoàn chỉnh); Anh em hạ ảnh Ngô Đình Diệm, xé tất cả khẩu hiệu suy tôn Diệm, khẩu hiệu chống Cộng trong phòng giam.

24-7-1959: Phòng 12 nổ ra tuyệt thực. Địch đàn áp. Cuộc tuyệt thực bẻ non chỉ còn lại 4 người tiếp tục tuyệt thực. Địch bắt đem nhốt Chuồng Cọp.

15-8-1959: Tháng đầu tiên dời xuống Trại 3 đã có 11 người chết.

17-8-1959: Phòng 9 và phòng 14 trả cơm không ăn (tuyệt thực không tuyên bố).

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Địch lấy cơ phạt toàn trại uống nước lạnh.

18-8-1959: Địch phát hiện bức thư của anh em Trại 2 (số nấu bếp) gửi cho anh em Trại 3 (Số anh em Trại 1 đòi xuống), thông báo tình hình. Chúng bắt 2 người nhốt Hầm đá Trại 2 khai thác. Sau đó bắt thêm 4 người nữa. Tất cả bị đưa xuống Chuồng Cọp.

24-8-1959: Phòng 12, 14 tuyên bố tuyệt thực.

25-8-1959: Các phòng còn lại của “Lao 4”(mới xây dựng lại) và phòng 6 “Lao 3” tuyên bố tuyệt thực.

26-8-1959: Các phòng còn lại ở “Lao 3” tuyên bố tuyệt thực, chỉ trừ phòng 1 (bệnh xá).

28-8-1959: Bạch Văn Bốn trực tiếp xuống giải quyết các yêu cầu của cuộc đấu tranh.

Cuối tháng 9-1959: Trại 3 đấu tranh hô la tập thể đòi giải quyết đời sống, thuốc men. Địch đối phó, mở đợt đàn áp đưa tất cả xuống Chuồng Cọp, nhưng Chuồng Cọp không đủ chỗ để giam giữ hơn 1.000 người. Chúng lọc lại gần 300 tiếp tục giam ở Chuồng Cọp. Số còn lại đưa lên Trại 3 (khu vực Lao 4, từ phòng 9 đến phòng 18). Số ở bệnh xá đưa về phòng 12.

Tháng 11-1959: Theo phát hiện của Ty Công an Phú Yên và chỉ đạo của Tổng Nha Cảnh sát Sài Gòn, địch truy bắt 40 anh em trong tổ chức gọi là vụ “Đảng ủy Trại 2” đưa xuống nhốt ở Chuồng Cọp.

20-12-1959: Chuyển lưu đầy tù chính trị câu lưu lần thứ ba trong năm đến đảo. Gần 200 trong tổng số 250 người chống ly khai bị nhốt ở “Lao 4” Trại 3. (“Lao 3”, “Lao 4” là tên anh em tù thường gọi để phân biệt hai khu vực thuộc Trại 3).

1-1960: Phát hiện bức thư của anh em Trại 2 gửi sang đồn lính Bảo an, anh Cao Viết Bảo bị bắt và bị đánh chết sau 20 ngày ở Chuồng Cọp (6-2-1960).

13-1-1960: Sắc lệnh số 04/NV thành lập cơ quan Quản đốc các Trung tâm Cải huấn ở miền Nam, một cơ quan ngang bộ. Sau này là Nha Cải huấn; Các Trung tâm Huấn chính được đổi thành Trung tâm Cải huấn.

20-1-1960: Nghị định số 80/NV, Ngô Đình Diệm bổ nhiệm Đại tá Nguyễn Văn Y làm Tổng Quản đốc các TTCH miền Nam.

1-2-1960: Tổng số tù chính trị : 4.758. Tháng 1-1960 có 20 người chết.

3-2-1960: Cuộc vượt ngục của 6 anh em tù chính trị câu lưu trong toán đi đồn củi thành công dù phải kéo dài mất 3 năm 9 tháng 15 ngày (1.372 ngày) mới đến vùng giải phóng.

2-1960: 285 anh em nhiều lần chống ký kiến nghị bị đưa xuống cấm cố ở “Lao 3”; Tháng 2-1960 có 14 người chết.

26-3-1960: Dương Văn Hiếu, Trưởng đoàn Công tác đặc biệt miền Trung tại Sài Gòn đệ trình bản kế hoạch đánh phá lực lượng tù chính trị câu lưu chống ly khai Cộng

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

sản ở nhà tù Côn Đảo mang số 46/ĐCT/ĐB/TV/M được Diệm Nhu phê chuẩn và thành lập Ban Chỉ huy chiến dịch (Anh em tù gọi chiến dịch này là chiến dịch Mai Hữu Xuân hay chiến dịch Bác ái theo tên của chỉ huy trưởng và tên của trại giam được đổi lại sau khi địch tiến hành đánh phá) gồm: *Chỉ huy trưởng*: Thiếu tướng Mai Hữu Xuân, Tổng Cục trưởng Tổng Cục ANQĐ ngục Sài Gòn; *Chỉ huy phó*: Đại tá Nguyễn Văn Y, Tổng Quản đốc các TTCH miền Nam; *Chỉ huy phó*: Dương Văn Hiếu, Trưởng Đoàn công tác đặc biệt miền Trung tại Sài Gòn; Lực lượng quân đội và Cảnh sát từ Sài Gòn được điều động ra đảo trực tiếp tham gia chiến dịch.

1-4-1960: Thiếu tá Lê Văn Thế thay thế Thiếu tá Bạch Văn Bốn làm Tỉnh trưởng kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn; Mở màn chiến dịch đánh phá lực lượng chống ly khai Cộng sản ở nhà tù Côn Đảo; Tất cả tù nhân ở Trại 3 bị dồn ra giữa trời tại 4 địa điểm:* 257 anh em ở Chuồng Cọp bị đưa ra Bãi Dương sát biển, phía trên Nhà thờ; 316 anh em ở “Lao 4” (Trại 3) bị đưa ra đồi cát gần Lò Vôi; 285 anh em còn lại ở “Lao 4” bị đưa lên chợ; 285 anh em ở “Lao 3” (số chống ký kiến nghị) bị đưa ra Bãi Dương trên đường đi An Hải.

2-4-1960: Hai trận mưa lớn trong đêm, tù nhân bị ướt lạnh giữa trời; Địch xáo trộn địa điểm: Số ở Bãi Dương sát biển đưa lên Chuồng Bò; Số ở Lò Vôi lên Hí viện; Số ở Bãi Dương gần An Hải lên sáp nhập với anh em ở khu vực chợ. Đến chiều 2-4-1960, địch giải tán luôn địa điểm chợ.

3-4-1960: Tất cả tập trung về Hí viện. Đến chiều, còn hơn 100 người. Địch xé lẻ từng người, từng nhóm, đưa ra sân vận động tiếp tục rúng ép, khủng bố tư tưởng. Từ tối đến 10 giờ đêm, địch khủng bố mạnh, đánh đập, trấn áp. 59 anh em còn lại cuối cùng bị đưa xuống Chuồng Cọp. 44 anh em đang nằm bệnh xá cũng bị đưa xuống Chuồng Cọp. Lực lượng tù chính trị chống ly khai Cộng sản còn lại đến lúc này là 103 người.

4-4-1960: Địch tập trung tất cả tù nhân tại sân vận động làm lễ “ly khai”. Sau đó bắt tù đi “biểu tình” tuần hành trên đảo. Đổi tên gọi các trại giam trên đảo: Trại 1 đổi thành Trại Cộng Hòa; Trại 2 đổi thành Trại Nhân Vị; Trại 3 đổi thành Trại Bác Ái. Từ lúc này địch tăng cường đánh đập, siết bóp đời sống, đối xử khắc nghiệt đối với anh em ở Chuồng Cọp. Một số anh em không chịu đựng nổi lần lượt phải rời vị trí.

25-4-1960: Tổng số tù nhân Côn Đảo là: 4.453. Câu lưu : 2.898. Tù án các loại : 1.755 người, tăng 959 người so với thời điểm 1-2-1960.

27-4-1960: Lâm Lễ Trinh, Bộ trưởng Nội vụ Sài Gòn ký Sự vụ lệnh số 58/BNV/NV/1 bổ nhiệm Phạm Sau làm Đoàn trưởng Cán bộ Cải huấn Côn Sơn.

28-4-1960: Chuyển tàu lưu đầy ra đảo, có 2 người tuyên bố chống ly khai bị đưa xuống Chuồng Cọp, trong đó có một Hoa kiều.

30-4-1960: Nghị định số 362/NV, Ngô Đình Diệm bổ nhiệm Trung úy Nguyễn Văn Út. Phụ tá Quản đốc TTHC Biên Hòa giữ chức Phó Tỉnh trưởng Côn Sơn thay Đại úy Nguyễn Văn Giới về Bộ Quốc phòng.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

30-5-1960: Tổng số tù chính trị câu lưu là :2.890. Số chống ly khai còn lại ở Chuồng Cọp là: 88 người. Bệnh xá: 167, Trại Nhân vị: 800. Trại Bác Ái: 1.400. Cỏ Ống: 383. Hướng nghiệp: 52. Trại Cộng Hòa giam tù án.

28-6-1960: Số chống ly khai Cộng sản còn ở Chuồng Cọp là 53 người.

30-6-1960: Tổng số tù nhân: 4.777 người. Câu lưu: 2.880. Tù án: 1.897. Riêng tù chính trị câu lưu chết trong 3 tháng 4, 5, 6-1960 là 22 người.

16-8-1960: Công văn số 5672/BNV/CT-19M của Lâm Lễ Trinh, Bộ trưởng Nội vụ Sài Gòn đổi tên các trại giam một lần nữa: TTCH 1 thay cho TTHC trước kia và TTCH từ 19-11-1958, quản lý tù chính trị câu lưu; TTCH 2 thay cho Trại Cải huấn, quản lý tù án các loại.

Giữa tháng 8-1960: Địch phân số tù chống ly khai làm 3 toán đưa lên 3 nơi là Ty Cảnh sát, Ty Thông tin và Ban Cải huấn để vừa “tắm bổ” vừa chiêu dụ. Suốt hai tuần vẫn không có kết quả.

1-9-1960: Nguyễn Văn Út ra lệnh đưa tất cả về Chuồng Cọp.

2-9-1960: Thay đổi toàn bộ trật tự gác Chuồng Cọp bằng Cảnh sát và lính Bảo an; Cán bộ cải huấn ráo riết vận động anh em ra bệnh xá. Hai tuần không thu được kết quả nào, địch chuyển sang tác động tâm lý, khủng bố tư tưởng: cho xuống ghe chở ra biển trong đêm tối, dọa cho vào bao bố, dằn đá ném xuống biển, dẫn lên Hàng Dương, cho xuống hố, lấp đất đến tận cổ hoặc dọa sẽ chôn sống nếu không ly khai Cộng sản... Kết quả không cạy gỡ được người nào. Địch trở mặt đánh đập anh em đến ngất xỉu rồi kéo về giam riêng lẻ từng người rải rác khắp cả hai khu Chuồng Cọp cốt tạo cảm giác không còn người nào ở Chuồng Cọp nữa. Khi tỉnh lại, đám Cải huấn tức trực chiêu dụ lên bệnh xá. Đến lúc này một số anh ra đi: Võ Quang Phúc, Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Thiện, Lâm Tường Bảo, Nguyễn Kim Bông, Trần Văn Cao.

25-9-1960: Tổng số tù nhân : 4.605 người. Câu lưu : 2.656, có 18 người chống ly khai. Tù án các loại : 1.949; Địch giải tỏa Chuồng Cọp đưa 18 anh chống ly khai lên Hầm đá Trại Nhân Vị.

Tháng 11-1960: Ba anh vừa rời Chuồng Cọp tháng 9-1960, ra khỏi bệnh xá về phòng, tuyên bố chống học chính trị bị đưa lại Chuồng Cọp.

28-11-1960: 18 anh em chống ly khai bị đưa trở lại Chuồng Cọp, tiếp tục tấn công

12-1960: 40 anh em Trại Nhân Vị chống học tập bị đưa xuống Chuồng Cọp.

15-12-1960: Anh Nguyễn Vinh (Vạn) cắt cổ tự vẫn trong Chuồng Cọp. Địch đưa lên bệnh xá.

16-12-1960: Địch thu giữ toàn bộ đồ dùng của 17 anh còn lại. Phạt bắt ăn cơm muối. Anh Trần Trung Tín tuyệt thực phản đối.

18-12-1960: Địch bắt anh Trần Trung Tín đem lên nhốt ở Hầm đá Trại Nhân Vị. Anh vẫn tiếp tục tuyệt thực.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

24-12-1960: Chấm dứt “cúp phạt bắt ăn cơm muối”. Anh Trần Trung Tín kết thúc tuyệt thực.

25-12-1960: Tổng số tù nhân : 4.526 người. Câu lưu: 2.381, chống ly khai : 18. Tù án các loại : 2.145.

13-1-1961: Lê Văn Thế xuống Chuồng Cọp, trực tiếp đánh đập tù nhân chống ly khai Cộng sản đến ngất xỉu mới dừng.

15-1-1961: Tăng Tư, Đại úy Phụ tá Quản đốc, Trưởng TTCH 1 xuống Chuồng Cọp ra lệnh bắt đầu “chiến dịch xối nước mùa đông” (trước Tết Nguyên đán) suốt ngày đêm đối với anh em tù chính trị.

16-1-1961: Anh Nguyễn Minh tuyệt thực. Đến 20-1-1960, địch đưa anh lên Hầm đá Trại Nhân Vị, vẫn tiếp tục xối nước.

22-1-1961: Địch ngưng xối nước 17 anh em chống ly khai. Anh Nguyễn Minh kết thúc tuyệt thực. Số hơn 40 anh em chống học tập bị xối nước đến ngày thứ 27, địch mới dừng.

2-1961: Sau 3 tuần ngưng, địch lại tiến hành xối nước ban đêm vào lúc 9. 12 và 3 giờ khuya đối với 17 anh em chống ly khai. Đến Tết Nguyên đán thì ngưng.

5-3-1961: Các anh Trần Trung Tín, Nguyễn Đình Đông, Lưu Chí Hiếu, Ngô Đến, Vũ Văn Mậu, Hoàng Chất tuyên bố tuyệt thực. Địch tách riêng, đưa sang Chuồng Cọp 2.

10-3-1961: Lê Văn Thế ký Sự vụ lệnh số 042/CS/VP/SVL thanh toán 18 người không ly khai Cộng sản. (Anh Nguyễn Vinh đang nằm bệnh xá, chưa ly khai).

12-3-1961: Lê Văn Thế xuống Chuồng Cọp, giải quyết trả lại sinh hoạt bình thường cho 6 anh tuyệt thực. Số còn lại, chúng kéo dài siết bóp, mấy ngày sau mới nói ra. Đồng thời, tăng cường cán bộ Cải huấn bám sát ngày đêm, chiêu dụ ra bệnh xá.

Từ 18-3 đến 16-4-1961: Hai Quảng phản bội ra đầu thú với 5 lần viết bản phản tỉnh, khai báo và vạch kế hoạch cho địch đánh phá lực lượng tù chính trị.

Từ 24-3 đến 27-3-1961: Không lung lạc được người nào trong số 17 anh ở Chuồng Cọp. Riêng anh Nguyễn Vinh đã rớt khi đang nằm bệnh xá. Địch bắt mỗi người tự viết bản xác định lập trường.

Tối 27-3-1961: Địch bắt đầu xối nước trở lại. Anh em tranh nhau đòi đập đầu vào tường. 9 giờ tối, địch huy động lực lượng trật tự, kéo từng người trong số 17 anh chống ly khai ra sân đánh đập cho đến khi ngất lịm, không còn phản ứng gì, chúng mới ném vào Chuồng Cọp, tiếp tục xối nước; Kết quả: 5 anh chết trong đêm là Hoàng Chất, Ngô Đến, Cao Văn Ngọc, Nguyễn Công Tộc, Phạm Thành Trung.

28-3-1961: 5 người chết bị vùi chung một hố ở nghĩa địa Hàng Dương; Anh Nguyễn Văn Mười (Hoàng Sơn) chết; 16 ngày sau, anh Nguyễn Văn Định ngấm đòn, chết theo; Mười người còn lại đều bị thương tích trầm trọng. Nhiều người không còn cử động được. Địch vẫn xối nước hàng đêm.

6-1961: Địch khám phá bộ máy tổ chức, lãnh đạo trong khối tù án. Một số cốt cán bị bắt nhốt Hầm đá.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

7-1961: Địch khởi công xây lại mộ Nguyễn An Ninh. Chúng bắt tù đào mộ người chết để mở một đường vòng lên mộ. Anh em tù câu lưu cương quyết chống không đào. Lê Văn Thế trực tiếp chỉ huy trận đàn áp tại hiện trường. Anh Hà Thoi (Hà Văn) xung phong nằm ôm lấy bộ xương người chết mặc cho địch đánh đến toi cả bó gốc mây. Ngày hôm sau, anh em vẫn cương quyết chống. Địch phải bỏ dở kế hoạch, kể cả việc di dời 2 ngôi mộ nằm trong vòng rào mộ của Nguyễn An Ninh theo dự kiến của chúng.

17-7-1961: Anh Trần Trung Tín tuyệt thực. Sau 28 ngày, đến 13-8-1961, anh bị chết khô trong xà lim số 25 Chuồng Cọp 1. Lần đầu tiên người tù chống ly khai Cộng sản chết có được chiếc quan tài gỗ để chôn cất.

Giữa tháng 8-1961: Anh Nguyễn Đình Đông tiếp tục hy sinh trong Chuồng Cọp; Anh Nguyễn Văn Điểm chấp nhận ra bệnh xá sau khi có Công an từ Sài Gòn ra hỏi một số việc liên quan đến khi bị bắt. Số chống ly khai còn lại 7 người.

6-9-1961: Địch chuyển anh Huỳnh Văn Khi ra bệnh xá khi anh đang hấp hối vì thương tích trầm trọng, hậu quả của trận đánh đêm 27-3-1961 : gãy 2 xương quai xanh, 7 xương sườn, chấn thương cột sống gây liệt chi, bị kiết lỵ ra máu. Anh giả câm luôn. Tháng 7-1962, địch đưa anh về nhà thương Chợ Quán rồi Biên Hòa. Tháng 4-1964, địch gọi gia đình lên lãnh anh đem về nhà.

12-11-1961: Cuộc vượt ngục của 6 anh em tù câu lưu ở Cỏ Ống bất thành. Một anh bị lạc ở lại, 5 anh chiều hôm sau địch truy đuổi bắt được trên biển.

15-11-1961: Đại đội 3, Tiểu đoàn 3 thuộc Liên đoàn nhảy dù thực tập nhảy dù ở gần thị trấn. Riêng khu vực Cỏ Ống không thực hiện được. Đây là hoạt động trong kế hoạch phòng thủ, đề phòng “Việt Cộng” bất ngờ tấn công giải phóng đảo, giải thoát tù nhân.

24-12-1961: Địch xối nước ở Chuồng Cọp. Anh Lưu Chí Hiếu hy sinh. Chuồng Cọp chỉ còn lại 5 anh chống ly khai.

26-12-1961: Nghị định 1291/NV, Ngô Đình Diệm bổ nhiệm Đại úy Tăng Tư làm Phó Tỉnh trưởng Côn Sơn thay thế Đại úy Nguyễn Văn Út.

11-1-1962: Lê Văn Thế và Bùi Văn Tám - Phụ tá Quản đốc xuống Chuồng Cọp giải quyết: ngưng xối nước, cấp phát quần áo, chăn màn, cho tắm nước nóng, ăn uống khẩu phần đôi, được mở cửa suốt ngày.

12-1-1962: 5 anh được chuyển lên Hầm đá Trại Nhân Vị, giữ nguyên chế độ sinh hoạt như đã giải quyết.

15-1-1962: Rút toàn bộ tù câu lưu ở Cỏ Ống, đưa sang Bến Đầm đón củi: 123 người, Trại chăn nuôi: 52 người.

19-2-1962: Chuyển toàn bộ tù câu lưu về Trại Nhân Vị. Chuyển tù án xuống Trại Bắc Ái. Trại Cộng Hòa làm nơi giam giữ tạm số tù mới bị lưu đày ra đảo.

Tháng 3-1962: 5 anh chống ly khai bị đưa trở lại Chuồng Cọp. Chế độ sinh hoạt vẫn giữ nguyên như khi ở Hầm đá. Tuy nhiên, từng lúc địch dung túng cho tên trật tự

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Phạm Kỳ Long đánh đập, xối nước bẩn, đóng cửa bỏ đói, cúp nước uống...; Trong tháng địch đưa về đất liền 84 tù chính trị câu lưu.

20-4-1962: Tổng số tù nhân trên đảo: 4.402 người. Trong đó: Câu lưu 1.155 người. Có 5 người chống ly khai ở Chuồng Cọp. Tù án 3.247 người: Chính trị: 1.715, Quân phạm chính trị: 149, Tử hình: 149.

30-8-1962: 500 tù câu lưu được đưa về đất liền, trong đó có 5 anh chống ly khai; Số tù câu lưu còn lại ở Côn Đảo là 504 người.

2-9-1962: Anh em về nhà lao Phú Lợi tuyên bố chống chào cờ, chống học tập tổ Cộng, không chấp nhận nội quy nhà giam. Địch đưa xuống nhà lao Tân Hiệp đánh đập, còng xiềng. Sau 2 tuần, 53 anh em vẫn giữ vững yêu cầu. Trong đó có một số anh em bị đánh đập thương tích nặng đã được đưa ra nhà thương Chợ Quán cùng với 5 anh chống ly khai Cộng sản ở Côn Đảo về.

Ngay trong tháng 9-1962, địch đày 53 anh em này ra nhà lao Thanh Tân ở huyện Phong Điền, Thừa Thiên. Nơi đây đã có sẵn hơn 200 anh em từ nhà lao Phú Lợi đưa ra vào tháng 8-1960 và số anh em các tỉnh miền Trung.

9-1962: Địch phá vỡ tổ chức Đảo ủy, Liên chi, 6 chi bộ và Ban Chỉ huy Liên đoàn tù nhân giải phóng trong khối tù án. Toàn bộ 339 người trong hệ thống tổ chức này bị địch phát hiện và vô hiệu hóa. Một số cán bộ chủ chốt bị địch đưa vào cấm cố một thời gian; Tù chính trị câu lưu lại bị đưa về giam ở Trại Bắc Ái (Lao 4).

2-10-1962: Báo cáo của Ty Y tế Côn Sơn cho Đoàn Thanh tra Bộ Nội vụ Sài Gòn về số lượng tù nhân chết ở Côn Đảo như sau: 1960: 103 ; 1961: 27; 1962: dự kiến dưới 20.

14-12-1962: Địch lưu đày 5 anh chống ly khai trở lại Côn Đảo. Chuyến này có thêm 3 anh chống chào cờ, chống học tập từ nhà lao Phú Lợi là Lê Minh Quới, Hoàng Tam Kỳ và Võ Văn Tuấn. Tất cả bị nhốt ở Chuồng Cọp.

Trung sĩ Ngô Thanh Trị, an ninh Chuồng Cọp tiến hành đột siết bóp rất khắc nghiệt đối với cả 8 anh. Gần Tết Nguyên đán, Lê Văn Thế ra lệnh giải tỏa nhưng Trị chỉ thực hiện đối với 5 anh cũ còn 3 anh mới, hấn đưa sang Chuồng Cọp 2 tiến hành bỏ đói, bỏ khát và xối nước hàng đêm. Sau 10 ngày, hai anh Hoàng Tam Kỳ và Võ Văn Tuấn bỏ cuộc. Địch ngưng xối nước và đích thân Trị đi kiểm tra hàng đêm vì hấn nghi trật tự Chuồng Cọp tiếp tế.

15-2-1963: Anh Lê Minh Quới bị chết khô sau 14 ngày bị bỏ đói, bỏ khát ở Chuồng Cọp. Anh có mặt ở Côn Đảo vừa đúng 60 ngày.

17-1-1963: Địch chuyển 200 anh em ở Côn Đảo về xuống Năm Căn - Cà Mau.

18-2-1963: Phái đoàn USOM của Mỹ do Benson dẫn đầu ra kiểm tra tình hình nhà lao Côn Đảo và chuẩn bị kế hoạch đưa thêm 3.000 tù nhân ra đảo.

1-5-1963: Chi bộ Đảng Lê Hồng Phong của “Lao 4” Trại 3 được thành lập.

Tháng 5-1963: Anh Nguyễn Minh, 1 trong 5 anh chống ly khai Cộng sản còn lại, được đưa về đất liền. Sau đó được trả tự do.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

12-6-1963: 47 anh em ở trại giam Năm Căn đã vượt ngục thành công.

13-6-1963: Địch đưa số anh em còn lại ở Năm Căn về Sài Gòn.

16-7-1963: Thiếu tá Nguyễn Văn Sáu thay thế Thiếu tá Lê Văn Thế là Tỉnh trưởng kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn theo Nghị định số 523/NV ngày 3-7-1963 của Ngô Đình Diệm.

1-8-1963: 61 Hoa kiều (tù chính trị câu lưu bị đày ra đảo ngày 28-4-1960) được đưa ra Sở Muối, trả tự do tại chỗ, thực hiện chế độ quản thúc.

20-8-1963: Tổng số tù nhân trên đảo: 3.972 người. Câu lưu: 498. Tù án các loại: 3.474. Thường phạm: 1.197, Quân phạm chính trị: 161, Quản thúc: 1, Tử hình: 205, trong đó có 28 án tử hình thường phạm. Số liệu trên không tính đến 61 Hoa kiều.

9-10-1963: Nguyễn Tấn Đạt, Trung úy Bình Xuyên, tù ác ôn, bị 3 tù án tư pháp là Võ Văn Tiên, Nguyễn Văn Trung và Nguyễn Văn Hai trừng trị bằng 13 nhát đâm. Đạt chết ở bệnh xá Trại 2. Tháng 11-1964, cả ba anh đã vượt thoát trên đường áp giải về Sài Gòn và đã thoát ly tham gia Cách mạng.

1-11-1963: Đảo chánh ở Sài Gòn. Ngô Đình Diệm bị giết chết.

3-11-1963: Toàn Trại 3 “Lao 4” tẩy chay việc hô khẩu hiệu. Địch bắt đại diện đem nhốt Chuồng Cọp và cấm cố 240 anh em tại phòng.

7-11-1963: Địch chuyển hết số tù “chính trị quốc gia” và số liên quan đến vụ đảo chính hụt ngày 11-11-1960 về đất liền. Đổi tên các trại giam: Trại Bắc Ái thành Trại 1 (chính và phụ); Trại Cộng Hòa thành Trại 2; Trại Nhân Vị thành Trại 3; Khu mới xây dựng trước Chuồng Cọp đặt tên Trại 5.

25-11-1963: Tổng số tù nhân trên đảo: 3.619 người. Câu lưu: 490 (khó cải tạo: 185, dễ cải tạo: 244) không kể 61 người Hoa. Tù án: 3.129 người. Án chính trị: 1.606. Thường phạm: 1.249. Giáo phái: 274.

23-12-1963: Trại 1 tuyệt thực đòi : Giải tỏa cấm cố, tôn trọng tự do tư tưởng, bãi bỏ việc hô khẩu hiệu, bãi bỏ việc học tập chính trị, đòi trả tự do, đòi giải quyết đời sống, bữa ăn có thịt, cá, rau củ.. cấp thuốc men chữa trị bệnh hoạn, được bầu Tổng đại diện.

25-12-1963: Nguyễn Văn Sáu ở đất liền mới ra, giải quyết các yêu cầu Trại 1 đã nêu và bãi bỏ việc hô khẩu hiệu toàn đảo. Cuộc tuyệt thực kết thúc.

27-12-1963: Anh em Trại 1 bầu Tổng đại diện, có sự chứng kiến của Nguyễn Văn Sáu. Sau đó, đại diện xuống Chuồng Cọp thông báo kết quả. 16 người vươn lên tuyên bố chống chào cờ. Số còn lại lên phòng.

20-1-1964: Trại 1 đồng loạt tuyên bố chống chào cờ, trừ số nấu bếp và y tế được bố trí ở lại.

21-1-1964: Địch đối phó, bắt đại diện và một số anh em nhốt Chuồng Cọp. 100 anh em, phân làm 2 toán, mỗi toán 50 người bị nhốt ở Hầm đá Trại 2 và Trại 3, tiến hành đánh đập, khủng bố.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

27-1-1964: 123 anh em từ nhà lao Thanh Tân (trong đó có 53 anh em ở đảo về đất liền năm 1962) bị đày ra đảo. Anh em đều chống chào cờ. Sau một tuần lễ, địch đưa xuống giam ở phòng 5 và phòng 7 Trại 1. Địch cấm cố nghiêm ngặt, bịt kín các cửa thông hơi, đóng luôn cửa gỗ, hạn chế nước uống và nước sinh hoạt, không cho ăn rau...

28-1-1964: Địch chuyển tù về đất liền trong đó có 4 anh chống ly khai. Đến 30-4-1964, cả 4 anh đều được trả tự do; Từ 28-1-1964 đến tháng 3-1964, địch lần lượt đưa một số anh em đang chống chào cờ về đất liền. Một số ít được trả tự do còn đại bộ phận bị đày ra đảo trở lại trong các chuyến tàu ngày 7-6 và 2-9-1964; Lực lượng tù câu lưu chống chào cờ tại Côn Đảo là 288 người: Chuồng Cọp : 27 (còn anh Võ Văn Tuấn và Phan Minh Sáu). Phòng 5+7: 123 người. Hầm đá Trại 2 và Trại 3: 100 người.

2-1964: Bể bực tổ chức Liên chi ở phòng 2 và 4 (Tử hình). Địch bắt số cốt cán nhất Hầm đá và còng chân toàn bộ anh em ở 2 phòng giam.

1-4-1964: Giải tỏa 2 Hầm đá, anh em tù câu lưu được đưa về phòng 4 và phòng 8 Trại 1. Giải quyết một phần yêu cầu về đời sống, được mở cửa ra ngoài phơi nắng hàng ngày...; Phái đoàn Hồng thập tự Quốc tế ra Côn Đảo có Trần Văn Tư, Đại tá Tổng Giám đốc Nha Cải huấn hướng dẫn vào Trại 1; 5 anh ở Chuồng Cọp tuyệt thực.

2-4-1964: 21 người còn lại ở Chuồng Cọp tiếp tục tuyệt thực đòi xả còng, trả lại quần áo, nước đủ uống, thức ăn có chất tươi.

6-4-1964: Nguyễn Văn Sáu chấp nhận giải quyết các yêu cầu của anh em ở Chuồng Cọp. Cuộc tuyệt thực kết thúc.

9-5-1964: 19 anh em tù án chính trị ở Sở Lưới cướp ghe vượt đảo thành công.

3-6-1964: Nghị định 1061/NV, Nguyễn Khánh bổ nhiệm Thiếu tá Tăng Tư (lúc này đang còn là Đại úy, được hợp thức hóa việc thăng cấp bằng Nghị định số 10/NV ngày hôm sau, 4-6-1964) thay thế Thiếu tá Nguyễn Văn Sáu làm Tỉnh trưởng kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn.

4-6-1964: Địch bày trò tặng quà của Thủ tướng Chính phủ (tức Nguyễn Khánh - địch dấu không nêu tên). Bất ngờ, không trao đổi được với nhau nên chỉ có 68 anh em ở phòng 4 và 6 anh ở Chuồng Cọp trong tổng số 276 người, không nhận quà.

6-6-1964: Phòng 5 (46 người) tuyên bố tuyệt thực (buổi chiều).

7-6-1964: Phòng 7 (65 người) tiếp tục tuyên bố tuyệt thực (buổi sáng); Phòng 8 (28 người) tiếp tục tuyên bố tuyệt thực (buổi chiều).

9-6-1964: Phòng 4 (68 người) tuyên bố tuyệt thực mang tính chất hỗ trợ; Tổng số người tham gia cuộc tuyệt thực là 202; Thiếu úy Nguyễn Hữu Diệp thay thế Thượng sĩ Nguyễn Văn Nghĩa làm Trưởng Trại 1.

14-6-1964: Anh Nguyễn Văn Nghĩa hy sinh ở phòng 5.

16-6-1964: Anh Đoàn Khôi hy sinh ở phòng 7.

18-6-1964: Anh Bùi Dự hy sinh ở phòng 7.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

19-6-1964: Anh Lê Kinh Đức (Lê Tự Kinh) hy sinh ở phòng 7; Số còn lại lúc này là 130 người. Dịch liên tục xáo phòng, chuyển một số anh em sang Trại 1 phụ tức “Lao 3”.

21-6-1964: Do tính chất tham gia hỗ trợ cuộc đấu tranh nên khi Trần Hữu Khỏe, Phụ tá Quản đốc tuyên bố : Thiếu tá Tỉnh trưởng chấp nhận không bắt anh em chào cờ, hô khẩu hiệu nữa. Yêu cầu anh em trở lại ăn uống bình thường. 60 anh em ở phòng 4 đã chủ động kết thúc cuộc tuyệt thực. (Lúc này, anh em chưa biết tin Tăng Tư thay Nguyễn Văn Sáu).

22-6-1964: Số anh em còn duy trì tuyệt thực là 62 người; Cuộc tuyệt thực kéo dài đã tác động mạnh đến các giới chóp bu ở Sài Gòn. Từ Võ phòng đặc biệt Phủ Thủ tướng, Bộ Nội vụ, Tổng Nha Cảnh sát, Nha Cải huấn liên tục yêu cầu Côn Đảo báo cáo tình hình hàng ngày bằng công điện thượng khẩn.

24-6-1964: Phái đoàn Tổng Nha Cải huấn ra đảo. Đến chiều, tiếp tục phái đoàn của Phủ Thủ tướng ngụy ra theo và hôm sau, đến lượt phái đoàn của Bộ Nội vụ.

26-6-1964: 17 giờ - 14 anh em ở phòng thứ nhất kết thúc, sau khi Hạ sĩ Nuôi, phó trại vào thông báo kết quả giải quyết của Ban Quản đốc.

27-6-1964: 7 giờ 30 - 28 anh em ở phòng thứ hai kết thúc trong điều kiện tương tự như ngày hôm trước; 16 giờ - 20 anh em ở phòng cuối cùng kết thúc trong hoàn cảnh tương tự, chấm dứt 22 ngày tuyệt thực dai dẳng của tù chính trị câu lưu Trại 1.

Kết quả: 4 người hy sinh trong thời gian tuyệt thực; 74 người phải bỏ yêu cầu đấu tranh; 60 người chủ động kết thúc vì tính chất hỗ trợ; 62 người giữ vững vị trí cho đến khi dịch giải quyết yêu cầu.

Một tuần sau, Trần Văn Tư, Đại tá Tổng Giám đốc Nha Cải huấn đích thân ra đảo giải quyết tăng khẩu phần hàng ngày của tù nhân: có thịt cá, rau củ từ Sài Gòn chở ra, giải quyết cháo sáng, đường..., đưa số anh em bệnh ở bệnh xá về đất liền...

21-8-1964: Tất cả 167 tù chính trị câu lưu chống chào cờ (trong đó có số bị lưu đày ra đảo ngày 7-6-1964) bị đưa xuống Chuồng Cọp; Tổng số tù nhân trên đảo: 3.682 người gồm câu lưu: 290, tù án: 3.392. Riêng tù án chính trị hơn 2.000 người.

2-9-1964: Chuyển lưu đày từ Chí Hòa (có anh em ở Phú Lợi đưa xuống) ra Côn Đảo có cả tù câu lưu và tù án; Lần đầu tiên ở Côn Đảo, tù án chính trị mới lưu đày ra, tuyên bố chống chào cờ. Đợt thanh lọc tại chỗ còn 57 người chống. Sau trận khủng bố đầu tiên còn lại 25 người, dịch đưa xuống nhốt hầm đá tiếp tục đánh đập hàng ngày; Hơn 30 tù câu lưu tuyên bố chống chào cờ bị đưa xuống Chuồng Cọp.

1-10-1964: Bắt đầu giảm xuống còn án chung thân khổ sai cho số án tử hình. Riêng số tử hình thuộc lực lượng giáo phái và số liên quan vụ đảo chính hụt ngày 11-11-1960 được đưa về đất liền trả tự do từ tháng 11-1963.

17-2-1965: Phan Khắc Sửu, “Quốc trưởng” Sài Gòn tổ chức tặng quà cho tù nhân, xây bệnh xá và tuyên bố ân xá cho 100 tù chính trị Côn Đảo. Một số anh em ở xà lim tẩy chay không nhận quà.

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

20-2-1965: Anh Trương Thành Ngữ (Bình Định) hy sinh ở Chuồng Cọp.

Cuối tháng 2-1965: Còn 6 anh em tù án chính trị trụ vững ở vị trí chống chào cờ, bị giam ở Hầm đá Trại 2. Anh Phan Văn Khá (Mỹ Tho) vươn lên tuyên bố chống chào cờ, nâng số chống chào cờ trong khối tù án chính trị là 7 người.

27-2-1965: 57 tù án chính trị ở Sở Chỉ tồn bắt theo 2 trật tự là thường phạm đã cướp tiểu đình trong khi dọn tàu, vượt đảo thành công.

2-3-1965: Phái đoàn Bộ Nội vụ Sài Gòn ra đảo thông qua danh sách trả tự do cho 100 tù chính trị, trong đó có 48 tù câu lưu.

31-3-1965: Tổng số tù nhân trên đảo: 3.265. Câu lưu: 502(giảm 48 về đất liền). Số chống chào cờ bị giam ở Chuồng Cọp: 301 (tăng 134 so với ngày 21-8-1964).

Đầu tháng 4-1965: 100 anh em ở Chuồng Cọp được đưa lên Trại 1 phụ (Trại 4 sau này). Hàng ngày một toán 40 người đi đốn củi cho riêng Trại 1 sử dụng theo định mức thỏa thuận bằng phân nửa định mức của tù khổ sai. Địch thường xuyên thay đổi số người đi đốn củi. Đưa một số xuống lại Chuồng Cọp và đưa số khác lên thay. Anh em chấp nhận việc đi đốn củi để tạo điều kiện giải tỏa cấm cố, còn địch lại tận dụng nhân công lao động của tù.

21-4-1965: Sắc lệnh số 75/NV của Phan Huy Quát, bãi bỏ tỉnh Côn Sơn, thiết lập nơi đây là một cơ sở hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương; Thiếu tá Nguyễn Thế Ty, thay Tăng Tư, được bổ nhiệm Đặc phái viên hành chính kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn.

Tháng 5-1965:- Thiếu tá Nguyễn Phát Đạt thay thế Thiếu tá Nguyễn Thế Ty làm Đặc phái viên hành chính kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn.

26-4-1965: Địch bắt số án chung thân (đa phần từ án tử hình giảm xuống) đi làm cộng đồng ngày chủ nhật để xây chùa Núi Một. Anh em lên tiếng phản đối trong khi hành dịch. Đến chiều, địch lọc bắt 63 người đem nhốt chặt ở Hầm đá Trại 2. Tối 30 rạng sáng 1-5-1965, anh Mai Văn Xinh chết. Địch phải giải tỏa Hầm đá, đưa tất cả anh em về phòng.

Tháng 4-1965: Các chuyến tàu lưu đầy đầu năm 1965 đều có anh em tù câu lưu chống chào cờ bị đưa xuống Chuồng Cọp.

18-6-1965: Anh Võ Quang Phúc (Trần Văn Sắc) hy sinh tại Chuồng Cọp.

25-6-1965: Chuyến tàu lưu đầy tù nhân ra đảo. Sau một tuần lễ gạn lọc, còn 9 tù án đầu được ở vị trí chống chào cờ, nâng số tù án chính trị chống lên 10 người; Số tù câu lưu chống chào cờ còn 4 người. Địch đưa xuống Chuồng Cọp.

17-7-1965: Anh Lê Trọng Lợi (Lê Bút) hy sinh tại Chuồng Cọp.

21-7-1965: Tổng số tù nhân Côn Đảo là: 3.492 người. Câu lưu: 578, Tù án chính trị: 2.296, Tử hình: 16 (11 chính trị, 5 thường phạm).

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Đầu tháng 9-1965: Dịch đưa 8 án tử hình (5 thường phạm, 3 chính trị) từ Côn Đảo về Chí Hòa chuẩn bị hành quyết 9 người (có 1 án chính trị tại Chí Hòa) theo công văn số 1155/UBHP/HCTQ/1/M ngày 9-9-1965.

21-9-1965: Lộ thư của “BCH Đảng bộ miền Nam gọi các đồng chí nhà lao”. Dịch truy bắt 22 tù chính trị câu lưu đang làm khổ sai.

25-9-1965: Anh Lê Văn Quý (Sở Lưới) trốn thoát, sau đó vượt đảo thành công.

28-9-1965: Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của dư luận trong và ngoài nước, Chính quyền Sài Gòn phải hoãn hành quyết 4 chính trị phạm, chỉ hành quyết 5 thường phạm, theo điệp văn mang tay số 1235/UBHP-HC/M.

11-10-1965: Lê Văn Quyên (Lê Thanh Bình) hy sinh tại Chuồng Cọp.

11-1965: Thiếu tá Nguyễn Văn Vệ thay thế Thiếu tá Nguyễn Phát Đạt làm Đặc phái viên hành chánh kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn.

30-12-1965: Tổng số tù nhân trên đảo là 3.551 người. Câu lưu 632 người.

26-2-1966: 1 tù án chính trị mới lưu đầy ra đảo đậu được ở vị trí chống chào cờ.

23-9-1966: Dịch lưu đầy 33 phụ nữ chống chào cờ ra Côn Đảo, giam ở Trại 5.

Tháng 11-1966: 3 anh Lê Hồng Tư, Phạm Văn Dấu và Nguyễn Văn Hai ở phòng Tử hình vượt ngục. Cuộc vượt ngục bất thành. Dịch bắt lại được.

30-11-1966: Anh Nguyễn Văn Hai chết ở Hầm đá sau 15 ngày bị đánh đập, siết bóp đời sống.

1-12-1966: Có 11 tù án chính trị mới lưu đầy đậu được ở vị trí chống chào cờ.

Tháng 12-1966: Từ sự dao động tư tưởng của Phan Văn Jean, dẫn đến việc khai báo của số anh em có trách nhiệm, dịch khám phá và vô hiệu hóa hệ thống tổ chức của hai phòng tử hình được giảm án chung thân. Tất cả bị còng ở Phòng 6 sau thời gian bị nhốt Hầm đá; Chị em phụ nữ đấu tranh tuyệt thực. Bảy ngày sau, một chị mổ bụng. Dịch phải giải quyết các yêu cầu của cuộc đấu tranh.

Tháng 2-1967: Sau Tết Nguyên đán, một số tù án tại chỗ lần lượt vươn lên chống chào cờ. Sau những trận đánh đập, số anh em còn trụ vững trong khối tù án chính trị là 64 người. Dịch đưa tất cả xuống khu Chuồng Cọp 1 tiếp tục tấn công.

7-4-1967: Có thêm 27 tù án mới ra tuyên bố chống chào cờ, kéo theo số tại chỗ vươn lên nâng tổng số chống là 180 người. Dịch đưa hết xuống Chuồng Cọp tấn công. Sau một tuần lễ, có 77 người bỏ yêu cầu. 27 anh em ở 3 xà lim lần lượt tuyên bố tuyệt thực. Dịch xé lẻ, giam 2 người một xà lim.

10-4-1967: 3 anh Trần Văn Nhiệm, Mừng, Bùng (trong số tù câu lưu đầy ra đảo trong chuyến tàu ngày 24-6-1965), dịch đưa sang làm khổ sai ở Bến Đầm đã đánh cắp ghe vượt đảo thành công.

20-4-1967: Anh Dương Văn Thừa mổ bụng. Dịch còng cả hai tay, hai chân. Thêm một số đồng anh em bỏ yêu cầu, trong đó có 15 tù án tham gia tuyệt thực.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

22-4-1967: Địch huy động trật tự, an ninh đàn áp quyết liệt. 12 anh em tù án đang tuyệt thực bị đưa về Phòng 6 Trại 2; Kết thúc đợt tấn công, còn lại 6 người trụ vững, không kể anh Phạm Văn Hải, chống chèo cờ từ 2-9-1964, địch tách riêng ở Hầm đá.

10-5-1967: Địch tấn công Trại 1 phụ (Trại 4 sau này) bằng vôi bột, gậy gộc, xích sắt, đưa anh em tù câu lưu ở 3 phòng (2 phòng củi, và phòng y tế - vệ sinh) xuống Chuồng Cọp.

Tối 11-5-1967: Địch lọc 10 người mới xuống Chuồng Cọp, đưa trở lại Trại tiếp tục đánh đập, bắt ép chèo cờ. Hai người chết là Lâm Tường Bảo và Lê Văn Tâm, 6 người bị thương tích trầm trọng. Địch phải dừng tay. Hôm sau, số anh em ở phòng bếp còn lại bị đưa xuống Chuồng Cọp; Trại 1 phụ chính thức đổi tên gọi thành Trại 4.

6-6-1967: Anh Nguyễn Đình Thành chết ở Chuồng Cọp vì ngộ độc nhưng không được cấp cứu kịp thời.

30-6-1967: Có 14 tù án chính trị mới ra tuyên bố chống chèo cờ. Sau 3 ngày bị đánh đập còn 2 người đậu. Hôm sau thêm 1 anh vươn lên chống lại. Địch đưa hết xuống Chuồng Cọp 2.

Tháng 12-1967: Nguyễn Văn Vệ ra lệnh giải tán Sở Rẫy Thiên Thu, đánh dấu bước phá sản của “kế hoạch ngũ niên tự túc” do Mỹ đài thọ.

Chiều 3-2-1968 (Mùng 4 Tết): Còng chân ban đêm toàn bộ anh em ở Chuồng Cọp. Sau đó, qua trao đổi, anh em thống nhất chống lại việc tự mang còng còng chân mình. Địch đối phó, còng chân suốt ngày đêm.

22-2-1968: Có 10 tù án chính trị mới ra, chống chèo cờ. Địch đưa hết xuống Chuồng Cọp.

3-1968: Địch đưa 32 phụ nữ về Sài Gòn. Có một chị được đưa về trước để trao đổi với ta.

9-3-1968: Anh Ngô Văn Khả hy sinh ở Chuồng Cọp.

Tháng 5-1968: Địch xả còng. Toàn bộ tù chính trị câu lưu bị chuyển hết sang Chuồng Cọp 1; Tổng số tù án chính trị chống chèo cờ là 74 người, bị giam ở Chuồng Cọp 2.

29-5-1968: Anh Phan Đình Tự, tù án chính trị hy sinh ở Chuồng Cọp 2.

Tháng 7-1968 đến đầu tháng 8-1968: Địch đối phó với chiến dịch Tổng tấn công đợt 2. Còng toàn bộ anh em ở Chuồng Cọp suốt ngày đêm, kết hợp với việc siết bóp đời sống. Thức ăn hàng ngày chỉ toàn mắm loãng. Bệnh tật phát triển tràn lan; 13 tù câu lưu không chịu đựng nổi đã rời vị trí. Một số ít phản bội, chỉ điểm và hiến kế cho địch đánh phá lại anh em; Địch bắt 104 tù câu lưu chuyển sang Chuồng Cọp 2 tấn công, còng 8 người một xà lim, bỏ trống một xà lim để ngăn không cho anh em liên lạc với nhau bằng cách gõ moọt xuyên qua tường; Tù án chính trị chống chèo cờ còn lại 24 người.

20-10-1968: Anh Trần Tùy hy sinh ở Chuồng Cọp.

Cuối tháng 10-1968: Địch lọc số già yếu, bệnh tật gần 200 người đưa về nhà lao Chí Hòa, sau lên Tân Hiệp; Ở Chuồng Cọp, tuy đã xả công, nhưng địch tấn công thêm một bước nữa: Không cho nói chuyện, không cho ngồi hai người ngoài giờ cơm, không cho nằm cùng đầu với nhau...

11-1968: Có 42 tù án chính trị mới lưu đày ra đảo tuyên bố chống chào cờ.

Tháng 12-1968: Anh em tù án chống việc khai thác đá cung cấp cho hãng thầu Mỹ xây dựng nhà lao. Địch đưa sang Bãi Cạnh bắt đốn củi nhưng thực chất là đưa ra xa để đàn áp, tránh được sự phản ứng của tù nhân trên đảo. Dù bị đánh đập, nhiều người bị trọng thương, anh em vẫn cương quyết giữ vững yêu cầu, Một tuần sau, địch phải đưa về đảo chính.

4-1969: Có 22 tù án chính trị mới lưu đày ra đảo tuyên bố chống chào cờ.

7-8-1969: Có 53 tù án chính trị mới lưu đày ra đảo tuyên bố chống chào cờ; Tù chính trị câu lưu đưa về đất liền năm 1968 bị đày ra đảo trở lại. Thêm một số mới tuyên bố chống chào cờ. Tất cả bị đưa hết xuống Chuồng Cọp.

25-8-1969: Tổng số tù nhân trên đảo là: 7.514 người. Câu lưu: 2.280. Tù án: 5.234. Gồm có: án chính trị: 2.988, Quân phạm chính trị: 1.017, Thường phạm: 344, Quân phạm thường án: 861. Giáo phái chính trị: 211.

29-11-1969: Giải tòa toàn bộ số tù án chính trị chống chào cờ ở Chuồng Cọp 2, đưa lên Trại 4. Giải quyết nới rộng đời sống. Sau đó, bắt những anh em còn sức khỏe, đi lại được làm khổ sai, rào Trại 6. Anh em chống quyết liệt tại chỗ, không làm. Cả trại tẩy chay; 342 chị em phụ nữ từ Chí Hòa bị đày ra Côn Đảo, giam ở Chuồng Cọp 2.

Đầu tháng 12-1969: Di chuyển 214 tù án chính trị xuống giam ở 4 nhà dù thuộc khu vực Trại 7.

13-12-1969: Địch đày toàn bộ số tù chính trị câu lưu chống chào cờ đã đưa về đất liền cuối năm 1968 và đầu năm 1969 hiện ở nhà lao Tân Hiệp ra Côn Đảo. Có thêm một số mới chống chào cờ ở Tân Hiệp và số tù án; Tất cả tù câu lưu chống chào cờ bị đưa xuống Chuồng Cọp 1; Có 44 tù án chính trị chống chào cờ được đưa xuống Trại 4, Chuồng Bò.

15-12-1969: Địch tiếp tục lưu đày số chống chào cờ còn lại và số anh em có biểu hiện chống ở nhà lao Tân Hiệp ra Côn Đảo, giam ở phòng 4 Trại 1.

17-12-1969: Có 37 tù án chính trị mới ra, tuyên bố chống chào cờ kéo theo anh em tại chỗ vươn lên tuyên bố chống chào cờ. Nâng số chống chào cờ ở khối tù án lên gần 200 người.

25-12-1969: Địch giải tòa Chuồng Cọp 1, đưa toàn bộ tù chính trị câu lưu chống chào cờ lên Trại 1; Một số chị em phụ nữ được chuyển sang Chuồng Cọp 1.

3-2-1970: Anh Huỳnh Kiệm chết ở Trại 1.

18-2-1970: 9 tù án chính trị chống chào cờ ở khu nhà dù Trại 7 tuyệt thực.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

24-2-1970: Nguyễn Thân Phước mổ bụng. Nguyễn Văn Vệ đưa tất cả 193 anh em ở nhà dù Trại 7 về Phòng 9 và 10 Trại 4.

24-4-1970: 9 anh em tù án chống chào cờ ở Trại 4 tuyệt thực; Dịch chuyển tất cả chị em phụ nữ sang Chuồng Cọp 1, bỏ trống Chuồng Cọp 2.

28-4-1970: Chuyển 9 anh đang tuyệt thực ở Trại 4 xuống Chuồng Cọp 2. Sau đó tấn công phòng 9 bằng vôi bột, đánh đập, bắt khoảng 70 người đưa xuống Chuồng Cọp 2. Anh Cao Văn Chín mổ bụng phản đối. Thêm 9 anh em tuyên bố tuyệt thực tại Chuồng Cọp 2, nâng số tuyệt thực lên 18 người.

Đầu tháng 5-1970: Số tuyệt thực còn 10 người (8 người rớt). Phan Chiến mổ bụng. Tập thể hô la phản đối. Chị em phụ nữ ở Chuồng Cọp 1 cũng hô la hỗ trợ. Dịch tung vôi bột và đánh đập anh chị em ở Chuồng Cọp; Sau 12 ngày tuyệt thực, dịch chấp nhận giải quyết yêu cầu. Thức ăn có thịt, cá, rau tươi, được tắm rửa, khám bệnh, phát thuốc.

Giữa tháng 6-1970: Dịch lật lọng, không thực hiện lời hứa. Anh chị em ở Chuồng Cọp đấu tranh hô la. Dịch đối phó bằng cách tung vôi bột xuống các xà lim; Phòng 15 Trại 4 hô la hỗ trợ. Dịch giữ mái nhà, tung vôi bột và vào đánh đập bắt cả phòng chuyển sang phòng 9 và 10.

25-5-1970: Cuộc họp báo của 5 sinh viên học sinh tại Sài Gòn, với tư cách là nhân chứng về chế độ đối xử hà khắc, vô nhân đạo của địch tại Chuồng Cọp.

3-6-1970: Bưu điện số 1665/PTT/BĐ-PT/PT của Trần Thiện Khiêm: TW chấp thuận đặt cơ sở hành chánh Côn Sơn thuộc hệ thống bình định và phát triển vùng 3 chiến thuật, qua tỉnh Gia Định; Tỉnh Gia Định sẽ đảm trách việc nhận và phân phối ngân khoản do TW chuẩn cấp cho Côn Sơn nếu có (để thực hiện dự án phát triển tại Côn Sơn).

25-6-1970: Tổng số tù nhân Côn Đảo: 9.170 người. Cầu lưu: 3.088, có 117 nữ. Tù án chính trị: 3.586, có 177 nữ, 468 can cấu, 1.106 quân phạm chính trị, 822 thường phạm và giáo phái.

2-7-1970: Phái đoàn Quốc Hội Mỹ có August Hawkins, William R. Anderson, Thomas Harkins làm trợ lý, tổ chức chuyến đi, Don Luce làm phiên dịch đến Chuồng Cọp Côn Đảo, tận mắt chứng kiến cảnh những người tù bị giam giữ trong các hầm cọp và những chứng tích còn lại sau những trận đàn áp dã man. Sau đó, báo Time đăng bài phóng sự về Chuồng Cọp Côn Đảo của Don Luce và John Helmul gây sững sốt dư luận thế giới.

15-7-1970: Báo Tin Sáng (Sài Gòn) đăng lại bài phóng sự về Chuồng Cọp của Don Luce.

Tháng 7-1970: Giải tỏa Chuồng Cọp. Chị em phụ nữ được đưa lên Trại 5. Tù án chính trị chống chào cờ (đa phần bại xuội) được đưa lên Chuồng Bò. Tiến hành đập phá hai khu Chuồng Cọp. Tổ chức thí điểm Tiểu đoàn Tâm lý chiến với 800 tù nhân tham gia lúc đầu. Một số chống lại ngay khi địch mới hình thành.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

3-8-1970: Địch chuyển về đất liền 109 nữ.

Tháng 8-1970: Cao trào đồng khởi của anh em tù chính trị còn tạm thời chịu điều kiện của địch trong nhà giam: Chống chào cờ; Chống làm khổ sai; Đòi quyền tự quản, bầu đại diện, đưa sổ thường phạm ra ở riêng; Địch đưa vào cấm cố. Anh chị em các trại chống chào cờ hưởng ứng để hỗ trợ phong trào chung bằng nhiều hình thức đấu tranh với các yêu cầu về dân sinh, dân chủ: thức ăn có đủ chất dinh dưỡng, cấp đủ thuốc trị bệnh, mở cửa, tôn trọng tự do tư tưởng... Cả Côn Đảo, tù nhân hô la suốt ngày đêm. Số chống chào cờ vượt hơn 4.000 người.

24-8-1970: Nguyễn Văn Vệ xin tăng cường lực lượng Cảnh sát dã chiến để đàn áp, ngăn chặn phong trào đấu tranh của tù nhân. Hai tháng 8 và 9-1970, mọi sinh hoạt ở Côn Đảo hoàn toàn bị tê liệt.

21-9-1970: Một đại đội Cảnh sát dã chiến được điều động ra Côn Đảo.

23-9-1970: Anh em tù bại xuội ở Sở Muối bạo động kéo ra đường, căng biểu ngữ, suốt đêm không vào trại giam.

24-9-1970: Một Trung đội Cảnh sát dã chiến và trật tự, an ninh tiến hành dùng lựu đạn cay đàn áp, bắt anh em ở Sở Muối chuyển hết lên Chuồng Bò.

2-10-1970: Tổng số tù nhân trên đảo: 8.679 người. Câu lưu: 3.032, có 95 nữ. Tù án các loại: 5.646, có 90 nữ.

10-1970: Chuyển hết chị em phụ nữ về đất liền.

4-11-1970: Nguyễn Văn Vệ gửi “Tối hậu thư” buộc các trại tù phải trở lại sinh hoạt bình thường như trước tháng 8-1970, phải chào cờ và đi làm khổ sai. Nếu không, chúng sẽ áp dụng biện pháp mạnh.

5-11-1970: Một đại đội Cảnh sát dã chiến và trật tự, an ninh, sử dụng lựu đạn cay, đánh đập, bắt còng anh em chống chào cờ ở các Trại 2, 3, 4 (từ 8 giờ 30 đến 15 giờ 30). Có một số phòng chống trả quyết liệt, địch chưa còng được.

6-11-1970: Hai Trung đội Cảnh sát dã chiến và trật tự, an ninh ném lựu đạn cay, phi tiễn, đánh đập, bắt còng toàn bộ anh em tù câu lưu chống chào cờ ở Trại 1 (từ 8 giờ đến 12 giờ).

7-11-1970: Hai Trung đội Cảnh sát dã chiến và trật tự, an ninh ném lựu đạn cay, phi tiễn, đánh đập, bắt còng toàn bộ anh em tù câu lưu chống chào cờ ở Trại 6 (từ 9 giờ 30 đến 12 giờ).

9 và 10-11-1970: Tiếp tục tấn công anh em Trại 4 (Số chưa còng được trong ngày 5-11-1970). Đến 21 giờ, địch mới bắt được hết vào còng.

25-11-1970: Tổng số tù nhân: 8.301 người. Câu lưu: 2.920. Tù án chính trị: 4.042. Thường phạm: 1.340.

Cuối năm 1970: Phong trào công khai ở Sài Gòn: Ủy Ban vận động đòi cải thiện chế độ lao tù, Phong trào phụ nữ đòi quyền sống, báo chí... tập hợp đông đảo lực lượng

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

đấu tranh cho tù chính trị Côn Đảo, gây cho địch nhiều bối rối. Nhiều phái đoàn Mỹ - Ngụy phải lần lượt ra Côn Đảo tìm cách đối phó. Chúng quyết định chuyển bớt tù nhân về đất liền.

30-12-1970: 80 anh em tù bại xuội ở Chuồng Bò được chuyển về đất liền.

Đầu năm 1971: Địch đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu xà lim Trại 7 sau khi đã hoàn tất việc xây dựng Trại 6; Trung tá Cao Minh Tiếp thay thế Nguyễn Văn Vệ làm Đặc phái viên hành chánh kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn.

26-1-1971(30 Tết): Địch xả còng toàn bộ tù nhân trên đảo; Giải quyết nới rộng đời sống một bước. Thỉnh thoảng có cá, rau trong bữa ăn.

19-3-1971: Tổng số tù nhân trên đảo: 7.829 người. Câu lưu: 2.763. Tù án: 5.066; Số chống chào cờ: 2.237 người (có 25 tù binh trong số 56 người ở Phú Quốc chuyển về). Bị bại xuội 216 người; Tù câu lưu chống chào cờ (Trại 1, 6): 678; Tù án chống chào cờ (Trại 2,3,4 và Chuồng Bò): 1.559.

7-6-1971: Anh Hà Văn Kịch chết ở xà lim Phòng 10 Trại 1. Toàn trại hô la. Địch đóng cửa bỏ cơm bên ngoài. Anh em tuyệt thực 4 ngày. Địch giải quyết giải tỏa xà lim, đưa tất cả về phòng, tăng thời gian mở cửa và trực tiếp quản lý nhà bếp từ 15-6-1971.

25-6-1971: Đưa số tù bại xuội từ Chí Hòa ra Côn Đảo trở lại và giam ở Chuồng Bò.

26-8-1971: Địch lại gia tăng lưu đày tù nhân ra Côn Đảo; Tổng số: 8.617 người. Câu lưu: 3.400. Tù án chính trị: 3.932. Thường phạm: 1.285.

30-8-1971: Anh Trần Đỗ Toán chết tại Chuồng Bò. Anh em đấu tranh đòi cấp quan tài, được tổ chức lễ tang và đi chôn cất. Địch buộc phải chấp nhận.

31-8-1971: Lễ tang anh Trần Đỗ Toán được tổ chức công khai tại Chuồng Bò.

18-9-1971: Địch cắt giảm tiêu chuẩn lương thực của tù nhân từ 700gr xuống còn 600gr cho mỗi người trong một ngày; Anh em Trại 1 phản ứng mạnh. Địch đối phó, tước đoạt nhà bếp, đóng cửa bỏ cơm bên ngoài. Anh em “tuyệt thực không tuyên bố” tố cáo địch đóng cửa bỏ đói tù nhân. Gần 450 anh em ở 8 phòng tham gia tuyệt thực; Các trại tù trên đảo nổ ra đấu tranh hỗ trợ đòi địch giải quyết yêu cầu của anh em Trại 1.

25,26-9-1971: 3 anh em ở phòng 7 Trại 1 mở bụng.

Cuối tháng 9-1971: Nguyễn Phú Sanh, Đại tá Tổng Giám đốc Nha Cải huấn trực tiếp ra Côn Đảo tìm cách giải quyết cuộc tuyệt thực của anh em Trại 1.

1-10-1971: Cuộc tuyệt thực kết thúc sau 14 ngày. Địch chấp nhận giải quyết các yêu cầu anh em nêu ra trong cuộc đấu tranh và hứa báo cáo với Trung ương những nội dung ngoài thẩm quyền của Côn Đảo.

10-10-1971: Địch tiếp tục cắt giảm lương thực còn 500gr /ngày. Trại 1 hô la phản đối. Địch đóng cửa bỏ cơm bên ngoài. Anh em tuyệt thực, tố cáo địch đóng cửa bỏ đói tù nhân. Các trại cùng lên tiếng hỗ trợ.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

11-10-1971: Địch nâng tiêu chuẩn cấp phát gạo lên 550gr. Cuộc tuyệt thực kết thúc.

15-11-1971: Lần thứ hai trong tháng, địch cắt giảm tiêu chuẩn lương thực của tù nhân còn 450gr. Anh em Trại 1 hô la. Địch đóng cửa. Anh em tuyệt thực.

17-11-1971: Địch giải quyết trả lại sinh hoạt bình thường, nâng tiêu chuẩn cấp phát lên 500gr. Anh em kết thúc tuyệt thực sau 2 ngày.

Cuối tháng 11-1971: Địch khủng bố, đưa toàn bộ anh em tù bại xuội ở Chuồng Bò xuống khu xà lim Trại 7. Một số anh em chống chào cờ ở Trại 2, 3, số anh em hoạt động tình báo lần lượt cũng bị đưa xuống Trại 7.

14-12-1971: Địch tiếp tục cắt giảm tiêu chuẩn lương thực của tù nhân. Anh em Trại 1 hô la phản đối. Địch đối phó cũng bằng cách đóng cửa bỏ cơm bên ngoài. Cuộc tuyệt thực diễn ra.

15-12-1971: Sau hai ngày tuyệt thực, địch chấp nhận giải quyết yêu cầu. Đồng thời thông báo quyết định dời trại. Dọc đường di chuyển, địch bắt 18 người, trong đó có 9 đại diện phòng, 1 đại diện trại đem nhốt xà lim Trại 7.

5-1-1972: Anh Nguyễn Dừa (Quảng Nam) chết tại Trại 6A. Địch đóng cửa bỏ đói một ngày.

Tháng 1-1972: Địch chuyển số anh em bị lao phổi ở Trại 6A (sau là Trại 6B) ra Sở Muối.

3-2-1972: Đảng bộ Lưu Chí Hiếu của lực lượng tù chính trị câu lưu chống chào cờ ở Trại 6A được thành lập.

6-2-1972: Anh Lê Văn Út (Liên) quê Bạc Liêu chết tại Trại 6A. Anh em hô la. Địch đóng cửa bỏ đói một ngày.

11-3-1972: Anh Nguyễn Tấn Mẫn chết ở Trại 6A. Anh em hô la. Địch đóng cửa bỏ đói một ngày.

21-3-1972: Anh em thanh niên ở Trại 4 giết chết Trưởng trại Nguyễn Văn Minh (Mười Ô). Địch đối phó, tước đoạt nhà bếp, y tế, đóng cửa cấm cố và bắt 29 người đưa đi khai thác. Sau đó đem nhốt ở Hầm đá Trại 2.

Tháng 5-1972: Trung tá Đào Văn Phô thay thế Trung tá Cao Minh Tiếp làm Đặc phái viên hành chánh kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn.

30-5-1972: Anh Phùng Xe chết ở Trại 6B (đã đổi tên gọi). Anh em hô la. Địch đóng cửa bỏ đói một ngày.

1-6-1972: Anh Nguyễn Anh (Nguyễn Đắc Cường) chết ở Trại 6B. Anh em đấu tranh trực diện. Địch buộc phải chấp nhận giải quyết cho làm lễ tang và cử đại diện đưa đi chôn cất.

4-6-1972: 352 phụ nữ chống chào cờ (36 câu lưu, 316 án) bị đày ra Côn Đảo, giam ở Trại 4; Số anh em ở Chí Hòa, Tân Hiệp đày ra, giam ở Trại 5.

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

Tháng 6-1972: Địch dày 1.226 nghi can, có 54 trẻ em, là dân ở Quảng Trị, Thừa Thiên ra Côn Đảo giam ở Trại 2. Đến tháng 8-1972, phân loại xong, đưa về nguyên quán, chỉ giữ lại Côn Đảo 40 người. Toàn đảo đồng loạt đấu tranh hô la đòi địch giải quyết đời sống.

9-13-6-1972: Địch đóng cửa bỏ com bên ngoài. Trại 6B tuyệt thực 4 ngày.

27-6-1972: Anh Nguyễn Việt Hùng, trong số 29 người địch bắt có liên quan đến vụ giết Trưởng Trại Nguyễn Văn Minh, hy sinh ở Hầm đá Trại 2.

7-8-1972: Đào Văn Phô gửi “bức tâm thư” vào các trại kêu gọi hợp tác sản xuất.

2-9-1972: Các trại tổ chức kỷ niệm Quốc khánh có sân khấu, khẩu hiệu, cờ giải phóng. Địch tổ chức đàn áp, cướp khẩu hiệu, cờ ở Trại 1 không cho anh em làm lễ.

3-9-1972: Toàn Trại 6 (A+B), anh em đều mang băng tang kỷ niệm ngày mất của Bác Hồ.

12-9-1972: Anh Đoàn Hảo (Quảng Nam) chết ở bệnh xá Trại 6B. Anh em hô la, giữ xác đấu tranh. Địch tấn công bệnh xá để cướp xác người chết. 35 bệnh nhân ở bệnh xá bị đâm và đánh đập trọng thương. Các phòng bị đóng cửa bỏ đói. 763 người ở 9 phòng giam Trại 6B tuyệt thực.

Từ 20 đến 22-9-1972: Địch xáo trộn tù nhân trên đảo để lấy chỗ trống đối phó cuộc đấu tranh tuyệt thực của anh em Trại 6B: Anh em ở Trại 5 bị chuyển xuống Trại 7; Anh em ở Trại 4 chuyển xuống Trại 5; Chị em phụ nữ ở Trại 2 sau khi thanh lọc còn lại bị chuyển xuống Trại 4.

Từ 22 đến 28-9-1972: Địch lần lượt bắt 357 người đang tuyệt thực đưa lên Trại 2 hòng phá vỡ cuộc đấu tranh; Nguyễn Phú Sanh, Đại tá Tổng Giám đốc Nha Cải huấn ra Côn Đảo để xem xét giải quyết tại chỗ cuộc đấu tranh của anh em Trại 6B.

29-9-1972: Đào Văn Phô, sau 3 lần tiếp xúc thương lượng đã chấp nhận giải quyết các yêu cầu của cuộc đấu tranh; 387 anh em ở Trại 6B kết thúc tuyệt thực.

30-9-1972: 325 anh em bị bắt lên Trại 2 kết thúc tuyệt thực. Sau đó địch phải trả đầy đủ về Trại 6B.

Từ 18-9-1971 Đến 12-9-1972: Anh em Trại 1 - Trại 6B, trong một năm đã trải qua 10 cuộc đấu tranh tuyệt thực toàn trại với tổng số ngày nhịn đói là 47 ngày. Địch chấm dứt hoàn toàn việc bỏ com bên ngoài cửa sắt đối với Trại 6B.

10-1972: Đảng bộ Lưu Chí Hiếu đại hội bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2; Trại 6B chủ trương làm báo trong từng phòng, tiến đến toàn trại.

15-11-1972: Nguyễn Văn Vệ ra Côn Đảo chuẩn bị kế hoạch đối phó với tình hình Hiệp định Paris sắp ký kết. Gấp rút chuyển án tù chính trị để né tránh việc trao trả.

11-1972: Chuyển anh em bị lao phổi ở Sở Muối về Trại 8; Báo của các phòng ra mắt. Tờ Sinh Hoạt của Phòng 8 Trại 6B ra số đầu tiên ngày 25-11-1972.

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

10-12-1972: Lưu đầy 82 tù nữ chống chào cờ ở nhà lao Tân Hiệp và Thủ Đức ra Côn Đảo.

12-12-1972: Phái đoàn Tòa án Quân sự Mặt trận Vùng 4 chiến thuật + Quân đoàn 4 ra Côn Đảo xử án 506 “can phạm đặc biệt” trong vòng 2 ngày rưỡi. Có 181 tù nhân tẩy chay không tham dự

15-12-1972: Anh Lương Chi (Lương Thạnh), nguyên là Bí thư Chi bộ Lê Hồng Phong của Trại 1 năm 1963, được đưa ra Sở Muối đầu năm 1972, chết ở Trại 8.

19-12-1972: Địch lưu đầy 401 tù nhân (108 nam, 293 nữ) từ Phú Yên và Bình Định ra Côn Đảo; Địch đàn áp các phòng của Trại 6B bằng lựu đạn cay, phi tiền từ 11 giờ đến 1 giờ 30 rạng sáng hôm sau, để cướp phong màn, khẩu hiệu anh em chuẩn bị làm lễ kỷ niệm ngày thành lập Mặt Trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

20-12-1972: Anh em Trại 6B tiếp tục làm lễ kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận công khai, có hát Quốc ca toàn trại.

27-12-1972: Địch đầy 368 tù nhân từ Khánh Hòa, Tân Hiệp, Chí Hòa ra Côn Đảo. Riêng số 410 người ở Chí Hòa, đa phần thuộc loại thương phế binh do Nguyễn Rô cầm đầu đã từng đập phá nhiều lần ở Chí Hòa mà địch đành bất lực; Phái đoàn Tòa án Quân sự Mặt trận Biệt khu Thủ đô ra Côn Đảo xét xử 715 hồ sơ trong vòng 2 ngày. 252 tù nhân tẩy chay không dự và đặc biệt có 200 người có hồ sơ nhưng “chưa lưu đầy ra Côn Đảo” (??).

1-1973: Trại 6B có được 2 chiếc radio do anh Phạm Văn Ba tổ chức mang từ nhà lao Chí Hòa ra trong chuyến lưu đầy cuối tháng 12-1972. Trong đó có một chiếc của Jean Pierre Débris và André Manras, hai thanh niên Pháp treo cờ Giải phóng trước trụ sở Hạ viện Sài Gòn, bị giam tại Chí Hòa, tặng cho anh. Từ lúc này, anh em ở Trại 6B được cung cấp tin tức thời sự hàng ngày.

27-1-1973: Hiệp định Paris được ký kết; Trại 6B chép toàn văn Hiệp định và các Nghị định thư.

Mùng Một Tết (3-2): Các Trại hô la chào mừng Hiệp định Hòa bình. Cuộc biểu dương lực lượng của tù chính trị Côn Đảo. Các Trại đều tổ chức Văn nghệ mừng Xuân, mừng Hòa bình kết hợp kỷ niệm ngày thành lập Đảng. Báo của các phòng và số báo Xây dựng đầu tiên của tù chính trị câu lưu Trại 6B, mừng Xuân Hòa bình ra mắt. Các trại tù lần lượt giành quyền tự quản bên trong nhà giam.

16-2-1973: Địch đưa về đất liền 219 tù nhân già yếu, bệnh tật để ép trả tự do trốn tránh việc trao trả NVDS theo quy định của Hiệp định Paris. Trong đó có 124 tù nhân bại liệt được tập trung ở Tân Hiệp - Biên Hòa bị ép trả tự do và quản thúc ở các địa phương thuộc Quân khu 3. Anh em làm đơn gửi ủy Ban Giám sát Quốc tế ở Miền Nam, Tổ Giám sát Quốc tế ở Biên Hòa... Roland Pierre Parigneaux có bài phóng sự, được hãng tin AFP phát đi, gây phản nộ dư luận quốc tế.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

4-1973: Phái đoàn của ủy Ban Quốc tế vận động trả tự do cho tù chính trị tại miền Nam Việt Nam có trụ sở ở Canada đến miền Nam. Ngụy quyền ngăn cản. Họ phải điều tra độc lập. Sau đó, ngày 1-5-1973, đã công bố Lời kêu gọi của phái đoàn và Bản tường trình của Giáo sư Georger Lebel khẳng định có nhiều tù chính trị đang bị giam giữ và ngược đãi ở miền Nam, đã gây nên làn sóng phẫn nộ trên thế giới.

4-4-1973: Trung tá Nguyễn Văn Vệ trở lại thay thế Trung tá Đào Văn Phô làm Đặc phái viên hành chánh kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn. Sau đó, một tiểu đoàn Cảnh sát đã chiến được điều động ra Côn Đảo để hỗ trợ việc chuyển án tù chính trị sang thường phạm để hợp thức hóa ý đồ ém dấu, không trao trả tù nhân theo Hiệp định Paris.

29-4-1973: Tổng số tù nhân trên đảo là: 9.579 người (có 1.041 nữ). Tù chính trị: 8.493 người (1.041 nữ). Thường án: 1.086 người.

30-4-1973: Tấn công Trại 1 bằng lựu đạn cay, bắt lẫn tay, chụp hình để tráo sang án thường phạm số anh em tù chính trị không có trong danh sách trao trả.

1-5-1973: Tấn công Trại 4 cũng bằng lựu đạn cay, bắt toàn bộ chị em phụ nữ trong từng phòng, đưa sang Trại 7 ép lẫn tay chụp hình. Chị em chống lại quyết liệt hơn.

2-5-1973: Địch tấn công Trại 6B sau khi anh em cương quyết không cho địch xé lẻ lực lượng. Địch không nêu yêu cầu bắt lẫn tay chụp hình toàn bộ như ở Trại 1, Trại 4. Hơn 300 anh em ở 4 phòng từ 1 đến phòng 4 bị bắt sang Trại 7 sau khi địch ném lựu đạn cay và bắn phi tiễn vào phòng. Hai người bị đánh chết tại chỗ là Hồ Chí Tạng và Nguyễn Kim Cúc ở phòng 4. Anh Nguyễn Văn Chín bị gãy xương quai xanh vì trúng phi tiễn ở phòng 3.

3&4-5-1973: Địch tiếp tục bắt anh em đã bị dời sang Trại 7 lẫn tay, chụp hình. Bác Huỳnh Tấn Lợi bị đánh chết trong xà lim.

Chiều 4-5-1973: Nguyễn Văn Vệ vào Trại 6B thương lượng, chấp nhận công bố Nghị định thư về vấn đề trao trả, yêu cầu được chuyển hơn 140 người có tên trong danh sách trao trả đợt đầu tập trung nơi khác. Anh em đồng ý để địch đưa 144 anh em theo danh sách ra đi. Số anh em bị bắt trong ngày 2-5-1973 được trả hết về Trại, trừ số có tên trong danh sách.

5-5-1973: Đại diện Trại 6B chuyển đồ dùng cá nhân của anh em bị bắt hôm 2-5-1973 và lên thăm anh em ở nơi tập trung là Trại 3. Anh Phạm Ngô đã chết ở xà lim Trại 7 vì bị đánh khi hỗ trợ cuộc đấu tranh của anh em Trại 6B.

31-5-1973: Tổng số tù nhân trên đảo là: 9.122 người.

30-6-1973: Tổng số tù nhân trên đảo là: 9.334 người. Tù chính trị: 8.156 (có 972 nữ). Thường phạm: 1.175.

Tháng 8-1973: Chuyển về đất liền: 3.659 người (có 314 nữ); Lưu đày ra đảo: 722 người.

31-8-1973: Tổng số tù nhân trên đảo là: 6.391 người. Tù chính trị: 5.070 (có 656 nữ). Thường phạm: 1.321.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

30-9-1973: Tổng số tù nhân trên đảo là 6.286 (có 649 nữ).

Cuối tháng 2-1974: Tổng số tù nhân trên đảo là 5.591 người. Thường phạm: 3.049 người. Sau 3 đợt, có 5.081 tù nhân được trao trả, trong đó có 211 người địch cài và số biến chất xin “hồi chánh” ở lại vùng Sài Gòn kiểm soát.

4-1974: Trung tá Lâm Hữu Phương thay thế Nguyễn Văn Vệ làm Đặc phái viên kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn. Địch tiến hành lưu đày tù nhân ra Côn Đảo ô ạt.

6-1974: Tổng số tù nhân trên đảo tăng lên: 8.440 người. Có 2.300 thường phạm.

7-1974: Tổng số tù nhân trên đảo đạt mức kỷ lục chưa từng có là 10.217 người. Có 986 nữ, 53 trẻ em theo mẹ, 518 nghi can. Tiêu chuẩn cấp phát cho tù nhân từ 100 đ giảm xuống như mức trước tháng 11-1973 là 45đ, 18.

17-7-1974: Trại 6B tiếp tục mở đợt đấu tranh hô la đòi trao trả, đòi quy chế tù chính trị. Phát triển thêm hình thức đấu tranh mới : Phát thanh hàng ngày.

23-7-1974: Trại 7 hưởng ứng cuộc đấu tranh của Trại 6B với các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ. Đợt đấu tranh này kéo dài đến cuối tháng 9-1974.

31-8-1974: Ông Huỳnh Tài chết ở Trại 6B. Anh em giữ xác đấu tranh, đến ngày 2-9-1974, địch phải giải quyết yêu cầu.

2-9-1974: Các trại công khai làm lễ kỷ niệm Quốc khánh 2-9 và ngày mất của Hồ Chủ tịch.

1-11-1974: Anh Đặng Văn Phường chết ở Bệnh xá Trại 5. Anh em Trại 5 đấu tranh hô la toàn trại.

17-11-1974: Địch đổi tên gọi Côn Sơn thành Thị trấn Phú Hải thuộc tỉnh Gia Định; Các trại giam từ 1 đến 8 được đổi thành các Trại (TTCH) Phú Thọ, Phú Hải, Phú Sơn, Phú Tường, Phú Phong, Phú An, Phú Bình, Phú Hưng.

6-12-1974: Cụ Lê Đình Toán từ trần ở Bệnh xá Trại Phú An (Trại 6B).

12-1974: Các Trại đồng loạt đấu tranh hô la đòi trao trả, đòi giải quyết đời sống.

6-1-1975: Giải phóng Tỉnh lỵ và toàn Tỉnh Phước Long.

20-1-1975: Địch dời toàn bộ anh em ở Trại 6B (Phú An) xuống xà lim Trại 7 (Phú Bình). Tiếp tục chuyển tù chính trị xuống giam ở các Trại 5, 6, 7, 8. Hầu hết đều bị cấm cố. Chị em phụ nữ bị đưa xuống Trại 6B (Phú An).

28-4-1975: Đám tướng tá Sài Gòn và vợ con họ di tản bằng máy bay ra Côn Đảo để xuống tàu của Hạm đội 7 Mỹ.

29-4-1975: Cố vấn và nhân viên kỹ thuật Mỹ tại Côn Đảo rút chạy; Buổi tối, chúa đảo Lâm Hữu Phương cùng vợ con trốn chạy sang Bến Đầm, xuống ca nô ra biển; Toàn bộ tù chính trị bị đưa hết vô cấm cố.

30-4-1975: Cuộc họp cuối cùng của đám quan chức ác ôn trên đảo do tên Đại úy Phạm Huỳnh Trung chủ trì quyết định phương án phòng vệ Côn Đảo và hủy diệt tù

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

chính trị vào phút cuối cùng. Tổng số tù nhân trên đảo là 7.448 người, trong đó có 4.234 tù chính trị. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng lực lượng Cách mạng và hạ lệnh quân đội Sài Gòn buông vũ khí vào lúc 11 giờ. 11 giờ đêm, Trại 7 lần lượt được mở cửa. Ngay sau đó anh em tỏa ra giải phóng các trại giam còn lại. Đảo ủy lâm thời được thành lập để lãnh đạo cuộc nổi dậy giải phóng nhà lao.

1-5-1975: Ủy Ban Hòa Giải Hòa Hợp Dân tộc tỉnh Côn Sơn được thành lập. Lực lượng võ trang mới thành lập trong tù nhân tiếp quản toàn bộ cơ sở vật chất trên đảo.

2-5-1975: Đổi tên gọi Ủy Ban Hòa Giải Hòa Hợp Dân tộc tỉnh Côn Sơn thành ủy Ban Hòa Hợp Dân tộc tỉnh Côn Sơn. Đảng ủy triển khai phương án chuẩn bị chiến đấu lâu dài nếu địch phản kích.

4-5-1975: Bộ đội giải phóng đổ bộ lên Côn Đảo. Thành lập Ban Chỉ huy Đoàn Chiến sĩ Chiến thắng Côn Đảo. Lễ tiễn đưa 549 anh chị em diện đau yếu, bệnh tật bị địch tuyên bố tử hình về đất liền trong chuyến tàu đầu tiên. Anh Hồ Thanh chết khi tàu sắp cập Cảng Vũng Tàu (rạng 5-5-1975).

5-5-1975: Lễ chào cờ thống nhất đầu tiên trên khắp Côn Đảo vào 7 giờ sáng.

6-5-1975: Đảng ủy Mặt trận Côn Đảo quyết định chính thức thành lập Đảng ủy Lâm thời trong Đoàn Chiến sĩ Chiến thắng Côn Đảo gồm 10 người.

7-5-1975: Ủy Ban Quân quản Côn Đảo được thành lập. Hai đại diện “cựu” tù nhân tham gia ủy Ban Quân quản. Văn phòng do anh em “cựu” tù nhân đảm trách. Lễ ra mắt ủy Ban Quân quản và chương trình văn nghệ chào mừng thắng lợi giải phóng Côn Đảo vào chiều và tối.

Từ 8-5 đến 24-5-1975: Bốn chuyến tàu lần lượt đưa anh chị em “cựu” tù chính trị về đất liền. Hơn 158 anh em tình nguyện theo sự phân công của tổ chức, tiếp tục ở lại công tác tại Côn Đảo một thời gian

LÊ QUANG VỊNH

CÔN ĐẢO

MỘT THỜI ĐỂ NHỚ



Côn Đảo với hơn một thế kỷ tồn tại tại nhà tù dã man của thực dân, đế quốc, đã ghi dấu tội ác của kẻ thù và viết nên những trang vàng chói lọi về ý chí kiên trung của những chiến sĩ cách mạng.

Ký ức của một thời đau thương ấy không bao giờ mất đi mà sẽ còn mãi với lịch sử dân tộc, còn mãi với các thế hệ người Việt Nam; không chỉ là niềm tự hào về các bậc cha ông mà còn là lòng biết ơn và ý thức dựng xây và bảo vệ Tổ quốc sao cho xứng đáng với những hy sinh cao cả đó.

CÔN ĐẢO NỖI NHỚ VÀ NIỀM ĐAU

Nhà tù Côn Đảo vốn nổi tiếng là chốn “Địa ngục trần gian” được nhiều người biết đến. Địa ngục trần gian này tồn tại ngay khi Thực dân Pháp tiến chiếm Việt Nam kéo dài cho đến khi tên xâm lược Mỹ cuối cùng phải cuốn gói hối hả rời khỏi Sài Gòn. 113 năm tồn tại của “đảo tù Côn Lôn” chất chồng biết bao tội ác man rợ, khó ai có thể hình dung được hết, khó ai có thể tin rằng nó đã xảy ra ngay ở thế kỷ 20 .

Mười bốn trong tổng số mười sáu hòn đảo của quần đảo Côn Lôn đều in đậm dấu chân tù. Những người lỡ bước sa chân vào vòng tù ngục đã phải đến đây dưới ngọn roi của những tên cai ngục và đám tù gian. Họ phải kéo lê kiếp sống đọa đày hết sức khắc nghiệt, để rồi, cả mười bốn hòn đảo này đều thấm đượm mồ hôi và máu của những người tù. Và hầu như tất cả mọi nơi trên những hòn đảo đều vùi lấp những xác tù bất hạnh. Theo thời gian, những xác tù tan biến vào cát bụi hoặc trôi lên mặt đất dưới tác dụng của gió mưa, để rồi lại tiếp tục lông lốc lăn theo chiều gió đến chỗ khác, tiếp tục quá trình tan biến và rải đều tro bụi khắp mặt đất Côn Lôn...

Gần hai ngàn ngôi mộ (cả số vừa qui tập) còn tồn tại ở nghĩa địa Hàng Dương chỉ là một chút nhỏ còn sót lại theo năm tháng. Bởi chính những người trong cuộc còn sống cho đến hôm nay đã từng vượt mắt cho đồng đội mình những năm 1957, 1958, 1959, 1960..., nhớ như in phút giây tiễn biệt, nhớ rõ họ tên, quê quán người vừa quá cố; ấy vậy mà chỉ gần bốn mươi năm sau, không làm sao tìm ra được nơi gởi tạm nắm xương tàn của người đồng đội cũ... Họ đã hoàn toàn vắng bóng, ngay cả trong danh

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

sách những người đã chết ở nhà tù Côn Đảo. Chỉ còn chăng là trong trí nhớ của đồng đội năm xưa và của người thân trong gia đình !

Theo những tài liệu còn sót lại, ngay những năm đầu thiết lập nhà tù Côn Đảo, hàng trăm người tù phải bỏ mạng cho công việc xây dựng “Pha Bãi Cạnh”. Trong những thập niên cuối thế kỷ 19, liên tiếp nhiều tháng, số chết hàng tháng đã đến con số chục, trong khi tổng số tù chỉ mới ở số trăm. Rồi những năm của những thập niên đầu của thế kỷ 20, nhiều năm, con số chết đã là vài trăm, có năm đặc biệt lên đến 1047 người chết.

Họ là ai ?

Chính là những nhà ái quốc, hoạt động vì dân vì nước, những chiến sĩ Cách mạng, chiến sĩ Cộng sản. Có cả những tù thường án, đặc biệt có người chỉ bị kết án một hai tháng tù giam cũng bị lưu đày ra Côn Đảo để rồi phải bỏ xương ở đất đảo này. Suy cho cùng, dù là tù thường án, họ cũng là sản phẩm, là nạn nhân của chính sách Thực dân, Đế quốc mà thôi. Và đạo lý ngàn đời của dân tộc Việt Nam “nghĩa tử là nghĩa tận”, mọi lỗi lầm của người quá cố đều được người sống xí xóa bỏ qua. Họ đáng thương hơn đáng hận và đáng được những người sống hôm nay và mai sau ghi nhớ để khắc sâu thêm mối căm thù, tủi nhục khi làm người nô lệ mất nước, để khẳng định quyết tâm giữ vững độc lập tự do cho Tổ quốc thiêng liêng này.

Hẳn ai cũng phải rùng mình khi liên tưởng đến con số những người đã mất ở Côn Đảo nếu phải so sánh với những gì còn sót lại ở nghĩa địa Hàng Dương. Nhưng đó chỉ là một phần nhỏ, rất nhỏ của bao tội ác mà giặc đã gây ra ở chốn này khi mà sự thật dần dần được phơi bày ra ánh sáng. Còn bao điều hãi hùng, xót xa khi ta biết rằng một nghĩa địa lớn được dùng chôn xác tù trong suốt thời gian từ 60 đến 80 năm ở Côn Đảo



Toàn cảnh nghĩa trang
liệt sĩ Hàng Keo

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

hoàn toàn bị xóa sổ không còn dấu vết. Rồi nghĩa địa Hàng Keo - Khủng khiếp biết bao nếu ta hiểu được ranh giới thật của nó. Thời gian dùng chôn xác tù, khoảng thời gian tù chết nhiều nhất trong lịch sử 113 năm nhà tù Côn Đảo, vậy mà chỉ còn sót lại 2 nấm mộ bên ngoài lằn ranh vừa được quy tập gần đây. Không chỉ có thế. Một lò thiêu xác tù nhân đã hiện diện ở Côn Đảo nhiều năm liền thì thử hỏi làm sao tìm ra mộ chí của người đã mất. Rồi thêm một bãi bắn (champ de tir) hiện diện trên tấm bản đồ Côn Đảo đang bị bụi thời gian che khuất, chờ các nhà nghiên cứu vén bức màn bí mật... Còn một điều trong hồ sơ tội ác của giặc Pháp ngay tại Côn Đảo chưa được đưa ra ánh sáng : Đối xử với bệnh nhân như đối xử với người tù nguy hiểm. Dùng Côn Đảo làm nơi tập trung và quét sạch các bệnh nhân phong (cùi) ra khỏi thế gian thay vì phải chữa trị cho họ như một hành động nhân đạo đối với những kiếp đời bất hạnh. Từ danh nghĩa một “nhà thương cùi” ở đảo chính, một trong hai trại cùi lớn nhất miền Nam, thực chất là một trại cô lập tuyệt đối với khẩu phần ăn tồi tệ hàng ngày. Đến đầu thập



Bìa và mộ ở Hòn Cau

niên 30 bị đẩy hết ra Hòn Cau, lấy chỗ xây dựng trại giam mới (bagne III), để rồi đến đầu thập niên 50, Hòn Cau trở thành ngôi mộ tập thể của tất cả những bệnh nhân bất hạnh. Những người bệnh cùi không còn trên Côn Đảo ! Tội ác trước lương tâm bị phủ kín hoàn toàn !!!

Đã có bao giờ và có ai nghĩ đến việc sưu tầm, thống kê lại danh sách những người tù đã hy sinh và đã chết ở Côn Đảo ? Chắc chắn là đã có và có rất nhiều. Nhưng chỉ bởi một điều cho đến nay việc ấy chưa làm được vì tất cả trong số những người có tâm huyết đó không đủ khả năng và điều kiện thực hiện.

Một quần đảo suốt hơn một thế kỷ không có người dân, chỉ có người tù, người bệnh và bọn cai ngục. Người hy sinh và đã chết đã bước vào số vạn, trong đó những chiến sĩ yêu nước, chiến sĩ cách mạng chiến đấu vì độc lập tự do cho Tổ quốc đã hy sinh là không nhỏ. Họ đã hy sinh âm thầm như một chiến sĩ ở một chiến trường vô cùng đặc biệt bởi vũ khí duy nhất của họ là lòng tin và tinh thần bất khuất.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Vậy thì còn nơi nào có thể so sánh được với mảnh đất thiêng liêng, với tinh thần chiến đấu ngoan cường này. Và hẳn rằng khó có ai lại không chấp nhận việc xem đây là đỉnh điểm của tính cách anh hùng Việt Nam.

Có lẽ chính vì lòng trân trọng đối với hòn đảo lịch sử kiên cường và sự hy sinh vô cùng to lớn của bao thế hệ tù nhân, cho nên, ngoài những người là cựu tù chính trị Côn Đảo, trong những năm gần đây, có nhiều người, kể cả người ngoại quốc đã đến đây tham quan, nghiên cứu. Hoạt động về nguồn của tuổi trẻ cũng xem đây là một địa điểm học tập.

Thế nhưng, những người được đến Côn Đảo đã cảm nhận được gì sau mấy ngày thăm viếng ?

Trong vai một khách du lịch, họ hoàn toàn thỏa mãn cho chuyến đi vì được tận mắt chứng kiến cảnh núi non hùng vĩ, cảnh sắc thiên nhiên rực rỡ trong buổi bình minh hoặc hiền dịu trong ánh chiều tà. Họ có thể thả hồn khi dạo bước trên con đường nhựa phẳng phiu, thoáng đãng bởi tiếng ru êm phát ra từ rừng dương xanh đung đưa trước gió trong ánh trăng thanh và âm thanh rì rào của tiếng sóng nhạc ập vào kè đá bên bờ. Họ được tận hưởng không khí trong lành nơi hải đảo và thả sức vẫy vùng trong làn nước biển mát xanh, trong vắt. Họ đã tìm được những phút giây thư giãn hoàn toàn và cắt đứt mọi vất vả, lo toan trong cuộc sống thường ngày.



Mộ nhà chí sĩ Nguyễn An Ninh

Nhưng cả đất nước này còn có biết bao địa danh có phong cảnh đẹp và thuận tiện cho việc đi lại hơn Côn Đảo. Gần hai trăm cây số lên đèo trên biển suốt cả đêm đen, không biết lúc nào gió giông ập đến, những người đến Côn Đảo còn có một yêu cầu để được biết, được nhớ, được hiểu về những gì xảy ra đối với người tù trong suốt 113 năm tồn tại của “đảo tù” này chứ không chỉ là một chuyến du lịch bình thường.

Lịch tham quan cho “du khách” chỉ gói gọn một hai ngày. - Đây là Trại 1, Trại 2, Trại 3, Trại 4, Trại 5, Trại 6, Trại 7, Trại 8, Chuồng Cọp, Chuồng Heo, Chuồng Bò, Lò Vôi, Lò Than, Ma Thiên lãnh, Cầu Tàu, Miếu Bà Phi Yến, Sân bay Cỏ Ống, Bến Đầm, Đất Giốc, Mũi Cá Mập... Đây là nghĩa địa Hàng Dương, là mộ đồng chí lãnh tụ Lê Hồng Phong, mộ chí sĩ Nguyễn An Ninh, mộ anh hùng liệt nữ Võ

Thị Sáu, mộ anh hùng Nguyễn Văn Hai... Đây là nơi địch đã từng giam giữ các đồng chí lãnh tụ...

Một hai ngày rảo bước chưa khắp được vài nơi vừa kể, hỏi làm sao hiểu cho được những gì đã xảy ra trong suốt thời gian hơn một thế kỷ trước. Trong lúc đó, mỗi địa danh, mỗi trại tù, đến cả nhiều người tù trong số đã gởi xương nơi đất đảo là cả vô vàn sự tích anh hùng, lưu dấu chất chồng tội ác của giặc, mà phải tốn không ít pho sách dày mới mong ghi lại được đôi phần. Biết bao sự kiện đã dần dần lùi vào quên lãng bởi không có mấy tài liệu ghi lại, hầu hết chỉ nằm trong trí nhớ của những người trong cuộc, mà theo thời gian, rất nhiều người lần lượt ra đi vào cõi vĩnh hằng. Một mất mát to lớn đối với kho tàng lịch sử của nhà tù Côn Đảo và của dân tộc đang diễn ra từng phút, từng giây như nhìn thấy được.

Hôm nay còn nhớ đôi phần. Đến ngày mai, tuổi tác càng cao, biết bao điều, tự nó mất đi ngoài ý muốn. Ai cũng thấy được điều đó nhưng lòng vẫn cứ băn khoăn, cứ phân vân sợ nói ra, ghi ra chưa thật đầy đủ, trọn vẹn, nên nán lại đợi chờ. Cứ như thế, hơn một phần tư thế kỷ trôi qua, lỗ hổng sự tích anh hùng của nhà tù Côn Đảo cứ tồn tại như thách thức lương tâm.

Nhớ lại ngày xưa, khi một đồng đội vừa ngã xuống, những người sống đã từng tâm niệm như một lời thề : “Mối thù này chúng tôi nguyện khắc cốt ghi xương. Vĩnh biệt đồng chí, chúng tôi thề tiếp bước...”

Lời thề năm cũ vẫn còn như văng vẳng. Nhiều người còn nhớ và đã vượt qua nhiều khó khăn, nghiệt ngã của cuộc đời, làm được một số việc từ những thôi thúc ở tận nơi sâu kín trong tâm hồn. Nhưng rồi lực bất tòng tâm. Nỗi ray rứt như đang ám ảnh bởi những gì đã làm được sao cứ là quá ư nhỏ bé và ít ỏi so với những đau thương mất mát lớn lao mà các thế hệ tù nhân Côn Đảo cùng gia đình, người thân của họ đã gánh chịu trong hơn một thế kỷ qua.

Một thế kỷ cứ tạm xem là cũ đã đi qua. Thời gian cũng quá đủ để những xúc cảm nhất thời tạm lắng xuống, tạo điều kiện cho lý trí lên tiếng phán xét mọi điều. Bước vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, thiết nghĩ đã đến lúc những người cựu tù chính trị Côn Đảo, những nhà nghiên cứu khoa học, không chỉ riêng khoa học lịch sử, cần tự mình hoặc bắt tay cùng nhiều người, có một việc làm cụ thể, góp phần xác định giá trị đích thực cho một địa danh lịch sử nổi tiếng mà khi nhắc đến, không chỉ người trong nước mà cả người nước ngoài đều cúi đầu, nghiêng mình kính phục.

Nhóm nghiên cứu “Sử liệu Côn Đảo”

GẶP NGƯỜI NỮ ANH HÙNG TỪ “ĐỊA NGỤC TRẦN GIAN”

Về Đồ Sơn tôi có dịp thăm lại người nữ địch vận anh hùng Hoàng Thị Nghi. Tuy đã tuổi ngoài bảy mươi nhưng nữ anh hùng vẫn còn nhanh nhẹn và minh mẫn. Nhà bà đang lắp điện cho ngôi nhà mới xây cạnh đường ra khu du lịch Đồ Sơn, tuy vậy, bà đã dành trọn buổi chiều trò chuyện với tôi. Cuộc đời bà là một minh chứng cho truyền thống 8 chữ vàng mà Bác Hồ tặng Phụ nữ Việt Nam “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.

Chia tay với mỗi tình đầu:

Bà kể rằng: Tôi sinh năm 1929 trên mảnh đất Đồ Sơn thơ mộng mặn mòi. Lúc đầu tham gia phụ nữ cứu quốc, sau thành lính của bộ đội địa phương trong Ban địch vận Đồ Sơn. Hải Phòng cuối năm 1954 thật náo động. Nhất là chuyện di cư vào Nam. Tôi nhận được thư của anh Thọ Tuynh: “Bàn giao ngay công việc, 20-11-1954 về Tổng cục Chính trị nhận nhiệm vụ mới”. Đồng chí Trần Nam Trung giao nhiệm vụ: “Tôi đã nghe báo cáo về tinh thần và năng lực của đồng chí. Với thành tích đồng chí đã đạt được ở Đồ Sơn, Kiến Thụy năm 1952, hoạt động phối hợp với Điện Biên Phủ đầu năm 1954 ở Gia Lâm, Ngọc Hà, chứng tỏ đồng chí là một cán bộ binh vận dũng cảm và thông minh, có nhiều biện pháp táo bạo, khôn khéo, lôi kéo được hơn hai đại đội địch về với cách mạng... Trung ương quyết định chọn đồng chí tiếp tục làm nhiệm vụ này ở mặt trận phía Nam”.

Bảy ngày nghỉ phép nhanh như lần chớp mắt. Tôi phải nói dối bố là đi công tác nước ngoài 2 năm. Điều day dứt là mối tình của tôi và Hải - anh bộ đội quê Thái Bình - yêu nhau trong khói lửa của cuộc kháng chiến và hẹn nhau ngày thắng lợi làm lễ cưới. Dù nguyên tắc bí mật nhưng tôi đành nói thật với anh. Nghe tin đó lúc đầu anh

choáng váng không tin, thậm chí còn cho là có chuyện đổi thay, khi hiểu ra, anh lại có ý định xin được cùng vào hoạt động. Biết chuyện này là không thể được, tôi can ngăn anh: “Không được đâu! 2 năm có đáng là bao!”. Nghe vậy, anh liền đưa ra một tình huống: “Nếu tình hình không diễn ra 2 năm mà là 5 năm, lâu hơn nữa thì sao!” Tôi đành trả lời: “Lâu thế thì anh đừng chờ em nữa, đừng tự ràng buộc vào lời giao ước mà khổ thân mình”. Nói xong, dù đã cố kìm nén cảm xúc nhưng nước mắt tôi cứ chảy còn anh thì đứng lặng như trời trồng. Sau này nhiều năm, trong vòng kẻ thù, tình hình đúng như lời anh dự đoán và không ngờ đó là những lời vĩnh biệt mối tình đầu - mối tình duy nhất đời người con gái của tôi.

Cuộc chiến đấu trong lòng địch

Tôi bước vào máy bay với một lý lịch giả, vợ một trung úy phi công di cư. Xuống sân bay Tân Sơn Nhất, bọn địch mời tôi về khu dành riêng cho các sỹ quan nhưng tôi nói về nhà riêng, ba các cháu đã chuẩn bị rồi! Tôi thuê Taxi vào một địa chỉ đã hẹn trước nhưng khi gõ cửa lại thấy một lính Pháp. Hỏi sau vỡ lẽ, đây là nhà của một lãnh sự người Pháp. Vô miệng cọp để bắt cọp kẻ cũng nguy hiểm nhưng lại rất an toàn. Đoàn cán bộ binh vận xuất quân đợt đầu này khá đông, anh Thọ Tuynh, chị Thái ở Thái Bình, chị Soi ở Nam Định, chị Vui, anh Quang, anh Ba Thịnh ở Hưng Yên. Mỗi người đi một đường, người trà trộn vào đoàn dân di cư bằng tàu há mồm của Mỹ, người đi nhờ tàu nước ngoài... Chỉ mấy hôm cả đội đã tập kết đầy đủ. Để hợp pháp hoá, tổ chức xếp tôi với anh Thọ Tuynh (sau là Cụm trưởng cụm công tác tình báo binh vận Sài Gòn - Chợ Lớn) thành “cặp vợ chồng”. Khi vào trong đó, tôi thấy phức tạp lắm. Anh Tuynh đã có vợ con, còn tôi vừa tạm biệt người yêu. Đóng giả không khéo thì bị lộ, chuyện tình cảm trai gái khó nói trước, nên tôi và anh đã “ly hôn” ngay khi chưa làm lễ cưới (!).

Kẻ thù không thể ngờ được, chính tại nhà lãnh sự Pháp, một hội nghị gần 30 cán bộ cách mạng từ Bắc vào và của Sài Gòn - Gia Định kéo dài 5 ngày liền. Hội nghị đã quán triệt nghị quyết của Ban binh vận Xứ uỷ Nam bộ, xây dựng hệ thống cơ sở, lực lượng nội tuyến.

Tôi ở nhà một người thím dâu họ và mở gánh hàng xén ở chợ Bà Chiểu. Chưa đầy một tháng tôi đã làm quen nhiều gia đình ở Tân Định, Phú Nhuận, chợ Đa Kao, Bà Chiểu. Lấy cơ sở mỗi hàng mới, những buổi chiều nghỉ chợ, tôi đã tới Gò Vấp, Phú Nhuận, chợ Đa Kao, rạp Casino Sài Gòn, rạp Tân Thịnh... mỗi cơ sở là một bàn đạp chuẩn bị tấn công địch ngay từ lòng của chúng. 14 tháng, tổ công tác do tôi phụ trách phát triển khá rộng, phần đông anh em ở trong này, tôi phân công mỗi người đảm nhiệm một hướng khác nhau, đã có hàng trăm sỹ quan, hạ sỹ quan và binh lính địch ở các lực lượng bảo an, bộ binh, pháo binh, thiết giáp, không quân... được giáo dục,

HUYỀN THOAI CÔN ĐẢO

giao nhiệm vụ. Tháng 1 - 1956, từ tổ trưởng, tôi được giao nhiệm vụ đội phó. Tôi rất lo lắng, công tác mới khó khăn, quá sức mình!

Ngày 21 - 3 - 1956, trên đường về nhà, tôi bị bọn Cảnh sát đặc biệt miền Đông bắt. Về đến Ty đặc cảnh miền Đông, tôi thoáng nhìn thấy Huỳnh Văn Đức (người trong tổ hoạt động) và cả bà chủ nhà. Như vậy chắc Đức không chịu nổi đòn đã khai ra tôi. Tôi xác định vấn đề là phải thăm dò xem chúng đã nắm được mình đến đâu. Chúng đánh kinh khủng, chỉ thấy mấy tiếng người tôi đã sưng vù như một con bò. Rồi chúng lại dụ dỗ ngọt ngào. Nhưng trước sau tôi chỉ nhận là người “bị lợi dụng”. Anh Đức có vợ có con, thấy tôi xinh đẹp lại muốn vợ hai. Tôi không muốn cướp chồng. Anh ta gây gỗ, bực tức thù oán. Tôi chỉ là một phụ nữ theo tiếng gọi di cư của chúa vào đây buôn bán. Hôm sau chúng cho “ném” trận đòn kiểu tàu ngầm: Buộc giầy như con ếch, cho vào bể nước đầy kéo đi kéo lại. Chúng tra điện vào đầu lưỡi, muôi đầu ngón tay, cả đầu vú và cả nơi kín của người con gái. Không thể tả hết, kể hết được sự đau đớn xót xa của người con gái bị bọn dã thú tra tấn! Đánh chán địch không lấy được cung lên tôi được đeo chiếc “án mù”. Chúng đưa về nhà lao Gia Định, Thủ Đức, bắt chào cờ, tố cộng, suy tôn Ngô Tổng thống. Tôi không chịu, chúng nó nhốt tôi vào hầm, không cho tôi uống nước. Nhốt mấy tuần, không khuất phục nó lại cho lên trại. Thấy cứng đầu, chúng lại cho vào trại Tam Hiệp - Biên Hoà. Tại đây tôi cùng chị em tổ chức 3 lần tuyệt thực.

Chúng đày tôi ra Côn Đảo, cùng chuyến tàu với đồng chí Nguyễn Đức Thuận. Tên Tỉnh trưởng thuyết phục không lay chuyển, liền đưa tôi xuống hầm xay lúa - nơi chúng đã từng tra tấn chủ tịch Tôn Đức Thắng. Hầm xay lúa giống như nhà lao, hai bên còng sắt, còng tay, còng chân. Cơm ăn không có bát, ăn bằng vỏ dừa, máng đổ cơm như máng lợn. Chúng cho tôi vào hầm đá kín mít chỉ nhốt được 2 người nhưng chúng nhốt tới 8 người. Không cho nước, cả hầm chỉ có một lon. Chị em liền nghĩ kế khai ăn cháo, thuyết phục lính thổ mua hộ đường, cho nước. Chị em đành phải cắt hết tóc. Trên người chỉ có độc chiếc quần đùi. Ai nấy mụn nhọt đầy người, khi có mưa, chị em hót nước vào thau chia nhau một lon nước để tắm. Chỉ cần một lon là tắm đủ. Khổ nhất là chị em bị bệnh kiết lỵ rên rẹt suốt đêm, có đêm tôi phải đứng quạt cho chị em suốt 3 tiếng đồng hồ, hơi không chịu nổi. Không khuất phục được, chúng lại đưa tôi về Phú Lợi, Tháng 1 - 1960 chúng buộc phải trả tự do cho tôi.

Ra tù, tôi lại lao vào hoạt động, làm phó ban nội tuyến, sau phụ trách khối sỹ quan quân đội Ngụy. Tết Mậu Thân tôi chỉ huy trận đánh đồn Lái Cua, Long An. Với lực lượng nội công bên trong, trận đánh đã giành thắng lợi giòn giã, tiêu diệt 55 tên địch, thu toàn bộ vũ khí của địch. Trận địch vận cùng Trung đoàn 38 pháo Binh đánh Gò Đậu tiêu diệt nhiều địch, xe tăng địch ngổn ngang, tiếc là mình chưa có điều kiện lấy xe ra. Công việc địch vận đang suôn sẻ, xây dựng nhiều nhân mối và đã giành

thắng lợi thì tôi bị bắt lần thứ 2 (do một đồng chí không chịu nổi tra tấn). Lần này địch có chứng cứ. Tôi đành chấp nhận phương án “ở tù về thấy các ông ép quá, tôi sợ nên đã nấu cơm, làm giao liên”. Tôi đòi gặp kẻ khai để “đối chất” và tôi đã chửi cho hắn một trận. Thế là bọn an ninh quân đội tra tấn tôi. Chúng tra tấn hết sức dã man. Đánh xong bọn chúng giữ chiêu bài để tôi làm việc “hai mang” và chúng sẽ trả lương. Trước sau tôi chỉ nói “các ông nhầm, tôi không đáp ứng được vì tôi chỉ là một giao liên”. Chúng lại đánh, Cục an ninh quân đội đánh dã man nhất, chỉ muốn cắn lưỡi chết còn sướng hơn. Tôi xác định chấp nhận chết! Tôi bị chúng hành hạ như thế 5 tháng. Sau chúng đưa tôi lên Thủ Đức, Phú Lợi. Ở đó tôi gặp chị Võ Thị Thắng, chị Trương Mỹ Hoa. Tại đây tôi là chi uỷ viên thuộc Đảng uỷ nhà tù, cùng chị em đấu tranh quyết liệt. Địch ném lựu đạn vào, ném trả lại, dùng nước giải ném, tổ chức tuyệt thực. Không thu được gì địch lại cho tôi ra Côn Đảo lần thứ hai. Lần này tôi chỉ nhận mình tên là Ba Na. Bố Nguyễn Đình Ba, mẹ Vũ Thị Lan, tôi Nguyễn Thị Na (Ba - Lan - Na) cho dễ nhớ. Chúng bắt chào cờ, không chào, lại đánh. Chúng bắt nằm ngay cạnh một đồng chí vừa chết. Lần này bọn chúng dùng những kiểu tra tấn rất man rợ với tôi, thực chai, cho lươn, rấn vào chỗ kín của phụ nữ...

Chúng lại cho tôi về Sài Gòn lãnh án. Tại đây tôi lại cùng chị em đấu tranh quyết liệt. Lại bị đày ra Côn Đảo lần thứ ba, tôi cùng chị em trong tù tuyên truyền Hiệp định Pari, đấu tranh cho Lê Hồng Tư, Lê Quang Vịnh, cùng chị em thành lập “Ban tranh thủ” để giảm bớt đánh đập, giúp đỡ tù nhân, vận động được một chỉ huy bảo an làm nội công cho ta để chuẩn bị tư thế tự giải phóng. Đêm 30 - 4 một giám thị đã đưa tôi chìa khoá. Chỉ huy bảo an lấy vũ khí trang bị cho tù binh nổi dậy. Cùng với Đảng uỷ nhà tù, tôi tham gia công việc ổn định trên đảo và chuẩn bị đón tàu của ta. Ngày 3 - 5 - 1975 tôi trong số 250 tù chính trị đầu tiên từ “địa ngục trần gian” lên tàu về với đất liền thân yêu vừa mới được giải phóng rợp bóng cờ bay.

Bút ký của LÃ QUÝ HUNG
(Tháng 9 - 2004)

“BẢO TÀNG” CỦA MỘT TỬ TÙ CÔN ĐẢO

Lê Quang Vịnh là người tử tù nổi tiếng những năm chống Mỹ. Anh bị tòa án chế độ Sài Gòn kết án tử hình tháng 8-1962, rồi đày ra Côn Đảo 14 năm liền. Một nhà lưu niệm Lê Quang Vịnh mới được xây dựng ở Kim Long (Huế).

Lê Quang Vịnh dành toàn bộ tầng trệt khu nhà và vườn làm nhà lưu niệm cho riêng mình để nhớ những năm tháng bị đọa đày ở Côn Đảo. Vì với anh, Côn Đảo còn là người thầy, người mẹ, người yêu của mình! Trên tấm biển khắc tên những người chủ chốt trong quá trình thiết kế xây dựng nhà lưu niệm có tên vợ anh - chị Trần Thị Kim Khánh - và hai người con anh: Lê Quang Hạnh Phúc, nữ kiến trúc sư ở TP. Hồ Chí Minh, tác giả thiết kế công trình, và Lê Quang Tự Do, tác giả thiết kế phần bảo tàng.

Được khai trương từ tháng 9-2006, nhà lưu niệm trưng bày nhiều hiện vật đặc biệt, chẳng hạn chiếc còng chân tử tù do chính Bảo tàng Côn Đảo tặng. Chiếc còng ấy đã gắn bó với anh suốt 14 năm lao tù. Một chiếc giỏ mây của người bạn tù tặng mẹ anh khi bà cụ được phép ra Côn Đảo thăm con trong sáu giờ mùa hè năm 1971. Trên quai giỏ, người bạn tù khắc hai chữ Côn Đảo nửa đỏ nửa xanh và gắn một hạt nhựa màu vàng (tượng trưng màu cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam) như một lời hứa với mẹ các con sẽ vẫn bền gan chiến đấu trong lao tù. Rồi những bức thư anh gửi mẹ và ngược lại, cùng những bức thư da diết khổ đau của người yêu anh từ Sài Gòn gửi ra Côn Đảo. Một bức tranh thêu của người bạn tù tên Mười Còm, thêu giấu giếm hình ảnh Bác Hồ, đang thực hiện dở dang thì giải phóng; sau đó tác giả cầm cùi thêu tiếp để tặng anh. Huyện ủy Côn Đảo tặng anh một chiếc gậy đầu rồng làm bằng gỗ găng chỉ có ở rừng Côn Đảo...

Gian trưng bày còn có những tờ báo trong và ngoài nước có bài viết về Lê Quang Vịnh từ sau khi anh bị kết án tử hình đến hôm nay. Rồi những cuốn sách, những bản nhạc anh viết và những ca khúc, những bài thơ được nhiều tác giả sáng tác tặng riêng

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

anh. Rồi những hình ảnh trong bộ phim tài liệu Hòn đảo địa ngục do các đạo diễn Heynovsky và Scheumann của Cộng hòa Dân chủ Đức (cũ) thực hiện vào tháng 8-1975 với anh là nhân vật chính. Có cả bức tranh Đồng chí Vịnh tử tù của nữ họa sĩ người Nga Valeria Simirnova in trên bìa báo Smiena (Thế Giới Trẻ) năm 1978 vẽ gương mặt anh Vịnh tươi cười, viền quanh là dáng một thiếu nữ Huế mặc áo dài màu hồng, cầm chiếc nón bài thơ hát mừng chiến thắng mô phỏng dáng hình đất nước VN. Bức tranh trên được tạc thành phù điêu đặt ngoài vườn.

Trên tường phòng trưng bày còn có bức ảnh chân dung 11 người thuộc “tiểu đội” HSSV Sài Gòn bị kết án tù với Lê Quang Vịnh trong phiên tòa lịch sử năm ấy: Lê Hồng Tư, Huỳnh Văn Chính... Nhắc lại tên những bạn tù cũ, anh Vịnh bỗng trầm ngâm: “Anh Huỳnh Văn Chính đã không còn nữa. Anh Chính cùng tuổi Bính Tý (1936) với mình, cũng chịu đựng 14 năm tù hà khắc. Hôm đầu tháng 12-2006, anh Chính ra thăm lại Côn Đảo sau 31 năm được tự do. Nhìn lại những hình ảnh thân thuộc với đời tử tù trong suốt bao nhiêu năm, anh đã xúc động quá, bị nhồi máu cơ tim, không cứu chữa kịp...”.

Trong cái “bảo tàng” tử tù Côn Đảo nho nhỏ này còn có những bức tượng bán thân anh Lê Quang Vịnh, tác phẩm của nhà điêu khắc Nguyễn Thái Quảng, giáo viên khoa điêu khắc Trường đại học Nghệ thuật Huế, cùng những phù điêu bằng đá granit đen khắc những bài thơ, bản nhạc Lê Quang Vịnh sáng tác trong chuồng cọp năm xưa...

Nhà lưu niệm Lê Quang Vịnh gần chùa Thiên Mụ, vườn An Hiên, ngay trong khu du lịch nhà vườn Phú Mộng nổi tiếng ở Kim Long là một điểm đến mới của du lịch Huế.

NGÔ MINH



Câu chuyện hình trực tiếp
“Bản hùng ca bất diệt”
tại nghĩa trang
Hàng Dương Côn Đảo

CHIẾC NHẪN CỦA NGƯỜI TỬ TÙ

Như thường lệ, Chánh văn phòng Trương Văn Đầu lướt qua các tờ báo hàng ngày trước khi chính thức làm việc. Ông thích đọc báo Quân đội nhân dân hơn báo Nhân dân vì lý do tờ báo quân sự đưa tin chiến thắng và những bài bình luận của ai đó ký tên là Chiến Bình khá sắc sảo. Hơn ai hết, ông nhớ chính xác số máy bay Mỹ bị bắn rơi, địa phương nào hạ Thần sấm hoặc Con ma của không quân hay hải quân Mỹ đúng số chẵn 500, 1000, 1500, 2000, 2500. Hôm nay - ngày 15 tháng 11 năm 1967 - ông đọc tin chiến sự:

“Sáng ngày 13 tháng 11 năm 1967, Nghệ An bắn rơi một máy bay Mỹ”. Chưa cần nhìn con số đóng khung trang trọng ở trang nhất, ông đã nói đúng 2530 máy bay Mỹ đã bị bắn rơi.

Tiếp đó, ông lướt sang tin chiến thắng miền Nam: “Bình Thuận - tập kích vị trí địch ở Bầu Ốc diệt gần 700 tên Mỹ - nguỵ.

Diệt gọn một tiểu đoàn, một đại đội nguỵ và một đại đội Mỹ.

Phá hủy gần 50 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 3 máy bay”.

Xếp tờ báo sang một bên, ông nở nụ cười khoan khoái. Ông cầm bản “Tin tham khảo” do Việt Nam Thông tấn xã ấn hành. Bản tin tuyệt mật này chỉ lưu hành nội bộ, dành riêng cho cán bộ cao cấp, ông thường đọc vào buổi chiều, sau giờ làm việc. Đây là thú vui và cũng là nhu cầu không thể thiếu được của những “ông già” sống độc thân. Ông đã già rồi ư? Ở tuổi 49, tóc ông đã chớm bạc, ông phải thay kính lão từ số 1,5 lên số 2. Ông đã xa nhà hơn 13 năm, tính ra gần chẵn 5.000 ngày rồi. Chả hiểu vợ và các con ông hiện sống và chiến đấu như thế nào? Ông rất thèm thư của gia đình. Đọc xong lá thư 2 trang, 4 trang rồi 10 trang của từng đứa con sao ông luôn cảm thấy thòm thòm. Cả vợ và bảy con ông

thường giấu ông những chuyện rủi ro của gia đình. Nếu không nhờ nhà văn Trần Đình Vân thông báo, ông đâu biết Trương Mỹ Hoa bị bắt và chị Y trong tác phẩm “Sống như anh” chính là con gái ông. Chỉ mãi khi Mỹ Lệ ra tù, ông mới được thông báo là nó sinh cháu ngoại thứ hai của ông trong tù. Một điều băn khoăn nữa của ông là ông không rõ vợ ông, các con ông đang làm công tác gì, hiện hoạt động trong lòng địch tại Sài Gòn hay ở căn cứ? Ông nhớ nhà da diết. Rất tiếc là ở Bộ Điện Than của ông không có công tác liên quan đến miền Nam nên ông khó có điều kiện để đi B. Ước gì ông được đi Bê ngắn. Ông đã gặp gỡ trao đổi với không dưới hai mươi đoàn cán bộ, nhà báo, nhà văn, các dũng sĩ... cuộc bộ vượt Trường Sơn. Ông tin rằng ông dư sức hành quân từ giới tuyến Vĩnh Linh tới Nam Bộ. Không hiểu sao ông không hề run sợ khi nghe tiếng máy bay gầm rú trên bầu trời Hà Nội, tiếng bom rôi tên lửa Mỹ xé không khí tạo nên những tiếng nổ lớn làm rung nhà, chuyển đất. Khi bắt buộc phải xuống hầm trú ẩn, ông thường đứng phía ngoài cùng để theo dõi các làn đạn cao xạ, tên lửa, súng trường, súng đại liên ta đan chéo trên bầu trời và khi có máy bay Mỹ bốc cháy, ông thường vọt ra khỏi hầm, vỗ tay reo hò hết sức khoan khoái. Đây là thói quen của ông. Khi có ai đó yêu cầu Bộ trưởng buộc ông đi sơ tán về vùng nông thôn hẻo lánh vắng bóng máy bay Mỹ hoặc nhắc nhở ông không được thiếu cảnh giác, chủ quan, khinh địch, Bộ trưởng thường cười xòa:

- Chúng ta cần thông cảm với anh Đẩu. Anh không được đi B nên ruột gan anh nóng như có lửa đốt. Anh luôn muốn chia lửa với miền Nam.

“Chia lửa với miền Nam”, đó là khẩu hiệu hành động của mọi cán bộ, mọi chiến sĩ, của mỗi xã viên hợp tác xã, của mỗi công nhân, nông dân và của cả các cháu thiếu nhi. Ông Trương Văn Đẩu có cách “chia lửa” riêng của mình. Khác với thời kỳ làm giám đốc mỏ, ông thường dành thời gian rảnh rỗi đến thăm từng gia đình công nhân mỏ, ở Hà Nội, ông có ít “quân” và hầu hết cán bộ, nhân viên dưới quyền ông đều đi sơ tán nên ông “gánh” hết mọi phần việc còn lại của công vụ liên lạc thư ký. Ông thường làm việc thông tâm. Nhiều đêm, ông chong đèn thức tới 1, 2 giờ sáng. Có nhiều tác phẩm viết về cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam, ông đọc thâu đêm, có đoạn ông không sao cầm được nước mắt. Ông thường nghiền ngẫm các bản tin tham khảo để suy ngẫm thái độ của Mỹ, của các nước trên thế giới với cuộc chiến tranh của ta. Sáng nay, đưa mắt qua những đầu đề lớn của Tin tham khảo ông dừng lại trước tin:

“Ba tử tù của Việt cộng sắp bị hành hình”.

Ông chăm chú đọc:

“Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phê chuẩn cho phép xử bắn ba tên Việt cộng đã lĩnh án tử hình là Bùi Văn Tiến, Vương Thành, Lê Minh Châu”.

Lê Minh Châu là con rể ông ư? Trước ngày cưới, Ba Châu, Mỹ Lệ đã gửi thư tới ông, xin phép ông cho chúng làm hôn lễ. Ông không có hình Ba Châu và do bí mật, các con ông không nói rõ công tác của mình trong thư. Tuy vậy, ông phán đoán Ba Châu giữ cương vị gì đó khá lớn của Thành đoàn. Sau ngày tui nó nên vợ nên chồng, ông đã chú ý dò hỏi.

Ông hết sức tự hào vì không chỉ có con rể ông mà ngay cả vợ ông đều ở trong ban chỉ huy quân sự của lực lượng võ trang Thành đoàn. Chả rõ cô ấy (ông vẫn giữ thói quen gọi vợ là “cô ấy”) học bắn súng, ném lựu đạn bao giờ? Cô ấy dẫn đầu hành quân xông vào đồn địch như thế nào? Ông đã thua vợ, thua con rể rồi. Chả rõ con rể ông đã bị bắt hồi nào? Nó bị kêu án hình bao giờ? Không hiểu Lê Châu có đúng là nó không? Ông đọc tiếp:

“Lê Châu tức Ba Cảnh là Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự Thành đoàn đã chỉ huy nhiều trận đánh quân Mỹ, quân Chính phủ ở Sài Gòn. Tên Việt cộng cỡ bự này bị bắt ngày 01 tháng 10 năm 1965 khi đang chỉ huy trận đánh vào Sân banh Cộng hòa. Ngày 07 tháng 6 năm 1967 tòa án quân sự của quân lực Việt Nam Cộng hòa đã kêu án tử hình Lê Châu. Theo lệnh của Tổng thống Thiệu, tên Châu sẽ bị xử bắn vào 5 giờ sáng ngày 16 tháng 11 năm 1967 tại khám lớn Chí Hòa”.

Ông đặt bản tin sang bên, cảm thấy nghẹn thở. Không hiểu sao cái tin hệ trọng tới mức này mà vợ ông, các con ông cố ý giấu ông. Chắc những người thân của ông không muốn làm ông buồn nên đã đẩy ông lâm vào tình thế bất ngờ tới tuyệt vọng như lúc này. Ông làm cách nào để cứu được con rể? Ông nên gọi điện thoại cho ai? Đến gõ cửa nào? Thật là bế tắc. Ngày mai con rể ông sẽ lên đoạn đầu đài, ông làm sao thông báo cho vợ ông, cho Mỹ Lệ và các con ông tin chẳng lành này?

Ông buồn thần thờ song ông không chia sẻ với ai được. Ông cầm bút nguệch ngoạc viết con số 2530 lên tờ giấy nháp trên mặt bàn. Ông tự an ủi mình: ta đã bắn rơi của Mỹ tới 2530 máy bay, kèm theo ngân ấy tên giặc lái Mỹ bị bắt hoặc bị chết thì việc hy sinh của con rể ông là điều không thể tránh khỏi trong chiến tranh.

... Trong lúc này, một tù thường phạm gõ cửa phòng 3B ở nhà lao Chí Hòa thông báo:

- Máy anh nhìn xuống sân xem. Các anh sắp “đi” rồi.

Lê Minh Châu, Vương Thành, Bùi Văn Tiến bị nhốt chung trong căn phòng hẹp ở lầu ba. Tiến sinh năm 1935, là chiến sĩ biệt động Sài Gòn, đã tham gia trận đánh vào Tổng nha cảnh sát và khách sạn Métorôpôn, bắt hàng trăm sĩ quan Mỹ - ngụy đền tội. Tiến cùng hai bạn kéo lê xích sắt đến gần cánh cửa xà lim đã khóa trái bên ngoài, thay phiên nhau ghé mắt nhìn qua kẽ hở nhỏ xíu ở cửa. Tội lính gác ngục đang điều khiển tù thường phạm đập ba ụ đất cao quá đầu người, ở chính giữa mỗi ụ đất cắm chiếc cọc sắt.

Lê Minh Châu mỉm cười và nói:

- Đáp số của bài toán đã rõ nhưng còn ẩn số chưa rõ.

- Ẩn số gì vậy?

- Tôi với các bạn ai ở số một, ai chiếm ụ số hai, số ba?

Ba người tử tù ngồi quây lấy nhau trò chuyện. Từ gần nửa năm qua, các anh là những người bạn thân nhất của nhau, kể cho nhau nghe mọi chuyện riêng tư thầm kín nhất của mình, bàn nhau tổ chức cuộc sống trong tù thật thích hợp để làm gương cho tù thường

phạm, để những tên giám thị phải khâm phục, kính nể. Bọn địch không đụng tới các anh nữa. Chúng đưa các anh từ khu OC4 (O = dưới lòng đất; C = khu C; 4 - xà lim số 4) lên khu 3B (ở lầu ba), không đòi hỏi các anh phải chào cờ hoặc chấp hành nội quy trại giam, việc mà các anh phản đối.

Phải nhận rằng những ngày đầu sống chung, các anh không thật thoải mái lắm vì người nào cũng thoáng buồn, cả ba đều ngong ngóng chờ đợi giây phút vĩnh biệt cõi đời này. Một ngày, hai ngày rồi ba ngày trôi qua. Nếu nơm nớp chờ thi hành bản án sẽ ảnh hưởng tới tinh thần, sức khỏe. Lê Châu tự đảm nhiệm chức xà lim trưởng, có nhiệm vụ vạch ra chương trình sinh hoạt mỗi ngày. Các anh không tự cho phép mình ngủ li bì suốt ngày, thức khuya tới 12 giờ đêm hoặc ngủ đến 8, 9 giờ sáng chưa dậy. Các anh cũng không kiếm đâu ra chuyện tiếu lâm để kể hết ngày này sang ngày khác và tâm sự cuộc đời của mỗi người cũng không thể kể đi kể lại nhiều lần. Từ ngày Lê Châu đưa ra sáng kiến “một thầy - hai trò” thì cuộc sống của ba tử tù trong cùng xà lim trở nên sôi động, náo nhiệt. Vương Thành có trình độ văn hóa cao nhất hội được phong chức “giáo sư” phải soạn trong đầu mình hai giáo án, hai thời khóa biểu khác nhau. Đến giờ lên lớp, thầy say sưa giảng bài cho từng trò, kiên nhẫn nói đi, nói lại nhiều lần cho tới khi trò hiểu bài mới thôi.

Lê Minh Châu tự nhận là cây lý luận của xà lim, đồng ý giữ chức giảng viên chính trị. Anh đã qua khoá huấn luyện của trường Đảng Nguyễn Ái Quốc nên anh giảng say sưa, hấp dẫn, lời cuốn người nghe từ chuyện khai thiên lập địa, khí chuyển hóa thành người, rồi xã hội nguyên thủy, nô lệ, phong kiến, tư bản, xã hội chủ nghĩa... khá mạch lạc. Bùi Văn Tiến xin gánh vác phần việc của một “kỹ sư”. Tiến rất khéo tay. Chỉ có các vỏ lon sữa bò trong tay, anh hướng dẫn các bạn làm dao cắt tóc, làm nhíp nhổ râu. Công trình đồ sộ nhất của Tiến là sản xuất nhẫn. Chẳng hiểu bằng cách nào, Tiến xoay được chiếc lược sừng cũ. “Kỹ sư” bẻ lược làm ba đoạn, chia cho từng người, rồi dạy cho bạn cách làm nhẫn. Ba Châu học môn này hết sức chăm chỉ và vô cùng kiên nhẫn. Hàng ngày, anh đem phần “gia tài được chia” của mình, mài trên nền xi măng, mài nằm, mài đứng, mài nghiêng, cố tạo cho được một hình tròn như ý. Tam hài lòng với công đoạn đầu, Ba Châu chuyển sang đục ruột hình tròn để tạo nên dáng dấp chiếc nhẫn. Ở xà lim, anh không có dao con, cái đinh mảnh giấy ráp, đến mẫu sắt nhỏ nhỏ nào nhô lên ở cánh cửa để anh dùng làm công cụ khoét nhẫn cũng không thể có. Anh chỉ có trong tay mảnh gốm vỡ và lưỡi dao không có cán làm từ vỏ lon sữa bò.

Ba Châu dành mọi tâm trí và tài nghệ để hoàn thành sản phẩm của mình. Anh nâng niu, gượng nhẹ mỗi khi đụng chạm tới mảnh lược sừng nguyên liệu duy nhất để làm nhẫn, mà anh có trong tay. Nay mai, anh sẽ lo gửi kỷ vật cuối cùng của mình về tặng vợ anh. Đón được nhẫn, Mỹ Lệ càng hiểu thêm lòng anh. Trên trái đất này, không rõ có một địa phương nào hoặc một người đàn ông nào dồn mọi tâm huyết cho món quà tặng vợ như anh không? Anh không sốt ruột, không nôn nóng. Chỉ cần một sơ suất rất nhỏ là cái nhẫn thanh mảnh làm bằng vật liệu dễ gãy sẽ trở thành vật bỏ đi, vô dụng. Vương Thành vấp phải thất bại đầu tiên vì anh chưa hề yêu ai nên mục đích làm nhẫn của anh chỉ để giải khuây, để

giết thời gian, để rèn luyện tài khéo léo của đôi tay. “Kỹ sư” Bùi Văn Tiến cũng không thành công vì động cơ thôi thúc anh hoàn thành sản phẩm không sâu sắc như Lê Châu, Vương Thành ủng hộ Ba Châu hết sức nhiệt thành rồi gạ gẫm:

- Bà xã ông còn cô em gái hết ý. Tôi giúp ông, ông sẽ gả em gái vợ cho tôi nghe.

Ba Châu lắc đầu:

- Tao không cho mày dính phân vô đây. Anh Tiến thử phân xử coi. Thành cha sắp chết còn tham. Vợ tao để tang tao chưa đủ sao mà mày tính bắt em vợ tao để tang mày nữa.

Tư Thành chống chế:

- Luật nhà Phật có kiếp luân hồi mà, anh Ba. Biết đâu kiếp sau em thác sinh sẽ được cùng cô Ba nên vợ, nên chồng.

Ở trong tù những chuyện gán ghép tán hươu tán vượn thường xảy ra như cơm bữa nhưng có ý kiến đề xuất khá nghiêm chỉnh:

- Anh Ba! Nếu anh không khắc tên lên nhẫn, ai biết là nhẫn do anh làm ra?

- Khắc chữ gì? Làm cách nào khắc?

- Anh khắc chữ Châu hay viết tắt mình chữ “C” cũng được.

- Lê Minh Châu tán thành:

- Tôi sẽ khắc chữ C chữ L lồng vào nhau hoặc xếp cạnh nhau có nghĩa là Châu - Lê hoặc Cảnh - Liêm.

Chỉ có một sáng kiến nhỏ nhoi này cũng làm ba người bạn tranh cãi sôi nổi. Giá như ở ngoài đời, đứa bé tám, chín tuổi dễ dàng dùng đinh hoặc dùi khắc trong năm phút sẽ hoàn thiện công trình, còn ở trong xà lim này thật vô cùng nan giải. Cả ba người thay nhau thảo luận hai chữ C - L; theo kiểu viết in hay viết hoa, viết rời nhau hay lồng vào nhau, xếp tên chồng trước hay tên vợ trước? Điều cần bàn là lấy gì để khắc, treo cái nhẫn vào đâu để khắc chữ trên cái hình chưa đến một phần tư xăngtimét vuông? Cuối cùng, sau một tuần lễ bàn cãi, thí nghiệm thực hành, ba người mới đi đến thống nhất: “kỹ sư” Tiến mài lưỡi dao vỏ lon sữa bò thành cái dùi có hình tam giác nhọn, Tư Thành lồng chiếc nhẫn vào đầu ngón tay út và Ba Châu chịu trách nhiệm khắc chữ đầu của tên vợ, tên mình lên nhẫn theo đúng mẫu đã được phác thảo trên nền xi măng.

Các anh không nhớ là công trình tập thể này đã kéo dài bao lâu và ai là chủ công trình. Ở trong khám tử tù, các anh có quá nhiều thời gian rảnh rỗi nên ba anh luân phiên nhau đeo nhẫn vào ngón tay út của mình, đặt ngón tay lên đầu gối bạn không động đậy, không nhúc nhích để bạn bình tĩnh ngồi khắc.

Sau nhiều ngày miệt mài, tỉ mỉ gọt khắc, ba anh tử tù tự hào ngắm thành công công trình tập thể của mình. Ở những con người mà cái chết luôn treo lơ lửng bên cạnh thì mỗi niềm vui nho nhỏ đều giúp cho tinh thần từng người thêm sáng khoái. Tuy nhiên, ai nấy lại thoáng thất vọng khi Ba Châu nêu lên nổi băn khoăn của mình:

- Chúng ta làm cách nào chuyển món quà này cho vợ tôi được?

Thật là nan giải. Cái ước muốn thiêng liêng rất đơn giản Ba Châu là để lại kỷ vật cuối cùng cho vợ chả lẽ bị lâm vào bế tắc sao?

Ba anh tử tù lại “bây binh bố trận”. Các anh không được ra khỏi xà lim, không có quyền giao dịch với ai nên báu vật chỉ có thể giao cho người tù thường phạm thường mang cơm nước đến cho các anh hoặc tên giám thị ác ôn chuyên gác cửa xà lim. Còn một phương pháp nữa mà những người buộc ngồi lên ghế điện ở các nước văn minh có quyền yêu cầu luật sự can thiệp: “Gửi lá thư tuyệt mệnh cùng vật kỷ niệm cho người thân” nhưng cả Lê Minh Châu, Bùi Văn Tiến, Vương Thành đều bác bỏ phương án này. Từ ngày bị bắt, các anh đã dứt khoát cự tuyệt mọi sự hợp tác dù nhỏ nhất với chính quyền ngục nên các anh không đại gì “giao trứng cho ác”, ghi địa chỉ chính thức của Mỹ Lệ hoặc của má Sáu Hòa cho kẻ thù. Các anh quyết định tấn công vào người tù thường phạm. Vì có cảm tình với mấy ông tù chính trị; vì việc các anh nhờ vả quá nhỏ và cũng vì mê tín cần làm theo ý người sắp chết nên người tù thường phạm nhận lời. Một tuần sau, anh này thông báo:

- Có hơn hai chục người mãn hạn tù đợt này. Tôi đã gửi cho một chị cán bộ tên là Lợi quê ở miền Trung.

Coi như đã giải quyết xong được một việc lớn, Châu, Tiến, Thành tiếp tục chương trình học tập đã vạch sẵn và bình thản chờ... chết. Trong ngày 15 tháng 11 năm 1967, ba người tử tù lại một lần nữa ngấm ngòi mọ của chính mình. Các anh hết sức ung dung, thư thái, bình thản bàn về giờ chết của mình. Dứt khoát không nhận lễ rửa tội của cha cố, không đầu hàng, không xin kẻ địch bất cứ điều gì. Nó có quyền còng tay, xích chân khi áp giải mình ra pháp trường, còn mình sẽ ngẩng cao đầu và đấu tranh đòi chúng không bị mất. Những tên đao phủ sẽ trói thúc kẻ (giật cánh khuỷu) tay mình vào cọc sắt không cho mình chạy, mình mặc kệ nó nhưng nó không cấm được mình hô khẩu hiệu hoặc nói điều gì đó nhả nhủ với binh lính địch, thân nhân bọn giám thị, các tù thường phạm và chắc chắn sẽ có cả một số đồng chí mà kẻ địch buộc họ phải chứng kiến giây phút hành hình tù Cộng sản.

Tối hôm đó, những anh tử tù sắp từ giã cõi đời này hàn huyên với nhau đủ mọi chuyện. Các anh thử kiểm kê tài sản của mình. Chả có gì để lại cho đời sau và cũng không có gì đáng giá cho các bạn tù. Bùi Văn Tiến, Vương Thành nhận được tiếp tế của gia đình (vì Mỹ Lệ tin là chồng mình đã bị xử bắn nên chị không yêu cầu dì Bảy và Tư Minh đi thăm nuôi anh) nên trong kho lưu trữ còn ít đồ xanh, đồ đen, vài lạng đường, cùng vài chục cây nến dùng để thắp thay cho đèn dầu. Vương Thành bỗng nảy ra ý kiến ngò ngò:

- Ta chả cần dự trữ nữa. Ta nấu chè khao nhau, ăn cùng nhau bữa cuối cùng.

Bùi Văn Tiến tán thành ngay:

- Hay đấy! Ba Châu cậu lấy hăng-gô vào đây.

Trong lần thăm nuôi trước, gia đình Bùi Văn Tiến tiếp tế một hăng-gô rước thịt. Các

anh phải đấu tranh quyết liệt mới giữ lại chiếc hăng-gô dùng dự trữ nước uống hàng ngày và anh quyết định biến hăng-gô thành cái nồi.

Ở ngoài đời, các anh đã ăn nhiều loại chè và đã xem người thân nấu chè nhưng ở trong xà lim này cái khó đang bó cái khôn, các anh phải tính toán chi ly: đổ bao nhiêu nước để chè còn có vị ngọt và đủ “củi” nấu sôi nồi chè, làm cho chín đỗ?

Đã bao lâu nay cơ thể các anh thèm chất ngọt, các anh chưa hề nếm mùi chè nên trong miệng người nào cũng tiết dịch vị khi cả ba đều say sưa làm đầu bếp. Các anh đập vụn từng cây nến, lấy tim nến tạo thành nhiều ngọn bắc mới. Các anh thay nhau cầm hăng-gô hơ trên lửa. Khi nước sôi, Tiến và Thành dùng tay áo bà ba làm “đòn gánh” gánh quai hăng-gô để Ba Châu lo giữ lửa cháy đều.

Nửa giờ sau, Tiến nếm thử chè, bình phẩm:

- Đỗ còn hơi sượng.

Ba Châu tuyên bố:

- Hết đèn cây (nến) rồi. Ăn chè sượng cũng là kỷ niệm thú vị.

Vương Thành bàn:

- Ta không phá áo tù mà chỉ cần loại bớt sáu ống tay áo dùng làm “củi”:

Tiến tham gia:

- Không nên làm như thế vì khi ngủ thấy mùi vải khét, tụi nó sẽ vào can thiệp, phá rối “bữa tiệc chè” của chúng ta. Mặt khác, chúng ta không nên mặc áo cộc tay ra pháp trường.

- Ta không để kẻ địch vin vào cơ đốt áo để bôi nhọ thanh danh chúng ta.

Ba anh tử tù nhanh chóng thống nhất với nhau. Các anh nằm khểnh đợi cho chè nguội mới thay phiên nhau húp (vì không có bát, có thìa). Sau bữa tiệc chè, các anh nằm bên nhau tán gẫu rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Mãi hơn bảy giờ sáng ngày hôm sau (16 tháng 11 năm 1967), Ba Châu choàng tỉnh. Anh lay gọi hai bạn:

- Dậy, các đồng chí ơi! Đến giờ rồi.

Ba anh chỉnh đốn quần áo, vuốt lại mái tóc. Tiếc quá! Tiếc quá! Không còn giọt nước lã dự trữ nào để xúc miệng, rửa mặt cho sạch sẽ, tỉnh táo trước khi “đi”. Ở mà chúng nó chưa tới? Vương Thành chợt nhớ ra:

- Nè! Chiều qua tụi nó công bố trên loa phát thanh là sẽ bắn tên Lê Minh Châu, Bùi Văn Tiến, Vương Thành vào đúng 5 giờ sáng nay, sao mãi vẫn chưa thực hiện?

- Chắc tụi nó còn chờ quan thầy xuống chứng kiến.

Lê Minh Châu bàn:

- Các bạn này! Tội ngại là nó bắn phát đầu trúng tim ngay nên không hô được khẩu hiệu. Lúc đầu, tôi định hô “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm” nhưng sợ dài quá nên tôi rút xuống “Hồ Chủ tịch muôn năm”. Bây giờ, tôi sẽ hô gọn bốn từ “Bác Hồ muôn năm”.

Bùi Văn Tiến thổ lộ:

- Tôi cũng dự tính đúng như anh Ba. Tôi muốn diễn thuyết trong vài phút để kết luận rằng chính nghĩa sẽ thắng và sẽ hô to khẩu hiệu “Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa muôn năm” nhưng bây giờ tôi sẽ hô “Việt Nam độc lập muôn năm”.

Vương Thành nêu dự kiến của mình:

- Những tên lính bán tụi mình phải dàn hàng ngang, phải chờ lệnh tên sĩ quan mới được giương súng, ngắm và bắn. Tranh thủ lúc đó, tôi hô: “Đả đảo giặc Mỹ xâm lược”, “Đả đảo tên Việt gian bán nước Nguyễn Văn Thiệu”, “Chúng tôi là những thanh niên yêu nước không có tội”.

Cũng chả có gì cần tranh cãi hoặc khuyên bảo nhau về dự kiến xử sự giây phút cuối của đời mình nên ba anh bạn tử tù lại ngồi tựa lưng vào tường chờ đợi. Các anh không đoán được lý do trì hoãn giờ hành hình mình nhưng một người ở cách xa khám Chí Hòa ngót hai nghìn kilômét đã hiểu tường tận sự việc xảy ra. Chánh văn phòng Trương Văn Đẩu không có cách gì cứu con rể thoát chết nên ông đã gặng như vô lấy bản tin tham khảo buổi chiều hôm đó. Ông đọc ngấu ngiến gặng như nuốt từng chữ trong tuyên bố của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa:

“Nếu ba chiến sĩ biệt động Lê Minh Châu, Bùi Văn Tiến, Vương Thành bị chính quyền Nguyễn Văn Thiệu xử tử thì ngay sau đó, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sẽ xử bắn ba tên giặc lái Mỹ, trong số đó có tên Giôn Mắckên”. Ông Đẩu cười hể hả. Chính phủ ta chơi lại chính quyền Thiệu một đòn ba mũi giáp công, quân sự, chính trị phối hợp với ngoại giao rất ngoạn mục. Ta không thương lượng với tên tay sai, đây tở, kẻ đã ra lệnh giết ba người tù, mà ta bắn tin cho quan thầy của nó là Mỹ. Chính phủ ta có trong tay nhưng át chủ bài là tụi giặc lái Mỹ, trong đó có tên thiếu tá không quân Giôn Xít-nây Mắckên. Tên này lái máy bay A4, định ném bom phá hủy nhà máy điện Yên Phụ. Bị dính đạn giáng trả của tự vệ nhà máy, máy bay nó bốc cháy. Tên giặc lái chỉ kịp nhảy dù. Hắn bị rơi xuống



Bốn tử tù hội ngộ 17 năm sau (từ trái sang phải): Lê Minh Châu, Trương Thanh Danh, Phùng Ngọc Anh, Lê Quang Vịnh

Ảnh: Bến Hải

hồ Trúc Bạch, chân bị thương, dù quần đầy người. Khi được người dân vớt lên thuyền, hắn đã uống no nước. Hắn đã run lên trước các họng súng trường của tự vệ và nhiều ánh mắt căm thù của người dân Hà Nội chiếu thẳng vào hắn, trong số đó có ông Bảy Đầu. Nghe tin bắt được tên giặc lái Mỹ sắp chết đuối, ông đạp xe lên ngay hồ Trúc Bạch. Cũng giống như mọi người dân bình thường, ông dựng xe vào gốc cây ven đường, khóa lại rồi len lỏi vào xem mặt tù binh với tâm trạng náo nức của những ai dám đánh Mỹ và thắng Mỹ. Ông đầu có ngờ câu chuyện xảy ra cách đây gần một tháng, vào ngày 26 tháng 10 năm 1967, ngày quân và dân cả nước ta bắn rơi 10 máy bay Mỹ, lại liên quan tới gia đình ông, tới con rể ông.

8 giờ tối ngày 15 tháng 11 năm 1967, Chánh văn phòng Trương Văn Đầu chợt muốn đốc bầu tâm sự. Ông quay số điện thoại tới người bạn thân đang công tác ở Bộ Quốc phòng:

- Anh Tư, anh có rảnh không? Anh có thể trò chuyện với bạn cùng quê vài chục phút không?

- Ôi anh Bảy! Sao bữa nay anh khách khí vậy? Thành em này sẽ cho ô tô tới đón anh. Anh đi ngay được chứ?

- Tôi đã sẵn sàng!

Mười lăm phút sau, ông Bảy Đầu đã lọt vào chỉ huy sở. Điện thoại réo liên tục. Các sĩ quan, quân phục tề chỉnh, đang dán mắt vào màn huỳnh quang. Viên tướng niềm nở giới thiệu ông với kíp trực:

- Anh Bảy Đầu, Chánh văn phòng Bộ Điện Than có việc cần trao đổi với tôi. Tôi tiếp anh ở phòng ngoài.

Nghe ông Bảy Đầu trình bày xong, thiếu tướng chìa bàn tay về phía bạn: “Chúc mừng anh!”. Ông Bảy Đầu hết sức ngỡ ngàng. Có gì đáng gọi là “chúc mừng” trong sự kiện Ba Châu bị xử tử đâu? Biết ông Tư vốn là nhà quân sự đạo mạo, đúng mức, không thể đùa dai trong hoàn cảnh này, nên ông Bảy Đầu đưa tay mình về phía bạn, hờ hững nắm tay bạn. Viên tướng lấy ra bức điện mới nhận được:

- Anh có biết tiểu sử tên thiếu tá giặc lái mới bị ta bắt không? Tay này có ông nội và bố đều là đô đốc nên gia đình giàu cỡ tỷ phú và rất có thế lực. Anh đọc đi! Tổng thống Mỹ đã yêu cầu Thiệu hoãn vô thời hạn lệnh xử tử ba cán binh Việt Cộng. Chắc chắn cháu Ba Châu không bị hành hình nữa. Điều đó có đáng chúc mừng không?

Ông Bảy Đầu hướng về phía bạn:

- Xin thú thực là tôi rất mừng nhưng mừng vì Ba Châu thoát nạn ít hơn mừng về sức mạnh của Tổ quốc ta.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với anh. Nếu thế và lực ta không mạnh hơn kẻ thù, Tổng thống Mỹ đâu thèm chú ý đến sinh mạng tù binh ta.

Ông Bảy Đầu cảm ơn bạn. Ông tức vì mình không có cách gì thông báo cho vợ ông, các con ông, cho Ba Châu và các bạn tử tù của nó là chúng nó đã được cứu thoát.

Vào khoảng 8 giờ sáng ngày 16 tháng 11 năm 1967 Ba Châu ghé mắt nhìn qua khe cửa. Anh ngạc nhiên thông báo cho hai bạn:

- Nè! Tụi nó đang phá các ụ đất. Tại sao vậy?

Tư Thành và Bùi Văn Tiến cũng không rõ lý do. Ở trong xà lim hẹp bao bọc bởi bốn bức tường kín như bưng, các anh không có cách gì tìm cho mình lời giải đáp. Thôi cứ mặc kệ chúng nó, thắc mắc làm gì. Tư Thành giả bộ than thở:

- Chỉ tiếc là từ đêm nay anh em ta phải ngủ mò vì không còn cây đèn cây (nến) nào cả. Ba Châu gợi ý:

- Từ mai, ta chuyển thời gian sinh hoạt, học tập vào ban ngày, tối ta đi ngủ sớm. Hôm nay, ta tạm nghỉ.

Ba anh tử tù chưa kịp ghé lưng nằm nghỉ đã nghe anh tù thường phạm thông báo:

- Các ông thoát chết rồi. Đã có lệnh hoãn xử tử các ông để Chính phủ Cụ Hồ không hành hình ba phi công Mỹ.

- Làm sao anh biết được tin này?

- Máy ông giám thị nói lại cho tù nghe trước khi ra lệnh cho tù phá ba ụ hành hình.

Vốn nhạy bén về chính trị, Ba Châu đưa ra đề nghị:

- Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Bác Hồ đã cứu sống chúng ta. Từ nay cho tới khi nhắm mắt, xuôi tay, anh em ta không được quên ngày 16 tháng 11.

- Đồng ý!

- Tán thành!

- Ta sẽ nhắc để mọi người thân trong gia đình luôn luôn đừng ảo tưởng vào kẻ thù và nhớ ơn Chính phủ đã cứu mạng sống chúng ta.

Bùi Văn Tiến lật ngược vấn đề:

- Liệu chúng ta có sống tới ngày đó không? Tụi nó đã kêu án chúng ta. Chúng ta không công nhận bản án nhưng với luật pháp của chúng nó, bản án đã có hiệu lực.

Với những người tử tù luôn coi cái chết nhẹ tựa lông hồng nên các anh bàn đến chuyện ra đi vĩnh viễn của mình hết sức bình thản. Ba Châu đưa ra kết luận:

- Cứ coi như đây là nghị quyết của chúng ta. Tương lai, nếu tụi nó xử tử chúng ta vào ngày khác nhau, chúng ta thống nhất lấy ngày 16 tháng 11 hàng năm là ngày giỗ của chúng ta.

Vương Thành lại đưa ra câu hỏi:

- Đặt giả thuyết cuộc kháng chiến của dân tộc ta thắng lợi, chúng ta được các đồng chí giải phóng cả thì sao?

Bùi Văn Tiến khẳng định.

- Nếu chúng ta sống cùng địa phương ta sẽ luân phiên tổ chức. Trường hợp chúng ta phải ở mỗi người một tỉnh khác nhau, ta cùng làm mâm cơm, đặt lên bàn thờ tượng trưng, rồi thấp một tuần nhang để nhớ ngày giỗ của chúng mình.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Ba người tử tù ngoắc tay nhau, cười sảng khoái tự hào vì kẻ địch đã phải chịu thua đậm keo này.

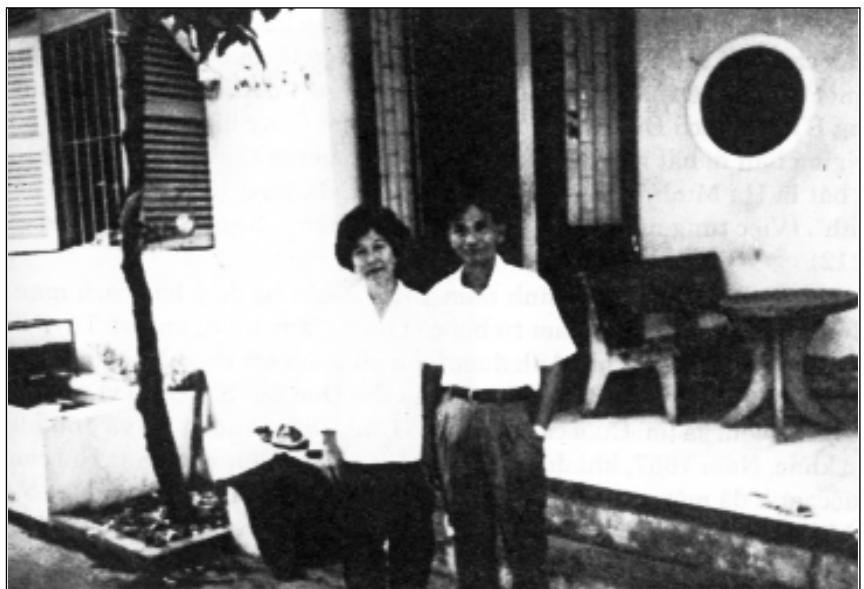
Từ sau ngày đại thắng, Ba Châu, Vương Thành, Bùi Văn Tiến luôn nhớ đến các bạn tù, đặc biệt là những chiến sĩ tử tù. Nghe tin bạn tử tù gặp hoạn nạn, ba anh cùng về thăm.

Bác Tư Hoài ở trong túp lều lụp sụp, ảm thấp. Bác không có vợ con. Bác tâm sự:

- Khi bị địch bắt, tôi là tiểu đội trưởng du kích. Do phạm "tội" gài mìn, làm cháy xe bọc thép, diệt 74 tên Mỹ nên tôi bị tuyên án tử hình. Sau 30 tháng 4 năm 1975, tôi được trả về xã. Tôi không có lương và do bị tra tấn nên sức khỏe suy sụp.

Ba Châu đã đưa toàn bộ số tiền mình đem theo tặng bạn. Anh cùng Tiến, Thành gõ mọi cửa để lo cho bác Tư có lương, có nhà và rất tích cực ủng hộ chủ trương thành lập Ban liên lạc truyền thống các nhà tù. Anh và Mỹ Lệ đã trải qua nhiều nhà tù nên đủ tiêu chuẩn hội viên, nhưng với bé Trang thì sao? Trong danh sách tù nhân của Mỹ - ngụy có ghi đầy đủ nhận cô là tù nhân? Mỹ Lệ sinh cháu trong tù. Cháu nặng vồn vẹn một cân chín lạng (1,9kg). Cháu sống được nhờ các ngoại, các dì san sẻ ống quần làm tã, nhá nát com tù móm cho. Cháu đích thực là tù nhân của chế độ Mỹ ngụy nên cháu được công nhận là hội viên. Cháu Minh Trang đã trưởng thành, đã tốt nghiệp đại học. Tuy người gầy, mảnh nhưng Minh Trang không ốm, được bố mẹ giao cho cháu quán xuyến việc gia đình. Từ ngày lọt lòng mẹ cô đã là con nuôi, cháu nuôi của hàng chục gia đình khác nhau nên cô rất thông cảm khi ba Châu đưa quần áo, chăn màn, giường tủ giúp đỡ các bạn tù và khi ba tuyên bố quyết định.

- Từ tháng này, ba dành toàn bộ tiền thưởng (thường gấp đôi lương Giám đốc Sở của anh) lập sổ tiết kiệm riêng chuyên dùng để cứu mang các đồng chí tử tù.



Lê Minh Châu và vợ
(Trương Mỹ Lệ
Tức Tư Liêm)
tại nhà riêng

Mỹ Lệ gọi hai con đến thăm dò ý kiến. Lê Minh Cảnh là con đầu lòng. Khi sinh con, chị phải gửi về quê, nhờ cô ruột anh chăm nom giùm. Lớn lên ở nông thôn thuộc vùng giải phóng ở Cần Thơ, Hai Cảnh hiểu rõ việc làm của ba má nên đã bỏ phiếu thuận ngay. Lê Minh Trang hoàn toàn tán thành dự kiến của ba, nhưng đã một lần hai ba con suýt hiểu nhầm nhau: lần đó, quỹ tiết kiệm của Ba Châu đã cạn, anh đề nghị tài vụ ứng trước cho anh một tháng lương và anh tặng luôn cho bạn tử tù. Trang “ý kiến” với ba. Ba Châu sáng giọng:

- Con có rõ vì sao con được sống tới hôm nay không? Mình có miếng cơm ăn, dành cho bạn của ba chút đỉnh cháo mà con cũng ca thán. Tình nghĩa của con biến đâu cả rồi?

Trang gục vào lòng ba, khóc:

- Thưa ba, con đâu phải kẻ vong ân bội nghĩa. Ba má giao tiền lương cho con để con quản lý việc gia đình. Nếu hụt một triệu tiền lương của ba, con biết lấy gì để bù vào?

Mỹ Lệ mở tủ lấy tiền trao cho con gái:

- Má bù cho con.

Chị hướng về phía chồng:

- Bé Trang đúng. Anh quá nặng lời với con.

Ba Châu vuốt tóc con gái:

- Ba xin lỗi nghe, từ nay ba sẽ rút kinh nghiệm.

Ba Châu sinh hoạt trong câu lạc bộ những người tử tù. Những ai được lọt vào danh sách “các nhà quý phái” này đều phải qua thủ tục kiểm tra khá khắt khe. Có người gợi ý nên xóa tên giáo sư Lê Quang Vịnh, vì anh đã được giảm án xuống tù chung thân. Sau khi phân tích thấy rõ việc địch buộc phải giảm án cho giáo sư Lê Quang Vịnh là do sức ép của nhân dân trong nước và thế giới, chứ không phải giáo sư làm đơn cầu xin ân xá nên “vụ kiện” mới chấm dứt.

Nhân ngày phụ nữ quốc tế mừng 8 tháng 3 năm 1993, Ban liên lạc các nhà tù họp mặt nhau lại đưa ra sáng kiến triệu tập tất cả các tù binh, tù chính trị là nữ ở tất cả các trại giam của Mỹ - ngy đang có mặt ở thành phố Hồ Chí Minh. Khách đến dự vượt quá dự kiến của Ban tổ chức nên từng đại biểu tự kê ghế ngồi hết chỗ trong hội trường, ngồi ra cả ngoài sân. Sau nhiều diễn giả, Mỹ Lệ dẫn theo Trang lên diễn đàn qua lời giới thiệu:

- Cô Mỹ Lệ với bí danh là Tư Ốm, khi ở trong tù trọng lượng cơ thể chỉ còn 29 kilôgam. Đồng chí Tư Ốm sanh cháu Lê Minh Trang đây trong tù. Khi chào đời, bé Trang nặng vồn vẹn 1,9 kilôgam.

Mỹ Lệ không nói dài. Chị từ tốn:

- Nhờ các má, các dì, các chị cứu mang đùm bọc nên má con tôi mới có ngày hôm nay. Xin cảm ơn!

Trang đến bên má. Cô gái gần 30 tuổi ôm lấy má, gấn đôi môi mình trên khuôn mặt

đây nước mắt của má. Nhiều tiếng khóc sụt sùi theo má con cô. Từ ngoài sân, một bà mẹ len lỏi qua các hàng ghế. Nhiều cặp mắt hướng về phía má. Bà má không để ý đến những cặp mắt khó chịu đang hướng về mình cứ luôn miệng nói “xin lỗi” và hối hả tìm cách tới gần chủ tịch đoàn. Má đến cạnh Mỹ Lệ, nói trong hơi thở hổn hển:

- Xin lỗi, em có quen ai là Ba Châu không?
- Anh Ba là chồng em.
- Anh bị kết án tử hình?
- Dạ?

Em còn có tên là Mười Trương?

- Đó là bí danh của em dùng trước khi bị địch bắt lần thứ hai.

Trời ơi! Tôi đi kiếm dì từ 1967 tới nay mới gặp. Tôi còn giữ cái nhẫn cậu Ba Châu gửi tặng dì. Tên tôi là Huỳnh Thị Lợi, cùng bị tù với cậu Ba, nhưng tôi chưa biết mặt Ba Châu.

Trương Mỹ Lệ cuống quýt, riu rít. Cô ôm lấy chị Lợi:

- Chị ơi! Anh Ba đã nhiều lần kể cho em nghe về chiếc nhẫn. Em đã tưởng suốt đời em không bao giờ được trông thấy quà tặng vô giá của anh. Em thật không ngờ. Em hạnh phúc quá chừng!

Người điều khiển cuộc họp đã nắm được lý do gây lộn xộn của chị Lợi, định nói để các đại biểu hiểu rõ nhưng Mỹ Lệ đã đề nghị:

- Xin phép má cho con đưa chị Hai Lợi về gia đình con.

Cuộc họp mặt sau, con sẽ mời chị Lợi, đưa anh Ba Châu và hiện vật là cái nhẫn đến để các đại biểu mừng cho con.

- Má đồng ý! Con về đi. Chắc thằng Ba Châu mừng hơn bất được vàng.

Trong lúc chờ chồng về, Mỹ Lệ kể cho chị Lợi nghe về cái nhẫn và lý do chồng chị không bị xử tử. Cả hai chị em cộng, trừ, nhân, chia cùng tính toán nhưng không ai phán đoán nổi ba người tử tù đã hoàn thành tác phẩm trong thời gian bao lâu? Mỹ Lệ vẫn gặp các anh Bùi Văn Tiến, Vương Thành. Theo giao ước trong tù, các anh thường đến nhà chị để ăn giỗ hoặc mời anh chị đến ăn giỗ chính mình tại nhà mình. Các anh luôn ôn lại kỷ niệm làm chiếc nhẫn. Chị không sao hình dung nổi cảnh một anh lồng chiếc nhẫn vào đầu ngón tay út để cho bạn dùng mảnh nhọn kiên nhẫn, tỉ mỉ, tinh xảo khi khắc hai chữ C - L lồng vào nhau như thế nào. Chị đã nghe anh kể, buộc anh vẽ lại kiểu nhẫn nhiều lần. Chị hiểu tâm trạng anh. Trước khi chết, anh dồn cả tình yêu thương đối với chị trong kỷ vật cuối cùng anh để lại cho chị. Chị hướng về phía ân nhân của mình:

- Thừa chị! Người ta thường nói tiền là Tiên là Phật, có tiền mua gì cũng được. Đúng là khi người ta nhiều tiền, người ta tha hồ sắm xe hơi, nhà lầu, mua vàng, bạc, kim cương, nhưng không ai có thể mua được chiếc nhẫn như của em. Chiếc nhẫn sẽ là vật gia bảo

truyền từ đời này cho đời sau của chắt, chứt, chít... chúng em. Chị! Sao mãi hôm nay chị mới gặp em?

Chị Huỳnh Thị Lợi kể là thông tin duy nhất chị nhận được từ người tù thường phạm là yêu cầu chị giao chiếc nhẫn do tự tay anh tử tù Ba Châu cho vợ anh là chị Tư Ôm, bí danh là Mười Trương, sanh con ở trong tù. Chị không rõ quê Ba Châu, Tư Ôm ở đâu, trước khi bị địch bắt hoạt động trên địa bàn nào? Ra khỏi nhà tù trở về quê ở Quảng Nam, Đà Nẵng, chị trân trọng chiếc nhẫn, giữ gìn cẩn thận như con ngươi của mắt mình. Chị đã trao đổi với không dưới một trăm đồng chí nhưng không ai giúp chị gỡ được thế kẹt. Chị không mê tín dị đoan e ngại Ba Châu sau khi chết sẽ về hỏi tội, mà chỉ luôn tâm niệm là mình còn có món nợ chưa trả cho hai đồng chí đã tin tưởng ở mình. Từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi đón các bạn tù từ Côn Đảo trở về, chị đã hỏi rất nhiều người nhưng vẫn không tìm ra tung tích Ba Châu. Chị thất vọng quá. Năm 1990, chị chuyển từ Quảng Nam, Đà Nẵng vào sống với con ở thành phố Hồ Chí Minh. Chị thổ lộ:

- Sáng nay, khi nghe má Chín giới thiệu em và bé Trang chị như người ngồi trên đống kiến lửa và cũng có cảm giác khoan khoái như đang hạn hán gặp mưa rào. Chị tất tưởi đến với em. Chị biết nhiều đại biểu không đồng tình, cho là chị gây mất trật tự nhưng lúc đó chị chỉ có ý nghĩ duy nhất là đến gần em nhanh nhất.

- Cảm ơn chị!

Nhận được điện thoại của vợ, mặc dù đang họp Thành ủy, Thành ủy viên Ba Châu cũng hối hả lên gặp đồng chí Bí thư:

- Anh Hai! Tôi có việc riêng không thể trì hoãn được.

Xin phép anh cho tôi vắng mặt. Tôi sẽ báo cho với anh sau.

Bí thư Thành ủy thoáng ngỡ ngàng. Ba Châu, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kiêm Giám đốc Sở Thương nghiệp là cán bộ lãnh đạo gương mẫu, luôn giữ nguyên tắc, tại sao chỉ vì việc riêng mà bỏ họp? Chắc có uẩn khúc gì đây? Ông gợi ý:

- Nếu cần giúp đỡ gì, anh trao đổi thật lòng với tôi.

- Tin mừng thôi, anh Hai.

Vừa về tới nhà Ba Châu nắm chặt đôi tay chị Hai Lợi:

- Được Mỹ Lệ thông báo, em suýt ngất. Vui quá chị ơi!

Không thể chờ đợi thêm một giây nào nữa, Ba Châu đề nghị:

- Em có xe đang đợi ngoài cổng, em sẽ đưa chị về. Đi, chị!

Chị Hai Lợi đưa vợ chồng Ba Châu về nhà con mình, lấy ra cái hộp bằng bìa cứng vuông, mỗi chiều 2cm. Ba Châu mở hộp. Trên nền nhung đỏ đã xỉn màu, chiếc nhẫn bằng sừng nằm ngay ngắn chính giữa. Ba Châu run run đưa ánh mắt hướng về phía vợ. Mỹ Lệ xòe bàn tay phải nín thở, chờ đợi. Phải chăng đây là giây phút thiêng liêng nhất của đời người con gái? Hôm lấy chồng, chị chưa trải qua cảm giác của người vợ nhận nhẫn cưới,

song qua hàng trăm trường hợp đôi trai gái trao nhẫn cho nhau trong ngày hạnh phúc nhất của đời mình, chị chỉ thấy nụ cười tươi rói. Còn giờ đây, khi anh lồng chiếc nhẫn vào tay chị, chị rất muốn cười nhưng những giọt nước mắt cứ tràn ra khỏi mi chị. Chị với anh đều đã vượt qua tuổi 50. Giống như mọi cô gái Việt Nam khác, chưa bao giờ chị bộc lộ cử chỉ âu yếm chồng trước mặt người thứ ba nhưng bây giờ, chị không sao tự chủ nổi. Chị ôm lấy anh, gục đầu vào ngực anh thốn thức. Chị ngẩng khuôn mặt đầm đìa nước mắt về phía ân nhân của mình:

- Chị Hai! Em sung sướng vô cùng. Vợ chồng em suốt đời mang ơn chị. Không có người đàn bà thứ hai nào ở nước ta hay trên thế giới được hạnh phúc như em lúc này đâu.

Anh Ba Châu cũng nghẹn ngào:

- Tôi là đàn ông chưa phải trải qua những ngày bụng mang, dạ chứa, mang nặng, đẻ đau của phụ nữ nhưng tôi yêu quý chiếc nhẫn như con đẻ của mình. Bao năm qua, tôi đã tuyệt vọng vì tin rằng “con” mình đã chết. Ai ngờ, tôi lại có diễm phúc nhận lại đứa con còn nguyên vẹn. Chị Hai! Chúng em làm đám cưới năm 1963. Tuần tới, chúng em tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày thành hôn. Chúng em xin mời chị.

Mỹ Lệ đón ngay được thiện ý của chồng. Anh chưa lần nào bàn chuyện hệ trọng này với chị nhưng chị hưởng ứng nhiệt tình ý kiến của anh:

- Tụi em không biết những ai đã dự đám cưới của mình¹. Anh Ba và em sẽ cố mời được tất cả.

Từ ý nghĩ bột phát của Ba Châu, hai vợ chồng Mỹ Lệ đã tổ chức đám cưới lại rôm rả, thân tình. Các đại biểu nghe kể lại lịch sử cái nhẫn, chuyền tay nhau cái nhẫn đã 26 năm “Châu mới quay về hợp phố” lòng vui vì mối tình của Ba Châu, Mỹ Lệ ngày càng nồng nàn, đắm thắm.

NGUYỄN TRẦN THIẾT

(1) Vì ở trong căn cứ nên cả cô dâu, chú rể và khách mời đều phải mang mũ hoặc túi trùm mặt kín.

CHUYỆN GIẢI PHÓNG CÔN ĐẢO VÀ BỮA LIÊN HOAN TRÀO NƯỚC MẮT

Trong trại viết do Tổng Cục chính trị và Bộ tư lệnh Hải quân tổ chức năm 2005 tại Quảng Ninh, tôi đã có cuộc gặp và trò chuyện với Đại tá hải quân Nguyễn Xuân Bọt - người chỉ huy đánh đuổi tàu Ma - đốc (1964), ông cũng là người chỉ huy tàu chở bộ đội ra giải phóng Côn Đảo (3 - 5 - 1975) và đưa 250 tù chính trị đợt đầu tiên trở về đất liền. Cuộc nói chuyện với ông thật cảm động và mang nhiều ý nghĩa lớn lao .

Côn Đảo đã tự giải phóng rồi

Đại tá Nguyễn Xuân Bọt: Giữa những ngày Chiến dịch mùa xuân 1975 đang như triều dâng thác đổ, Trung đoàn 172 hải quân được lệnh: “Trên bờ lục quân chiếm đến đâu, dưới nước Trung đoàn phải chốt các cửa biển đến đó, không cho địch rút chạy ra lối biển. Lực lượng của trung đoàn gồm hai tàu 100 tấn trang bị pháo 37 ly 2 nòng, 1 tàu ngư lôi, 3 tàu quét mìn, 3 tàu thủy lôi, 1 tàu há mồm, tàu Đại Khánh chở đạn và 2 tàu tên lửa”. Tôi lúc này là Trung đoàn phó, tham mưu trưởng nhưng trực tiếp chỉ huy chiến đấu dưới nước (còn Trung đoàn trưởng đi vào theo đường bộ). Với tinh thần “thần tốc táo bạo”, Trung đoàn 172 đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng và chốt giữ các cảng Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cam Ranh. Đặc biệt đúng 23h ngày 30 - 4, biên đội 1 của trung đoàn đã vào vịnh Ô Cấp - một cửa ngõ quan trọng không cho các loại tàu địch rút chạy sau khi Sài Gòn thất thủ. Lúc này trên bộ bộ binh ta vẫn còn nổ súng. Từ đây chúng tôi tiến vào làm chủ cảng Rạch Dừa. Trên đoạn sông Sài Gòn từ Vũng Tàu vào cảng Rạch Dừa hệ thống phao dẫn đường, cái còn cái mất, tàu thuyền của địch ngổn ngang, cái nổi cái chìm trông thật là thê thảm.

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Trưa 2 - 5 - 1975, có lệnh khẩn cấp về họp tại nhà họp cảng Rạch Dừa nhận nhiệm vụ giải phóng Côn Đảo. Côn Đảo gồm 16 đảo lớn nhỏ, là nơi giam giữ 2.500 tù chính trị, địch bố trí canh phòng cẩn mật với đủ các phương tiện hiện đại, có bến cảng, sân bay, pháo binh, lục quân. Mới đây, chúng cho thêm hơn 2.000 tù thường phạm ra, một số cho trà trộn vào với tù chính trị, thực hiện âm mưu nham hiểm. Sau khi Sài Gòn được giải phóng thì thông tin liên lạc với Côn Đảo cũng bị cắt đứt. Trung đoàn 172 được giao nhiệm vụ khẩn cấp cùng với một tiểu đoàn bộ binh của Bà Rịa đi giải phóng Côn Đảo và đưa tù chính trị về đất liền. Hai phương án cấp trên đặt ra: Một là đưa tối hậu thư bắt hàng, nếu thuận lợi thì tiểu đoàn sẽ đổ bộ lên nắm các trận địa phòng thủ. Hai là nếu địch không hàng thì Hải quân và lục quân sẽ đổ bộ đánh chiếm đảo, hết sức không để tù chính trị phải hy sinh. Tôi được giao việc chỉ huy trung đoàn 172 chở quân ra Côn Đảo gồm 1 tàu Đại Khánh, 1 tàu Nhật Lệ, 2 tàu chở nước, 2 tàu pháo đi bảo vệ, cần thiết thì bắn phá các mục tiêu quan trọng hỗ trợ cho quân đổ bộ. Các tàu tên lửa sẵn sàng đợi lệnh tấn công sân bay, kho tàng của địch ở Côn Đảo. Việc đưa tối hậu thư được giao cho đồng chí Luật ở Cục Chính trị Hải quân. Đồng chí Nam Ninh - Tỉnh đội trưởng Bà Rịa- chỉ huy đại đội đổ bộ. Đến 17 giờ 30 phút tôi ra lệnh xuất phát, đường dài 100 hải lý, rờn rã 16 giờ tàu chạy liên tục mới đến Hòn Chim rồi rẽ vào vịnh Cá Mập. Tàu giảm tốc, đi thận trọng, tinh thần cảnh giác cao, vì sinh mạng bao nhiêu người trên tàu và trên đảo. từ xa nhìn vào, Côn đảo im lặng đáng sợ như vậy? Tôi cho tàu tắt máy để tiếp tục quan sát. Lúc sau, trinh sát lên nóc tàu cao 6 m phát hiện phía sau hàng dương, trên nóc nhà thấy thấp thoáng bóng cờ nửa xanh nửa đỏ. Rồi bỗng thấy xuất hiện 3 người đàn ông vừa chạy ra, vừa vẫy tay làm hiệu. Đó là 3 thủy thủ tàu không số bị địch bắt giam. Các anh thông báo: “Côn Đảo đã tự giải phóng rồi!”. Chúng tôi đổ quân lên đảo, phân công chốt giữ các mục tiêu. Trên đường đi tôi gặp một đại úy nguy tên là Đậu (sau chính là đại tá Đậu - người chỉ huy 180 lính canh coi trên đảo) kể: Từ 29 - 4 Côn đảo mất liên lạc với Sài Gòn. Chúa đảo là Chín Khương đã cùng vợ con bỏ chạy bằng xuồng máy mang theo dứa và mấy tên thân cận. Phó đảo là một ác ôn đã bỏ chạy vào rừng. Trước khi chạy, chúa đảo giao cho Đậu gài mìn vào các nhà tù để đợi lệnh thủ tiêu các tù nhân. Đậu không bỏ chạy mà ở lại tháo toàn bộ hệ thống mìn và cùng tham gia nổi dậy chiếm đảo với các tù nhân. Sau đó được tham gia trong nhóm họp 4 người gồm đức cha, ông Lê Câu, Đậu và một người nữa. Ông Lê Câu được giao nhiệm vụ chủ tịch Ủy ban mặt trận (UBMT) đảo và chọn ngôi nhà trước đây chúa đảo vẫn họp làm trụ sở.

Đúng 250 người về chuyến tàu đầu tiên và bữa liên hoan trào nước mắt

Trong cuộc họp giữa bộ đội với ủy ban mặt trận đảo (UBMT) đảo, đại diện của các nhà tù, tất cả khoảng gần 100 người. Sau khi đồng chí Lê Câu giới thiệu, một đồng chí tên là Nam - người cao to, da trắng nói giọng Bắc báo cáo tình hình Côn Đảo. Cơ

bản như đại tá Dậu đã trao đổi trước với tôi. Đồng chí Nam cũng chỉ rõ âm mưu ác độc của chúa đảo và đại tá Dậu chính là người gỡ toàn bộ hệ thống mìn quanh các nhà tù trên đảo. UBMT đảo đã cùng các tù chính trị, tổ chức giải phóng đảo. Hiện tại Côn Đảo gồm 2.500 tù nhân trong đó có các đồng chí là xú uỷ, cán bộ cao cấp của Đảng. Các nhà tù đã được mở cửa tự do nhưng vẫn giữ nguyên hiện trạng và cơ cấu tổ chức. Ban lãnh đạo Ủy ban mặt trận đảo đã cho lực lượng tự vệ bảo vệ đảo, giám sát bọn ác ôn, quản lý chặt chẽ tù thường phạm, tổ chức cuộc sống sinh hoạt hàng ngày trên đảo.

Sau đó, cuộc họp bàn 2 việc, chọn 250 tù chính trị về đất liền đợt đầu tiên và có tổ chức bữa cơm mừng chiến thắng hay không? Về việc chọn danh sách 250 người tù chính trị về đợt đầu tiên, cuộc họp thống nhất tập trung vào các thành phần sau: Người có án tử hình địch chưa kịp hành quyết; Người bị địch giam lâu nhất ở Côn Đảo; Người bị giam ở chuồng cọp, thùng vôi đau yếu; Phụ nữ già ốm yếu. Các nhà tù phải lập ngay danh sách để UBMT xét duyệt. Hội nghị ngồi yên lắng nghe, không một ai có ý kiến gì. Việc thứ hai, có tổ chức bữa cơm liên hoan mừng chiến thắng hay không cũng được bàn rất nghiêm túc. Cuối cùng thì mọi người cũng nhất trí liên hoan mừng thắng lợi với lý do đây là ngày mỗi mòn trông đợi của các tù nhân sau bao năm bị tù đày tra tấn cực khổ! Nhưng cụ thể “khao quân” ở mức độ như thế nào thì hội nghị phải bàn kỹ. Côn Đảo hiện có 500 con bò, 300 con lợn, 30 tấn gạo, mấy chục triệu tiền Sài Gòn. Trước khi đảo giải phóng, tất cả do chúa đảo cai quản, hiện tại do anh em tù nhân canh giữ. Sau thảo luận hội nghị đã kết luận việc liên hoan. Có liên hoan nhưng phải hết sức tiết kiệm vì đảo, vì đất nước vừa giải phóng còn nhiều khó khăn thiếu thốn! Và quy định cụ thể định lượng khẩu phần liên hoan của mỗi người như sau: Riêng cơm thì được ăn no, còn thịt (gồm thịt bò và thịt lợn) mỗi người tối đa là 3 lạng và đặc biệt lưu ý với bộ phận hậu cần “phải hết sức tiết kiệm, không được giết bữa bãi, chỉ được làm thịt những con gầy yếu, chậm lớn, những con khoẻ mạnh phải giữ lại để phát triển kinh tế cho Côn Đảo sau này!

Thật là cảm động, hàng ngàn người tù ốm đau, gầy yếu sau biết bao nhiêu tra tấn đánh đập, đói khát nơi “địa ngục trần gian”, tâm lý ai mà chẳng muốn nhanh được về đất liền nhưng tôi quan sát thấy việc lập danh sách, xét duyệt rất đúng với 4 tiêu chuẩn đặt ra, không có một ai thắc mắc, đề nghị, kiến nghị hay xin về thêm. 250 tù nhân theo danh sách đã xét duyệt về đợt đầu đã có mặt đông đủ. Chỉ đúng 250, không thừa, không thiếu một người. Không ai một ai ý kiến thắc mắc hoặc xin về thêm! Người nào cũng mặc bộ bà ba đen, hành lý mang theo chỉ có một mảnh chiếu và một chiếc cồng bò cũ đã han gỉ. Cảm động hơn nữa, đảo vừa được giải phóng, sau biết bao nhiêu ngày bị tra tấn dã man, giam cầm đói khát, thế mà chỉ một bữa liên hoan mừng thắng lợi, mừng cuộc đời mình từ cõi chết trở về cũng phải bàn đi tính lại cho thấu tình đạt lý, đã lo nghĩ cho tương lai của hòn đảo, của đất nước, không hề lo nghĩ đến bản thân

mình. Chúng kiến hai việc đó, tôi thực sự không cầm được nổi xúc động - Hơn 30 năm sau nhớ lại chuyện này, trong lòng đại tá Bột vẫn trào dâng một sự cảm kích lớn lao.

Mới hiểu vì sao mọi thủ đoạn tra tấn, mọi sự đày đoạ ác độc của kẻ thù đã không khuất phục được tinh thần những người tù cộng sản yêu nước, cái chất của người cộng sản được tôi luyện trong tù ngục là như thế! Nên tôi nghĩ hai câu chuyện hoàn toàn có thực này, sẽ mãi còn ý nghĩa đối với hôm nay và mai sau, là những bài học làm người, bài học của những người cán bộ cách mạng kiên trung vì nước vì dân quên mình!

Trong số 250 tù nhân về đợt đầu, 160 người lên tàu Đại Khánh và 90 người lên tàu Nhật Lệ. Anh em tù, người nào cũng gầy gò ốm yếu, nhiều người bị giam ở chuồng cọp, thùng voi còn bẩn thỉu, hôi hám, nhiều anh em đi không vững, phải đi, nhất là lúc xuống xuống và lúc lên tàu. Mới nhỏ neo được vài chục hải lý, trên tàu đại Khánh đã có một người tù bị chết. Theo mọi người cho biết, đồng chí này là Xứ uỷ, người Bình Định, tuổi đã già và sức đã kiệt lắm rồi. Thật là đau xót!

Chuyến đi lịch sử đó, rất may “trời yên biển lặng” nên không bị thêm một ai ra đi nữa. Ngồi trên đài chỉ huy, tôi nghĩ, chắc sự đau đớn đến tận cùng của những người tù Côn đảo đã động đến cả trời biển nên biển trời hôm ấy đã im lặng hiền hoà, giữ cho mọi người một đêm yên tĩnh để họ đủ sức trở về với quê hương bản quán sau bao nhiêu ngày xa cách!

Mới 4 giờ sáng, mặt trời tháng 5 đã nhô lên vàng óng một góc trời, ngọn núi cao nhất của Vũng Tàu đã hiện lên trước mặt. Khi gần vào đến cảng, tất cả anh em tù nhân lên hết mặt boong, mọi con mắt đổ dồn vào bờ, cờ mặt trận tung bay trên các hàng cây, nóc nhà vẫy chào những người con kiên cường trở về với đất mẹ vừa giải phóng. Thấy thế, nhiều người oà khóc như trẻ nhỏ. Có người rút ra từ trong áo lá cờ mặt trận giải phóng, tôi không hiểu họ chuẩn bị từ bao giờ? Mãi sau tôi mới hiểu, đến khi nhìn thấy đất liền tung bay cờ giải phóng, nhiều người tù mới thực sự tin là mình đã thoát chết (vì bao nhiêu năm qua, đã có nhiều tù nhân đã lên tàu về đất liền nhưng có về được đâu?) Rồi một cảnh tượng thật là cảm động không thể cầm được nước mắt, cả đoàn tù nhất loạt đứng dậy, đến lúc này họ mới ném xuống sông những manh chiếu rách, những chiếc cống bô đã han gỉ, như ném đi cuộc sống nơi “địa ngục trần gian” để về giữa lòng Tổ quốc thân yêu đang rợp bóng cờ sao.

Ghi chép của LÃ QUÝ HUNG

DẤU ẤN CÔN ĐẢO MỘT THỜI VÀ MÃI MÃI

Từ ngày còn học cấp 2 (THCS bây giờ), tôi đã nghe nói về Côn Đảo, về cái nhà tù tàn bạo ở đó. Thế rồi đến khi được đọc tác phẩm “Bát khuất” của Nguyễn Đức Thuận thì Côn Đảo thực sự ghi đậm “dấu ấn” trong tôi - Một dấu ấn đau thương, một dấu ấn của sự dã man tàn bạo ghê tởm mà bọn mặt người dạ thú gieo rắc cho những người yêu nước thương nòi. Nhưng hơn thế là dấu ấn đậm sâu và lòng khâm phục về tinh thần bất khuất (đúng như tên của cuốn sách), về ý chí ngoan cường, sức chịu đựng phi thường của những người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm trên đảo. Với tôi có thể coi ấn tượng khi đọc cuốn sách ấy, là một trong những xúc cảm mạnh mẽ nhất trong những lần đọc sách. Và dĩ nhiên xúc cảm ấy tôi hiểu, không phải là cảm xúc tạo nên từ một cuốn sách “phi thực”, do lãng mạn hay do triu tượng mà có. Đây là cảm xúc, hay nói một cách khác, chính là tác động ảnh hưởng thực mà những câu chuyện thực trong sách mang đến. Khi đó, tôi không hiểu nổi tại sao lại diễn ra một “địa ngục” giữa cuộc đời văn minh này như vậy? Tại sao con người lại phải chịu đựng và vì sao họ lại chịu đựng được những đòn tra tấn, những sự hành hạ dã man, ghê rợn như vậy? Và, không ít khi tôi cứ nghĩ: bao giờ ở Côn Đảo mới chấm dứt nỗi đau này?

Đó là Côn Đảo trong ký ức của tôi mấy chục năm về trước.

Chiến tranh kết thúc, cuộc sống hòa bình ngày càng làm cho quê hương, đất nước đổi thay và phát triển. Vết thâm bầm của Côn Đảo một thời đau thương cũng nhạt dần theo năm tháng, nhường chỗ cho một Côn Đảo đổi mới và phát triển. Nhưng, lịch sử không thể bị mất đi. Chứng tích còn đó và nỗi niềm cũng còn đó, dù rằng cảm nhận về hòn đảo “đặc biệt” này đã tươi tắn hơn. Âu cũng là lẽ tự nhiên của qui luật phát triển. Nhưng, quả thật, ai đã một lần được nghe, được thấy, được đọc về Côn Đảo ngày xưa, khi ở đó còn nhà tù - địa ngục, thì không dễ gì mà mất được ấn tượng “đau đau” đến lạ

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

kỳ. Những cái tên Banh 1, Banh 2, Chuồng cọp, Chuồng bò, hầm đá, hầm say lúa... Hay các sở tù như sở tiêu, sở Cỏ ống, sở Muối...; Rồi những địa danh: Cầu Ma Thiên Lãnh, Công Quán, nghĩa trang Hàng Dương... ở Côn Đảo, nghe sao mà buồn thảm, mà ghê rợn. Vậy mà nó đã từng tồn tại, từng kéo dài đằng đẵng hơn một trăm năm. Bao nhiêu thế hệ, bao nhiêu ngàn người đã bị đày đọa ở đó? Chắc không thể có được con số chính xác! Chỉ biết rằng lịch sử đấu tranh kiên cường của dân tộc ta chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ suốt hơn một thế kỷ, Côn Đảo như một cáo trạng sống kết án tội ác man rợ của kẻ xâm lược và cũng đồng thời là bản anh hùng ca bất hủ về lòng yêu nước và ý chí cách mạng của những chiến sĩ đấu tranh cho độc lập tự do của Tổ quốc. Đó là những người nông dân, những sĩ phu yêu nước trong các phong trào Cần Vương, Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực... từ trước khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, như các cụ: Lã Xuân Oai, Phan Chu Chinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thiện Kế, Phạm Cao Chấm, Trần Cao Vân...

Rồi kế sau này là hàng vạn cán bộ, đảng viên cộng sản qua nhiều thế hệ, trong những năm tháng cực kỳ khó khăn của cách mạng vẫn một lòng, một dạ bám dân, bám đất, gây dựng cơ sở tạo nên lực lượng cách mạng chống lại giặc ngoại xâm và nhiều người đã bị giặc bắt, đày ra nhà tù Côn Đảo; như các đồng chí Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Tống Văn Trân, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Lê Hồng Phong, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Linh v.v...

Dãy khám 6 - 7 - 8 - 9 - 10 với cái tên Chỉ Tồn là nơi từng giam giữ nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo của Đảng ta thời kỳ 1930 - 1945. Và cũng chính ở đây đã ra đời "Chi bộ đặc biệt" vào năm 1932, để rồi từ đó đã phát triển thành Đảng bộ Côn Lôn sau này - Hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh của chiến sĩ trong nhà tù Côn Đảo.



*Chuồng Cọp
trong nhà tù Côn Đảo*

HUYỀN THOẠI CÔN ĐẢO

Dù xuất thân thế nào, dù hoàn cảnh khác nhau, nhưng họ đều chung một lòng yêu nước, một khát vọng đấu tranh cho độc lập tự do, sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn. Nhà tù, dù vô cùng khắc nghiệt, dù chịu bao đau đớn về thể xác và căng thẳng về tinh thần, họ vẫn vững vàng niềm tin vào thắng lợi của cách mạng; vẫn không ngừng đoàn kết đấu tranh với kẻ thù; biến nơi tù ngục thành một trường học lớn về chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Côn Đảo hơn ba thập kỷ trước là vậy. Nơi giữa sự sống và cái chết chỉ là ranh giới mỏng manh; Nơi không có một phút hòa bình thực sự trong lòng người; Nơi phẩm giá được đo bằng sự đau đớn của những đòn tra tấn tàn bạo và chủ nghĩa anh hùng cùng chỉ được lưu truyền qua trí nhớ của bạn tù...

Hơn 100 năm với 53 đời Chúa ngục cả hai thời kỳ thực dân, đế quốc. Hàng vạn con người ốm yếu do bị hành hạ nhiều tháng, nhiều năm trong một “địa ngục” được thiết lập bởi 120 gian chông cọc Pháp, 384 gian chuồng cọc Mỹ, 20 hầm đá, 14 xà lim, 31 gian biệt lập chuồng bò và rất nhiều phòng kỷ luật khác... “Côn Lôn ơi, viên đá mạng người” - Câu ca ai oán, đầy nước mắt ấy cũng đã phần nào nói được thảm cảnh của những người tù ở Côn Đảo. Vì đâu mà họ phải sa vào vòng lao lý, phải chịu đau đớn, thậm chí cả cái chết luôn cận kề? Không thể có một lý giải nào khác ngoài “Vì lòng yêu nước thương nòi, lòng căm thù quân cướp nước và kẻ bán nước”. Dù là đảng viên hay chưa là đảng viên, dù làm nghề gì, tuổi tác bao nhiêu, lý tưởng cách mạng vì mục tiêu giành lại nền độc lập tự do cho Tổ quốc vẫn là động cơ cao cả nhất, là cội nguồn cho sự dấn thân vào trường tranh đấu, sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh. Cho nên, những chiến sĩ cách mạng ở nhà tù Côn Đảo, nhìn từ góc độ nào, họ cũng là những anh hùng, vì dân vì nước.



Cảng Bến Đầm
Côn Đảo

Đảng đảng cả trăm năm, qua bao thế hệ người tù mà sự khốc liệt ở đây cứ ngày càng cao hơn, đòi hỏi sức chịu đựng và ý chí của người tù cũng phải lớn hơn, kiên trung hơn. Sự khâm phục là ở chỗ này, cái lớn lao cũng là ở chỗ này. Mỏi hay, công lao của các bậc cha anh trong các cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, là vô cùng lớn lao, khó có bút mực nào kể hết; Đặc biệt là những con người phải chiến đấu trong lao tù của giặc.

Chúng ta hiểu rằng trong cuộc chiến đấu cam go, khốc liệt ấy, sự hy sinh mất mát ai cũng phải chịu, nhưng làm gì có thước đo nào cho nỗi đau ấy? Đành rằng, dấn thân vào con đường tranh đấu, người cách mạng không toan tính thiệt hơn cho riêng mình mà với họ, dân tộc và mục đích cao cả của Đảng là trên hết; mà đó mới là điều giúp họ vượt qua mọi gian khổ hy sinh. Song, với người “ngoài cuộc”, những người chịu ơn sâu của các anh hùng, liệt sĩ và những người có công với nước, thì có lẽ cuộc chiến không dễ dàng kết thúc một cách “vô tư” như vậy. Bởi trong hàng vạn con người đã cống hiến, thậm chí đã hy sinh trong lao tù Côn Đảo, vẫn có điều này điều khác chưa “công bằng” trong đánh giá cụ thể. Ấu cũng là điều dễ hiểu và đây cũng chính là sự phức tạp, tính chất gay go của mặt trận “đặc biệt” này. Điều quan trọng là Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã ghi nhận công lao to lớn ấy; Lịch sử dân tộc cũng khắc ghi công lao to lớn ấy!

Là người Việt Nam, mấy ai không biết cái tên “Côn Đảo” với di tích nhà tù Côn Đảo thấm đẫm “niềm đau và nỗi nhớ” - Đau vì những tội ác kẻ thù gây ra cho đồng chí, đồng bào ta ở đó; mà nhớ cũng là vậy, nhưng còn nhớ hơn nữa chính là những hy sinh lớn lao, là ý chí bất khuất kiên cường, là công lao không thể đo đếm được của các chiến sĩ cách mạng trong tù.

Đất nước hòa bình, độc lập hôm nay, có sự đóng góp bằng máu xương của họ.

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	11
Côn Đảo - hào khí thiêng giữa biển khơi Tổ quốc	14

CÔN ĐẢO VÀ NHỮNG TRUYỀN THUYẾT

Côn Đảo trên bản đồ Tổ quốc.	18
Truyền thuyết về Bà, Cậu Côn Lôn.	23

DI TÍCH LỊCH SỬ CÔN ĐẢO

“Huyền thoại Côn Đảo” lòng tri ân đối với các thế hệ tù nhân yêu nước...	28
Tinh thần Côn Đảo sống mãi trong mỗi chúng ta	29
Di tích lịch sử Côn Đảo	30
- Hệ thống nhà tù Côn Đảo.	
- Các trại giam ở nhà tù Côn Đảo.	
- Các Sở tù.	
- Các địa danh nổi tiếng ở Côn Đảo	
- Các bản đồ hệ thống trại giam thời Pháp thuộc.	
Hệ thống tòa án, nhà tù, các loại án tù dưới thời Pháp thuộc và ...	42

CÔN ĐẢO - TRƯỜNG TRANH ĐẤU, BIỂU TƯỢNG CỦA Ý CHÍ VÀ LÒNG YÊU NƯỚC

Tổ chức quản lý nhà tù Côn Đảo thời Pháp thuộc	50
● Nhà tù Côn Đảo 1862-1930.	
Nhà tù Côn Đảo 1862-1930	54
Những cuộc nổi dậy của tù nhân Côn Đảo từ 1862 - 1930.	60
Một số tù chính trị Côn Đảo thuộc các thế hệ sĩ phu yêu nước	63
● Nhà tù Côn Đảo 1930-1945.	
Nhà tù Côn Đảo từ khi có Đảng.	69
Nhà tù Côn Đảo 1930 - 1945 (Trích)	72
Côn Đảo - Địa ngục.	80
Bác Tôn - Trung tâm đoàn kết và linh hồn của các hoạt động đấu tranh ở tù	89
Đồng chí Phạm Hùng, một khí tiết cách mạng.	92
Một số chiến sĩ Cộng sản cốt cán bị tù ở Côn Đảo...	97
● Nhà tù Côn Đảo 1945 - 1954.	
Tình hình Côn Đảo giai đoạn 1945 - 1954.	141
Nữ Anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu trong tâm linh người dân Côn Đảo	149
Liệt sĩ Hồ Văn Năm - những điều bây giờ mới kể	155
● Nhà tù Côn Đảo 1955-1975.	
Nhà tù Côn Đảo trong kháng chiến chống Mỹ .	158
Các tử tù ở Côn Đảo với cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước	166
Nữ tù chính trị Côn Đảo năm xưa trở thành Phó Chủ tịch nước	169
Nữ tù chính trị Côn Đảo đấu tranh chống ly khai	173
Nữ tù trong Chuồng Cọp và niềm lạc quan cách mạng	184
Cuộc vượt đảo lớn nhất thành công đêm 27-2-1965.	188
Ba cuộc đấu tranh tuyệt thực lớn nhất của tù chính trị Côn Đảo.	195

Một ngày bình thường trong xà lim Chuồng Cọp.	202
Một người đổ máu trăm người rơi nước mắt.	210
Di tích biệt lập Chuồng Bò.	217
Vai trò của Trại 1-6B trong quá trình đấu tranh...	220
Những năm tháng ở ngục tù Côn Đảo.	225
Tự học trong tù.	232
Lớp học Mác-Lênin và tờ báo Ý kiến chung.	240
Người tù Côn Đảo đối với Bác Hồ.	245
Làm báo trong ngục tù Côn Đảo.	248

CÔN ĐẢO GIẢI PHÓNG

Ngày giải phóng Côn Đảo 30-4-1975. Những sự thật được xác minh...	256
Ngày giải phóng	266
Một đêm không ngủ	270
Biên niên sự kiện về nhà tù Côn Đảo	273

CÔN ĐẢO - MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

Côn Đảo - Nỗi nhớ và niềm đau.	310
Gặp người nữ anh hùng từ “Địa ngục trần gian”	315
“Bảo tàng” của một tử tù Côn Đảo	319
Chiếc nhẫn của người tử tù	321
Chuyện giải phóng Côn Đảo và bữa liên hoan trào nước mắt	236
Dấu ấn Côn Đảo một thời và mãi mãi	340

CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Thực hiện và giới thiệu dự án xuất bản



**UỐNG NƯỚC
NHỚ NGUỒN**

Huyền thoại CÔN ĐẢO

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI - 2008

Chịu trách nhiệm xuất bản:

HÀ TẮT THẮNG

Biên tập:

HOÀNG THỊ THANH MAI

Đọc bản in thử:

BAN BIÊN TẬP SÁCH CHÍNH TRỊ - VĂN HÓA GIÁO DỤC
CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Trình bày:

TRUNG TÂM MỸ THUẬT ỨNG DỤNG
CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Nguồn cung cấp ảnh sử dụng trong cuốn sách này: do Ban quản lý di tích lịch sử cách mạng Côn Đảo và UBND huyện Côn Đảo cung cấp; CLB nhiếp ảnh Trí Tuệ Việt.

In khổ 21x29 cm tại Công ty CP In và nghiên cứu thị trường Việt Cường
Giấy phép xuất bản số 435-2008/CXB/52-124/LĐXH cấp ngày 27/8/2009.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2008

Mã số $\frac{52-124}{16-05}$

SÁCH KHÔNG KINH DOANH
Dành tặng Đảng bộ, chính quyền và nhân
dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu